

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN PHÁP

ĐỎ VÀ ĐEN



XTĂNGĐAN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

Người dịch: TUẤN ĐÔ
Giới thiệu: TRỌNG ĐỨC

(Sách tái bản)

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp, theo bản in của
Nhà xuất bản Ferdinand Hazan - tủ sách
Les classiques du monde, Paris, 1947.

XTĂNGĐAN

ĐỎ VÀ ĐEN

(Hai tập)



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐINH QUANG NHÃ

Biên tập: NGUYỄN HÒA BẮC

Sửa bản in: PHƯƠNG LINH

Vẽ bìa: TRỊNH CUNG

Trình bày bìa: TRỊNH CUNG - XUÂN THỦY

Vi tính: KHÁNH CHI

In 1.000 cuốn, khổ 13x19cm. Tại Xí nghiệp FAHASA.

Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản
số 102/1496 CXB cấp ngày 15 tháng 12 năm 1999.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2000.

XTĂNGĐAN

và tiểu thuyết

ĐỎ VÀ ĐEN

Xtăngđan (Stendhal), tên thật là Hăngri Bâylo (Henri Beyle), sinh năm 1783 và mất năm 1842. Ông là người mở đầu cho trào lưu chủ nghĩa hiện thực phê phán trong văn học nước Pháp. Sự xuất hiện của trào lưu văn học đó gắn liền với những cuộc đấu tranh xã hội sôi sục và liên tiếp; diễn ra ở nước Pháp trong hơn nửa thế kỷ, từ 1789 đến 1848, nghĩa là hầu suốt cuộc đời Xtăngđan.

I - XÃ HỘI PHÁP TỪ 1789 ĐẾN 1848

Xtăngđan lên bảy tuổi thì nổ ra cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789 mà ảnh hưởng lớn lao bao trùm cả châu Âu và thế giới. Lenin, nhận định về cuộc cách mạng đó, đã nói:

"Hãy coi cuộc đại cách mạng Pháp, nó được gọi là "vĩ đại" không phải là không có lý. Đối với giai cấp mà nó phục vụ, giai cấp tư sản, nó đã làm được rất nhiều việc đến nỗi toàn bộ thế kỷ XIX, cái thế kỷ đã mang lại văn minh và văn hóa cho toàn nhân loại đó đã tiến diễn dưới dấu hiệu của cuộc cách mạng Pháp. Trên khắp thế giới,

thế kỷ đó đã chỉ đem thi hành, thực hiện từng phần, làm nốt cái mà các nhà cách mạng Pháp vĩ đại của giai cấp tư sản đã tạo ra, họ phục vụ lợi ích của giai cấp đó một cách không có ý thức, che đậy dưới những khẩu hiệu tự do, bình đẳng và bác ái⁽¹⁾.

Ở nước Pháp, cuộc cách mạng 1789, do giai cấp tư sản lãnh đạo, đã đánh đổ chế độ phong kiến và nền quân chủ chuyên chế, và đưa giai cấp đó lên nắm chính quyền. Tuy nhiên, con đường đi tới toàn thắng không phải là không có vấp vấp một mặt, giai cấp quý tộc không cam chịu thua ngay trong một keo đầu, mặt khác, để chiến thắng chế độ phong kiến, giai cấp tư sản nhất thiết phải dựa vào lực lượng to lớn của quần chúng nhân dân lao động thành thị và nông thôn, nhưng chính bản thân nó lại sợ phong trào quần chúng. Vì vậy, có thể nói lịch sử nước Pháp từ 1789 đến 1848 là quá trình đấu tranh của giai cấp tư sản Pháp luôn luôn phải đối phó hai mặt với giai cấp quý tộc và với nhân dân lao động để giành lấy và củng cố chính quyền.

Từ 1789 đến 1794, cuộc cách mạng tư sản Pháp phát triển theo hướng đi lên: chính quyền dần dần chuyển vào tay những đại biểu cấp tiến nhất của các tầng lớp cách mạng. Đối phó với giai cấp quý tộc cùng âm mưu của nó dựa vào lực lượng phong kiến, tư bản nước ngoài để được phục hồi, năm 1793, bộ phận cách mạng nhất của giai cấp tư sản, do phái Jacôbanh (Jacobins) đại diện, liên kết

(1) Lênin toàn tập, *bản tiếng Pháp*, Nhà xuất bản Editions sociales Paris 1962, tập 29, trang 375.

với dân nghèo thành thị và quần chúng nông dân, lên nắm chính quyền và thiết lập nền chuyên chính Jacôbanh (1793 - 1794). Nhưng chẳng bao lâu bộc lộ ra những mâu thuẫn nội bộ vốn là đặc điểm của cách mạng tư sản. Đảng Jacôbanh, với Rôbexpie (Robespierre) đứng đầu, không thỏa mãn được lợi ích của quần chúng bình dân đòi hỏi thực hiện bình đẳng về kinh tế và tiến hành những phương sách quyết định chống giai cấp tư sản. Bản thân giai cấp tư sản, cũng không cần sự chuyên chính Jacôbanh nữa khi nó đã thực hiện xong nhiệm vụ lịch sử của nó là tiêu diệt quan hệ phong kiến. Do đó xảy ra cuộc chính biến phản cách mạng 9 Tecmido (9 Thermidor) sát hại Rôbexpie và lật đổ nền chuyên chính Jacôbanh.

Nhưng sau đó, đối phó với bọn phong kiến và tư bản nước ngoài âm mưu xâm lược và phục hồi nền quân chủ ở Pháp, đồng thời đối phó với quần chúng nhân dân, giai cấp tư sản Pháp lại phải dựa vào nền quân phiệt độc tài của Napôlông Bônápactơ (Napoléon Bonaparte). Viên tướng này, với tài quân sự của mình, trong buổi đầu đã lãnh đạo quân đội cách mạng đánh tan âm mưu bao vây và xâm lược nước Pháp của những thế lực phản động châu Âu liên kết lại. Nhưng chẳng bao lâu, Napôlông trở thành kẻ độc tài, lên ngôi hoàng đế, thiết lập nền Đế chính thứ nhất (1804 - 1815) và cầm quân xâm lược các nước châu Âu.

Cho tới năm 1815, các thế lực phản động châu Âu đánh bại Napôlông ở trận Oateclô (Waterloo), thiết lập Liên minh thần thánh và đưa dòng họ Buôcbông (Bourbons) về khôi phục lại nền quân chủ ở nước Pháp. Luy XVIII (Louis XVIII), do quân đội nước ngoài đưa về nước Pháp

"trong một chuyến xe chở hàng", thiết lập nền Trùng hưng (1815 - 1830). Các lực lượng phản động trong nước, từ giai cấp quý tộc đến Nhà thờ cơ đốc giáo, được cơ hội ngóc đầu dậy, chống lại giai cấp tư sản, đàn áp nhân dân lao động và âm mưu khôi phục lại mọi đặc quyền đặc lợi xưa kia của chúng, nhất là dưới thời Saclo X (Charles X), nối ngôi Luy XVIII từ năm 1824. Nhưng dù sao, chúng cũng không thể thủ tiêu được những thành quả cơ bản của cách mạng. Chế độ gia trưởng phong kiến lỗi thời bị thanh toán và được thay thế vĩnh viễn bằng chế độ tư sản.

Song, mãi tới năm 1830, giai cấp tư sản mới hoàn toàn đánh bại vĩnh viễn được giai cấp quý tộc. Dựa vào nhân dân lao động, họ lật đổ nền Trùng hưng trong những ngày tháng Bảy "vinh quang" và thiết lập nền Quân chủ tháng Bảy (1830 - 1848), thực chất là nền dân chủ tư sản. Một bộ phận của giai cấp tư sản, bọn đại tư sản tài chính và ngân hàng, lên nắm chính quyền với "ông vua của bọn con buôn", Luy Philip (Louis Philippe) ở ngai vàng, và tên chủ ngân hàng Laphito (Laffitte) làm thủ tướng. Đánh bại được giai cấp quý tộc, giai cấp tư sản quay ra đối phó với nhân dân lao động, nhất là với phong trào công nhân phát triển mạnh từ những năm 30 trở đi, khi nước Pháp đi vào con đường công nghiệp hóa. Giai cấp tư sản đã không ngần ngại đàn áp thẳng tay giai cấp công nhân trong những cuộc nổi dậy liên tiếp của họ, như ở Lyôn (1831, 1834), hay ở Pari (1832, 1834), và nhất là trong những ngày đẫm máu tháng sáu 1848, sau cuộc Cách mạng tháng Hai đưa bọn tư sản công nghiệp lên nắm chính quyền.

Như vậy rõ ràng là từ 1789 đến 1848, xã hội Pháp trải qua những cơn bão táp cách mạng dữ dội chưa từng thấy, qua đó đấu tranh giai cấp biến chuyển đi từ những hình thái phức tạp tới chỗ ngày càng "đơn giản hóa", như Mác và Engghen đã nhận định. Giai cấp tư sản Pháp từ chỗ là một lực lượng xã hội tiến bộ, lãnh đạo khối chính thể "Đảng cấp thứ ba" chống phong kiến, chống giai cấp quý tộc, đã chuyển sang vị trí của một lực lượng phản động đàn áp nhân dân lao động, cản trở bước tiến của xã hội. Giai cấp công nhân Pháp từ chỗ còn nhỏ bé, làm chỗ dựa cho giai cấp tư sản chống phong kiến, đã lớn dần và trưởng thành, thoát ly giai cấp tư sản để trở nên một lực lượng chính trị độc lập, lần đầu tiên chiến đấu trực diện chống giai cấp tư sản vào tháng Sáu năm 1848. Rút cục, "cuộc đấu tranh giữa ba giai cấp lớn ấy (giai cấp quý tộc, giai cấp tư sản và giai cấp công nhân) và sự xung đột về lợi ích của họ là động lực của toàn bộ lịch sử cận đại".⁽¹⁾

Bão táp cách mạng đó, cuộc đấu tranh quyết liệt giữa ba giai cấp chủ yếu đó, tác động mạnh mẽ đến văn học Pháp, đã đưa tới sự hình thành chủ nghĩa hiện thực phê phán và cung cấp nội dung phong phú cho trào lưu văn học này, mở đầu bằng những sáng tác của Xtăngdan.



(1) Mác và Engghen: Nguyên lý triết học mác-xít - Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô.

Khi giai cấp tư sản lật đổ nền Trùng hưng để nắm quyền thống trị thì cũng là lúc nước Pháp đi vào con đường công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa. Trên cơ sở phát triển kinh tế đó, và do viễn tượng rộng lớn mà cuộc cách mạng 1789 đã mở ra cho trí thức loài người, khoa học phát triển mạnh mẽ. Một loạt những phát minh về khoa học tự nhiên, nhất là về sinh vật học, động vật học, sinh lý học, y học..., ở nước Pháp cũng như ở châu Âu nói chung, với những công trình của Lamack (Lamark, 1744 - 1829), Quyviê (Cuvier, 1769 - 1832), Giôfroa Xanh-Hyle (Geoffroy Saint-Hilaire, 1772 - 1844), Đacuyn (Đarwin, 1809 - 1882), Clôđơ Beerna (Claude Bernard, 1813 - 1878)... đã nâng nhận thức về bản chất đời sống con người lên một bước rất cao. Đồng thời khoa học xã hội, tư tưởng triết học cũng phát triển trên cơ sở đấu tranh chính trị, phát triển kinh tế và khoa học tự nhiên, với những sử gia tư sản nổi tiếng như Ôguyxtanh Chiery (Augustin Thierry), Minhê (Mignet), Ghizô (Guizot)... những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng như Xanh Ximông (Saint Simon, 1760 - 1825), Saclơ Furiê (Charles Fourier, 1772 - 1837)... Tất cả đều tác động mạnh mẽ đến văn học và làm cơ sở cho sự hình thành và phát triển trào lưu văn học hiện thực phê phán.



Đặc biệt, từ 1789 đến 1848, song song với đấu tranh chính trị lại diễn ra, không kém phần quyết liệt, đấu tranh trên địa hạt văn học. Trong những buổi đầu cách mạng, xuất hiện một thứ chủ nghĩa cổ điển cách mạng sùng bái cổ đại, mượn những gương công dân dũng cảm

trong những chuyện anh hùng cũ của La mã (Rome) và Xpacto (Sparte) để giáo dục quần chúng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Nhưng, chẳng bao lâu, khi cách mạng chuyển hướng đi thụt lùi, thì cái chủ nghĩa cổ điển đó cũng đi vào con đường thoái hóa, mệnh danh là chủ nghĩa cổ điển mới với ý muốn quay trở lại những "khuôn vàng thước ngọc" của chủ nghĩa cổ điển thế kỷ XVII đã lỗi thời.

Ngay từ cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, chủ nghĩa lãng mạn xuất hiện trong văn học Pháp thể hiện sự thất vọng sâu sắc đối với lý tưởng của các nhà văn hóa thời kỳ Ánh sáng, đối với kết quả của cuộc cách mạng tư sản đã không thiết lập được một xã hội hợp lý như họ đã mơ ước mà lại mở đường cho sự thống trị của giai cấp tư sản. Có mâu thuẫn không khắc phục được giữa những khẩu hiệu mà cuộc cách mạng đề ra với thực tiễn tư sản tầm thường, xấu xa. Chủ nghĩa lãng mạn chống lại chủ nghĩa cổ điển mới, nhưng rồi bản thân nó cũng phân hóa thành hai dòng: dòng lãng mạn phản động hoàn toàn đối lập với lý tưởng của thời kỳ Ánh sáng và chủ trương quay trở lại thời Trung cổ, đề cao phong kiến và Nhà thờ, và dòng lãng mạn tiến bộ trung thành với những lý tưởng dân chủ, nhưng cự tuyệt thực tiễn tư sản và đối lập với nó bằng ước mơ một tương lai đẹp đẽ xa xôi.

Nhưng chủ nghĩa lãng mạn, với thái độ quay lưng lại với thực tiễn tư sản, không đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh cách mạng trở nên quyết liệt vào khoảng cuối những năm 20, đầu những năm 30. Do đó chủ nghĩa hiện thực phê phán ra đời với nhiệm vụ bám chắc lấy thực tại xã hội đương thời, nghiên cứu nó để phản ánh

những mâu thuẫn nội tại của nó. Tuy nhiên, trong thời gian đầu, chủ nghĩa hiện thực phê phán còn đứng chung trên một trận tuyến với chủ nghĩa lãng mạn để chống lại chủ nghĩa cổ điển mới. Và không ít nhà văn hiện thực chủ nghĩa như Xtăngđan, Banzăc..., trong hồi đầu còn ngộ nhận về chủ nghĩa lãng mạn tiến bộ, rồi sau mới chuyển sang chủ nghĩa hiện thực phê phán, chống lại chủ nghĩa lãng mạn. Tựu trung, chủ nghĩa hiện thực phê phán đã hình thành trong cuộc đấu tranh, chống chủ nghĩa lãng mạn mà cũng đồng thời trong sự kế thừa trực tiếp những truyền thống tiến bộ tốt đẹp nhất của chủ nghĩa lãng mạn.

II - ĐỜI SỐNG VÀ SÁNG TÁC CỦA XTĂNGĐAN

Xtăngđan sinh ngày 23-1-1783 ở Gronôblo (Grenoble), thuộc một gia đình luật sư giàu có. Mẹ ông mất sớm, bố có tư tưởng bảo thủ, hầu như hoàn toàn giao phó việc giáo dục ông cho một linh mục gia tô. "Nghệ thuật sư phạm" của ông này chỉ có kết quả là làm cho Xtăngđan căm thù Nhà thờ và tôn giáo. Chàng thanh niên đó giấu thầy học đọc sách của những triết gia Ánh sáng thế kỷ XVIII như Cabanix (Cabanis), Đidôrô (Diderot), Đônbas (d'Holbach)... và thừa hưởng của họ những quan điểm duy vật về thế giới, thái độ phê phán đối với giới tu hành và giai cấp quý tộc, lòng tin tưởng vào trí tuệ, lý trí của con người, sự quan tâm tích cực tới những vấn đề của đời sống xã hội. Đặc biệt là cuộc cách mạng 1789 nổ ra khi Xtăngđan mới lên bảy tuổi đã gây ấn tượng sâu sắc trong đầu óc cậu bé. Lý tưởng và mơ ước của nhân dân về tự do, bình đẳng, bác ái, lòng thù ghét của họ đối với chế

độ chuyên chế và chế độ nô lệ, tất cả những nguyện vọng cao cả đó của thời đại cách mạng đã tác động mạnh mẽ đến tuổi trẻ của Xtăngđan và đã là những yếu tố quyết định sự hình thành thế giới quan của nhà văn tương lai. Ông chống lại tư tưởng bảo thủ của bố và suốt đời trung thành với lý tưởng cách mạng. Không có nhà văn Pháp thế kỷ XIX nào bảo vệ những lý tưởng đó nhiệt thành và can đảm như Xtăngđan.

Nhưng Xtăngđan có nhược điểm là nuôi ảo tưởng đối với Napôlêông. Khi mười bảy tuổi, ông đã sung vào quân đội và theo Napôlêông tham gia nhiều chiến dịch như ở Ý, ở Đức, và cả ở Nga năm 1812. Lúc đầu ông tin tưởng ở Bônapactơ, cho ông ta là người kế tục sự nghiệp của cách mạng. Khi đó quân đội Napôlêông đặt chân vào những nước chậm tiến như Đức hay Ý có tác động là hướng những dân tộc ấy theo con đường phát triển tư sản tiến bộ, điều này không khỏi gây ảo tưởng cho một số đầu óc tiền tiến đương thời như Xtăngđan trong một thời kỳ nhất định. Cho nên Xtăngđan đã lý tưởng hóa Napôlêông trong một số tác phẩm của ông. Tuy nhiên, sau khi Napôlêông lên ngôi hoàng đế nước Pháp, ông nhận ra dần dần tính chất chuyên chế của Napôlêông và nhìn thấy mối nguy cơ cho tinh thần cách mạng chân chính. Ông thở than: "Sung sướng thay những vị anh hùng chết trước năm 1804!". Đặc biệt cuộc hành quân của Napôlêông sang đất Nga đã cho ông thấy hết bản chất chính trị của Napôlêông. Trong thời gian này ông viết: "Mỗi ngày cách mạng lại mất đi một điều gì tốt lành". Vì thế cho nên Xtăngđan không hề đau khổ khi Napôlêông sụp đổ và cũng không

theo phục vụ ông ta trong thời kỳ "Một trăm ngày". Tuy vậy, Xtăngđan cũng biết rằng sau khi dòng họ Buôcbông trở lại cầm quyền thì nhân dân càng khổ cực hơn. Cho nên khoảng những năm 20 ông thường đối lập Napôlêông với bọn chính khách thời Trùng hưng và vẫn còn có những nhận xét tốt về ông ta.

Sau khi Napôlêông đổ và triều đại Buôcbông được khôi phục, Xtăngđan rời Pháp sang ở nước Ý một thời gian dài, chỉ thỉnh thoảng mới về nước. Ông rất yêu nước Ý, nước này có vai trò không nhỏ trong sự hình thành nhân sinh quan của nhà văn. Đời sống xã hội sôi sục ở nước Ý lôi cuốn ông, và ông làm quen với các chiến sĩ của phong trào cách mạng dân chủ *Carbonari* chống lại "Liên minh thần thánh" của bọn phản động Mettecnic (*Metternich*), nhằm giải phóng dân tộc và thống nhất nước Ý. Thời kỳ sống trên đất Ý đã để lại nhiều vết tích trong sáng tác của Xtăngđan. Ông say sưa nghiên cứu nghệ thuật, hội họa, âm nhạc Ý, và viết một loạt tác phẩm về nghệ thuật đó; nước Ý cũng đã cung cấp chủ đề cho một tác phẩm lớn của ông sau này là tiểu thuyết *Tu viện thành Pacmo* (*La chartreuse de Parme*).

Nhưng năm 1822 xảy ra phong trào khởi nghĩa *Carbonari* ở một loạt thành phố Ý. Cảm tình của Xtăngđan đối với phong trào đó khiến chính quyền Mettecnic tố cáo ông và trục xuất ông khỏi lãnh địa của Áo ở Bắc Ý. Trở về nước, ông tham gia tích cực vào đời sống xã hội và văn học Pháp trong những năm 20. Nhưng, trung thành với lý tưởng cách mạng của thế kỷ XVIII, Xtăngđan căm ghét cay đắng nền thống trị Buôcbông, ông chống lại bọn

quý tộc và Nhà thờ, ông cũng đã nhận ra bản chất xấu xa của những quan hệ tư sản mà bọn đảng tự do đại diện lúc bấy giờ. Thái độ này được phản ánh sâu sắc trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông là *Đỏ và Đen* (Le Rouge et le Noir). Trên địa hạt văn học, ông hăng hái tham gia những cuộc tranh luận, sát cánh với phái lãng mạn chủ nghĩa chống lại phái cổ điển chủ nghĩa và ông viết thiên luận chiến *Raxin và Sêchxpia* (Racine et Shakespeare).

Năm 1830, vua Luy Philip cử Xtăngđan làm lãnh sự ở Triextơ Ý. Nhưng Mettecnic coi ông là người "khả nghi" nên không nhận, và ông trở thành lãnh sự ở một lãnh địa của giáo hoàng.

Năm 1842, Xtăngđan về Pháp định lưu lại ở đó ít lâu, bất đồ ông bị áp huyết và chết ngay trên một đường phố ở Pari ngày 23-3-1842.



Xtăngđan bắt đầu sự nghiệp văn học bằng việc sáng tác những tiểu luận nghiên cứu về nghệ thuật Ý; *Đời sống của Haydn, Môzart và Mêtaxtado* (Vies de Haydn, de Mozart et de Métaastase, 1814), *Lịch sử hội họa Ý* (L'Histoire de la peinture en Italie 1817), *Rômo, Naplo và Florăngxo* (Rome, Naples et Florence, 1817). Năm 1822, ông viết thiên khảo luận tâm lý *Về tình yêu* (De l'Amour) tỏ rõ khuynh hướng phân tích tâm lý của ông. Khoảng 1823 - 1825, trong không khí sôi nổi đấu tranh chống chủ nghĩa cổ điển mới, ông viết thiên luận chiến *Raxin và Sêchxpia*, nó như một bản tuyên ngôn của trường phái lãng mạn, nhưng sự thật nó đã đặt cơ sở đầu tiên cho mỹ học hiện

thực chủ nghĩa của ông. Cùng những sách khác viết về nghệ thuật như *Đời sống Rôxini* (Vie de Rossini, 1824); *Đạo chơi ở Rômo* (Promenades dans Rôme, 1829), những tác phẩm trên đây chỉ như là sự chuẩn bị cho một công cuộc hoạt động văn học quan trọng hơn của Xtăngđan.

Về tiểu thuyết, tác phẩm đầu tiên của ông là *Acmăngxo* (Armance, 1827) trong đó ông phân tích tâm lý của lớp thanh niên quý tộc thời Trùng hưng. Ông cũng viết những truyện vừa trong đó có tác phẩm đặc sắc *Vanina Vanini* (1829) kể câu chuyện tình yêu trái khoáy giữa một chiến sĩ kiên cường của phong trào cách mạng *Carbonari* với một phụ nữ quý tộc kiêu hãnh và tự phụ. Nhưng hai thiên tiểu thuyết kiệt tác của Xtăngđan là *Đỏ và đen* (1831 và *Tu viện thành Pacmo* (1839) đã xếp Xtăngđan vào hàng những bậc thầy của chủ nghĩa hiện thực phê phán. Cuốn tiểu thuyết cuối cùng mà Xtăngđan viết và bỏ dở là cuốn *Luyxiêng Lor en* (Lucien Luever) đề cập tới số phận của một thanh niên tư sản ở thời kỳ Quân chủ tháng Bảy, nhân đó ông vạch trần tính chất đồi bại của chế độ này.

Ngoài ra Xtăngđan còn viết một loạt những *Ký sự nước Ý*, cuốn truyện tự thuật *Đời sống của Hăngri Bruyla* (La vie de Henry Brulard) và một số tác phẩm khác nữa bỏ dở.



Đỏ và đen (1831)

Juyliêng Xôren, con một người thợ xẻ, là một thanh niên rất thông minh, nhiều nghị lực và tôn sùng Napôlêông. Anh có chí hướng muốn thoát ly địa vị thấp hèn của giai

cấp mình để chiếm một địa vị trong xã hội tư sản quý tộc đương thời. Vì giỏi tiếng la-tinh, anh vào làm gia sư ở một nhà quý tộc và trở thành tình nhân của vợ chủ nhà là bà Đơ Rênan. Việc vỡ lẽ, anh được giới thiệu đi học ở tu viện Bodăngxông, sau đó lại được giới thiệu đến Pari làm thư ký riêng và thủ thư cho hầu tước Đơ La Môlơ. Ở đây, con gái nhà quý tộc, nàng Matinđơ kiều hãnh, yêu anh. Khi có mang, Matinđơ thú thực với cha, hầu tước đành phải gây dựng cho anh. Nhưng bấy giờ bà Đơ Rênan, bị linh mục địa phương cưỡng ép, viết thư cho hầu tước tố cáo và nói xấu Juyliêng. Juyliêng trở về nơi cũ, bắt bà Đơ Rênan bị thương, và anh bị bắt. Vào nhà tù anh mới tỉnh giấc mộng danh lợi. Mặc dầu mọi vận động của Matinđơ và đề nghị của bà Đơ Rênan, ra trước tòa, anh vừa nhận tội vừa tố cáo tầng lớp hữu sản cầm quyền. Anh bị kết án tử hình và nhất định không xin chống án.

Tu viện thành Pacmo (1839).

Fabrixơ den Đôngô con một nhà quý tộc phản động Ý, là một thanh niên đầy nhiệt tình và có chí hướng. Anh định gia nhập quân đội Napolêông để lập sự nghiệp anh hùng thì Napolêông thất bại ở trận Oateclô mà anh đến tận nơi chứng kiến.

Trở về Ý, anh bị tình nghi là có tư tưởng tự do và bị vua của vương quốc Pacmo truy nã. Anh được người cô là bà công tước Đờ Xăngxêvêrina yêu dấu và che chở. Nhờ sắc đẹp bà rất có ảnh hưởng trong triều đình, và dựa vào bá tước thủ tướng Môxca để vận động cho Fabrixơ một chức vụ cao trong giáo hội. Nhưng những kẻ thù của

Môxca săn bắt Fabrixơ và giam anh ở tháp Facnedơ. Ở đây Fabrixơ làm quen và yêu con gái viên chúa thành là Clêlia. Anh được Xăngxêvêrina và Clêlia cứu thoát và trở thành một nhà truyền giáo nổi tiếng. Tình yêu giữa anh và Clêlia trắc trở. Sau khi Clêlia và đứa con của hai người chết, Fabrixơ rút lui vào tu viện thành Pacmơ và chết ở đó.



Qua sáng tác của Xtăngđan, trước hết là qua hai thiên tiểu thuyết kiệt tác của ông, *Đỏ và đen* và *Tu viện thành Pacmơ*, người ta thấy điểm nổi bật lên là Xtăngđan đã đưa vào văn học tinh thần chiến đấu và truyền thống anh dũng của cuộc cách mạng Pháp 1789 - 1794 và của phong trào Ánh sáng thế kỷ XVIII. Điều đó thể hiện ở việc ông đã kích mạnh bốn phong kiến phản động được khôi phục lại ở Pháp cũng như ở Ý dưới thời Trùng hưng, với sự bảo hộ của Liên minh thần thánh. Ông căm thù mọi thứ chuyên chế, ông ghét cay ghét đắng Nhà thờ và tôn giáo, ông không che giấu mối căm tình trước sau như một của ông đối với cách mạng, đối với người đảng viên Jacôbanh. Cùng với tư tưởng duy vật và vô thần thừa hưởng được của thế kỷ XVIII, Xtăngđan tiếp tục đề cao lý trí, tin tưởng ở lý trí con người. Không phải là ông không nhìn thấy rõ sự suy sụp về lý tưởng của các nhà triết học thế kỷ trước, bởi chính ông đã mô tả sắc nét hơn ai hết mối thất vọng chua cay về "thời thống trị của lý trí", cái ảo tưởng đó hoàn toàn tan vỡ trước sự lên ngôi của giai cấp tư sản, trước sự hình thành của ý thức hệ tư sản.

Chính Xtăngđan, không những đã dả kích mãnh liệt giai cấp quý tộc và giới tu hành, mà còn bóc trần cả bản chất xấu xa, thối nát của những quan hệ tư sản. Măcxim Gorki đã từng khen Xtăngđan là nhà văn đầu tiên "hầu như ngày hôm sau ngày giai cấp tư sản giành được thắng lợi, đã sáng suốt mô tả sắc nét những dấu hiệu thối nát tất nhiên bên trong xã hội tư sản và tính cạnh thị ngu ngốc của giai cấp đó". Như vậy là Xtăngđan đã vượt xa các bậc thầy thời Ánh sáng của ông, ông đã nhận thấy cách mạng đưa lại thắng lợi cho giai cấp tư sản, để áp bức, bóc lột nhân dân. Năm 1824 ông đã từng viết: "Từ thời Trùng hưng nhân dân Pháp đã nhận rõ đồng tiền là vật duy nhất còn giữ được giá trị". Khác với nhiều người đương thời, ông sáng suốt hiểu rằng chế độ cộng hòa tư sản cũng chẳng hơn gì chế độ quân chủ, đảng tự do là một chính đảng của giai cấp tư sản áp bức nhân dân, và thắng lợi của nó cũng không đem lại tự do cho con người.

Tuy nhiên, mặc dầu không thỏa mãn với những thành quả của cách mạng và có thái độ phủ nhận đối với giai cấp tư sản chiến thắng, Xtăngđan không rơi vào chủ nghĩa bi quan như hầu hết các nhà văn thời bấy giờ. Ông tỉnh táo đánh giá, phê phán xã hội đương thời và trước sau như một, ông nhiệt thành, can đảm bảo vệ lý tưởng cách mạng của thế kỷ XVIII và tin vào thắng lợi tương lai của lực lượng dân chủ.

Chính vì Xtăngđan có thái độ độc lập và dũng cảm đối với xã hội đương thời, chính vì ông căm phẫn tố cáo những giai cấp cầm quyền lúc bấy giờ mà giới phê bình thời đó "âm mưu im lặng" đối với sự nghiệp sáng tác của

ông. Người đầu tiên nói đến ông và bắt người ta phải chú ý đến Xtăngđan chính là Banzăc (Balzac). Năm 1810, nghĩa là hai năm trước khi Xtăngđan mất, Banzăc viết bài "Nghiên cứu về Hăngri Đaylơ". Gọi Xtăngđan là nhà văn xuất sắc, Banzăc quả quyết rằng chỉ có những trí tuệ lớn nhất của xã hội mới hiểu được ông. Một số người muốn là những "trí tuệ lớn" đó cho nên chú ý đến Xtăngđan. Mặc dầu thế, lúc còn sống ông được ít người biết đến. Và tự ông cũng thường nói hoặc đến cuối thế kỷ XIX, hoặc sang những năm 30 thế kỷ XX người ta sẽ đọc ông. Lời tiên đoán đó quả nhiên đã được thực hiện.



Tinh thần cách mạng của Xtăngđan thể hiện ngay trong quan điểm mỹ học, trong nhận thức của ông về vai trò của nghệ thuật và của nghệ sĩ. Những ý kiến của ông được trình bày trong những tác phẩm nghiên cứu về nghệ thuật và nhất là trong tập luận chiến *Raxin và Sêchxpia* viết những năm 1823 - 1825. Lúc này người ta nhận thức về chủ nghĩa lãng mạn chưa được rõ ràng, chính xác, cho nên Xtăngđan tuy nhận danh chủ nghĩa lãng mạn mà viết bản luận chiến đả kích chủ nghĩa cổ điển mới, nhưng sự thực ông đã đặt trong đó những cơ sở đầu tiên cho mỹ học hiện thực chủ nghĩa của ông. Ông chỉ quan niệm chủ nghĩa lãng mạn như một trào lưu văn học mới, hợp thời, có nhiệm vụ đả phá chủ nghĩa cổ điển là trào lưu văn học đã lỗi thời không còn thích hợp với thời đại mới, xã hội mới nữa. Ông định nghĩa một cách chung chung: "Chủ nghĩa lãng mạn là nghệ thuật đưa đến nhân dân những tác phẩm văn học mà trong hiện tình tập quán và

tín ngưỡng của họ nó khả dĩ mang lại cho họ nhiều lý thú nhất".⁽¹⁾

Nhưng ngay từ cái định nghĩa đó cũng đã toát ra những luận điểm cơ bản của Xtăngđan về tính xã hội và tính lịch sử của nghệ thuật. Luận điểm thứ nhất là Xtăngđan tiếp thu được của các nhà văn hóa Ánh sáng và phát triển xa hơn là: nghệ thuật về bản chất có tính chất xã hội, nó phục vụ những mục đích xã hội. Nghệ sĩ chỉ thực hiện sứ mệnh của mình khi họ kéo xã hội theo sau, giá trị của nhà văn chủ yếu là ở chỗ họ đã tham gia đến mức độ nào vào những biến cố cách mạng, vào đời sống xã hội đương thời. Trong *Raxin và Sêchxpia*, ông viết: "Tôi chẳng là gì cả nếu tôi cô độc. Tôi chẳng là gì cả nếu đằng sau tôi chẳng ai đi theo. Và tôi là tất cả nếu độc giả tự nhủ: con người này vận dụng tư tưởng tiến lên trước".

Từ đó Xtăngđan đi tới chỗ khẳng định rằng khi mà đời sống xã hội đã xảy ra những biến chuyển lớn, người ta không thể đứng nguyên ở những vị trí mỹ học cũ, khi mà điều kiện xã hội thay đổi thì quan niệm về cái đẹp cũng thay đổi và nghệ thuật cũng phải thay đổi. Trong cuốn *Lịch sử hội họa* Ý, ông viết: "Thế giới bị cách mạng xâm nhập. Nó không bao giờ còn quay trở lại nền cộng hòa cổ đại, hay nền quân chủ Luy XIV", Trong *Raxin và Sêchxpia*, ông vạch ra rằng qua lịch sử nước Pháp nhân dân chưa bao giờ trải qua, trong phong tục và sở thích của họ, những thay đổi mau chóng hơn và triệt để hơn

(1) *Raxin và Sêchxpia (Racine et Shakespeare) của Xtăngđan* - chương III.

là trong khoảng từ 1780 đến 1823, "ấy thế mà người ta lại vẫn muốn đem đến cho chúng ta cái thứ văn chương đó!" (tức chủ nghĩa cổ điển), và "ngày nay, bắt chước Xôphôclo và Oripidơ mà cho rằng những sự bắt chước đó không làm cho người Pháp thế kỷ XIX ngáp dài, thì đó là chủ nghĩa cổ điển"... Thế là Xtăngđan đả kích bọn hậu sinh phản động của chủ nghĩa cổ điển muốn khôi phục sự sùng bái cổ đại hoặc duy trì luật tam duy nhất và thơ mười hai chân trong bi kịch. Theo ông, chủ nghĩa cổ điển thế kỷ XVII đã được đại diện đầy đủ nhất trong sáng tác của Raxin. Ông không phủ nhận Raxin là một nhà văn lớn nhưng ông cho rằng thời đại sinh ra Raxin đã qua lâu rồi, bây giờ Raxin không còn có thể biểu thị những yêu cầu mỹ học mới được nữa. Và ông khuyên, không phải là bắt chước thẳng kịch của Sêchxpia, mà là học ở nhà đại văn hào này "cái cách nghiên cứu thế giới trong đó chúng ta đang sống và cái nghệ thuật đem lại cho người đồng thời với chúng ta đúng cái loại bi kịch mà họ cần đến". Như vậy, rõ ràng là Xtăngđan đã đánh giá một cách sáng suốt nhà văn hiện thực lớn Sêchxpia, và ông khẳng định mạnh mẽ luận điểm về tính lịch sử của nghệ thuật.

Đồng thời, Xtăngđan cũng đã đề ra luận điểm về tính chân thực của nghệ thuật. Cũng trong *Raxin và Sêchxpia*, ông tỏ ý khen ngợi một vở hài kịch đương thời vì những biến cố trong tác phẩm đó "giống như sự việc xảy ra hàng ngày dưới con mắt chúng ta", và những nhân vật của nó "hệt như những người mà chúng ta gặp hàng ngày trong các phòng khách"... Tóm lại, vở hài kịch đó mô tả xã hội

"y như nó sinh hoạt và vận động năm 1824"... Trong tiểu thuyết *Đỏ và đen*, nhắc lại một lời của Réan, Xtăngđan xác định tính chất của tiểu thuyết như "một tấm gương đi dạo trên một đường cái lớn. Nó phản ánh vào mắt ngài khi thì màu xanh thắm của bầu trời, khi thì chất bùn nhơ của những vũng lầy trên đường cái. Và con người mang tấm gương đó trong cái gùi đeo lưng của y sẽ bị ngài buộc tội là phản đạo đức! Tấm gương của y trình bày bùn nhơ, ngài lại buộc tội tấm gương! Hãy buộc tội con đường cái lớn trên đó có vũng bùn thì đúng hơn, và hơn nữa hãy buộc tội viên thanh tra lục lộ đã để cho nước đọng bùn lầy thành vũng"⁽¹⁾. Chính sự phản ánh chân thực đời sống xã hội, bóc trần cả những cái xấu xa của nó ra, đã nổi bật trong các tiểu thuyết của Xtăngđan, đặc biệt trong *Đỏ và đen* và trong *Tu viện thành Paomo* là những bản cáo trạng đanh thép đối với xã hội quý tộc và tư sản đương thời.



Nhưng khi mô tả chân thực đời sống xã hội, mô tả cuộc sống và con người, Xtăngđan, khác với Banzăc, ít quan tâm đến ngoại vật, đến hoàn cảnh xung quanh trong đó biến diễn hành động. Ông tập trung chú ý vào sự phân tích nội tâm, phân tích cuộc đấu tranh bên trong của nhân vật, qua thái độ của nhân vật đối với xã hội, ông phê phán xã hội. Ông đã từng nghiên cứu tâm lý con người sâu sắc trong tác phẩm nghiên cứu *Về tình yêu*. Trở thành bậc thầy về phân tích tâm lý, ông mở đầu cho

(1) *Đỏ và đen* của Xtăngđan (chương XIX, quyển II).

một dòng tiểu thuyết gọi là "tiểu thuyết tâm lý" với hai tác phẩm nổi tiếng nói trên. Chính Banzăc, với bài phân tích phê bình đặc sắc tiểu thuyết *Tu viện thành Pacmo*, đã cho ta thấy rõ, về mặt đó, phong cách khác hẳn nhau giữa hai nhà tiểu thuyết hiện thực lớn của thời đại.

Là nhà phân tích tâm lý bậc thầy, Xtăngđan chú trọng đến nhiệt tình, đến dục vọng của con người. Vấn đề dục vọng chiếm một vị trí đặc biệt trong triết học và sáng tác của ông. Ở điểm này, ông là người kế thừa trực tiếp của các nhà triết học Ánh sáng. Theo họ, dục vọng là phẩm chất cần thiết cho sự phát triển hài hòa xã hội và con người. Đidôrô (Diderot) chẳng hạn cho rằng dục vọng trước hết là một hiện tượng xã hội. Theo ông, con người lãnh đạm, không có nhiệt tình, không có dục vọng thì không thể là một công dân, vì bất cứ tình cảm công dân nào cũng đều là dục vọng. Chủ nghĩa yêu nước là gì? - Đó là một dục vọng. Tình bạn bè là gì? - Đó cũng là một dục vọng. Theo liên Đidôrô, Xtăngđan cũng hiểu dục vọng một cách rộng rãi như vậy. Ông cho rằng khả năng dục vọng là tiêu chuẩn không phải chỉ của trình độ tri thức mà còn của sự phát triển công dân của con người, và dục vọng chính là khả năng của con người về những tình cảm lớn, những xúc động tự nhiên và sinh động, về những sự nghiệp anh hùng và vô tư.

Nhưng, theo nhận thức của Xtăngđan thì dục vọng không bao giờ đối lập với lý trí mà chịu sự kiểm soát của lý trí. Nguyên tắc duy lý đó, ông cũng đã thừa hưởng của các nhà triết học Ánh sáng. Trong tác phẩm *Về tình yêu*, ông nghiên cứu tình yêu trên cơ sở duy lý nghiêm

nhật. Ông bàn về những điều kiện và nguyên nhân phát sinh tình yêu và thiết lập các giai đoạn phát triển của nó. Trong tiểu thuyết của ông, những nhân vật như Juyliêng Xôren, Matindơ Đơ la Môlô, như Fabrixơ đen Đôngô, Xăngxêvêrina, là những người có dục vọng mãnh liệt, có tình yêu mãnh liệt, nhưng ngay khi họ bị dục vọng thôi thúc họ vẫn luôn luôn lý luận về tình cảm của họ, suy nghĩ về tác động của nó và đặt nó dưới sự kiểm soát của lý trí. Và Xtăngđan theo dõi trình bày từng bước phát triển tình yêu của họ như một nhà mổ xẻ nghiêm túc.

Xtăngđan cho rằng xã hội có thể thúc đẩy những dục vọng mãnh liệt, những phẩm chất anh hùng phát triển ở con người hoặc ngược lại bóp chết chúng. Ông đã chú ý quan sát xã hội đương thời về phương diện này và đã nhận thấy trong thời kỳ cách mạng Pháp thế kỷ XVIII cũng như trong phong trào vận động giải phóng dân tộc và thống nhất nước Ý đã có những điều kiện xã hội thúc đẩy sự xuất hiện những nhiệt tình cao quý và những sự nghiệp anh hùng. Còn như ở Pháp, dưới thời Trùng hưng cũng như thời Quân chủ thánh Bấy, thì cái hơi lạnh chết chóc của chế độ phản động phong kiến và Nhà thờ cũng như sự chiến thắng của thói danh lợi dề tiện và chủ nghĩa con buôn của giai cấp tư sản đã phá hoại, thủ tiêu mọi khả năng xuất hiện những tình cảm lớn, những tính cách anh hùng. Trong điều kiện đó bất cứ một con người nào có phẩm chất, có tâm hồn, bất cứ ai khao khát sự nghiệp anh hùng, dù chỉ là chủ nghĩa anh hùng cá nhân, không thể không đi vào con đường chống đối lại cái thực tại tư sản tầm thường, hèn kém. Đó chính là tấn bi kịch của

những nhân vật như Juyliêng Xôren, như Fabrixơ đen Đôngô, bị kịch mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội, nó là chủ đề chung của nhiều tiểu thuyết của Xtăngđan và được thể hiện xuất sắc nhất trong tiểu thuyết *Đỏ và đen*.



Trong cuộc đấu tranh văn học, Xtăngđan đề cập tới cả vấn đề bút pháp, phong cách. Một mặt ông chống lại cái tính khoa trương, hoa mỹ, giả tạo trong bút pháp của bọn cổ điển chủ nghĩa. Mặt khác, ông cũng đối lập với bút pháp của phái lãng mạn chủ nghĩa mà người tiêu biểu nhất là Satôbriăng (Chateaubriand). Phong cách của nhà văn này rất được thịnh hành trong những năm 20, đó là lối văn bóng bẩy, kiểu sức như lối truyền giáo của bọn nhà thờ, lối văn mà Mác rất ghê tởm, với cái thâm thúy giả tạo, cái phóng đại phù phiếm, cái lối làm dáng bằng tình cảm, mầu mè, bóng bẩy, lạm dụng hình dung từ, lạm dụng cổ ngữ, thổ âm, thuật ngữ để tạo ra cái gọi là "mầu sắc địa phương".

Xtăngđan chủ trương một bút pháp trong sáng, giản dị, ngắn gọn, đạt tới sự chính xác tối đa. Trong một bức thư gửi cho Banzắc, ông viết: "Tôi biết một quy tắc duy nhất: phải trong sáng. Nếu tôi không trong sáng, toàn bộ thế giới của tôi không tồn tại được". Ông kể lại rằng khi viết cuốn *Tu viện thành Pacmo*, để đạt tới giọng văn chính xác và để cho việc biểu hiện luôn luôn được tự nhiên và chân thực, hàng ngày ông đọc hai ba trang trong bộ *Dân luật* của Napôlêông. Chỉ một điều đó, chỉ một việc đi ngược lại cái thời thượng chuộng lối văn đại cà sa của Satôbriăng đã khiến cho giới phê bình văn học tư sản

không ưa Xtăngđan và lưu truyền câu chuyện hoang đường coi ông là một nhà văn bút pháp kém cỏi!

Xtăngđan chống lại mọi thứ kéo dài, ông không dung sự mô tả rườm rà. Ở điểm này bút pháp của ông khác hẳn bút pháp của Victo Huygô cũng như của Banzắc thường thiên về những mô tả kéo dài về ngoại hình, ngoại vật. Xtăngđan, trái lại, mô tả rất ngắn, ông có khả năng chỉ bằng vài nét chính xác có khi nêu lên cả một hiện tượng lớn, ông biết phát hiện ra cái gì là chủ yếu nhất để nêu lên đặc trưng mặt này mặt khác của cuộc sống. Ví như trong *Tu viện thành Pacmo*, ông chỉ vẽ lên chi tiết một xác lính chết mất giày để thò ra đôi chân bẩn mà Fabrixơ đen Đôngô bắt gặp trên đường đi để cho anh ta thấy cái mặt tầm thường của chiến tranh. Chính Banzắc đã phân biệt rõ điều đặc biệt đó trong bút pháp của Xtăngđan khi ông nói: "Bây giờ theo một nguyên lý lớn: trong nghệ thuật khôn khổ cho kẻ nào nói hết mọi thứ".

Xtăngđan đưa cái yêu cầu trong sáng, giản dị, chính xác vào cả cái địa hạt rất khó thực hiện mà là địa hạt sở trường của ông, đó là phân tích tâm lý, mô tả tâm trạng phức tạp của nhân vật. Ở đây rõ ràng Xtăngđan đã vạch ra một hướng mới cho "tiểu thuyết tâm lý", ông đưa tính chính xác, tính khoa học vào việc phân tích tâm lý. Ông đi sâu vào nghiên cứu thế giới bên trong của con người, cố gắng tìm ra những quy luật của đời sống tâm lý, và, mặc dầu ông theo dõi rất tỉ mỉ sự phát triển của nó, ông không bao giờ biến thế giới nội tâm thành cái gì bí hiểm, hủ nút như rất nhiều người sau ông sẽ làm. Đó là vì nhà văn hiện thực lớn Xtăngđan phát hiện được

rằng tâm lý nhân vật bao giờ cũng được quyết định bởi toàn bộ điều kiện xã hội trong đó nhân vật sống và hoạt động. Ví như Juyliêng Xôren suy nghĩ và hành động thế nào là do cả cái môi trường gia đình, xã hội chung quanh đã tác động sâu sắc đến anh ta. Từ đó, Xtăngđan đã có thể đi tới vẽ lên được những tính cách điển hình để ra trong những hoàn cảnh điển hình, nó là đặc trưng cơ bản của phương pháp hiện thực chủ nghĩa.



Ấy thế nhưng, như trên đã nói, lúc ông còn sống, ít người biết đến Xtăngđan. Giới nghiên cứu và phê bình văn học tư sản lảng tránh hoặc hạ thấp giá trị của ông vì ông đã đi ngược lại những tiêu chuẩn văn học, mỹ học được số đông công nhận thời bấy giờ, và nhất là vì tác phẩm của ông là những bản tố cáo mãnh liệt bộ mặt đồi bại, xấu xa, giả dối của xã hội tư sản quý tộc đương thời; trong sáng tác của ông, mạnh hơn ở bất cứ một nhà văn nào khác của thế kỷ XIX, vang lên cái âm vang của cuộc cách mạng Pháp vĩ đại. Tài năng của Xtăngđan chỉ được một số ít người đương thời biết đến và tiếp đón với một thái độ thông cảm, mà đó là những người xuất sắc nhất, tài giỏi nhất của thời đại như Got (Goethe), Puskin (Pouchkine), Banzắc. Và quả nhiên, như Xtăngđan đã dự đoán, mãi khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX mới nhiều người đọc sách của ông, nghiên cứu và nhận hết giá trị lớn lao của sự nghiệp sáng tác của ông. Và không ít người đi theo vết chân của ông, tôn ông là bậc thầy lớn của "tiểu thuyết tâm lý", thừa nhận ông là một trong những kiện tướng của trào lưu chủ nghĩa hiện thực phê

phán trong văn học thế giới. Nói về Xtăngđan, nhà đại văn hào hiện thực xã hội chủ nghĩa Măcxim Gorki viết: "Nếu có thể so sánh tác phẩm của Xtăngđan với những bức thư, có lẽ đúng hơn phải gọi những tác phẩm đó là những bức thư cho tương lai".

III - TIỂU THUYẾT *ĐỎ VÀ ĐEN* (1831)

Để viết tiểu thuyết *Đỏ và đen*, Xtăngđan đã mượn chuyện của một vụ án có thực đăng trên mục thời sự một tập san tòa án năm 1827. Một thanh niên là Ăngtoan Bectê, con một người thợ thủ công, sau khi học ở một chủng viện, vào làm gia sư ở một gia đình và được bà chủ nhà yêu dấu. Ít lâu sau vì ghen tuông anh giết bà ta và bị kết án tử hình. Về mặt sự kiện, vụ Bectê được kể lại khá đúng trong cuốn tiểu thuyết của Xtăngđan, nhưng đó chỉ là bề ngoài. Sự thật, nhà văn đã xây dựng tác phẩm của mình bằng vô số tài liệu rút ra từ những kinh nghiệm sống phong phú của bản thân tác giả, từ những quan sát tỉ mỉ đời sống xã hội của ông trong bao nhiêu năm, và ông đem lại cho câu chuyện riêng ngẫu nhiên đó một ý nghĩa điển hình rộng rãi.

Nhưng tại sao Xtăngđan lại đặt cho cuốn tiểu thuyết cái tên *Đỏ và đen*? Nhà văn không để lại một lời giải thích nào cho nên các nhà nghiên cứu và phê bình đã tranh luận nhiều và hiểu rất khác nhau, thậm chí có người giải thích một cách khá tùy tiện. Chẳng hạn người ta cho rằng đây là câu chuyện đánh bạc, quay số, lấy may rủi quyết định, số phận thành hay bại! Nhiều người

hiếu màu "đỏ" là màu của quân sự mà màu "đen" là màu của nhà thờ, chỉ ra hai cái chí hướng của nhân vật Juyliêng Xôren. Gần đây các nhà nghiên cứu xô-viết đưa ra một quan điểm có thể tin cậy được vì nó dựa vào nội dung tư tưởng của tác phẩm để giải thích, nêu lên mối tương phản giữa tinh thần cách mạng, tính cách anh hùng, tình cảm mãnh liệt tượng trưng bằng màu đỏ, với những thế lực phản động, đồi bại, đen tối của giai cấp quý tộc, nhà thờ và giai cấp tư sản thắng thế dưới thời Trùng hưng.



Không phải ngẫu nhiên mà Xtăngđan đã cho tác phẩm *Đỏ và đen* một cái đầu đề phụ là "Biên niên sử thế kỷ XIX". Rõ ràng, Xtăngđan muốn bám sát sự thật lịch sử, và ông không chỉ đóng khung tác phẩm của ông ở cái tiểu sử của Juyliêng Xôren mà trải ra cả một bức tranh thời sự rộng lớn của xã hội Pháp đương thời. Và chẳng, muốn mô tả sinh động và sâu sắc bản thân nhân vật Juyliêng Xôren, tâm lý và hành động của anh ta, cuộc sống và đấu tranh của anh ta, tác giả không thể không đặt anh ta vào cái hoàn cảnh xã hội trong đó anh ta đã sinh ra và lớn lên, cái xã hội mà Xtăngđan một nghìn lần nguyên rủa vì nó đã hủy hoại cả cuộc đời của chàng thanh niên Juyliêng Xôren có trí tuệ và có nghị lực, mà tác giả vô cùng triu mến và thương xót.

Đó là cái xã hội Pháp dưới thời Trùng hưng, sau những năm chiến công vang dội của Napôlêông, dòng họ Buôcbông do quân đội nước ngoài đưa về khôi phục lại nền dân chủ trên cơ sở xã hội mà cuộc cách mạng 1789 vừa mới dựng nên. Chính quyền tư sản tạm thời bị dẹp,

bọn quý tộc di cư theo gót nhà vua trở về, một số lớn, với tư tưởng bảo hoàng cực đoan, âm mưu thủ tiêu những thể chế mới và khôi phục lại những đặc quyền đặc lợi xưa kia của chúng, mong dựa vào viện trợ của nước ngoài và cầu kết với bọn tôn giáo phục tùng Giáo hoàng - bọn này thành lập Hội Thánh lưng đoan và chi phối cả chánh quyền ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, giai cấp quý tộc chỉ là một lực lượng đang suy tàn, xu thế của xã hội Pháp vẫn là đi vào con đường tư bản chủ nghĩa với công cuộc công nghiệp hóa vừa bắt đầu; vì vậy giai cấp tư sản, dù tạm thời bị lép vế, vẫn là một lực lượng ở cái thế đi lên và đang bộc lộ hết tính chất cực kỳ xấu xa, tàn ác của nó trong thời kỳ tích lũy nguyên thủy.

Chính là với con mắt sắc sảo của một nhà văn hiện thực lớn, Xtăngđan đã nhận ra cái xu thế tất yếu đó của xã hội Pháp đương thời mà ông mô tả sắc nét hơn ở đâu hết trong thiên tiểu thuyết kiệt tác *Đỏ và đen*.



Hãy xem ông mô tả giai cấp quý tộc với hai nhân vật tiêu biểu của nó là Đơ Rênan, đại diện cho tầng lớp quý tộc tỉnh nhỏ, và hầu tước Đơ La Môlo, đại diện cho bọn quý tộc trong xã hội thượng lưu ở Pari. Đơ Rênan thuộc một dòng dõi quý tộc lập nghiệp đã lâu đời ở địa phương Frăngso Côngtê. Hắn vừa làm thị trưởng thị trấn Verie vừa là chủ một xưởng làm đinh. Chính ở điểm này hắn là một điển hình đáng chú ý của gã quý tộc thời Trùng hưng, quý tộc đi vào con đường tư sản hóa. Và Xtăngđan quả là nhà văn Pháp đầu tiên đã nhận thấy "quá trình tái sinh của giai cấp quý tộc trong giai cấp tư

sản". Bằng hai câu, ông lột được hết tính cách của Đơ Rênan: "Nhưng chả mấy chốc, người du khách Pari đã thấy khó chịu vì một cái vẻ tự mãn tự phụ hòa lẫn cái gì tưởng như thiếu cần và ngu dốt. Nghĩa là người ta cảm thấy rằng tài trí của con người đó chỉ giới hạn ở chỗ có ai nợ y cái gì thì y đòi cho thật đúng kỳ hạn, còn y nợ ai thì y trả hết sức chậm chạp lười khươn". Thế là ở hần hợp nhất cái lòng tham lam bản tiện của một gã tư sản với cái tính kiêu căng ngu xuẩn của một kẻ quý tộc. Hần kiêu hãnh vì nguồn gốc của hần và lấy làm xấu hổ vì là một công nghiệp gia, nhưng điều đó không hề ngăn cản hần chỉ chạy theo tiền lãi trong cái nghề buôn sắt, làm đinh; thêm vào đó, hần lại có cái thô鄙 cục cằn của một tên quý tộc nông thôn, thậm chí rất mực thô bạo ngay cả với vợ hần mà hần rất nể vì bà ta có hồi môn lớn và đang có một bà cô sắp để lại cho một gia tài kếch xù. Song, để cho hình tượng Đơ Rênan được trọn vẹn, tác giả lại vạch ra cả bước đường xuống dốc của gã quý tộc tư sản hóa đó. Nếu ở đầu cuốn tiểu thuyết được vẽ lên cái vẻ đường bệ của Đơ Rênan trên ghế thị trường, thì ở cuối truyện tác giả để hé cho ta nhìn thấy cái cảnh lu mờ bị đất của hần sau khi bị bẩy ra khỏi ghế thị trường, và từ hàng ngũ bảo hoàng hần đã chuyển thành đảng viên tự do để hoàn thành bước đường tư sản hóa của hần cả về mặt chính trị.

Tất nhiên tầng lớp quý tộc quyền thế ở thủ đô mà Đơ La Môlơ đại diện có phần ngang ngạnh hơn trên con đường tư sản hóa. Chúng kiêu căng đến tột bậc, chúng "không che đậy lòng khinh bỉ thành thật của chúng đối

với tất cả những ai không xuất thân từ đám người từng leo lên những cỗ xe của nhà vua". Nhưng điều đặc sắc là Xtăngdan đã vẽ nổi bật lên cái không khí lạnh lẽo, buồn nản, "chết ngạt về tinh thần" của giai cấp đang tàn lụi đó. Những phòng khách của chúng, "buồn rầu ngang với trắng lẹ, là xứ sở của ngáp dài và lý luận tẻ ngắt", ở đó ngự trị ba thứ: kiêu căng, chán chường và lễ phép hoàn hảo. Quả thật chúng hết sức kiêu căng, tự phụ, nhưng chúng lại rất mực lễ phép, lịch sự, chúng ăn nói hết sức nhã nhặn, không muốn làm mất lòng ai, phát biểu ý kiến hơi mạnh một chút thì tưởng như đã làm một điều thô tục "lo sợ nói ra một điều gì khiến người ta nghi ngờ là có tư tưởng khác thường hay để lộ ra là đã đọc một thứ sách gì bị cấm". Nói trắng ra, lễ phép đấy, lịch sự đấy, nhưng thực chất là giả tạo, hời hợt và tẻ ngắt, đó là biểu hiện của cái gì đang suy tàn. Tự trung cái bao trùm lên tất cả là một nỗi chán chường vô tận. Thậm chí những thanh niên lui tới nơi phòng khách đó cũng đều uể oải ngáp dài, họ dường như đã mất hết cả nhiệt tình, không còn chút sinh khí. Gã con trai hầu tước Đơ La Môlơ chẳng hạn, hẳn rất mực thanh lịch, thông minh, và dũng cảm có thừa, nhưng hẳn chỉ là một "thằng điên lúc mười hai giờ trưa không bao giờ biết đến hai giờ sẽ làm gì". Rõ ràng là cái giai cấp ăn trên ngồi trốc, sống bằng mồ hôi nước mắt của người khác đó, thật là nhàn rồi, và tìm đủ mọi cách lấp thì giờ trống rỗng: chúng cười ngửa, đấu guom, khiêu vũ, để ria mép và chạy theo mọi thú vui tầm thường. Thậm chí, già như hầu tước Đơ La Môlơ cũng nói thẳng với một linh mục rằng việc chăm sóc các thú

vui chơi của ông ta "phải là điều coi trọng hàng đầu", vì "duy chỉ có vui chơi là thật sự ở đời".

Nhưng một người như hầu tước Đơ La Môlơ chẳng phải là kẻ chịu ngồi yên để chờ ngày suy sụp. Ông ta cũng bận rộn lắm chứ, mà bận những việc thật là to tát, không kể "hai việc nhỏ nhất nhưng khá quan trọng" là chăm sóc cơ nghiệp và chăm sóc thú vui chơi. Chẳng hạn, "ông mưu mô vận động để làm cho cả nhà vua và quốc gia chấp nhận một bộ nào đó, bộ này sẽ tạ ơn ông, đưa ông lên hàng công tước". Song, cái việc quan trọng hơn cả đối với hầu tước Đơ La Môlơ mà cũng là đối với cả giai cấp quý tộc là việc duy trì chế độ, duy trì địa vị thống trị của giai cấp. Chẳng là bản thân các ngài quý tộc đã từng trải qua cuộc cách mạng 1789 rồi, nhất là trải qua nền chuyên chính Jacôbanh. Như con chim phải tên sợ cành cây cong, bây giờ các ngài đó luôn luôn nơm nớp, đi mỗi bước lại tưởng như đang sau mỗi bức hàng rào ẩn nấp một chiến sĩ Jacôbanh, một Rôbexpie, thậm chí các ngài sợ hãi cả người đánh xe hay kẻ đầy tớ trong nhà. Hơn ai hết, hầu tước Đơ La Môlơ thấy rõ cái số phận giai cấp mình như trứng để đầu đẳng. "Thưa các Ngài, - ông ta nói trong một cuộc họp kín, - ngại vàng, nhà thờ, giai cấp quý tộc có thể tiêu ma ngày mai, chừng nào mà chúng ta chưa tạo nên được ở mỗi tỉnh một lực lượng với năm trăm người tận tụy... Mỗi chúng ta phải hy sinh *một phần năm* lợi tức của mình để thành lập cái đội quân nhỏ năm trăm người tận tụy đó ở mỗi tỉnh. Bây giờ thì các ngài mới có thể trông mong được ở một sự chiếm đóng của quân nước ngoài. Không bao giờ người

lính nước ngoài vào sâu đến Địchông thôi, nếu hấn không chắc chắn được thấy có năm trăm người lính bạn trong mỗi tỉnh. Các vua nước ngoài chỉ lắng nghe các ngài khi các ngài báo tin cho họ là có hai vạn người quý tộc sẵn sàng cầm vũ khí để mở cho họ các cửa ngõ của nước Pháp. Các ngài sẽ bảo công việc đó nặng nhọc lắm; nhưng, thưa các ngài, cái đầu chúng ta là ở cái giá đó. Giữa sự tự do báo chí và sự tồn tại của chúng ta ở địa vị quý tộc là cuộc chiến đấu sống mái. Hoặc các ngài sẽ trở thành dân công nghệ, nhà nông, hoặc các ngài phải cầm súng...". Ấy đó, âm mưu của bọn quý tộc là thế đó: chúng sẵn sàng đón quân đội nước ngoài vào để bảo vệ địa vị của chúng. Và đây, dưới ngọn bút sắc nhọn của Xtăngđan, bộ mặt của những tên quý tộc hợp kín để bàn tính mưu mô kia: một tên thì to lớn với "diện mạo và ngôn ngữ của một kẻ đang tiêu hóa"; một tên khác "lùn và mập, da dẻ hồng hào, mắt sáng và chẳng có biểu hiện gì khác hơn là một vẻ hung dữ của lợn lòi"; tên thứ ba người bé nhỏ, nước da vàng, vẻ hơi điên, vừa bước vào đến cửa đã nói oang oang, thiên hô bát sát; một tên nữa là một đại nhân mà tất cả kiến thức chỉ là "biết nổi giận với một kẻ đi hầu"... Thiết tưởng chỉ mấy nét bút trên đây cũng đủ nói lên tất cả giá trị của những ngài quý tộc âm mưu đại sự đó!

Tuy nhiên, ngoan ngoan là thế, bọn quý tộc cung đình kia cũng không tránh khỏi sức hút của cái quỹ đạo tư sản nó đã trở thành quy luật xã hội của thời đại. Cho nên, hầu tước Đơ La Môlơ, mặc dầu dè bĩu cái nghề công thương, cũng vẫn phải mượn tên người mà ném tiền vào

những công việc kinh doanh đầu cơ ám muội về tài chính ở thị trường Hối đoái. Chẳng hạn như khi được tin ngày mai có thể có đảo chính thì lập tức ông ta bán tổng đi phiếu thực lợi quốc gia. Và một điều đặc biệt có ý nghĩa là cái việc ông ta long trọng tiếp đón gã tư sản Valonô mà ông ta dự định vận động đưa vào hàng tỉnh trưởng để làm vây cánh cho bọn ông ta.

*

Nhưng, chưa nói đến giai cấp tư sản, giai cấp quý tộc còn có một địch thủ gần gũi hơn vì nó cũng là đồng minh của họ, đó là Nhà thờ cơ đốc giáo chịu sự chi phối của La-mã. Hai bên vừa cấu kết với nhau mà lại vừa kèn cựa lẫn nhau. Dưới thời Trùng hưng, giới tu hành tổ chức ra Hội Thánh (Congrégation) dăng mạng lưới khắp nơi không phải chỉ để phục hồi tôn giáo mà còn xen cả vào đấu tranh xã hội và chính trị. Ở nhiều nơi, như ở Bodăngxông, nó trở thành một lực lượng có khi chi phối cả đời sống chính trị ở địa phương. Và điều đặc biệt là, ở thời đại tư sản, Nhà thờ cũng không tránh khỏi vòng cương tỏa của đồng tiền, nghĩa là bên cạnh sự thờ Chúa nó cũng tôn thờ cả đồng tiền, mà có lẽ sự tôn thờ thứ hai này lại mãnh liệt hơn vì nó thiết thực.

Với con mắt của một nhà văn hiện thực duy vật và vô thần, Xtăngđan cảm phần vạch trần bộ mặt thật của bọn người khoác áo chùng đen. Như vậy chẳng phải là tuyệt nhiên không có một số người gọi là "chân tu", nghĩa là họ thành thật tin tưởng, thờ Chúa, và làm điều thiện, họ thuộc phái Janxênit, như linh mục Sêlăng, linh mục Pira. Nhưng phái này lép vế trước phái Jêduyt, và cả hai

linh mục kia đều bị chung một số phận là bị phe địch tìm cách bẫy đi mặc dầu tuổi đã già. Trừ mấy người đó ra, còn tất cả các giáo sĩ đều được mô tả như những kẻ cũng chạy theo tiền tài, danh vị như ai, những kẻ giả nhân giả nghĩa, quỷ quyết mà tàn ác.

Trước hết hãy xem tác giả mô tả một nơi đào tạo ra bọn tu sĩ kia: đó là chủng viện Bodăngxông mà tác giả gọi là một "địa ngục trần gian". Ở cái trường học tôn giáo đó, các sinh đồ coi nhau như kẻ thù, hàng giờ hàng phút phải giả dối che đậy mọi ý nghĩ, tình cảm riêng, vì sự dò la và tố cáo giữa bạn học với nhau được khuyến khích. Có điều lạ là ở học viện đó, học hành giỏi giang, đứng đầu về các môn học giáo lý, lịch sử giáo hội,... lại là "một tội lỗi huy hoàng". Là vì từ thời cách mạng, Nhà thờ Pháp coi sách vở là kẻ thù và chỉ có "sự phục tùng của trái tim là tất cả". Tất cả nền giáo dục của chủng viện đóng khung ở "một tấm lòng kính trọng mệnh mông và vô biên đối với đồng tiền *khô và lỏng*", nghĩa là *tiền mặt*, và sự thần phục giáo hoàng, vị Chúa thứ hai ở trái đất. Và đại đa số đám sinh đồ kia xuất thân từ nông dân nghèo khổ, chỉ trông thấy ở nghề thầy tu cái hạnh phúc lâu dài được "ăn uống no nê và có một bộ áo ấm về mùa đông". Giám đốc chủng viện là linh mục Pira thuộc dòng Janxênit thì luôn luôn bị đe dọa cách chức, và mọi người đều lấy làm ngạc nhiên vì ở cái cương vị ông ta có bao nhiêu là mối quan hệ với các tay thần cung cấp lớn mà sau mười lăm năm cai quản chủng viện ông ta ra đi chỉ vền vẹn có trong tay năm trăm hai mươi quan tiền dành dụm được. Trái lại, tên phó giám đốc chủng viện Caxtanet,

thù địch với ông Pira, là một kẻ không coi "một tội ác nào là đen tối quá" hấn, khuyên học trò *"hãy như một cái gậy trong tay (giáo hoàng)"* thì sẽ được một chức vụ bất khả bãi miễn, chính phủ trả một phần ba tiền lương bổng, và các tín đồ (...) sẽ trả hai phần ba kia. "Chính ta đây, - hấn giải thích, - ta đã được biết những xứ đạo miền núi, bổng ngoại còn tốt hơn rất nhiều những xứ đạo ở thành phố. Tiền bạc không kém, lại chưa kể những gà sống thiện béo mẫm, trứng gà, trứng vịt, bơ tươi và hàng nghìn cái thú vị lặt vặt nữa, và ở đó, ông cha xứ là người thủ chỉ không ai dám chối cãi: không có bữa ăn ngon nào mà không được mời mọc, thết đãi v.v...".

Và đây là hình ảnh viên phó giám mục Đơ Frile mà khuôn mặt, nhìn nghiêng, giống hệt diện mạo một con cáo. Hấn là một con người quỷ quyệt, đứng đầu cả mạng lưới Hội thánh Bođăngxông, có tiếng là cất lên hạ xuống những viên tỉnh trưởng như chơi, hấn mà gửi thông điệp về Pari thì các quan tòa, tỉnh trưởng và cho đến cả tướng tá trong doanh trại cũng đều phải run sợ. Mười hai năm về trước, khi mới đến Bođăngxông, hấn chỉ có một gói hành lý nhỏ xíu, ấy thế mà bây giờ đã nghiêm nhiên là một trong những nghiệp chủ giàu có nhất tỉnh. Hấn theo đuổi một vụ kiện lớn về đất đai, chọi nhau hấn với hầu tước Đơ La Môlor, và mặc dầu thế lực của ông này, sau sáu năm trời, kết quả chỉ là ông ta "không đến nổi tuyệt đối thua kiện". Thế thì tài năng của tên phó giám mục giàu có và thần thế đó như thế nào? Cái tài đặc biệt của hấn là "biết mua vui cho đức giám mục", và biết gỡ xương cá cho ông này, món cá chả là món ăn sở thích của Đức

Cha, thế mà mắt người lại kèm nhèm! Và cái tên phó giám mục đó chỉ thiếu chút nữa là quỳ xuống chân cô gái Matindơ, khi hắn biết cô này là bạn thân bà cháu gái có uy thế của Đức Cha nắm trong tay quyền phân phối chức giám mục trên toàn nước Pháp.

Chung quy bao nhiêu hình tượng bọn tu sĩ trong cuốn tiểu thuyết đều chứng minh một sự thật ghê tởm, nó trở thành như một nguyên lý mà Xtăngđan luôn luôn nhắc tới dưới hình thức này hay hình thức khác, khi thì ông nói: "ý niệm tôn giáo gắn chặt với ý niệm giả dối và kiếm tiền", hoặc khi thì: "những ý niệm hội viên Hội thánh có thể lực và sự tàn ác thâm hiểm và quỷ quyết khăng khít gắn bó với nhau". Và để cho bức tranh tôn giáo được trọn vẹn, ở những trang cuối tác giả kể lại lời dối dăng cuối cùng của Juyliêng Xôren nói với bạn như thế này: "...Này, bọn hội thánh Bodăngxông quý hóa ấy cái gì chúng cũng làm tiền được cả; nếu anh khéo thu xếp, chúng sẽ bán cho anh cái xác chết của tôi đấy...



Song giai cấp quý tộc và giới tu hành mới chỉ là hai trong ba lực lượng thực tế nắm quyền hành trong xã hội thời Trung hưng. Tỷ như cái thị trấn Verie chịu sự áp bức của bộ ba quý tộc Đơ Rênan, linh mục Maxlông và tư sản Valonô. Cái lực lượng thứ ba chính là giai cấp tư sản với chính đảng của nó là đảng tự do. Tài chẩn đoán xã hội của nhà văn hiện thực Xtăngđan chính là ở chỗ đã phát hiện ra cái chính quyền tay ba đó, và nhất là ông đã chỉ ra rằng cái lực lượng thứ ba, tức là giai cấp tư sản, tuy tạm thời có bị lép vế, nhưng nó lại là lực

lượng đi lên, và bản thân nó tác động đến cả hai thành phần kia, thu hút chúng vào cái quỹ đạo tinh thần của nó. Mặt khác, ông cũng nhận ra rằng giai cấp tư sản cũng áp bức nhân dân như giai cấp quý tộc, mà cái đảng tự do kia cũng chẳng hơn gì đảng bảo hoàng.

Muốn hay không, thời đại đó cũng là thời đại của tư sản, thời đại của đồng tiền làm chúa tể, thời đại của tinh thần vụ lợi ngự trị. Thậm chí cái thành phố Verie bé nhỏ và xinh đẹp kia cũng có thể làm cho khách tham quan ngạt thở vì "cái không khí tanh hôi của những chuyện tài lợi nhỏ nhen". Từ ngôi nhà, bức tường, khu vườn, và cả hàng cây trên đường phố cũng dường như tiềm ẩn phải cái tinh thần vụ lợi. Là vì mấy tiếng *Sinh Lợi Nhuận* đã trở thành "nếp nghĩ thông thường của hơn ba phần tư dân Verie", nó là "cái lý lẽ quyết định hết thảy" trong cái thành phố công nghệ nhỏ nằm giữa những ngọn đồi ngoạn mục, những thung lũng cũng tươi sáng và sâu thẳm.

Tinh thần vụ lợi, chạy theo đồng tiền của giai cấp tư sản được Xtăngđan thể hiện đầy đủ nhất trong hình tượng nhân vật Valonô, mà tính chất điển hình được tác giả nhấn mạnh bằng cách thỉnh thoảng lại biến cái tên riêng của hắn thành một danh từ chung (*Ee Valenod*). Hắn là đại biểu cho loại tư sản hãnh tiến, xưa kia bố không để lại cho được tới sáu trăm quan thực lợi, lúc còn ít tuổi đánh một cái áo tàng màu xanh vỏ táo ai cũng thương hại. Ấy thế mà rồi, ngoi lên tới chức giám đốc viện tế bản, hắn đã chuyển lòng thương hại của người ta thành "lòng ghen tị với cặp ngựa đẹp giống normăng của hắn, với những sợi dây chuyển bằng vàng của hắn, với những

bộ áo sấm từ Pari gửi về của hần, với tất cả sự phát đạt hiện nay của hần". Chả là Valonô đã làm giàu lên gấp hai ba lần từ khi hần quản lý tài sản của dân nghèo, - mà người ta ngờ rằng hần ăn chặn cả vào tiền dành cho đám trẻ con vô thừa nhận! - Ấy đấy, nguồn gốc của cái của giai cấp tư sản đại loại là như thế, nó được xây dựng trên máu và nước mắt của dân nghèo, trên sự bần cùng hóa nhân dân lao động! Thế nhưng, Valonô lại được người ta rất mực trọng vọng, kính cẩn. Còn bản thân lão ta, thuộc cái "loại người thô bỉ, trắng tráo và ồn ào", thì lúc nào cũng như phơi bày cái oai vệ của hần với bộ mặt đỏ gay, hai chòm râu má rậm đen, mớ tóc dày ngồn ngộn, chiếc tẩu thuốc lá kéch xù, và lão ta luôn luôn khoe của, từ những sợi dây chuyền vàng chẳng ngang chẳng dọc trên ngực lão cho đến mọi thứ đồ đạc trong nhà, sấm đất tiền, lông lẩy và móng toanh, nhưng thoát ra "một cái gì dễ tiện và sắc mùi tiền ăn cắp". Trắng trợn hơn, hần còn tỏ ra độc đoán, hần tìm cách bẫy linh mục Sêlăng đi, chỉ vì ông lão này ngay thật đã để cho một phái viên Pari vào tham quan đề lao, viện tế bần và bệnh viện do mấy tay nghiệp chủ lớn quản lý. Và, trong khi thết đãi tiệc tùng bằng tiền ăn cắp vào khẩu phần chết đói của đám tù nhân, hần lại ra lệnh cấm những người này hát để cho bọn hần ăn uống được ngon miệng.

Song, cái điều đáng chú ý đặc biệt vì, xuyên qua cả cuốn tiểu thuyết, nó bày ra được cái hướng phát triển tất yếu của xã hội đương thời, đó là cuộc kèn cựa, cạnh tranh giữa gã quý tộc Đơ Rênan và tên tư sản Valonô. Nếu ở những trang đầu, giữa thời thịnh vượng của Đơ Rênan,

người ta thấy hai kẻ đối thủ đó vừa bắt tay nhau vừa căm ghét lẫn nhau, như đôi gà sống tức khí nhau từng tiếng gáy, người thì hợm hĩnh vì tậu được đôi ngựa đẹp giống normăng, kẻ thì vênh váo vì mượn được một gia sư giỏi cho các con học ở nhà. Ấy thế rồi, qua cuốn sách đã diễn ra cuộc leo thang của Valonô và bước giật lùi của Đơ Rênan: tên tư sản chạy chọt thế nào không những đã cướp được ghế thị trưởng của gã quý tộc mà còn được đề bạt lên hàng nam tước nhập tịch hàng ngũ quý tộc. Hơn thế nữa, ở những trang cuối, trong khi Đơ Rênan suy sụp đến mức từ đảng viên bảo hoàng chuyển thành đảng viên tự do để ra ứng cử nghị viên, thì Valonô lại trở thành ứng cử viên chính thức do chính quyền bảo hoàng đề cử, và sau đó người ta còn được biết tin Valonô đã có trong túi bản nghị định bổ hấn làm tỉnh trưởng. Thật là thời đại của Valonô, và ta có thể tin chắc rằng trong tương lai hấn sẽ leo lên tới chức thượng thư. Cuối cùng, chẳng phải ngẫu nhiên mà Valonô lại chính là kẻ đứng đầu hàng phụ thẩm để ra trước tòa án kết án tử hình Juyliêng Xôren, kẻ đã cả gan chống đối lại xã hội, "khêu dậy và tấn công vào cái tiểu khí của lớp *tư sản quý tộc ấy*"!



Chàng thanh niên Juyliêng Xôren chính là đã sinh ra trong cái xã hội chịu sự chi phối của bộ ba quý tộc, giáo sĩ và tư sản đó. Không thể hiểu được hành động và tư tưởng của nhân vật chính rất phức tạp và đầy mâu thuẫn này nếu tách rời anh ta ra khỏi cái xã hội Pháp thời Trùng-hung cũng rất phức tạp và đầy mâu thuẫn đó. Do tính chất không đơn giản của hình tượng, qua các công

trình nghiên cứu đã có những lối giải thích rất khác nhau về nhân vật Juyliêng Xôren tùy theo lập trường quan điểm của mỗi người. Có những người kết án anh ta một cách thậm tệ, coi anh như một kẻ hãnh tiến đầy lòng tham vọng cá nhân, lạnh lùng và tàn nhẫn đến trắng trợn, và như vậy, anh ta thật xứng đáng với những lời buộc tội cuối cùng của tòa án. Nhưng, trái lại, một số người khác lại đề cao quá mức nhân vật, xem anh gần như một nhà cách mạng "đại diện cho giai cấp nông dân" đấu tranh chống lại xã hội quý tộc và tư sản với "một ý thức giai cấp bền bỉ, một lập trường đấu tranh kiên cường... một tinh thần dũng cảm và một nghị lực tích cực..." Cả hai cách nhìn như vậy đều có phần giản đơn, không thấu triệt tính chất phức tạp và mâu thuẫn giữa nhân vật Juyliêng Xôren.

Sự thật, Xtăngđan đã mô tả nhân vật triu mến của ông vừa như một chàng thanh niên có tài năng, nghị lực, có khả năng vươn tới những tình cảm lớn lao, lý tưởng anh hùng, và căm thù sâu sắc xã hội tư sản quý tộc, lại vừa như một kẻ ham danh vọng dùng tài năng nghị lực của mình quyết tâm giành cho được một địa vị ngay trong cái xã hội mà anh căm thù rất mực đó. Nếu như, trong một hoàn cảnh xã hội thuận lợi. Juyliêng Xôren có thể trở thành một Rôbexpie, một chiến sĩ Jacôbanh hay một tướng soái của thời đại Napôlêông, thì sở dĩ Juyliêng Xôren rút cục chỉ là một kẻ chạy theo danh vị cá nhân, tính toán, giảo quyệt, chính là vì ảnh hưởng của cái xã hội tư sản quý tộc mà Xtăngđan đã kết án nghiêm khắc đó.

Juyliêng Xôren xuất thân từ một gia đình thợ xẻ thôn quê, may mắn gặp được người thầy đầu tiên là một viên thiếu tá quân y già trong quân đội Napôlêông bảo anh học và dạy dỗ anh theo cái tinh thần cách mạng và lý tưởng anh hùng của thế kỷ XVIII lẫn lộn với sự sùng bái cá nhân Napôlêông. Vốn người thông minh, có chí khí và nghị lực, lại được học hành, tự nhiên anh vượt ra ngoài cái khuôn khổ chật hẹp, tầm thường của gia đình anh. Chính điều này đã tạo nên mối mâu thuẫn đầu tiên tác động đến cả cuộc đời chàng thanh niên sau này Juyliêng Xôren có học, hay đọc sách, nhưng người lại yếu ớt không lao động mệt nhọc được cho nên bị bố và các anh ghét bỏ, hành hạ, coi như một kẻ ăn bám trong gia đình. Ông bố là một người thợ xẻ thất học, có tiền và cũng đã ăn phải cái bả tư sản - nghĩa là ở lão ta, tính vụ lợi, tham tiền đã phát triển đến mức độ bóp nghẹt hết cả cái gì là tình cảm con người. Thậm chí, khi vào nhà tù thăm con bị kết án tử hình, lão không che giấu được nỗi vui mừng khi nghe con nói đã để dành được một ít tiền. Và, dường như lão có thể sẽ đem tiền đó ra mà khoe với những kẻ ghen tị: "Như thế này thì trong các ông ai là người chẳng hoan hỉ vì có một đứa con bị lên máy chém?" Ấy đấy, cái hoàn cảnh gia đình của Juyliêng Xôren là như thế. Người ta không ngạc nhiên khi anh ta coi bố và các anh như những kẻ thù, và anh đã học được ngay trong gia đình anh cái thói giả dối, che giấu mọi ý nghĩ và tình cảm của mình để khỏi bị ăn đòn và được yên thân.

Trong gia đình đã như vậy, ra ngoài xã hội, Juyliêng Xôren càng thấy nghẹt thở hơn. Va chạm với bọn quý tộc,

tư sản và thầy tu, bọn Đơ Rênan, Valonô, Maxlông,... một mặt, chàng thanh niên có chí khí ấy chỉ thấy toàn những chuyện hèn kém, bỉ ổi, dẽ tiện, rất cái "tính thô bỉ và sự vô tình hết sức phũ phàng đối với tất cả cái gì không phải là chuyện tài lợi, địa vị hoặc huân chương". Trong chuyện trò giữa bọn chúng, anh xem ra những ý kiến của chúng chẳng phù hợp gì với thực tế. Anh thấy một hành động đáng thán phục ư, thì chính hành động đó lại bị hết thấy mọi người xung quanh chê trách, và anh chỉ còn biết rửa thầm trong lòng: "Đồ quỷ quái!" hoặc "Quân ngu xuẩn!" Nhưng mặt khác, chàng thanh niên có tài năng ấy lại cay đắng nhận thấy rõ vị trí thấp kém của mình, con nhà nông dân, trong cái xã hội tư sản quý tộc. "Như ta, - anh ngán ngẩm than phiền, - bị cái ông trời mẹ ghẻ ném xuống hàng cuối cùng, ông ấy cho ta một tấm lòng cao thượng nhưng lại không cho lấy một nghìn quan thực lợi, nghĩa là không có bánh ăn, *đúng là như thế, không có bánh ăn...*" Và anh tiếc cái thời Napolêông tốt đẹp mà người ta làm nên sự nghiệp trong những nguy hiểm của chiến trận. "Chao ôi! - anh kêu lên - Napolêông thật đúng là con người của Trời phái đến cho thanh niên Pháp! Ai sẽ thay thế được ông? Không có ông, thì những kẻ nghèo khổ, dù là giàu có hơn tôi đi nữa, nhưng chỉ có vừa vặn vài êquy cần thiết để kiếm lấy một nền học vấn tốt, mà không đủ tiền để dứt lót một người khi đến tuổi hai mươi và để tiến thân trong bước đường công danh, những kẻ đó sẽ làm cái trò gì?..." Thế mà: "Những bọn quý phái kia, họ sẽ trở thành cái gì, nếu chúng ta được đấu tranh với họ bằng vũ khí ngang nhau!"

Thế là, với tất cả những điều trông thấy, với cái tâm trạng nặng nề kia, Juyliêng Xôren khinh bỉ, căm giận hết thảy những người cùng sống với anh trong cái xã hội tư sản quý tộc cũng như trong xưởng máy của bố anh. Và, ngược lại, anh bị họ thù ghét. Chàng thanh niên ấy, vô hình chung, trở thành "con người khốn khổ chiến đấu với toàn thể xã hội".

Thế nhưng, Juyliêng Xôren lại không trở thành một nhà cách mạng, một "chiến sĩ Jacôbanh" đứng lên đấu tranh để thay đổi cái xã hội mà anh căm thù rất mực đó. Bao nhiêu chí khí, nghị lực, bao nhiêu nhiệt tình phản kháng của anh rút cục lại đều hướng vào sự tranh đấu để giành cho được danh vọng và tiền của, nói tóm lại, một địa vị ngay trong xã hội tư sản quý tộc ghê tởm đầy rẫy những bất công, giáo quyệt, xu nịnh, cái xã hội mà ai nấy chỉ biết có mình, và cuộc sống, như chính anh đã nhận thấy, là "bãi sa mạc của lòng vị kỷ đó". Tại sao như vậy? Chính là vì Juyliêng Xôren sinh ra và lớn lên trong cái xã hội tư sản - quý tộc thời Trùng-hung đầy ắp khí có tác dụng làm nguội lạnh mọi nhiệt tình, làm tê liệt mọi chí khí và nghị lực, hoặc hướng cái nhiệt tình, chí khí và nghị lực đó đi vào quỹ đạo của nó, khuôn theo cái chủ nghĩa cá nhân tư sản. Nếu như Juyliêng Xôren có nhờ viên thiếu tá quân y dạy dỗ cho phần nào theo tinh thần cách mạng, lý tưởng anh hùng của thế kỷ XVIII thì những cái đó lại pha trộn với tư tưởng súng bái Napôlêông và sự nghiệp anh hùng cá nhân của ông ta. Và quả thật chàng thanh niên đó ôm ấp trong lòng một mối tham vọng to lớn, mãnh liệt hiếm có mà anh ta có

đủ nghị lực kiên cường để thực hiện đến thành công. Không ai có thể ngờ được rằng đằng sau cái bộ mặt con gái của Juyliêng, xanh xao và dịu dàng đến thế, "lại che giấu cái quyết tâm không gì lay chuyển nổi là thà chịu muôn ngàn cái chết còn hơn là không đạt tới giàu sang".

Thế thì chàng thanh niên bình dân đầy tham vọng ấy mưu tiến thân theo con đường nào? Hồi còn thơ ấu, anh ta đã từng trông thấy những kỵ binh của Napôlêông mặc áo choàng dài màu trắng và đầu đội mũ có tua đen dài từ những chiến trường nước Ý trở về, sau đó anh ta lại đã từng say sưa nghe ông cụ thiếu tá quân y kể chuyện những trận nổi tiếng Lôđi, Arcôlô, Rivôli, với những tia mắt nảy lửa của ông già rơi vào tấm huân chương, cho nên anh đã say mê mơ ước nghề võ bị đến điên người. Nhưng rồi thời đại chiến công vang dội của Napôlêông chấm dứt. Khi mười bốn tuổi, mắt Juyliêng đã từng nhìn thấy người ta xây ở thành phố nhỏ Verie một ngôi nhà thờ tráng lệ, sau đó tại anh đã từng nghe câu chuyện viên thẩm phán tap tưng già suýt nữa mất chức vì đã cả gan dám có chuyện xích mích với một giáo sĩ trẻ. Ấy thế là Juyliêng tinh ý nhận rõ thời thế đã đổi thay: anh thôi không nói đến Napôlêông nữa và tuyên bố ý định muốn làm giáo sĩ. Anh ta tự nhủ: "Khi Bônapactơ nổi tiếng, nước Pháp đương lo sợ bị ngoại xâm; tài thao lược khi đó là cần thiết và được hâm mộ. Ngày nay, người ta thấy những giáo sĩ bốn mươi tuổi có một nghìn quan lương bổng, nghĩa là ba lần hơn các trung tướng của Napôlêông... Phải làm giáo sĩ mới được!". Và, dù chẳng may mắn tin Chúa, dù căm ghét bọn thầy tu, anh cũng học

thuộc lòng được bộ Thánh kinh bằng tiếng la-tinh, học thuộc lòng bộ sách *Về Giáo hoàng* của Jôdep đơ Mextro để được lòng cụ cha xứ Sêlăng vì anh biết số phận tương lai của anh tùy thuộc vào ông cụ đó. Thế là, che đậy hết mọi ý nghĩ thâm kín của mình, bề ngoài luôn luôn tỏ ra là mình sùng đạo, chàng thanh niên Juyliêng mười chín tuổi quyết chí khoác chiếc áo chùng đen để tiến thân. Có lúc anh mỉm cười như quý Mêphixtôphêlex, kiêu hãnh tự nhủ: "- Ta biết chọn đồng phục của thời đại ta!". Và mỗi tham vọng của anh càng tăng, anh càng quyến luyến bộ áo thầy tu, mặc dầu có lần cha xứ Sêlăng nhân hậu và tinh ý đã khuyên anh: "Anh bạn ạ, hãy làm một bác trưởng giả tốt ở thôn quê, đáng mến và có học thức, còn hơn làm một nhà tu sĩ không có thiên hướng". Cụ lại nói: "... Con đừng có ảo tưởng về triển vọng của con trong nghề tu sĩ. Nếu con nghĩ đến chuyện luồn cúi những kẻ có thể lực, thì con chắc chắn sẽ bị sa đọa vĩnh viễn. Con sẽ có thể làm nên giàu có, nhưng con phải làm hại những người khốn khổ, nịnh nọt viên quận trưởng, viên thị trưởng, kẻ có danh vọng và phục vụ những dục vọng của họ..."

Đúng là cha xứ Sêlăng đã sáng suốt nhìn thấy cái việc Juyliêng Xôren khoác áo thầy tu chẳng phải vì có thiên hướng gì đối với tôn giáo nơi mà anh ta chỉ thấy rất chuyện giáo quyết và làm tiền. Nhưng cái điều mà ông ta không hiểu được là Juyliêng chẳng phải người chịu luồn cúi kẻ có thể lực để tiến thân. Đó mới là điều đặc biệt của nhân vật Juyliêng Xôren. Chàng thanh niên kiêu hãnh đó muốn tiến thân trong xã hội tư sản - quý tộc mà lại không muốn thích ứng với khẩu vị của nó, không

muốn tuân theo những điều kiện của nó, anh ta muốn bắt cái xã hội đó phải thừa nhận tài năng, nghị lực, giá trị của mình. Chẳng có thể mà ngay khi bố anh báo tin Đơ Rênan muốn mượn anh làm gia sư, anh đã lập tức phản ứng: "Tôi không muốn làm thằng ở", và hỏi lại: "Nhưng, tôi sẽ ngồi ăn với ai?". Hay sau khi Valonô mời đến nhà dự tiệc, anh ta vẫn nhủ thầm "Chà! quân dê tiện! quân dê tiện...! Dù chúng có cho ta một nửa những của cải chúng ăn cắp được, ta cũng chẳng thêm sống chung với chúng. Thế nào rồi cũng có ngày ta sẽ lộ chân tướng; ta sẽ không thể nào kìm giữ được khỏi biểu lộ lòng khinh miệt của ta đối với chúng". Hơn thế nữa, trong mối quan hệ của Juyliêng Xôren với phụ nữ, từ bà Đơ Rênan đến cô Matinđơ Đơ La Môlơ, anh ta cũng tỉnh, xu nịnh, chịu khuất phục, và ở anh ta không mấy may có cái ý mượn con đường khuê các để tiến thân. Chính ở điểm này nhân vật của Xtăngđan khác hẳn với nhân vật của Banzắc. Những Raxtinhắc hay Luyxiêng đơ Ruybemptrê trong *Tấn trò đời* cũng là những chàng thanh niên nghèo đi tìm con đường tiến thân trong xã hội tư sản quý tộc. Để leo lên bậc thang xã hội họ dần dần trút bỏ những cái gì là trong sạch, cao quý trong người, họ không từ cả những thủ đoạn dê tiện nhất, thậm chí bám vào váy phụ nữ tư sản hay quý tộc để ngoi lên địa vị cao sang, như Raxtinhắc đã leo lên tới ghế thượng thư. Trái lại, Juyliêng Xôren không phải là kẻ mưu tiến thân bằng bất cứ giá nào và anh không hề có ý lợi dụng quan hệ của mình với bà Đơ Rênan hay với cô Matinđơ Đơ La Môlơ để được giàu sang.

Ở đây cần phải xét qua câu chuyện yêu đương giữa Juyliêng và hai người đàn bà đó để nhận rõ hơn bản chất của Juyliêng. Trước hết hãy nói đến trường hợp của bà Đơ Rênan. Muốn nói gì thì nói, cái bà quý tộc này đã mắc vào chuyện ngoại tình, và câu chuyện của bà ta, cũng như bao nhiêu chuyện ngoại tình khác đây rấy trong xã hội và trong tiểu thuyết đương thời, chứng minh sự phân tích đúng đắn của F. Ăngghen về chế độ gia đình một vợ một chồng trong xã hội phong kiến và tư sản, khi ông chỉ ra rằng "cái chế độ hôn nhân cá thể chặt chẽ dưới quyền chi phối của đàn ông" đó, với việc kết hôn được tiến hành như "một việc có tính toán lợi hại, do cha mẹ thu xếp", ngăn trở tình yêu trai gái phát triển dưới hình thức tình nghĩa vợ chồng và đưa đến cái tình trạng "về phía chồng thì tạp hôn bừa bãi, về phía vợ thì ngoại tình lu bù"⁽¹⁾. Rõ ràng là bà Đơ Rênan, cũng như bao nhiêu cô gái quý tộc đương thời, lấy chồng mà chẳng biết đến tình yêu, vì cuộc hôn nhân của bà hoàn toàn do gia đình thu xếp, do món gia tài kếch xù mà bà được thừa hưởng quyết định. Thậm chí khi bà đã yêu Juyliêng mà bà còn bỡ ngỡ tự hỏi: "- ... Ta có tình yêu chăng?... Ta chưa hề cảm thấy đối với chồng ta cái thú điên cuồng u uất nó làm cho ta không thể nào rút tâm trí ra khỏi chàng Juyliêng được". Mỗi ngoại tình đó, xét cho cùng, cũng chỉ là tự nhiên khi mà bà ta lấy chồng từ năm mười sáu tuổi, trong điều kiện như thế, và nhất là, sau đó, một

(1) Xem *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước* - F. Ăngghen.

người đàn bà trong trắng, dịu dàng như bà lại chung sống với một người chồng thô bỉ, lý tài, dửng dưng với mọi chuyện không phải là tiền nong, danh vị, chỉ biết đáp lại những lời tâm sự của bà như nổi lo lắng của bà về một đứa con ốm, bằng trận cười thô bạo kèm theo cái nhún vai và một lời giễu cợt về tính khí đàn bà. Cho tới khi, gặp Juyliêng, sống cùng một nhà với chàng thanh niên ngây thơ, trong sạch, sôi nổi, và biết thương yêu con bà ấy, sau bao nhiêu đấu tranh với bản thân, bà đã hiến cho chàng cả một mối tình nồng nàn, chân thật như chưa bao giờ bà từng có. Chính mối tình nồng nàn, chân thật của người đàn bà sang trọng, có sắc đẹp ấy cuối cùng cũng đã cảm hóa chàng thanh niên bình dân ngây thơ, bị gia đình cũng như xã hội hắt hủi kia, mặc dầu bà ta hơn Juyliêng đến mười tuổi, chứ chẳng phải như Juyliêng tưởng là anh ta đã chủ động khuất phục, chiến thắng được một "bà lớn quý tộc" do tài năng, nghị lực và sự khôn khéo của anh ta. Dĩ nhiên là, do xuất thân từ một gia đình bình dân, mà tính lại vừa dị cảm vừa khí khái, Juyliêng luôn luôn ở cái thế phòng ngự trước những kẻ giàu sang thường là kiêu ngạo khinh người, cho nên ngay cả trong tình yêu đối với một người đàn bà quý tộc anh ta cũng luôn luôn nghi ngờ, đối phó, thậm chí có lúc lại tỏ ra ngổ ngáo, sỗ sàng, vụng về, và hơi có điều gì khác ý lại tự hỏi: "Có thật là bà ta yêu mình hay không?" Dù sao mối tình giữa bà Đơ Rênan và Juyliêng, mặc dầu những cái bề ngoài, vẫn thật sự là một cuộc gặp gỡ giữa hai tâm hồn cùng ngây thơ, trong trắng chân thật trong một hoàn cảnh đặc biệt. Nếu như về sau, bà Đơ Rênan có đi tới viết bức thư làm hại cuộc đời của Juyliêng, thì

đó chính là do tội ác của bọn tu sĩ mà người đàn bà ngoan đạo kia là nạn nhân, như bà ta đã thốt ra trong buổi gặp gỡ cuối cùng với Juyliêng ở nhà tù: "Tôn giáo đã khiến tôi làm cái điều bỉ ổi đến thế!"

Cuộc yêu đương giữa Juyliêng và cô Matindơ Đơ La Môlơ có khác hơn. Ở đây là hai tâm hồn cùng kiêu hãnh gặp nhau, mỗi người đều mang theo cái ý thức giai cấp sắc nhọn của mình vào mối quan hệ với nhau làm cho nó căng thẳng, chứ chẳng phải như có người đã cường điệu cho là "một cuộc đấu tranh giai cấp dưới hình thức một cuộc "yêu đương" giữa hai người tiêu biểu cho hai giai cấp đối kháng". Matindơ là một cô gái quý tộc có đầy đủ, như cô nói, "những điều thuận lợi nhất mà số phận dành cho cô là gia thế, tiền của và tuổi trẻ, nghĩa là tất cả mọi thứ, trừ hạnh phúc". Tại sao vậy? Là vì cô gái kiêu hãnh đặc biệt đó đã chán ngấy cái xã hội chung quanh cái xã hội của chính mình, gồm toàn những kẻ kém cỏi không tư tưởng, không nghị lực, không nhiệt tình, sống uể oải, ngáp dài, chạy theo những thú vui tầm thường. Cho tới khi cô gặp Juyliêng, thì cái điều đầu tiên cô nhận thấy là chàng thanh niên bình dân này khác hẳn những thanh niên quý tộc vẫn xun xoe chung quanh cô. "Anh chàng này không phải sinh ra để mà quỳ gối", - "Anh ta khinh người khác, chính vì thế mà ta không khinh anh ta", đó là những ý nghĩ đầu tiên mà cô ta có về Juyliêng, và cũng từ đó mà dần dần nảy nở một tình của cô đối với Juyliêng, dĩ nhiên không phải là không trải qua bao nhiêu đấu tranh tư tưởng sóng gió, khi tiến khi thoái, bởi vì cái ý thức giai cấp ở cô ta luôn luôn trở

dậy. Cuối cùng cô không thể cưỡng lại được tình yêu đối với Juyliêng chính vì Juyliêng biết khinh cả cô ta. Cô thường tự nhủ: - "Dám yêu một kẻ rất cách xa ta về vị trí xã hội đã là cao cả và táo bạo. Để xem, anh ta có tiếp tục xứng đáng với ta hay không? Ta mà bắt gặp ở anh ta sự yếu đuối nào là ta bỏ rơi liền. Một cô gái con nhà gia thế như ta... không thể xử sự như một kẻ ngu dại được". Thật đúng là một thứ tình yêu - lý trí mà chính Juyliêng đã nhận thấy, "chẳng có gì khác hơn là sự hóm hỉnh khô khan và kiêu hãnh, tất cả mọi biến dị của lòng tự phụ", khác hẳn với "lòng thương yêu phải chăng và hồn nhiên, khả ái" của bà Đơ Rênan. Ấy thế nhưng, lại chính vì tính kiêu hãnh của Matinô và Juyliêng đâm ra phải lòng cô ta, và chàng thanh niên bình dân đó muốn khuất phục cái tính kiêu hãnh của cô gái quý tộc, chiếm bằng được trái tim của cô ta. Thậm chí anh thường xuyên đeo mặt nạ và dùng cả những thủ đoạn chẳng có gì là cao thượng để bắt Matinô phải quỳ gối van nài.

Đấy, nhân vật Juyliêng Xôren là như thế. Xtăngđan chẳng có ý che đậy mặt tiêu cực ở nhân vật của mình. Ở anh ta dường như lúc nào cũng có hai con người: một con người bên trong ẩn kín, mang cái chân chất của một kẻ xuất thân từ đám bình dân với cái ngây thơ, chân thật, trong trắng của nó, và một con người bên ngoài giả tạo, tính toán, không thân thiện với ai, mà anh ta luôn luôn cố ý phô trương ra để tự bảo vệ và để thích nghi với cái xã hội tư sản quý tộc trong đó anh muốn tiến thân. Hai con người đó luôn luôn đấu tranh với nhau, tạo

nên tấn bị kịch căng thẳng luôn luôn giày vò chàng thanh niên đầy nhiệt tình và có tham vọng lớn đó. Chính anh ta vẫn sáng suốt nhận rõ điều đó, ngay cả những lúc bị dục vọng thôi thúc, khiến anh càng thêm đau khổ. Anh tự nhủ: "- Cuộc đời ta là một chuỗi những sự giả dối vì ta không có một nghìn quan thực lợi để mua bánh ăn". Và ngay cả lúc sắp chết: - "Chỉ một mình nói với riêng mình, cách cái chết có hai bước, mà ta vẫn còn giả dối... Ôi thế kỷ XIX!" Thế kỷ XIX chỉ là thế kỷ của giai cấp tư sản thống trị. Tuy nhiên, ở Juyliêng cái bản chất trong sạch của anh vẫn luôn luôn trời dấy. Chẳng hạn như khi dự tiệc ở nhà Valonô, biết rằng bên kia tường phòng ăn có những kẻ khốn khổ bị giam cầm và người ta đã xà xẻo khẩu phần ăn của họ để thết đãi anh, cổ họng anh đã thắt lại, không tài nào ăn được, mà nói thì cũng nghẹn lời. Và khi người ta cấm những tù nhân kia hát để rồi khách dự tiệc hát một điệp khúc bảo hoàng, thì lương tâm anh tự nhủ: "Đấy là cái nên phú quý bản thủ mày sẽ đạt tới, và mày chỉ được hưởng với điều kiện đó và những đồng bọn đó! Có lẽ mày sẽ có được một việc làm lương bổng hai vạn quan, nhưng, trong khi mày ăn no nê thịt, mày phải ngăn cản kẻ tù nhân tội nghiệp không được hát; mày sẽ thết tiệc bằng tiền ăn cấp vào khẩu phần khốn khổ của hần, và trong khi mày ăn tiệc, thì hần phải đau khổ hơn lên!" Lại một lần khác, ở nhà hầu tước Đơ La Môlô, Juyliêng lỡ xin hộ cho một người cái chân bán vé xổ số ở Verie làm thiệt một người khác ở một hoàn cảnh đáng được giúp đỡ hơn, anh ta bực dọc ăn năn và tự nhủ: "... Nếu ta muốn tiến thân, ta sẽ còn phải cam tâm làm nhiều điều bất công khác nữa, thế mà

lại phải biết che đậy những việc đó dưới những lời tình cảm đẹp đẽ..."

Nhưng Juyliêng Xôren có thể nào kéo dài cái thế nước đôi, cái tình trạng phân tâm mãi được không? Nhất là, khi anh ta định thực hiện ý muốn tiến thân trong xã hội tư sản quý tộc mà lại với điều kiện bắt cái xã hội đó phải thừa nhận tài năng, nghị lực, khí phách của anh? Linh mục già Pira là người hiểu đời đã từng bảo Juyliêng: "- ... Anh hãy chú ý rằng đối với một người khoác áo chùng như chúng ta chỉ có thể nhờ vả các bậc đại lãnh chúa mà làm nên sự nghiệp. Với tính tình của anh có cái gì khó nói, ít ra đó là theo ý tôi, trừ phi anh làm nên sự nghiệp nếu không thì anh sẽ bị đẩy dọa, không có cái thế trung dung đối với anh được". Ông linh mục già quả là đã hiểu thấu con người Juyliêng Xôren và cũng đã nắm được cái quy luật, "cái thông lệ của thế kỷ XIX là, khi một kẻ quyền thế và cao sang gặp một con người có khí phách, thì y giết đi, đẩy đi biệt xứ, bỏ tù hoặc làm nhục đến nỗi con người đó đau đớn mà chết một cách ngu dại". Nghĩa là thế kỷ XIX, hay cụ thể hơn, xã hội tư sản - quý tộc, không dùng tài năng, khí phách, nó không cần đến và thủ tiêu tài năng, khí phách. Nó không có chỗ đứng cho những người như Juyliêng Xôren, và mọi ý định lợi dụng nó hay nhân nhượng nó một phần nào để có thể thi thố tài năng, khí phách chỉ là ảo tưởng.

Chính vì vậy mà tất yếu Juyliêng Xôren phải chết, và Xtăngđan không thể kết thúc cuốn tiểu thuyết của ông một cách nào lôgich hơn. Juyliêng thuộc vào cái thế hệ thanh niên đi trước đám Raxtinghac, Luyxiêng đơ Ruybembrê,

ở giai đoạn trước trên quá trình phát triển của chủ nghĩa cá nhân tư sản, giai đoạn quá độ giữa những tính cách anh hùng của thời kỳ cách mạng và những mẫu người hoàn toàn tiếm nhiệm cái luân lý tư sản. Trong con người anh ta cái tính chất trên chưa bị tiêu diệt hẳn mà cái dưới đã bắt đầu phát sinh. Cho nên, nếu hiểu cái chết của Juyliêng Xôren đơn thuần chỉ là việc anh ta giết bà Đơ Rênan vì căm giận bà làm hại bước tiến thân của anh để rồi bị kết án tử hình, thì cái chết đó quả thật là vô vi. Sự thật, ví phỏng anh chỉ nghĩ có thể thì phải đầu bức thư của bà Đơ Rênan đã làm tuyệt hẳn bước đường danh vọng của anh ta? Rõ ràng việc Juyliêng Xôren cầm súng bắn bà Đơ Rênan chỉ có thể coi như một hành động tự sát của một con người bị nghẹt thở quá không thể sống được nữa trong cái xã hội tư sản - quý tộc, không thể kéo dài mãi cái trò đeo mặt nạ, hằng giờ hằng phút phải giả dối, và hành động ngược lại bản chất giản dị, hồn nhiên của mình. Đó chính là sự trả thù của cái tự nhiên đối với cái giả tạo. Và bức thư của bà Đơ Rênan chỉ là giọt nước cuối cùng làm tràn cả bát nước đầy.

Cũng vì vậy mà Juyliêng đã thản nhiên nhất quyết khước từ mọi cuộc chạy chọt của Matindơ, của bà Đơ Rênan, của bạn anh là Fukê để cứu anh khỏi chết. Anh bảo họ: - "Hãy để cho tôi yên với cuộc sống lý tưởng của tôi. Những lo lắng nhỏ nhất của các bạn, những chi tiết và đời sống thực tại của các bạn, ít nhiều làm phật lòng tôi, sẽ kéo tôi ra khỏi thiên đường. Chết mỗi người một tât; tôi thì tôi chỉ muốn nghĩ đến cái chết theo cách của tôi. Mặc thầy người khác!..." Và, hơn lúc nào hết trong cả

cuộc đời anh, những ngày ngồi tù lại chính là những ngày anh được yên tâm, thoải mái: nếu không gọi là hạnh phúc nhất của anh. Chính trong những ngày thư thái ấy anh đã có dịp duyệt lại cả cuộc đời mình và tỉnh hẳn giấc mộng công danh phú quý. Anh thấm thía hơn lúc nào hết cái sự thật ghê tởm của đời sống xã hội tư sản - quý tộc. Anh nói: - "Ta đã yêu chân lý... Nó ở đâu?... Khắp nơi đều là giả dối, hay chí ít là trò ảo thuật, ngay cả ở những kẻ quyền cao chức trọng nhất... Không, con người không thể tin cậy được ở con người...". Và như vậy, anh ra trước tòa án nghiêm nhiên với tư thế của một thanh niên xuất thân từ nhân dân lao động đứng lên tố cáo xã hội. Anh đồng dục tuyên bố:

"... Thưa các ngài, tôi không có cái vinh dự đứng trong giai cấp của các ngài, các ngài nhìn thấy ở tôi một nông dân nổi loạn chống lại cái số phận thấp kém của mình.

Tôi không xin các ngài một ân huệ gì cả. Tôi không có ảo tưởng, cái chết đang chờ tôi... Tội của tôi là ghê gớm, và nó có tính toán trước... Cho dù tôi có nhẹ tội hơn, tôi cũng chỉ thấy trước mắt những người không đếm xỉa đến cái điều tuổi trẻ của tôi có thể đáng được thương xót, mà lại muốn trừng phạt ở tôi và làm cho tuyệt vọng đến cùng cái tầng lớp thanh niên ấy, họ sinh ra ở một hàng ngũ bên dưới, và có thể nói là bị cái nghèo khổ áp bức, nhưng có cái may mắn nhận được một nền học vấn tốt, và họ cả gan dám chen chân vào nơi mà thói kiêu căng của những kẻ giàu có gọi là xã hội...".

Lời tố cáo của Juyliêng Xôren nói lên tất cả ý nghĩa xã hội - chính trị về cái chết của anh và cũng là ý nghĩa

căn bản của tiểu thuyết *Đỏ và đen*. Một mặt, Juyliêng có ý thức rõ ràng tòa án, với gã tư sản Valonô ở đầu hàng phụ thẩm, xử anh chẳng phải hản vì cái tội thực tế anh đã làm, mà vì là anh đã dám vượt quá giới hạn phân chia giữa người thanh niên bình dân như anh với xã hội thượng lưu, anh cố chen chân vào cái thế giới mà anh không có quyền tham gia. Mặt khác, lời tố cáo của Juyliêng cũng chứa đựng một lời phán quyết đanh thép: nếu một xã hội có thể đưa những thanh niên có tài năng, nghị lực, khí phách như Juyliêng Xôren đến chỗ chết, thì cái xã hội đó phải bị kết án nghiêm khắc và nó không thể nào tồn tại được.

Thế rồi Juyliêng Xôren, sau khi dặn dò Fukê căn kẽ mọi điều đối với Matindơ, bà Đơ Rênan và đối với mình, ung dung bước lên máy chém. Xtăngđan kết thúc:

"Chưa bao giờ cái đầu đó lại nên thơ như lúc nó sắp rơi xuống. Tất cả đều diễn ra đơn giản, phải chăng, và không một chút điều bộ về phía anh ta".



Tiểu thuyết *Đỏ và đen* ra đời năm 1831, lúc mà Banzăc mới bắt đầu viết những tiểu thuyết hiện thực, là tác phẩm lớn đầu tiên của trào lưu văn học hiện thực phê phán nước Pháp, đem lại cho Xtăngđan cái vinh dự làm người khai sáng của phong trào. Lần đầu tiên tiểu thuyết hiện thực phê phán bộc lộ rõ cái khả năng mô tả chân thực cuộc sống theo quan điểm lịch sử, với một bức tranh khái quát xã hội rộng lớn về lên những quan hệ đấu tranh phức tạp giữa những lực lượng xã hội khác nhau của thế kỷ Trùng-hung, trong đó đẻ ra những tính

cách diễn hình xuất sắc, mà nổi bật nhất là hình tượng Juyliêng Xôren, một nhân vật vừa có cá tính độc đáo lại vừa mang những nét tiêu biểu nhất của cả một lớp người rộng rãi trong cả một thời kỳ lịch sử nhất định. Cũng lần đầu tiên, tiểu thuyết hiện thực phê phán, dưới ngọn bút của Xtăngđan, bộc lộ khả năng của nó đi sâu vào phân tích thế giới nội tâm của con người theo một quan điểm khoa học, duy lý, kiểu như sự phân tích tỉ mỉ, sít sao, có khi đến rợn mình, tâm trạng thâm kín của các nhân vật Juyliêng Xôren, bà Đơ Rênan, cô Matinđơ trong quan hệ phức tạp giữa ba người, do đó Xtăngđan trở thành bậc thầy mở đầu cho dòng tiểu thuyết tâm lý ở Pháp, cũng như Đôxtôiépki ở Nga.

Cố nhiên Xtăngđan là nhà văn sở trường về khoa phân tích tâm lý, đặc biệt là phân tích tình yêu (như ta biết, ông đã từng viết một cuốn khảo luận tâm lý *Về tình yêu* trước khi viết tiểu thuyết). Nhưng chính ở đó bộc lộ ra cả ưu điểm lẫn nhược điểm của ông. Ông chuyên mô tả nội tâm con người mà có phần sao lãng mô tả ngoại hình, ngoại vật, mô tả hoàn cảnh xung quanh con người, như vậy bức tranh xã hội của ông không tránh khỏi có chỗ khô khan, trừu tượng vì thiếu ít nhiều chi tiết cụ thể cần thiết, nhất là khi những chi tiết đó có tác dụng khẳng định hay quyết định cách nhân vật.

Ông theo dõi rất chi ly, sít sao những biến chuyển tâm lý trong nhân vật của ông, do đó mà lời cuốn được người đọc, nhưng cũng có khi để phát triển đường dây tâm lý, ông tạo ra những hoàn cảnh không khỏi có phần gượng ép, kéo dài, và ít nhiều làm giảm tính hiện thực

chặt chẽ của tác phẩm. Chẳng hạn như mối quan hệ giữa Juyliêng Xôren và nhân vật bá tước Antamira hay hoàng thân Kôraxôp với năm mươi ba bức thư tình kiểu mẫu mà ông này cho Juyliêng để chinh phục bà thống chế Fervac.

Xtăngđan chuyên chú đặc biệt vào việc phân tích tình yêu và đạt tới những phát hiện độc đáo, nhưng như thế bức tranh xã hội của ông không tránh khỏi có phần lệch. Chẳng hạn như về những vấn đề chính trị, dường như nhà văn có những ý kiến chưa dứt khoát, hay không được rõ ràng, khi ông viết trong tác phẩm của ông: "Chính trị là một hòn đá buộc vào cổ văn học, và chỉ không đầy sáu tháng thì nó làm chìm ngấm cả văn chương. Chính trị đặt vào giữa những truyện thuộc lĩnh vực tưởng tượng là một tiếng súng lục nổ giữa một cuộc hòa nhạc..." Nếu qua lời nói đó Xtăngđan muốn phê phán cái thói đưa vào văn chương những vấn đề hay sự kiện chính trị một cách sống sượng không thông qua hình tượng nghệ thuật thì ông có lý. Nhưng như thế chẳng phải là văn học không được đề cập tới những vấn đề chính trị, chẳng phải là tách rời văn học với chính trị. Có lẽ vì thế liền sau đó tác giả lại viết: "Nếu những nhân vật của anh không nói đến chính trị thì chúng không phải là những người Pháp sống năm 1830 nữa, và cuốn sách của anh chẳng phải là một tấm gương như ý anh muốn nữa..."⁽¹⁾ Điều rõ ràng và cụ thể hơn là chính tiểu thuyết *Đỏ và đen* đã chứa đựng nhiều sự kiện chính trị, đề cập đến những vấn đề chính trị nóng hổi của xã hội thời Trùng-hung, mà nếu

(1) *Đỏ và đen* của Xtăngđan (chương XXII, quyển II).

như thiếu đi thì nó không thể là một tác phẩm hiện thực lớn được. Tuy nhiên, vì Xtăngđan thiên về việc phân tích tình yêu cho nên không phải không có lúc ông đưa những sự kiện chính trị vào cuốn tiểu thuyết một cách đột ngột, chệch choạc, thiếu nhịp nhàng hòa nhập với kết cấu chung của tác phẩm xoáy vào hai cuộc yêu đương của Juyliêng Xôrea. Thí dụ tiêu biểu nhất là đoạn tác giả kể lại âm mưu phản động của bọn quý tộc định nhờ cậy quân đội nước ngoài để duy trì quyền thống trị của chúng, rõ ràng là đoạn này như được ghép thêm vào câu chuyện, nếu thiếu đi thì mất hẳn một sự kiện chính trị quan trọng, một trong những vấn đề chính trị nóng hổi, nó là một yếu tố tạo nên bộ mặt của xã hội Pháp thời Trung-hung, nhưng ghi nó vào thì vừa làm cho sự dẫn dắt câu chuyện bị ngắt quãng vừa làm hại cho phẩm cách của Juyliêng Xôren - anh ta không những đã phải bị động chứng kiến mà lại còn phải tích cực phục vụ, như một kẻ bầy tôi trung thành, cái âm mưu đen tối của bọn quý tộc phản động. Đó chính là một điều khiếm khuyết dường như vượt ra ngoài ý muốn của nhà văn Xtăngđan trung thành với lý tưởng Ánh sáng và định mô tả Juyliêng Xôren về căn bản vẫn là con người có khi phách còn giữ được phần nào tinh thần cách mạng của thế kỷ XVIII.

Mặc dầu thế nào, *Đỏ và đen* vẫn là một trong những tiểu thuyết xuất sắc nhất nói về xã hội Pháp thời Trùng-hung. Nó vẽ lên được một bức tranh rộng lớn khái quát hóa xã hội đương thời, xây dựng được những tích cách điển hình sắc nét đi vào chiều sâu của tâm lý con người. Và nó là bản tố cáo, kết án đanh thép cái xã hội

tư sản - quý tộc do đồng tiền chế ngự, đưa tới hủy hoại, thủ tiêu mọi tài năng, chí khí con người. Ở điểm này cho tới ngày nay cuốn tiểu thuyết vẫn còn giữ được một phần tính chất thời sự của nó.

TRỌNG ĐỨC

LỜI NGƯỜI DỊCH

Dịch tác phẩm này, chúng tôi sử dụng bản tiếng Pháp của nhà xuất bản Fernand Hazan (tủ sách Les Classiques du Monde) do Henri Mactinô (Martineau) trình bày, chú thích và đề tựa. Bản này, như H. Mactinô có nói trong cuối bài tựa, là theo đúng bản in đầu tiên của tác phẩm (do nhà xuất bản Levavasasseur phát hành, năm 1830) trừ một vài chỗ sửa chữa vật những lỗi in, hoặc những sơ sót rõ ràng của tác giả (căn cứ vào những tài liệu đáng tin cậy). Sau này, sinh thời tác giả còn có bản in lại năm 1854, tác giả có sửa chữa; và ngoài ra còn một bản, có mang những sửa chữa hoặc ghi chú bằng tự tích của tác giả, lưu trữ lâu năm ở thư viện của tác giả ở Civitavecchia (một thành phố ở nước Ý) và tác giả di tặng bằng chúc thư cho bạn là Bucci. Những sửa chữa của bản Bucci, H. Mactinô đều có ghi chú ở cuối sách, trong mục Chú thích và Khảo dị. Ở đây, chúng tôi không trình bày những khảo dị đó, trừ một vài trường hợp đặc biệt quan trọng hoặc lý thú. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo bản in tiếng Pháp của Nhà xuất bản Ngoại văn Liên-xô (Mạc-tư-khoa, 1957), có lẽ cũng dựa theo bản Bucci; chúng tôi đặc biệt

chú ý phần chú thích bằng tiếng Nga của bản in này, để bổ sung những chú thích của chúng tôi.

Sở dĩ H. Mactinô không theo bản 1854, mà lại theo bản in lần đầu, là vì ông cho rằng "nên đọc *Le* và *Den*, khi chưa sửa chữa tí nào, cứ nguyên như khi nó từ trí óc của Xtăngdan một mạch tuôn ra, sôi sục, ô ạt, như lửa phun ra từ hỏa diệm sơn", mặc dầu làm như vậy có thể bị trách là đã tiếp nhận cả một số những lỗi sơ suất của lời văn. Chúng tôi hoàn toàn tán đồng ý kiến đó, khi sử dụng vào công việc dịch thoát bản in do H. Mactinô trình bày. Và trung thành với chủ trương này, khi gặp những câu văn có vẻ luộm thuộm của tác giả, chúng tôi không lấy ý riêng để sắp xếp sửa sang lại, mà cứ dịch sát cả ý lẫn cách hành văn. Làm như vậy, chúng tôi nghĩ là đã cố gắng nghiêm túc làm trọn nhiệm vụ người dịch, tôn trọng bản sắc của tác giả, không để cho cái bóng đen của mình che lấp mất phần nào tác phẩm mình giới thiệu.

Tất cả những chú thích của người dịch đều dồn cả vào những trang cuối sách, để bạn đọc tiện tra khảo và không bị vướng bận, ngắt quãng, trong khi đọc tác phẩm. Trong chính văn, mỗi khi cần có chú thích của người dịch, chỉ đánh dấu hoa thị * để bạn đọc tìm xem ở cuối sách. Chỉ những chú thích của chính tác giả tả được in ngay ở cuối trang chính văn, chỉ dẫn bằng cách đánh số.

Trừ mấy chương cuối, đầu mỗi chương truyện đều có lời đề từ, trích dẫn của các tác giả danh tiếng (đôi khi là lời một nhân vật trong truyện). Những đề từ đó, nếu là một thứ tiếng nào khác tiếng Pháp (La-tinh, Anh, Ý...) 64

thì chúng tôi cứ để nguyên văn và đặt lời dịch tiếng Việt vào phần Chú thích ở cuối sách. Chủ trương này được áp dụng cả cho những tiếng ngoại ngữ mà tác giả dùng xen vào chính văn tiếng Pháp.

T.Đ.

ĐỎ VÀ ĐEN

I

Sự thật, sự thật đắng cay
DẶN TÔNG*

LỜI DẶN

Tác phẩm này đương sẵn sàng để ra mắt thì những biến cố thán g bắ chot đến làm cho tâm trí mọi người có một xu hướng không thuận tiện cho những trò hư cấu. Chúng tôi cho rằng những trang sách sau đây đã được viết, vào năm 1827 *

CHƯƠNG I

MỘT THÀNH PHỐ NHỎ

*Put thousands together
Less bad,
But the cage less gay.*

HOBBS*

Thành phố nhỏ Verie* có thể coi là một trong những thành phố xinh đẹp nhất của xứ Frăngso - Côngté*. Những ngôi nhà trắng mái nhọn lợp ngói đỏ, rải trên sườn của một ngọn đồi có những chòm dẻ gai khỏe khoắn làm dốc nổi bật lên tất cả những đường uốn lượn khúc khuỷu dù là nhỏ bé nhất. Dòng sông Đáp* chảy cách vài trăm piê* dưới những thành lũy xưa kia do người Tây-ban-nha xây đắp nên và bây giờ đã điêu tàn.

Verie được che về phía bắc bởi một rặng núi cao, đó là một chi nhánh của dãy Juyra*. Những ngọn lỏm chòm của rặng Vera phủ tuyết ngay từ những ngày chớm lạnh của tháng mười. Một dòng suối từ trên núi trút xuống, chảy xuyên qua Verie trước khi đổ vào sông Đúp, và làm chuyển động một số lớn những máy xẻ gỗ, đó là một công nghiệp rất đơn giản, đem lại một đời sống khá sung túc

cho phần lớn dân cư, có tính cách thôn dân nhiều hơn là thị dân. Tuy vậy, cái thành phố nhỏ đó được trù phú không phải là nhờ những máy xẻ gỗ. Chính là nhờ nghề chế tạo vải hoa in, gọi là vải hoa Muyludo*, mà mọi người được phong túc, khiến cho từ khi Napôlêông bị diệt vong, mặt ngoài của hầu hết các ngôi nhà ở Verie đã được xây đắp lại.

Vừa bước chân vào thành phố, người ta đã bị choáng óc vì tiếng náo động của một cái máy rầm rĩ và trông bề ngoài có vẻ góm ghiếc. Hai chục cái búa nặng nề và rơi xuống rầm rầm làm rung chuyển cả mặt đường, được nhắc lên bởi một bánh xe mà dòng suối làm cho chuyển động. Một chiếc búa đó chế tạo ra hàng ngày không biết cơ man nào là đinh. Có những cô gái xinh tươi đưa vào cho những chiếc búa khổng lồ ấy nên những mẫu sắt nhỏ, chỉ thoát cái đã biến thành đinh. Công việc ấy, bề ngoài trông có vẻ vất vả lắm, là một trong những công việc làm ngạc nhiên nhất khách du lịch lần đầu tiên bước chân vào miền rừng núi gần cách nước Pháp với xứ Helvêxi*. Nếu, khi bước vào Verie, người du khách hỏi cái xưởng chế tạo đinh đẹp mắt kia, nó làm inh tại những người đi lên dốc phố lớn, là của ai, thì người ta trả lời với một giọng ê à: *À! của ông Thị trưởng đấy mà.*

Hễ người du khách dừng chân lại chốc lát trong cái phố lớn của Verie ấy, nó chạy ngược dốc từ bờ sông Đúp lên tới đỉnh đồi, thì có thể cuộc một trăm ăn một là khách sẽ trông thấy xuất hiện một người đàn ông cao lớn có vẻ bận rộn và oai vệ lắm.

Trông thấy người đó, tất cả mọi người đều vội ngả mũ chào. Ông ta tóc hoa râm, bận y phục màu xám. Ông đeo nhiều huân chương, trán ông rộng lớn, mũi mỗ điệu, và nói chung khuôn mặt ông không phải là không đều đặn; mới thoát nhìn, người ta lại còn thấy rằng khuôn mặt đó kết hợp được cái vẻ đường bệ của vị thị trưởng vùng quê với một thứ mỹ miều còn có thể thấy được ở cái tuổi bốn tám, năm mươi. Nhưng chả mấy chốc, người du khách của Pari đã thấy khó chịu vì một cái vẻ tự mãn tự phụ hòa lẫn với một cái gì tuồng như thiếu cần và ngu dốt. Nghĩa là người ta cảm thấy rằng tài trí của con người đó chỉ giới hạn ở chỗ có ai nợ y cái gì thì y đòi cho thật đúng kỳ hạn, còn y nợ ai thì y trả hết sức chậm chạp lươn lẹo.

Đấy, Ô. đơ Rênan, thị trưởng Verie, là như vậy. Sau khi đã đi ngang qua phố bằng một bước đi trịnh trọng, ông đi vào tòa thị chính và con mắt người du khách không trông thấy ông nữa. Nhưng đi quá lên trăm bước nữa, nếu du khách tiếp tục du ngoạn, khách sẽ trông thấy một ngôi nhà vẻ ngoài khá đẹp, và xuyên qua một hàng rào sắt ăn liền vào ngôi nhà, có những thửa vườn tráng lệ. Bên kia khu vườn, là một đường chân trời vạch nên cảnh ngoạn mục. Phong cảnh đó làm cho người du khách lãng quên cái không khí tanh hôi của những chuyện tài lợi nhỏ nhen nó đã bắt đầu làm cho khách ngạt thở.

Khách được người ta cho biết rằng ngôi nhà đó là của ông đơ Rênan. Ông thị trưởng Verie nhờ tiền lãi về xưởng chế tạo đỉnh to tát của ông mà có được ngôi nhà đẹp bằng đá khối đó, hiện đương hoàn thành xây dựng.

Người ta bảo rằng gia đình ông dòng dõi Tây-ban-nha, gốc gác cổ kính và cứ theo lời người ta nói, thì đã lập nghiệp ở xứ này từ lâu trước cuộc chinh phục của Luy XIV.

Từ 1815* ông lấy cái việc là một nhà công nghiệp làm xấu hổ. 1845 đã đưa ông lên làm thị trưởng Verie. Những bức tường bậc thang chắn giữ cho các khoảnh của khu vườn tráng lệ kia, nó tầng tầng bậc bậc xuống tận bờ sông Đúp, cũng là phần thưởng của cái khoa tài giỏi của ông đơ Rênan trong nghề buôn sắt.

Bạn đừng nên chờ đợi được trông thấy ở nước Pháp những khu vườn kỳ thú bao quanh các thành phố công nghệ của nước Đức, như Laipxich, Frăngfor Nurember v.v... Ở Frăngso-Côngtê, người ta càng xây nhiều tường, càng chồng chất nhiều những khối đá tua tủa chung quanh dinh cơ của người ta, thì người ta càng được thiên hạ trọng vọng. Những thửa vườn của ông đơ Rênan, chỉ chút những tường, lại còn được thiên hạ thán phục vì ông đã tậu đất như vàng một số những khoảnh đất của khu vườn đó. Chẳng hạn, cái máy xẻ gỗ, mà vị trí đặc biệt trên bờ sông Đúp đã làm cho bạn phải chú ý khi bước chân vào Verie, và ở đó bạn đã để ý nhận thấy cái tên Xoren, viết bằng chữ đại tự trên một tấm ván dựng chót vót trên mái nhà, cái máy xẻ đó, sáu năm trước đây, đặt ở khoảnh đất trên đó hiện nay người ta đang cất bức tường của tầng thứ tư của khu vườn nhà ông đơ Rênan.

Mặc dầu kiêu hãnh, ông thị trưởng đã phải cày cục nhiều lần với lão Xoren, một lão thôn dân hắc búa và ương ngạnh; ông đã phải xĩa ra cho lão những đồng luy*

vàng đẹp nồn để được lão chịu di chuyển nhà máy của lão đi nơi khác. Con cái sông suối *công cộng* nó làm chạy máy cưa, thì ông đơ Rênan, nhờ có thế lực ở Pari, đã xin được phép khơi cho nó chảy đi hướng khác. Ông đã được cái đặc ân đó sau cuộc tuyển cử năm 182...*

Ông đã đổi cho lão Xoren, bốn sào ăn một, ở cách năm trăm bước về phía dưới, trên bờ sông Đúp. Và, mặc dầu vị trí này còn lợi hơn rất nhiều cho nghề buôn bán gỗ thông xẻ ván của lão, nhưng ông cụ Xoren, như người ta gọi lão từ khi lão phát tài, đã biết mảnh khoe lợi dụng sự nồn nóng và *thối sinh làm sở hữu chủ* của ông láng giềng, đã kiếm được món tiền 6.000 quan.

Quả đáng tội, cuộc điều đình ấy đã bị những người đầu óc tốt ở vùng đó chê trách. Có một lần, hôm đó là ngày chủ nhật, cách đây bốn mươi năm, ông đơ Rênan, bận trang phục thị trưởng ở nhà thờ về, trông thấy từ xa lão Xoren với ba đứa con trai của lão đi chung quanh, lão nhìn ông mà tủm tủm cười. Nụ cười đó đã rọi một tia sáng chết người vào tâm hồn ông thị trưởng, từ lúc đó ông nghĩ rằng đáng lẽ ông có thể đổi chác được rẻ hơn.

Muốn được thiên hạ trọng vọng ở Verie, điều chủ yếu là tuy xây cất rất nhiều tường, nhưng không được xây dựng theo một cái đề án nào đó du nhập từ nước Ý sang, do những bọn thợ nề cứ đến mùa xuân là đi xuyên qua những đường hẻm núi Juyra để lên Pari. Một việc làm cách tân như vậy sẽ khiến cho kẻ xây dựng đại dột đời đời mang tiếng là đầu óc xấu, và kẻ đó sẽ vĩnh viễn mất giá trị bên cạnh những người thức giả và ôn hòa, họ ban phát sự trọng vọng ở Frăngso Côngtê.

Trong thực tế, những người thức giả đó thi hành ở xứ này một cái *quyền chuyên chế* phiên hà nhất; chính vì cái danh từ bỉ ổi đó mà sự lưu trú ở các thành phố nhỏ thật không sao kham nổi đối với ai đã sống trong cái nước cộng hòa lớn gọi là Pari kia. Sự áp chế của dư luận, mà dư luận nào có ra gì? dù là ở những thành phố nhỏ nước Pháp hay ở Hợp-chủng-quốc châu Mỹ, thì cũng thô bạo chẳng kém gì nhau.

CHƯƠNG II

MỘT ÔNG THỊ TRƯỞNG

Oai quyền! Thưa ngài, không có nghĩa gì à? Nó có nghĩa là những kẻ ngu dại phải kính nể, con trẻ phải ngán ngo, thán phục, kẻ giàu có có phải thêm muốn, người thức giả phải khinh bỉ.

BARNAVO*

Thật may mắn cho tiếng tăm của ông đơ Rênan trong chức nghiệp quan cai trị, là cần thiết phải có một cái *tường chắn* dài muôn dặm cho con đường dạo chơi công cộng đi men theo chân đồi, cao hơn mặt sông Đúp một trăm piê. Nhờ ở vị trí tuyệt vời đó mà đi trên con đường kia người ta được thưởng ngoạn một phong cảnh kỳ thú vào bậc nhất của nước Pháp. Nhưng, cứ mỗi mùa xuân, nước mưa lại cày mặt đường, xẻ thành những rãnh sâu và làm cho đường không đi lại được. Điều bất tiện đó, mà tất cả mọi người đều cảm thấy, đặt ông đơ Rênan vào sự cần thiết may mắn phải bất tử hóa công

cuộc cai trị của ông bằng một bức tường cao hai chục piê và dài khoảng ba bốn chục toado*.

Bức lan can của cái tường đó, ông đơ Rênan đã vì nó mà phải ba lần đi Pari, vì ông bộ trưởng Nội vụ trước đây hai khóa đã ra mặt là kẻ tử thù của con đường dạo chơi ở Verie; bức lan can của cái tường đó hiện nay vượt cao bốn piê trên mặt đất. Và, như để đương đầu với tất cả các ông bộ trưởng hiện tại cũng như quá khứ, lúc này người ta đương lát nó bằng đá khối.

Biết bao lần, mơ tưởng đến những cuộc khiêu vũ của Pari vừa rời bỏ hôm trước, và ngực tì lên những khối đá màu xám đẹp phơn phớt xanh lam, tôi đã dõi mắt nhìn xuống lưu vực sông Đúp! Bên kia, trên tả ngạn, vòng vèo năm sáu thung lũng, trong lòng thung, trông thấy rất rõ những dòng suối nhỏ. Sau khi chảy hết thác này đến thác nọ, ta trông thấy chúng nó đổ vào sông Đúp. Trong vùng núi này mặt trời rất nóng; khi đứng bóng, giấc mơ màng của du khách được che chở trên con đường cao đó bởi những cây phong trắng lợt. Những cây đó lớn rất nhanh và chòm lá sum suê của nó phơn phớt màu lam, đó là nhờ ở chất đất đào, mà ông thị trưởng đã cho đắp phía sau bức tường chắn mệnh mông của ông, vì, mặc dầu sự phản đối của hội đồng thành phố, ông đã mở rộng con đường du ngoạn hơn sáu piê (dù ông thuộc phái bảo hoàng và tôi thuộc phái tự do, tôi cũng khen ông về điểm đó), vì vậy cho nên theo ý kiến của ông và của ông Valonô, vị giám đốc sung sướng của viện tế bản* ở Verie con đường cao này có thể so sánh được với nền cao Xanh-giec-manh-ăng-le*.

Về phần tôi thì tôi chỉ thấy có mỗi một điều đáng trách ở con ĐƯỜNG ĐẠO TRUNG THÀNH* đó, cái danh từ chính thức này, người ta đọc thấy ở mười lăm, hai mươi chỗ, trên những tấm biển bằng đá hoa nó đã đem lại cho ông dơ Rênan thêm một huân chương nữa; điều mà tôi muốn trách con Đường đạo Trung Thành đó, là cái cách thô bạo mà nhà chức trách đã cho xén và gọt nhẵn thín những cây phong khỏe khoắn kia. Đầu thấp lè tè, tròn và dẹt, giống như loài rau cỏ tầm thường nhất. Đáng lẽ để cho chúng có những hình dáng tráng lệ như những cây phong người ta thấy ở nước Anh, có phải hay biết bao nhiêu. Nhưng ý muốn của ông thị trưởng thật là chuyên chế và cứ mỗi năm hai lần, tất cả những cây cối thuộc quyền sở hữu của thị xã đều bị cắt xén không chút thương tình. Những người theo phái tự do của địa phương cho rằng, nhưng họ nói quá đấy thôi, bàn tay gã coi vườn của nhà nước đã trở nên nghiêm khắc hơn nhiều, từ khi ông trợ tế Maxiông có thói quen chiếm thủ những sản phẩm của cuộc cắt xén.

Nhà tu sĩ trẻ tuổi đó được phái từ Bôđăngxông* đến, cách đây mấy năm, để theo dõi cha Sêlăng và một vài cha xứ quanh vùng. Một thiếu tá quân y già của đạo quân chinh phạt Ý về trí sĩ ở Verie, và hồi còn sinh thời, theo lời ông thị trưởng, vừa thuộc phái Jacôbanh* lại vừa có khuynh hướng phò Bônápactơ, có một hôm dám phản nài với ông về sự cắt hại chu kỳ những cây cối đẹp kia.

- Tôi thích bóng mát, ông dơ Rênan trả lời với cái giọng kẻ cả đúng mức độ vừa phải khi nói năng với một ông bác sĩ quân y trưởng, có Bắc đẩu bội tinh; tôi thích

bóng mát, tôi cho xén cây cối *của tôi* để cho có bóng mát, và tôi không quan niệm rằng một cái cây còn có tác dụng gì khác, trừ phi nó *sinh lợi nhuận*, như vậy hồ đào ích lợi kia chẳng hạn.

Ấy đó, cái danh từ to tát nó quyết định hết thảy ở Verie: **SINH LỢI NHUẬN**. Cứ riêng nó, đủ tiêu biểu cho nếp nghĩ thông thường của hơn ba phần tư dân Verie.

Sinh lợi nhuận là cái lý lẽ nó quyết định hết thảy trong cái thành phố nhỏ bề ngoài có vẻ rất xinh đẹp kia. Người khách mới đến, bị quyến rũ vì cái vẻ đẹp của những thung lũng tươi mát và sâu thẳm vây bọc quanh mình, lúc đầu tưởng rằng cư dân ở đây yêu thích cái đẹp; và lại họ hay nói luôn đến vẻ đẹp của xứ sở họ: người ta không thể chối cãi rằng họ không coi trọng vẻ đẹp đó; nhưng chỉ là vẻ đẹp đó thu hút được một số khách đem tiền đến làm giàu cho các ông chủ quán, cái đó, nhờ bộ máy thuế quan, *sinh lợi nhuận cho thành phố*.

Một ngày thu đẹp trời, Ô. đơ Rênan khoác tay vợ dạo chơi trên Đường dạo Trung Thành. Vừa lắng nghe chồng nói chuyện ra vẻ nghiêm trọng, bà đơ Rênan vừa để mắt lo ngại dõi theo mọi cử chỉ của ba thằng con nhỏ. Thằng lớn nhất, chạc mười một tuổi, hay mon men đến gần bức lan can và ra dáng muốn trèo lên. Một giọng nói dịu dàng bèn gọi tên Adonphơ và thằng bé liền bỏ cái dự định táo bạo của nó. Bà đơ Rênan trông ra vẻ một người đàn bà đã ba mươi tuổi, nhưng còn khá xinh đẹp.

- Có thể rồi hẳn sẽ phải hối hận, cái con người quý hóa của Pari kia. Ô. đơ Rênan nói có vẻ tức giận, và gò

má lại càng tái nhợt hơn lúc thường. Dễ thường tôi không có vài người bạn thân thiết ở trong triều đấy hẳn...

Nhưng, mặc dù tôi muốn nói chuyện với bạn về tình lẻ trong hai trăm trang giấy, tôi cũng sẽ không dă man bắt bạn phải chịu đựng cái dài dòng văn tự và *những rào đón khôn khéo* của một câu chuyện đối thoại ở tình lẻ.

Cái con người quý hóa của Pari kia, mà ông thị trưởng Verie hết sức thù ghét, chẳng phải ai khác hơn là ông Apper*, vừa hai hôm trước, đã tìm được cách len lỏi không nhúng vào nhà đề lao và viện tế bần của Verie, mà cả vào bệnh viện mà ông thị trưởng và những nhà nghiệp chủ quan trọng nhất của địa phương quản lý công không.

- Nhưng mà, bà đo Rênan rụt rè nói, cái con người của Pari kia có thể làm gì hại ông được? Ông vẫn quản lý tài sản của người nghèo một cách hết sức thẳng thắn phân minh kia mà.

- Hẳn đến đây chỉ cốt để gieo lời chê trách, rồi hẳn lại cho đăng bài trên các báo của phái tự do cho mà xem.

- Thì ông có đọc những báo đó bao giờ đâu, hử ông.

- Nhưng người ta cứ đem những bài báo Jacôbanh đó mà nói đến tai chúng ta; tất cả những cái đó làm cho ta phân tâm và *ngăn cản chúng ta làm điều thiện*⁽¹⁾. Về phần tôi thì tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho ông cha xứ.

(1) Câu nói lịch sử.

CHƯƠNG III

TÀI SẢN CỦA NGƯỜI NGHÈO

*Một cha xứ có đạo đức và không
chạy vạy mưu mô, là một vị Phúc
thần cho thôn xã.*

FLORY*

Ông phải biết rằng cha xứ ở Verie, một ông già tám mươi tuổi, nhưng nhờ khí hậu lạnh gắt của miền núi này mà có một sức khang kiện và một tính khí rắn rỏi danh thép, có quyền đến thăm bất cứ lúc nào nhà đề lao, bệnh viện và cả viện tế bần nữa. "Ông Apper, được giới thiệu từ Pari với cha xứ, đã khôn ngoan đến một thành phố nhỏ thóc mách đúng vào lúc sáu giờ sáng. Ông liền đến ngay nhà xứ.

Đọc bức thư của hầu tước de La Môlơ, nguyên lão nghị viện nước Pháp, và là nhà nghiệp chủ giàu nhất xứ, cha xứ Sêlăng ngồi trầm ngâm suy nghĩ.

Mình già nua tuổi tác và được nhân dân ở đây yêu mến, ông tự lắm bầm một mình, họ chẳng dám đâu! Ông bèn quay ngay lại phía con người của Pari; đôi mắt ông, mặc dầu tuổi tác, sáng ngời ánh lửa thiêng liêng nó biểu

lộ niềm vui thích được làm một hành vi tốt đẹp hơi nguy hiểm.

- Thưa ông, ông hãy đi với tôi, và, trước mặt viên cai ngục và nhất là trước mặt những viên giám thị viên tế bản, xin ông đừng tỏ lộ một tí ý kiến gì về những điều trông thấy. Ông Apper hiểu ngay rằng đây là một con người có khí tiết: ông bèn đi theo ông cha xứ đáng tôn kính, thăm nhà đề lao, bệnh viện và viện tế bản hỏi rất nhiều câu và, mặc dầu những câu trả lời kỳ dị, ông không dám tỏ một tí gì là về chê trách cả.

Cuộc tham quan đó lâu hàng mấy tiếng đồng hồ. Ông cha xứ mời ông Apper ăn cơm trưa, ông này nói thác rằng còn bận viết thư từ: ông ta không muốn làm rầy rà nhiều hơn nữa cho ông bạn đồng hành hào hiệp. Khoảng ba giờ chiều, hai vị đó đi xem xét nốt viện tế bản, và sau đó trở lại đề lao. Đến đây, thấy ngay ở cổng vào viên cai ngục, một thứ người khổng lồ cao sáu piê và chân vòng kiềng; cái mặt dê tiện của hắn đã trở nên góm guốc vì kinh khủng.

- À! thưa ông, hắn vừa chợt trông thấy ông cha xứ đã vội nói ngay, ông này cùng đi với ông, có phải là ông Apper không?

- Có quan hệ gì? cha xứ nói.

- Là vì từ hôm qua tôi nhận được lệnh hết sức rành mạch do ông tỉnh trưởng cho một viên cảnh binh đưa đến, viên cảnh binh này phải phi ngựa suốt đêm, là không được cho ông Apper vào nhà đề lao.

- Ông Noaru ạ, cha xứ nói, tôi tuyên bố với ông rằng ông khách này, cùng đi với tôi đây, chính là ông Apper.

Ông có thừa nhận điều này hay không, là tôi có quyền vào thăm đề lao bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm, và muốn dắt ai đi theo tùy ý?

- Vâng, thưa cha xứ, viên cai ngục nói nhỏ giọng và cúi đầu như một con chó sợ đòn mà dần lòng phải tuân lệnh. Nhưng, thưa cha xứ, tôi có vợ con, nếu tôi bị phát giác thì người ta sẽ cất chức tôi; tôi chỉ trông vào có việc làm này để sống.

- Nếu tôi mất việc của tôi, thì tôi cũng phiền lòng lắm chứ, cha xứ nhân hậu đáp, bằng một giọng mỗi lúc một xúc động thêm.

- Khác nhau lắm! viên cai ngục vội đáp; cha xứ ạ, cha, thì ai cũng biết là cha có 800 livre* tiền niên kim, có của nổi chắc chắn...

Trên đây là những việc được người ta bàn tán, nói ngoa thêm bằng hai chục cách khác nhau, từ hai ngày hôm nay làm khơi động tất cả những mối hằn thù của cái thành phố nhỏ Verie. Trong lúc này đây, những sự việc đó đương làm đề tài cho cuộc thảo luận nhỏ của ông đơ Rênan với vợ. Sáng hôm nay, có ông Valonô giám đốc viện tể bản đi theo, ông ta đã đến nhà ông cha xứ để tỏ cho ông này biết nỗi bất bình hết sức của ông. Ông Sêlăng, vốn chẳng có ai đỡ dằn, cảm thấy tất cả tầm quan trọng của những lời lẽ của hai người kia.

- Thế thì, thưa ngài! tôi sẽ là cha xứ thứ ba, tám chục tuổi đầu, bị cất chức ở vùng này. Tôi ở đây đã được năm mươi sáu năm; tôi đã rửa tội cho hầu hết các cư dân của thành phố, hồi tôi mới đến chỉ là một cái thị trấn. Hàng ngày tôi làm phép cưới cho bọn trẻ, mà ngày

xưa tôi đã làm phép cưới cho ông nội họ. Verie là gia đình của tôi; nhưng tôi tự nhủ, khi trông thấy ông khách này: "Con người này từ Pari tới, sự thật có thể là một người theo phái tự do, họ nhan nhản cả đầy mà; nhưng ông ta có thể làm hại gì cho những người nghèo và những tù nhân của chúng ta?"

Những lời trách móc của ông đơ Rênan, và nhất là của ông Valonô, giám đốc viện tế bần, mỗi lúc một gay gắt thêm.

- Thế thì, thưa các ngài! các ngài cứ xin cất chúc tôi đi, ông cha xứ già kêu lên, giọng run run. Nhưng tôi sẽ vẫn ở xứ này. Ai cũng biết rằng bốn mươi tám năm trước đây, tôi được kế thừa một thửa ruộng có lợi nhuận là 800 livre. Tôi sẽ sống bằng số lợi tức đó. Trong chúc vạ của tôi, tôi không để ra được đồng nào, các ngài ạ, và có lẽ chính vì thế mà tôi không sợ hãi lắm, khi người ta nói đến chuyện làm cho tôi mất chúc.

Ông đơ Rênan vốn rất hòa thuận với vợ, nhưng không biết trả lời thế nào cho cái ý kiến mà bà ta rụt rè nhắc lại: "Cái nhà ông ở Pari kia có thể làm hại gì cho bọn tù nhân?" Ông ta sắp phát câu hẳn hoi thì vừa lúc đó bà ta kêu lên một tiếng. Thằng con trai thứ hai của bà vừa mới leo lên lan can bức tường của con đường cao, và nó chạy trên đó, mặc dầu bức tường này cao hơn hai mươi piê trên thửa ruộng nho phía bên kia. Sợ làm đứa con sợ hãi và làm nó ngã xuống, nên bà đơ Rênan không dám nói gì với ai cả. Sau cùng đứa bé, đương cười thích chí về hành vi anh hùng của mình, nhìn mẹ, thấy mẹ tái

xanh tái xám, nó bèn nhảy xuống mặt đường và chạy lại với bà. Cu cậu bị mắng một trận nên thân.

Sự việc nhỏ đó làm đổi chiều câu chuyện.

- Tôi nhất quyết đón về nhà ta anh Xoren, con trai lão thợ xẻ, ông đor Rênan nói; hấn sẽ trông nom lũ trẻ, chúng đã bắt đầu nghịch ngợm quá, chúng mình không coi xuể nữa. Hấn là một thầy tu trẻ, giỏi tiếng La-tinh và sẽ làm cho lũ trẻ tiến bộ; vì hấn tính tình cương nghị, ông cha xứ bảo thế. Tôi sẽ cho hấn 300 quan và com nuôi. Trước kia tôi vẫn có vài điều ngờ vực về đạo đức của hấn; vì hấn là con cung của lão thiếu tá quân y có Bắc đầu bội tình, lão này đã đến ở trọ nhà cha con Xoren, lấy có là có họ hàng. Cái lão ấy rất có thể tỵ trung chỉ là một thám tử của bọn tự do; lão nói rằng khí hậu miền núi chúng ta có tác dụng tốt đối với bệnh suyễn của lão; nhưng chả có gì là bằng chứng. Lão đã tham gia tất cả các chiến dịch của *Buônapartê** ở Ý và thậm chí nghe nói rằng hồi trước lão đã ký không để ủng hộ đế chế*. Cái lão tự do phái đó dạy tiếng La-tinh cho cậu Xoren, và đã để lại cho cậu này bao nhiêu là sách mà lão đã đem theo đến. Vì thế cho nên đáng lẽ chẳng bao giờ tôi nghĩ đến chuyện mời anh con trai lão thợ mộc* đến trông nom lũ con của chúng mình, nhưng ông cha xứ, đúng cái hôm trước khi xảy ra câu chuyện làm cho tôi với ông ta quyết tuyệt với nhau, ông có bảo tôi rằng anh chàng Xoren này học thần học đã ba năm nay, với ý định vào chủng viện: vậy anh ta không phải là phái tự do, và anh ta biết tiếng La-tinh.

Cuộc thu xếp này có lợi về nhiều mặt, ông đơ Rênan nói tiếp và nhìn vợ với một vẻ bí mật; gã Valonô rất hãnh diện về hai con ngựa normăng* đẹp mà hắn mới mua cho xe ngựa của hắn. Nhưng hắn không có gia sư cho lũ con của hắn.

- Hắn rất có thể hút mất của ta cậu gia sư này.

- Vậy mình tán thành dự kiến của tôi chứ? Ông đơ Rênan nói, vừa tủm tỉm cười để cảm ơn vợ về cái ý kiến rất hay của bà ta vừa rồi. Thôi, thế là quyết định.

- Ô, trời ơi! mình quyết định công việc nhanh chóng quá, mình ạ.

- Là vì tôi, tôi có tính cương nghị, ông cha xú đã thấy rõ đấy. Chả nên giấu giếm gì, ở đây bọn tự do đây rầy khắp chung quanh ta. Tất cả những bọn buôn vải kia ghen với tôi lắm, tôi biết chắc chắn; hai ba đứa đã trở nên giàu sụ; thế thì! tôi chỉ thích cho họ trông thấy lũ con của ông đơ Rênan đi dạo chơi có *gia sư của chúng* dẫn dắt. Cái đó sẽ làm cho thiên hạ phải kính nể. Ông nội tôi thường kể lại rằng, hồi còn trẻ, cụ có một gia sư. Bất quá tôi chỉ tốn một trăm êquy*, nhưng số tiền đó phải coi như là một món chi tiêu cần thiết để giữ cho đúng địa vị của chúng mình.

Sự quyết định đột ngột đó làm cho bà đơ Rênan phải trầm ngâm suy nghĩ. Bà ta là một người đàn bà tầm vóc cao, thân hình cân đối, đã từng là hoa khôi của địa phương, như lời người ta thường nói nhiều ở miền rừng núi này. Bà có một cái vẻ giản dị, và đáng đi trẻ trung; đối với con mắt của một dân Pari, thì cái duyên dáng ngây thơ đó đầy vẻ hồn nhiên và nồng nàn đậm thắm có

thể đi đến chỗ gọi những ý nghĩ khoái lạc êm ái. Nếu bà đơ Rênan được biết cái kiểu người ta hâm mộ mình như thế, thì chắc bà lấy làm then thùng lắm. Tâm hồn con người đó chưa hề nhiễm thói duyên dáng, điệu bộ. Ông Valonô, giám đốc giàu có của viện tế bản, nghe đâu đã có tán tỉnh ve vãn bà ta, nhưng không ăn thua gì, điều đó đã làm cho đức hạnh của bà chói rọi hẳn lên; vì cái nhà ông Valonô này, một gã thanh niên tầm vóc cao lớn, sức lực, mặt đỏ gay và hai chòm râu má rậm đeo, thuộc vào cái hạng người thô鄙, trâng tráo và ồn ào, mà ở tỉnh lẻ người ta gọi là những người đàn ông đẹp.

Bà đơ Rênan, tính tình rất e lệ và tính khí bề ngoài có vẻ rất là thất thường, thấy chuống nhất là ông Valonô luôn luôn cử động và tiếng nói cứ oang oang như lệnh võ. Vì xa lánh những cái mà ở Verie người ta gọi là cuộc vui, nên bà có tiếng là rất kiêu hãnh về dòng dõi của mình. Bà chẳng hề nghĩ đến điều đó, nhưng rất lấy làm hài lòng thấy những dân thành phố bót lui tới nhà mình. Chúng ta sẽ không giấu giếm rằng đối với con mắt các bà vợ của họ, bà là người ngu dại, bởi vì, chẳng có một tí thủ đoạn nào đối với chồng, bà bỏ qua những cơ hội tốt đẹp nhất để đòi chồng sắm cho mình những cái mũ đẹp của Pari hoặc của Bodăngxông. Quý hồ người ta để mặc cho bà một mình tha thẩn trong khu vườn đẹp của bà, là bà chẳng bao giờ phản nản gì cả.

Đó là một tâm hồn chất phác, cũng chưa hề bao giờ lên đến mức phê phán chồng và tự thú rằng ông ta làm cho bà buồn chán. Bà không tự nhủ thành lời, nhưng cho rằng giữa vợ với chồng chẳng còn có những mối quan hệ

nào êm đềm hơn nữa. Bà yêu thích nhất ông đơ Rênan là khi ông nói với bà về những dự kiến của ông về con cái, ông định cho đứa này theo nghề quan võ, đứa kia làm quan văn, đứa nọ làm tu sĩ*. Nói tóm lại, bà thấy ông đơ Rênan, so với tất cả những người đàn ông mà bà quen biết, còn ít đáng buồn chán hơn nhiều.

Ý kiến nhận xét về chồng như vậy cũng là phải chăng. Ông thị trưởng Verie được tiếng là thông minh và nhất là tao nhã, nhờ ở nửa tá những câu bông lơn thừa hưởng của một ông chủ. Ông đại úy già đơ Rênan, trước cách mạng, phục vụ trong trung đoàn lục quân của Ngai quận công d'Orléans*, và khi ông lên Pari, ông ta được lui tới các phòng khách của vị hoàng thân đó. Ông ta được gặp ở đó bà đơ Môngtexông, bà đơ Giănglix nổi tiếng, ông Duycrext*, người sáng tạo khu Hoàng Cung. Những nhân vật đó luôn luôn tái hiện trong những mẩu chuyện kể của ông đơ Rênan. Nhưng dần dần sự nhớ lại những chuyện khó kể đó trở nên một việc làm vất vả đối với ông, nên ít lâu nay, ông chỉ nhắc lại những chuyện kể có liên quan đến phủ d'Orléans trong những dịp quan trọng thôi. Ngoài ra, vì ông vốn rất lễ độ, trừ khi nói đến chuyện tiền tài, nên ông được người ta coi, và như vậy cũng có lý, là nhân vật quý phái nhất ở Verie.

CHƯƠNG IV

MỘT NGƯỜI BỐ VÀ MỘT NGƯỜI CON

E sarò mia colpa

Se così è?

MACHIAVELLI*

Vợ mình quả thật là thông minh! Ông thị trưởng Verie nghĩ bụng như vậy, hồi sáu giờ sáng hôm sau, lúc đi xuống xưởng cưa của lão Xoren. Mặc dầu mình đã có nói với bà ấy, để giữ cái thể bề trên của mình, nhưng thật mình chưa hề nghĩ ra rằng nếu mình không mời cậu bé thầy dòng Xoren kia, nghe nói giỏi La-tinh ghê lắm, thì lão giám đốc viện tế bản, con người đầu óc không dễ yên lúc nào, rất có thể lão cũng có ý nghĩ như mình và hót mất của mình không biết chừng. Như vậy, hấn sẽ nói đến người gia sư của con hấn với một giọng tự phụ đến thế nào!... Anh chàng gia sư này, một khi về với mình, rồi cô sẽ đi tu nữa không nhỉ?

Ông đo Rênan đương mãi mê với nỗi nghi hoặc đó, thì trông thấy từ xa một người nhà quê, người cao gầy sáu piê, ngay từ lúc tờ mờ sáng, đã có vẻ như đương mãi đo đạc những cây gỗ để ở dọc bờ sông Đúp, trên con

đường kéo thuyền. Người nhà quê đó hình như không thích lắm, khi trông thấy ông thị trưởng lại gần; vì những cây gỗ của y làm nghẽn cả đường đi, và để ở chỗ đó là phạm luật vi cảnh.

Lão Xoren, vì chính là lão ta, rất ngạc nhiên và còn hài lòng hơn nữa khi thấy lời đề nghị lạ lùng của ông đơ Rênan về thằng con của mình. Tuy vậy lão vẫn làm ra bộ nghe ông ta với một vẻ buồn rầu trái ý và thờ ơ không thiết, như những dân miền núi này vẫn thường khéo che đậy cái láu lỉnh của họ. Vốn là dân nô lệ trong thời Tây-Ban-Nha thống trị, họ vẫn còn giữ cái nét mặt đó của người nông dân Ai-cập.

Lời đáp của lão Xoren đầu tiên chỉ là đọc một tràng dài tất cả những câu sáo ngữ cung kính mà lão thuộc lòng. Trong khi lão lặp lại những lời hão huyền đó, với một nụ cười gương gạo nó làm tăng thêm cái vẻ giả dối và gần như gian xảo vốn dĩ của nét mặt lão, trong khi ấy thì đầu óc linh hoạt của lão nhà quê tìm cách khám phá xem vì lý do gì mà một con người quan trọng như thế kia đến nỗi phải đi mời thằng con ăn hại của lão về nhà họ. Lão thì hết sức bất mãn về thằng Juyliêng, thế mà ông đơ Rênan vì thằng ấy mà đến trả với lão một số lương bổng bất ngờ là 300 quan một năm, với com nuôi và cả mặc nữa. Khoản yêu sách sau cùng này, mà lão Xoren khéo tài tình đưa ra đột ngột, đã được ông đơ Rênan chấp thuận cũng đột ngột như vậy.

Sự đòi hỏi đó làm ông thị trưởng chú ý. Lão Xoren mà không mừng rơn và mãn nguyện về chuyện đề nghị của mình, như đáng lẽ cứ đằng thẳng ra lão phải mừng,

phải mãn nguyện mới đúng, thì rõ ràng, ông nghĩ bụng là về phía khác có người đã dạm hỏi lão rồi; người đó là ai, nếu không phải là thằng cha Valonô? Ông đơ Rênan thúc giục lão Xoren kết ước ngay đi, nhưng vô hiệu; lão nhà quê xảo quyết cứ nhất định thoái thác; lão bảo rằng lão còn muốn hỏi ý kiến thằng con, làm như ở tỉnh lẻ, một người bố giàu có lại còn phải hỏi ý kiến một đứa con không có của cải gì, nếu không phải chỉ là hình thức lấy lệ.

Một cái xưởng máy cưa chạy bằng nước gồm có một lớp nhà cầu ở bờ một dòng suối. Mái nhà được đỡ bằng một bộ rui kèo bắc lên trên bốn cái cột lớn bằng gỗ. Cao tám đến mười piê, ở giữa nhà cầu, người ta thấy một lưỡi cưa đưa lên đưa xuống, trong khi một bộ máy rất đơn giản đẩy một cây gỗ vào lưỡi cưa đó. Một cái bánh xe, mà dòng suối làm cho chuyển động, làm chạy hai bộ máy kia; bộ máy lưỡi cưa lên xuống, và bộ máy đẩy từ từ cây gỗ tới lưỡi cưa, nó xẻ cây gỗ ra thành ván.

Đến gần xưởng máy, lão Xoren cất tiếng oang oang gọi Juyliêng; không thấy ai trả lời, lão chỉ trông thấy hai thằng con lớn, vóc người lực lưỡng, tay cầm búa rìu nặng trĩu, đương đẽo cho vuông vắn những cây gỗ thông, sắp đưa vào máy cưa. Chúng còn mải mê đẽo cho thật đúng vết mực đen kẻ trên cây gỗ, mỗi nhát rìu của chúng tách ra được những mảnh to tướng. Chúng không nghe thấy tiếng bố. Lão ta tiến đến nhà cầu; khi bước vào, lão tìm không thấy thằng Juyliêng ở vị trí đáng lẽ phải có nó, tức là bên cạnh cái cưa. Lão trông thấy hấn ở tận trên năm sáu piê cao hơn lưỡi cưa, ngồi cưỡi ngựa trên một

cái dầm nhà. Đáng lẽ phải chăm chú trông coi sự hoạt động của tất cả bộ máy, thì Juyliêng lại đương đọc sách. Lão Xoren không ghét gì hơn; họa chăng lão còn có thể tha thứ cho Juyliêng về chuyện tầm vóc mỏng manh không thích hợp với những công việc nặng nề, và khác xa tầm vóc những thằng anh; nhưng cái thói hay đọc sách là lão ghét cay ghét độc, vì chính bản thân lão không biết chữ.

Lão gọi Juyliêng đến vài ba lần nữa mà vô hiệu. Chàng thanh niên không nghe thấy tiếng gọi kinh khủng của bố vì mãi chăm chú vào quyển sách nhiều hơn là vì tiếng ầm ầm của máy cưa. Sau cùng, mặc dù tuổi tác, người bố nhảy thoát lên cây gỗ đặt vào máy cưa và từ đó nhảy lên tấm xà ngang. Một cái bóp rất phũ làm cho quyển sách Juyliêng đương cầm tay bay vút xuống suối; một cái bóp thứ hai cũng phũ như thế, đập vào đầu, như kiểu chụp mũ, làm cho anh chàng mất thăng bằng. Anh ta sắp ngã từ trên cao xuống mười hai, mười lăm piê dưới thấp, vào giữa đám những đòn bẩy của máy đương chạy, đến gãy nát người ta mất, nhưng người bố với tay trái ra giữ anh lại, lúc anh đương loạng choạng.

- Thế nào, đồ biếng nhác! ra mày vẫn cứ đọc những sách chết toi của mày, trong lúc mày phải ngồi coi máy cưa à? Muốn đọc thì để đến tối, khi mày đến tiêu phí thì giờ ở nhà ông cha Xứ, tha hồ.

Mặc dầu bị cái bóp mạnh làm choáng óc, và máu mê dầm dìa, Juyliêng cũng men lại gần chỗ ngồi chính thức của mình, cạnh lưỡi cưa. Anh rung rung nước mắt, vì đau thể xác ít hơn là vì mất quyển sách yêu quý.

"Xuống đây, đồ súc vật, để tao nói chuyện". Tiếng máy âm âm lại lần nữa làm cho Juyliêng không nghe thấy tiếng truyền lệnh kia. Người bố đã tụt xuống rồi, không muốn mất công lại trèo lên bộ máy nữa, bèn đi tìm cái sào dài dùng để kéo trái hồ đào*, đập vào vai anh. Juyliêng vừa xuống tới đất thì lão Xoren đã xô anh phũ phàng về phía trước, và đẩy về nhà. Ông ấy sắp làm gì mình đây, có Trời biết, chàng thanh niên nghĩ bụng. Khi đi qua, anh buồn rầu nhìn dòng suối mà quyển sách của anh vừa rơi xuống; đó là quyển sách anh yêu hơn cả, quyển *Hồi ký Xanhlo-Hêlen**.

Má anh đỏ bừng, và hai mắt cúi gằm xuống. Anh ta là một chàng thanh niên nhỏ nhắn, khoảng mười tám mười chín tuổi, vẻ ngoài yếu ớt, nét mặt không đều đặn, nhưng thanh tú, và mũi mỗ điệu. Đôi mắt to đen lánh, những lúc yên lặng, biểu hiện sự suy nghĩ và lòng nồng nhiệt, lúc này đây đương long lên một vẻ căm hờn hết sức dữ dội. Tóc màu hạt dẻ sẫm, mọc rất thấp, làm cho anh có một cái trán bé tí, và những lúc nổi giận, có một vẻ mặt dữ tợn. Trong vô vàn các loại tướng mạo, có lẽ không có tướng mạo nào có một vẻ đặc biệt rõ rệt hơn. Một thân hình thon thả và cân đối biểu hiện vẻ nhẹ nhàng hơn là sức mạnh. Ngay từ thời thơ ấu, cái vẻ cực kỳ ưu tư và nước da xanh lét của anh đã làm cho bố anh có ý nghĩ rằng anh sẽ không sống được, nay có sống chăng thì cũng là một gánh nặng cho gia đình. Bị tất cả mọi người trong nhà khinh rẻ, anh thù ghét cả hai anh và bố; trong các cuộc chơi ngày chủ nhật, trên quảng trường công cộng, bao giờ anh cũng bị đánh bại.

Gần đây chưa đầy một năm, khuôn mặt xinh đẹp của anh bắt đầu gây cho anh được vài mối cảm tình trong đám các cô gái. Bị tất cả mọi người khinh, cho là con người yếu đuối, Juyliêng yêu quý ông thiếu tá quân y già nọ một hôm đã dám nói với ông thị trưởng về vấn đề những cây phong.

Ông bác sĩ này đôi khi trả cho lão Xoren tiền công nhật của cậu con và dạy cho anh ta tiếng La-tinh và lịch sử, nghĩa là cái phần mà ông biết về lịch sử, tức là chiến dịch 1796 ở Ý. Khi chết, ông đã di tặng anh tám huân chương Bắc đẩu bội tinh của ông, những món tiền chưa lĩnh của lương quân nhân hưu trí và ba bốn chục quyển sách, quyển quý nhất vừa mới nhả xuống *dòng suối công cộng*, mà thế lực ông thị trưởng đã khơi dòng đổi hướng.

Vừa bước chân vào đến nhà, Juyliêng thấy bàn tay lực lưỡng của bố chặn vai anh lại; anh run bắn người lên, chờ đợi một trận đòn.

- May hãy trả lời tao cho thật thà, giọng nói ác nghiệt của lão nhà quê thét vào tai anh, trong khi bàn tay lão xoay lật anh lại khác nào bàn tay một đứa trẻ xoay lật một chú lính bằng chì. Đôi mắt to đen lánh và đầy nước mắt của Juyliêng thấy phải đối diện với đôi mắt nhỏ màu xám và độc ác của lão thợ mộc già, lão có vẻ như muốn soi mói vào lên đáy tâm hồn anh.

CHƯƠNG V

MỘT CUỘC THƯƠNG LƯỢNG

Cuartando restituit rem.

ENNIUS*

Mày hãy trả lời tao cho thật thà, nếu mày có thể thật thà được, thằng chó *một* sách kia; do từ đâu mà mày quen biết bà đờ Rênan, mày đã nói chuyện với bà ấy bao giờ?

- Tôi chưa bao giờ nói chuyện với bà ấy cả, Juyliêng trả lời, tôi chỉ trông thấy bà ấy ở nhà thờ thôi.

- Nhưng ý hửn mày đã nhìn bà ấy chứ gì, thằng mặt dày kia?

- Không bao giờ? Bố cũng biết là ở nhà thờ tôi chỉ nhìn thấy có Chúa mà thôi, Juyliêng nói thêm với một vẻ giảo quyết, theo anh nghĩ, cốt để tránh bị đòn trở lại.

- Nhưng hửn là phải có chuyện ngầm gì đây, lão nhà quê tinh quái đáp lại, và lão im lặng một lát; nhưng hỏi mày thì tao cũng chả biết được gì, đồ giảo quyết chết toi. Dẫu sao, thì tao cũng sắp thoát nợ với mày rồi, và như vậy thì càng hay cho cái máy cưa của tao. Mày đã lấy

lòng được ông cha xứ hay một người nào đó chả biết, họ đã kiếm cho mày được một chỗ làm tốt. Đi mà gói ghém quần áo đi, để tao dắt mày đến nhà ông dơ Rênan, đến đó mày sẽ làm gia sư cho lũ con của ông ấy.

- Như vậy tôi sẽ được những gì?

- Com ăn, áo mặc và ba trăm quan tiền công.

- Tôi không muốn làm thằng ở.

- Đồ súc vật, ai bảo mày làm thằng ở, để thường tao chịu để cho con tao đi ở à?

- Nhưng, tôi sẽ ăn với ai?

Câu hỏi đó làm cho lão Xoren tung hứng, lão cảm thấy rằng nếu nói năng gì thì lão có thể lơ lơi nói hớ, lão bèn nổi đóa lên với Juyliêng, chửi rửa anh thậm tệ, mắng anh là đồ tham ăn tham uống, và rồi anh để đi hỏi ý kiến những thằng con khác.

Ngay một lát sau đó, Juyliêng trông thấy những đứa kia, mỗi đứa đứng tì vào chiếc búa rìu và đương bàn bạc với nhau. Sau khi đã nhìn chúng hồi lâu, thấy rằng không thể đoán biết được gì hết, Juyliêng đi đến ngồi phía bên kia của máy cưa, để tránh khỏi bị chúng bắt chột. Anh muốn nghĩ ngợi về cái tin báo bất ngờ kia nó thay đổi số phận của anh, nhưng anh tự cảm thấy không thể nào khôn ngoan cẩn thận được, trí tưởng tượng của anh hoàn toàn còn bận hình dung những cái anh sẽ được trông thấy trong ngôi nhà đẹp của ông dơ Rênan.

Phải từ bỏ tất cả những cái đó thôi, anh nghĩ thầm, chứ không chịu cái nước phải cùng ăn với bọn người ở. Bố mình sẽ có ý định bắt ép mình đấy; thà chết còn hơn.

Mình có mười lăm quan tám xu* tiền để dành, đêm nay mình trốn đi; chỉ hai ngày, đi những đường tắt không sợ gặp bọn lính tuần canh, là mình tới Bodăngxông; đến đó, mình đăng lính, và, nếu cần, đi sang Thụy-sĩ. Nhưng thế thì mình hết cả tiến thân, hết cả tham vọng, hết mong cái nghề tu sĩ nó dẫn tới tất cả mọi địa vị.

Cho rằng phải cùng ăn với bọn người ở là điều kinh tởm, ý nghĩ đó không phải do bẩm tính tự nhiên của Juyliêng. Để đạt tới giàu sang, đáng lẽ anh còn có thể làm những việc cực lòng hơn nhiều. Anh học được cái nét kiêu kỳ đó trong sách *Những lời thú tội* của Ruxô*. Đó là quyển sách duy nhất nhờ nó mà trí tưởng tượng của anh hình dung cuộc đời. Tập kỷ yếu của đại-quân-đoàn* và quyển *Hồi ký Xanh-to-Hêlen* bổ sung thêm cho đầy đủ bộ kinh *Cô-răng** của anh. Anh có thể vì ba tác phẩm đó mà sẵn sàng hy sinh tính mạng. Anh không bao giờ tin ở một tác phẩm nào khác. Theo một câu nói của ông thiếu tá quân y già, thì anh coi tất cả các sách khác trên đời là nói dối, và do những kẻ gian xảo viết ra để tiến thân.

Với một tâm hồn nồng nhiệt, Juyliêng có một thứ trí nhớ kinh dị, rất nhiều khi đi đôi với sự ngu dại. Để được lòng ông cụ cha xứ Sêlăng, mà anh thấy rõ là số phận tương lai của anh tùy thuộc vào ông cụ ấy, anh đã học thuộc lòng tất cả bộ Tân Ước bằng tiếng La-tinh; anh cũng thuộc lòng cả bộ sách *Nói về giáo hoàng* của ông đơ Mextơ*, và anh chẳng tin gì bộ sách này cũng chẳng tin gì bộ sách kia.

Như có một sự đồng tình thỏa thuận giữa hai bên, hai bố con Xoren tránh nói chuyện với nhau ngày hôm đó. Sấm sấm tối, Juyliêng đi học thần học ở nhà ông cha xứ, nhưng anh cho rằng đừng nên nói gì với ông về lời đề nghị lạ lùng mà người ta đã ngỏ với bố anh thì khôn hơn. Biết đâu không phải là một cái cạm bẫy gì đây, anh nghĩ bụng, phải làm ra bộ đã quên chuyện ấy đi rồi.

Sáng sớm hôm sau, ông đơ Rênan cho gọi lão Xoren; sau khi đã để cho ông ta phải chờ đợi một hai tiếng đồng hồ, lão mới tự dẫn đến, và ngay từ ngoài cửa lão đã nói hàng trăm câu xin lỗi xen vào hàng trăm lễ chào kính cẩn. Vặn vẹo đủ điều, rồi lão Xoren được biết rằng con trai lão sẽ ăn với ông bà chủ nhà, và những ngày có khách khứa, thì ăn một mình trong một buồng riêng với lũ trẻ. Càng thấy ông thị trưởng thực sự vô vấp, lão Xoren lại càng sẵn lòng kiếm chuyện, và chẳng lão vẫn còn đầy lòng ngờ vực và ngạc nhiên, lão bèn xin được xem gian phòng mà con lão sẽ ngủ. Đó là một gian rộng lớn, đồ đạc rất tinh tuom, nhưng người ta đã đương khiêng sang đó những cái giường của ba đứa trẻ.

Việc đó là một tia ánh sáng cho lão nhà quê; lão bèn vùng giọng đòi ngay cho xem bộ áo mà người ta sẽ cho con lão mặc. Ông đơ Rênan mở bàn giấy và lấy ra một trăm quan.

- Với số tiền này, con ông sẽ đi tới nhà ông Đuyrăng, hàng bán len dạ, và cất một bộ quần áo đen.

- Dù khi tôi có rút con tôi ra khỏi nhà ngài, lão nhà quê nói, chột quên cả mọi hình thức kính cẩn, thì bộ áo đen đó vẫn là của nó chứ?

- Cố nhiên.

- À vâng! lão Xoren nói với một giọng ề à, vậy ta chỉ còn thỏa thuận với nhau về một điều nữa thôi, số tiền mà ngài sẽ cho nó.

- Thế nào! Ông đơ Rênan tức mình kêu lên, chúng ta đã thỏa thuận từ hôm qua rồi mà: tôi cho anh ấy ba trăm quan, tôi tưởng thế là nhiều rồi, có lẽ nhiều quá rồi.

- Hôm qua ngài có đề nghị số tiền đó, tôi không chối cãi, lão Xoren nói, giọng càng chậm rãi hơn; và, bằng một cố gắng thần tình chỉ những ai không hiểu biết người nhà quê xứ Frăngsor - Côngtê mới lấy làm ngạc nhiên, lão nói thêm, mắt nhìn trông trực vào ông đơ Rênan: *Chúng tôi được trả hơn thế, ở nơi khác.*

Nghe thấy mấy lời đó, nét mặt ông thị trưởng bỗng bối rối hẳn lên. Nhưng ông trấn tĩnh lại, và, sau một cuộc chuyện trò khôn khéo dài hai tiếng đồng hồ, trong đó không một lời nào nói vu vơ, cái tình ranh của lão nhà quê thắng cái tình ranh của ông nhà giàu, vốn không cần tình ranh để sống. Tất cả mọi khoản phiền tạp cần để quy định cuộc đời mới của Juyliêng được ấn định rõ ràng; không những lương của anh được quy định là bốn trăm quan, nhưng còn phải trả trước, ngày mùng một mỗi tháng.

- Thì đây! tôi sẽ đưa cho anh ấy hăm năm quan, ông đơ Rênan nói.

- Để cho nó chẵn con số, một người giàu có có vẻ hào phóng như ngài thị trưởng của chúng tôi, lão nhà quê nói bằng một giọng *vuốt ve*, có thể đi tới băm sáu quan chứ.

- Được, ông đơ Rênan nói, nhưng ta hãy chấm dứt đi thôi.

Lần này thì con tức giận khiến ông có giọng cương quyết. Lão nhà quê thấy rằng nên thôi đừng lấn bước nữa. Thế là, đến lượt ông đơ Rênan tiến tới. Không đòi nào ông chịu đưa số tiền năm sáu quan của tháng đầu cho lão Xoren, lần này thì rất sốt sắng để nhận thay con. Ông đơ Rênan chợt nghĩ rằng thế nào ông cũng phải kể lại cho vợ nghe cái vai trò ông đã đóng trong tất cả cuộc thương lượng này.

- Ông hãy trả lại tôi món tiền một trăm quan mà tôi đã đưa ông, ông nói có vẻ bực mình. Ông Duyrăng còn nợ tôi ít nhiều. Tôi sẽ đi cùng với con ông để cắt tấm hàng dạ đen.

Sau hành vi cứng cỏi đó, lão Xoren khôn ngoan rút lui trở về những sáo ngữ cung kính; như vậy mất đến mười lăm phút đồng hồ. Sau cùng, thấy rằng dứt khoát không còn kiếm chác gì được nữa, lão cáo lui. Lễ kính chào cuối cùng của lão kết thúc bằng một câu:

- Để tôi bảo con tôi nó vào dinh hầu ngài.

Các dân bản hạt của ông thị trưởng gọi nhà riêng của ông như vậy, khi họ muốn làm ông đẹp lòng.

Khi trở về xưởng máy, lão Xoren tìm kiếm thằng con mà không thấy. Để phòng cơ sự có thể xảy ra, Juyliêng đã ra đi hồi nửa đêm. Anh có ý muốn cất giấu vào một nơi chắc chắn các sách vở và tấm huân chương Bắc đẩu bội tinh của anh. Anh đã chuyển tất cả đến nhà một người buôn gỗ trẻ tuổi, bạn anh, tên là Fukê, nhà ở trên rặng núi cao chót vót bên cạnh Verie.

Khi anh trở về đến nhà: - Thằng biếng nhác chết toi kia, người bố nói với anh, chả biết rồi mày sẽ có đủ liềm sỉ để trả lại tiền com của mày mà tao ứng ra đã bao nhiêu năm nay không! Đi lấy quần áo giẻ rách của mày, rồi xéo đến nhà ông thị trưởng đi.

Juyliêng ngạc nhiên rằng không bị đòn, vội vã đi cho mau. Nhưng vừa đi khỏi mắt người bố ghê gớm, anh lại chậm bước lại. Anh cho rằng, dùng chân lại một lát ở nhà thờ, có lẽ có lợi cho trò giáo quyết của anh.

Ý nghĩ đó làm cho bạn ngạc nhiên ư? Trước khi đi đến ý nghĩ kinh người đó, tâm hồn anh chàng nhà quê trẻ tuổi đã phải qua nhiều chặng đường lắm.

Ngay từ hồi còn thơ ấu, trông thấy một vài người kỵ binh của trung đoàn 6*, mặc áo choàng dài màu trắng, và đầu đội mũ có tua đen dài, từ bên Ý trở về, và Juyliêng thấy buộc ngựa ở cửa sổ có chấn song của nhà bố, anh đã say mê nghe vô bị đến điên người. Về sau anh lắng nghe vui sướng những chuyện của ông cụ thiếu tá quân y kể về các trận cầu Lôdi, Arcôlơ, Rivôli*. Anh để ý nhận thấy những tia mắt bùng bùng nảy lửa của ông già rơi vào tám huân chương.

Nhưng khi Juyliêng mười bốn tuổi, người ta bắt đầu xây ở Verie một ngôi nhà thờ, có thể gọi là tráng lệ đối với một thành phố nhỏ như vậy. Nhất là có bốn cái cột bằng đá hoa, Juyliêng trông thấy phải chú ý; bốn cái cột đồ trở nên nổi tiếng ở địa phương, do mối tử thù mà nó gây ra giữa ông thẩm phán tạp tưng* với ông trợ tế trẻ tuổi, được phái từ Bodăngxông tới, người ta cho rằng để làm do thám cho thánh hội*. Ông thẩm phán tạp tưng

• suýt nữa thì mất chức, ít ra dư luận chung cho là như vậy. Ông há chẳng đã cả gan dám có chuyện xích mích với một vị giáo sĩ hầu như cứ mười lăm ngày một lần đi Bodăngxông, ở đó, nghe nói ông ta được gặp đức cha giám mục?

Đương lúc có cuộc xích mích ấy, ông thẩm phán tap tung, cha một gia đình đông con, tuyên nhiều bản án có về bất công; tất cả các án quyết đó đều quy tội cho những người cư dân đọc báo *Người lập hiến**. Sự nông ngoan thắng thế. Đành rằng đây chỉ là những món tiền từ ba đến năm quan; nhưng có một người bán đình, cha đỡ đầu của Juyliêng, phải nộp một khoản tiền phạt còn con đó. Trong cơn tức giận, người đó kêu lên: "Sự đổi thay gớm thật! thế mà, từ hơn hai chục năm nay, ông thẩm phán tap tung vẫn được coi là một người hết sức chính trực đấy!". Hồi đó, ông thiếu tá quân y, bạn của Juyliêng đã qua đời.

Bỗng nhiên, Juyliêng thôi không nói đến Napôlêông nữa; anh tuyên bố ý định muốn làm giáo sĩ, và người ta luôn luôn thấy anh, trong xưởng của của bố, mài miết học thuộc lòng một quyển kinh thánh bằng tiếng La-tinh mà ông cha xứ đã cho anh mượn. Ông già hiền hậu này, thán phục những tiến bộ của anh, dành những buổi tối trọn vẹn để dạy anh thần học. Trước mặt ông, Juyliêng chỉ biểu lộ những tình cảm ngoan đạo. Ai mà đoán được rằng cái bộ mặt con gái đó, rất xanh xao và rất dịu dàng, lại che giấu cái quyết tâm không gì lay chuyển nổi là thà chịu muôn ngàn cái chết còn hơn là không đạt tới giàu sang!

Đối với Juyliêng, đạt tới giàu sang, là trước hết phải ra khỏi Verie; anh thù ghét quê hương của anh. Tất cả những điều anh trông thấy ở đó làm cho đầu óc anh giá lạnh.

Ngay từ hồi còn thơ ấu, anh đã có những lúc cuồng nhiệt. Khi đó, anh mơ màng khoái trá một ngày kia anh sẽ được giới thiệu với những đàn bà đẹp của Pari, anh sẽ biết cách làm họ phải chú ý bằng một hành động oanh liệt. Lẽ nào anh lại không được một người trong bọn đó yêu anh, như Bônápactơ, khi còn hàn vi, đã được yêu bởi phu nhân do Bôhacne hiến hách? Đã từ bao nhiêu năm trôi, Juyliêng không có một giờ phút nào trong đời sống của anh mà không tự nhủ rằng Bônápactơ, một gã trung úy vô danh và nghèo xác, đã làm nên sự nghiệp bá chủ hoàn cầu nhờ thanh gươm của mình. Ý nghĩ đó an ủi anh về những nỗi khổ cực mà anh cho là lớn lắm và tặng gắp bội niềm vui của anh, khi nào anh được vui.

Việc xây dựng ngôi nhà thờ và những án quyết của ông thẩm phán tạp tụng bỗng làm anh bừng sáng; anh chợt có một ý kiến nó làm anh như điên như cuồng trong mấy tuần lễ, và sau cùng xâm chiếm anh với tất cả sức mạnh vô địch của cái ý kiến đầu tiên mà một tâm hồn cuồng nhiệt tưởng là đã phát minh ra.

"Khi Bônápactơ nổi tiếng, nước Pháp đương lo sợ bị ngoại xâm; tài thao lược khi đó là cần thiết và được hâm mộ. Ngày nay, người ta thấy những giáo sĩ bốn mươi tuổi có một nghìn quan lương bổng, nghĩa là ba lần hơn các trung tướng của Napôlêông. Những giáo sĩ đó cần phải có những người phò tá. Đây, ông thẩm phán tạp tụng kia,

dầu óc tốt như thế, từ trước đến nay chính trực như thế, tuổi tác như thế, mà đi làm phí cả danh giá của mình vì sợ mất lòng một anh trợ tế trẻ ba mươi tuổi. Phải làm giáo sĩ mới được".

Có một lần, giữa niềm kính tin mới, hồi đó Juyliêng học thần học đã được hai năm, anh bị lộ chân tướng vì một cuộc bùng cháy bất thình lình của ngọn lửa nó nung nấu tâm hồn anh. Chuyện xảy ra ở nhà ông Sêlăng, trong một bữa tiệc mời các giáo sĩ, ông cha xứ hiền hậu đã giới thiệu anh là một thần đồng, bỗng nhiên anh lại đi ca tụng Napôlêông một cách cuồng nhiệt. Anh phải buộc cánh tay phải vào ngực, nói rằng bị sai khớp xương cánh tay khi vắn một cây gỗ thông, và trong hai tháng trời cứ đeo cánh tay trong cái thế khó chịu đó. Sau cuộc chinh phạt khổ nhục này, anh tự tha tội cho anh. Đó, chàng thanh niên mười chín tuổi, nhưng vẻ ngoài yếu ớt, người ta chỉ đoán cho mười bảy tuổi là cùng, tay ôm một cái bọc nhỏ, bước vào ngôi nhà thờ tráng lệ của Verie, là con người như vậy.

Anh thấy nhà thờ tối tăm và vắng vẻ. Nhân dịp một cuộc khánh tiết, tất cả các cửa sổ của ngôi nhà đều đã được căng vải màu huyết dụ. Thành ra, ánh nắng chiếu vào, gây nên một biến thái ánh sáng chói lọi, có tính cách hết sức uy nghi và hết sức tôn nghiêm. Juyliêng giật mình. Một mình, trong nhà thờ, anh đến ngồi vào chiếc ghế dài trông có vẻ đẹp nhất. Trên ghế có huy hiệu của ông đơ Rênan.

Trên chiếc ghế quỳ để cầu nguyện, Juyliêng thấy có một mảnh giấy in, giải ra đây như để cho người ta đọc. Anh để mắt vào đó thì thấy những chữ:

Chi tiết về cuộc hành hình và những giây phút cuối cùng của Luy Jăngren*, thụ hình ở Bodăngxông, ngày...

Mảnh giấy đã rách. Ở mặt sau, đọc thấy hai tiếng đầu của một dòng chữ, hai tiếng đó là: *Bước đầu*.

- Có thể là ai đã để mảnh giấy này ở đây thế nhỉ? Juyliêng nói. Người bất hạnh tội nghiệp kia, anh thử dài nói thêm, tên của y cùng vần với tên mình... và anh vào nhào mảnh giấy.

Khi đi ra, Juyliêng tưởng trông thấy máu ở bên cạnh chậu nước thánh, đó là nước thánh mà người ta đã làm vung vãi ra; ánh phản chiếu của những tấm màn đỏ che cửa sổ làm cho nó có vẻ như là máu.

Sau cùng, Juyliêng lấy làm xấu hổ vì nỗi kinh sợ thâm kín của mình.

- Chẳng lẽ ta lại là một đứa hèn nhát ư! anh tự nhủ, *cầm vũ khí xông lên!*

Khẩu hiệu đó, thường luôn luôn được nhắc lại trong những chuyện kể chiến trận của ông cụ thiếu tá quân y, đối với Juyliêng là một khẩu hiệu hùng dũng. Anh đứng dậy và đi rào bước đến nhà đờ Rênan.

Mặc dầu những quyết tâm tốt đẹp ấy, khi anh trông thấy ngôi nhà kia cách anh hai chục bước, anh bỗng bị một cơn e sợ rụt rè không sao cưỡng nổi. Tấm hàng rào sắt để ngỏ, trông có vẻ trống lẹ, mà anh phải bước vào trong đó.

Juyliêng không phải là người duy nhất mà trái tim bị rối loạn vì chuyện anh ta đến ngôi nhà đó. Vốn tính rụt rè e lệ, bà đờ Rênan cũng đương xao xuyến nghĩ về

cái người lạ kia, sắp sửa do chức vụ mà cứ luôn luôn có mặt giữa bà với các con bà. Bà vẫn quen có những đứa con ngủ trong phòng mình. Buổi sáng hôm đó, bà đã khóc rất nhiều khi trông thấy khiêng những giường nhỏ của chúng sang gian phòng cho người gia sư. Bà xin chồng cho đem cái giường của thằng Xtanixla Xaviê, thằng con bé nhất, trở lại phòng bà, nhưng không được.

Tính kiêu nhục của phụ nữ được đưa lên đến cực điểm ở bà đơ Rênan. Bà tưởng tượng ra hình dung khó chịu nhất của một con người thô lỗ và đầu bù tóc rối, có nhiệm vụ mắng mỏ con bà, chỉ vì một lẽ hèn biết tiếng La-tinh, một thứ tiếng man rợ vì nó mà người ta sẽ đôn vọt những thằng con của bà.

CHƯƠNG VI

BUỒN CHÁN

*Non so più cosa son,
Cosa faccio.*

MOZART (Figaro)*

Với dáng điệu linh hoạt và uyển chuyển tự nhiên của bà khi xa con mắt bọn đàn ông, bà đơ Rênan đương bước ra, qua khung cửa bức bàn của phòng khách mở ra vườn, thì bà chợt trông thấy, gần cổng vào, khuôn mặt một anh nhà quê trẻ tuổi, gần như còn là con nít, sắc mặt tái mét; và vừa mới khóc xong. Anh ta mặc sơ mi trắng muốt và cấp dưới nách một cái áo vét rất sạch sẽ tinh tuom bằng len tuyết xoắn màu tím.

Nước da của cậu bé nhà quê đó rất trắng, đôi mắt rất dịu dàng, đến nỗi trí óc hơi mơ mộng của bà đơ Rênan lúc đầu nghĩ rằng có thể đó là một cô gái mặc giả trai, đến câu xin ông thị trưởng một ân huệ gì đây. Bà đem lòng thương hại con người tội nghiệp đó, đứng dừng chân ở cổng vào, và chắc hẳn là không dám đưa tay lên đến dây chuông. Bà đơ Rênan lại gần, trong lòng tạm khuây chốc lát nỗi phiền muộn chưa xót vì chuyện người gia sư

sẽ đến nhà mình, Juyliêng, ngoảnh mặt về phía cổng, không trông thấy bà bước tới. Anh giật mình khi một giọng nói dịu dàng nói gần sát tai anh:

- Cậu muốn hỏi gì ở đây, cậu em?

Juyliêng vội quay lại, và sững sốt vì khóe mắt nhìn đầy vẻ duyên dáng ân cần của bà đo Rênan, anh quên bót đôi phần nổi rụt rè. Chả mấy chốc, kinh ngạc vì sắc đẹp của bà, anh quên tất cả, ngay cả chuyện anh đến đây làm gì, anh cũng quên phứt. Bà đo Rênan đã nhắc lại câu hỏi của bà.

- Thưa bà, tôi đến để làm gia sư, sau cùng anh nói với bà, và then thùng vì nước mắt ứa ra, anh chùi lấy chùi để.

Bà đo Rênan sững sờ cả người. Hai người đứng gần sát nhau mà nhìn nhau. Juyliêng chưa bao giờ thấy một con người ăn mặc sang trọng như thế và nhất là một người đàn bà có một nước da lông lẩy như thế, ăn nói dịu dàng với anh. Bà đo Rênan nhìn những giọt nước mắt to tuông đọng lại trên đôi gò má lúc đầu tái mét đến thế và bây giờ ửng hồng đến thế của anh chàng nhà quê trẻ tuổi kia. Bỗng chốc bà bật cười, với tất cả nỗi vui sướng của một cô gái trẻ, bà tự chế nhạo mình và không thể hình dung được tất cả niềm sung sướng của mình. Thì ra, người gia sư mà lúc trước bà cứ hình dung như một gã thầy tu bần thiú và ăn mặc lôi thôi lố thốc, rồi sẽ đến để mắng mỏ và đòn vọt các đứa con bà, người gia sư đó là đây!

- Thế nào, thưa ông*, cuối cùng bà nói với anh, ông biết tiếng La-tinh à?

Tiếng gọi bằng ông khiến cho Juyliêng rất đổi kinh ngạc, nên anh đứng ngẫm nghĩ một lát.

- Thưa bà, vâng, anh nói ngượng ngùng nhút nhát.

Bà đơ Rênan vui sướng quá, đến nỗi dám nói với Juyliêng:

- Ông sẽ không mắng mỏ quá những đứa trẻ tội nghiệp đó chứ?

- Tôi, mắng mỏ chúng, Juyliêng ngạc nhiên nói, tại làm sao kia ạ?

- Có phải không, ông nhỉ, bà nói thêm sau một lát im lặng ngắn và bằng một giọng mỗi lúc một thêm xúc động, ông sẽ hiền từ với chúng nhé, ông hứa với tôi chứ?

Được nghe gọi bằng ông lần nữa, gọi rất nghiêm trang đúng đắn, và lại do một bà ăn mặc sang trọng như thế, thật là trên tất cả mọi dự đoán của Juyliêng: trong tất cả những mơ mộng viễn vông của thời thơ ấu, anh vẫn nghĩ bụng rằng chỉ khi nào anh có một bộ quân phục đẹp, thì một bà sang trọng mới thềm nói chuyện với anh thôi. Về phần bà đơ Rênan, thì bà bị hoàn toàn huyền hoặc bởi nước da đẹp, đôi mắt đen to của Juyliêng và bộ tóc xinh đẹp của anh, nó uốn xoắn hơn lúc bình thường, bởi vì anh vừa nhúng đầu và bề nước của vòi nước công cộng cho mát. Bà rất vui mừng thấy cái vẻ rụt rè e lệ của con gái ở người gia sư nghiệp chương, mà bà cứ hết sức lo sợ cho lũ con bà là sẽ nghiêm khắc và có vẻ mặt dữ tợn. Đối với tâm hồn rất hiền hòa của bà đơ Rênan, sự tương phản giữa những nỗi lo ngại của bà với điều mắt thấy, là một biến cố lớn lao. Cuối cùng, bà hết con kinh ngạc, trở lại bình thường. Bà lấy làm lạ thấy mình

đứng như thế này ở cổng nhà mình với chàng thanh niên hầu như chỉ mặc có sơ mi trần kia, và lại đứng gần chàng quá.

- Ta hãy vào nhà đi, ông ạ, bà nói với anh, có vẻ khá lúng túng.

Trong đời bà đỡ Rênan, chưa bao giờ có một cảm giác thuần túy vui thích để làm bà xúc động sâu xa như thế, chưa bao giờ có một sự hiện hình ưu mỹ đến thế, kế tiếp cho những nỗi e ngại lo lắng hơn thế. Vậy là những đứa trẻ xinh đẹp kia, được bà chăm sóc nâng niu hết mực, sẽ không rơi vào tay một thầy tu bẩn thỉu và gắt gỏng. Vừa vào tới phòng hiên, bà quay lại phía Juyliêng dương rụt rè đi theo bà. Về mặt ngõ ngang của anh khi trông thấy một tòa nhà đẹp đến thế, lại là một nét duyên dáng thêm đối với mắt của bà đỡ Rênan. Bà tuy mắt trông thấy mà lòng vẫn chưa tin, nhất là bà vẫn tưởng rằng một người gia sư phải mặc một cái áo dài đen kia.

- Nhưng, có thực không, thưa ông, bà lại dừng chân nói với anh, và lo sợ chết người là bị lừa, vì lòng tin tưởng của bà làm cho bà sung sướng quá, ông biết tiếng La-tinh thực à?

Những lời đó xúc phạm sĩ diện của Juyliêng và làm tan bầu không khí mê ly trong đó anh được sống từ mười lăm phút đồng hồ vừa qua.

- Thưa bà, vâng, anh cố lấy vẻ lạnh lùng nói với bà, tôi biết tiếng La-tinh cũng bằng ông cha xứ, và thậm chí đôi khi ông còn nhã ý bảo rằng hơn ông nữa.

Bà đỡ Rênan thấy Juyliêng có vẻ mặt rất hung dữ, anh ta đã đứng dừng lại cách bà hai bước. Bà lại gần và nói thủ thỉ:

- Có phải không nhỉ, những ngày đầu, ông sẽ không đánh đòn lũ con tôi, dù chúng có không thuộc bài đi nữa, ông nhé.

Giọng nói rất dịu dàng và hầu như van xin của một bà đẹp đến thế kia, bỗng làm cho Juyliêng quên cả bốn phần đối với cái danh tiếng giỏi La-tinh của mình. Mặt bà đỡ Rênan gần sát mặt anh, anh ngửi thấy mùi thơm y phục mùa hè của một người đàn bà, điều rất mới lạ đối với một anh nhà quê nghèo khổ. Juyliêng mặt đỏ bừng và thở dài nói bằng một giọng yếu ớt:

- Bà đừng lo ngại gì, thưa bà, tôi sẽ vâng lời bà về mọi chuyện.

Mãi đến lúc đó, khi nỗi lo lắng cho lũ con đã hoàn toàn tiêu tan, bà đỡ Rênan mới chú ý đến dung nhan tuyệt đẹp của Juyliêng. Những nét mặt có hình dáng gần như của con gái, và cái ngượng ngập lúng túng của anh không có vẻ gì là đáng cười, đối với một người đàn bà bản thân cũng cực kỳ e lệ rụt rè. Cái vẻ hùng dũng mà người ta thường thấy là cần thiết cho cái đẹp của đàn ông, có lẽ lại làm cho bà sợ.

- Ông bao nhiêu tuổi, thưa ông? bà nói với Juyliêng.

- Sắp sửa mười chín tuổi ạ.

- Thằng con lớn của tôi mười một tuổi, bà đỡ Rênan hoàn toàn vững dạ tiếp lời, đối với ông nó sẽ gần như là một người bạn, ông sẽ lấy lời lẽ mà bảo ban nó. Có một

lần, bố nó định đánh nó, thằng bé ôm cho cả một tuần lễ, ấy chỉ là mới đánh khề một cái thôi đấy!

Thật chẳng bù với mình, Juyliêng nghĩ. Ngày hôm qua đấy thôi, bố mình còn đánh mình. Những người giàu kia thật là sung sướng!

Bà đơ Rênan đã tiến đến cái độ nhận xét những biến thái tinh vi nhất trong nội tâm của chàng gia sư; bà thấy nét mặt buồn rầu kia, tưởng là sự rụt rè e lệ, và có ý muốn làm cho anh bạo dạn lên.

- Tên ông là gì, thưa ông, bà nói với một giọng và một vẻ ân ưu mà Juyliêng cảm thấy tất cả nỗi mê ly nhưng không nhận thức được là thế nào.

- Thưa bà, tên tôi là Juyliêng Xoren; tôi run sợ khi lần đầu tiên trong đời tôi vào một nhà lạ, tôi cần được sự che chở của bà và được bà tha thứ cho rất nhiều điều những buổi ban đầu. Tôi không hề được đi học ở nhà trường, vì tôi nghèo quá; tôi chưa hề được nói chuyện với ai khác ngoài ông anh họ* tôi là thiếu tá quân y, có Bắc đẩu bội tinh, và ông cha xứ Sêlăng. Ông này sẽ chứng nhận tốt cho tôi với bà. Các anh ruột tôi luôn luôn đánh đập tôi, bà đừng tin lời họ nếu họ nói xấu tôi với bà. Thưa bà, xin và hãy tha thứ cho tôi mọi điều lầm lỗi, tôi không bao giờ có ý định xấu.

Trong khi nói dài một mạch như vậy, Juyliêng vững dạ dần, anh ngấm nghĩa bà đơ Rênan. Cái duyên hoàn toàn, nó có hiệu năng như vậy, khi là bẩm tính tự nhiên sẵn có, và nhất là khi con người được nó tô điểm không nghĩ đến sự làm duyên, Juyliêng vốn rất sành về sắc đẹp phụ nữ lúc đó có thể thề rằng bà ta chỉ mới hai mươi

tuổi. Anh nảy ngay ra ý nghĩ táo bạo là hôn tay bà ta. Rồi anh lại sợ cái ý nghĩ đó của anh ngay; một lát sau anh tự nhủ: Mình thật là hèn nhát nếu không thực hiện một hành động có thể có lợi cho mình, và làm giảm bớt lòng khinh bỉ mà người đàn bà đẹp này chắc hẳn có đối với một anh thợ nghèo vừa rút ra khỏi máy cưa. Có lẽ Juyliêng hơi được khuyến khích bởi cậu đẹp trai, mà từ sáu tháng nay anh được nghe mấy cô gái nhắc đi nhắc lại ngày chủ nhật. Trong khi anh có những cuộc tranh đấu tư tưởng đó, thì bà dơ Rênan nói với anh vài ba lời dẫn dò về cách bắt đầu công việc với lũ trẻ. Sự cố nén lòng của Juyliêng làm cho anh lại tái mét; anh nói, với một vẻ gượng ép:

- Thưa bà, tôi sẽ không bao giờ đánh đập các con bà; tôi xin thề trước Chúa.

Và trong khi nói những lời đó, anh dám cầm bàn tay bà dơ Rênan và đưa lên môi. Bà ngạc nhiên về cử chỉ đó, và suy nghĩ lầy lăm chướng. Hôm đó trời nóng bức cánh tay bà hoàn toàn để trần dưới tấm khăn quàng, và động tác của Juyliêng, khi đưa bàn tay lên môi, đã làm cho cánh tay đó hoàn toàn trở trật ra. Sau một vài giây lát, bà tự trách mình, bà thấy rằng mình đã không phần nộ kịp thời.

Ông dơ Rênan nghe thấy tiếng nói chuyện, từ buồng giấy bước ra; cũng lấy dáng bề vệ và nhân từ như khi ông làm phép cưới ở tòa thị chính, ông nói với Juyliêng:

- Chủ yếu là tôi phải nói chuyện với ông trước khi bọn trẻ trông thấy ông.

Ông đưa Juyliêng vào một gian phòng và giữ vợ lại khi bà này muốn lánh đi để họ được một mình. Cửa đóng lại rồi, ông đơ Rênan trình trọng ngôi xuống.

- Ông cha xứ có nói với tôi rằng ông là một người lương hảo, mọi người ở đây sẽ đối xử với ông một cách quý trọng, và nếu tôi được hài lòng, tôi sẽ giúp đỡ ông sau này gây dựng lấy một chút nghiệp con con. Tôi muốn rằng từ nay ông đừng gặp họ mặc bạn bè gì nữa, lời ăn tiếng nói của họ không thể thích hợp với các con tôi được. Đây là ba mươi sáu quan cho tháng đầu; nhưng tôi yêu cầu ông phải hứa là không được cho ông cụ nhà ông một xu nào về món tiền này.

Ông đơ Rênan vẫn tức lão già, trong việc này, đã tinh ranh hơn ông.

- Bây giờ, *thưa ông*, vì theo lệnh của tôi tất cả mọi người ở đây sẽ gọi ông bằng ông, và ông sẽ thấy rằng vào một nhà tử tế có lợi như thế nào; bây giờ, *thưa ông* không nên để cho lũ trẻ trông thấy ông mặc áo ngắn? Bọn người nhà chúng nó đã trông thấy ông ấy chưa, ông đơ Rênan nói với vợ.

- Chưa, mình ạ, bà trả lời, về trầm ngâm.

- Thế thì tốt. Ông hãy mặc cái này vào, ông nói với chàng thanh niên ngơ ngác, và đưa cho anh một cái áo ro-danh-gót* của ông. Bây giờ ta đi đến ông Đuycăng, nhà hàng len dạ.

Hơn một giờ sau, khi ông đơ Rênan trở về với chàng gia sư, quần áo đen tuyền, ông thấy vợ vẫn ngồi y nguyên chỗ cũ. Bà thấy sự có mặt của Juyliêng làm cho bà yên tâm, vì khi ngắm nghía anh, bà quên nỗi sợ anh. Juyliêng

thì không nghĩ đến bà, mặc dầu anh vẫn nghi ngờ số mệnh và người đời, tâm hồn anh lúc này chỉ là tâm hồn một đứa trẻ thơ, anh tưởng chừng như đã sống bao nhiêu tháng kể từ lúc, mới cách đây ba giờ, anh run sợ trong nhà thờ. Anh nhận thấy vẻ lạnh lùng của bà đơ Rênan, anh hiểu rằng bà ta tức giận về việc anh đã dám hôn tay bà. Nhưng cái tư tưởng kiêu hãnh do được mặc vào người những quần áo khác xa với những quần áo anh vẫn mặc quen xưa nay, làm cho anh rất phồn phở, và anh rất muốn giấu nỗi vui mừng, cho nên mọi cử chỉ của anh đều có cái gì cộc lốc và điên dại. Bà đơ Rênan ngắm nhìn anh với con mắt ngạc nhiên.

- Phải trang nghiêm vào, ông ạ, ông đơ Rênan bảo anh, nếu ông không muốn được các con tôi và bọn người nhà của tôi kính trọng.

- Thưa ông, Juyliêng trả lời, tôi mặc những quần áo mới này hãy còn thấy ngượng ngịu; tôi là một anh nhà quê nghèo chỉ mặc toàn áo ngắn từ trước đến nay thôi; xin phép ông để tôi rút lui về buồng riêng.

- Mình thấy cái của mới tậu này thế nào? ông đơ Rênan hỏi vợ.

Hầu như có bản năng xui khiến, mà chắc chắn bà không nhận thức rõ, bà đơ Rênan che giấu sự thật với chồng.

- Tôi không được vui mừng bằng ông về cậu bé nhà quê đó, ông cứ ân cần vỗn vả thế, rồi sẽ làm cho hắn trở thành láo xược, và không đầy một tháng, ông sẽ bắt buộc phải tống cổ hắn đi cho mà xem.

- Thì ta sẽ tổng cổ đi chứ sao, bất quá chỉ tốn kém vào đấy khoảng một trăm quan, nhưng thành phố Verie sẽ được quen mắt thấy con cái ông đơ Rênan có một gia sư. Mục tiêu đó sẽ không đạt được nếu tôi cứ để cho Juyliêng mặc quần áo thợ thuyền. Khi đuổi hăn đi, cố nhiên tôi sẽ giữ lại bộ quần áo dài đen mà tôi vừa mới cất ở cửa hàng len dạ. Hăn sẽ chỉ còn bộ áo may sẵn tôi vừa mới mua ở hiệu thợ may, và vừa đập vào người hăn thôi.

Một giờ đồng hồ Juyliêng ở trong phòng riêng, bà đơ Rênan thấy chỉ là một khoảnh khắc. Lũ trẻ, được báo tin có gia sư mới đến, xúm xít hỏi mẹ không ngớt lời. Sau cùng, Juyliêng hiện ra. Anh đã thành một người khác hẳn. Bảo rằng anh có vẻ trang nghiêm thì không được đúng; anh là sự trang nghiêm hiện thân. Anh được giới thiệu với bọn trẻ, và nói chuyện với chúng bằng một thái độ làm cho chính ông đơ Rênan cũng phải ngạc nhiên.

- Các cậu ạ, anh nói với chúng khi kết thúc lời diễn từ, tôi đến đây để dạy các cậu học tiếng La-tinh. Các cậu biết thế nào là đọc thuộc lòng một bài học. Đây là quyển Thánh kinh, anh vừa nói vừa chỉ cho chúng một quyển sách nhỏ in - 32, đóng bìa màu đen. Đặc biệt là chuyện Đức Chúa Jêsu - Crix, đó là phần gọi là Tân Ước. Tôi sẽ cho các cậu đọc thuộc lòng luôn, bây giờ các cậu hãy bắt tôi đọc bài của tôi đi nào.

Adonpho, thằng lớn nhất, đã cầm lấy quyển sách.

- Cậu hãy mở bất cứ trang nào, Juyliêng nói tiếp, và cho tôi biết tiếng đầu* của một đoạn xuống dòng. Tôi sẽ

đọc thuộc lòng quyển thánh thư, phép tắc ăn ở của tất cả chúng ta, cho đến khi nào cậu bảo tôi dừng lại.

Adonphor mở quyển sách, đọc một tiếng, và Juyliêng đọc tất cả trang một cách dễ dàng như thể anh nói tiếng Pháp vậy. Ông đơ Rênan nhìn vợ có vẻ đắc thắng. Thấy bố mẹ ngạc nhiên, lũ trẻ cũng trở mặt ra. Một tên người nhà đến cửa phòng khách, Juyliêng vẫn tiếp tục nói tiếng La-tinh. Tên người nhà lúc đầu đứng lặng yên, rồi sau biến mất. Chỉ chốc lát, chị hầu phòng của bà chủ và chị đầu bếp kéo đến gần cửa; lúc đó Adonphor đã mở quyển sách đến tám chỗ, và lần nào Juyliêng cũng đọc thuộc lòng một cách dễ dàng như nhau.

- Ô, lạy Chúa! ông thầy tu bé nhỏ xinh quá, chị đầu bếp, một cô gái xoi lỗi và rất sùng đạo, nói to lên.

Lòng tự ái của ông đơ Rênan đâm ra bần khoản; không nghĩ gì đến chuyện thẩm sát chàng gia sư, ông còn mãi tìm trong trí nhớ vài tiếng La-tinh; sau cùng ông đọc được một câu thơ của Hôrxo*. Về tiếng La-tinh, Juyliêng chỉ biết có quyển Kinh Thánh của anh thôi. Anh cau mày trả lời:

- Thánh chúc mà tôi chủ định theo đời, đã cấm tôi đọc một nhà thơ phạm tục như vậy.

Ông đơ Rênan liền đọc một số khá nhiều những câu thơ bảo là của Hôraxơ. Ông cắt nghĩa cho các con ông nghe thơ Hôraxơ là thế nào; nhưng lũ trẻ, đương thán phục mê toi, không để ý gì đến những điều ông nói. Chúng nhìn Juyliêng.

Bọn người nhà vẫn đứng ở cửa, nên Juyliêng thấy cần phải kéo dài cuộc thử thách:

- Cậu Xtanixia, - Xaviê, anh nói với đứa trẻ bé nhất, cũng phải chỉ cho tôi một đoạn trong Kinh Thánh chứ.

Cậu bé Xtanixia, rất hãnh diện, đọc bập bẹ tiếng thứ nhất của một đoạn xuống dòng, và Juyliêng liền đọc tất cả trang. Để cho sự đắc thắng của ông đơ Rênan được đầy đủ trọn vẹn, trong khi Juyliêng đang đọc, thì ông Valonô, người chủ của những con ngựa normăng đẹp, và ông Sarcô đơ Môgirông, quận trưởng, sở tại, bước vào. Cảnh huống đó làm cho Juyliêng tranh thủ được cái danh hiệu là ông; ngay cả đến bọn người nhà cũng không dám từ chối anh cái danh hiệu đó.

Tối hôm đó, tất cả Verie đổ xô đến nhà ông đơ Rênan để xem của lạ. Juyliêng ứng đáp mọi người với một vẻ nghiêm trầm khiến người ta không dám lán khân. Thanh danh của anh lan đi rất nhanh chóng trong thành phố. đến nỗi ít ngày sau, ông đơ Rênan, sợ người ta cướp mất anh đi, đề nghị anh ký một bản hợp đồng hai năm.

- Không, thưa ông, Juyliêng lạnh lùng trả lời, ví thử ông muốn đuổi tôi đi, tôi vẫn cứ bắt buộc phải đi. Một bản hợp đồng ràng buộc tôi mà không bắt buộc gì ông hết, là không bình đẳng, tôi từ chối.

Juyliêng khéo xử sự đến nỗi, sau khi anh đến nhà này chưa đầy một tháng, chính ông đơ Rênan cũng phải kính nể anh. Vì ông cha xứ đã bất hòa với các ông đơ Rênan và Valonô, nên không ai có thể tiết lộ mối cuồng nhiệt cũ của Juyliêng đối với Napolêông, hễ cứ nói đến Napolêông là anh tỏ ra vẻ kính tởm.

CHƯƠNG VII

THANH KHÍ TƯƠNG ĐỒNG

*Họ chỉ biết xúc động trái tim
người bằng cách làm cho nó tê tái*
MỘT TÁC GIẢ HIỆN ĐẠI

Lũ trẻ yêu quý anh, nhưng anh không yêu chúng; tâm tư của anh còn ở những đâu đâu. Những đứa trẻ có muốn làm gì, anh cũng không bao giờ nổi nóng. Lạnh lùng, công bằng, thản nhiên, nhưng tuy vậy được yêu mến, vì anh đến nhà này có thể nói là khiến cho sự buồn chán phải ra đi, anh là một gia sư tốt. Về phần anh, anh chỉ cảm thấy thù ghét và kinh tởm cái xã hội thượng lưu mà anh được dự vào, nói thật ra là ở cuối bàn, có lẽ vì thế mà anh thù ghét và kinh tởm. Có những bữa tiệc long trọng, trong đó anh khó lòng lắm mới nén được mối căm thù của anh đối với tất cả những cái chung quanh anh. Chẳng hạn một ngày lễ Xanh Luy, ông Valonô cầm đầu cuộc đàm luận ở nhà ông đơ Rênan, Juyliêng suốt nửa thì không nén được mình; anh bỏ chạy ra vườn, lấy cớ là đi thăm nom lũ trẻ. Họ ca tụng sự liêm khiết mới ghê chứ! anh kêu lên; tưởng chừng như đó là một

cái đạo đức duy nhất! vậy mà họ trọng vọng biết bao một người rõ ràng đã làm giàu gấp đôi gấp ba lần, từ khi hấn quản lý tài sản của người nghèo! ta có thể cuộc rằng hấn kiếm lợi cả về những món tiền dành cho những trẻ con vô thừa nhận, những đứa trẻ nghèo khổ mà nỗi khổ cực còn thiêng liêng hơn nỗi khổ cực của những người khác! Chà! những quân tàn ác! những quân tàn ác! Chính ta đây nữa, ta cũng là một đứa trẻ vô thừa nhận, bị bỏ, các anh và cả nhà thù ghét.

Mấy hôm trước ngày lễ Xanh Luy, Juyliêng đương đi dạo chơi một mình và đọc kinh cầu nguyện, trong một khu rừng nhỏ, gọi là Vọng dài, cao chót vót bên trên con Đường đạo Trung Thành, đã cố tìm cách lánh mặt hai thằng anh ruột, mà anh trông thấy từ xa đi tới theo một con đường mòn hẻo lánh, nhưng không lánh kịp. Những tên thợ xẻ thô bỉ kia trông thấy bộ áo dài đen óng ả, cái vẻ cực kỳ sạch sẽ tinh tươm của thằng em, và vẻ khinh bỉ thật thà của anh đối với chúng, bèn nổi cơn ghen tức đến nỗi chúng đánh anh bất tỉnh nhân sự và máu me đầm đìa. Bà đỡ Rênan, đương dạo chơi với ông Valonô và ông quận trưởng, ngẫu nhiên đi tới khu rừng nhỏ; bà trông thấy Juyliêng nằm sóng soài trên mặt đất, tưởng là anh đã chết. Bà xúc động đến nỗi làm cho ông Valonô phải ghen.

Ông này lo sớm quá, Juyliêng thấy bà đỡ Rênan tuyệt đẹp, nhưng anh thù ghét bà vì sắc đẹp đó; đây là mối chướng ngại đầu tiên, suýt nữa thì chặn đứng bước đường sự nghiệp của anh. Anh nói chuyện với bà ít hết sức, để

118

làm cho bà quên sự bông bột hôm đầu đã xui anh hôn tay bà.

Êlida, chị hầu phòng của bà đơ Rênan, đâm ra phải lòng chàng gia sư trẻ tuổi, chị luôn luôn nói chuyện đến anh với bà chủ. Tình yêu của chị Êlida làm cho Juyliêng bị một tên đầy tớ trai căm thù. Một hôm, anh nghe thấy tên đó nói với Êlida: Cô không muốn nói chuyện với tôi nữa, từ khi cái anh gia sư bắn thiu cái ghét ấy vào nhà này. Juyliêng bị nhieéc móc như thế quả là oan uổng; nhưng, vì bản năng của một kẻ đẹp trai, anh chăm sóc con người anh gấp bội. Ông ta rêu rao lên rằng chải chuốt diêm dúa đến thế, là không hợp với một anh thầy tu trẻ tuổi. Y phục của Juyliêng quả là y phục thầy tu, chỉ còn thiếu có bộ pháp y nữa thôi.

Bà đơ Rênan nhận xét thấy anh hay nói chuyện với chị Êlida hơn lúc trước; bà được biết rằng nguyên nhân những cuộc chuyện trò đó là tình trạng thiếu thốn của tú áo rất lèo tèo của Juyliêng. Anh có rất ít quần áo lót mình, nên bắt buộc phải đưa đi giặt ngoài luôn luôn, và chính vì những việc giúp lật vật đó mà anh phải cầu đến chị Êlida. Sự nghèo nàn cực độ ấy, mà bà đơ Rênan không hề ngờ tới, làm cho bà động tâm; bà có ý muốn biếu anh một vài thứ, nhưng không dám; sự nén lòng đó là mối khổ tâm thứ nhất mà Juyliêng gây cho bà. Từ trước đến đó, tên tuổi của Juyliêng và nỗi vui trong treo và hoàn toàn trí óc, là đồng nghĩa đối với bà. Băn khoăn vì nghĩ đến nỗi nghèo của Juyliêng, bà đơ Rênan nói với chồng chuyện biếu anh một món quần áo lót mình:

- Bà lắm to rồi! ông trả lời. Thế nào! biếu xén một người mà chúng tôi được hoàn toàn mãn ý, và giúp việc chúng ta tốt ư? chỉ khi nào hấn chảnh mắng thì ta mới phải khích lệ chứ.

Cái cách nhìn đó lúc này làm cho bà đơ Rênan lấy làm xấu hổ; trước khi Juyliêng đến nhà, có lẽ bà không để ý. Không bao giờ trông thấy y cực kỳ tinh tươm, tuy rất đơn giản, của anh thấy tu trẻ tuổi, mà bà không tự hỏi: Anh chàng tội nghiệp kia, chả biết làm thế nào mà tinh tươm được như thế kia nhỉ?

Dần dần, bà thương hại cả những thiếu thốn của Juyliêng, chứ không lấy làm chướng.

Bà đơ Rênan thuộc vào loại đàn bà tỉnh lẻ, mà người ta rất có thể cho là ngu dại, trong mười lăm ngày đầu tiên được gặp. Bà chả có một chút kinh nghiệm gì về đời sống, và chẳng buồn nói năng gì. Bẩm sinh có một tâm hồn u nhã và kiêu kỳ, cái bản năng hạnh phúc tự nhiên của tất cả muôn loài làm cho nhiều khi bà không để ý một tí gì đến mọi hành động của những con người thô鄙 mà sự tình cờ đã ném bà vào giữa đám họ.

Nếu bà được học hành đôi chút, thì chắc thế nào cái tính tình tự nhiên và trí thông minh linh lợi của bà cũng được nổi trội. Nhưng vì là kẻ được thừa kế gia tài, bà đã được nuôi nấng ở bên cạnh các bà phuộc thờ kính say mê Hội *Thành tâm chúa Jêxu*,* họ căm thù kịch liệt những người Pháp nào ghét dòng Jêduýt*. Bà đơ Rênan có đủ lương tri để quên nhanh chóng, cho là vô nghĩa lý, tất cả những điều học được ở nhà tu kín nhưng bà chẳng có gì để thay thế vào đó, và rút cục là chẳng biết gì hết.

Những lời nịnh nọt mà bà được nghe quá sớm, là vì kẻ kế thừa một gia tài lớn, và một khuynh hướng nhất quyết sùng đạo say mê, đã làm cho bà có một nếp sống hoàn toàn nội tâm. Với vẻ ngoài tuyệt đối khiêm nhường, và hoàn toàn chiều theo ý muốn của chồng, mà các ông chồng ở Verie vẫn kể làm gương cho vợ, và ông dơ Rênan lấy làm hãnh diện, cái nết na của bà thật là kết quả của một thứ tính tình rất mực kiêu ngạo. Bà hoàng nào đó, được người ta kể chuyện vì tính kiêu căng, lại còn để ý đến hành vi của những vương tôn công tử quanh mình, nhiều hơn vô cùng so với người đàn bà vẻ ngoài rất dịu dàng, rất khiêm tốn này, đối với lời nói và việc làm của chồng. Khi Juyliêng chưa đến, bà thực sự chỉ để ý đến lũ con thôi. Những cơn đau yếu lật vật của chúng, những nỗi đau đớn, những niềm vui bé nhỏ của chúng, chiếm tất cả cảm xúc của cái tâm hồn kia, xưa nay trong đời sống chỉ thờ phụng có Chúa, khi còn ở tu viện *Thánh-tâm* ở Bodăngxông.

Một thằng con của bà lên con sốt làm cho bà đau khổ như tưởng nó đã chết mất rồi không bằng, nhưng bà chẳng thém nói với ai. Những năm đầu của cuộc hôn nhân, do nhu cầu thổ lộ tâm tình, bà có ngỏ với chồng những loại phiền muộn đó, thì lời tâm sự của bà thường xuyên được đón tiếp bằng một trận bật cười thô bỉ, một cái nhún vai, kèm theo một câu cách ngôn dung tục về tính điên cuồng của đàn bà. Những loại bông đùa đó, nhất là khi đùa về bệnh não của những đứa con bà, làm cho bà dơ Rênan đau đớn như ai ngoáy mũi dao nhọn trong trái tim bà vậy. Đáng lẽ là những lời nịnh nọt vốn

vã ngọt ngào của nhà tu kín dòng Jêduyt, mà bà đã ở suốt thời trẻ, thì bà lại gặp phải những trò như thế. Nỗi đau đớn rèn luyện bà. Kiêu hãnh không muốn nói đến những nỗi phiền muộn đó, dù với bạn thân là bà Đervin đi nữa, bà hình dung rằng tất cả mọi người đàn ông đều cũng như chồng bà, như ông Valonô và ông quận trưởng Sarcô dơ Môgirông. Tính thô鄙, và sự vô tình hết sức phũ phàng đối với tất cả cái gì không phải là chuyện tài lợi, địa vị hoặc huân chương; sự thù ghét mù quáng đối với tất cả những cách lập luận nào trái ý họ, bà cho là những cái tự nhiên của nam giới, cũng như việc đi giày ủng và đội mũ dạ vậy.

Đã bao nhiêu năm rồi, mà bà dơ Rênan vẫn chưa quen được với những con người lý tài mà bà phải sống giữa bọn họ.

Do đó mà cậu bé nhà quê Juyliêng được quý mến. Bà tìm thấy những niềm vui dịu dàng, lại rực rỡ thêm hứng vị của cái mới mẻ, trong mỗi cảm tình của cái tâm hồn cao thượng và kiêu hãnh kia. Chỉ ít lâu, bà dơ Rênan đã tha thứ cho anh sự bờ ngỡ cùng cực, nó lại là một cái duyên thêm, và sự cộc cằn trong phong cách của anh, mà bà đã cố công sửa chữa được. Bà thấy rằng nghe anh nói chuyện thật là bổ công, dù chỉ nói những chuyện thông thường nhất, dù chỉ là chuyện một con chó khôn khổ, chạy ngang qua đường, bị chet dưới bánh xe ngựa phóng nước kiệu của một gã nông dân. Thấy cảnh đau đớn ấy, chồng bà cười ha hả, trong khi bà thấy đôi hàng lông mày đẹp đen nhánh và cong vành vạnh của Juyliêng nhúu lại. Tính hào sảng, tâm hồn cao thượng, lòng nhân đạo,

122

dần dần bà thấy như chỉ có ở nơi anh chàng thầy tu trẻ tuổi kia. Bà dành cho riêng mình anh tất cả mối thiện cảm và cả đến lòng thán phục mà những đức tính kia kích động ở những tâm hồn cao quý.

Nếu là ở Pari, thì cái tình thế của Juyliêng đối với bà đơ Rênan sẽ được đơn giản hóa rất nhanh chóng; nhưng ở Pari tình yêu là con đẻ của tiểu thuyết. Anh chàng gia sư trẻ tuổi và bà chủ nhà e lệ nhút nhát sẽ tìm thấy trong ba bốn cuốn tiểu thuyết, và cả trong những khúc hát ở rạp Gynmado*, sự soi sáng cho tình thế của họ. Các tiểu thuyết sẽ vạch cho họ vai trò phải đóng, sẽ chỉ cho họ cái mẫu mực phải bắt chước; và cái mẫu mực đó, sớm hay muộn, và mặc dầu không thấy thú vị gì, và có lẽ vẫn cứ cầu nhàu không thích, nhưng rồi lòng hãnh diện sẽ bắt buộc Juyliêng phải theo.

Nếu là ở một thành phố nhỏ miền Avêyrông hoặc miền Pyrê-nê*, thì một sự đột biến nhỏ bé nhất cũng trở thành quyết liệt do sự nồng nhiệt của khí hậu. Dưới bầu trời âm u của chúng ta đây, một chàng thanh niên nghèo, bất quá chỉ có tham vọng vì tâm hồn kiêu my của anh làm cho anh cần phải có một vài thứ lạc thú mà đồng tiền cho được hưởng, anh hằng ngày trông thấy một người đàn bà ba mươi tuổi nét na một cách chân thực, bận bịu về con cái, và không hề tìm những gương mẫu xử sự trong tiểu thuyết. Ở các tỉnh lẻ, mọi chuyện đều chậm chạp, tất cả mọi thứ đều tiến hành dần dần tí một, sự việc có tính cách tự nhiên hơn.

Nhiều khi, nghĩ đến nỗi nghèo của anh chàng gia sư trẻ tuổi, bà đơ Rênan cảm động ứa nước mắt. Một hôm, Juyliêng bất chợt thấy bà khóc hần hoi.

tôi sẵn sàng đưa xem sổ chi tiêu của tôi cho ông đơ Rênan và cho bất kỳ ai, cho cả ông Valonô là người thù ghét tôi.

Sau trận phát nộ đó, bà đơ Rênan tái mặt và run rẩy cả người, và cuộc dạo chơi kết thúc mà chẳng ai mượn được có gì để nối lại chuyện trò. Tình yêu bà đơ Rênan càng ngày càng trở nên bất khả trong trái tim kiêu hãnh của Juyliêng; về phần bà, thì bà kính trọng anh, thần phục anh; bà đã bị anh mắng cho mà. Lấy có là chuộc cái tội nhục mạ vô tình mà bà đã phạm đối với anh, bà tự cho phép chăm sóc anh vô cùng âu yếm. Sự mới mẻ của những cung cách đối xử đó, trong tám ngày, là mối hạnh phúc của bà đơ Rênan. Hiệu quả là làm nguôi được đôi phần lòng tức giận của Juyliêng; anh không hề thấy ở đó cái gì có thể giống như một sự thiên ái cá nhân.

Đó, anh nghĩ bụng, những kẻ nhà giàu kia là như thế đó, họ làm nhục người ta, rồi tưởng có thể đền bù mọi chuyện bằng một vài trò khỉ!

Lòng bà đơ Rênan tràn đầy, và hãy còn trong trắng, nên mặc dầu mọi sự quyết tâm về chuyện này, bà kể lại cho chồng biết chuyện bà đã ngổ ý tặng quà cho Juyliêng, và đã bị khước từ như thế nào.

- Làm sao, ông đơ Rênan rất tức giận nói, bà lại có thể dung thứ một sự từ chối ở phía một tên *gia nhân*?

Và thấy bà đơ Rênan kêu lên phản đối tiếng gọi đó:

- Thưa bà, tôi nói như mô ma Ngài hoàng thân đơ Côngđê*, khi ngài giới thiệu các quan nội thần của ngài với bà phu nhân mới cưới của ngài: "*Tất cả những người đó, ngài nói, đều là gia nhân của chúng ta.*" Tôi đã có đọc cho bà nghe đoạn văn trong hồi ký của Bêđanhval*,

rất trọng yếu cho tôn ti trật tự. Tất cả những kẻ không phải là quý tộc mà sống ở nhà mình và lĩnh một số tiền công, đều là gia nhân của mình. Để tôi bảo cho cái nhà ông Juyliêng kia vài câu, và cho hắn một trăm quan.

- Ôi chao! mình ơi, bà đơ Rênan run sợ nói, ít ra cũng đừng nên làm trước mặt bọn người nhà!

- Phải, chúng nó có thể ghen tị và ghen tị có lý, ông chồng bà vừa nói vừa dời chân đi và nghĩ ngợi về trị số của món tiền kia.

Bà đơ Rênan ngã phịch xuống một chiếc ghế dựa, đau đớn gần đến ngất đi. Ông ấy sẽ làm nhục Juyliêng, và do lỗi của ta! Bà lấy làm kinh tởm ông chồng và lấy hai bàn tay che úp lấy mặt. Bà tự hứa chắc chắn là không bao giờ tỏ bày tâm sự nữa.

Khi bà gặp lại Juyliêng, bà đương run sợ, ngực thót lại đến nỗi không nói lên được nửa lời. Trong cơn lúng túng, bà cầm lấy hai bàn tay anh và nắm chặt.

- Thế nào! ông bạn, cuối cùng bà nói, ông có được hài lòng về nhà tôi không?

- Lẽ nào tôi lại chẳng hài lòng? Juyliêng trả lời với một nụ cười chua chát; ông vừa cho tôi một trăm quan mà.

Bà đơ Rênan nhìn anh như chưa tin hẳn.

- Ông cho tôi khoác tay nào*, cuối cùng bà nói với một giọng mạnh bạo mà Juyliêng chưa hề thấy ở bà.

Bà dám đi đến tận hiệu sách ở Verie, mặc dầu ông chủ hiệu này mang tiếng tăm dễ sợ là có khuynh hướng tự do. Ở đó, bà chọn mua mười Luy sách để cho các con. Nhưng những sách đó là những sách bà biết rằng Juyliêng

vấn ao ước. Bà đòi hỏi rằng ở ngay đó, trong hiệu sách, mỗi đứa con phải viết tên nó vào những cuốn sách mà nó được chia phần. Trong khi bà đờ Rênan sung sướng về cái cách đền bù mà bà đã liều gan làm cho Juyliêng, thì anh này còn đương kinh ngạc về số lượng những sách trông thấy ở cửa hàng. Chưa hề bao giờ anh dám vào một nơi phạm tục như vậy; trái tim anh phập phồng. Anh chẳng nghĩ gì đến chuyện đoán biết những gì đương xảy ra trong trái tim bà đờ Rênan, trái lại anh nghĩ rất lung đến cách nào có thể làm cho một anh sinh viên thần học trẻ tuổi kiếm được một vài quyển trong những sách đó. Sau cùng anh nảy ra ý nghĩ rằng nếu khéo léo thì cũng có thể thuyết phục ông đờ Rênan rằng cần phải cho các con ông bài dịch lấy đề tài là tiểu sử các nhà quý tộc nổi tiếng sinh ở xứ nhà. Sau một tháng chăm chú, Juyliêng thấy ý kiến kia thành tựu, đến cái độ mà, ít lâu sau, anh đâm liều, trong khi nói chuyện với ông đờ Rênan, đề cập đến một hành động còn khổ tâm hơn nhiều đối với ông thị trưởng quý tộc; đó là chuyện góp phần vào sự giàu có của một kẻ theo phái tự do, khi đăng ký mua thặng ở hiệu sách. Ông đờ Rênan đồng ý rằng cho thằng con lớn của ông có ý niệm *de visu** về nhiều tác phẩm mà nó sẽ được nghe nói đến trong câu chuyện câu trò, khi nào nó được vào học ở trường võ bị, là một điều nên lắm; nhưng Juyliêng thấy ông thị trưởng nhất quyết không chịu đi xa hơn nữa. Anh ngờ có một lý do thầm kín nào đây, nhưng không đoán được là cái gì.

Một hôm, anh nói với ông ta:

- Thừa ông, tôi thiết nghĩ rằng để cho tên tuổi một nhà quý tộc lương hảo, như một ông Rênan, ghi trên sổ hàng nhơ nhớp của hiệu sách, thì thật là đại bất tiện.

Nét mặt ông đơ Rênan sáng hẳn lên.

- Cũng lại là một điểm phê rất xấu, Juyliêng nói tiếp, với một giọng khiêm tốn hơn, cho một anh sinh viên thần học khốn khổ, nếu người ta có thể một ngày kia phát hiện rằng tên tuổi anh ta đã có ghi trên sổ hàng của một hiệu thuê sách. Bọn tự do có thể buộc tội tôi là đã hỏi thuê những sách xấu xa nhất; biết đâu họ lại không đi đến nước viết tiếp sau tên tuổi của tôi các nhan đề của những sách độc hại đó.

Nhưng Juyliêng đi trạch đường. Anh thấy khuôn mặt ông thị trưởng trở lại nét lúng túng và bực mình, Juyliêng im bặt. Mình nắm được thăng cha rồi, anh tự nghĩ bụng.

Vài ngày sau, đứa bé lớn nhất hỏi Juyliêng về một quyển sách được rao trên tờ *Nhật báo**, trước mặt ông đơ Rênan:

- Muốn tránh tất cả cơ hội đắc thắng của phái Jacôbanh, chàng gia sư trẻ tuổi nói, mà tuy vậy vẫn cho tôi những phương tiện ứng đáp cậu Adonphơ, ta có thể cho đăng ký mua tháng ở hiệu sách do một tên người nhà hạng bét ở nhà ông.

- Ý kiến khá đấy, ông đơ Rênan nói, hiển nhiên là vui mừng hết sức.

- Tuy vậy có lẽ phải chỉ thị rành mạch, Juyliêng nói với cái vẻ nghiêm trọng và gần như đau khổ rất thích hợp với một số người, khi họ trông thấy sự thành tựu

của những công việc mà họ đã ao ước bao lâu, có lẽ phải chỉ thị rành mạch là tên người nhà đó không được lấy một quyển tiểu thuyết nào. Một khi lọt vào nhà, những thứ sách nguy hiểm đó có thể làm hư hỏng bọn hầu gái của bà, và ngay cả tên người nhà kia nữa.

- Ông còn quên những loạt văn đả kích về chính trị, ông đơ Rênan nói thêm, có vẻ kẻ cả. Ông muốn giấu sự thán phục của ông về cái phương sách chiết trung mà chàng gia sư của con ông đã có sáng kiến tìm ra.

Cuộc sống của Juyliêng là một chuỗi những trò thương lượng vặt như vậy; và sự thành tựu của những trò thương lượng đó làm anh bận tâm nhiều hơn là cái tính thiên ái rõ rệt nếu anh muốn thì anh có thể đọc được trong trái tim bà đơ Rênan.

Cái trạng huống tinh thần của cả cuộc đời về trước của anh, lại tái diễn ở nhà ông thị trưởng Verie. Ở đó, cũng như ở xưởng máy của bố anh, anh khinh bỉ sâu sắc những người mà anh cùng sống với, và anh bị họ thù ghét. Hàng ngày trong những bận hữu khác của gia đình, nhân dịp những sự việc vừa xảy ra trước mắt họ, anh thấy rằng những ý nghĩ của họ chẳng phù hợp tí nào với thực tế cả. Anh thấy một hành động đáng thán phục ư, thì chính hành động ấy lại bị tất cả mọi người chung quanh chê trách. Lời ứng đáp thâm trong lòng anh, bao giờ cũng là: Những quân tàn ác, hoặc những đồ ngu xuẩn! Có cái này thú vị, là mặc dầu kiêu ngạo như vậy, nhiều khi anh chẳng hiểu một tí gì về những chuyện họ nói.

Từ xưa đến nay, anh chưa từng nói thành thực với ai ngoài ông thiếu tá quân y già; một dùm ý kiến mà

anh có, là liên quan đến những chiến dịch của Bônápactơ ở Ý, hay liên quan đến khoa phẫu thuật. Trí can đảm non trẻ của anh thích nghe chuyện kể chi tiết những vụ mổ xẻ đau đớn nhất; anh nghĩ bụng: Ở vào địa vị ấy, ta sẽ chẳng chút nhản mảy.

Lần đầu tiên mà bà đơ Rênan thử nói với anh một câu chuyện trò ngoài chuyện dạy dỗ các con bà, anh bèn nói chuyện mổ xẻ; bà xanh xám cả người và xin anh thôi đi.

Ngoài ra, Juyliêng chả biết gì nữa. Vì thế cho nên anh sống hàng ngày với bà đơ Rênan, mà hễ khi nào chỉ có hai người với nhau, là giữa hai người có một sự im lặng hết sức lạ lùng. Trong phòng khách, dù anh có một thái độ khiêm tốn đến đâu, bà vẫn thấy trong đôi mắt anh có một vẻ cao ngạo đối với tất cả những kẻ đến nhà bà. Hễ bà có một mình với anh trong giây lát, là bà thấy anh lúng túng ra mặt. Bà lấy làm lo ngại, vì linh tính của phụ nữ làm cho bà hiểu rằng sự lúng túng đó không có chút gì là có tình cả.

Theo một quan niệm chả biết mượn ở một câu chuyện kể nào đó của xã hội lịch sử, lịch sử đối với con mắt ông thiếu tá quân y già, Juyliêng thấy rằng hễ người ta im lặng trong một nơi mà anh có mặt với một người đàn bà, thì anh lấy làm xấu hổ, như tưởng sự im lặng đó là lỗi riêng của anh vậy. Cảm giác đó lại còn nặng nề gấp trăm lần, khi chỉ có hai người với nhau. Trí óc anh, đầy những ý niệm hết sức ngoa ngoắt, hết sức Tây-ban-nha, về những điều một người đàn ông phải nói, khi có một mình với một người đàn bà, trí óc anh chỉ cung cho anh, trong con

rối loạn, nhưng ý nghĩ không thể nào chấp nhận được. Tâm hồn anh phơi phới tận mây xanh, nhưng anh không làm sao ra khỏi được sự im lặng hết sức nhục nhã. Cho nên vẻ mặt nghiêm khắc của anh, trong những cuộc dạo chơi lâu với bà đơ Rênan và lũ con của bà, lại càng thêm nghiêm khắc vì những nỗi đau khổ hết sức cơ cực. Anh tự khinh mình một cách ghê gớm. Nếu chẳng may anh cố mở miệng nói nặng, thì lại đâm ra nói những điều tức cười hết sức. Khổ thêm một nỗi, anh lại trông thấy và tự khoa đại sự ngu ngốc của mình; nhưng cái mà anh không trông thấy, đó là thần thái của đôi mắt anh lúc đó, đôi mắt rất đẹp, biểu lộ một tâm hồn rất nồng nàn, đến nỗi cũng giống như những diễn viên giỏi, đôi khi nó đem lại một ý nghĩa thú vị cho những cái vốn không có ý nghĩa đó. Bà đơ Rênan nhận thấy rằng, khi có một mình với bà, anh không bao giờ nói được cái gì hay, chỉ trừ khi, bị đãng trí vì một sự kiện đột ngột bất ngờ, anh không nghĩ gì đến cách sắp xếp một câu tán tụng cho khéo. Vì các bạn đến chơi nhà không hay có những ý kiến mới lạ và xuất sắc để cung hiến cho bà, nên bà rất thú vị về những ý đột xuất đỉnh ngọ của Juyliêng.

Từ khi Napôlêông bị truất ngôi, tất cả mọi bóng dáng của phong cách phong lưu tình tứ đều bị khu trừ nghiêm ngặt khỏi nếp sống ở tỉnh lẻ. Người ta sợ bị cách chức. Những kẻ gian xảo tìm một chỗ dựa trong thành hội; và thói giáo quyết phát triển mạnh, ngay cả trong những tầng lớp tự do. Sự buồn chán tăng lên gấp bội. Chả còn có thú vị gì khác ngoài thú đọc sách và thú trồng trọt canh nông.

Bà đo Rênan, người kế thừa gia tài lớn của một bà cô sùng đạo, năm mươi sáu tuổi kết hôn với một nhà quý tộc lương hảo, trong đời chưa hề cảm thấy hoặc trông thấy cái gì có thể phảng phất giống như tình yêu. Bất quá bà chỉ được nghe tội của bà, là ông cha xứ Sêlăng hiền hậu, nói với bà về tình yêu, nhân câu chuyện ông Valonô theo đuổi bà, và cha xứ đã mô tả cho bà một hình ảnh tình yêu ghê tởm đến nỗi danh từ đó chỉ biểu hiện cho bà ý niệm dâm ô xấu xa hết sức. Tình yêu như bà đã thấy ở một số rất ít những tiểu thuyết mà sự tình cờ đã đưa đến mất bà, bà cho chỉ là ngoại lệ, hoặc thậm chí là hoàn toàn ngoài lẽ tự nhiên. Nhờ ở sự tình cờ đã đưa đến mất bà, bà cho chỉ là ngoại lệ, hoặc thậm chí là hoàn toàn ngoài lẽ tự nhiên. Nhờ ở sự ngây thơ đó, bà đo Rênan, hoàn toàn sung sướng, không lúc nào ngừng quan tâm đến Juyliêng, mà tuyệt đối không hề tự trách mình một tí nào.

CHƯƠNG VIII

NHỮNG BIẾN CỐ NHỎ

*Then there were sighs, the deeper for suppression,
And stolen glances, sweeter for the theft,
And burning blushes, though for no transgression.*

Don Juan, C. 1, st. 74*.

Sự dịu dàng thiên thần của bà đợ Rênan do bẩm tính và do niềm hạnh phúc hiện tại mà có, sự dịu dàng đó chỉ hơi bị tổn thương khi bà nghĩ đến chị hầu phòng Êlida của bà. Chị này được hưởng một gia tài, đến giải tỏ với cha xứ Sêlăng và thú thật với cha xứ ý định lấy Juyliêng. Cha xứ thật sự vui mừng vì hạnh phúc của anh bạn trẻ; nhưng ông hết sức ngạc nhiên, khi Juyliêng nói với ông với một vẻ quả quyết rằng nhĩa ý của cô Êlida không thể nào thích hợp với anh được.

- Con ạ, hãy coi chừng những điều diễn biến trong lòng con, ông cha xứ chau mày nói; ta mừng cho con về cái thiên hướng của con, nếu chỉ riêng vì thiên hướng đó mà con coi khinh một sản nghiệp quá thừa thãi. Ta làm cha xứ ở Verie đã được tròn năm mươi sáu năm, vậy mà, như tình hình này thì ta sắp bị cất chức đến nơi. Điều

đó làm ta cực lòng, tuy rằng ta còn có tám trăm livre tiền niên kim. Ta bày tỏ chi tiết đó với con để cho con đừng có ảo tưởng về triển vọng của con trong nghề tu sĩ. Nếu con nghĩ đến chuyện luồn cúi những kẻ có thế lực, thì con chắc chắn sẽ bị sa đọa vĩnh viễn. Con sẽ có thể làm nên giàu có, nhưng con phải làm hại những người khốn khổ, nịnh nọt viên quận trưởng, viên thị trưởng, kẻ có danh vọng và phục vụ những dục vọng của họ; cách xử sự đó, thế gian gọi là khéo ăn khéo ở, đối với một người thế tục, có thể không đến nỗi tuyệt đối không dung hòa được với sự cứu rỗi; nhưng, trong cái nghề của chúng ta, phải chọn một trong hai đường; vấn đề là mưu phúc trách ở trần gian, hay mưu phúc lạc ở cõi thiên đường, không có trung độ. Thôi, anh bạn thân yêu ạ, hãy suy nghĩ đi, và ba ngày nữa, trở lại đây trả lời ta cho dứt khoát. Ta lấy làm nhọc lòng khi thoáng thấy, trong đáy sâu của tính tình con, có một mối nồng nhiệt âm u nó không biểu hiện sự tiết chế dục vọng và sự hoàn toàn hỷ xả mọi lợi lộc trần gian, là những đức tính cần thiết cho một người tu sĩ; về trí tuệ của con thì ta lường trước được tốt đấy; nhưng, cho phép ta được nói thẳng, cha xú nói, nước mắt rung rung, trong nghề tu sĩ, thì ta lo cho sự cứu rỗi của con.

Juyliêng then thùng vì thấy mình cảm động; lần đầu tiên trong đời, anh thấy được có người yêu thương; nước mắt chứa chan mà lòng vô cùng thống khoái, anh đi gạt thẳm giọt lệ trong những khu rừng lớn bên trên thành phố Verie.

Sao ta lại thế này nhỉ? cuối cùng anh nghĩ bụng; ta thấy rằng ta sẵn lòng trăm lần vứt bỏ thân này vì ông cha xứ Sêlăng nhân hậu kia, vậy mà ông lại vừa mới chúng tỏ cho ta rằng ta chỉ là một thằng ngu dại. Chính ông là người mà ta cần phải lừa dối nhất thì ông lại đoán trúng được lòng ta. Mỗi nồng nhiệt âm thầm mà ông nói với ta đó, chính là lòng mưu đồ phú quý của ta. Ông cho rằng ta không xứng đáng làm tu sĩ, chính vừa đúng cái lúc mà ta đương tưởng tượng rằng sự hy sinh năm chục Luy tiền niên kim sẽ cho ông đánh giá rất cao lòng kính tin và thiên hướng của ta.

Từ nay về sau, Juyliêng nghĩ tiếp, ta sẽ chỉ nên trông cậy vào những phần đã được thử thách của tính tình ta. Trước kia, ai dám bảo rằng ta sẽ lấy làm vui thích mà chưa chan dòng lệ! rằng ta sẽ yêu cái người chúng tỏ cho ta rằng ta chỉ là một thằng ngu dại!

Ba hôm sau, Juyliêng đã tìm được cái duyên có đáng lẽ anh phải dự trù sẵn ngay từ hôm đầu; cái duyên có đó là một chuyện vu cáo, nhưng cần gì? Anh thú thực với ông cha xứ, với rất nhiều ngập ngừng do dự, rằng một lý lẽ mà anh không thể giải bày với ông được, sợ làm hại đến một người thứ ba, đã ngay từ lúc đầu làm cho anh phải khước từ cuộc nhân duyên dự định kia. Thật là buộc tội hạnh kiểm của Êlida. Ông Sêlăng thấy trong thái độ của anh có một vẻ nồng nàn hoàn toàn thể tục, khác xa với mỗi nhiệt tâm của một thầy tu trẻ.

- Anh bạn ạ, ông lại nói với anh, hãy làm một bác trưởng giả tốt ở thôn quê, đáng mến và có học thức, còn hơn làm một nhà tu sĩ không có thiên hướng.

Juyliêng trả lời những câu khuyến dụ mới đó, kể về lời lẽ, thì anh nói rất giỏi: anh tìm được những lời đúng với khẩu khí một anh sinh đồ sùng tín và trẻ tuổi của chủng viện; nhưng cái giọng của anh khi nói những lời đó, nhưng ngọn lửa che giấu vụng về nó bùng sáng trong đôi mắt anh, làm cho ông Sêlăng lo sợ.

Không nên dự trắc quá xấu về Juyliêng; anh bịa ra được đúng cách những lời lẽ giáo quyết tinh ranh và khôn ngoan. Kể tuổi anh thì như vậy là khá lắm. Con như giọng điệu, thì anh vốn sống với một người thôn quê; anh đã không được trông thấy những gương mẫu lớn. Về sau này, được gần các ngài kia một tí, là anh cứ khôì cả về điệu bộ cũng như về lời lẽ.

Bà dơ Rênan lấy làm ngạc nhiên rằng sự giàu có mới của chị hầu phòng không làm cho chị ta sung sướng hơn lên; bà thấy chị ta luôn luôn đến ông cha xứ, và khi trở về thì nước mắt lung tròng; sau cùng, Êlida nói với bà về chuyện hôn nhân của chị.

Bà dơ Rênan tưởng phát ốm; một thứ sốt rét làm cho bà không ngủ được; bà chỉ sống khi nào mắt được trông thấy chị hầu phòng hoặc Juyliêng. Bà không thể nào nghĩ đến gì khác, ngoài hai người đó và nền hạnh phúc mà họ sẽ tìm thấy trong cuộc chung sống với nhau. Sự nghèo nàn của gian nhà nhỏ bé kia, trong đó người ta phải sống với năm chục Luy tiền niên kim bà tự hình dung ra dưới những màu sắc mê ly. Juyliêng rất có thể sẽ làm trạng sư ở Bre, cái quận ly ở cách Verie hai dặm*; trong trường hợp đó, bà sẽ được thỉnh thoảng gặp mặt anh.

Bà đơ Rênan thành thực tường minh sắp diên đến nơi; bà nói điều đó với chồng, và sau cùng bà ồm thật. Ngay chiều tối hôm đó, khi chị hầu phòng phục dịch cho bà, bà nhận thấy chị ta dương khóc. Chẳng là lúc đó bà ghét mặt chị Êlida quá, và vừa mới gắt mắng chị ta; bà bèn xin lỗi chị. Êlida lại càng khóc nhiều hơn, chị nói rằng nếu bà chủ cho phép, chị sẽ kể tất cả nỗi đau khổ của chị cho bà nghe.

- Cứ nói đi, bà đơ Rênan đáp.

- Vâng, thưa bà, ông ấy từ chối con; chắc là có những kẻ độc bụng nói gièm pha gì con với ông ấy, ông ấy tin lời họ.

- Ai từ chối chị? bà đơ Rênan nói, gần như tắc thở.

- Còn ai nữa, thưa bà, ông Juyliêng chứ còn ai? chị hầu phòng nức nở đáp lại. Cha xứ đã thuyết phục ông ấy mà không được; vì cha xứ cho rằng ông ấy không nên từ chối một đứa con gái lương thiện, lấy có là nó đã đi làm hầu phòng. Nói cho cùng, thì bố của ông Juyliêng chẳng qua cũng chỉ là một bác thợ mộc; ngay bản thân ông ấy, trước khi vào đây ở nhà bà, thì ông ấy kiếm ăn bằng cách nào?

Bà đơ Rênan không để tai nghe nữa; niềm hạnh phúc chưa chan đã làm cho bà hầu như diên đại. Bà bắt nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần lời nói chắc rằng Juyliêng đã từ chối một cách cụ thể dứt khoát, nó không cho phép trở lại một quyết định phải lẽ hơn.

- Tôi muốn thử cố gắng một lần cuối cùng, bà nói với chị hầu phòng, tôi sẽ nói với ông Juyliêng.

Ngày hôm sau, sau bữa ăn sáng, bà đơ Rênan lấy làm khoái trá được biện hộ cho kẻ tình địch của bà, và được thấy chị Êlida, cả người lẫn của, bị từ chối khẳng khái một mực trong suốt một tiếng đồng hồ.

Dần dần Juyliêng ra khỏi vòng những câu trả lời cứng nhắc và quay ra trả lời một cách dí dỏm những lời giảng giải theo lẽ khôn ngoan của bà đơ Rênan. Bà không thể nào cưỡng lại được dòng suối hạnh phúc nó tràn ngập tâm hồn bà sau bao nhiêu ngày đau khổ. Bà ngất lịm người đi. Khi bà hồi tỉnh dậy và được đặt nằm yên ổn trong phòng, bà đuổi mọi người đi ra hết. Bà lấy làm ngạc nhiên hết sức.

Hay là ta yêu Juyliêng chăng? cuối cùng bà tự hỏi.

Sự phát hiện đó, giá phải lúc nào khác thì chắc hẳn đã làm cho bà chìm ngập trong những niềm hối hận và trong một tâm trạng vô cùng rối loạn, nay đối với bà chỉ là một cảnh tượng lạ lùng, nhưng có vẻ hững hờ lạnh nhạt. Tâm hồn bà, bị những xúc động vừa qua làm cho kiệt sức, không còn có khả năng cảm xúc vì những chuyện tâm tình mê đắm nữa.

Bà đơ Rênan muốn trở dậy làm việc, nhưng lại ngủ thiếp đi; khi bà tỉnh dậy, bà không thấy lo sự như đáng lẽ phải lo sợ. Bà đương sung sướng quá, nên không thể lấy làm thất ý vì một điều gì. Chất phác ngây thơ, người đàn bà tỉnh lẻ hiền lành đó chưa bao giờ giầy vò tâm hồn, để cố nặn ra cho được một chút cảm xúc đối với một sắc thái mới mẻ nào đó của tình cảm hay của nỗi đau thương. Trước khi Juyliêng đến, bà đơ Rênan hoàn toàn mê mải với cái khối lượng công việc, ở xa Pari, nó

là cái thân phận của một bà mẹ tốt, bà nghĩ đến tình yêu mê đắm cũng như chúng ta nghĩ đến trò chơi xổ số; thua thiệt chắc chắn, và hạnh phúc mà những kẻ điên rồ tìm kiếm.

Bỗng chuông báo bữa ăn chiều; bà dơ Rênan dỏ dừ cả mày mặt khi nghe thấy tiếng của Juyliêng, đương dất lủ trẻ xuống. Đã hơi khôn khéo từ ngày bà yêu để giải thích sự dỏ mặt, bà kêu rằng bị nhức đầu dữ dội.

- Tất cả các đàn bà đều như thế cả, ông dơ Rênan đáp, với một tiếng cười ha hả. Những cái bộ máy đó lúc nào cũng có cái gì xộc xệch phải vá vúi!

Mặc dầu đã quen với loại bông lon đó, nhưng giọng nói kia làm cho bà dơ Rênan khó chịu. Để khuây lảng, bà nhìn nét mặt của Juyliêng; ví thử anh là người đàn ông xấu xí nhất đời, thì lúc bấy giờ bà cũng thấy vừa ý.

Chăm chăm bắt chước thói tục của những triều thần ngay từ những ngày đẹp trời đầu tiên của mùa xuân, ông dơ Rênan về ở Vergy; đó là cái làng đã được nổi danh vì câu chuyện bi thảm của Gabrielo*. Ở vài trăm bước cách những di tích điêu tàn rất kỳ thú của ngôi nhà thờ cũ kiểu gô tích*, ông dơ Rênan có một tòa lâu đài cổ có bốn vọng lâu, và một khu vườn về theo kiểu vườn Tuylori, với rất nhiều bờ giậu hoàng dương* và lối đi trồng cây dễ tây mỗi năm tỉa xén hai lần. Một cánh đồng lân cận trồng cây táo, dùng làm nơi dạo chơi. Ở cuối khu vườn quả, có tám hay mười cây hồ đào trắng lẹ; tàn lá mênh mông vươn cao có lẽ đến tám mươi piê.

- Mỗi cây hồ đào chết tiết này, ông dơ Rênan nói khi bà vợ đứng ngắm nghía những cây đó, làm thiệt cho tôi

mất nửa acpăng* thu hoạch, vì lúa mì không mọc được dưới bóng râm của nó.

Phong cảnh thôn quê hình như mới mẻ đối với bà đơ Rênan; bà ngắm cảnh đến say mê. Mỗi tình của bà làm cho bà có trí mẫn tiệp và có quyết tâm. Ngay hai ngày sau khi đến Vergy, nhân ông đơ Rênan trở về phố vì công việc của tòa thị chính, bà đơ Rênan gọi thợ, phí tổn do bà chịu. Juyliêng đã gọi cho bà ý kiến làm một con đường nhỏ rải cát, chạy quanh trong khu vườn quả và dưới những cây hồ đào cao lớn, cho bọn trẻ được dạo chơi từ buổi sớm, mà giày của chúng không bị ướt vì sương mai. Ý kiến đó vừa nảy ra đã được thi hành ngay không đầy hai mươi bốn giờ sau. Suốt ngày, bà đơ Rênan vui vẻ cùng với Juyliêng chỉ bảo thợ thuyền.

Khi ông thị trưởng Verie từ trên phố trở về, ông rất ngạc nhiên thấy đường đi đã làm xong. Bà đơ Rênan cũng ngạc nhiên thấy ông về; bà đã quên là có ông ta. Trong hai tháng trời, ông ta bực mình nói đến sự người đã táo bạo, dám làm một việc sửa sang quan trọng như thế mà không hỏi ý kiến ông, nhưng bà đơ Rênan đã làm việc đó bằng tiền của bà, nên ông cũng được đôi phần an ủi.

Bà chỉ suốt ngày chạy chơi với lũ trẻ trong vườn quả và đuổi bắt bướm bướm. Họ đã làm những cái vợt lớn bằng vải sô, họ dùng những vợt đó để bắt những con *lépidoptero** tội nghiệp. Đó là cái danh từ man rợ mà Juyliêng dạy cho bà đơ Rênan. Vì bà đã gửi mua từ Bodăngxông về quyển sách lý thú của ông Gôdrat*; và Juyliêng kể cho bà nghe những đặc tính lạ lùng của những con vật tội nghiệp đó*.

Họ lấy những đinh ghim, cắm chẳng thương tình những con vật đó vào một cái khung lớn bằng giấy các-tông cũng do Juyliêng chế biến.

Thế là giữa bà đơ Rênan và Juyliêng đã có một đề tài chuyện văn, anh không còn phải chịu cái cực hình ghê sợ của những giây phút im lặng nữa.

Họ nói chuyện với nhau không lúc nào ngớt, và lấy làm cực kỳ thích thú, tuy bao giờ cũng chỉ là những chuyện rất vô tội. Cuộc sống hoạt động đó, bận rộn và vui vẻ, hợp với ý thích của mọi người, chỉ trừ chị Êlida, lắm công nhiều việc, cứ bỏ hơi tai. Chị nói chưa bao giờ chăm lo chuyện ăn mặc đến thế; mỗi ngày bà thay áo hai ba lần.

Chúng tôi không có dụng ý lấy lòng ai, nên chúng tôi sẽ không chối rằng bà đơ Rênan, vốn có một nước da lông lẩy, đã cho may những bộ áo dài để hai cánh tay và ngực hở rất nhiều. Thân hình bà rất cân đối, và cách ăn mặc như vậy làm cho bà rất nổi.

- Chưa bao giờ bà *trở đến thế này*, thưa bà, các bạn đàn ông của bà ở Verie đến ăn cơm khách ở Vergy nói với bà như thế. (Đó là một cách nói của địa phương).

Một điều lạ lùng mà chúng ta sẽ ít người tin, là bà đơ Rênan chăm lo phục sức nhiều đến thế, nhưng không có dụng ý gì trực tiếp. Bà thấy vui thích trong công việc đó, và suốt trong thời gian không đi săn bướm với lũ trẻ và Juyliêng, bà cặm cụi cùng với Êlida để may áo, mà không có ý nghĩ gì khác hơn là thấy vui thích. Chỉ có mỗi một lần bà đi Verie, là do bà muốn mua những áo mới mùa hè người ta vừa đem từ Muyludo về.

Bà trở về Vergy, dắt theo một thiếu phụ có họ hàng với bà. Từ ngày lấy chồng, bà dợ Rênan đã dần dà giao du thân thiết với bà Đervin xưa kia đã là bạn của bà ở tu viện *Thánh-tâm*.

Bà Đervin cười rất nhiều về những cái bà ta gọi là ý nghĩ điên rồ của bà em họ: Những như mình tôi, thì chả đời nào tôi nghĩ tới, bà nói. Những ý nghĩ đột xuất mà ở Pari thì người ta sẽ gọi là cơ trí lỗi lạc, bà dợ Rênan lấy làm xấu hổ như một trò đại đột, khi bà ở bên cạnh chồng; nhưng sự có mặt của bà Đervin làm cho bà mạnh dạn lên. Lúc đầu, bà nói với bà này những ý nghĩ của mình với một giọng rụt rè e lệ; khi hai bà ngồi lâu với nhau không có ai khác nữa, thì thần trí bà dợ Rênan sáng khoái lên, một buổi sáng vắng vẻ dài dặc trôi qua như một giây lát và sau đó hai bà đều rất vui vẻ. Chuyến đi này, bà Đervin, vốn người mực thước, thấy bà em họ của mình kém vui vẻ nhiều, nhưng sung sướng hơn nhiều.

Về phần Juyliêng thì từ khi về ở thôn quê, anh đã sống như một đứa trẻ thơ thật sự, anh cũng sung sướng được chạy đuổi bướm bướm như lũ học trò của anh. Sau bao nhiêu gò ép và bao nhiêu mưu thuật khôn khéo, nay được một mình, xa con mắt của mọi người, và, do linh tính, không sợ gì bà dợ Rênan, anh tự buông thả cho niềm vui thích được sống, rất mãnh liệt ở lứa tuổi đó, và giữa những rừng núi đẹp nhất hoàn cầu.

Ngay từ lúc bà Đervin mới đến, Juyliêng đã thấy như bà là bạn của mình; anh vội vàng chỉ cho bà cái phong cảnh được xem từ chỗ cuối con đường mới, dưới những cây hồ đào đại thụ; quả thật, phong cảnh đó đẹp bằng,

nếu không hơn tất cả những cảnh đẹp nhất của nước Thụy-sĩ và các hồ nước Ý. Nếu ta leo lên cái dốc đứng bắt đầu cách đây vài bước, thì ta đến ngay những cái vực lớn, ở bên rìa có những rừng sồi ăn gần tới tận dòng sông. Sung sướng, tự do, và còn hơn thế nữa, làm ông vua trong nhà, Juyliêng dắt hai bà bạn lên tận đỉnh các ghềnh đá dựng đứng như tường vách kia, và thích thú được thấy các bà tán thưởng những cảnh tuyệt trần đó.

- Đối với tôi, chẳng khác gì âm nhạc của Môzart vậy, bà đơ Đervin nói.

Trước kia, sự ghen ghét của những thằng anh, sự có mặt của một người bố chuyên chế và lúc nào cũng giận dữ, đã phá hoại trong mắt Juyliêng những cánh đồng quê ở quanh vùng Verie. Ở Vergy, anh không còn thấy những kỷ niệm cay đắng đó; lần đầu tiên trong đời, anh không thấy có kẻ thù. Khi ông đơ Rênan ở lại trên phố, cái đó xảy ra luôn, thì anh dám đọc sách; ít lâu, đáng lẽ đọc sách đêm, mà lại còn phải cẩn thận giấu ngọn đèn vào đáy một bình hoa lật ngược, thì anh được đi ngủ ung dung; ban ngày, giữa khoảng những bài học dạy cho lũ trẻ, anh đi vào khu ghềnh đá kia với quyển sách duy nhất, nó là quy tắc xử sự của anh và đối tượng say mê của anh. Anh tìm thấy ở đó vừa hạnh phúc, vừa thú mê mê và niềm an ủi trong những lúc nản lòng.

Có những điều Napôlêông nói về đàn bà, nhiều câu bàn luận về giá trị những tiểu thuyết thịnh hành dưới triều ông, lúc đó gọi cho anh, lần đầu tiên, vài ý nghĩa mà bất cứ một chàng thanh niên nào khác, vào lứa tuổi anh, đáng lẽ phải có từ lâu rồi.

Những ngày nồng nực đã đến. Họ thành thói quen ngồi chơi các buổi tối dưới một cây bồ đề to lớn, cách nhà vài bước. Ở đó, bóng âm u dày đặc. Có một buổi tối, Juyliêng nói năng hoạt bát, anh khoái trá hưởng cái thích thú ăn nói giỏi giang và nói với những người đàn bà trẻ trung; khi làm điệu bộ, anh dựa vào bàn tay bà đo Rênan đương vịn vào vai một chiếc ghế dựa bằng gỗ sơn mà người ta thường đặt trong các vườn hoa.

Bàn tay kia vội giật ngay về, nhưng Juyliêng nghĩ rằng anh có *bốn phần* phải làm cho kỳ được người ta không rút tay về khi anh dựa phải. Ý nghĩ phải làm một bốn phần, và nếu không làm trọn thì bị trò cười hay đúng hơn bị một thứ tình cảm tự ti, ý nghĩ đó xua đuổi ngay tức khắc mọi thích thú trong lòng anh.

CHƯƠNG IX

MỘT BUỔI TỐI Ở THÔN QUÊ

Nàng Didông của ông Ghêranh, bức tranh phác thảo thú vị.

STROMBECK*

Ngày hôm sau, khi anh gặp lại bà đơ Rênan, anh có những khóe mắt lạ lùng; anh quan sát bà ta như quan sát một kẻ thù sắp phải đối địch. Những khóe mắt đó, khác xa với ngày hôm trước, làm cho bà đơ Rênan thất đảm kinh hồn: bà đã đối xử hậu tình với anh, vậy mà anh lại ra vẻ giận hờn. Bà không làm thế nào rời con mắt khỏi mắt anh.

Sự có mặt của bà Đêrin cho phép Juyliêng được nói ít hơn và được chăm lo nhiều hơn đến những điều đang suy tính trong đầu óc. Công việc duy nhất của anh, suốt ngày hôm đó, là tự kiên định thêm bằng cách đọc quyển sách thiên khải nó tôi luyện thêm tâm hồn anh.

Anh rút ngắn rất nhiều các bài học của lũ trẻ, và sau đó, khi sự có mặt của bà đơ Rênan nhắc nhở anh hoàn toàn chăm lo cho thể diện của anh, thì anh quyết

định rằng nhất thiết phải làm cho bà tối hôm đó cho phép bàn tay bà được nằm yên trong bàn tay anh.

Khi mặt trời xuống thấp và nhích gần lại cái giây phút quyết liệt, trái tim Juyliêng hồi hộp một cách lạ thường. Rồi đêm sập đến. Với một nỗi vui mừng nó cất cho anh một khối nặng trĩu đè lên ngực, anh nhận xét rằng đêm này rồi sẽ tối trời lắm đây. Bầu trời đầy những đám mây lớn, bị một luồng gió nồng nã thổi bay tới tấp, như tuồng báo hiệu một cơn dông tố. Hai bà bạn đi dạo chơi đến tận khuya. Tất cả những gì họ làm tối hôm đó, Juyliêng đều thấy có vẻ lạ lùng. Họ vui hưởng cái thời tiết kia, nó như làm tăng thêm thú yêu đương, cho những tâm hồn u nhã.

Cuối cùng mọi người ngồi xuống, bà dơ Rênan bên cạnh Juyliêng và bà Đêrin gần bên bà bạn. Mãi lo đến cái việc anh sắp mưu toan, Juyliêng chẳng nghĩ ra được điều gì để nói, cuộc chuyện trò uể oải.

Bao giờ ta gặp trận quyết đấu đầu tiên, có lẽ ta cũng sẽ run sợ, và khổ sở như thế này chẳng? Juyliêng nghĩ bụng; vì anh ngờ vực cả mình lẫn mọi người nhiều quá, nên không thể không trông thấy rõ tâm trạng của mình.

Trong cơn khắc khoải chết người, anh thấy rằng tà gặp trăm nguy ngàn hiểm còn dễ chịu hơn. Biết bao lần anh ước mong có một việc gì đó chột đến khiến bà dơ Rênan bắt buộc phải trở vào nhà và rời khỏi vườn hoa! Juyliêng phải tự nén lòng mạnh quá nên giọng nói của anh lạc hẳn đi; ngay sau đó, giọng nói của bà dơ Rênan cũng run, nhưng Juyliêng không nhận thấy. Cuộc chiến đấu kinh khủng của bốn phận chống với sự rụt rè nhút

nhất, nặng nề quá đỗi, nên anh không còn bụng dạ nào nhận xét cái gì khác ngoài bản thân mình. Chín giờ ba khắc vừa điểm ở đồng hồ của lâu đài, mà anh còn chưa dám làm gì cả. Juyliêng tức giận vì nỗi hèn nhát của mình, tự nhủ rằng: Đến đúng lúc chuông điểm mười giờ, ta sẽ thi hành cái điều mà, suốt cả ngày, ta đã tự hứa hẹn sẽ làm tối nay, hoặc ta sẽ lên phòng riêng, bắn tan óc tự tử.

Sau một giây lát cuối cùng chờ đợi lo âu, trong khi đó sự cảm xúc quá độ làm cho Juyliêng như điên như cuồng, mười giờ điểm ở đồng hồ ngay trên đầu anh. Mỗi tiếng điểm của cái chuông số mệnh đó rền vang trong lồng ngực anh, và như gây trong đó một chuyển động thể chất.

Sau cùng, khi tiếng điểm cuối cùng của mười giờ còn ngân vang, anh đưa bàn tay ra và cầm lấy bàn tay bà đơ Rênan, bà vội rút ngay tay về, Juyliêng cũng chẳng hiểu mình đương làm gì, lại nắm lấy tay bà lần nữa. Mặc dầu chính anh đương hết sức cảm động, anh ngạc nhiên thấy sự lạnh lẽo băng giá của bàn tay anh nắm, anh siết chặt bàn tay đó với một sức mạnh run bắn bật, người ta cố gắng lần cuối cùng để rút tay ra, nhưng sau chót bàn tay đó nằm yên lại trong tay anh.

Tâm hồn anh tràn ngập hạnh phúc, chẳng phải vì anh yêu bà đơ Rênan, nhưng vì một cực hình kinh khủng vừa chấm dứt. Để cho bà Đervin không thấy gì, anh nghĩ rằng bắt buộc anh phải nói năng; bây giờ giọng nói của anh sang sảng và mạnh mẽ, giọng nói của bà đơ Rênan thì, trái lại, biểu lộ biết bao xúc động, khiến bà bạn tưởng

bà khó ở và đề nghị trở vào nhà. Juyliêng thấy thế nguy: Nếu bà đơ Rênan lui vào phòng khách, thì ta sẽ rơi trở lại cái tình thế kinh khủng của suốt ngày hôm nay. Ta đã nắm giữ bàn tay này một thời gian ngắn ngủi quá, không thể coi như một điểm thắng lợi dứt khoát được.

Đến lúc bà Đêrvin nhắc lại lời đề nghị trở vào phòng khách, Juyliêng bèn siết thật chặt bàn tay, mà người ta đương phó mặc cho anh.

Bà đơ Rênan, đã đứng dậy, lại ngồi xuống, và nói bằng một giọng không còn khí lực:

- Tôi thấy hơi khó ở thật, nhưng ở chỗ thoáng gió tôi được dễ chịu.

Những lời đó xác minh hạnh phúc của Juyliêng, lúc đó đương lên đến độ tột vời: anh nói năng, anh quên cả vờ vĩnh, anh được hai bà bạn đương lắng nghe anh cho anh là người đàn ông dễ thương nhất. Tuy vậy vẫn còn một đôi chút thiếu can đảm trong cái hùng hồn đột nhiên của anh. Anh lo sợ chết người rằng bà Đêrvin, bị một vì trận gió bắt đầu nổi dậy trước con đông tố, lại muốn trở vào phòng khách một mình chẳng. Như vậy, anh sẽ còn ở lại tay đôi với bà đơ Rênan. Anh đã hầu như ngẫu nhiên mà có cái can đảm mù quáng đủ để hành động, nhưng anh cảm thấy anh không có đủ sức để nói với bà đơ Rênan một lời đơn giản nhất. Dù bà trách anh nhẹ nhàng đến đâu đi nữa, anh cũng sẽ bị thua trận, và sự thắng lợi anh vừa thu hoạch được sẽ tiêu tan.

May cho anh, tối hôm đó, những câu ăn nói cảm động và văn hoa của anh được bà Đêrvin tán thưởng, bà này thường vẫn luôn luôn cho anh là vụng về như một đứa

trẻ, và không lý thú mấy. Còn bà đơ Rênan, thì bàn tay nằm trong bàn tay Juyliêng, bà không nghĩ ngợi gì cả; bà cứ để mặc cho đời sống tự nhiên trôi chảy. Những giờ phút trải qua dưới gốc cây bồ đề lớn, mà truyền thuyết địa phương cho rằng do Sacơ Vũ dùng, trông ngày xưa, đối với bà là một thời kỳ hạnh phúc. Bà khoái trá nghe tiếng gió rền rĩ trong chòm lá um tùm của cây bồ đề, và tiếng những giọt sương đêm đã bắt đầu lác đác rơi trên những lá thấp, Juyliêng không để ý một trường hợp đáng làm cho anh vững tâm: bà đơ Rênan đã bắt buộc phải rút tay về, vì bà đứng dậy để giúp đỡ bà chị họ nhấc lên một cái bình hoa vừa bị gió lật đổ ở dưới chân họ, bà vừa ngồi lại, thì bà lại trả cho anh bàn tay của bà hầu như chẳng khó khăn gì, và như là một điều đã thỏa thuận giữa hai người.

Mười hai giờ đêm đã điểm từ lâu; cuối cùng, phải rời bỏ vườn hoa: mọi người chia tay. Bà đơ Rênan, sung sướng vì hạnh phúc yêu đương, nhưng vốn rất ngây thơ nên hầu như chẳng tự trách mình một tí gì. Hạnh phúc làm bà mất ngủ. Còn Juyliêng mệt lả người vì những cuộc chiến đấu suốt ngày trong trái tim anh giữa sự nhút nhát rụt rè với lòng kiêu ngạo, anh ngủ thiếp đi ngay.

Hôm sau, người ta đánh thức anh dậy lúc năm giờ; và, điều này nếu bà đơ Rênan biết thì chắc là đau đớn lắm, anh hầu như chẳng nghĩ gì đến bà. Anh đã làm *bốn phận của anh, và một bốn phận anh hùng*. Ý nghĩ đó làm anh chứa chan hạnh phúc, anh khóa trái cửa lại, ăn ở phòng riêng, và vùi đầu đọc truyện những chiến công

của vị anh hùng của mình, với một thú vị hoàn toàn mới mẻ.

Khi chuông báo bữa ăn sáng, anh đã quên tất cả những thắng lợi hôm trước của mình, trong khi đọc tập kỷ yếu của đại quân đoàn. Vừa đi xuống phòng khách, anh vừa tự nhủ, với một giọng phù bạc: Phải nói với người đàn bà đó rằng ta yêu bà ta.

Đáng lẽ là những khoe mát đây lạc thú mà anh chờ đợi được gặp, thì anh lại trông thấy bộ mặt nghiêm khắc của ông đơ Rênan, ông ta từ Verie về đã được hai tiếng đồng hồ, ông không giấu nổi bất bình của mình vì chuyện Juyliêng suốt buổi sáng chẳng trông nom gì đến lũ trẻ. Không có gì xấu bằng cái con người lên mặt oai vệ đó, lúc hấn bực mình và nghĩ rằng có quyền tỏ nổi bực mình đó ra.

Mỗi lời nói gay gắt của chồng lại đâm nhói và trái tim của bà đơ Rênan. Còn Juyliêng, thì anh còn thần trí mê mê, còn mê mải về những chuyện lớn lao vừa xảy ra trước mắt, trong bao nhiêu giờ phút vừa qua, nên lúc đầu anh hầu như không thể hạ cố đến mức để tai nghe những lời ngiệt ngã của ông đơ Rênan nói với anh. Mãi về sau, anh mới bảo ông ta, một cách khá cộc cằn.

- Tôi mệt.

Cái giọng của câu trả lời đó, có thể làm cho một người dù ít hay méch lòng hơn ông thị trưởng Verie cũng phải tức giận, nên ông ta thoáng có ý muốn trả lời Juyliêng bằng cách tổng cổ anh đi ngay lập tức. Có cái gì kìm ông lại, thì chỉ là cái phương châm ông đã tự đề ra cho mình, là trong công việc làm ăn không bao giờ nên hấp tấp quá.

Cái thằng trẻ tuổi ngu dại này, ông tự nhủ ngay, đã làm nên được đôi chút tiếng tăm ở nhà ta, lão Valonô có thể thu nạp hẳn, hoặc là hẳn sẽ lấy con Êlida*, và trong cả hai trường hợp, trong thâm tâm, hẳn đều có thể coi thường ta được.

Mặc dầu suy nghĩ khôn ngoan như vậy, nhưng sự bất bình của ông đơ Rênan cũng vẫn cứ bùng nổ bằng một tràng lời lẽ thô bỉ, dần dần làm cho Juyliêng cáu tiết. Bà đơ Rênan thì gần như muốn khóc lên được. Bữa ăn sáng vừa xong, bà yêu cầu Juyliêng cho bà khoác tay để đi dạo, bà vịn vào anh một cách thân ái. Tất cả những lời bà đơ Rênan nói với anh, Juyliêng chỉ có thể trả lời lảm bảm:

- *Thật đúng là bọn nhà giàu!*

Ông đơ Rênan đi sát gần bên họ, sự có mặt của ông ta càng làm tăng nỗi tức giận của Juyliêng. Bỗng anh nhận thấy bà đơ Rênan vịn vào tay anh một cách rõ ràng ý tứ, cử chỉ ấy làm anh kinh tởm, anh đẩy bà ra một cách phũ phàng và gờ cánh tay ra.

May mà ông đơ Rênan không trông thấy sự láo xược mới đó, chỉ có bà Đervin để ý thấy, bà bạn của bà thì nước mắt rùng rùng. Lúc đó ông đơ Rênan lấy đá ném đuổi một con bé nhà quê, con bé này đã men theo một lối mòn lạm phép, và đương đi xuyên qua một góc khu vườn quả.

- Ông Juyliêng, xin ông hãy bớt nóng; ông nên nghĩ rằng tất cả chúng ta ai cũng có lúc tức giận, bà Đervin nói nhanh.

Juyliêng lạnh lùng nhìn bà với đôi mắt biểu lộ lòng khinh bỉ tốt độ.

Cái nhìn đó, bà Đervin lấy làm lạ, và có lẽ bà còn ngạc nhiên nhiều hơn nữa, nếu bà đoán biết được tình ý thật của nó, bà sẽ đọc thấy ở đó như một hy vọng lò mờ được trả thù một mẻ cực kỳ ghê gớm. Chắc hẳn là chính những giây phút tủi nhục này đã làm nên những Rôbexpie*.

- Cái nhà ông Juyliêng của cô thật là hung dữ, hẳn làm tôi phát khiếp, bà Đervin nói nhỏ với bà bạn.

- Ông ấy giận dữ là phải, bà này trả lời. Ông ấy đã làm cho lũ trẻ tiến bộ lạ lùng. Vậy ông ấy bỏ qua một buổi sáng không nói năng gì với chúng, thì có hề gì; phải công nhận là đàn ông họ nghiệt ngã thật.

Lần đầu tiên trong đời, bà đơ Rênan cảm thấy như muốn báo thù đối với chồng. Lòng căm thù cực độ của Juyliêng đối với bọn nhà giàu sắp bùng nổ. May thay, ông đơ Rênan gọi người coi vườn, và cùng với bác ta lo chuyện lấy những bó cành gai ráp cái lối đi lăm phép xuyên qua khu vườn quả. Juyliêng không trả lời một tiếng nào những sự ân cần mà anh là đối tượng suốt từ lúc đó đến hết cuộc dạo chơi. Ông đơ Rênan vừa dúi chân đi, hai bà bạn liền kêu mệt, mỗi người xin anh cho khoác một bên cánh tay.

Đi giữa hai người đàn bà mặt đỏ dừ và lúng túng vì nổi xao xuyến cực độ, sắc mặt xanh nhợt kiêu kỳ, vẻ lăm lăm và cả quyết của Juyliêng hiện thành một sự tương phản dị kỳ. Anh coi khinh hai người đàn bà đó, và tất cả các tình cảm âu yếm.

Chao ôi! anh nghĩ bụng, không có lấy năm trăm quan tiền niên kim để ta học hành đến nơi đến chốn. Chà! ta thì đã tung cái thằng cha ấy đi chứ!

Anh mê man về những ý nghĩ nghiêm khắc đó, nên những lời ngọt ngào của hai chị em bạn kia, anh chỉ thêm để ý hiểu đôi phần, mà anh lấy làm ghét vì cho là vô nghĩa, ngô nghê, yếu đuối, nói tóm lại là *dàn bà*.

Cứ nói để mà nói, và cứ tìm mãi cách giữ cho câu chuyện câu trò được linh hoạt, bỗng bà đơ Rênan nói rằng sở dĩ chồng bà từ Verie về đây, là vì ông đã giao dịch với một người tá điền của ông, để mua bẹ ngô*. (Trong xứ này, người ta nhồi đệm giường bằng bẹ ngô.)

- Nhà tôi sẽ không quay trở lại đây với chúng ta đâu, bà đơ Rênan nói thêm; cùng với bác làm vườn và anh hầu phòng, ông ấy đi trông nom làm nốt việc thay bẹ ngô cho các đệm giường trong nhà. Sáng hôm nay ông ấy nhồi bẹ ngô cho tất cả các giường ở gác nhất, bây giờ ông ấy đến gác hai.

Juyliêng bỗng thất sắc, anh nhìn bà đơ Rênan một cách khác thường, và một lúc sau anh tìm mưu kéo riêng bà ra bằng cách đi gấp bước lên. Bà Đervin để mặc họ tách ra xa.

- Bà hãy cứu sống tôi, Juyliêng nói với bà đơ Rênan, chỉ có bà mới làm được việc đó, vì bà biết rằng tên hầu phòng là tử thù của tôi. Thưa bà, tôi phải thú thực với bà rằng tôi có một tấm chân dung; tôi đã giấu nó trong đệm rom của giường tôi nằm.

Nghe nói như vậy, đến lượt bà đơ Rênan tái mặt.

- Thưa bà, chỉ có bà có thể vào buồng tôi trong lúc này, bà hãy bới tìm, không để ai biết, trong góc đệm gần cửa sổ nhất, bà sẽ thấy trong đó có một cái hộp nhỏ bằng các-tông đen và nhẵn.

- Cái hộp ấy chứa đựng một tấm chân dung! bà đơ Rênan nói, hầu như không đứng vững.

Về ngao ngẩn của bà, Juyliêng trông thấy, anh vội lợi dụng ngay.

- Tôi còn xin bà một cái ơn thứ hai nữa, thưa bà, tôi van bà đừng xem tấm chân dung đó, nó là một chuyện riêng kín của tôi.

- Đó là một chuyện riêng kín, bà đơ Rênan nhắc lại bằng một giọng thều thào.

Nhưng mặc dầu được nuôi nấng giữa những người kiêu hãnh vì tiền của, và chỉ động lòng về chuyện tài lợi thôi, tình yêu đã đem lại sự hào sảng cho tâm hồn đó. Bị xúc phạm đau đớn, nhưng với một vẻ tận tụy rất đơn giản, bà đơ Rênan hỏi Juyliêng những nhu cầu cần thiết để có thể làm tròn được việc giao phó.

- Thế là, bà vừa dời chân đi vừa nói, một cái hộp tròn nhỏ, bằng các-tông đen, rất nhẵn.

- Thưa bà, vâng, Juyliêng trả lời với cái vẻ nghiêm khắc của những người gặp con nguy hiểm.

Bà leo lên tầng gác thứ hai của lâu đài, mặt tái mét, như thể đi vào cõi chết. Khổ thêm một nỗi là bà thấy

mình sắp sửa ngắt đi, nhưng sự cần thiết phải giúp Juyliêng làm cho bà có thêm sức.

- Ta phải lấy cho kỳ được cái hộp đó, bà vừa tự nhủ vừa đi gấp.

Bà nghe thấy tiếng chồng nói với tên hầu phòng, ngay trong phòng của Juyliêng. May sao, họ lại đi sang phòng lũ trẻ. Bà nhấc cái đệm lên và thò tay vào trong ổ rom mạnh đến nỗi ngón tay xây xước cả. Mặc dầu rất nhạy cảm về những cái đau đớn loại đó, nhưng lần này bà thấy không đau, vì gần như gần cùng một lúc bà sờ thấy cái mặt nhẵn trơn của chiếc hộp các-tông. Bà cầm lấy và biến đi.

Bà vừa thoát khỏi cơn lo sợ bị chồng bắt chọt, thì nổi rùng rợn vì chiếc hộp kia gần làm cho bà ngắt đi hẳn hơi.

Vậy ra Juyliêng yêu, và ta đương cầm dây tẩm chân dung của người đàn bà mà anh yêu!

Ngồi trên một chiếc ghế dựa trong tiền sảnh của gian phòng này, bà đo Rênan bị tất cả những nổi rùng rợn của lòng ghen dày vò. Sự ngây thơ rất mực của bà, lúc này lại vẫn có lợi cho bà, sự kinh ngạc làm giảm bớt đau khổ. Juyliêng chọt đến, cầm lấy cái hộp, không cảm ơn, không nói năng gì, và chạy vụt vào phòng mình, đánh lửa, và đốt ngay tức khắc. Anh tái xanh tái xám, hồn vía lên mây, anh tự khoa đại nỗi nguy hiểm vừa qua.

Tấm chân dung của Napôlêông, anh vừa gật gù vừa nghĩ bụng, bị phát hiện giấu giếm ở nhà một người vẫn

tự nhận là thù ghét sâu xa kẻ tiếm ngôi! phát hiện bởi ông đơ Rênan, con người cực kỳ bảo hoàng và đương vô cùng tức giận, lại thêm điều bất cần này nữa, là trên tám giấy các-tông trắng đằng sau bức chân dung, có những dòng chữ bút tích của ta! và những dòng chữ đó không còn để cho nghi ngờ một tí nào nữa về lòng thần phục quá độ của ta! và mỗi con nhiệt ái đó đều có đề ngày tháng, có cái vừa mới hôm kia đây thôi!

Tất cả danh tiếng của ta đổ sụp, tiêu ma trong chốc lát! Juyliêng nghĩ bụng, khi trông thấy cái hộp dương cháy, và danh tiếng của ta là tất cả tài sản của ta, ta sống chỉ nhờ có nó... mà nào có ra sống. Trời đất ơi!

Một tiếng đồng hồ sau, sự mệt nhọc và lòng cảm thương cho chính bản thân mình, làm cho anh ngả sang chiều nhu cảm. Anh gặp bà đơ Rênan, cầm lấy tay bà và hôn một cách thành thật hơn bao giờ hết. Bà đỏ mặt vì sung sướng và, gần, như cùng một lúc, đẩy Juyliêng ra với sự giận dữ của lòng ghen. Lòng kiêu hãnh của Juyliêng, mới bị xúc phạm vừa đây, làm cho anh lúc này, thành một kẻ ngu dại. Anh chỉ trông thấy ở bà đơ Rênan một người đàn bà giàu có, anh bèn buông rơi tay bà với vẻ khinh khỉnh, và dời chân đi. Anh đi dạo trầm ngâm trong vườn, chả mấy chốc một nụ cười chua chát hiện trên môi anh.

Ta đi dạo chơi ở đây, bình thản như một người làm chủ thì giờ của mình! Ta không trông nom lũ trẻ: để rồi phải nghe những lời sỉ nhục của ông đơ Rênan, và sỉ nhục đúng lý. Anh bèn chạy lên buông trẻ.

Những vuốt ve của đứa bé nhất, mà anh yêu lắm, làm nguôi đôi chút đau đớn xót xa của anh.

Thằng bé này còn chưa khinh bỉ ta, Juyliêng nghĩ thầm. Nhưng anh lại tự trách ngay sự giảm bớt đau thương đó, coi như lại là một sự yếu đuối. Những đứa bé này vuốt ve ta cũng như chúng có lẽ cũng vuốt ve con chó săn còn non mà người ta mới mua về hôm qua.

CHƯƠNG X

MỘT TRÁI TIM LỚN VÀ MỘT DANH PHẬN NHỎ

*But passion mosi disemables, yet betrays,
Even by its darkness, as the blackest sky
Foretells the heaviest tempest.*

Don Juan C.I. st 73*.

Ông đơ Rênan, đang theo dõi tất cả các buồng của lâu đài, trở về buồng trẻ cùng với bọn gia nhân họ khiêng trả lại các đệm rom. Sự đột nhập của con người đó, đối với Juyliêng là giọt nước làm tràn bình nước.

Mặt tái hơn, lấm lấm hơn lúc thường, anh xông lại ông ta. Ông đơ Rênan đứng dừng lại và đưa mắt nhìn bọn người nhà của ông.

- Thừa ông, Juyliêng nói với ông ta, ông có cho rằng với bất cứ một gia sư nào khác, các con ông cũng đã tiến bộ bằng học với tôi hay không? Nếu ông trả lời không, Juyliêng nói tiếp luôn không để ông đơ Rênan kịp mở miệng, thì sao ông lại dám quở trách tôi là sao lãng chúng?

Ông đơ Rênan, vừa mới kịp hoàn hồn, nghĩ bụng rằng thằng nhà quê nhãi ranh này mà giở cái giọng lạ lùng như thế, là hẳn đã chắc lưng có một đám nào mời mọc hời hợt và hẳn sắp bỏ ông đây. Juyliêng càng nói càng tức giận tăng lên.

- Không có ông, tôi cũng có thể sống được, thưa ông, anh nói thêm.

- Tôi thật lấy làm phiền lòng thấy ông bị kích động đến thế, ông đơ Rênan đáp dĩnh trả lời. Bọn người nhà ở cách đó mười bước, đang bận sửa sang giường đệm.

- Ông đừng tưởng nói thế là xong với tôi đâu, thưa ông. Juyliêng nổi xung đáp, ông hãy nghĩ đến những lời nhơ nhuốc ông đã nói với tôi; mà lại trước mặt đàn bà nữa.

Ông đơ Rênan thừa hiểu là Juyliêng đòi hỏi cái gì, và một cuộc đấu tranh tư tưởng gay go vò xé tâm hồn ông. Bỗng Juyliêng giận điên người, kêu lên:

- Ra khỏi nhà ông, tôi khất có chỗ đi, thưa ông.

Nghe câu nói đó, ông đơ Rênan hình dung thấy Juyliêng đã yên vị ở nhà ông Valonô rồi.

- Vâng thì, thưa ông, cuối cùng ông ta nói với anh, vừa thở dài vô cớ cái vẻ của người gọi nhà phẫu thuật đến để làm một cuộc mổ xẻ hết sức đau đớn, tôi xin ưng chuẩn yêu cầu của ông. Kể từ ngày kia, là ngày mồng một đầu tháng, tôi trả cho ông năm mươi quan một tháng.

Juyliêng muốn bật cười và sững sờ cả người; tất cả nỗi giận dữ của anh đã biến mất.

Mình đã khinh bỉ cái quân súc vật này đến thế mà vẫn còn chưa đủ, anh nghĩ bụng. Có lẽ đây là sự tạ tội

lớn nhất mà một tâm hồn dễ tiện như thế kia có thể làm được.

Lũ trẻ đương đứng há hốc mồm mà nghe chuyện, liền chạy ra vườn nói với mẹ rằng ông Juyliêng giận dữ lắm, nhưng ông sắp được năm mươi quan một tháng. Juyliêng đi theo chúng theo thói quen, anh cũng chẳng thèm nhìn ông đơ Rênan, ông đứng lại đó vô cùng tức giận.

Thế là lão Valonô, ông thị trưởng nghĩ bụng, làm cho ta tốn kém mất một trăm sáu mươi tám quan. Nhất định ta phải nói cho lão mấy câu thật đáo để về công việc hăn thâu cung cấp cho những trẻ vô thừa nhận mới được.

Một lát sau, Juyliêng lại đối diện với ông đơ Rênan:

- Tôi phải đi xung tội với ông Sêlăng, tôi hân hạnh báo trước ông biết rằng tôi sẽ vắng mặt vài tiếng đồng hồ.

- Ông Juyliêng quý mến! ông đơ Rênan vừa nói vừa cười với một vẻ hết sức giả tạo, thì ông cứ đi cả ngày, nếu ông muốn, cả ngày mai nữa cũng được ông bạn ạ. Ông lấy ngựa của bác làm vườn mà đi Verte.

Thế là hăn đi trả lời lão Valonô đây, ông đơ Rênan nghĩ bụng, hăn chưa hứa chắc gì với ta cả, nhưng phải để cho cái đầu óc thanh niên kia nguội bót đi đã.

Juyliêng ra đi vội vàng và lên những khu rừng lớn người ta có thể xuyên qua để đi từ Vergy đến Verie. Anh chưa muốn đến ngay nhà ông Sêlăng vội. Anh không muốn tự ép mình vào một trò giảo quyết mới, anh cần phải trông cho rõ tâm non mui, và lắng nghe những ý nghĩ ngổn ngang bề bộn nó đương làm anh xao xuyến.

Ta đã thắng một trận, anh nghĩ bụng, ngay lúc bước chân vào những khu rừng lớn và xa con mắt của mọi người, vậy là ta đã thắng một trận!

Câu đó tô vẽ cho anh tất cả tình huống của anh dưới những màu rực rỡ, và trả lại cho tâm hồn anh đôi chút yên tĩnh.

Thế là ta có năm chục quan tiền lương một tháng, chắc hẳn là ông đơ Rênan đã phải một phen sợ hãi ghê gớm lắm. Nhưng sợ cái gì nhỉ?

Anh suy nghĩ trầm ngâm về cái lý do gì đã gây nên nỗi sợ cho con người sung sướng và thế lực, mà mới một tiếng đồng hồ trước đây anh sôi sục giận dữ, cuộc suy nghĩ làm cho tâm hồn Juyliêng được hoàn toàn thanh thản trở lại. Anh hầu như nhất thời cảm thấy vẻ đẹp mê hồn của những cánh rừng trong đó anh đương đi. Có những khối đá lớn trơ trụi xưa kia đã rơi xuống giữa rừng, về phía núi. Những cây dẻ gai vươn cao gần bằng những khối đá kia, mà bóng râm mát rượi chỉ cách ba bước những chỗ nắng bỏng không ai có thể dùng chân được.

Juyliêng đứng lại lấy hơi một lát ở bóng mát những khối đá kia, rồi lại trèo dốc nữa. Ít lâu sau, băng qua một con đường vết đi mòn, thường chỉ có những gã chần chễ qua lại mà thôi, anh thấy mình đứng trên một tảng đá rộng menh mông và thật yên trí là được cách biệt tất cả mọi người. Cái thế đứng về thể chất đó làm anh mỉm cười, nó vẽ nên cái thế mà anh nóng muốn đạt tới về tinh thần. Không khí trong trẻo của những ngọn núi cao kia truyền cho tâm hồn anh sự thanh thản và cả niềm vui sướng nữa. Ông thị trưởng Verie, đối với mắt anh vẫn

là đại biểu của tất cả bọn nhà giàu và tất cả những kẻ láo xược trên trái đất, nhưng Juyliêng cảm thấy rằng mỗi cảm thù vừa kích động anh, mặc dầu có những biểu lộ rất hung dữ, nhưng không có tí gì là nhằm cá nhân ông ta cả. Nếu anh thôi không gặp mặt ông đờ Rênan nữa thì chỉ trong tám ngày là anh đã quên ngay hấn ta, lâu đài của hấn, chó của hấn, lũ con của hấn và tất cả gia đình hấn. Chẳng biết ra làm sao mà ta đã làm cho hấn buộc lòng phải làm một sự hy sinh rất lớn. Ôi chao! hơn năm chục ê-quy một năm! Chỉ trước đó một giây lát, ta vừa mới thoát khỏi một nguy hiểm lớn nhất. Thế là hai trận chiến thắng trong một ngày; cuộc chiến thắng thứ hai chẳng tài giỏi gì, cần phải đoán cho ra lý lẽ. Nhưng thôi, những cuộc tìm tòi mệt sức, hãy để ngày mai.

Juyliêng đứng trên ghềnh đá, nhìn trời sáng rực rỡ ánh nắng mặt trời tháng tám. Ve sầu ánh ỏi trong cánh đồng dưới chân ghềnh đá, khi chúng im tiếng, thì tất cả là lặng lẽ chung quanh anh. Anh trông thấy dưới chân anh hai chục dặm đất đai non nước. Một con chim cất từ những ghềnh đá lớn trên đầu anh bay vụt ra, thỉnh thoảng anh trông thấy nó lặng lẽ lượn thành những vòng rộng lớn menh mang. Mắt Juyliêng bất giác dõi theo con mãnh cầm. Những động tác lặng lẽ và hùng dũng của nó làm anh chú ý, anh thềm muốn sức mạnh kia, anh thềm muốn sự cô độc kia.

Đó là thân thể của Napôlêông hồi trước, một ngày kia có lẽ sẽ là thân thể của anh không?

CHƯƠNG XI

MỘT BUỔI TỐI

*Yet Julia' svery coldness still was kind,
And tremulously gentle her small hand
Withdrew itself from his, but left behind,
A little pressure, thrilling, and so bland
And slight, so very slight that to be mind,
Twas but a doubt.*

Don Giuan C. I. st 71*

Đầu sao, cũng phải ra mặt ở Verie. Ở nhà xú ra, một sự tình cờ may mắn khiến cho Juyliêng gặp ông Valonô, anh vội kể cho ông ta nghe chuyện anh được tăng lương.

Khi trở về Vergy, Juyliêng mãi đến lúc tối mịt mới xuống vườn. Tâm hồn anh còn mệt mỏi vì biết bao cảm xúc mãnh liệt đã kích động anh trong ngày hôm đó. Ta sẽ nói gì với họ đây? anh băn khoăn tự hỏi, khi nghĩ đến các bà. Anh không hề thấy rằng tâm hồn anh vừa đúng là ở ngang tầm những sự kiện nhỏ nhất nó thường là mối lưu tâm duy nhất của phụ nữ. Nhiều khi Juyliêng thật là khó hiểu đối với bà Đervin, và cả đối với bà bạn

của bà ta nữa, còn anh thì cũng chỉ hiểu có nửa phần tất cả những điều họ nói với anh. Đó là hiệu quả của sức mạnh và, nếu tôi có thể nói được như thế này, của sự lớn lao của những ngọn trào lòng nhiệt liệt nó làm xao xuyến tâm hồn anh chàng trẻ tuổi đầy tham vọng kia. Ở con người lạ lùng đó, hầu như ngày nào cũng là đông tố.

Khi bước ra vườn, tối hôm đó, Juyliêng sẵn sàng tâm trí để lưu tâm đến những ý nghĩ của hai bà chị em họ xinh đẹp kia. Các bà đương nóng ruột chờ anh. Anh ngồi vào chỗ thường ngày của anh, bên cạnh bà đơ Rênan. ít lâu, bóng tối trở nên dày đặc. Anh muốn cầm lấy một bàn tay trắng mà từ lâu anh trông thấy ở gần anh, vịn vào vai một chiếc ghế. Người ta do dự một tí, nhưng cuối cùng người ta rút tay về một cách tỏ ý giận hờn. Juyliêng đã sẵn lòng chịu phép và tiếp tục chuyện trò vui vẻ, thì bỗng nghe tiếng ông đơ Rênan tới gần.

Juyliêng hãy còn văng vẳng bên tai những lời lẽ thô bỉ của ông ta hồi sáng. Chiếm lấy bàn tay của vợ hắn, ngay lúc có mặt hắn, anh nghĩ bụng, há chẳng phải là một cách miệt thị cái con người được hưởng thụ phè phỡn tất cả mọi lợi lộc của sự giàu sang kia sao? Phải, ta sẽ làm cái việc đó, mà hắn đã tỏ ý khinh thị biết chừng nào.

Từ lúc đó, sự bình tĩnh, vốn không phải là bẩm tính tự nhiên của Juyliêng, biến đi rất nhanh chóng: không còn bụng dạ nào nghĩ đến gì khác, anh thấp thỏm mong muốn bà đơ Rênan vui lòng để yên bàn tay của bà cho anh.

Ông đơ Rênan giận dữ nói chuyện chính trị: có vài ba nhà công nghiệp ở Verie chắc chắn đã làm nên giàu

có hơn ông, và muốn làm trở ngại cho ông trong cuộc tuyển cử. Bà Đervin lắng nghe ông ta, Juyliêng, bị những lời lẽ của ông ta làm cho bức mình, bèn nhích ghế của anh lại gần ghế của bà đơ Rênan. Bóng đêm che giấu tất cả mọi động tác. Anh cả gan đặt bàn tay gần sát cánh tay xinh đẹp mà bộ áo để hở trần ra. Anh xúc động, không làm chủ được đầu óc nữa, anh ghé má anh vào sát cánh tay xinh đẹp đó, anh dám liều gan áp môi anh vào.

Bà đơ Rênan rung mình. Chồng bà ở cách đây có bốn bước, bà vội đưa ngay bàn tay của bà cho Juyliêng, và đồng thời đẩy anh xa ra một chút. Trong khi ông đơ Rênan tiếp tục chải rửa những kẻ không ra gì và những tên Jacôbanh nên giàu nên có, thì Juyliêng hôn lia lịa vào bàn tay mà người ta đã để yên cho anh, những cái hôn nồng nàn, hay ít ra là bà đơ Rênan thấy là nồng nàn. Nhưng người đàn bà tội nghiệp kia đã được bằng chứng, trong cái ngày tai hại này, là người đàn ông bà yêu quý thậm mà không tự thú, lại có tình yêu ở nơi khác! Trong suốt thời gian vắng mặt Juyliêng, bà đã bị một nỗi đau lòng cực độ, nó đã bắt bà suy nghĩ.

Lạ chưa! ta yêu chẳng, bà tự nhủ, ta có tình yêu chẳng? Ta, đàn bà có chồng, ta lại đa mang tình ái chẳng? nhưng, bà nghĩ thầm, ta chưa hề cảm thấy đối với chồng cái thứ điên cuồng u uất nó làm cho ta không thể nào rút tâm trí ra khỏi chàng Juyliêng được. Kể ra thì chàng chỉ là một đứa trẻ thơ một niềm kính trọng ta thôi! Nỗi điên cuồng này rồi sẽ thoảng qua đi. Đối với chàng thanh niên kia, ta có những tình cảm thế này hay thế nọ, thì

chồng ta có cần gì! Ông dơ Rênan chắc sẽ lấy làm chán tai không muốn nghe những câu chuyện câu trò của ta với Juyliêng, những cái thuộc về trí tưởng tượng. Ông ấy, thì chỉ nghĩ đến công việc làm ăn thôi. Ta chả lấy mất cái gì của ông ấy để đem cho Juyliêng cả.

Không có một tí giả dối nào đến làm tổn thương sự trong trẻo của tấm lòng chất phác đó, bị lầm lạc bởi một mối tình say đắm chưa hề được biết qua bao giờ. Bà bị mê hoặc, nhưng vô tình không biết, tuy vậy một linh tính đạo đức bị kinh động. Đó là những cuộc đấu tranh nó làm cho bà xao xuyến khi Juyliêng xuất hiện ở vườn hoa. Bà nghe thấy tiếng anh nói, gần cùng một lúc bà thấy anh ngồi ở bên cạnh bà. Tâm hồn bà như khinh khoái lâng lâng vì mối hạnh phúc mê ly làm cho bà từ nửa tháng trời nay bị ngạc nhiên nhiều hơn là được vui thích. Tất cả đều là mới mẻ bất ngờ đối với bà. Nhưng, sau một giây lâu bà tự nghĩ, thì ra chỉ cần sự có mặt của Juyliêng là đủ xóa bỏ hết mọi tội của anh sao? Bà lấy làm kinh hãi; bấy giờ, bà mới rút tay về.

Những cái hôn nồng nàn, như chưa bao giờ bà được hưởng, làm cho bà bỗng chốc quên phứt rằng có lẽ anh yêu một người đàn bà khác. Chỉ ít lâu, đối với mắt bà anh không còn có tội nữa. Nỗi đau đớn xót xa, con đẻ của sự ngờ vực, bỗng tiêu tan, niềm hạnh phúc mà chưa bao giờ bà có hề mơ tưởng tới, tất cả tình trạng đó làm cho lòng bà rộn rã tình yêu thấm thiết và nỗi hoan hỉ điên cuồng. Buổi tối hôm đó thật là thú vị cho tất cả mọi người, trừ ông thị trưởng Verie, ông không thể nào quên được cái bọn công nghiệp gia mới phát của ông. Juyliêng

thì không nghĩ gì đến niềm tham vọng u uất của anh, và những mưu đồ khó thực hiện của anh nữa. Lần đầu tiên trong đời, anh bị lôi cuốn bởi quyền lực của sắc đẹp. Miên man trong một giấc mơ màng mung lung và êm ái, rất xa lạ xưa nay với bản tính của anh; tay ép nhẹ nhàng cái bàn tay kia, mà anh thích vì cho là tuyệt đẹp, anh chấp chờn nghe tiếng lao xao của những lá cây bồ đề trong gió đêm nhẹ thoảng, và tiếng sữa xa xa của đàn chó giữ nhà cối xay trên bờ sông Đúp.

Những cảm xúc đó là một sự thích thú chứ không phải là một sự mê đắm. Khi trở về buồng, anh chỉ còn nghĩ đến một hạnh phúc, là được lại cảm đến quyền sách yêu thích của mình; ở cái tuổi hai mươi, ý nghĩ về đời sống xã hội và về chuyện làm nên hiễn hách với đời, lần tất cả mọi chuyện.

Nhưng chỉ ít lâu sau, anh lại đặt sách xuống. Vì nghĩ nhiều đến những chiến thắng của Napôlêông, anh đã trông thấy một cái gì mới mẻ trong trận thắng của anh. Phải, ta đã thắng một trận, anh nghĩ bụng, nhưng phải biết phát huy chiến quả, phải đập tan lòng kiêu ngạo của tên quý tộc hãnh diện kia trong lúc hấn đương lui quân. Thế mới là Napôlêông thuần túy. Ta phải đòi hấn cho ta nghỉ ba ngày để đi thăm anh bạn Fukê của ta. Nếu hấn từ chối, ta lại giở trò xét lại giao kèo, nhưng thế nào hấn cũng nhượng bộ thôi.

Bà đơ Rênan thì không sao nhắm được mắt. Bà thấy như từ trước đến bấy giờ bà chưa hề được sống. Bà không thể nào không nghĩ đến niềm hạnh phúc được thấy Juyliêng hôn chi chút lên bàn tay bà những cái hôn nồng cháy.

Chợt bà thấy hiện lên cái lời nói kinh khủng: ngoại tình. Tất cả những cái gì ghê tởm mà sự trác táng đồi bại nhất có thể in dấu cho ý niệm tình yêu nhục dục, hiện lên xô bồ tới tấp trong trí tưởng tượng của bà. Những ý niệm đó những toan làm mờ ố hình ảnh thẩm thiết và thần thánh mà bà đương tự hình dung về Juyliêng và hạnh phúc được yêu chàng. Tương lai hiện lên dưới những màu sắc khủng khiếp. Bà thấy mình đáng khinh bỉ.

Giây phút đó thật hãi hùng; tâm hồn bà phiêu diêu tới những miền xa lạ. Ngày hôm trước, bà được nếm mùi một thứ hạnh phúc mới lạ, bây giờ, bà bỗng thấy mình chìm ngập trong một tai họa kinh khủng. Bà vốn không có một chút ý niệm gì về những nỗi đau đón như vậy, nên nó làm cho đầu óc bà rối loạn. Có lúc bà đã có ý nghĩ thú thật với chồng rằng bà sợ là yêu Juyliêng chẳng. Nhưng như thế là lại nói đến chàng. May sao bà lại sực nhớ một lời huấn dụ ngày xưa của bà cô, hôm trước ngày cưới của bà, nói về cái nguy hiểm của những lời tâm sự nói với một người chồng, dẫu sao họ cũng vẫn là một chúa tể. Trong cơn đau quá sức, bà siết chặt hai bàn tay vào nhau mà vận vẹo.

Bà bị lôi cuốn lung tung bởi những hình ảnh mâu thuẫn và đau đón. Lúc thì bà sợ không được yêu, lúc thì cái ý nghĩ hãi hùng về tội ác làm bà cực khổ như tuồng ngày hôm sau bà sẽ bị đem bêu riếu*, ở quảng trường công cộng của Verie, với một tấm biển vạch rõ tội ngoại tình của bà cho đám chúng dân.

Bà đo Rênan không có một tí kinh nghiệm gì về cuộc đời, ngay cả những lúc tỉnh táo và đầu óc hoàn toàn minh

168

mẫn, bà cũng không thấy một lý nào cách biệt giữa sự có tội trước mặt Chúa, và sự nhục nhã trước công chúng vì những biểu thị ồn ào nhất của lòng khinh bỉ của thiên hạ.

Khi cái ý nghĩ hải hùng về tội ngoại tình và về tất cả sự ô nhục mà, theo ý bà, tội ác đó lôi kéo theo, khi ý nghĩ đó tạm nguôi và bà chợt mơ tưởng đến cái thú êm đềm được sống với Juyliêng một cách ngây thơ vô tội, như từ trước đến nay, thì bà lại sa vào ý nghĩ kinh khiếp là Juyliêng yêu một người đàn bà khác. Bà còn trông thấy sắc mặt tái xanh của anh khi anh lo sợ bị mất tám chân dung của người đó, hoặc làm hại đến người đó nếu để người ta trông thấy. Lần đầu tiên, bà đã bắt chợt nét lo sợ trên khuôn mặt rất bình tĩnh và rất trang trọng kia. Trước đó, chưa bao giờ bà thấy anh xúc động như thế vì bà hay vì lũ con bà. Nỗi đau đớn chồng chất thêm đó, lên tới cái cường độ cao nhất của sự khổ cực mà tâm hồn con người có thể chịu đựng nổi. Bất giác, bà dơ Rênan kêu thét lên khiến chị hầu phòng tỉnh giấc. Bỗng bà thấy bên giường mình có ánh sáng một ngọn đèn, và bà nhận ra Êlida.

- Có phải ông ấy yêu chị không? bà kêu lên trong cơn mê loạn.

Chị hầu phòng ngạc nhiên thấy bà chủ bị cơn rối loạn kinh khủng bất ngờ, nhưng may sao chị không để ý gì đến câu nói lạ lùng kia. Bà dơ Rênan thấy mình hơi hên đại miệng: "Tôi bị sốt, bà nói với chị, và hình như có hơi mê sảng, chị hãy ở lại đây với tôi." Được hoàn toàn hồi tỉnh do sự cần thiết phải tự khiên chế, bà thấy đỡ đau

khổ; lý trí lấy lại được cái quyền lực mà tình trạng nửa tỉnh nửa mê vừa rồi đã cướp đoạt mất. Để thoát khỏi con mắt nhìn đăm đăm của chị hầu phòng, bà sai chị đọc báo, và trong lúc nghe tiếng đều đều một điệu của giọng chị kia đọc một bài dài trong tờ *Nhật báo*, bà đo Rénan hạ quyết tâm đoán chính là sẽ đối xử với Juyliêng bằng một vẻ lạnh lùng tuyệt đối, khi nào bà gặp lại anh ta.

CHƯƠNG XII

MỘT CHUYẾN ĐI

Người ta thấy ở Pari những con người lịch sự; ở tỉnh lẻ, có thể có những con người có khí phách.

XIÊYE*

Ngày hôm sau, từ năm giờ sáng, trước khi bà đi Rênan đến giờ ra mặt, Juyliêng đã được ông chồng bà cho phép nghỉ ba ngày. Trái với dự liệu, Juyliêng lại thấy muốn gặp lại bà, anh nghĩ đến bàn tay rất xinh đẹp của bà. Anh xuống vườn, và phải chờ đợi bà đi Rênan khá lâu. Nhưng nếu Juyliêng yêu bà, thì chắc anh đã thoáng thấy bóng bà đằng sau những cánh cửa chớp khép hờ của tầng gác thứ nhất, trán tỉ vào kính cửa. Bà nhìn anh. Sau cùng, mặc dù mọi quyết tâm, bà cũng dứt lòng bước xuống vườn hoa. Sắc mặt xanh xao mọi khi của bà đã nhường chỗ cho sắc đỏ bừng. Người đàn bà rất mực hồn nhiên đó, rõ ràng là đương bị xao xuyến: một cảm giác tự khiên chế và có phần giận dữ nữa, làm tổn thương cái dung mạo vô cùng thanh thản và như ở trên tất cả mọi sự quan tâm tầm thường của đời sống, nó thường

làm cho khuôn mặt thần tiên kia có nhiều duyên dáng đậm đà.

Juyliêng vội chạy lại gần bà, anh vẫn cảm thán đôi cánh tay rất đẹp kia, mà một tấm khăn quàng khoác vội còn để cho thoáng thấy lấp ló. Hơi gió lạnh sớm mai hình như lại càng tăng thêm màu tươi thắm của một sắc mặt mà sự kích động ban đêm càng làm cho dễ cảm thụ tất cả mọi ấn tượng. Vẻ đẹp kín đáo và cảm động ấy, tuy vậy đầy những tâm tư không hề thấy có ở những tầng lớp thấp kém, hình như phát hiện cho Juyliêng một năng khiếu của tâm hồn mà anh chưa bao giờ cảm thấy. Tâm trí dồn hết vào sự tán thưởng những vẻ đẹp mê ly mà con mắt thèm khát của anh chợt nhìn thấy, Juyliêng không nghĩ tí nào đến sự đón tiếp thân ái mà anh vẫn chắc chắn là được hưởng. Vì vậy anh lại càng ngạc nhiên về cái vẻ lạnh lùng băng giá mà người ta cố tìm cách tỏ ra với anh, và qua đó anh thấy hình như có cái ý định nhắc anh nên giữ đúng phận mình.

Nụ cười khoái cảm tàn héo ngay trên môi anh; anh nhớ đến thân phận của anh trong xã hội và nhất là trong con mắt một người đàn bà quý phái và kế thừa gia tài lớn. Trong phút chốc, trên nét mặt anh chỉ còn có vẻ kiêu ngạo và vẻ phẫn nộ đối với bản thân mình. Anh cảm thấy một nỗi hận dữ dội vì đã trót lui cuộc khởi hành lại hơn một tiếng đồng hồ để được một sự tiếp đón nhục nhã như vậy.

Anh tự nghĩ, chỉ có một thằng ngu mới giận dữ người khác: một hòn đá rơi xuống là vì nó có trọng lượng. Lẽ nào ta cứ là một đứa trẻ thơ mãi sao? bao giờ thì ta mới

tập nhiễm được cái thói quen tốt đẹp là chỉ dành phần tâm hồn của ta cho những hạng người kia, vừa đúng với đồng tiền của họ thôi? Nếu ta muốn họ quý trọng và cả chính mình cũng tự quý trọng nữa, thì ta phải tỏ cho họ biết rằng chính là cái nghèo của ta giao thiệp với cái giàu của họ, chứ tấm lòng ta cách xa sự láo xược của họ hàng nghìn dặm, và được đặt trên một tầng quá cao, những biểu thị nhỏ nhất của sự khinh miệt hay sự ưu đãi của họ không thể nào bén tới được.

Trong khi những cảm nghĩ đó dồn dập tới tấp trong tâm hồn anh chàng gia sư trẻ tuổi, thì nét mặt chuyển biến của anh hiện lên cái vẻ biểu lộ lòng kiêu ngạo bị tổn thương và sự hung dữ. Bà đo Rênan thấy vậy mà tâm trí rối bời. Vẻ lạnh lùng đoan chính mà bà đã định đem vào cuộc tiếp đón của bà, nay nhường chỗ cho nét biểu lộ sự thiết tha và một sự thiết tha được phấn khích bởi tất cả nỗi ngạc nhiên về sự đổi thay đột ngột mà bà vừa được trông thấy. Những lời hão huyền người ta thường trao đổi buổi sớm mai về sức khỏe, về thời tiết đẹp, bỗng cạn nguồn cùng một lúc ở cả hai người. Juyliêng, vì trí phán đoán không bị một mối cuồng nhiệt nào làm rối loạn, nên nhanh chóng tìm ngay được một cách tả rõ cho bà đo Rênan biết rằng quan hệ giữa anh với bà, anh chẳng cho là thân ái gì lắm đâu, anh không nói năng gì về cuộc du lịch nhỏ mà anh sắp làm, anh chào bà và ra đi.

Trong khi bà còn đương nhìn anh đi, trong lòng sùng sốt rưng rờ vì cái vẻ kiêu hãnh lầm bầm bà đọc được trong khóe mắt kia, mới hôm trước đây còn nhuần nhả

biết bao, thì thằng con lớn của bà, từ cuối vườn chạy lại, vừa hôn bà vừa nói:

- Chúng con được nghỉ, ông Juyliêng đi chơi xa.

Nghe thấy câu nói đó, bà đơ Rênan thấy lạnh toát cả người, bà đau khổ vì tiết hạnh, và lại còn đau khổ hơn nữa vì mềm yếu.

Biến cố mới xảy ra này, đến chiếm tất cả tâm trí bà; bà bị lôi cuốn rất xa những quyết tâm hiền thực mà bà đã có được nhờ ở đêm khủng khiếp vừa qua. Không còn vấn đề cưỡng lại một kẻ tình nhân đáng yêu đến thế, nhưng lại thành vấn đề lo mất anh vĩnh viễn.

Bắt buộc phải dự bữa ăn sáng. Càng đau khổ thay, ông đơ Rênan và bà Đêrvin chỉ nói về chuyện Juyliêng ra đi. Ông thị trưởng Verie đã nhận xét thấy có cái gì bất thường trong giọng cương quyết của anh khi anh xin phép nghỉ.

- Hẳn là thằng bé nhà quê ấy đã chắc lung có kẻ nào mời mọc rồi. Nhưng kẻ nào đó, dù là ông Valonô đi nữa, chắc cũng phải hơi chùn gan vì số tiền 600 quan, bây giờ khoản chi đồng niên phải lên tới con số đó rồi. Hôm qua, ở Verie, có lẽ anh em xin một kỳ hạn ba ngày để suy nghĩ, và sáng nay, để khỏi phải trả lời tôi, cu cậu đi chơi núi. Bắt buộc phải tính toán với một tên thợ khốn cùng lên mặt láo xược, ấy đấy, cái tình trạng của chúng ta đến nỗi ấy rồi đấy!

Chồng ta không có ý thức là đã xúc phạm Juyliêng sâu xa đến chừng nào, mà còn nghĩ rằng anh sẽ bỏ chúng ta, thế thì ta đây, ta phải nghĩ thế nào? bà đơ Rênan tự hỏi. Chao ôi! mọi điều đã quyết định!

Để có thể ít ra được khóc tự do, và không phải trả lời những câu hỏi của bà Đervin, bà nói thác là bị nhúc đầu dữ dội, và đi nằm.

- Các bà đàn bà là như thế đấy, ông đơ Rênan nhắc lại, những bộ máy phức tạp ấy là lúc nào cũng có một cái gì xộc xệch. Và ông dời đi, với vẻ giễu cợt.

Trong khi bà đơ Rênan bị giày vò bởi những nỗi niềm cay độc nhất của mối tình đắm say ghê gớm mà sự tình cờ đã lôi cuốn bà vào, thì Juyliêng tiếp tục bước đi vui vẻ giữa những cảnh sắc đẹp nhất của phong cảnh núi non. Phải đi xuyên qua dãy núi lớn ở phía bắc Vergy. Con đường mòn anh noi theo, lên cao dần giữa những cánh rừng dẻ gai bát ngát, chạy thành những chữ chi liên miên vô tận trên sườn dốc của rừng núi cao nó vẽ hình cho lưu vực sông Đúp về phía bắc. Sau đó ít lâu, con mắt người du khách lướt qua những ngọn đồi thấp hơn, chắn dòng sông Đúp về phía nam, được mở tầm xa rộng đến tận những bình nguyên phì nhiêu của xứ Buôcôgnhơ và xứ Bôjôle*. Dù tâm hồn của anh chàng tham vọng trẻ tuổi kia ít nhạy cảm đến đâu đối với cái loại vẻ đẹp này, anh cũng không thể nào dùng được mà không thỉnh thoảng dừng chân để nhìn một cảnh tượng rộng lớn và uy nghi đến thế.

Sau cùng, anh lên tới tột đỉnh ngọn núi lớn, phải đi qua gần đỉnh núi để do con đường tắt đó, đi tới cái thung lũng hẻo lánh của nhà Fukê, anh chàng buồn gở trẻ tuổi ban thân của anh. Juyliêng không vội gặp anh ta, cũng chẳng vội gặp một con người nào cả. Ẩn nấp như một con mãnh cầm, giữa những khối đá chọc trời trên đỉnh

núi cao, anh có thể trông thấy từ rất xa bất cứ người nào tiến lại gần mình. Anh khám phá được một cái hang ở giữa sườn dốc gần như dựng đứng của một ghềnh đá. Anh cầm đầu chạy đến và chẳng mấy chốc đã yên vị trong nơi ẩn náu đó. Ở đây, anh nói, mắt sáng long lanh vì vui sướng, thiên hạ không thể nào làm gì hại ta được. Anh nảy ra ý kiến muốn hưởng cái thích thú viết những ý nghĩ của mình, cái thích thú nguy hiểm cho anh ở bất cứ nơi nào khác. Một tấm đá vuông vắn dùng làm bàn viết cho anh. Ngòi bút của anh bay lượn: anh không trông thấy gì nữa quanh mình. Sau cùng, anh nhận thấy mặt trời đương lặn đằng sau những ngọn núi xa của xứ Bôjôle.

Sao ta lại không nghỉ đêm ở đây nhỉ? anh tự hỏi, ta có bánh mì, và *ta được tự do!* Nghe thấy cái lời to tát đó, tâm hồn anh phấn khích, sự giải quyết của anh làm cho anh ngay cả ở nhà Fukê, cũng không được tự do. Đầu chống trên hai bàn tay, Juyliêng ngồi trong hang đá kia, sung sướng hơn tất cả từ trước đến nay trong đời anh, tâm trí rộn ràng vì những mơ mộng và vì niềm hạnh phúc được tự do của mình. Không để ý gì đến, nhưng anh trông thấy lần lượt tắt dần tất cả những tia sáng của hoàng hôn. Giữa bóng tối mênh mông đó, tâm hồn anh phiêu diêu trong sự nghiệm ngẫm những cái anh tưởng tượng sẽ được gặp một ngày kia ở Pari. Trước hết là một người đàn bà đẹp hơn nhiều và thiên tư cao quý hơn nhiều so với tất cả những thứ anh đã được thấy ở tỉnh lẻ. Anh yêu tha thiết, và được yêu lại. Nếu anh có xa nàng trong chốc lát, thì chỉ là để đi làm nên công

trạng hiển hách và xứng đáng được nàng yêu nhiều hơn nữa.

Cho dù là có cái trí tưởng tượng của Juyliêng đi nữa, thì một chàng thanh niên nào được nuôi dưỡng giữa những sự thật đáng buồn của xã hội Pari, đến quãng đó của cuốn tiểu thuyết của anh, cũng sẽ bị thức tỉnh vì sự chua chát lạnh lùng: những hành động vĩ đại sẽ biến mất cùng với hy vọng đạt tới, để nhường chỗ cho câu cách ngôn rất phổ biến: ta mà rời khỏi tình nhân thì ta có cơ, hỡi ôi! bị phụ tình hai ba lần mỗi ngày. Còn anh chàng nhà quê trẻ tuổi thì chẳng trông thấy gì khác hơn giữa anh ta với những hành động hết sức anh hùng, là sự thiếu thời cơ.

Nhưng bóng đêm dày thắm đã thay thế cho ngày tàn, và anh còn phải đi hai dặm đường nữa mới xuống tới thôn xóm của Fukê. Trước khi lìa cái hang đá nhỏ, Juyliêng nhóm lửa và đốt kỹ càng tất cả những cái anh đã viết.

Anh làm cho bạn anh rất kinh ngạc khi đến gõ cửa nhà anh ta lúc một giờ đêm. Anh thấy Fukê đương bận làm sổ sách. Đó là một chàng thanh niên cao lớn, thân hình không cân đối gì lắm, mặt có những nét thô lớn khắc khổ, một cái mũi dài ngoằng ngoằng, và rất nhiều chất hồn hậu lẩn dưới cái vẻ ngoài góm guốc kia.

- Vậy ra mày đã giận nhau với ông dơ Rênan nhà mày rồi sao, mà đến đây một cách bất thành linh thế này?

Juyliêng kể lại cho anh, nhưng có cân nhắc đắn đo, các sự việc xảy ra hôm trước.

- Ở lại đây với tao, Fukê bảo anh, tao thấy rằng mày đã biết rõ ông dơ Rênan, ông Valonô, viên quận trưởng Môrigông, cha xứ Sêlăng, mày đã hiểu những sự quý quyết

của tính tình những con người đó, thế là bây giờ mày đã đủ tư cách để ra mặt ở những cuộc đấu thầu. Mày giỏi số học hơn tao, mày sẽ giữ sổ sách cho tao. Trong nghề buôn này, tao kiếm bỏ lăm. Một mình làm lấy cả thì không thể được, mà tìm một người nào chung lưng thì sợ gặp phải tay gian lận, tình trạng đó hàng ngày ngăn cản tao không dám kinh doanh nhiều món rất lãi. Cách đây chưa đầy một tháng, tao đã làm cho thằng Misô đơ Xanh-Amăng vớ được sáu nghìn quan, thằng cha này đã sáu năm liền tao mất mặt nó, và tình cờ tao lại gặp ở cuộc bán đấu giá Pôngtacliê. Mày, có lẽ nào mày không kiếm được sáu nghìn quan, hay chả gì cũng ba nghìn? Vì, nếu hôm đó có mày cùng đi với tao, thì tao đã trả vọt giá vụ thầu dẫn cây đó lên, và tất cả những đũa khác sẽ phải nhường tao ngay. Mày làm chung với tao đi.

Lời đề nghị đó làm cho Juyliêng bực mình, vì nó làm ngang trái con diên cuồng của anh. Trong suốt bữa ăn đêm, mà hai anh bạn tự nấu nướng lấy như những nhân vật của Hômero*, vì Fukê sống có một mình, anh này giở sổ sách cho Juyliêng xem và chứng minh cho anh thấy rằng nghề buôn gỗ của mình lợi lộc rất nhiều. Fukê vốn đánh giá rất cao trí thông minh và tính khí cương cường của Juyliêng.

Sau cùng, khi có một mình trong căn phòng nhỏ bé bằng gỗ thông của anh, Juyliêng nghĩ bụng: quả thật là ta có thể kiếm ở đây vài nghìn quan, rồi có lợi thế mà trở lại nghề quân nhân hay nghề tu sĩ, tùy theo cái thị hiếu đương thời ở nước Pháp lúc đó. Chút vốn liếng nhỏ mà ta nhặt nhanh gom góp được, sẽ xóa bỏ tất cả mọi

khó khăn chi tiết. Sống cô độc trên ngọn núi này, ta sẽ khuấy được đôi phần nổi dốt nát ghê gớm của ta hiện nay về biết bao nhiêu cái nó là mối bận tâm của tất cả những người con người xã giao kia. Nhưng Fukê nó không chịu lấy vợ, nó vẫn nói đi nói lại với ta rằng cảnh cô độc làm cho nó khổ sở. Rõ ràng là nếu nó lấy một người chung lưng mà không có vốn để đóng góp vào việc buôn bán của nó, là nó hy vọng gây được một người bạn làm ăn không bao giờ lìa bỏ nó.

Ta sẽ đánh lừa bạn ta sao? Juyliêng cúi kính kêu lên. Con người đó, xưa nay vẫn lấy sự giáo quyết và tuyệt đối vô tình làm những phương tiện thông thường để tự cứu vãn, lần này lại không thể nào chịu nổi cái ý nghĩ phạm một điều gì bất nhã dù là nhỏ bé nhất đối với một người yêu thương mình.

Nhưng bỗng nhiên Juyliêng sung sướng, anh đã có một lý do để từ chối. Sao! chẳng lẽ ta lại hèn nhất bỏ phí mất bảy tám năm! đến hai mươi tám tuổi mới thành đạt; chao ôi, đến cái tuổi đó thì Bônapactơ đã làm được những sự nghiệp vĩ đại nhất của ông rồi! Khi ta đã âm thầm kiếm được một ít tiền bằng cách ngược xuôi bán gỗ, và lấy lòng lấy bề được vài thằng ăn cắp đàn em, thì ai dám đoán chắc rằng ta sẽ vẫn còn ngọn lửa thiêng liêng nhờ nó người ta làm nên danh tiếng?

Sáng hôm sau, Juyliêng hết sức bình thần trả lời anh bạn Fukê hồn hậu vẫn tưởng công việc làm ăn chung thế là đã xong xuôi rồi, rằng thiên hướng của anh về thánh chức không cho phép anh nhận lời. Fukê ngạc nhiên hết sức.

- Thế mày thử nghĩ xem, anh ta nhắc lại, tao cho mày chung phần, hay nếu mày thích thế này hơn, tao cho mày bốn nghìn quan một năm! mà mày lại muốn quay trở về với lão Rênan nhà mày, nó khinh bỉ mày như bùn lấm gót giày của nó! Khi nào mày có hai trăm Luy giất lung, ai cấm mày vào chủng viện? Chẳng những thế, tao lại xin đảm nhận kiếm cho mày một xứ đạo tốt nhất địa phương này. Vì, Fukê hạ giọng nói thêm, tao cung cấp củi đốt cho ông... ông... ông... Tao bán cho các ông ấy gỗ sồi thượng hạng chỉ lấy bằng tiền gỗ tạp, nhưng không có đồng tiền đặt lãi nào lợi hơn.

Không gì có thể lay chuyển nổi thiên hướng của Juyliêng. Đến nỗi Fukê nghĩ rằng anh hơi điên. Ngày thứ ba, Juyliêng từ biệt bạn ra đi, từ tỉnh mơ, để lên chơi suốt cả ngày giữa khoảng những ghềnh đá của ngọn núi cao. Anh tìm lại được cái hang nhỏ của anh, nhưng anh không còn sự yên vui của tâm hồn nữa, những lời đề nghị của anh bạn đã cướp mất của anh nỗi yên vui đó rồi. Giống như Hecquyl* anh thấy mình không phải là ở giữa tất xấu và đức tốt, nhưng giữa cuộc đời tầm thường nhưng chắc chắn được no ấm và tất cả những giấc mơ anh hùng của thời niên thiếu của anh. Vậy ra ta không được thật là cương nghị, anh nghĩ thầm, chính nỗi ngờ vực đó làm anh đau khổ nhất. Ta không phải là cùng một chất gỗ người ta đẽo nên những trang anh kiệt, vì ta còn lo sợ rằng tám năm bỏ ra kiếm miếng ăn lại làm mất của ta cái nghị lực cao siêu khiến nó người ta làm nên những sự nghiệp phi thường.

CHƯƠNG XIII

ĐÔI BÍT TẮT THÊU RUA

*Một cuốn tiểu thuyết: tức là một
tám gương người ta kéo đi suốt dọc
một con đường.*

XANH-RÊAL*

Khi Juyliêng trông thấy những di tích điêu tàn kỳ thú của ngôi nhà thờ cũ ở Vergy, anh nhận thấy rằng từ hôm kia anh không hề một lần nào nghĩ đến bà dợ Rênan. Hôm nọ lúc ra đi, người đàn bà đó đã nhắc nhở cho ta sự cách biệt muôn trùng giữa đôi bên, bà ta đã đối xử với ta như đứa con nhà thợ thuyền. Chắc hẳn bà ta định tỏ rõ cho ta thấy bà hối hận vì đã để yên bàn tay của bà cho ta hôm trước... Kể ra thì bàn tay ấy đẹp thật! biết bao vẻ mê ly! biết bao vẻ cao quý trong những khóe mắt của người đàn bà đó.

Khả năng làm giàu với Fukê khiến cho những lý luận của Juyliêng được có phần lưu loát, không đến nỗi luôn luôn bị phá hoại như trước bởi sự căm giận và bởi cái tư tưởng khốc liệt về nỗi nghèo hèn của mình trước mắt thiên hạ. Như được đứng trên một mỏm cao, anh có thể

phán đoán, và như bao quát được cả cảnh nghèo nàn cùng cực và cảnh sung túc mà anh vẫn còn gọi là giàu có. Anh chưa đến cái độ lấy con mắt nhà triết lý mà phán đoán tình huống của mình, nhưng anh đã có đủ sáng suốt để tự cảm thấy *khác* sau cuộc du hành nhỏ của anh trên núi.

Anh chú ý đến về cực kỳ rối loạn của bà dơ Rênan khi bà nghe anh kể lại cuộc du hành của anh, mà bà đã đòi anh kể cho nghe.

Fukê trước đây cũng đã có nhiều phen dự định lấy vợ, đã có những mối tình không may, chuyện trò của hai anh bạn đã nhiều khi đẩy những câu tâm sự dài về vấn đề đó. Sau khi tìm thấy hạnh phúc quá sớm, Fukê đã phát hiện thấy rằng anh không phải là người được yêu chuyên nhất. Tất cả những chuyện kể đó đã làm cho Juyliêng ngạc nhiên; anh đã học được nhiều điều mới mẻ. Cuộc sống cô độc của anh, hoàn toàn chỉ những tưởng tượng và nghi ngờ, làm anh xa rời tất cả những cái có thể soi sáng cho anh.

Trong khi anh vắng mặt, cuộc sống đối với bà dơ Rênan chỉ là một chuỗi những cực hình khác nhau, nhưng tất cả đều đau đớn hầu như không chịu nổi; bà đã ốm thật sự.

- Nhất là, bà Đervin nói với bà khi bà ta thấy Juyliêng mới về, có khó ở như thế này, thì tối nay đừng có xuống vườn nữa, hơi gió ẩm thấp sẽ làm cho cô khó chịu gấp đôi.

Bà Đervin ngạc nhiên thấy bà bạn của mình, xưa nay vẫn bị ông dơ Rênan rầy la vì ăn mặc quá ư giản dị, nay lại vừa mới sắm đôi bít tất thêu rua và những đôi giày nhỏ xinh đẹp từ Pari mới đưa về. Từ ba hôm nay,

sự tiêu khiển duy nhất của bà đơ Rênan là cắt và bảo Êlida may gấp rút một bộ áo mùa hè bằng một thứ xinh đẹp rất hợp thời trang. Juyliêng vừa về được một lúc thì bộ áo vừa kịp may xong; bà đơ Rênan mặc ngay vào người. Bà bận không còn nghĩ ngò gì nữa. Con bé nó yêu mất rồi, khổ thân nó! bà Đervin nghĩ thầm. Bà ta vỡ lẽ tất cả những hiện tượng lạ lùng của căn bệnh bà bận.

Bà thấy bà này nói chuyện với Juyliêng. Sắc mặt trước thì đỏ dừ, sau chuyển thành xanh nhợt. Về lo âu biểu lộ trong đôi mắt đăm đăm nhìn vào ánh mắt anh chàng gia sư trẻ. Bà đơ Rênan vẫn đinh ninh rằng anh sắp nói rõ ý của anh và báo tin là đi hay ở. Juyliêng thì tuyệt nhiên không nói gì về chuyện đó và anh cũng không nghĩ gì đến chuyện đó. Sau những cuộc đấu tranh khủng khiếp, cuối cùng bà đơ Rênan đánh liều nói với anh, bằng một giọng run run trong đó biểu lộ tất cả mối tình si của bà:

- Có phải ông sẽ rời bỏ lũ học trò của ông để đi làm nơi khác không?

Juyliêng chú ý cái tiếng nói lạc giọng và khóe mắt của bà đơ Rênan. Người đàn bà này yêu ta, anh nghĩ bụng, nhưng sau giây phút mềm yếu thoáng qua này, mà lòng kiêu ngạo của bà ta đang tự quở trách, và khi không còn sợ ta đi mất nữa, bà ta sẽ trở lại kiêu hãnh cho mà xem. Juyliêng thoáng trông thấy nhanh như ánh chớp cái tình hướng tương đương ấy, anh bèn trả lời ngập ngừng:

- Tôi sẽ rất khổ tâm nếu phải rời bỏ lũ trẻ rất đáng yêu và *rất con nhà*, nhưng có lẽ tôi bắt buộc phải làm

điều đó. Con người ta cũng có những bốn phận đối với chính mình nữa.

Khi nói câu *rất con nhà* (đó là một trong những lời lẽ quý phái mà Juyliêng đã học được ít lâu nay), trong lòng anh nổi dậy một mối ác cảm sâu sắc.

Trong con mắt của người đàn bà này, anh nghĩ thầm, ta không phải là con nhà.

Khi nghe anh nói, bà đơ Rênan thán phục thiên tư của anh, dung mạo của anh, bà thấy đứt ruột đau lòng vì cái khả năng ra đi mà anh cho bà thoáng thấy. Tất cả những bạn hữu của bà ở Verie, trong thời gian Juyliêng đi vắng, đến ăn cơm khách ở Vergy, đều đã tranh nhau ca tụng bà về con người kỳ tài mà chồng bà đã tốt phúc đào được ở đâu về. Không phải là họ có hiểu gì về những tiến bộ của lũ trẻ. Sự thuộc lòng Kinh Thánh, và bằng tiếng La-tinh nữa, đã gieo vào đầu óc các cư dân Verie một niềm thán phục có lẽ dài lâu đến một thế kỷ.

Juyliêng, vì không chuyện trò với ai, nên không biết những điều đó. Nếu bà đơ Rênan bạo dạn đôi chút, thì chắc bà đã khen ngợi anh về cái tiếng tăm mà anh đã chinh phục được, và lòng tự kiêu của Juyliêng một khi đã được vũng vàng, thì chắc anh đã dịu dàng và nhuần nhả đối với bà, nhất là anh thấy bộ áo mới thật mê ly. Bà đơ Rênan cũng hài lòng về bộ áo đẹp của bà, và về những lời Juyliêng nói với bà về bộ áo đó, bà đã muốn đi dạo một vòng quanh vườn; ít lâu sau, bà thú thực là không còn sức bước đi được nữa. Bà đã níu cánh tay của anh chàng du lịch và, chẳng những không làm cho bà

thêm sức, sự tiếp xúc với cánh tay đó lại khiến cho bà hoàn toàn là người đi.

Trời đã tối hẳn; họ vừa ngồi xuống, là Juyliêng, sử dụng đặc quyền cũ, dám ghé ngay môi vào cánh tay con người xinh đẹp ngồi bên, và cầm lấy bàn tay của bà ta. Anh nghĩ đến sự táo bạo của Fukê đối với các ả tình nhân của hắn, chứ không nghĩ gì đến bà đợ Rênan: cái tiếng *con nhà* vẫn còn đè nặng trên trái tim anh. Người ta siết chặt bàn tay anh, anh chẳng thấy một tí thú vị gì. Anh chẳng lấy làm kiêu hãnh, hay ít ra cũng biết ơn về tấm cảm tình mà bà đợ Rênan bộc lộ tối hôm đó bằng những dấu hiệu quá rõ ràng, trái lại, anh hầu như tro trơ trước sắc đẹp, vẻ thanh lịch, sự hồn nhiên của bà. Tâm hồn trong trẻo, và lòng không bợn chút giận hờn, hắn là làm cho người ta trẻ lâu. Ở phần nhiều các đàn bà đẹp, khuôn mặt là cái già đi trước tiên.

Suốt buổi tối, Juyliêng buồn bực; từ trước đến giờ, anh chỉ giận dữ với số phận may rủi và với xã hội thời; từ lúc Fukê hiến anh một phương tiện hèn hạ để đi tới sự sung túc, thì anh đâm ra căm ghét với bản thân. Mỗi mê với những mối nghĩ riêng, mặc dầu thỉnh thoảng anh vẫn nói vài câu với các bà kia, Juyliêng cuối cùng bất giác buông rơi bàn tay bà đợ Rênan. Hành động đó làm cho tâm hồn người đàn bà tội nghiệp kia hoảng loạn; bà thấy đó là sự biểu thị số phận của bà.

Giá chắc chắn được Juyliêng yêu, có lẽ đức hạnh của bà đã tìm được sức chống lại anh. Nhưng run sợ mất anh vĩnh viễn, mối si tình của bà làm cho bà loạn trí đến nỗi bà lại cầm lấy bàn tay Juyliêng, mà trong lúc đang trí,

anh đã để tựa vào vai ghế. Hành động đó thức tỉnh anh chàng trẻ tham vọng; anh chỉ ước gì nó được tất cả những bọn quý tộc rất hãnh diện kia chứng kiến; trong bữa ăn, khi anh ngồi cuối bàn với lũ trẻ, họ nhìn anh với một nụ cười rất bề trên. Người đàn bà này không thể khinh bỉ ta được nữa, vậy thì, anh tự nhủ, ta phải cảm sắc đẹp của bà ta mới được; ta có bốn phận đối với mình, là phải làm tình nhân của bà ta. Trước khi được nghe những lời tâm sự ngây thơ của anh bạn, chắc là ý nghĩ trên đây không bao giờ đến với anh.

Điều quyết định đột ngột vừa rồi của anh làm thành một trò tiêu khiển thú vị. Anh tự nhủ: Ta phải chiếm cho được một trong hai người đàn bà này: anh thấy rằng tán tỉnh bà Đervin, có lẽ anh còn thích thú hơn nhiều; không phải là bà này dễ thương hơn, nhưng từ trước đến nay bao giờ bà ta cũng trông thấy anh là vị gia sư được tôn trọng vì học vấn chứ không phải là anh thợ mộc, với một chiếc áo vét bằng len tuyết soăn cấp nách, như anh đã ra mắt với bà đơ Rênan.

Thì chính lại là dưới hình tượng một anh thợ trẻ, mặt đỏ dừ đến tận lòng trắng con mắt, đứng sững ở cổng nhà và không dám giật chuông, mà bà đơ Rênan từ hình dung anh với vẻ quyến rũ mê ly nhất*.

Khi tiếp tục duyệt lại tình huống của mình, Juyliêng thấy rằng không nên nghĩ đến sự chinh phục bà Đervin, vì chắc hẳn bà ta cũng đã trông thấy bà đơ Rênan tỏ lòng yêu thích đối với anh rồi. Bắt buộc phải trở lại với bà này: Ta được biết gì về tình hình của người đàn bà này? Juyliêng tự hỏi. Bất quá chỉ có một điều: trước cuộc

186

du lịch của ta, ta cầm tay bà thì bà rụt rè: may ta rút tay về, thì bà nắm lấy và siết chặt. Thật là dịp tốt đẹp để trả lại bà ta tất cả những nỗi khinh bỉ của bà trước kia đối với ta. Có Trời biết bà ta đã có bao nhiêu tình nhân! có lẽ bà quyết định yêu ta chỉ vì gặp nhau dễ dàng mà thôi.

Than ôi, văn minh quá là tai hại như thế đấy! Ở tuổi hai mươi, tâm hồn một chàng thanh niên, nếu chàng ta có đôi chút học vấn, thật nghìn dặm cách xa sự buông thả hồn nhiên, không có nó thì tình yêu nhiều khi chỉ là một cái bồn phận hết sức buồn chán.

Tính hãnh diện của Juyliêng tiếp tục nghĩ rằng ta có bồn phận nhất thiết phải thành công với người đàn bà này, nhất là một ngày kia nếu có bao giờ ta trở nên giàu có, mà có kẻ chê trách ta đã từng làm cái nghề gia sư hèn mọn này, thì ta có thể làm cho họ hiểu ngầm rằng tình yêu đã ném ta vào đây.

Juyliêng lại nhích tay ra xa bàn tay bà đơ Rênan, rồi anh lại cầm lấy và siết chặt. Vào hồi nửa đêm, khi họ trở vào phòng khách, bà đơ Rênan nói nhỏ với anh:

- Ông sẽ bỏ chúng tôi, ông sẽ đi ư?

Juyliêng thở dài trả lời:

- Tôi cần phải đi, vì tôi yêu bà mê đắm, đó là một điều lỗi... và điều lỗi lớn biết bao đối với một thầy tu trẻ!

Bà đơ Rênan tựa vào cánh tay mình, và buông lời đến nỗi má bà nghe thấy hơi nóng của má Juyliêng.

Những đêm của hai con người đó khác hẳn nhau. Bà đơ Rênan thì bị kích thích bởi những khoái lạc tinh thần

hết sức cao thượng. Một cô gái trẻ đa tình, sớm biết yêu đương, quen dần với nỗi xao xuyến của tình yêu; khi đến tuổi của tình yêu thiết tha chân chính, thì cô không còn thấy cái thú mê ly của sự mới mẻ nữa. Nhưng vì bà đơ Rênan chưa bao giờ đọc tiểu thuyết, nên tất cả mọi biến thái của niềm hạnh phúc của bà đều là mới mẻ đối với bà. Không có một sự thật đáng buồn, nào đến làm cho lòng bà giá lạnh, cả đến quái tượng của tương lai cũng không. Bà thấy mình, mười năm sau, cũng vẫn sung sướng, như đương sung sướng lúc này. Ngay cả đến ý nghĩ về tiết hạnh và lòng chung thủy đã thể thốt với ông đơ Rênan, mấy ngày trước đây làm bà xao xuyến, bây giờ ý nghĩ đó kéo đến cũng vô hiệu, bà đuổi nó đi như một người khách quấy rầy. Ta sẽ không bao giờ cho Juyliêng một cái gì cả, bà đơ Rênan tự nhủ, hai ta sẽ sống từ nay về sau cũng như đương sống từ một tháng nay. Anh sẽ chỉ là một người bạn.

CHƯƠNG XIV

CÁI KÉO ANH

Một cô gái mười sáu tuổi, đã có nước da hồng hào, lại còn đi đánh má hồng.

PÔLIDÔRI*

Về phần Juyliêng, thì đề nghị của Fukê quả là đã cất của anh tất cả mọi niềm hạnh phúc: anh không thể quyết được một bề nào.

Than ôi! có lẽ ta thiếu khí phách chẳng, ví thử đi lính cho Napôlêông, thì chắc ta chỉ là một tên lính tồi. Anh nghĩ thêm, chẳng gì cái chuyện giăng gió của ta với bà chủ nhà cũng sẽ làm cho ta tiêu khiển được chốc lát.

Cũng may cho anh, ngay cả trong cái việc nhỏ phụ thuộc này, nội tâm anh cũng không phù hợp với giọng kiêu căng của anh. Anh sợ bà đơ Rênan vì bộ áo rất đẹp của bà. Bộ áo đó, đối với mắt anh, là đạo quân tiên phong của Pari, lòng kiêu ngạo của anh không muốn để phò mặc cái gì cho sự tình cờ và cảm hứng nhất thời. Theo những lời tâm sự của Fukê và một dúm kiến thức anh đã học được về tình yêu trong quyển Kinh Thánh của

anh, anh tự vạch ra một kế hoạch tác chiến rất chi tiết. Vì anh rất rối loạn, tuy không tự thú, nên anh phải viết cái kế hoạch ấy ra.

Sáng hôm sau ở phòng khách, bà dơ Rênan được một lúc có một mình với anh:

- Ông không có tên gì khác ngoài cái tên Juyliêng sao? bà hỏi anh.

Để đáp lại câu hỏi rất đẹp lòng đó, người anh hùng của chúng ta chả biết nói gì. Trường hợp đó không được dự liệu trước trong kế hoạch của anh. Ví thử không có cái ngu dại đi làm một bản kế hoạch, thì trí thông minh mẫn tiệp của Juyliêng chắc đã giúp anh đắc lực, sự bất ngờ chắc là chỉ làm tăng thêm trí phán đoán linh lợi của anh thôi.

Lúc đó anh lúng túng vụng về và tự khoa đại thêm sự lúng túng vụng về của mình. Bà dơ Rênan tha thứ điều đó cho anh ngay. Bà thấy đó là hiệu quả của một sự chất phác đáng yêu. Và trong mắt bà, có cái gì đương thiếu ở người đàn ông này, mà thiên hạ thấy là có rất nhiều tài trí, thì chính là vẻ chất phác.

- Cậu bé gia sư nhà cô làm cho tôi e ngại nhiều lắm, bà Đervin đôi khi bảo bà như vậy. Tôi thấy anh ta có vẻ lúc nào cũng suy nghĩ và hành động thì bao giờ cũng đắn đo khôn khéo. Đó là một con người nham hiểm.

Juyliêng rất nhục nhã vì nỗi khổ không biết trả lời thế nào cho bà dơ Rênan.

Một người như ta nhất định phải rửa cái hận thất bại này, và thừa lúc đương đi từ một phòng này sang

một phòng khác, anh tự thấy có bốn phận phải hôn bà đơ Rênan một cái.

Thật không có gì đường đột hơn, không có gì khó chịu hơn, cho cả anh ta lẫn bà ta, không có gì khinh suất hơn. Suýt nữa thì bị có người trông thấy. Bà đơ Rênan tưởng là anh hóa điên. Bà kinh hãi và nhất là thấy chướng. Trò lố mãng đó làm cho bà lại nhớ đến ông Valonô.

Bà nghĩ bụng, ví thử chỉ có một mình ta với anh ta, thì cơ sự sẽ xảy ra đến thế nào? Tất cả đức hạnh của bà bỗng hồi lại, bởi vì tình yêu lẫn bóng.

Bà thu xếp để cho lúc nào cũng có một đứa con ở bên cạnh bà.

Ngày hôm đó thật chán ngắt đối với Juyliêng, anh loay hoay cả ngày để thực hành lúng túng kế hoạch quyến rũ của mình. Không có một lần nào anh ta nhìn bà đơ Rênan, mà cái nhìn đó lại không bao hàm một lý do; nhưng anh ta cũng chẳng ngu gì mà không thấy rằng anh không thành được một kẻ đáng yêu, chứ đừng nói là quyến rũ nữa.

Bà đơ Rênan không hết ngạc nhiên vì thấy anh vụng về đến thế và đồng thời lại táo bạo đến thế. Đó là sự nhút nhát của tình yêu trong một con người tài trí cuối cùng bà nghĩ bụng, với một nỗi vui mừng khôn tả. Có lẽ nào chàng lại chưa được kẻ tình địch của ta yêu bao giờ!

Sau bữa ăn sáng, bà đơ Rênan trở ra phòng khách để tiếp ông Sarcô đơ Môrigông, quận trưởng quận Bre, đến thăm. Lúc đó bà đương thuê một tấm thảm trên một cái khung thêu rất cao. Bà Đêrvin thì ngồi ở bên cạnh. Chính ở trong một cái thế như vậy, và giữa thanh thiên

bạch nhật, mà anh chàng kếp nhất của chúng ta thấy là nên thò chiếc giày ủng của mình ra và đè ép bàn chân xinh đẹp của bà dơ Rênan, mà chiếc bít tất thêu rua và chiếc giày xinh đẹp của Pari rõ ràng là đương thu hút sự chú mục của ông quận trưởng phong tình.

Bà dơ Rênan không còn hồn vía nào cả; bà liền buông roi chiếc kéo, cuộn len, kim thêu, để cho động tác của Juyliêng có thể coi như là một dụng ý vụng về để đỡ cho khỏi roi chiếc kéo, mà anh đã trông thấy tuột xuống. May thay, chiếc kéo Anh nhỏ xinh bằng thép đó gãy tan liền, và bà dơ Rênan không ngớt lời than tiếc rằng Juyliêng đã không ở gần bà hơn chút nữa.

- Ông đã trông thấy nó roi trước tôi, đáng lẽ ông có thể đỡ được cho nó khỏi roi, vậy mà sự miễn cán của ông lại chỉ được một việc là đá vào chân tôi một cái ra trò.

Tất cả những cái đó đánh lừa được ông quận trưởng, nhưng không đánh lừa nổi bà Đervin. Cái anh chàng xinh trai này có những cử chỉ thật là ngu dại! bà ta nghĩ, phép xã giao của một thủ đô tỉnh lẻ không tha thứ cho những lỗi lầm đó. Bà dơ Rênan tìm được lúc nói với Juyliêng.

- Ông phải cẩn thận, tôi ra lệnh cho ông đấy.

Juyliêng nhận thấy sự vụng về của mình, anh bực mình. Anh thảo luận rất lâu với chính mình anh để xem có nên phật ý vì cái câu: *Tôi ra lệnh cho ông đấy*. Anh chàng lúc đó cũng khá ngu dại, nên nghĩ rằng: Bà ta có thể bảo *tôi ra lệnh*, nếu là chuyện có liên quan đến việc dạy dỗ lũ trẻ, nhưng khi đáp lại tình yêu của ta thì bà ta phải nhận cái thế bình đẳng chứ. Không thể yêu nhau

nếu không có *bình đẳng*... và tất cả tâm trí anh miệt mài vào những ý kiến khuôn sáo về vấn đề bình đẳng. Anh giận dữ tự nhắc lại câu thơ này của Cornê*, mà bà Dervin vừa mới dạy cho anh mấy ngày trước đó:

..... Tình yêu

Làm nên bình đẳng chứ không tìm kiếm bình đẳng.

Vì Juyliêng từ trước đến nay chưa hề có tình nhân bao giờ, mà cứ nhất định đóng vai trò một gã Đông Juăng*, nên suốt ngày hôm đó anh ngu dại đến chết người được. Anh chỉ có một ý nghĩ đúng; chán cả mình và chán cả bà đơ Rênan, anh hãi hùng trông thấy buổi tối tiến dần đến, anh sẽ phải ngồi ở trong vườn, bên cạnh bà và trong bóng tối. Anh bèn nói với ông đơ Rênan rằng anh đi Verie gặp ông cha xứ: anh đi liền sau bữa ăn chiều, và mãi đến đêm khuya mới về.

Đến Verie, anh thấy ông Sêlăng đương bận dọn nhà đi; ông vừa mới bị bãi chức, ông trợ tế Maxlông thay chân ông, Juyliêng bèn giúp đỡ ông cha xứ hiền hậu, và anh có ý kiến viết thư cho Fukê rằng cái thiên hướng không sao cưỡng nổi mà anh tự cảm thấy về thánh chức, trước kia đã ngăn cản anh nhận ngay lúc đầu những đề nghị có nhà ý của anh ta, nhưng anh vừa được trông thấy một gương bắt công ghê gớm quá, nên có lẽ anh không thụ giới nữa lại có lợi cho sự cứu rỗi của anh hơn.

Juyliêng tự khen mình đã tỉnh khôn biết lợi dụng sự bãi chức của ông cha xứ Verie, để tự dành cho mình một cái cửa mở sẵn và trở về nghề buôn, nếu trong đầu óc anh cái khôn ngoan đáng buồn thắng được chí khí anh hùng.

CHƯƠNG XV

TIẾNG GÀ GÁY

*Tình yêu, tiếng la-tinh gọi là amor;
Cho nên từ tình yêu sinh ra cái chết.
Và, trước đó, là lo âu cần rút.
Buồn, khóc, mưu mô, tội tình hối hận.*
CHÂM NGÔN TÌNH ÁI*

Nếu Juyliêng có một tí chút cái tinh khôn mà anh vẫn tự gán cho mình một cách hảo huyền, thì ngày hôm sau chắc anh đã được mừng lòng về hiệu quả mà cuộc đi chơi Verie của anh đã phát sinh. Anh vắng mặt, đã khiến người ta quên những tội vung về của anh. Song, ngay cả đến ngày hôm đó, anh cũng vẫn còn khá bực bội; gần về tối, anh có một ý nghĩ tức cười, và anh ngỏ với bà đơ Rênan một cách táo bạo ít có.

Họ vừa ngồi xuống ở vườn hoa, là Juyliêng không đợi cho trời đủ tối, ghé ngay miệng vào tai bà đơ Rênan và đánh liều đến có thể làm liên lụy ghé góm cho bà, anh nói:

- Thưa bà, đêm nay, đúng hai giờ, tôi sẽ sang buồn bà, tôi có chuyện cần nói với bà.

Juyliêng chỉ lo sợ lời yêu cầu không được chuẩn y, vai trò quyền rũ của anh làm anh nhọc lòng ghế góm, đến nỗi nếu anh có thể tuân theo ý hướng của mình, thì anh đã lẩn mặt trong buồng riêng lấy dăm ngày, và đã không gặp các bà kia nữa. Anh hiểu rằng, do cách xử sự tính toán kỹ của anh hôm qua, anh đã làm hỏng tất cả mọi vẻ ngoài tốt đẹp của ngày hôm trước, và thật sự anh không còn có phương kế nào nữa.

Với một vẻ phần nộ thật sự, và không ngoa ngoắt tí nào, bà đơ Rênan trả lời câu ngổ ý hỗn láo mà Juyliêng cả gan dám nói với bà. Anh thấy như có vẻ khinh bỉ trong câu trả lời ngắn của bà. Anh biết chắc rằng trong câu trả lời đó, nói rất nhỏ, anh nghe thấy có tiếng *khiếp!** Lấy cớ là có điều gì muốn nói với lũ trẻ, Juyliêng lên buồng chúng, và khi trở lại, anh đến ngồi cạnh bà Đêrvin và rất xa bà đơ Rênan. Như vậy là anh tự triệt bỏ mọi khả năng nắm lấy tay bà. Cuộc nói chuyện nghiêm trang, và Juyliêng rất hoạt bát, trừ một vài giây phút im lặng, trong khi đó anh bối óc tìm tòi. Ước gì ta nghĩ ra được một cái mưu thần diệu nào đó, anh nghĩ bụng, để bắt buộc bà đơ Rênan phải trả lại cho ta những biểu thị tình âu yếm đã rõ ràng ra mặt, nó làm cho ta, ba hôm trước đây, tưởng rằng bà đã thuộc về ta!

Juyliêng cực kỳ bối rối vì tình trạng hầu như thất vọng của công việc anh mưu đồ. Nhưng ví thử thành công, thì anh lại còn lúng túng không gì bằng.

Khi chia tay nhau lúc nửa đêm, tinh thần bị quan khiến anh tưởng rằng mình bị bà Đêrvin khinh bỉ, và có

lẽ về phía bà đơ Rênan, anh cũng chẳng được hơn gì mấy tí.

Hết sức buồn bực và rất nhọc nhã, Juyliêng không ngủ được. Anh thật cách xa nghìn dặm cái tư tưởng từ bỏ mọi trò giả vờ, mọi dự tính, và cứ sống lẫn lộn với bà đơ Rênan, yên vui như một đứa trẻ thơ với cái hạnh phúc mà mỗi ngày sẽ đem lại cho.

Anh mệt óc đặt bày ra những thế trận cầu kỳ, chỉ một lát sau, anh đã thấy nó thật là ngớ ngẩn, nói tóm lại, anh đương khổ sở vô cùng khi hai giờ điểm ở đồng hồ của lâu đài.

Tiếng động đó thức tỉnh anh cũng như tiếng gà gáy thức tỉnh ông thánh Piero*. Anh thấy đã đến giờ phút của cái sự việc hết sức nặng nề. Anh đã quên không nghĩ gì đến lời đề nghị hỗn láo của anh nữa rồi, ngay từ lúc anh thốt ra nó, vì nó đã bị tiếp thu tồi tệ quá.

Ta đã nói với bà ấy rằng đúng hai giờ ta sẽ sang buồng bà; anh vừa nghĩ bụng và đứng dậy, có thể là ta còn vụng dại và lỗ mãng đúng như con nhà quê mùa. Bà Đervin đã bóng gió cho ta hiểu điều đó nhiều lần, nhưng ít ra ta sẽ không nhu nhược.

Juyliêng tự hào là dũng cảm cũng có lý, chưa bao giờ anh tự ép lòng một cách nặng nề hơn thế! Khi anh mở cửa buồng mình, anh run đến nổi bủn rủn cả hai đầu gối, và anh phải đứng tựa vào tường.

Chân anh không đi giày. Anh đến lắng nghe ở cửa buồng ông đơ Rênan, anh thấy rõ tiếng ngáy của ông ta. Anh lấy làm ngao ngán. Thế là anh chả còn có cơ gì nữa để không đi sang buồng bà ta. Nhưng mà, Trời đất ơi!

sau đó rồi anh sẽ làm những gì? Anh không có dự định gì cả, và cho dầu là có đi nữa, anh cũng thấy mình rối trí quá không thể làm theo đúng được.

Nhưng rồi, đau khổ nghìn lần hơn là đi vào cõi chết, anh bước vào cái hành lang nhỏ dẫn đến buồng bà đơ Rênan. Anh mở cửa bằng một bàn tay run rẩy và gây nên một tiếng động kinh khủng.

Trong buồng có ánh sáng, một ngọn đèn đêm le lói dưới lò sưởi, anh không ngờ đến cái tai họa mới này. Trông thấy anh vào, bà đơ Rênan liền vùng ngay xuống khỏi giường. Khổ quá! bà kêu lên. Sự việc bấy giờ có hơi lộn xộn đôi chút. Juyliêng quên phút những dự định hảo huyền của mình và trở lại vai trò tự nhiên; không được lòng yêu của một người đàn bà đẹp mê ly thế kia, anh thấy là một điều bất hạnh lớn nhất. Để đáp lại những lời quở trách của bà, anh chỉ quỳ phục xuống chân bà, và ôm hôn đầu gối bà. Vì bà nói với anh một cách cực kỳ nghiêm khắc, nên nước mắt anh ròng ròng.

Vài giờ sau, khi Juyliêng ra khỏi buồng bà đơ Rênan, ta có thể nói, theo giọng tiểu thuyết, rằng anh không còn phải khao khát gì nữa. Quả vậy, nhờ ở tình yêu mà anh đã gây nên được và ở cái ấn tượng bất ngờ mà những vẻ đẹp quyến rũ đã gây cho anh, anh đã có được một cuộc chiến thắng, mà tất cả cái khôn khéo rất vụng về của anh chắc là không thể nào đưa anh tới được.

Nhưng, trong những giây phút êm ái nhất, bị một thứ kiêu ngạo quái gở chi phối, anh vẫn còn tham vọng đóng vai trò một người đàn ông đã quen nghề chinh phục đàn bà: anh có những cố gắng chăm chú phi thường để

phá hoại tất cả cái gì là đáng yêu của anh. Đáng lẽ để ý đến những nỗi vui sướng mà anh làm nảy nở, và những niềm hồi hận nó làm cho nỗi vui sướng kia càng thêm mãnh liệt, thì cái ý nghĩ *bốn phận* lại không lúc nào ngớt hiện lên trước mặt anh. Anh sợ bị một nỗi hồi hận ghê gớm và sợ làm một trò cười muôn thuở, nếu anh đi xa cái mẫu mực lý tưởng mà anh có dự định noi theo. Nói tóm lại, cái gì làm cho Juyliêng thành một con người ưu việt, thì lại chính là cái nó ngăn cản anh hưởng niềm hạnh phúc ở ngay dưới bước chân anh. Khác nào một cô gái mười sáu tuổi, má hồng tươi thắm, muốn đi khiêu vũ, mà lại điên rồ đi điểm phấn tô son.

Sợ hãi chết người vì sự xuất hiện của Juyliêng, bà dơ Rênan ngay sau đó lại bị những nỗi lo âu ghê gớm giày vò. Những dòng nước mắt và nỗi khổ đau của Juyliêng làm bà vô cùng rối loạn.

Ngay cả đến lúc không còn gì để từ chối anh nữa, bà vẫn còn đẩy Juyliêng ra xa mình, với một nỗi phần nộ thực sự, và sau đó lại ngã vào lòng anh. Trong tất cả những cử chỉ đó, không có một dụng tâm nào. Bà tự cho là đã bị tội sa đọa không dung thứ được, và cố tự che mắt cái cảnh tượng địa ngục bằng cách trút như mưa vào Juyliêng những vuốt ve mon trốn vô cùng sôi nổi.

Nói tóm lại, đáng lẽ, nếu anh biết hưởng, thì không còn gì thiếu cho hạnh phúc của anh chàng, cho cả đến một sự rung cảm nồng cháy trong người đàn bà mà anh vừa chiếm đoạt. Khi Juyliêng ra về rồi mà vẫn chưa hết những nỗi xúc cảm mãnh liệt làm bà xao xuyến không

sao cưỡng nổi, và những cuộc đấu tranh với bao niềm hối hận vò xé tâm hồn bà.

Trời ơi! được sung sướng, được yêu, chỉ là thế này thôi ư? Đó là cái ý nghĩ đầu tiên của Juyliêng, khi trở về buồng. Anh đương còn ở trong tình trạng ngạc nhiên và bối rối lẫn khoắn của một tâm hồn vừa được hưởng cái đã bao lâu ao ước. Lâu nay ao ước đã thành thói quen, bây giờ không còn gì để ao ước nữa, mà lại chưa có kỷ niệm để mà nhớ nhung. Giống như người lính vừa đi diễu binh về, Juyliêng miệt mài duyệt lại tất cả những chi tiết hành vi của mình.

- Ta có thiếu sót gì không, trong bốn phận của ta đối với chính mình ta? Ta có đóng vai trò của mình được tốt không?

Mà vai trò gì? Vai trò một anh đàn ông đã quen nghề sắc sảo với đàn bà.

CHƯƠNG XVI

NGÀY HÔM SAU

*He turn'd his lip to hers, and with his hand
Call'd back the tangles of her wandering hair.*

DON JUAN, C. I. st 170*

*M*ay mắn cho vinh diệu của Juyliêng, bà đờ Rênan đã rối loạn quá, ngạc nhiên quá, nên không trông thấy cái ngu dại của con người trong chốc lát đã trở thành tất cả ở đời đối với bà.

Khi bà khuyên anh nên rút lui, vì thấy trời đã rạng:

- Ô! Trời ơi! bà nói, ngộ nhờ nhà tôi đã nghe thấy tiếng động, thì tôi nguy mất.

Vốn có thì giờ rảnh rang để nghĩ thành câu cú, Juyliêng nhớ được câu này:

- Ví có làm sao, thì bà có tiếc đời không?

- Ô! trong giây phút này thì tiếc lắm! nhưng tôi sẽ không tiếc đã được gặp anh.

Juyliêng thấy có sĩ diện phải cố tình trở về buồng mình lúc trời đã sáng bạch, và khinh suất ra mặt.

Sự chăm chú liên tục của anh để nghiên cứu nhất cử nhất động của chính mình, với cái tư tưởng điên rồ là tỏ ra về một cho người từng trải, chỉ có một cái lợi; khi anh gặp lại bà đơ Rênan trong bữa ăn sáng, cử chỉ của anh là một kiệt tác về sự cẩn trọng.

Còn bà, thì bà không thể nào nhìn anh mà không dờ dẫm mặt mày, và không thể một giây phút nào không nhìn anh: bà thấy sự rối loạn của mình, và càng cố gắng để che giấu thì lại càng làm tăng lên gấp bội. Juyliêng chỉ ngược mắt nhìn bà có một lần. Lúc đầu, bà đơ Rênan thán phục sự cẩn trọng của anh. Ít lâu sau, thấy rằng cái nhìn duy nhất đó không tái diễn nữa, bà nghĩ thầm:

"Hay là anh ấy không yêu mình nữa, bà nghĩ thầm; than ôi! mình già quá đối với anh ấy; mình hơn anh ấy những mười tuổi."

Khi đi từ buồng ăn ra vườn, bà nắm chặt tay Juyliêng. Ngạc nhiên thấy một dấu hiệu tình yêu lạ lùng đến thế, anh nhìn bà với tấm lòng say đắm thiết tha, vì trong bữa ăn anh đã thấy bà tuyệt đẹp, và tuy mắt anh vẫn nhìn xuống, nhưng anh đã để hết cả thì giờ của anh để hình dung tách bạch các vẻ đẹp mê ly của bà. Cái nhìn kia an ủi bà đơ Rênan, nhưng nó không làm bà hết lo âu, tuy vậy những lo âu của bà lại hầu như cất hẳn cho bà những nỗi hối hận đối với chồng.

Trong bữa ăn, ông chồng đó chẳng trông thấy gì cả; nhưng bà Đêrvin thì không thế; bà ta cho rằng bà đơ Rênan sắp sửa sa ngã đến nơi. Suốt ngày hôm đó, tình bạn thân mạnh dạn và sắc bén của bà ta không nể nang

bà những câu bóng gió mục đích để mô tả cho bà, dưới những màu sắc góm ghiếc, nổi nguy hiểm bà đương lao vào.

Bà đơ Rênan nóng lòng muốn được có một mình với Juyliêng, bà muốn hỏi anh có còn yêu bà nữa không. Mặc dầu sự dịu dàng bền bỉ của tính tình bà, có nhiều lúc bà suy tở ý cho bà bạn biết rằng bà ta làm vương mình không biết chừng nào.

Buổi tối, ở ngoài vườn, bà Đêvin khéo thu xếp thế nào mà thành ra bà ta ngồi len vào giữa bà đơ Rênan và Juyliêng. Bà đơ Rênan đã hình dung khoái chá cái lạc thú được siết chặt bàn tay Juyliêng và đưa lên môi, nhưng lúc đó bà muốn nói với anh một câu cũng không sao được.

Sự thất ý đó làm cho bà càng thêm rối loạn. Bà đương bị một nỗi hối hận giày vò. Bà đã quả trách Juyliêng nhiều quá về sự khinh suất của anh khi sang buồng bà đêm qua, đến nỗi bà lo sợ rằng đêm nay anh sẽ không sang nữa. Bà sớm rời vườn hoa, và trở về buồng riêng. Nhưng, nóng lòng không chịu nổi, bà đến ghé tai sát vào cửa buồng Juyliêng. Mặc dầu bị nỗi lo phấp phồng và mối tình say đắm giày vò, bà không dám vào. Hành vi đó, bà thấy là rất mực hèn hạ, vì nó làm đầu đề cho một câu ngôn ngữ của tỉnh lẻ.

Bọn người nhà chưa đi ngủ hết. Thế là sự cản trở bắt buộc bà phải trở về buồng riêng. Hai tiếng đồng hồ chờ đợi là hai thế kỷ đau khổ.

Nhưng Juyliêng quá trung thành với cái mà anh gọi là bốn phận, nên anh không bỏ lỡ thi hành kỷ từng điểm cái chương trình anh đã tự vạch cho mình.

Khi chuông điểm một giờ, anh êm nhẹ lên ra khỏi buồng riêng, kiểm tra chắc chắn là ông chủ nhà đã ngủ say, và anh hiện vào buồng bà dơ Rênan. Hôm đó, anh được sung sướng với bạn tình nhiều hơn, vì anh bớt chăm chăm nghĩ đến vai trò phải đóng. Anh có mắt để trông và có tai để nghe. Những lời bà dơ Rênan nói với anh về chuyện tuổi tác, góp phần làm cho anh được vững tâm đôi chút.

- Than ôi! Tôi hơn anh những mười tuổi! Làm sao anh có thể yêu được tôi! bà nhắc lại với anh, không có dụng tâm gì, mà chỉ với ý nghĩ đó đè nặng trong lòng bà.

Juyliêng vốn không nghĩ gì đến cái tai hại đó, nhưng nay anh thấy nó là có thực, và anh hầu như quên hết nỗi lo sợ lỗi bịch.

Cái ý nghĩ ngu dại là bị coi như một gã tình nhân hạ thuộc, vì có dòng dõi thấp hèn, cũng biến mất. Dần dần, những nỗi vui sướng điên cuồng của Juyliêng càng làm vững da người tình nhân e lệ của anh, thì bà ta cũng được đôi phần sung sướng trở lại và lại mình mẫn để xét đoán tình lang. May sao, hôm đó, anh hầu như không có cái vẻ giả tạo nó đã làm cho cuộc hội ngộ đêm trước trở thành một cuộc chiến thắng, chứ không phải một cuộc hoan lạc. Ví thử bà ta đã nhìn thấy sự chăm chú của anh để đóng một vai trò, thì sự phát hiện đáng buồn đó chắc là đã cắt vĩnh viễn mọi niềm hạnh phúc của bà rồi. Vì chắc bà không thể thấy ở đó cái gì khác hơn là cái hiệu quả đáng buồn của sự chênh lệch về lứa tuổi.

Mặc dầu bà đơ Rênan chưa bao giờ nghĩ đến những lý thuyết về tình yêu, nhưng sự cách biệt về lứa tuổi, sau sự cách biệt về tài sản, là một trong những chuyện đầu lười thịnh hành của trò đàm tiếu ở tỉnh lẻ, mỗi khi nói đến chuyện tình yêu.

Chỉ trong ít ngày, Juyliêng, trở lại tất cả sự hăng say của lứa tuổi anh, đã yêu mê yêu mệ.

Phải thừa nhận rằng, anh nghĩ bụng, nàng có một tâm hồn hiền hậu của thiên thần, và nhan sắc chẳng ai hơn.

Anh đã mất hầu hết cái ý nghĩ vai trò phải đóng. Trong một lúc cõi mở, anh thú thật với bà mọi nỗi lo ngại của anh. Lời tâm sự đó đưa lên đến cực độ mối tình say đắm của bà đối với anh. Vậy ra ta chưa hề có kẻ tình địch nào may mắn cả, bà đơ Rênan tự nhủ với bao niềm khoái lạc. Bà mạnh bạo hỏi anh về tấm chân dung mà anh đã tỏ ý thiết tha đến thế; Juyliêng thề rằng đó là chân dung một người đàn ông.

Khi bà đơ Rênan còn có đủ bình tĩnh để suy nghĩ, thì bà không hết nỗi ngạc nhiên rằng một mối hạnh phúc như thế lại có thực, mà bà chưa hề nhờ tới bao giờ.

Chao ôi! bà nghĩ bụng, giá mà ta được biết Juyliêng mười năm trước đây, khi ta còn có thể được gọi là xinh đẹp!

Juyliêng tuyệt nhiên không có những ý nghĩ đó. Tình yêu của anh vẫn còn là tham vọng; đó là nỗi vui mừng được chiếm hữu một người đàn bà cao sang đến thế và đẹp đến thế, mà anh chỉ là một người nghèo khổ và bị khinh bỉ biết bao. Những cử chỉ yêu quý, những nỗi cuồng vui của anh khi trông thấy mọi vẻ đẹp quyến rũ của

người bạn tình, dần dần làm cho bà yên lòng đôi chút cái lịch thiệp mà đáng lẽ một người đàn bà ba mươi tuổi trong những xứ sở văn minh hơn đã được có từ lâu, thì chắc bà đã rùng mình lo cho sự lâu bền của một mối tình yêu hình như chỉ sống bằng sự ngạc nhiên và sự hoan hỉ của lòng tự ái.

Trong những giây phút lãng quên tham vọng, Juyliêng cảm thán mê người đến cả những mũ áo của bà đơ Rênan. Anh ngửi hương thơm của những mũ áo đó mà vui thích không biết chán. Anh mở tủ gương của bà và đứng ngắm ngó hàng giờ mà ngắm nghía vẻ đẹp và cách bố trí của tất cả những thứ trông thấy trong đó. Bà bạn của anh đứng tựa vào anh mà nhìn anh, còn anh thì đứng nhìn những đồ nữ trang, những sống áo mà hôm trước ngày cưới người ta thường chất đầy ăm ắp một cái giỏ sình lễ.

Đáng lẽ ta có thể lấy một con người như thế này! đôi khi bà đơ Rênan nghĩ thầm; tâm hồn nồng nhiệt biết bao! cuộc sống với anh sẽ vui sướng biết bao!

Về phần Juyliêng, chưa bao giờ anh được gần gũi đến thế những dụng cụ ghê gớm kia của pháo binh phụ nữ. Anh nghĩ bụng không thể nào ở Pari có cái gì đẹp hơn được! thế là anh không thấy có luận điểm gì phản đối hạnh phúc của anh. Nhiều lúc sự cảm thán chân thành và những nỗi cuồng si của tình nương khiến anh quên phứt cái lý thuyết hảo huyền nó đã làm cho anh trở thành rất gò bó và hầu như rất lố bịch trong những giây phút đầu tiên của cuộc tình duyên. Có những lúc, mặc dầu quen thói giảo quyệt, anh thấy một nỗi vui thích vô cùng khi được thú thật với bà phu nhân đại quý có lòng thán phục anh kia, sự dốt nát của anh về vô vàn những lễ lối

xã giao lặt vặt. Địa vị cao sang của tình nương hình như nâng anh lên cao hơn bản thân anh. Còn bà dơ Rênan, thì bà cảm thấy một niềm khoái lạc tinh thần vô cùng êm ái, khi được chỉ dẫn như vậy, trong vô vàn những trò nhỏ nhặt, cho chàng thanh niên tài trí dồi dào kia, vẫn được mọi người coi như là có một tiền đồ rất rộng lớn. Cả đến ông quận trưởng và ông Valonô cũng không thể không thán phục anh; vì thế mà bà thấy các ông này cũng đỡ ngu. Còn bà Đervin, thì tuyệt nhiên không có những ý nghĩ như thế để mà biểu lộ. Thất vọng về những điều bà ta dự đoán, và thấy rằng những lời bà ta khuyên nhủ phải lẽ trở nên đáng ghét đối với một người đàn bà thực sự đã mất trí, bà ta rời Vergy không có một lời phân trần lý do, mà người ta cũng tránh không hỏi bà ta. Bà dơ Rênan cũng có giọt vài giọt nước mắt, để rồi ít lâu sau bà thấy như nổi sung sướng của bà được tăng lên gấp bội. Nhờ cuộc ra đi ấy, hầu như suốt ngày được tỉ tê với tình lang.

Juyliêng càng thích được vui vầy với người yêu, vì mỗi khi anh thân đơn bóng chiếc lâu quá, thì lời đề nghị tai hại của Fukê lại đến làm anh rối loạn. Trong những ngày đầu của cuộc đời mới đó, có những lúc, vốn chưa yêu bao giờ, chưa được yêu ai bao giờ, anh cảm thấy một nỗi vui thích khoái trá được thành thực, đến nỗi đã toan thú thực với bà dơ Rênan niềm tham vọng nó đã là bản chất tinh túy của đời sống của anh từ trước đến giờ. Anh những muốn được hỏi ý kiến bà về sự cảm dỗ lạ lùng mà lời đề nghị của Fukê đã gieo vào lòng anh, nhưng một biến cố nhỏ bỗng đến ngăn cản mọi ý đồ cõi mở.

CHƯƠNG XVII

VIÊN PHỤ TÁ THỨ NHẤT

*O, how this spring of love resembleth
The uncertain glory of an April day;
Which now shows all the beauty of the sun
And by and by a cloud takes all away!*

TWO GENTLEMEN OF VERONA

Một buổi chiều tà, ngồi bên bạn tình, tận cuối khu vườn quả, xa những kẻ quấy rầy, anh mơ màng miên man. Những giây phút êm đẹp như thế này, anh nghĩ, có được bền lâu mãi mãi không? Tâm hồn anh hoàn toàn bận bịu về nỗi khó khăn chọn một nghề nghiệp, anh thở than về cái tai họa lớn chấm dứt thời thơ ấu và phá hoại những năm đầu tiên của tuổi thanh niên nghèo nàn.

- Chao ôi! anh kêu lên, Napôlêông thật đúng là con người của Trời phái đến cho thanh niên Pháp! Ai sẽ thay thế được ông? Không có ông, thì những kẻ nghèo khổ, dù là giàu có hơn tôi đi nữa, nhưng chỉ có vừa vặn vài ê-quy cần thiết để kiếm lấy một nền học vấn tốt, nhưng không đủ tiền để dứt lốt một người khi đến tuổi hai mươi và để tiến thân trong một bước đường công danh, những kẻ

đó sẽ làm cái trò gì? Muốn gì đi nữa, anh nói tiếp với một tiếng thở dài náo ruột, thì cái ký ức tai hại kia cũng sẽ suốt đời ngăn cản chúng ta được sung sướng!

Anh bỗng trông thấy bà dơ Rênan chau mày, bà có một vẻ lạnh lùng và khinh khỉnh; cái lối suy nghĩ như thế, bà cho là chỉ xứng với một tên gia nhân. Được nuôi dưỡng trong tư tưởng là mình rất giàu có, bà thấy hình như lẽ đương nhiên là Juyliêng cũng phải giàu có, Bà yêu anh nghìn lần hơn đời sống và chẳng coi tiền tài vào đâu.

Juyliêng chẳng sao đoán nổi những ý nghĩ đó. Cái chau mày kia kéo anh trở về hạ giới. Anh đã nhanh trí để sắp xếp câu nói và làm cho bà phu nhân quý tộc kia, đương ngồi sát bên anh trên tấm cỏ xanh, hiểu ý rằng những lời lẽ anh vừa nhắc lại đó là anh đã được nghe trong cuộc đi chơi đến nhà anh bạn thân làm nghề buôn gỗ. Đó là luận điệu của những kẻ vô đạo.

- Thế thì, anh đừng giao du với những con người đó nữa, bà dơ Rênan nói, nét mặt vẫn còn giữ đôi chút cái vẻ lạnh lùng nó đã đột nhiên kế tiếp cho sự biểu lộ âu yếm hết sức nồng nàn thắm thiết*.

Cái chau mày đó, hay nói cho đúng là sự hối hận của anh về nỗi đã trót dại đột khinh suất, đấy là sự thất bại thứ nhất đem đến cho cái ảo mộng đương lôi cuốn Juyliêng. Anh nghĩ bụng: Bà ấy hiền hậu và dịu dàng, và yêu ta thắm thiết, nhưng bà ấy đã được nuôi dưỡng ở phe đối địch. Nhất là bọn họ tất nhiên phải sợ cái tầng lớp những người có tâm huyết sau khi đã được hấp thụ một nền học vấn tốt, lại không có đủ tiền để bước vào một con đường công danh. Nhưng bọn quý phái kia, họ

sẽ trở thành cái gì, nếu chúng ta được đấu tranh với họ bằng võ khí ngang nhau! Như ta, chẳng hạn, mà được làm thị trưởng Verie, có thiện ý, lại chính trực, cũng như ông đơ Rênan về căn bản! phải biết là ta sẽ đánh bại lão trợ tế, lão Valonô và tất cả những trò ăn cắp của chúng! phải biết là công lý sẽ thắng ở Verie! Không phải là tài năng của bọn họ sẽ làm trở ngại được ta đâu. Họ luôn luôn dò dẫm ấy mà.

Hạnh phúc của Juyliêng ngày hôm đó, thiếu chút nữa thì trở thành trường cửu. Người anh hùng của chúng ta chỉ thiếu cái gan dám thành thực. Cần phải có can đảm giao tranh*, mà *ngay lập tức**; bà đơ Rênan đã ngạc nhiên về lời nói của Juyliêng, vì những ông bạn trong giới của bà vẫn nói đi nói lại rằng sở dĩ Rôbexpie có thể trở lại, phần lớn là nhờ có bọn thanh niên các tầng lớp thấp, được học hành tốt quá. Về lạnh lùng của bà đơ Rênan kéo dài khá lâu, và hình như cố ý tỏ rõ đối với Juyliêng. Là vì nỗi lo sợ rằng đã gián tiếp nói với anh một điều khiếm nhã, kế tiếp ngay cho sự chán ghét câu nói vô đạo kia. Nỗi đau khổ ấy phản ánh mạnh mẽ trên những nét mặt rất trong sáng và rất ngây thơ của bà khi bà được sung sướng và xa những kẻ quấy rầy.

Juyliêng không dám mơ màng một cách buông thả nữa. Bình tĩnh nhiều hơn và si mê ít hơn, anh thấy rằng đến gặp bà đơ Rênan trong buồng bà là một điều khinh suất. Để bà đến buồng anh thì hơn, ví thử một tên người nhà nào trông thấy bà chạy ngược chạy xuôi trong nhà, thì có hàng trăm lý do để giải thích hành vi đó.

Nhưng cách thu xếp ấy cũng có nhiều điều bất tiện. Juyliêng đã nhận được của Fukê những quyển sách mà anh, là sinh đồ thần học, không bao giờ anh có thể hỏi mua hay thuê của một hiệu sách được. Chỉ đêm đến anh mới dám mở ra. Nhiều khi anh chỉ ước gì không bị ngắt đoạn bởi một kẻ tới thăm, mà sự chờ đợi, ngay ngày hôm trước cái chuyện nhỏ xảy ra ở khu vườn quả đầy thối, đủ làm cho anh không làm sao đọc được.

Nhờ bà dợ Rénan mà anh được hiểu các sách vở một cách hoàn toàn mới mẻ. Anh đã dám liệu hỏi bà về vô số những điều nhỏ nhặt, mà nếu không biết thì trí thông minh của một anh chàng thanh niên sinh trưởng ngoài vòng xã hội thượng lưu, bị tắc tị ngay, mặc dầu ta muốn cho là anh có thiên tư ưu tú bậc nào đi nữa.

Sự giáo dục của tình yêu, được truyền thụ bởi một người đàn bà rất mực ngây thơ đã có kết quả tốt. Juyliêng được trực tiếp trông thấy xã hội như trong tình trạng hiện nay của nó. Đầu óc anh không bị che mờ bởi chuyện kể về tình trạng xưa kia của xã hội, cách đây hai nghìn năm hay chỉ sáu chục năm thôi, về thời Volte và Luy XV*. Anh vui mừng khôn xiết thấy một tấm màn rút xuống trước mắt anh, thế là anh hiểu rõ các việc xảy ra ở Verie.

Trên hàng đầu, hiện lên những âm mưu rất rắc rối, được bố trí từ hai năm nay bên cạnh ông tỉnh trưởng ở Bodängông. Những âm mưu đó lại được ủng hộ bởi những thư từ gửi từ Pari về, và ký những tên có danh tiếng nhất. Vấn đề là phải làm sao cho ông dợ Moarô, là người

sùng tín nhất địa phương, được làm phụ tá thứ nhất, chứ không phải thứ nhì, của ông thị trưởng Verie.

Tranh chấp với ông ta, là một nhà công nghiệp rất giàu, nhất thiết cần phải gạt xuống hàng phụ tá thứ nhì.

Thế là Juyliêng hiểu rõ ý nghĩa những lời bóng gió mà anh đã chợt nghe được, khi xã hội thượng lưu địa phương đến ăn tiệc ở nhà ông dơ Rênan. Cái xã hội đặc quyền đó hết sức bàn tán về việc tuyển lựa viên phụ tá thứ nhất này. Ngoài họ ra, cả thành phố, và nhất là phe tự do, không hề ngờ tới sự có thể có việc tuyển lựa ấy. Cái lý do làm cho việc tuyển lựa đó quan trọng, là một điều ai cũng biết, tức là dãy phía đông của phố lớn ở Verie phải lui vào hơn chín piê, vì đường phố đó đã trở thành đường vương lộ.

Thế mà, ông dơ Moarô có ba ngôi nhà ở vào diện phải lui, nếu ông ta được làm phụ tá thứ nhất, và sau đó làm thị trưởng trong trường hợp ông dơ Rênan được bổ làm nghị sĩ, thì ông ta sẽ ngơ đi, và người ta sẽ có thể làm, đối với những ngôi nhà nhô ra đường đi công cộng, những vụ sửa chữa nhỏ không ai để ý, nhờ đó các ngôi nhà này có thể sẽ thọ đến trăm năm*. Mặc dầu ông Moarô rất sùng tín và có tiếng là liêm chính, nhưng người ta tin chắc rằng ông ta sẽ dễ dãi, vì ông ta có nhiều con. Trong số những ngôi nhà vào diện phải lui, có chín ngôi là của những tai to mặt lớn bậc nhất ở Verie.

Trong con mắt của Juyliêng, vụ âm mưu này quan trọng nhiều hơn lịch sử trận Fôngtômoa*, mà anh đọc thấy tên lần đầu tiên trong một quyển sách Fukê gửi cho anh. Có những điều làm cho Juyliêng ngạc nhiên từ năm

năm nay khi anh bắt đầu tối tối đi đến nhà ông cha xứ. Nhưng vì sự kín đáo và tinh thần khiêm tốn là những đức tính của một sinh đồ thần học, nên anh không bao giờ dám hỏi.

Một hôm, bà đơ Rênan sai bảo tên hầu phòng của chồng, kẻ thù của Juyliêng.

- Thừa bà, hôm nay là ngày thứ sáu cuối cùng trong tháng kia mà, anh ta trả lời với một vẻ khác thường.

- Thì anh đi đi, bà đơ Rênan nói.

- Thế thì, Juyliêng nói, anh ta lại sắp đến cái kho chứa cỏ khô, trước kia là nhà thờ, và mới đây lại được trả lại cho việc lễ bái; nhưng để làm gì nhỉ? đó là một trong những điều bí mật mà tôi chưa làm thế nào khám phá được.

- Đó là một tổ chức rất bổ ích, nhưng rất lạ lùng, bà đơ Rênan trả lời; dần bà không được nhận vào đó: tôi chỉ biết là ở đó mọi người đều anh anh tôi tôi với nhau cả. Chẳng hạn tên người nhà kia đến đó sẽ gặp ông Valonô, và con người rất kiêu hãnh và rất ngu này sẽ không lấy làm phật ý thấy tên Xanh Jăng gọi ông ta bằng anh, và ông ta cũng sẽ trả lời hấn bằng giọng đó. Nếu anh thiết tha muốn biết họ làm những gì trong đó, thì để tôi hỏi chi tiết ông đơ Môgirông và ông Valonô. Chúng tôi phải trả hai mươi quan cho mỗi tên người nhà để một ngày kia chúng dùng cất cổ chúng tôi.

Thì giờ đi vùn vụt. Nhớ đến những vẻ đẹp say đắm của tình nhân, Juyliêng tạm khuây không nghĩ đến tham vọng đen tối. Sự cần thiết không được nói với bà ta những chuyện buồn tẻ và có lý có lẽ, vì hai người thuộc về hai

phe đối lập, làm tăng thêm, mà anh không ngờ, niềm hạnh phúc anh nhờ bà mà có và tăng thêm thế lực của bà đối với anh.

Trong những lúc mà sự có mặt của những đứa trẻ quá thông minh làm cho hai người đành chỉ nói lời lẽ của lý trí lạnh lùng, thì Juyliêng hoàn toàn ngoan ngoãn, vừa nhìn bà với đôi mắt long lanh tình ái, vừa lắng nghe những lời giải thích của bà về hiện tình thế sự. Nhiều khi giữa câu chuyện kể về một việc ăn cắp khôn khéo, nhân dịp sửa đắp một con đường hoặc một vụ thâu cung cấp, đầu óc bà đơ Rênan bỗng thác loạn đến cuồng si, Juyliêng phải rầy la bà, bà tự cho phép có những cử chỉ thân mật đối với anh cũng như đối với lũ con bà*. Là vì có những hôm bà tưởng chừng yêu anh như con. Bà há chẳng luôn luôn phải trả lời những câu hỏi ngây thơ của anh về muôn nghìn chuyện đơn giản mà một đứa trẻ con nhà phải biết từ hồi mười lăm tuổi đó sao? Một lát sau, bà lại thán phục anh như ông thầy học của mình. Thiên tư của anh đến đó làm cho bà phải kinh sợ; bà tưởng chừng mỗi ngày trông thấy một rõ hơn bậc vĩ nhân tương lai trong anh thấy tu trẻ tuổi này. Bà trông thấy anh làm đến giáo hoàng, bà trông thấy anh làm đến tể tướng như Risolio*.

- Liệu tôi có sống được cho đến ngày trông thấy mình trong ánh vinh quang không nhỉ? bà nói với Juyliêng, trời vẫn dành chỗ cho một bậc vĩ nhân; nền quân chủ đương cần, tôn giáo đương cần người đó.

CHƯƠNG XVIII

MỘT ÔNG VUA ĐẾN VERIE

Chẳng lẽ các người chỉ đáng được vứt bỏ ở đây kia như một xác chết chúng dân, không còn linh hồn, và không còn giọt máu nào trong tĩnh mạch?

DIỄN TỪ CỦA ĐỨC GIÁM MỤC
ở tiểu giáo đường Thánh Clêmăng.

Ngày mùng ba tháng chín, hồi mười giờ tối, một tên lính tuần cảnh phi ngựa lên dốc, đánh thức tất cả Verie dậy, hấn loan tin hoàng thượng vua nước*** chủ nhật này sẽ đến, mà hôm đó là thứ ba. Ông tỉnh trưởng cho phép, nghĩa là yêu cầu thành lập một đội nghi vệ; cần phải hết sức phô trương nghi trượng. Một viên dịch sứ được phái đi Vergy. Ông đơ Rênan đương đêm về đến nơi, thấy tất cả thành phố xôn xao. Ai ai cũng tập tễnh; những kẻ ít lảng xãng nhất cũng đi thuê những ban công để xem ngự giá.

Ai sẽ chỉ huy đội nghi vệ? Ông đơ Rênan thấy ngay rằng, vì lợi ích của những ngôi nhà ở vào diện phải lùi, cần thiết để cho ông đơ Moarô được lĩnh cái quyền chỉ

huy đó. Như vậy có thể tạo thành danh nghĩa để tranh thủ chức vụ phụ tá thứ nhất. Vì đức sùng tín của ông đơ Moarô thì chả còn phải nói gì, nó ở trên tất cả mọi so sánh, nhưng ông ta chưa hề cưỡi ngựa bao giờ. Ông ta năm nay ba mươi sáu tuổi, nhút nhát đủ mọi bề, và sợ bị ngã cũng ngang với sợ chề cười.

Ông thị trưởng cho triệu ông ngay từ năm giờ sáng.

- Ông xem đây, ông ạ, tôi tranh thủ ý kiến của ông, như thể ông đã trọng nhậm cái chức vị mà tất cả những người đứng đắn đều muốn đưa ông lên. Trong cái thành phố khốn khổ này, các xưởng máy thịnh vượng, phá vỡ do trở thành triệu phú, ngai lên chính quyền, họ sẽ có thể lợi dụng tất cả mọi thứ để tiến thủ. Chúng ta hãy nghĩ đến lợi ích của nhà vua, của nền quân chủ, và trước hết là lợi ích của tôn giáo thiêng liêng của chúng ta. Ông ạ, ông cho rằng ta có thể giao phó cho ai quyền chỉ huy đội nghi vệ?

Mặc dầu sợ ngựa một cách khủng khiếp, cuối cùng rồi ông đơ Moarô cũng phải nhận cái vinh dự đó như một khổ hình vì đạo. "Tôi sẽ giữ được phong độ thích đáng", ông ta nói với ông thị trưởng. Cũng chỉ còn vừa đủ thì giờ để cho sửa sang những bộ đồng phục bảy năm về trước đã đem dùng vào dịp một vị thân vương đi qua địa hạt.

Hồi bảy giờ, bà đơ Rénan từ Vergy lên cùng với Juyliêng và lũ trẻ. Bà thấy phòng khách của bà đầy những bà thuộc phái tự do vẫn hô hào các phe phái đoàn kết với nhau, và hôm nay đến khấn khoản nhờ bà nói giúp với chồng dành cho chồng họ một chân trong đội nghi vệ.

Một bà trong bọn họ kêu rằng nếu chồng bà ta không được tuyển lựa, thì ông ta sẽ vì phiền muộn mà đâm vỡ nợ mất. Bà đơ Rênan tổng khừ tất cả cái bọn đó đi rất nhanh chóng. Bà có vẻ hết sức bận rộn.

Juyliêng lấy làm ngạc nhiên và còn phật ý hơn nữa vì bà bí mật giấu anh cái chuyện làm bà băn khoăn. Ta đã biết trước mà, anh tự nhủ một cách chua chát, tình yêu của nàng mờ nhạt đi trước cái hạnh phúc được đón tiếp một ông vua trong nhà nàng. Tất cả chuyện ồn ào đó làm nàng lóa mắt. Nàng sẽ lại yêu ta khi nào những tư tưởng của giai cấp không làm cho đầu óc nàng rối loạn nữa.

Thật là một điều lạ lùng, anh lại yêu bà ta hơn lên.

Những người trang trí nhà cửa bắt đầu kéo đến đây nhà, anh rình mãi mà không tìm được dịp nói với bà một câu. Mãi sau, anh thấy bà từ trong buồng anh đi ra, mang theo một bộ áo dài của anh. Lúc đó vắng vẻ không có ai. Anh định nói với bà. Bà cấm đầu chạy không muốn nghe. - Mình thật ngu dại mà đi yêu một con mụ như thế, tham vọng làm cho mụ điên cuồng chẳng kém gì chồng.

Thật ra bà còn điên hơn thế, một trong những điều ao ước lớn của bà, mà chưa bao giờ bà tỏ bày với Juyliêng sợ làm méch lòng anh, là được trông thấy anh rời bỏ, dù chỉ trong một ngày thôi, bộ áo dài đen ảm đạm của anh. Với một sự khôn khéo thật quả là đáng phục ở một người đàn bà rất hồn nhiên, bà tranh thủ được sự đồng ý trước hết là của ông đơ Moarô và sau là của ông quân trưởng đơ Môgirông, cho Juyliêng được tuyển vào đội nghi vệ, ưu tiên hơn năm sáu chàng thanh niên, con những nhà công

nghiệp rất phong lưu, và ít ra có hai chàng có một dúc sừng tín gương mẫu. Ông Valonô đã định cho mấy bà phụ nữ đẹp nhất thành phố mượn xe song mã và khoa trương những con ngựa normăng đẹp của ông ta, nay đồng ý đưa một con ngựa ông cho Juyliêng, là người mà ông thù ghét nhất. Nhưng tất cả các đội nghi viên nghi vệ đều có, của riêng mình hay đi mượn, một bộ áo đẹp màu thanh thiên với hai ngũ vai đại tá bằng bạc, bảy năm trước đây vốn bóng lộn. Bà đơ Rênan muốn có một bộ áo dài mới, mà chỉ còn có bốn ngày để gửi đặt ở Bodăngxông, và cho đem về bộ áo đồng phục, các vũ khí, mũ măng v.v... tất cả lễ bộ của một đội viên nghi vệ. Có điều này ngộ nghĩnh, là bà thấy rằng đặt may áo của Juyliêng ở Verie thì lộ liễu quá. Bà muốn gây sự bất ngờ, cho anh và cho cả thành phố.

Công việc về đội nghi vệ và về tinh thần dân chúng đã xong xuôi, ông thị trưởng lại lo đến một nghi lễ tôn giáo lớn, vì nhà vua nước*** không muốn đi qua Verie mà không đến thăm di cốt nổi tiếng của thánh Clêmăng được bảo tồn ở Bre-thượng cách thành phố chỉ một dặm đường. Người ta mong muốn có một đoàn thể tu sĩ đông đảo, đó là công việc khó thu xếp nhất; ông Maxlông, cha xứ mới, nhất định muốn tránh sự có mặt của ông Sêlăng. Ông đơ Rênan bảo cho ông ta biết rằng như vậy sẽ là đại đột, nhưng ông kia vẫn không chịu. Hầu tước đơ la Môlơ mà tổ tiên ngày xưa đã làm thống đốc lâu đời của xứ này, đã được chỉ định để hộ giá nhà vua nước*** Hầu tước quen biết cha xứ Sêlăng từ ba chục năm nay, chắc chắn khi đến Verie ông sẽ hỏi thăm tin tức ông này và nếu thấy ông này bị bãi chức thì thế nào ông cũng sẽ

đến tìm ông ta tận trong ngôi nhà nhỏ bé mà ông ta rút lui về, với tất cả đoàn tùy tùng mà ông có thể sử dụng được cho mà xem. Thật là tấp vào mặt chúng ta!

- Tôi chẳng còn danh diện nào ở đây và ở Bodăngxông, cha xứ Maxlông trả lời, nếu ông ta có mặt trong đoàn tu sĩ của tôi. Một người theo phái Jăngxênit*. Trời đất ơi!

- Ông muốn nói gì đi nữa, ông cha xứ thân mến ạ, ông dơ Rênan trả lời, thì tôi cũng sẽ không để cho chính quyền Verie đến nỗi bị ông dơ la Môlo làm nhục. Ông không biết ông ta đầy thôi, ở triều đình thì ông ta là người có tư tưởng thuận chiều; nhưng ở đây, ở tỉnh lẻ, ông ta là một tay châm biếm trào lộng, nhạo báng, chỉ tìm cách làm cho người khác bị khó khăn. Ông ta có thể, chỉ để vui đùa thôi, làm cho chúng ta thành trò cười trong mắt bọn tự do.

Mãi đến đêm thứ bảy sang ngày chủ nhật, sau ba ngày thương lượng, sự kiêu căng của ông cha xứ Maxlông mới chịu khuất phục trước nỗi lo sợ biến thành dửng dưng của ông thị trưởng. Phải viết một bức thư ngọt ngào cho cha xứ Sêlăng, để mời ông dự buổi lễ thăm di cốt ở Bre-thượng, nếu như tuổi già đa bệnh của ông cho phép ông đến dự được. Ông Sêlăng hỏi xin và được một giấy mời cho Juyliêng, anh sẽ đi theo ông với tư cách là phó chấp sự.

Ngày từ sáng sớm hôm chủ nhật, vô vàn dân quê từ các núi lân cận kéo đến như nước chảy, tràn ngập các đường phố Verie. Hôm đó trời nắng đẹp vô cùng. Mãi đến ba giờ chiều, tất cả đám đông đó bỗng xôn xao, người ta trông thấy một ngọn lửa to trên một mỏm đá cách Verie

hai dặm. Tín hiệu đó báo tin nhà vua vừa mới đi vào địa phận tỉnh nhà. Tức khắc, tiếng gióng giả của tất cả các chuông và tiếng nổ liên hồi của một khẩu đại bác Tây-ban-nha cũ thuộc sở hữu của thành phố, biểu thị niềm hoan hỉ của toàn thành vì sự kiện lớn lao này. Nửa số dân chúng leo lên các mái nhà. Tất cả các phụ nữ đều lên các ban công. Đội nghi vệ chuyển động. Người ta trầm trồ thán phục những bộ đồng phục lộng lẫy, mỗi người lại nhận ra được một bà con, bạn hữu. Người ta chế nhạo về lo sợ của ông dơ Moarô, lúc nào bàn tay cẩn thận cũng sẵn sàng để bấu lấy cái cốt sắt của yên ngựa. Nhưng một điều nhận xét làm cho người ta quên hẳn mọi nhận xét khác, viên kỵ binh thứ nhất của hàng dọc thứ chín là một anh chàng rất đẹp trai, rất mảnh dẻ, lúc đầu người ta không nhận ra được là ai nhưng chỉ chốc lát, một tiếng kêu công phần ở một số người, còn ở một số khác thì là sự im lặng kinh ngạc, báo hiệu một sự xúc động chung. Người ta nhận ra anh chàng đó, cười một con ngựa normăng đẹp của ông Valonô, là cậu bé Xoren con trai bác thợ xẻ. Một tiếng kêu đồng thanh phản đối ông thị trưởng, nhất là trong đám những người theo phái tự do. Sao, chỉ vì thằng bé thợ thuyền giả dạng thầy tu kia đến làm gia sư cho lũ nhãi nhép nhà ông ta, mà ông ta cả gan dám tuyển nó vào đội nghi vệ, tranh phần của những ông này ông nọ, là những nhà công nghiệp giàu có! Các ông ấy, một bà chủ nhà ngân hàng nói, phải cho cái thằng bé lão xược để trong đồng phân ấy, một trận nhục nhã mới được. - Nó nham hiểm và đeo một thanh guom, người đứng bên đáp lời. Nó rất có thể phản phúc chém đứt mặt các ông ấy chứ chẳng không.

Những lời bàn tán của xã hội quý phái lại còn nguy hiểm hơn. Các bà hỏi nhau có phải do một mình ông thị trưởng làm ra cái việc khiếm lễ cao độ kia không. Nói chung, người ta phải công nhận rằng xưa nay ông vẫn có lòng khinh bỉ sự thiếu đồng dôi.

Trong khi anh làm đầu mối cho ngân ấy lời dị nghị, thì Juyliêng là người sung sướng nhất đời. Bẩm sinh táo bạo, anh ngồi ngựa chĩnh tể hơn phần đông các thanh niên ở các thành phố miền núi này. Anh trông thấy, trong con mắt của các bà các cô, là người ta bàn tán về mình.

Những ngừ vai của anh bóng lộn hơn của người khác, vì mới tinh. Chốc chốc con ngựa của anh, lại chồm lên, anh vô cùng sung sướng.

Nỗi vui sướng của anh không còn giới hạn nào nữa, khi đi qua gần bức thành lũy cũ, tiếng nổ của khẩu đại bác nhỏ làm cho con ngựa của anh nhảy bắn ra khỏi hàng ngũ. Do một sự may mắn lớn, anh không ngã ngựa, từ lúc đó anh thấy mình là một bậc anh hùng. Anh đương làm sĩ quan tùy tùng của Napôlêông và đương nạp đạn một khẩu đội trọng pháo.

Có một người còn sung sướng hơn anh. Đầu tiên, đứng bên một cửa sổ của tòa thị sảnh, người đó đã trông thấy anh đi qua, rồi lên xe song mã, và đi nhanh chóng một đường vòng lớn, người ấy đến vừa kịp lúc để rùng mình khi con ngựa của anh nhảy ra khỏi hàng ngũ. Cuối cùng chiếc xe ngựa phóng nước đại đi ra khỏi thành phố bằng một cửa ô khác, người ấy bắt được vào con đường nhà vua phải đi qua, và được đi theo đội nghi vệ cách sau hai chục bước, giữa một đám bụi mù cao quý. Hàng vạn

220

dân quê kêu lên: Nhà vua muôn năm! khi ông thị trưởng được cái vinh dự chúc từ chào đón Hoàng thượng. Một giờ sau, khi tất cả các diễn từ đã được nghe xong, nhà vua sắp vào thành phố, thì khẩu đại bác nhỏ lại tiếp tục bắn dồn dập. Nhưng một tai nạn xảy ra, không phải cho các chiến sĩ pháo binh, họ đã được thử thách đạn dày ở Laipxich và Môngmirai*, nhưng cho ông phụ tá thứ nhất tương lai, ông dơ Moarô. Con ngựa của ông trút ông xuống nằm êm ái trong vũng bùn duy nhất trên đường cái lớn, gây thành một chuyện om sòm, vì phải kéo ông ta ra khỏi đó để cho xa giá có thể đi qua được.

Hoàng thượng xuống xe vào ngôi nhà thờ mới đẹp, hôm đó được căng toàn những màu đỏ màu huyết dụ. Ngài sẽ nghỉ ngự yến, rồi sau đó lại lên xe ngay để đi chiêm bái di cốt trú danh của thánh Clêmăng. Nhà vua vừa vào đến nhà thờ, là Juyliêng phóng ngay về nhà ông dơ Rênan. Ở đó, anh thở dài tiếc rẻ cởi bỏ bộ áo đẹp màu thanh thiên của anh, thanh gươm của anh, ngù vai của anh, để lại mặc bộ áo bé mọn màu đen đã sờn. Anh lại lên ngựa, và một lát sau, đã tới Bre-thượng ở trên đỉnh một quả đồi rất đẹp. Sự phấn khởi làm cho những dân quê kia sinh sôi nảy nở, Juyliêng nghĩ thầm. Ở Verie đã đông không cựa được, mà ở đây lại có đến hơn vạn người chung quanh nhà tu viện cổ kính này. Bị đổ nát gần nửa do phong trào tàn phá hủy hoại của cách mạng, nó đã được dựng lại huy hoàng từ hồi Trung hưng, và người ta đã bắt đầu nói đến chuyện những phép lạ. Juyliêng đến gặp ông cha xứ Sêlăng, ông quả mắng anh dử dội, và đưa cho anh một bộ áo thầy tu và một tấm

áo lễ trắng. Anh mặc vội vàng và đi theo chân ông Sêlăng đến gặp vị giám mục trẻ địa phận Acdo*. Đó là một người cháu của ông đơ la Môlơ, mới được phong chức, và đã được ủy nhiệm chỉ dẫn di cốt để ngụy lâm. Nhưng không sao tìm thấy vị giám mục đó.

Đoàn tu sĩ nôn nao. Họ chờ đợi vị thủ lĩnh của họ trong gian phòng tu kín tối tăm và xây kiểu gô-tích của nhà tu viện cổ. Người ta đã tập hợp được hai mươi bốn cha xứ để hình dung tăng hội cũ của Bre-thuơng, hồi trước 1789 gồm có hai mươi bốn tu sĩ có chức sắc. Sau khi đã phân nần trong ba khắc đồng hồ về tuổi trẻ của vị giám mục, các cha xứ nghĩ rằng nên để vị chủ tịch trở lui tìm đức Cha để báo tin cho người biết rằng nhà vua sắp tới và đã đến lúc tiến ra cung thánh thì vừa. Tuổi tác của ông Sêlăng đã khiến ông được làm chủ tịch; mặc dầu sự bực bội tỏ ra đối với Juyliêng, ông ra hiệu cho anh đi theo ông. Juyliêng mặc áo lễ trắng trông ra đáng lăm. Chẳng biết bằng phương pháp trang điểm của tăng lữ như thế nào, anh đã làm cho bộ tóc đẹp xoắn tít của anh trở thành bẹp. dí xuống; nhưng do một sơ ý làm tăng gấp bội nỗi tức giận của ông Sêlăng dưới những nếp trùng của bộ áo thầy tu của anh người ta còn có thể trông thấy những đỉnh thúc ngựa của viên kỵ binh đội nghi vệ.

Khi hai người tới tư thất của vị giám mục, những tên hầu cao lớn, trang sức đầy người, hầu như chẳng thèm trả lời ông cụ cha xứ rằng Đức Cha không tiếp ai. Họ lại chế nhạo ông khi ông định giải thích cho họ hiểu rằng với tư cách là chủ tịch của tăng hội quý tộc ở

Bre-thượng, ông có đặc quyền bất cứ lúc nào cũng được vào gần vị giám mục hành lễ.

Tính kiêu hãnh của Juyliêng bị khó chịu về sự hỗn láo của bọn hầu. Anh bèn đi khắp các buồng ngủ của nhà tu viện cổ kính, lay tất cả các cánh cửa mà anh gặp. Có một cánh cửa bé tí bị anh lay mở tung ra, và anh bước vào một tầng phòng, giữa những viên hầu cận của Đức Cha, mặc áo dài đen và cổ đeo dây chuyền. Trông thấy anh có vẻ vội vàng, các tuớng kia ngỡ rằng anh được Đức Cha triệu đến, và họ để anh đi qua. Anh đi vài bước và vào đến một gian phòng mênh mông kiểu gô-tích, hết sức tối tăm, và toàn lát vách bằng gỗ sồi đen, trừ một khung cửa sổ, còn tất cả các khung cửa sổ khác hình cung nhọn đều đã bít kín bằng gạch. Về thô sơ của những gạch xây đó không có gì nguy trang và thành một sự tương phản đáng buồn với vẻ huy hoàng cổ kính của gỗ vách. Hai cạnh lớn của gian phòng nổi tiếng trong giới buôn đồ cổ của xứ Buôcgônơ, và đơ Sacơ Vũ dùng cho xây vào khoảng 1470 để chuộc một tội lỗi nào đó, có những ghế bành bằng gỗ trạm trổ rất tỉ mỉ. Người ta thấy ở đó, hình dung bằng gỗ các màu, tất cả các cảnh tượng huyền bí của thiên Mặc thị*.

Về huy hoàng buồn bã đó, bị tổn thương vì cái cảnh tượng gạch để trần và vôi vữa còn tro màu trắng tinh, làm cho Juyliêng xúc động. Anh dùng chân im lặng. Ở tận đầu phía kia của gian phòng, gần bên khung cửa duy nhất qua đó ánh sáng lọt vào, anh trông thấy một tấm gương xoay bằng gỗ đào hoa tâm. Một chàng thanh niên mặc áo thụng màu tím và choàng áo lễ thêu ren, nhưng

đầu trần, đương đứng cách tấm gương ba bước. Cái đồ đạc này, ở vào một nơi như thế, có vẻ lạ lùng, và chắc hẳn được đem từ thành phố về đây. Juyliêng thấy chàng thanh niên có vẻ tức giận; chàng đang dùng tay phải làm phép rất trang nghiêm về phía tấm gương.

Thế này là nghĩa gì nhỉ? anh nghĩ bụng. Có phải nhà tu sĩ trẻ tuổi kia đương làm một nghi lễ chuẩn bị chăng? Có lẽ là viên bí thư của đức giám mục... rồi y cũng sẽ hỗn xược như bọn hầu cho mà xem... Kể ra thì, cũng chẳng cần, ta cứ thử xem.

Anh tiến lên và đi rất thông thả suốt dọc gian phòng, mắt vẫn dăm dăm về phía cái cửa sổ duy nhất, và nhìn chàng thanh niên đang tiếp tục làm phép rất thông thả nhưng không biết bao nhiêu lần, không nghỉ một phút nào.

Càng lại gần, anh càng trông thấy rõ vẻ mặt tức giận của chúng ta. Vẻ huy hoàng của tấm áo choàng thêu ren, làm cho Juyliêng bất giác đứng dừng lại cách tấm gương lòng lẩy vài bước.

Ta có bốn phận phải lên tiếng, cuối cùng anh tự nhủ: nhưng vẻ đẹp của gian phòng làm anh xúc động, và anh thấy bị chạnh lòng ngay từ bây giờ về những lời lẽ nghiêm khắc mà người ta sắp nói với anh.

Chàng thanh niên trông thấy anh trong tấm gương bèn quay lại, và bỗng bỏ nét mặt giận dữ, chàng ta nói với anh bằng một giọng hết sức dịu dàng:

- Thế nào! ông, đã sửa sang xong chưa?

Juyliêng sững sờ. Khi chàng thanh niên kia quay lại anh, Juyliêng trông thấy tấm thánh giá đeo ngực ở trên

ngực chàng: chính là giám mục địa phận Acđơ. Trẻ đến thế, Juyliêng nghĩ; bất quá chỉ hơn ta từ sáu đến tám tuổi là cùng!...

Và anh lấy làm ngượng về những cái đình thúc ngựa của anh.

- Bẩm đức Cha, anh rụt rè trả lời, tôi được ông Sêlăng chủ tịch tăng hội phái đến.

- À! ông ấy được giới thiệu với tôi hết sức ân cần, vị giám mục nói với một giọng có lẽ độ khiến cho sự khoái trí của Juyliêng tăng lên gấp bội. Nhưng, ông ạ, tôi phải xin lỗi ông, vì ban nãy tôi tưởng ông là người đem mũ tế lại cho tôi. Ở Pari họ gói ghém tồi quá; vải ngân tuyến bị hư hỏng ghê gớm ở phía trên. Đội vào trông rất thảm hại, vị giám mục trẻ tuổi nói thêm với vẻ mặt buồn bã, mà họ lại còn bắt tôi phải chờ đợi nữa!

- Bẩm Đức Cha, để tôi đi lấy mũ về, nếu Đức Cha cho phép.

Đôi mắt đẹp của Juyliêng phát huy tác dụng.

- Ông đi đi, vị giám mục trả lời với một vẻ lễ độ tuyệt vời, tôi cần phải có ngay tức khắc. Tôi rất phiền lòng để các vị trong tăng hội phải đợi chờ.

Khi Juyliêng đi đến giữa phòng, anh quay lại vị giám mục và thấy ông ta lại tiếp tục làm phép. Thế là cái gì nhỉ? Juyliêng nghĩ bụng, chắc hẳn là một cuộc chuẩn bị của nhà tu hành cần thiết cho cuộc lễ sắp tiến hành. Anh ra đến tầng phòng có những viên hầu cận, thì trông thấy chiếc mũ giám mục trong tay họ. Các ngài đó, buộc lòng

phải nhượng bộ cái nhìn oai nghiêm của Juyliêng liền đưa cho anh chiếc mũ của đức cha.

Anh cảm thấy tự hào được cầm chiếc mũ đó; khi đi xuyên qua gian phòng, anh bước thong thả; anh bung cổ mũ một cách kính cẩn. Anh thấy vị giám mục ngồi ở trước tấm gương; nhưng chốc chốc, bàn tay phải của ông, mặc dầu mệt mỏi, vẫn còn làm phép. Juyliêng giúp ông đội mũ. Ông giám mục lúc lắc cái đầu.

- À! vững đây, ông nói với Juyliêng ra vẻ bằng lòng. Ông hãy thử đứng xa ra một chút xem nào!

Ông giám mục bèn bước rất nhanh ra giữa phòng, rồi đi thong thả chậm chậm lại gần tấm gương, ông lấy lại nét mặt giận dữ, và làm phép một cách nghiêm nghị.

Juyliêng kinh ngạc chờ người ra, anh muốn đoán xem thế là nghĩa gì, nhưng không dám. Ông giám mục dừng lại, và nhìn anh với một nét mặt hết vẻ nghiêm nghị rất nhanh chóng:

- Ông thấy cái mũ của tôi thế nào, ông, có được không?

- Bẩm Đức Cha, được lắm ạ.

- Không quá ngả ra đằng sau chứ? như thế sẽ có vẻ hơi ngổ; nhưng cũng không nên đội sụp xuống tận mắt như một cái mũ lưỡi trai của sĩ quan.

- Tôi thấy được lắm ạ.

- Nhà vua nước*** quen thấy một đoàn thể tu sĩ tuổi tác và hảnh là rất nghiêm nghị. Tôi không muốn có vẻ phù phiếm quá, nhất là vì tuổi của tôi.

Và ông giám mục lại bước đi, vừa đi vừa làm phép.

Thật là rõ ràng, Juyliêng nói, vì cuối cùng anh đã dám hiểu, ông ấy đang tập ban phước.

Sau vài giây lát:

- Tôi đã sẵn sàng, ông giám mục nói. Ông ạ, ông hãy đi loan báo cho vị chủ tịch và các vị trong tầng hội biết.

Một lát sau, ông Sêlăng, có hai cha xứ cao tuổi hơn cả đi theo, bước vào bằng một cái cửa rất lớn trạm trở huy hoàng, mà Juyliêng lúc trước không trông thấy. Nhưng lần này anh đứng theo hàng ngũ của anh, là hàng cuối cùng, và chỉ có thể trông thấy ông giám mục qua vai các tu sĩ chen chúc rất đông ở cái cửa đó.

Ông giám mục đi từ từ xuyên qua gian phòng; khi ông đến ngưỡng cửa, các cha xứ xếp hàng lại thành đám rước. Sau một giây lát lộn xộn, đám rước bắt đầu khởi hành và cất tiếng hát một bài thánh ca. Ông giám mục đi sau cùng, giữa ông Sêlăng và một ông cha xứ khác rất già, Juyliêng len vào gần sát Đức Cha, với tư cách là tùy viên của cha xứ Sêlăng. Đám đi theo những hành lang dài của tu viện Bre-thượng; mặc dầu trời nắng chói chang, các hành lang đó vẫn tối tăm ẩm thấp. Cuối cùng, đám ra đến trụ lang của tu viện. Juyliêng thấy một nghi lễ đẹp như thế, thần phục ngẩn người ra. Sự tham vọng được đánh thức dậy bởi tuổi trẻ của ông giám mục, cùng với sự linh mẫn và lễ độ tuyệt vời của vị giáo chủ đó, làm cho lòng anh ngổn ngang bồi bồi. Sự lễ độ ấy thật khác xa với cái lễ độ của ông dơ Rênan, ngay cả những ngày ông ta vui vẻ. Càng lên đến gần bậc cao nhất của xã hội, Juyliêng nghĩ bụng, càng thấy những tác phong cao nhã tuyệt vời.

Đám đang đi vào nhà thờ bằng một cửa ngang, thì bỗng một tiếng động kinh khủng làm rung vang những vòm trần cổ kính của ngôi nhà thờ; Juyliêng tưởng chừng nó sắp sụp đổ. Đó lại là khẩu đại bác nhỏ; được kéo bởi tám con ngựa phi nước đại, nó vừa mới tới; và tới nơi một cái, là được lắp ngay thành khẩu đội bởi những tay pháo thủ của Laipxich, nó bắn mỗi phút năm phát, như tuồng có quân Phổ trước mắt vậy.

Nhưng tiếng động uy nghi đó không có hiệu lực gì nữa với Juyliêng, anh không còn nghĩ gì đến Napolêông và đến vinh quang quân sự nữa rồi. Trẻ như thế, anh nghĩ, mà làm giám mục địa hạt Acđơ; nhưng Acđơ là ở đâu nhỉ? và như thế kiếm được bao nhiêu? có lẽ đến hai ba chục vạn quan ấy chứ.

Những tên hầu của Đức Cha hiện đến với một cỗ long đình tráng lệ, ông Sêlăng cầm lấy một gong, nhưng thực tế là Juyliêng khiêng hộ. Ông giám mục đứng vào dưới lòng đình. Thực sự ông đã làm được ra vẻ già; sự thán phục của anh chàng nhà ta không còn giới hạn nào nữa. Thì ra cứ khôn khéo thì chả có cái gì không làm nổi! anh nghĩ bụng.

Nhà vua bước vào, Juyliêng được cái may mắn trông thấy ngài rất gần. Ông giám mục đọc diễn từ tiếp giá rất uyển chuyển và không quên làm ra vẻ có đôi chút bối rối rất là giữ lễ đối với Hoàng thượng.

Chúng tôi sẽ không nhắc lại lời mô tả những nghi lễ ở Bre-thượng; trong mười lăm ngày trời, những nghi lễ đó đã chiếm đầy các cột của tất cả các báo chí trong tỉnh.

Qua bài diễn từ của ông giám mục, Juyliêng được biết nhà vua là đồng dôi Saclo Vũ dũng.

Sau này, trong chức vụ của mình, Juyliêng phải kiểm tra các bút toán về phí tổn của cuộc khánh lễ đó. Ông đơ la Môlơ, sau khi kiểm cho cháu một địa phận giám mục, đã muốn có một nhà cử dôi với chàng ta, là đảm nhận mọi phí tổn. Riêng một cuộc nghi lễ ở Bre-thượng tốn hết ba nghìn tám trăm quan.

Sau diễn từ của vị giám mục và đáp từ của nhà vua, Hoàng thượng tiến vào dưới long đình, rồi ngai quỳ một cách rất kính tin trên một chiếc gối đệm để cạnh bàn thờ. Cung thánh có những ghế bành bằng gỗ vây quanh, và những ghế đó lại đặt cao hai bậc trên sàn gạch. Juyliêng ngồi ở bậc dưới chân ông Sêlăng, gần giống như một thị thần ngồi hầu cận hồng y giáo chủ, ở giáo đường Xichxtin, ở La-mã*. Có hát bài *Tạ-ân**, có khói hương nghi ngút, có những tiếng nổ liên hồi vô tận của các loạt súng hỏa mai và trọng pháo; các dân quê say sưa vì hạnh phúc và tin mộ. Một ngày như thế đủ phá tan công trình của một trăm số báo Jacôbanh.

Juyliêng ở cách nhà vua sáu bước, ngài thực sự đương cầu nguyện quên mình. Anh nhận thấy, lần đầu tiên một người bé nhỏ, con mắt thông minh, và mặc một bộ áo dài gần như không có thêu thùa gì cả. Nhưng ông ta có đeo một dải xanh màu thanh thiên bên ngoài bộ áo rất giản dị kia. Ông đứng gần nhà vua hơn nhiều vị lãnh chúa khác, mà những bộ áo được thêu kim tuyến chi chít đến nỗi theo câu nói của Juyliêng, người ta không trông thấy

nền dạ đầu nữa. Sau đó một lát, anh được biết đó là ông đơ la Môlo. Anh thấy ông có vẻ kiêu căng và ngạo mạn nữa.

Ông hầu tước này chắc là không được lễ độ như ông giám mục xinh đẹp của anh, anh nghĩ bụng. Chà! nghề tu hành làm cho người ta dịu dàng và hiền minh. Nhưng nhà vua đến để chiêm bái di cốt, mà ta chẳng trông thấy di cốt đâu cả. Thánh Clêmăng ở đâu nhỉ?

Một chú lễ sinh bé nhỏ, ngồi cạnh anh, cho anh biết rằng tấm di cốt đáng tôn kính ở tận trên tầng cao ngôi nhà thờ, trong một *huong đăng điện**.

Thế nào là một hương đăng điện? Juyliêng tự hỏi.

Nhưng anh không muốn hỏi nghĩa cái danh từ đó. Sự chú ý của anh tăng lên gấp bội.

Trong trường hợp có một vị quốc vương tới thăm, nghi lễ định rằng các tu sĩ chức sắc không đi theo đức giám mục. Nhưng khi tiến bước để đi lên hương đăng điện, Đức giám mục địa phận Aedơ gọi cha xứ Sêlăng; Juyliêng đánh liều đi theo.

Sau khi đã leo một cầu thang dài, họ tới một cái cửa hết sức nhỏ, nhưng khung cửa gỗ-tích được thếp vàng lộng lẫy. Công trình đó có vẻ như mới làm hôm trước.

Trước cửa có hai mươi bốn thiếu nữ quỳ gối tụ tập, đó là con cái những gia đình sang trọng nhất ở Verie. Trước khi mở cửa, ông giám mục đến quỳ giữa đám các cô gái kia, cô nào cũng xinh đẹp. Trong khi ngài cao giọng cầu nguyện, các cô có vẻ ngấm ngấm không biết chán những tấm ren đẹp của ngài, vẻ ân ưu của ngài, khuôn mặt rất trẻ và rất dịu dàng của ngài. Cảnh tượng đó làm

cho anh chàng nhà ta mê đặc. Trong giây phút đó, anh có thể đánh nhau để bênh vực pháp đình của tôn giáo, và đánh nhau thành thực. Cửa bỗng mở. Cái điện nhỏ hiện ra sáng rực. Người ta thấy trên bàn thờ có đến hơn một nghìn cây bạch lạp phân ra làm tám hàng cách nhau bằng những bó hoa. Mùi thơm ngào ngạt của hương trầm loại tinh túy nhất, cuộn cuộn bay ra khỏi cửa điện. Điện thờ được thếp vàng mới tinh, tuy rất nhỏ, nhưng rất cao. Juyliêng nhận xét thấy trên bàn thờ có những cây bạch lạp cao hơn mười lăm piê. Các cô thiếu nữ không kìm giữ được một tiếng kêu thán phục. Người ta đã hạn chế chỉ cho hai mươi bốn thiếu nữ, hai ông cha xứ và Juyliêng vào đến khu tiền sảnh nhỏ bé của điện thờ.

Ít lâu sau, nhà vua tới, chỉ có một mình ông đi la Môlô và quan nội thần của nhà vua đi theo hộ giá. Ngay cả những thị vệ cũng ở lại bên ngoài, quỳ gối, và bỗng sững chào.

Hoàng thượng lao mình thì đúng hơn là buông mình vào chiếc ghế cầu nguyện. Mãi đến lúc đó, Juyliêng, nép mình vào cánh cửa thếp vàng, mới trông thấy, qua dưới cánh tay trần của một thiếu nữ, bức tượng xinh đẹp của thánh Clêmăng. Người đứng ẩn dưới bàn thờ, ăn mặc y phục người lính trẻ La-mã. Ở cổ người có một vết thương rộng, hình như máu đang rờn rờn chảy ra. Nhà nghệ sĩ điêu khắc đã thành công vượt tài của mình; đôi mắt người lơ lơ, nhưng đầy vẻ u nhã, lim dim khép lại nửa chừng. Một bộ ria mép lún phún điểm xuyết cái miệng xinh đẹp, tuy đã ngậm nửa vời, nhưng vẫn có vẻ như đang cầu nguyện. Trông thấy thế, cô thiếu nữ bên cạnh

Juyliêng khóc thút thít, một giọt nước mắt của cô rớt xuống bàn tay Juyliêng.

Sau một lát cầu nguyện trong một bầu im lặng tuyệt đối, chỉ bị xáo động bởi những tiếng chuông văng vẳng xa của tất cả các làng xóm ở mười dặm quanh vùng, vị giám mục địa phận Acđơ xin phép nhà vua được nói. Ông đọc một diễn từ ngắn rất cảm động, kết thúc bằng những lời lẽ giản dị, nhưng tác dụng vì thế lại càng thêm chắc chắn.

- Đừng bao giờ quên, hỡi các nữ giáo đồ trẻ tuổi, rằng các con đã được trông thấy một trong những đức vua lớn nhất của trần gian quỳ gối trước mặt những bề tôi của đức Chúa toàn năng và uy vũ. Những bề tôi đó, yếu đuối, bị ngược đãi, bị tàn sát ở trần gian, như các con được trông thấy bởi vết thương còn dầm máu của thánh Clêmăng, nhưng họ chiến thắng ở cõi thiên đường. Có phải không, hỡi các nữ giáo đồ trẻ tuổi, các con sẽ nhớ mãi cái ngày hôm nay chứ? các con sẽ ghét thói vô đạo. Mãi mãi các con sẽ trung thành với đức Chúa rất lớn lao, rất uy vũ, nhưng rất lòng thành.

Nói đến đó, ông giám mục đứng dậy với vẻ uy nghiêm.

- Các con hứa với ta điều đó chứ? ông nói và giơ cánh tay ra như có vẻ được Chúa soi lòng.

- Chúng con xin hứa, các thiếu nữ vừa nói vừa nước mắt chứa chan.

- Ta tiếp nhận lời hứa của các con, nhân danh đức Chúa uy vũ! ông giám mục nói thêm bằng một giọng sang sảng. Và cuộc lễ kết thúc.

Chính nhà vua cũng khóc. Mãi lâu về sau, Juyliêng mới có đủ can đảm để hỏi xem những di cốt của thánh, được gửi từ La-mã cho Philip Nhân từ, quân công đơ Buôgônho*, hiện nay ở đâu. Người ta cho anh biết rằng những di cốt đó được giấu trong bức tượng xinh đẹp bằng sáp kia.

Hoàng thượng rộng lòng cho phép các cô thiếu nữ đã đi theo hộ giá vào điện thờ, được đeo một dải băng đỏ trên có thêu những chữ: THỪ GHÉT THỐI VÔ ĐẠO, THỜ PHỤNG CHÚA ĐỜI ĐỜI.

Ông đơ la Môlơ cho phân phát một vạn chai rượu vang cho dân quê. Buổi tối, ở Verie, phái tự do tìm được một lý do để trưng đèn gấp trăm lần hơn phái bảo hoàng. Trước khi rời gót, nhà vua đến thăm ông đơ Moarô.

CHƯƠNG XIX

SUY NGHĨ LÀM CHO ĐAU KHỔ

*Sự thô lỗ của các sự việc xảy ra hàng ngày
che giấu ta nỗi đau khổ thật của các mối
tình mê đắm.*

BARNAVO

Khi kê lại các đồ đạc trong gian phòng mà ông đơ la Môlơ đã ở, Juyliêng thấy một tờ giấy rất dày, gấp làm tư. Anh đọc thấy ở cuối trang đầu:

Gửi Đại nhân Hầu tước đơ la Môlơ, nguyên lão nghị viên nước Pháp, mong thưởng các huân chương của nhà vua v.v, v.v.

Đó là một lá đơn thỉnh nguyện viết chữ to tướng như chữ một chị đầu bếp.

"THƯA NGÀI HẦU TƯỚC,

"Suốt đời tôi, tôi vẫn có những nguyên tắc tín ngưỡng. Trước kia tôi có ở thành Lyông, bị bom đạn đe dọa, hồi thành bị vây hãm, năm 93*, nhớ đến mà kinh tởm. Tôi chịu mình thánh; chủ nhật nào tôi cũng đi lễ ở nhà thờ giáo khu. Tôi chưa bao giờ thiếu sót bốn phần lễ bá tuần

Phục sinh, ngay cả trong năm 93, nhớ đến mà kinh tởm. Chị đầu bếp của tôi, trước cách mạng tôi vẫn có kẻ hầu người hạ, chị đầu bếp của tôi thứ sáu vẫn ăn khem*. Ở Verie, tôi được mọi người trọng vọng, và tôi dám nói là trọng vọng xứng đáng. Trong các đám rước, tôi đều đi dưới long đình, bên cạnh cha xứ và ông thị trưởng. Trong những dịp long trọng, tôi cầm một cây bạch lạp mua bằng tiền riêng của tôi. Tất cả những điều nói trên đều có chứng từ ở Pari, trong bộ tài chính. Tôi xin Ngài Hầu tước cho tôi được bán vé xổ số ở Verie, chức vụ này sắp khuyết đến nơi bằng cách này hay cách nọ, vì người giữ chức vụ hiện đang ốm nặng, và ngoài ra lại bỏ phiếu nghịch chiều trong các cuộc tuyển cử v.v...

"ĐƠ SÔLANH"

Bên lê lá đơn có một khoảng phụ chú, ký tên *Đơ Moarô*, dòng đầu như thế này:

"Tôi đã có hân hạnh được nói chuyện hôm *koa** về người lương thiện làm đơn này" v.v...

Thế là, ngay cả đến cái thằng đơ Sôlanh ngu ngốc kia, nó cũng vạch cho ta con đường phải noi theo, Juyliêng nghĩ thầm.

Tám ngày sau khi nhà vua qua*** thăm Verie, có cái gì nổi lên trên tất cả vô vàn những chuyện thù ghét, xuyên tạc ngu xuẩn, tranh luận tức cười v.v..., mà đối tượng lần lượt là nhà vua, vị giám mục Acđơ, hầu tước đơ la Môlơ, con số một vạn chai rượu vang, anh chàng đơ Moarô tội nghiệp bị ngã ngựa, chàng ta đến một tháng sau vụ ngã ngựa mới ló mặt ra khỏi nhà, hy vọng được một tấm huân chương, cái gì nổi lên trên tất cả, chính

là sự vô cùng bất nhã đã *cất nhắc* vào đội nghi vệ tên Juyliêng Xoren, thằng con nhà bác thợ xẻ. Cần phải được nghe, về vấn đề này, những công nghệ giàu có chế tạo vài hoa in, vắn sớm chiều khản cổ ở tiệm cà-phê để tuyên truyền sự bình đẳng. Cái bà kiêu kỳ nọ, bà đơ Rênan, là tác giả của cái trò khả ố đó. Vì lẽ gì? cứ trông đôi mắt đẹp và đôi gò má rất tươi tắn của cậu bé thầy tu Xoren cũng thừa hiểu.

Ít lâu sau khi trở về Verie, thằng Xtanixia-Xaviê, đứa con bé nhất, bị sốt; bà đơ Rênan bỗng thấy hối hận kinh khủng. Lần đầu tiên, bà tự trách mỗi tình của bà một cách liên tục; hình như có phép lạ nào làm cho bà hiểu rằng bà đã tự để mình lồi cuồn vào một tội lỗi tày đình. Tuy bản tính rất mực sùng đạo, cho đến lúc này bà vẫn chưa hề nghĩ đến mức độ to lớn của tội nặng của bà trước mắt Chúa.

Xưa nay, ở nhà tu kín Thánh-Tâm, bà đã yêu Chúa với mỗi tình say mê; lúc này đây, bà sợ Chúa cũng như thế. Những cuộc đấu tranh vò xé tâm hồn bà càng khủng khiếp vì chẳng có gì lạ lý lẽ trong mỗi lo sợ của bà. Juyliêng cảm thấy rằng chỉ hơi lý luận một tí cũng đủ khiến bà bực tức, chứ không làm cho bà nguôi đi chút nào; bà thấy trong đó có giọng lưỡi của địa ngục. Nhưng vì chính Juyliêng vốn rất yêu thằng bé Xtanixia, nên anh nói chuyện với bà về chứng bệnh của nó, lại được đặc sách hơn; bệnh của thằng bé chẳng mấy chốc đã có tính cách trầm trọng. Thế là sự hối hận liên tục làm cho bà đơ Rênan mất cả ngủ; bà nhất định ngậm miệng im lìm

một cách dữ dội; nếu bà mở miệng, thì chỉ là để thú tội với Chúa và với người.

- Tôi khẩn thiết van bà, Juyliêng nói với bà, gặp lúc vắng người, bà đừng nói năng gì với ai; xin để cho tôi là kẻ duy nhất được nghe bà giải tỏ mọi nỗi ưu phiền. Nếu bà còn yêu tôi, xin bà đừng tiết lộ: những lời tiết lộ của bà không thể cất con sót cho em Xtanixia của chúng ta được.

Song những lời an ủi của anh không có hiệu quả gì; anh không biết rằng bà đơ Rênan đã định ninh trong đầu óc rằng muốn làm nguôi cơn giận của Chúa ghen hờn, thì phải thù ghét Juyliêng hoặc trông thấy con mình chết. Chính vì bà cảm thấy không thể thù ghét tình lang được nên bà rất đau khổ.

- Anh hãy lánh xa tôi đi, một hôm bà nói với Juyliêng; nhân danh Chúa, anh hãy rời bỏ nhà này: chính sự có mặt của anh ở đây giết chết con tôi.

Chúa trừng phạt tôi, bà hạ giọng nói thêm, Chúa rất công minh; tôi kính thờ sự chí công của Chúa; tội của tôi rất khủng khiếp, mà bấy lâu tôi chẳng biết hối hận chút nào! Đó là dấu hiệu đầu tiên của sự Chúa ruồng bỏ tôi: tôi phải bị trừng phạt gấp hai lần.

Juyliêng vô cùng cảm động. Anh không hề thấy ở những lời lẽ kia có gì là giáo quyệt, là ngoa ngoắt. Nàng nghĩ rằng yêu ta là giết con, vậy mà con người khốn khổ đó lại yêu ta hơn con. Đó là nỗi hối hận nó giết nàng, ta không thể nghi ngờ được; đó là sự cao cả trong tâm tình. Nhưng làm sao ta đã gây được một mối tình sâu

sắc như vậy nhỉ, ta, là kẻ rất nghèo, rất thiếu học vấn, rất dốt nát, đôi khi lại rất thô lỗ trong mọi cách ăn ở?

Một đêm, thằng bé ốm nặng hết sức. Vào khoảng hai giờ sáng, ông đơ Rênan sang thăm nó. Đứa bé, bị cơn sốt giầy vò, đỏ như hòn than và không nhận được ra bố. Bỗng nhiên, bà đơ Rênan phục xuống chân chồng; Juyliêng thấy rằng bà sắp nói hết với chồng và tự hại mình vĩnh viễn.

May sao, cử chỉ lạ lùng kia lại làm cho ông đơ Rênan bực mình.

- Xin chào! xin chào! ông vừa nói vừa đi ra.

- Không, mình hãy nghe tôi nói, bà vợ quỳ trước mặt ông ta mà kêu lên, và cố níu ông lại. Mình hãy nghe tất cả sự thật. Chính tôi giết con tôi. Tôi đã cho nó đời sống và tôi lại cướp lại. Trời trừng phạt tôi; trước mắt của Chúa, tôi phạm tội giết người. Tôi phải tự hại mình, và tự làm nhục mình; có lẽ sự hy sinh đó sẽ làm nguôi lòng Chúa.

Nếu ông đơ Rênan là một người có trí óc, thì ông đã hiểu rõ tất cả.

- Những tư tưởng lãng mạn, ông vừa kêu lên vừa gạt xa bà vợ đương cố ôm lấy đầu gối ông. Tất cả những cái đó chỉ là những tư tưởng lãng mạn! Juyliêng, ông hãy cho gọi thầy thuốc ngay từ lúc mờ sáng nhé!

Và ông trở về đi nằm. Bà đơ Rênan ngã quỵ xuống, gần ngất đi, và run bần bật đẩy Juyliêng ra khi anh định cứu bà hồi tỉnh.

Juyliêng đứng ngẩn người ra.

Thì ra ngoại tình là như vậy! anh nghĩ bụng... Có lẽ nào bọn thầy tu rất gian xảo kia... lại nói đúng sao? Bọn họ phạm biết bao tội lỗi, lẽ nào lại có đặc quyền được biết cái lý thuyết chân chính về tội lỗi? Kỳ quái thật!...

Suốt hai mươi phút đồng hồ từ lúc ông đơ Rênan rút lui, Juyliêng trông thấy người đàn bà mà anh yêu, đầu tựa vào chiếc giường nhỏ bé của đứa trẻ, không nhúc nhích và hầu như mê man bất tỉnh: Đó, một người đàn bà thiên tư ưu việt hơn người, mà đến nỗi cực kỳ đau khổ; vì đã gặp gỡ ta, anh nghĩ thầm.

Giờ phút đi rất nhanh chóng. Ta có thể làm gì được cho nàng? Phải quyết định đi. Đây không phải là chuyện ta nữa. Ta có cần gì thiên hạ với những bộ tịch bỉ ổi của họ? Ta làm gì được cho nàng?... là bỏ nàng ư? Chả hóa ra để mặc nàng một mình bị nỗi đau đớn khủng khiếp nhất giày vò. Cái thằng chồng bù nhìn ấy thì chỉ làm hại nàng thêm chứ chẳng được tích sự gì. Cứ thô bỉ mãi rồi đến nước lão sẽ nói với nàng vài câu cay độc, nàng có thể hóa điên, đâm đầu qua cửa sổ.

Nếu ta để mặc nàng, nếu ta thôi không lưu ý đến nàng nữa, thì nàng sẽ thú thật đầu đuôi với lão. Thế thì biết đâu đấy, mặc dầu món gia tài nàng sẽ đem lại cho lão, có thể lão sẽ làm tóe chuyện ra. Nàng có thể nói hết.

Trời đất ơi! với thằng cha xú mặt I... Maxlông kia, nó lấy có đứa trẻ lên sáu tuổi ốm đau để cứ ở ý trong nhà này, và không phải là không có dụng tâm. Trong cơn đau đớn và trong nỗi sợ Chúa, nàng quên hết những điều được biết về con người; nàng chỉ còn trông thấy nhà tu sĩ.

- Mình đi đi, bà do Rénan bỗng mở choàng mắt nói với anh.

- Tôi sẵn lòng vứt bỏ thân này trăm nghìn lần để được biết cái gì có thể có ích cho mình nhất, Juyliêng trả lời: chưa bao giờ tôi yêu mình bằng bây giờ, hơi thiên thần yêu quý của tôi, hay nói đúng hơn, chỉ từ giây phút này, tôi mới bắt đầu biết yêu quý mình như mình xứng đáng được yêu quý. Tôi sẽ trở nên như thế nào, một khi xa mình, và với ý thức rằng mình khổ sở vì tôi! Nhưng thôi, không nói chuyện những nỗi đau khổ của tôi. Tôi sẽ đi, vâng, mình yêu quý ả. Nhưng, nếu tôi rời bỏ mình, nếu tôi không lưu ý đến mình nữa, không luôn luôn có mặt giữa mình và chồng mình, thì mình nói với ông ấy hết, mình tự hại thân mình. Mình hãy nghĩ rằng ông ấy sẽ đuổi mình ra khỏi nhà một cách ô nhục; tất cả Verie, tất cả Bodăngxông sẽ bàn tán về chuyện âm ỉ đó. Người ta sẽ đổ cho mình tất cả các tội; mình sẽ không bao giờ rửa được cái nhục này...

- Thì chính là tôi cầu mong như vậy, bà kêu lên và đứng thẳng dậy. Tôi sẽ đau khổ, càng hay chứ sao.

- Nhưng, bằng cái chuyện âm ỉ khả ố kia, mình cũng gây nỗi đau khổ cho ông ấy nữa!

- Nhưng tôi tự nhục thân mình, tôi gieo mình vào đồng bùn nhơ; và, có lẽ do đó, tôi cứu được con tôi. Sự nhục nhã kia, trong con mắt của tất cả mọi người, có lẽ là một sự giải tội công khai chẳng? Theo như tâm trí yếu ớt của tôi có thể phán đoán, thì đó chẳng phải là sự hy sinh lớn nhất mà tôi có thể làm được cho Chúa hay sao?... Có lẽ Chúa sẽ rộng lòng thu nhận sự nhục nhã của tôi

240

và để lại cho tôi thằng con của tôi! Mình hãy chỉ cho tôi một sự hy sinh nào khác nặng nề hơn, tôi sẽ chạy đến ngay.

- Hãy để cho tôi tự trừng phạt. Cả tôi nữa, tôi cũng có tội. Mình có muốn cho tôi đi theo dòng khổ hạnh *? Sự khắc khổ của cuộc sống đó có thể làm nguôi vị Chúa của mình... Ôi! trời! ước gì tôi có thể chuộc lấy cho bản thân tôi cái chuyện đau yếu của Xtanixia...

- Chà! mình, mình yêu nó, bà đơ Rênan vừa nói vừa nhòe dãi và ngã vào lòng anh.

Ngay cùng một lúc, bà đẩy anh ra với nỗi hãi hùng.

- Tôi tin lời mình! tôi tin lời mình! bà nói tiếp, sau khi lại quỳ xuống; hỡi người bạn lòng duy nhất của tôi! ôi, tại sao mình lại không phải là bố của thằng Xtanixia! Nếu được thế, thì yêu mình hơn yêu thằng con của mình, sẽ không phải là một tội lỗi hãi hùng.

- Mình có muốn cho phép tôi được ở lại, và từ nay về sau tôi chỉ yêu mình như một đứa em trai? Đó là cách đền tội duy nhất hợp lẽ, nó có thể làm nguôi cơn giận dữ của đấng tối cao.

- Nhưng, còn tôi, bà vừa kêu lên vừa đứng dậy và hai bàn tay ôm lấy đầu Juyliêng, và để xa xa trước mắt, nhưng còn tôi, tôi có sẽ yêu mình như một người em trai không? Tôi có thể nào yêu mình như một người em trai được?

Juyliêng nước mắt chứa chan.

- Tôi sẽ vâng lời, anh vừa nói vừa gục xuống chân bà, tôi sẽ vâng lời mình, dù mình ra lệnh cho tôi thế nào

đi nữa; tôi chỉ còn làm được có thế. Trí óc tôi bị mù quáng; tôi không trông thấy bề nào để quyết định. Nếu tôi rời bỏ mình, mình sẽ nói hết với chồng, mình tự hại mình và hại luôn cả ông ấy nữa. Không bao giờ, sau chuyện dơ dáy đó, ông ấy lại còn có thể được bổ nhiệm làm nghị sĩ nữa. Nếu tôi ở lại, mình sẽ cho rằng tôi là nguyên nhân cái chết của con mình, và mình sẽ chết vì đau đớn. Mình có đồng ý thử để tôi ra đi, xem có tác dụng thế nào không? Nếu mình đồng ý; tôi sẽ tự trừng phạt cái lỗi của chúng ta bằng cách xa mình trong tám ngày. Tám ngày đó, tôi sẽ ẩn náu ở nơi nào tùy ý mình. Ở tu viện Bre-thuơng, chẳng hạn; nhưng mình hãy thể với tôi là trong thời gian tôi vắng mặt, mình không thú thực điều gì với chồng cả. Mình hãy nghĩ rằng tôi sẽ không thể nào trở lại được nếu mình nói hở ra.

Bà hứa hẹn, anh ra đi, nhưng mới được hai ngày lại bị gọi về.

- Không có mình, tôi không thể nào giữ được lời thề. Tôi sẽ nói với nhà tôi, nếu không có mình luôn luôn ở đây để đưa mắt ra lệnh cho tôi phải nín lặng. Mỗi giờ của cuộc sống đáng ghét này, tôi thấy dài như một ngày đằng đẳng.

Sau cùng, trời thương hại người mẹ khổ sở ấy. Dần dần Xtanixia qua khỏi cơn nguy. Nhưng băng giá đã tan rồi, lý trí của bà đã hiểu biết tầm rộng lớn của tội lỗi; bà không sao lấy lại thế thăng bằng được nữa. Những niềm hối hận còn lại, và trong một trái tim thành thực như vậy, nó tác động như thế nào, ta cũng thừa hiểu. Cuộc sống của bà là thiên đường và địa ngục; địa ngục

khi bà không thấy mặt Juyliêng, thiên đường khi bà ở dưới chân anh. Tôi không còn có một chút ảo tưởng nào nữa, bà nói với anh, ngay cả trong những lúc bà dám mặc sức yêu đương: tôi bị sa đọa, sa đọa không dung thứ. Mình còn trẻ tuổi, mình đã xiêu lòng vì những vẻ quyến rũ của tôi, trời có thể tha thứ cho mình được; nhưng tôi thì tôi bị sa đọa. Tôi biết, vì thấy một dấu hiệu chắc chắn. Tôi sợ: ai mà không sợ trước cảnh tượng địa ngục? Nhưng trong thâm tâm, tôi không hối hận. Tôi sẽ tái phạm cái lỗi của tôi nếu vẫn còn có cơ để mà phạm lỗi. Miễn là trời chó trừng phạt tôi ngay ở thế gian này và chó nhằm vào những đứa con của tôi, là tôi được quá điều ước vọng. Nhưng mình, ít ra, Juyliêng của tôi ơi, bà kêu lên trong những lúc khác, mình có được sung sướng không? Mình có thấy yêu mình được như mình mong muốn không?

Juyliêng vốn cần nhất một mối tình yêu có hy sinh, nên lòng đa nghi và tính kiêu ngạo bị thương tổn của anh không tài nào đứng vững được trước cảnh tượng một sự hy sinh lớn lao đến thế, rõ ràng chắc chắn đến thế và được thi thố từng giây từng phút. Anh yêu quý bà dơ Rênan. Mặc dầu nàng là quý tộc, và ta là con một anh thợ, nàng yêu ta... Đối với nàng, ta không phải là một tên hầu phòng đảm nhiệm chức vụ tình nhân. Nỗi lo ngại đó gạt đi rồi, Juyliêng sa vào tất cả các trạng huống điên cuồng của tình yêu, trong những niềm hoang mang ngờ vực chết người của nó.

- Ít ra, bà kêu lên khi thấy những nỗi ngờ vực của anh về tình yêu của bà, hãy để tôi làm cho mình được

thật sung sướng trong những ngày ngắn ngủi chúng ta còn được sống cùng nhau! Ta hãy mau lên; ngày mai có lẽ tôi không còn là của mình nữa. Nếu trời nhằm lũ con tôi mà trừng phạt tôi, thì dù tôi có tìm cách chỉ sống để yêu mình, không trông thấy rằng chính tội ác của tôi đã giết chúng nó, thì cũng không được. Sau tai họa ấy, thì tôi còn sống làm sao được. Dù có muốn cũng không thể được, tôi sẽ phát điên mất.

- Chao ôi*! ước gì tôi có thể chuốc lấy cho tôi phần tội lỗi của mình, cũng như mình đã tự nguyện rất hào hiệp chuốc lấy bệnh sốt dữ dằn của thằng Xtanixia!

Cuộc khủng hoảng tinh thần lớn đó biến đổi tính chất mối tình gắn bó Juyliêng với tình nhân. Tình yêu của anh không phải chỉ là lòng cảm thán về sắc đẹp của bà, lòng kiêu hãnh được chiếm hữu bà như trước nữa.

Hạnh phúc của họ từ nay có một tính chất siêu việt hơn, ngọn lửa nung nấu họ nồng nhiệt hơn. Họ có những cơn nồng nàn đầy điên cuồng. Nếu thiên hạ trông vào chắc thấy hạnh phúc của họ có vẻ lớn hơn. Nhưng họ không còn thấy lại cái thanh thần khoáng trá, cái lạc thú không bận mấy, cái hạnh phúc để dài buổi đầu cuộc tình duyên của họ, khi mối lo sợ duy nhất của bà đơ Rênan là không được Juyliêng yêu như lòng mong ước. Hạnh phúc của họ bây giờ đôi khi có nét mặt của tội ác.

Trong những lúc sung sướng nhất và bề ngoài có vẻ yên lặng nhất: - Ôi! lạy Chúa tôi! tôi trông thấy địa ngục, bà đơ Rênan bỗng nhiên kêu lên, và siết chặt tay Juyliêng mà run lên bần bật. Những cực hình khủng khiếp quá!

tôi thật đã đáng tội. Bà ôm ghì lấy anh, bám chặt lấy anh như dây leo trường xuân bám lấy bức tường.

Juyliêng cố gắng để làm cho tâm hồn náo động kia được bình tĩnh, nhưng vô hiệu. Bà cầm lấy bàn tay anh mà hôn chi chút. Rồi, lại rơi vào một cuộc mơ tưởng ảm đạm: Địa ngục, bà nói, nếu được xuống địa ngục thì còn là một ân điển đối với tôi; tôi sẽ còn được ít ngày sống với chàng trên cõi trần, nhưng địa ngục ở ngay trần gian này, cái chết của lũ con của tôi... Nhưng trả bằng cái giá ấy thì có lẽ tội ác của tôi sẽ được tha thứ cho tôi. Ôi! lạy Chúa tôi! đừng xá tội cho tôi với cái giá đó. Những đứa trẻ tội nghiệp kia không hề xúc phạm Chúa; tôi đây, tôi đây, chỉ mình tôi là kẻ có tội; tôi yêu một người đàn ông không phải là chồng.

Sau đó Juyliêng thấy bà đo Rênan đã có được những lúc bề ngoài có vẻ yên tĩnh. Bà tìm cách cố gắng chịu đựng, bà không muốn đầu độc cuộc sống của những người bà yêu.

Giữa những cuộc đắp đổi tình yêu, hối hận và khoái lạc đó, ngày tháng đối với họ đi qua nhanh như chớp. Juyliêng mất thói quen suy nghĩ.

Chị Êlida đi theo một vụ kiện nhỏ của chị ở Verie. Chị thấy ông Valonô rất tức giận Juyliêng. Chị vốn căm thù anh chàng gia sư, và luôn luôn nói chuyện về anh với ông ta.

- Thưa ông, nếu cháu nói thật thì ông sẽ làm hại cháu mất thôi! có một hôm chị nói với ông Valonô. Tất cả các ông chủ đều thỏa thuận với nhau về những chuyện

quan trọng. Có những chuyện phát giác không bao giờ người ta tha thứ cho bọn đầy tớ khốn khổ.

Sau những câu lấy lệ đó, mà ông Valonô nóng ruột tò mò khéo tìm được một cách rút ngắn đi, ông được chị ta mách cho biết những điều hết sức cay đắng nhục nhã cho lòng tự ái của ông.

Người đàn bà kia, sang trọng nhất địa phương, trong sáu năm trời ông đã xun xoe sẵn đón, và khốn thay tất cả mọi người đều biết rõ chuyện đó; người đàn bà rất kiêu hãnh kia, mà thái độ lạnh nhạt làm cao đã nhiều phen khiến ông bẽ bàng đỏ mặt, người đó vừa mới lấy một thằng nhãi thợ thuyền giả dạng gia sư làm tình nhân. Và để cho nỗi hờn tủi của ông giám đốc viện tế bần không còn thiếu nước gì nữa, bà đo Rênan lại yêu quý gã tình nhân đó.

- Và, chị hầu phòng thờ dài nói thêm, ông Juyliêng lại không phải mất công để chinh phục; đối với bà cháu, ông ta vẫn giữ nguyên vẻ lạnh lùng như thường.

Phải về thôn quê, chị Éliida mới biết chắc chắn, nhưng chị cho rằng mối tình giảng gió này bắt đầu đã từ lâu rồi.

- Chắc hẳn chính vì thế, chị nói thêm với vẻ giận hờn, mà lúc trước ông ta đã từ chối cháu. Mà cháu, thật là ngu ngốc, cháu lại đi hỏi ý kiến bà đo Rênan, đi nhờ bà nói với ông gia sư hộ.

Ngay chiều hôm đó, ông đo Rênan nhận được từ trên phố gửi về, cùng với tờ nhật báo của ông, một bức thư nặc danh dài mách cho ông biết rất tỉ mỉ chi tiết những chuyện xảy ra ở nhà ông. Juyliêng thấy ông tái mặt khi đọc bức thư đó viết trên giấy màu xanh nhạt, và đưa mắt

nhìn anh có vẻ hung ác. Suốt buổi tối, ông thị trưởng không hết con xao xuyến, Juyliêng cố vượt ve ông bằng cách hỏi ông giảng giải cho về dòng dõi những thế gia vọng tộc của xứ Buôcgônho, nhưng hoài công vô ích.

CHƯƠNG XX

NHỮNG THƯ NẶC DANH

*Do not give daillance
Too much the rein:
the sitrongest oaths are straw
To the fire is the blood.*

TEMPEST*.

Khi rời phòng khách vào quăng nửa đêm, Juyliêng tranh thủ nói với tình nhân:

- Đêm nay chúng mình đừng sang với nhau, ông ấy có ý nghi ngờ đấy; tôi đoán chắc rằng bức thư to tướng mà ông ấy vừa đọc vừa thở dài kia, là một cái thư nặc danh.

Cũng may mà Juyliêng khóa trái cửa buồng ngủ. Bà đơ Rênan có ý nghĩ điên cuồng cho rằng lời dặn đề phòng kia chỉ là một cái cớ để anh lánh mặt bà. Bà hoàn toàn mê muội, và đến giờ thường lệ sang gõ cửa buồng anh. Juyliêng nghe thấy có tiếng động ngoài hành lang vội tắt phụt ngay đèn đi. Người ta cố gắng để mở cửa buồng anh; có phải bà đơ Rênan, hay là ông chồng ghen?

Tờ mờ sáng hôm sau, chị đầu bếp, vẫn che chở cho Juyliêng xưa nay, đưa đến cho anh một quyển sách, trên bìa anh đọc thấy mấy chữ viết bằng tiếng Ý: *Guardate alla pagina 130**.

Juyliêng rung mình thấy sự khinh suất đó, anh tìm trang một trăm ba mươi và thấy gài bằng kim găm bức thư sau đây, viết vội vàng, nhòe nhoẹt những nước mắt và chẳng có chính tả chính tiếc gì cả. Bình thường thì bà đơ Rênan vẫn viết rất đúng phép chính tả, nên anh thấy chi tiết đó lấy làm cảm động và quên bót nỗi khinh suất kinh người.

"Mình đã có ý không muốn tiếp tôi đêm nay ư? Có những lúc tôi thấy như chưa bao giờ nhìn được vào tận đáy lòng mình. Những khóe mắt của mình làm cho tôi kinh hãi. Tôi sợ mình. Trời đất ơi! hay là mình chưa hề yêu tôi bao giờ? Nếu vậy, tôi mong chồng tôi cứ phát hiện những chuyện yêu đương của chúng ta, và giam tôi vào một nhà ngục chung thân, ở chốn quê mùa, xa đàn con của tôi. Có lẽ đó là ý muốn của Chúa. Chẳng bao lâu tôi sẽ chết. Nhưng mình sẽ là một kẻ vô cùng tàn ác.

"Mình không yêu tôi ư? hay mình đã chán những nỗi cuồng si của tôi, những nỗi hối hận của tôi, hờ con người vô đạo? Mình muốn giết tôi ư? để tôi hiến cho mình một phương sách dễ dàng nhé. Đây, hãy đem cái thư này đưa cho tất cả Verie xem, hay là chỉ việc đưa cho một mình ông Valonô xem thôi cũng được rồi. Bảo cho ông ấy biết rằng tôi yêu mình, à không, đừng nói một lời phạm thượng như vậy, hãy bảo với ông ta rằng tôi tôn thờ mình, rằng đối với tôi cuộc sống chỉ bắt đầu từ cái ngày tôi gặp mình;

rằng trong những phút điên cuồng nhất của thời trẻ, tôi cũng chưa hề bao giờ dám mơ tưởng cái hạnh phúc mà nhờ mình tôi đã được có; rằng tôi đã hy sinh cho mình cuộc đời tôi, rằng tôi đương hy sinh cho mình tâm hồn tôi. Mình cũng biết rằng tôi hy sinh cho mình còn nhiều hơn thế nữa.

"Nhưng con người ấy, thì có biết thế nào là hy sinh? Hãy bảo hắn, hãy bảo hắn, để cho hắn tức giận, rằng tôi bất chấp tất cả mọi kẻ độc ác, và ở đời chỉ còn có mỗi một điều đau khổ cho tôi, là thấy thay lòng đổi dạ con người duy nhất làm cho tôi còn bầu víu vào cuộc sống. Đối với tôi còn sung sướng gì bằng vứt bỏ cuộc sống đó đem dâng nó làm của lễ hy sinh, và không còn phải lo sợ gì cho lũ con của tôi nữa!

"Không còn phải ngờ vực gì, bạn yêu quý ơi, nếu có một bức thư nặc danh, thì đúng là của cái kẻ khả ố kia, trong sáu năm trời, hắn đã theo đuổi tôi bằng cái giọng oang oang của hắn, bằng chuyện kể những cuộc nhảy ngựa của hắn, bằng thái độ huênh hoang tự đắc, và không lúc nào ngớt kể lể tất cả những ưu điểm của hắn.

"Có thư nặc danh không đã? hỡi con người độc ác, đó chính là điều tôi vẫn định thảo luận với mình; nhưng thôi, mình làm thế là phải. Nếu ôm mình trong tay, có lẽ là lần cuối cùng, thì không bao giờ tôi có thể thảo luận lạnh lùng được như khi tôi một mình một bóng. Từ lúc này mà đi, hạnh phúc của chúng ta sẽ chẳng dễ dàng nữa rồi. Ông có cho điều đó là một sự thất ý không nhỉ? Vâng, nhưng ngày mà ông không nhận được một quyển sách nào lý thú của ông Fukê gửi về. Việc hy sinh đã

trót rồi, ngày mai, dù có thư nặc danh hay không, tôi cũng sẽ nói với chồng tôi rằng tôi có nhận được một bức thư nặc danh, và cần phải bác ngay cho mình một cái cầu bằng vàng, tìm một lý do nào xuôi tai, và ngay tức khắc trả lại mình về với gia đình của mình.

"Than ôi! bạn quý ạ, chúng ta sắp phải xa cách nhau mười lăm ngày, một tháng không chừng! Nghĩa là, tôi cũng phải công nhận cho mình, là mình sẽ đau khổ chẳng kém gì tôi. Nhưng, chỉ có cái cách duy nhất đó để ngăn ngừa tác dụng của bức thư nặc danh kia thôi; không phải là bức thư đầu tiên chồng tôi nhận được đâu, mà lại thư nói về tôi nữa chứ. Than ôi! hồi trước tôi cứ cười những bức thư đó mãi!

"Tất cả cách xử sự của tôi, chỉ có mục đích làm cho chồng tôi nghĩ rằng bức thư kia là của ông Valonô! tôi tin chắc là chính ông ta viết. Nếu mình rời khỏi nhà này, thế nào mình cũng phải về ở Verie đấy nhé. Tôi sẽ tìm cách làm cho nhà tôi nảy ra ý kiến về ở Verie mười lăm ngày, để chúng tỏ cho những đứa ngu rằng giữa ông ấy với tôi không có chuyện gì mất mẻ. Một khi về Verie, mình hãy làm thân với tất cả mọi người, cả với phái tự do nữa. Tôi biết rằng các bà ấy sẽ tìm chuốc mình cho bằng được.

"Đừng có giận dữ với ông Valonô, đừng có cắt tai hắn, như mình nói hôm nào đó; trái lại, hãy niềm nở với hắn. Điều chủ yếu là phải làm cho ở Verie người ta tưởng rằng mình sắp làm ở nhà ông Valonô, hay bất cứ nhà ai khác cũng được, để dạy trẻ.

"Đó là điều mà không đời nào chồng tôi chịu. Ví thử ông ấy có đành chịu đi nữa, thì ít ra mình cũng sẽ ở Verie, và tôi còn được thỉnh thoảng gặp mặt mình. Nhưng đứa con của tôi, chúng mến yêu mình lắm, chúng sẽ tới thăm mình. Lay chúa! tôi cảm thấy rằng tôi yêu các con tôi hơn lên vì chúng mến yêu mình. Hối hận quá! tất cả chuyện này rồi sẽ kết liễu ra sao?... Đầu óc tôi hoang mang rối loạn... Thôi, mình đã hiểu mình phải xử sự như thế nào rồi; mình hãy dịu dàng, lễ độ, đừng ra mặt khinh bỉ đối với những nhân vật thô鄙 kia, tôi quỳ gối van xin mình; họ sẽ là những kẻ đứng làm tài phán cho số phận của chúng mình đấy. Đừng một giây phút nào ngờ vực điều này, là chồng tôi sẽ đối xử với mình đúng theo chỉ thị của *du luận công chúng*.

"Chính mình sẽ cung cấp cho tôi bức thư nặc danh đó; mình hãy sử dụng tính kiên nhẫn và một cái kéo. Mình cắt ở trong một quyển sách in những chữ mà mình sẽ đọc dưới đây; rồi đem dán những chữ đó bằng cồn dán, lên một tờ giấy xanh nhạt mà tôi gửi cho mình đây; đó là giấy của ông Valonô gửi cho tôi đấy. Hãy để phòng một cuộc khám xét ở buồng mình; đốt hết những trang còn lại của quyển sách mà mình đã cắt xén. Nếu mình không tìm được những tiếng có sẵn, thì chịu khó chấp từng chữ cái một cho thành những tiếng đó. Để cho mình đỡ vất vả, tôi đã viết bức thư nặc danh quá ngắn. Than ôi! nếu mình không yêu tôi nữa, lòng tôi lo sợ như vậy, thì mình sẽ thấy bức thư này của tôi quá dài!"

THƯ NẶC DANH

"THUA BÀ,

"Tất cả những mưu mô vặt của bà, không ai còn lạ gì; mà những người có lợi ích phải đập tan những mưu mô đó, thì họ đã được biết để đề phòng rồi. Do một chút tình bạn còn lại đối với bà, tôi khuyên bà nên cắt đứt hoàn toàn với cậu bé nhà quê đó đi. Nếu bà đủ khôn ngoan sáng suốt để làm việc đó, thì chồng bà sẽ tin rằng lời mách bảo mà ông đã nhận được kia, là đánh lừa ông, và người ta sẽ cứ để yên cho ông bị lừa. Bà nên nghĩ rằng tôi nắm được chuyện kín của bà; hãy run sợ đi, con người khốn khổ; lúc này bà phải *đi thẳng đường* trước mặt tôi."

"Khi nào mình đã dán xong những tiếng chấp lại với nhau thành bức thư kia (mình có nhận thấy trong đó cách nói năng của ông giám đốc không?), thì mình đi ra ngoài nhà, tôi sẽ gặp mình.

"Tôi sẽ đi ra xóm làng, và trở về với một bộ mặt rối loạn, vả chăng thực sự tôi sẽ rối loạn lắm chứ chẳng không. Trời đất! tôi cũng đánh liều quá đấy, và cũng chỉ vì mình đã *doán chừng* là có một bức thư nặc danh. Thế là, với một bộ mặt thác loạn, tôi sẽ đưa cho nhà tôi bức thư kia, nói rằng có một kẻ lạ mặt đưa tôi. Còn mình, mình hãy đi dạo chơi với lũ trẻ trên con đường đi lên những cánh rừng lớn, và đến giờ ăn bữa chiều hãy trở về.

"Đứng trên những ghềnh đá cao, mình có thể trông thấy cái chòi của chuồng chim bồ câu. Nếu công việc xuôi xòa, thì tôi sẽ treo trên đó một chiếc mù-soa trắng; nếu không, thì sẽ không treo gì cả.

"Trái tim của mình, hồi kẻ bạc tình, có lẽ làm cho mình kiếm được cách nào đó để nói với tôi rằng mình yêu tôi, trước khi ra đi dạo chơi không? Dù chuyện xảy ra thế nào chẳng nữa, thì mình cũng cứ tin chắc một điều này: tôi sẽ không sống thêm được một ngày nào nếu chúng mình phải xa nhau vĩnh viễn. Chao ôi! mẹ bất hiền! Tôi vừa viết ra đó ba tiếng hão huyền, Juyliêng yêu quý ạ. Tay viết mà lòng không cảm thấy; lúc này tôi chỉ có thể nghĩ đến mình, tôi viết những tiếng đó ra chẳng qua để mình khỏi chê trách đấy thôi. bây giờ tôi thấy đến lúc phải mất mình rồi, còn giấu giếm nhau làm gì nữa? Vâng! dù mình có cho tâm hồn tôi là tàn khốc, tôi cũng đành chịu, miễn là tôi không nói dối với người mà tôi yêu quý tôn thờ! Trong đời tôi, tôi lừa dối đã quá nhiều rồi. Thôi, tôi tha thứ cho mình nếu mình không yêu tôi nữa. Tôi không có thì giờ đọc lại bức thư này. Đối với mắt tôi, dù đem tính mạng để trả giá những ngày hạnh phúc mà tôi vừa được sống trong cánh tay mình, cũng chưa có nghĩa lý gì. Mình biết rằng tôi sẽ còn phải trả đắt hơn thế nhiều."

CHƯƠNG XXI

ĐỐI THOẠI VỚI MỘT VỊ CHÚA TỂ

*Alas, our frailty is the cause, not we:
For such as we are made of, such we be.*
TWELETH NIGHT*.

Trong một tiếng đồng hồ, Juyliêng loay hoay chấp chữ với một nỗi thích thú của trẻ thơ. Khi anh ở buồng riêng đi ra, anh gặp bọn học trò của anh với mẹ chúng; bà đón lấy bức thư với một vẻ giận dì và gan dạ bình tĩnh làm cho anh phát sợ.

- Còn dán đã thật khô chưa? bà hỏi anh.

Có phải đó là người đàn bà mà niềm hối hận làm cho quá đổi điên cuồng đó không? anh nghĩ bụng. Lúc này bà đương dự định những gì? Anh kiêu hãnh quá nên không muốn hỏi bà: nhưng, có lẽ chưa bao giờ anh ưa thích bà hơn lúc này.

- Nếu chuyện này xoay chiều bất lợi, bà nói thêm với vẻ bình tĩnh như cũ, thì người ta sẽ lột hết của tôi mọi thứ. Ông hãy chôn cái vật tàng trữ này vào một xó nào trong núi; một ngày kia, có lẽ đó sẽ là phương kế duy nhất của tôi.

Bà đưa cho anh một cái hộp đựng cốc, bằng da dê thuộc màu đỏ, chứa đầy vàng và mấy hạt kim cương.

- Bây giờ thì ông đi đi, bà nói với anh.

Bà ôm hôn những đứa con, và hôn hai lần đứa nhỏ nhất. Juyliêng đứng yên lặng. Bà ngoắt đi rảo bước và không nhìn anh.

Từ lúc mở xem bức thư nặc danh, đời sống của ông đơ Rênan thật đã kinh khủng. Chưa có lần nào ông rối loạn đến thế, kể từ cuộc quyết đấu mà ông suýt nữa thì làm phải, hồi 1816, và, phải công nhận cho ông rằng khi đó cái viễn tượng bị trúng một viên đạn không đến nỗi làm cho ông khổ sở như bây giờ. Ông xem xét bức thư đủ các khía cạnh: Đây có phải là nét chữ đàn bà nào đã viết bức thư này? Ông điểm lại tất cả các phụ nữ mà ông quen biết ở Verie, nhưng không quyết đoán được là ai. Có lẽ là một người đàn ông đã đọc cho người ta viết chẳng? người đàn ông đó là ai? Về điểm này, cũng vẫn hồ đồ như thế; ông bị phần đông những người đàn ông mà ông quen biết ghen ghét và chắc là thù ghét nữa. Mình phải hỏi ý kiến vợ mình mới được, ông tự nhủ theo thói quen, và đứng dậy khỏi chiếc ghế bành mà ông đương ngồi chết dí ở đó.

Vừa đứng lên xong, ông lại vỗ trán tự hỏi: - Trời đất ơi! thì chính là ta phải nghi kỵ vợ ta nhất; trong lúc này, hấn là kẻ thù của ta. Và ông rung rung nước mắt phần nộ.

Do cái luật thừa trừ công bằng đối với sự khô khan tình cảm nó là tất cả sự khôn ngoan thực tiễn ở tỉnh lẻ, hai người đàn ông mà trong lúc này ông đơ Rênan lo ngại nhất, lại là hai người bạn thân thiết nhất của ông.

Sau hai người đó, có lẽ ta có đến một chục bạn thân, và ông điếm qua một lượt, và đánh giá lần lượt cái mức độ an ủi mà ông có thể trông chờ ở từng người. Tất cả chúng nó! tất cả chúng nó! ông điên cuồng kêu lên, đều sẽ lấy làm cực kỳ thích thú về chuyện kinh khủng của ta. Cũng may, ông tự cho là bị người ta ghen tị lắm, mà cũng không phải là không có lý do. Ngoài ngôi nhà trắng lệ của ông ở trên phố, mà nhà vua nước*** vừa mới nghỉ chân một đêm làm nên tiếng thơm muôn thuở, ông lại đã sửa sang rất đẹp lâu đài của ông ở Vergy. Mặt ngoài sơn màu trắng, và các cửa sổ đều có cánh cửa xanh lá cây rất đẹp. Ông được an ủi giây phút vì nghĩ đến cái vẻ huy hoàng của nó. Thực tế là tòa lâu đài đó, ở cách xa hàng ba bốn dặm cũng trông thấy, làm lu mờ tất cả các biệt thự hay các nhà gọi là lâu đài ở lân cận, mà người ta cứ để nguyên màu xám lem nhem do thời gian đem lại.

Ông đo Rênan có thể trông cậy vào những giọt nước mắt và lòng thương xót của một người bạn thân, làm chức giáo khu lý sự*; nhưng đó là một anh chàng ngu xuẩn, bạ cái gì cũng khóc được! Nhưng người đó là nơi trông cậy duy nhất của ông.

Còn nỗi đau khổ nào so sánh được với nỗi đau khổ của ta! Ông điên cuồng kêu lên; lẽ loi cô quạnh biết chừng nào!

Có lẽ nào! con người thực đáng thương đó tự nhủ, có lẽ nào khi gặp điều bất hạnh, ta không có lấy một người bạn thân nào để mà xin lời khuyên bảo! vì trí khôn của ta thác loạn mất rồi, ta cảm thấy thế! Ôi! Fancô! ôi Dycrô! ông kêu lên với bao nỗi cay đắng. Đó là tên hai

người bạn thân ngày nhỏ mà ông đã làm cho phải xa ông vì thái độ lên mặt lên mày của ông hồi 1814. Họ không phải là quý phái, và ông đã quyết thay đổi cái giọng bình đẳng nó là cơ sở trong sinh hoạt giữa họ với ông từ thuở còn thơ ấu.

Một trong hai người đó, Fancô, con người trí tuệ và tâm huyết, làm nghề buôn giấy ở Verie, có mua một cái nhà in ở tỉnh ly về và ra một tờ báo. Thành hội đã quyết định làm cho ông ta phá sản: tờ báo của ông ta bị kết án, giấy phép nhà in của ông ta bị thu hồi. Trong những trường hợp đáng buồn đó, ông ta cố gắng viết thư cho ông đơ Rênan lần thứ nhất từ mười năm nay. Ông thị trưởng Verie thấy cần phải trả lời ra dáng người công minh chính trực, thiết diện vô tư: "Nếu ông bộ trưởng của nhà vua hạ cố hỏi ý kiến tôi, tôi sẽ nói rằng: Xin ngài cứ làm phá sản tất cả các nhà in tỉnh lẻ, và đặt nghề in thành độc quyền cũng như thuốc lá vậy". Bức thư gửi bạn chí thân đó, lúc đương thời tất cả Verie đều tán phục, nay ông đơ Rênan nhớ lại từng lời lẽ mà lấy làm rùng rợn. Ai dám bảo rằng với thân danh ta, sản nghiệp ta, danh vọng ta như thế này, mà ta lại có ngày phải hối tiếc chuyện đó? Ông thao thức cả một đêm dài kinh khủng, trong bao cơn giận dữ, lúc thì giận thân mình, lúc thì giận tất cả mọi thứ chung quanh; nhưng may sao, ông không hề có ý nghĩ rình vợ.

Ta đã quen sống với Luyđơ rồi, ông tự nhủ, hẳn biết tất cả mọi công việc của ta; cho dầu ta được tự do lấy vợ khác ngay ngày mai, ta cũng không tìm đâu ra người thay thế được hẳn. Thế là, ông xuôi chiều nghĩ rằng vợ

ông là vô tội; cái lối nhìn đó không đặt ông vào cái thế cần thiết phải tỏ ra có tính tình cương nghị và như thế tiện việc cho ông hơn nhiều; ở đời có biết bao nhiêu đàn bà và bị vu cáo, ta chả đã từng thấy đó sao!

Nhưng thế nào! ông bỗng nhiên kêu lên và bước đi bằng một bước chân run bần bật, ta lại chịu giống như một thằng đàn ông không ra gì, một đứa hạ tiện, để cho nó cười ta với tình nhân của nó sao! Có nên để cho tất cả Verie nhạo báng sự nhu nhược của ta không? Thiên hạ còn thiếu điều gì mà không nói về lão Sacmiê (đó là một anh chồng mọc sừng nổi tiếng ở địa phương)? Khi nói đến tên lão, mọi người chả tùm tùm cười là gì? Lão là tay trượng sư giỏi, nhưng có bao giờ ai thèm nói đến tài hùng biện của lão? Chao ôi! Sacmiê! người ta vẫn nói, lão Sacmiê của Becna *, người ta gọi lão như vậy bằng tên của cái thằng làm nên sự ô nhục của lão.

Nhờ ơn trời, ông đỡ Rênan tự nhủ trong những lúc khác, ta không có con gái, và cái cách ta sắp trừng trị người mẹ sẽ không làm hại gì đến sự tiến thân lập nghiệp của những đứa con của ta; ta có thể bắt quả tang thằng bé nhà quê kia với vợ ta, ta giết chết cả hai đứa; trong trường hợp đó, sự bi thảm của câu chuyện có lẽ sẽ làm cho nó mất tính cách đáng cười. Ý nghĩa đó, ông lấy làm thú vị; ông đi theo nó trong tất cả mọi chi tiết. Bộ Hình luật bênh vực ta, và, dù xảy ra thế nào thì thánh hội của chúng ta và các bạn hữu của ta trong đoàn hội thẩm cũng sẽ cứu ta. Ông ngắm nghía con dao đi săn của ông, dao sắc lắm; nhưng ý nghĩ đến máu làm ông sợ.

Ta có thể đánh cho thằng gia sư lão xược kia một trận đòn nên thân và tống cổ nó đi, nhưng chuyện sẽ ầm ĩ ở Verie và cả trong toàn tỉnh nữa! Sau khi tờ báo của Fancô bị kết án, lúc tên chủ bút ra khỏi tù, ta đã góp phần làm cho hắn mất việc làm lương bổng sáu trăm quan. Nghe nói cái thằng cha viết lách lằng nhằng đó lại dám ló mặt ở Bodăngxông, nó có thể châm chọc ta một cách khôn khéo, làm cho không thể nào đưa nó ra tòa được. Đưa nó ra tòa!... Cái thằng lão xược đó sẽ có nghìn cách nói bóng gió rằng nó đã nói đúng sự thực. Một người có dòng dõi, giữ được địa vị xứng đáng như ta, thì tất cả bọn dân hèn chúng nó đều thù ghét. Họ sẽ nói đến ta trong những tờ báo gớm ghiếc ở Pari kia; Trời ơi! nguy hại thay! trông thấy cái tên họ đơ Rênan cự tộc bị chìm xuống bùn đen của sự chê cười... Rồi ra ta có đi đây đi đó, lại phải thay tên đổi họ; thế nào! rồi bỏ cái tên họ nó làm cho ta vẻ vang và thế lực, khốn khổ đến thế là cùng!

Nếu ta không giết vợ ta, mà lại làm cho sỉ nhục rồi đuổi đi, thì nó có bà cô ở Bodăngxông, bà ta sẽ đem tất cả gia tài mà sang tay cho nó. Vợ ta sẽ lên ở Pari với thằng Juyliêng; ở Verie rồi thế nào người ta cũng biết, và ta sẽ bị coi là thằng mắc lôm. Bấy giờ người đàn ông khổ sở đó thấy là trời bắt đầu rạng sáng, vì ánh đèn nhạt đi. Ông ta đi ra ngoài vườn hóng một tí gió mát. Trong giây phút đó, ông gần như quyết ý không làm chuyện om sòm, nhất là do ý nghĩ rằng một vụ om sòm sẽ làm cho các bạn tốt của ông ta ở Verie mừng rơn.

Cuộc đi dạo ở ngoài vườn làm cho ông ta hơi nguôi. Không, ông ta kêu lên, ta sẽ không là vợ ta, hẳn có ích cho ta nhiều quá. Ông ta rùng rợn hình dung cảnh nhà cửa của ông ta nếu không có bà vợ; kể bà con họ hàng, thì ông ta chỉ có mỗi bà hầu tước đo R..., già nua, ngu xuẩn, và độc ác.

Ông chợt nảy ra một ý kiến rất khôn ngoan, nhưng sự thực hiện đòi hỏi một sức cương nghị lớn hơn rất nhiều so với cái tí chút cương nghị của con người khốn khổ đó. Nếu ta giữ vợ lại, ông nghĩ bụng, thì ta còn lạ gì cái tính khí của ta, trong một lúc nào đó hẳn làm ta nóng tiết lên, ta sẽ đem cái lỗi của hẳn ra mà nhiếc móc. Hẳn vốn kiêu hãnh, hai vợ chồng sẽ giận nhau, và tất cả những cái đó sẽ xảy ra trước khi hẳn được kế thừa của bà cô. Bấy giờ thiên hạ sẽ chế nhạo ta đến thế nào! Vợ ta yêu lũ con, cuối cùng là bao nhiêu cũng sẽ về phần chúng nó hết. Còn ta, ta sẽ làm trò cười của Verie. Thế nào, họ sẽ nói, ngay đến báo thù vợ mà ông ta cũng không làm nổi? Thế thì, thà cứ nghi ngờ suông thôi và đừng thẩm tra gì cả có lẽ còn hơn chẳng? Như vậy là ta đành chịu bó tay, sau này không còn trách tội gì hẳn được nữa.

Một lát sau, ông đo Rênan lại bị lòng sĩ diện tổn thương trĩu dậy, ông chịu khó nhớ lại tất cả các phương sách được kể ra ở phòng chơi bi-a của *Cadinô** hay *Quý tộc hội sảnh* ở Verie, khi một gã bẻm mép dùng cuộc chơi để vui đùa chế giễu một anh chồng mọc sừng. Trong lúc này, ông thấy những câu đùa cợt kia cay độc không biết chừng nào!

- Trời! giá mà vợ mình chết đi nhỉ! như vậy mình sẽ không bị ai cười nổi. Giá mà mình được góa vợ! mình sẽ lên Pari ở chơi sáu tháng trong những xã hội lịch sự nhất. Sau giây phút sung sướng do nghĩ đến chuyện góa vợ, đầu óc ông ta trở lại những phương sách tìm cho ra sự thật chắc chắn. Hay là đến nửa đêm, sau khi mọi người đã đi ngủ cả rồi, ông ta sẽ rắc một lớp cám thật mỏng trước cửa buồng Juyliêng; sáng hôm sau, khi trời đã rạng, ông ta sẽ thấy những vết chân in.

Nhưng phương sách đó không dùng được, ông bỗng kêu lên điên cuồng, con ranh con Êlida nó sẽ trông thấy, và cả nhà sẽ biết ngay là ta ghen mất.

Trong một câu chuyện kể khác ở *Cadinô*, một anh chồng đã tìm biết chắc chắn chuyện bất hạnh của mình bằng cách lấy một tí sáp dính một sợi tóc như kiểu niêm phong vào cửa buồng vợ và cửa buồng tên đi bộm.

Sau bao nhiêu giờ phân vân hồ đồ, ông cho cái phương sách soi tỏ số phận đó nhất định là hơn cả, và ông đương nghĩ đến chuyện sử dụng nó, thì ở chỗ ngoặt trên đường đi, ông bỗng gặp một người đàn bà mà ông đã mong cho chết đi.

Bà từ lối xóm về. Bà đã đi nghe lễ giảng ở nhà thờ Vergy. Một truyền thuyết rất mơ hồ đối với con mắt của nhà triết lý lãnh tỉnh, nhưng bà đem lòng tin, cho rằng ngôi nhà thờ bé nhỏ ngày nay người ta đương dùng làm nơi lễ báo công cộng, vốn xưa kia là cái tiểu giáo đường trong lâu đài của vị lãnh chúa ở Vergy. Ý nghĩ đó ám ảnh bà dơ Rênan suốt thời gian bà định ở lại cầu nguyện trong nhà thờ. Luôn luôn bà hình dung thấy chồng bà

giết Juyliêng trong cuộc đi săn, như một tai nạn rủi ro, rồi đến chiều tối cho bà ăn tim của chàng*.

Số phận của ta, bà nghĩ bụng, là tùy theo ông ấy sắp nghĩ thế nào đây khi nghe ta nói. Sau khoảng mười lăm phút đồng hồ quyết định số kiếp này, có lẽ ta sẽ không tìm được dịp nào nói chuyện với ông ấy nữa. Ông ấy không phải là con người hiểu biết sáng suốt và có lý trí hướng dẫn. Nếu được như thế thì ta có thể nhờ ở lý trí yếu ớt của ta, dự đoán trước là ông ấy sẽ làm gì hoặc sẽ nói gì. Ông ấy sẽ định đoạt số phận chung của chúng ta, ông ấy có quyền. Nhưng số phận ấy cũng là do sự khéo léo của ta, do cái tài của ta biết điều khiển ý nghĩ của con người đầu óc thất thường kia, cứ giận dữ lên là dâm mù quáng, cái gì cũng chỉ trông thấy có nửa phần. Trời đất ơi! ta cần phải có tài trí, có gan dạ, biết lấy đâu ra?

Bà tìm lại được sự bình tĩnh, như nhờ phép kỳ diệu, khi bước vào khu vườn và trông thấy chồng từ xa. Đầu tóc và áo quần xộc xệch của ông báo hiệu rằng cả đêm qua ông không ngủ.

Bà đưa cho ông một bức thư đã bóc nhưng gấp lại. Ông ta, không mở ra xem, nhìn vợ với con mắt điên cuồng.

- Đây là một cái trò ghê tởm, bà nói với ông, mà một người đàn ông mặt mũi bất lương, nói rằng quen ông và chịu ơn của ông, hấn vừa mới đưa cho tôi lúc tôi đi qua đằng sau khu vườn nhà ông chuồng khế. Tôi yêu cầu ông một điều, là ông phải đuổi về với gia đình hấn, và ngay lập tức, cái nhà ông Juyliêng kia. Bà đơ Rênan vội vàng

thốt câu đó ra, có lẽ hơi quá sớm, để giữ bỏ cái viễn tượng kinh khủng sẽ phải nói câu đó.

Bà vui mừng khi trông thấy vẻ vui mừng mà bà gây được cho ông chồng. Thấy mắt ông đăm đăm nhìn bà, bà hiểu ngay là Juyliêng đã đoán trúng. Đáng lẽ đau khổ vì cái tai họa rất là thực sự kia, bà lại nghĩ thầm: biết bao tài trí, biết bao mẫn tiệp! và ở một chàng thanh niên còn chưa có tí kinh nghiệm nào! Về sau này, có cái gì mà chàng lại không đạt tới? Than ôi! khi đó thì những thành công của chàng sẽ khiến chàng quên ta mất.

Ý nghĩ thán phục nho nhỏ đó đối với người bà tôn thờ, làm cho bà hoàn toàn hết rối loạn.

Bà lấy làm đắc chí về hành vi của mình. Ta không đến nỗi không xứng đáng với Juyliêng, bà nghĩ bụng với một niềm khoái cảm êm đềm và thầm kín.

Không nói nửa lời, sợ tự ràng buộc, ông đờ Rênan ngấm nghĩa bức thư nặc danh thứ hai, nếu bạn đọc còn nhớ, ghép bằng những chữ in dán lên một tờ giấy xanh phon phốt. Họ khinh thường ta đủ mọi cách, ông đờ Rênan mệt bã người, tự nhủ thầm.

Lại phải xem xét những lời thóa mạ mới, mà vẫn chỉ vì vợ ta! Suýt nữa thì ông văng ra với bà những câu lăng nhục thô bỉ nhất, cái viễn tượng thừa kế gia tài Bodăngxông chỉ thiếu chút nữa là không kìm hãm nổi ông. Bị hết sức ngứa ngáy cứ phải trút nỗi tức giận lên một cái gì, ông vò nhàu tờ giấy của bức thư nặc danh thứ hai kia và rào cẳng bước đi, vì ông cần phải lánh xa vợ. Ít lâu sau, ông trở lại với bà, và bình tĩnh hơn.

- Phải quyết định một bề và đuổi Juyliêng đi, bà vợ nói ngay với ông; xét cho cùng thì hẳn chỉ là một đứa con nhà thợ thuyền. Ông sẽ bồi thường cho hẳn vài ê-quy, vả lại hẳn có học thức rộng và sẽ tìm công ăn việc làm dễ dàng, chẳng hạn ở nhà ông Valonô hay ông quận trưởng đơ Môgirông gì đó, họ có lũ con cả đấy. Như vậy là ông chẳng làm gì thiệt hại cho hẳn cả...

- Bà nói đó, thật là lời lẽ một kẻ ngu xuẩn, ông đơ Rênan kêu lên bằng một giọng dữ dội. Đàn bà thì chả có thể mong gì hiểu biết lẽ phải được! Không bao giờ chịu để ý đến những điều có lý; làm thế nào mà có thể hiểu biết được cái gì? uể oải, biếng nhác chỉ được cái nghề đi săn bướm bướm là nhanh lắm. Đàn bà là những sinh vật yếu ớt mà bọn đàn ông thật là vô phúc phải có trong gia đình!...

Bà đơ Rênan cứ để ông nói, và ông nói lâu lắm: ông nói cho hả giận, như câu thành ngữ của địa phương.

- Ông ạ, mãi sau bà mới trả lời, tôi nói đó, là lời lẽ một người đàn bà bị xúc phạm đến danh dự, nghĩa là đến cái quý báu nhất của mình.

Bà đơ Rênan giữ được một vẻ bình tĩnh không xuy xuyển trong suốt cuộc đàm thoại nặng nề, nó có tác dụng quyết định khả năng còn được sống chung dưới một mái nhà với Juyliêng. Bà tìm kiếm những ý kiến mà bà cho là có hiệu lực hơn cả để hướng dẫn sự tức giận mù quáng của chồng. Bao nhiêu lời lẽ lằng nhục mà ông nói với bà, bà đều trơ trơ không chút tránh lòng, bà không nghe, khi đó bà nghĩ đến Juyliêng. Anh có sẽ hài lòng về ta không?

- Thằng bé nhà quê đó, mà chúng ta sẵn sóc ân cần, lại nay quạ mai cáp, rất có thể hấn vô tội, cuối cùng bà nói, nhưng dù sao thì hấn cũng là đầu mối của cái việc lần đầu tiên tôi bị xúc phạm... Thưa ông! khi tôi đọc tờ giấy ghê tởm này, tôi đã tự hứa với tôi rằng một là hấn, hai là tôi sẽ ra khỏi nhà này.

- Bà muốn làm nên chuyện âm ỉ để bôi nhọ tôi và cả bà nữa sao? Bà làm cho khối kẻ ở Verie này được mát lòng mát dạ đấy.

- Quả vậy, thiên hạ thường vẫn ghen ghét cái cảnh thịnh vượng của ông, của gia đình ông và của thành phố, nhờ tài cai trị khôn ngoan sáng suốt của ông... Thế thì để tôi khuyên Juyliêng xin ông cho nghỉ phép đi chơi một tháng, đến nhà anh chàng buôn gỗ trên núi, bạn thân xứng hợp với anh thợ thuyền bé mọn đó.

- Bà đừng có làm gì cả, ông đơ Rênan trả lời với một vẻ khá điềm tĩnh. Điều mà tôi đòi hỏi trước hết, là bà không được nói năng gì với hấn. Kẻo bà lại đem cái trò cáu giận vào, và làm cho tôi bất hòa với hấn, bà cũng biết là cái anh chàng bé con ấy đáo để lắm.

- Anh chàng trẻ tuổi ấy chẳng có ý tứ tí nào, bà đơ Rênan, anh ta có thể có học thức rộng, cái đó thì ông biết đánh giá đúng rồi, nhưng xét cho cùng vẫn chỉ là một anh nhà quê đặc. Về phần tôi, tôi không bao giờ có cảm tưởng tốt về hấn từ khi hấn khước từ không lấy con Êlida, thật là một món tài sản chắc chắn; mà chỉ vì cái có là thỉnh thoảng con bé hay thì thọt đến nhà ông Valonô.

- A! ông đơ Rênan nói, đôi lông mày dươn lên một cách quá quắt, thế nào, Juyliêng nó nói với bà như thế à?

- Không phải rành mạch là như thế; anh ta vẫn nói với tôi về thiên hướng kêu gọi anh theo thánh chức; nhưng xin nói thật, cái thiên hướng hàng đầu đối với những hạng người bé mọn đó, là có bánh ăn. Anh ta có nói bóng gió cho tôi hiểu khá rõ rằng không phải là anh không biết những cuộc thì thọt đó.

- Thế mà tôi, tôi vẫn không biết! ông đor Rênan kêu lên, lại dùng dùng nổi giận, và nói dần từng tiếng. Ở nhà tôi có những chuyện xảy ra mà tôi không biết... Thế nào! có chuyện gì giữa con Êlida với lão Valonô à?

- Thì! chuyện từ đời xưa đời xưa ấy mà, mình ơi, bà đor Rênan vừa nói vừa cười, và có lẽ cũng chẳng có xảy ra điều gì bậy đâu. Ấy là từ cái hồi mà ông bạn hiền Valonô của mình chỉ mong sao cho thiên hạ ở Verie nghĩ rằng giữa ông ta với tôi có một mối tơ tình hoàn toàn cao thượng.

- Cũng đã có lần tôi có ý nghĩ đó, ông đor Rênan vừa kêu lên vừa vỗ trán giận dữ và đi từ chuyện phát hiện này đến chuyện phát hiện nọ, thế mà bà chẳng nói gì với tôi cả.

- Chẳng lẽ làm cho hai người bạn thân phải bất hòa với nhau, chỉ vì một tí chút hiếu thắng của ông giám đốc quý mến của chúng ta? Đối với người đàn bà nào của xã hội thượng lưu mà ông ta chả gửi vài bức thư cực kỳ dí dỏm và cũng hơi lẳng lơ đôi chút?

- Có lẽ hẳn cũng có viết cho bà chứ?

- Viết nhiều lắm.

- Bà đưa ngay lập tức những thư từ đó cho tôi xem, tôi ra lệnh đấy; và ông đơ Rênan vênh váo cái mặt lên.

- Tôi chịu thôi, bà trả lời ông với một vẻ dịu dàng gần như đi đến chỗ uể oải, một ngày kia tôi sẽ đưa ông xem, khi nào ông thuần nết hơn.

- Ngay lập tức, mẹ kiếp! ông đơ Rênan kêu lên, ông tức giận đến mê người, nhưng trong lòng sung sướng hơn tất cả mười hai tiếng đồng hồ vừa qua.

- Ông có cam đoan với tôi, bà đơ Rênan nói rất nghiêm trang, là không bao giờ sinh chuyện với ông giám đốc viện tế bản về những bức thư đó không?

- Sinh chuyện hay không sinh chuyện, tôi có thể triệt của hẳn cái khoản trẻ con vô thừa nhận; nhưng, ông thịnh nộ nói tiếp, hãy đưa ngay những bức thư kia đây; hiện để đâu.

- Trong một ngăn kéo bàn giấy của tôi; nhưng cố nhiên, tôi không đưa chìa khóa cho ông đâu.

- Để tôi không phá vỡ được nó ra đấy, ông vừa kêu lên vừa chạy lên buồng của vợ.

Quả nhiên, ông lấy một cái cọc sắt nhọn, phá vỡ cái bàn giấy quý giá bằng gỗ đào hoa tâm có vân lát xoắn, gửi mua từ Pari đem về, mà trước đây ông vẫn luôn luôn lấy vạt áo mà lau, khi ông tưởng chừng như thấy có một vết bẩn nào.

Bà đơ Rênan đã chạy thoăn thoắt leo hết một trăm hai mươi bậc thang lên chuồng chim bồ câu; bà buộc một góc chiếc mù-soa trắng vào một dóng sắt của khung cửa sổ nhỏ. Lúc này bà là người đàn bà sung sướng nhất.

Nước mắt lưng tròng, bà nhìn về phía những cánh rừng lớn trên núi. Bà nghĩ bụng, chắc hẳn dưới một cây dẻ gai um tùm kia, Juyliêng đương rình cái tín hiệu tốt lành này. Bà lắng tai hồi lâu, rồi bà thâm oán tiếng ve kêu ra rả và tiếng chim hót véo von. Không có tiếng động phiền nhiễu đó, thì có lẽ từ đây có thể nghe thấy một tiếng kêu vui mừng, phát ra từ những ghềnh đá lớn kia chẳng. Con mắt hau háu của bà nhìn ngầu nghiêng cái núi dốc mênh mông bát ngát màu lá cây xanh thắm và phẳng phiu như một cánh đồng cỏ, do các ngọn cây hình thành nên. Sao chàng lại không có trí thông minh, bà tự nghĩ mà lòng chứa chan tình âu yếm, nghĩ ra một tín hiệu nào đó để bảo cho ta biết rằng chàng sung sướng cũng bằng ta nhỉ? Mãi đến lúc sợ chồng lên tìm, bà mới rời chuồng chim đi xuống.

Bà thấy ông đương tức giận điên cuồng. Ông đọc hồi hải những câu văn vô hại của ông Valonô, thường chẳng ai thèm đọc với nhiều xúc động đến thế.

Tóm lấy một giây phút mà những tiếng kêu la của chồng còn để cho bà len được một vài câu:

- Tôi vẫn trở lại ý kiến của tôi, bà đơ Rênan nói, nên để cho Juyliêng đi chơi vắng một chuyến. Dù anh ta có giỏi la-tinh đến mấy đi nữa, thì xét cho cùng anh ta cũng chỉ là một anh nhà quê nhiều khi thô lỗ và thiếu ý tứ; hằng ngày, tưởng thế là có lễ độ, anh ta vẫn tán tụng tôi bằng những câu ngoa ngoắt và kịch côm, học thuộc lòng ở một cuốn tiểu thuyết nào đó...

- Hẳn có đọc tiểu thuyết bao giờ đâu, ông đơ Rênan kêu lên; tôi đã điều tra kỹ. Bà tưởng tôi là một ông chủ

nhà mù quáng, không biết gì những chuyện xảy ra ở nhà mình sao?

- Thế thì, những câu tán tụng lối bịch kia, nếu anh ta không đọc được ở đâu, thì là anh ta tự nghĩ ra, như vậy lại càng tệ hại hơn. Có thể là anh ta đã nói về tôi bằng cái giọng ấy ở khắp Verie;... và, chả cần phải đi xa thế, bà đơ Rênan nói có vẻ như phát hiện được một điều gì, có lẽ anh ta đã nói như vậy trước mặt Êlida, thế thì cũng chẳng khác gì nói trước mặt ông Valonô.

- Chà! ông đơ Rênan vừa kêu lên vừa đâm một cái như trời giáng xuống mặt bàn làm rung chuyển cả bàn lẫn gian nhà, bức thư nặc danh in và các bức thư của thằng Valonô cùng viết bằng một thứ giấy.

Thế là xong!..., bà đơ Rênan nghĩ bụng; bà làm ra vẻ thất kinh về sự khám phá kia, và không có can đảm nói thêm nửa lời, bà đi ra ngồi đằng xa trên một tấm đi vắng, tận cuối phòng khách.

Cuộc chiến đấu thắng hẳn rồi; bà còn phải vất vả để can ngăn ông đơ Rênan đừng đi chất vấn con người cho là tác giả bức thư nặc danh.

- Sao ông lại không thấy rằng không có bằng chứng đầy đủ mà đi gây chuyện với ông Valonô là một điều đại thất sách? ông bị người ta ghen ghét, thua ông, là lỗi tại ai? lỗi ở tài năng của ông: cách cai trị khôn ngoan của ông, những lớp nhà xây dựng rất đẹp mắt của ông, món hồi môn mà tôi đã đem về cho ông, và nhất là món gia tài mà chúng ta có thể hy vọng ở bà cô phúc hậu của tôi, món gia tài mà người ta cứ quan trọng hóa lên rất

nhiều, tất cả những cái đó đã làm cho ông là nhân vật hàng đầu ở Verie đấy.

- Bà còn quên dòng dõi nữa, ông đơ Rênan vừa nói vừa hơi nhếch mép tủm tỉm.

- Ông là một trong những nhà quý tộc cao sang nhất xứ, bà đơ Rênan vội trả lời; nếu nhà vua được tự do định đoạt và có thể chiếu cố một cách thích đáng đến dòng dõi, thì chắc chắn là ông sẽ được dự hàng nguyên lão nghị viên, v.v. Ở vào một cái thế huy hoàng như vậy, mà ông lại định cung cấp cho những kẻ ghen ghét một sự việc để chúng được kịp bàn tán hay sao?

Chất vấn ông Valonô về bức thư nặc danh của ông ta, khác nào tuyên bố trong khắp Verie, chẳng những thế mà cả trong Bodăngxông, trong toàn xứ, rằng cái lão tiểu thị dân đó, được đưa, có lẽ là khinh suất, vào cuộc thân giao với *một ông đơ Rênan*, đã tìm được cách xúc phạm ông. Dù cho những bức thư mà ông vừa vớ được kia, có chúng tỏ rằng tôi đã đáp lại tình yêu của ông Valonô chẳng nữa, thì ông phải giết tôi, và tôi sẽ đáng tội trăm lần, nhưng không nên tỏ ra giận dữ với ông ta. Ông thử nghĩ xem, tất cả hàng xóm láng giềng quanh ông chỉ chờ đợi có một duyên cớ để trả thù cái nỗi ông hơn họ; ông thử nghĩ xem, năm 1816 ông đã góp phần vào một số vụ bắt bớ. Cái người trốn tránh trên mái nhà đạo trước*...

- Tôi nghĩ rằng bà chẳng nể nang, chẳng thương yêu gì tôi cả, ông đơ Rênan kêu lên với tất cả nỗi niềm cay đắng mà cái kỷ niệm kia đánh thức dậy, và tôi chưa phải là nguyên lão nghị viên!...

- Mình ạ, bà đơ Rênan mỉm cười trả lời, tôi nghĩ rằng tôi sẽ giàu hơn mình, tôi làm bạn với mình đã được mười hai năm nay, với những danh nghĩa đó, tôi phải có quyền có ý kiến, nhất là trong câu chuyện ngày hôm nay. Nếu mình coi một anh chàng Juyliêng hơn tôi, bà nói thêm với một vẻ hờn dỗi ra mặt, thì tôi sẵn sàng lên ở nhà bà cô tôi cả một vụ mùa đông.

Câu đó được nói ra một cách *khôn khéo*. Nó có một vẻ cương nghị cổ lồng vào giọng lễ độ; nó quyết định được ông đơ Rênan. Nhưng, theo thói quen của tỉnh lẻ, ông còn nói một thôi một hồi nữa, lại trở lại tất cả những lý lẽ trước; bà vợ cứ để ông nói, trong giọng của ông hãy còn có nộ khí. Cuối cùng, hai tiếng đồng hồ nói lảm nhảm vô ích làm kiệt sức một con người đã chịu đựng một cơn giận dữ kéo dài cả một đêm. Ông bèn ấn định đường lối xử sự của ông đối với ông Valonô, Juyliêng và cả Êlida nữa.

Một đôi lần, suốt trong cái lớp trò lớn đó, bà đơ Rênan đã gần như có đôi chút cảm thông với nỗi đau khổ rất hiện thực của người đàn ông kia, đã mười hai năm trời làm bạn với bà. Song, những mối tình say đắm thực sự vẫn ích kỷ. Vả lại, bà vẫn nom nớp chờ đợi lời thú thực về bức thư nặc danh mà ông nhận được hôm qua, mà không thấy ông nói gì. Muốn được an toàn hẳn, bà đơ Rênan còn cần biết những ý nghĩa mà người ta đã có thể gọi cho con người định đoạt số phận của bà. Vì, ở tỉnh lẻ, những ông chồng vẫn làm chủ dư luận. Một người chồng mà đi kêu ca thì bị người ta chê cười, cái điều này ở Pháp mỗi ngày một bớt nguy hiểm; nhưng người vợ,

nếu chồng không cho tiền, sẽ rơi vào thân phận đi làm công mỗi ngày mười lăm xu*, lại thêm nỗi những người hiền lành e ngại không dám mượn họ.

Một nàng cung phi có thể bắt buộc phải yêu tên bạo chúa; hắn có quyền lực tuyệt đối, nàng chả có một tí hy vọng gì thoát được uy quyền của hắn bằng một chuỗi những mưu trí vặt. Sự báo thù của vị chúa tể thật là khủng khiếp, đẫm máu, nhưng quân sự, hào hùng, chỉ một nhát dao là xong hết. Ở thế kỷ XIX, một người chồng giết vợ bằng sự khinh bỉ của thiên hạ; y chỉ việc làm cho các phòng khách đóng cửa không tiếp con người đó.

Ý nghĩ về nỗi nguy hiểm được đánh thức dậy mạnh mẽ ở bà dơ Rênan, khi bà trở về buồn riêng: bà lấy làm khó chịu thấy lung tung lộn xộn cả. Tất cả các ổ khóa của những cái tráp nhỏ của bà đều bị phá vỡ; nhiều tấm gỗ lát sàn bị lật lên. Ví thử có làm sao, chắc là ông ấy đối với bản thân ta cũng sẽ tàn nhẫn chẳng chút thương tình, bà tự nhủ! Phá hại như thế kia cái sàn gỗ màu, mà ông ấy vẫn rất yêu thích; khi một thằng con đi giày ướt bước vào đó, là ông ấy giận dữ đỏ mặt tía tai. Bây giờ bị hư hại không còn chữa gì được nữa! Cái cảnh tượng thô bạo phũ phàng đó gạt xa rất mau những lời tự trách cuối cùng của bà về nỗi đã thắng trận quá nhanh chóng.

Gần sát lúc chuông điểm bữa ăn chiều, Juyliêng trở về với lũ trẻ. Đến lúc ăn tráng miệng, khi bọn người nhà đã rút lui cả, bà dơ Rênan nói với anh bằng một giọng hết sức lạnh nhạt:

- Ông có ngỏ ý với tôi muốn về chơi Verie mười lăm ngày, ông dơ Rênan vui lòng cho ông được nghỉ phép. Ông

có thể đi lúc nào tùy ý. Nhưng, để cho lũ trẻ không mất phí thì giờ, mỗi ngày chúng tôi sẽ gửi bài dịch của chúng cho ông, để ông chữa.

- Cố nhiên, ông đơ Rênan nói thêm bằng một giọng rất gay gắt, tôi sẽ không cho ông nghỉ quá một tuần lễ.

Juyliêng thấy trên nét mặt ông có nỗi lo âu của một con người hết sức bần khoản bứt rứt.

- Ông ấy vẫn chưa quyết được một bề nào, anh nói với tình nhân, trong một giây lát vắng người ở phòng khách.

Bà đơ Rênan kể nhanh cho anh nghe tất cả công việc của bà từ sáng sớm.

- Đêm nay, sẽ kể chi tiết, bà vừa cười vừa nói thêm.

Tính gian tà của đàn bà! Juyliêng nghĩ thầm. Họ lừa dối đàn ông chúng mình một cách thật là thích chí, thật là bản năng!

- Tôi thấy bà vừa được soi sáng lại vừa bị mù quáng vì tình yêu, anh nói với bà bằng một vẻ hơi lạnh lẽo: cách xử sự của bà hôm nay thật đáng phục; nhưng đêm nay lại tìm cách gặp nhau thì có thật là thận trọng không? Nhà này đầy đầy những kẻ thù; bà hãy nghĩ đến mối căm thù kịch liệt của Êlida đối với tôi.

- Mối căm thù đó giống hệt sự thờ ơ nhiệt liệt mà có lẽ ông biểu lộ đối với tôi thì phải.

- Dù là thờ ơ, tôi cũng phải cứu bà khỏi con nguy mà tôi đã đẩy bà vào. Nếu tình cờ ông đơ Rênan nói chuyện với Êlida, chị ta có thể chỉ một câu là cho ông

ấy biết. Có lý nào ông ấy lại không ấn nấp gần buồng tôi, vô khí đầy đủ...

- Thế nào! đến can đảm cũng không có nữa! bà đợ Rênan nói, với tất cả vẻ ngạo nghễ của một gái quý tộc.

- Tôi không bao giờ thềm nói đến can đảm của tôi. Juyliêng nói một cách lạnh lùng, đó là một việc hèn hạ. Xin thiên hạ cứ xét đoán theo sự việc. Nhưng, anh cầm lấy bàn tay bà nói thêm, bà không biết rằng tôi thiết tha với bà biết chừng nào, và tôi vui sướng biết bao khi được chào từ biệt bà trước cuộc xa cách đau lòng này.

CHƯƠNG XXII

NHỮNG CUNG CÁCH NĂM 1830

*Lời nói được ban cho con người là để giấu
giếm ý nghĩ*

ĐỨC CHA MALAGRIDA *.

Vừa tới Verie, Juyliêng đã tự trách mình bất công đối với bà đỡ Rênan. Ví thử, vì nhu nhược, bà ta đã thất bại trong cái lớp trò với ông đỡ Rênan, thì chắc là ta đã khinh bà ta như một kẻ nữ nhi hèn kém! Nhưng bà ta đã thành công khôn khéo như một tay chính khách, thì ta lại thông cảm với kẻ chiến bại, là kẻ thù của ta. Trong thái độ của ta có sự nhỏ nhen của anh trưởng giả; lòng tự ái của ta bị xúc phạm, vì lẽ ông đỡ Rênan là một bạn nam nhi! cái tập thể trứ danh và rộng lớn mà ta có vinh dự được có chân trong đó; ta chỉ là một thằng ngu đại.

Ông Sêlăng đã từ chối các ngụ sở mà những người thuộc phái tự do có danh vọng nhất địa phương tranh nhau hiến cho ông, khi sự bãi chức khiến ông phải rời khỏi nhà xứ. Hai gian buồng mà ông đã thuê, bẽ bộn ngổn ngang những sách vở của ông. Muốn tỏ cho mọi

người ở Verie biết thế nào là một tu sĩ, Juyliêng về nhà bố lấy một tá những tấm ván gỗ thông, dính thân anh vác trên lưng đi suốt dọc phố lớn. Anh mượn đồ lễ của một anh bạn cũ, và cả mấy chốc đã đóng thành một thứ tủ sách, để xếp các sách vở của ông Sêlăng.

- Tôi cứ tưởng anh đã bị thói phù hoa của thế gian làm cho hư hỏng rồi, ông cụ già vừa nói vừa rỏ nước mắt vui sướng; thế này là chuộc hết cái trò trẻ con của bộ đồng phục lộng lẫy đội viên nghị vệ, nó đã làm cho anh bị bao nhiêu người thù ghét.

Ông đơ Rênan đã ra lệnh cho Juyliêng phải ở nhà ông, không có ai ngờ tí gì những việc đã xảy ra. Ngày thứ ba sau khi anh tới, Juyliêng thấy có một nhân vật quan trọng lên tận buồng anh, hóa ra là ông quận trưởng đơ Môgirông. Mãi sau hai tiếng đồng hồ rờn rã nói những chuyện suông nhạt phèo và than thở náo nùng về sự độc ác của con người, về sự thiếu liêm khiết của những kẻ giữ chức vụ quản lý công khổ, về những nguy cơ của nước Pháp đáng thương, v.v..., cuối cùng Juyliêng mới thấy lộ ra chủ đề của cuộc đến thăm. Khi đó chủ khách đã ra đến vỉa cầu thang và chàng gia sư khốn khổ bị nửa phần thất sủng, dương tiền chân với sự kính cẩn đúng mức ông tỉnh trưởng tương lai của một tỉnh sung sướng nào đó, thì ông này hạ cố săn sóc đến số phận của Juyliêng, khen ngợi sự từ tốn của anh về những việc tài lợi v.v... Sau cùng, ông đơ Môgirông ôm choàng lấy anh với một vẻ hết sức ân cần, đề nghị anh rời bỏ ông đơ Rênan và vào làm ở nhà một vị quan lại có những đứa con cần được *giáo huấn*, và vị đó, cũng giống như vua Philip, sẽ cảm ơn

trời, không phải chỉ vì đã cho ông những đứa con đó, mà còn vì đã cho chúng được đản sinh gần bóng ông Juyliêng. Gia sư của chúng sẽ được hưởng tám trăm quan tiền lương, không phải là trả từng tháng một, như thế không được sang trọng, ông đơ Môgirông nói, nhưng từng một phần tư một, và bao giờ cũng trả trước.

Bây giờ đến lượt Juyliêng, từ một tiếng rười đồng hồ, vẫn ngán ngẩm chờ được nói. Lời đáp của anh thật hoàn toàn, và nhất là dài dòng như một bản huấn dụ*; nó để cho người ta hiểu đủ mọi cách, nhưng nó không nói cái gì rõ ràng cả. Có thể người ta thấy trong đó vừa có sự kính trọng đối với ông đơ Rênan, sự tôn kính đối với công chúng ở Verie, và sự biết ơn đối với ông quận trưởng trú danh. Ông quận trưởng, ngạc nhiên thấy có kẻ giáo quyết hơn mình, cố tìm cách có được một câu trả lời rành mạch, nhưng vô hiệu. Juyliêng khoái trá tóm lấy dịp để tập luyện, và trả lời bắt đầu lại bằng những lời lẽ khác. Chưa bao giờ có một ông bộ trưởng hùng biện nào, muốn kéo dài cho tiêu hết buổi họp trong đó Nghị viện có vẻ muốn thức tỉnh dậy, mà nói được nhiều lời hơn để diễn đạt ít ý hơn. Ông đơ Môgirông vừa ra khỏi, thì Juyliêng phá lên cười như một thằng điên. Nhân cái đà giáo hoạt của anh, anh liền viết cho ông đơ Rênan một bức thư dài chín trang giấy trong đó anh thuật lại cho ông tất cả những điều người ta đã nói với anh, và kính cẩn xin ông chỉ giáo cho. Nhưng cái thằng dê tiện kia vẫn chưa cho ta biết tên cái người mời ta! Có lẽ là lão Valonô đây, hẳn cho rằng ta đi lãnh mặt ở Verie, là do hiệu quả bức thư nặc danh của hắn.

Thư gửi đi rồi, Juyliêng, hài lòng như một người đi săn, lúc sáu giờ sáng, một ngày đẹp trời, bước vào một cánh đồng có rất nhiều chim muông, anh bèn ra đi để thỉnh giáo ông Sêlăng. Nhưng trước khi tới nhà ông cụ cha xứ, trời xanh muốn dành cho anh những thú vui, nên dẫn ngay ông Valonô đến dưới bước chân anh, anh liền giải bày với ông ta nỗi lòng bị vò xé của anh; một chàng trai khốn khổ như anh phải dốc lòng theo thiên hướng mà trời đã gieo vào trái tim mình, nhưng ở thế gian này, không phải chỉ có thiên hướng là đủ. Muốn làm việc một cách xứng đáng cho vườn nho của Chúa, và không đến nỗi hoàn toàn không xứng đáng với biết bao người cộng sự thông thái, thì phải có học vấn; phải qua học ở chủng viện ở Bodăngxông hai năm rất tốn kém; vì vậy nên cần thiết phải để dành để dụm, mà với một số lương bổng tám trăm quan trả từng phần tư một, thì dành dụm để dành hơn nhiều so với đồng lương sáu trăm quan tháng nào ăn tháng ấy. Một mặt khác, khi trời đặt anh vào bên cạnh những cậu bé đơ Rênan, và nhất là khi trời xui khiến anh có một mối tình quyến luyến đặc biệt với chúng, há chẳng phải là trời có ý muốn dẫn dụ anh rằng không nên bỏ công việc giáo dục này để theo việc giáo dục khác đó sao?...

Juyliêng đạt tới một mức độ hoàn hảo trong các loại hùng biện đó, nó đã thay thế cho sự hành động nhanh chóng của thời để chế, đến nỗi cuối cùng chính anh cũng phát chán cả âm thanh của những lời lẽ của mình.

Khi trở về đến nhà, anh thấy một tên hầu của ông Valonô mặc đại chế phục, đương đi tìm anh khắp thành phố, với một giấy mời dự tiệc ngay hôm đó.

Chưa bao giờ Juyliêng đến nhà con người đó; chỉ mới cách đó mấy ngày về trước, anh còn lăm lăm nghĩ đến cách nào cho hẳn một trận đòn mà không đến nỗi mắc một vụ án tiểu hình. Tuy rằng bữa tiệc đã được chỉ rõ là vào hồi một giờ, Juyliêng từ mười hai giờ rưỡi đã đến bái yết ông giám đốc viện tế bản ở buồng giấy của ông, cho rằng như thế là kính cẩn hơn. Anh thấy ông ta đương phơi bày vẻ oai vệ của mình giữa một đống những cặp hồ sơ. Hai chòm râu má to tướng và đen của ông ta, bộ tóc dày ngồn ngộn, cái tẩu thuốc lá mệnh mông, đôi măng-túp thêu hoa, những dây chuyền bằng vàng chẳng ngang chẳng dọc trên ngực, và tất cả lệ bộ của một tay tài phú tỉnh lẻ, tự cho mình là con người tốt số đào hoa, đều không làm cho Juyliêng khiếp phục; anh lại càng nghĩ đến trận đòn mà anh còn nợ ông ta.

Anh xin cái vinh dự được yết kiến bà Valonô; bà đương trang điểm và không thể tiếp anh được. Để đền bù lại, anh được cái may mắn chứng kiến cuộc trang điểm của ông giám đốc viện tế bản. Sau đó, hai người cùng sang phòng bà Valonô, bà giới thiệu với anh lũ con của bà mà nước mắt rung rung. Bà này, một trong những bà được trọng vọng nhất ở Verie, có một cái mặt đàn ông to bè bè, lại đánh má hồng đỏ chót vì cuộc đại nghi lễ này. Trong cuộc nghi lễ, bà trở hết ngón văn hoa thống thiết của một người mẹ.

Juyliêng nghĩ đến bà dơ Rênan, Tỉnh nghi kỵ khiến anh chỉ có thể có được cái loại hồi ức do những cảnh tượng phản gợi lên thôi, nhưng khi đó anh lại rất bùi ngùi cảm động. Tâm trạng đó được tăng cường khi trông

280

thấy quang cảnh nhà cửa ông giám đốc viện tế bần. Người ta đưa anh đi thăm nhà. Tất cả mọi thứ đều lộng lẫy và mới toanh, và người ta cho anh biết giá tiền của mỗi thứ đồ đạc. Nhưng Juyliêng thấy có cái gì dè tiện và sặc mùi tiền ăn cắp. Cho cả đến bọn đầy tớ, tất cả mọi người ở đây đều có vẻ đã mười phần dày dạn chống với sự khinh bỉ của thiên hạ.

Viên quan thu thuế, viên phụ trách thuế gián thu, viên giám binh và hai ba vị quan chức nữa cũng đến với vợ. Theo sau họ, là mấy tay giàu có thuộc phái tự do. Người nhà lên bữa đã tới giờ ăn. Juyliêng, đã bức lắm rồi, lại chợt nghĩ rằng bên kia tường vách buồng ăn, có những kẻ khốn khổ bị giam cầm, có lẽ người ta đã xà xẻo vào miếng thịt khẩu phần của họ để mua sắm tất cả cái xa hoa lố lằng mà người ta định đem làm hoa mắt anh.

Có lẽ lúc này đây họ đang đói, anh tự nhủ thầm: cổ họng anh thắt lại, anh không tài nào ăn được, và hầu như nói cũng nghẹn lời. Một khúc đồng hồ sau lại càng tệ hại hơn; người ta nghe thấy loáng thoáng vài giọng điệu của một bài hát dân gian, và, phải thú thật, có phần tục tĩu, mà một người bị giam hát lên. Ông Valonô đưa mắt cho một tên người nhà mặc đại chế phục, hần biển đi ngay, và chỉ ít lâu sau không nghe thấy tiếng hát nữa. Trong lúc đó, một tên hầu rót rượu vang sông Ranh* vào một cái cốc xanh lá cây cho Juyliêng, và bà Valonô lại cẩn thận lưu ý anh rằng thứ rượu đó mua tại chỗ đã phải chín quan một cha. Juyliêng, tay cầm cái cốc xanh, nói với ông Valonô:

- Họ không hát cái bài hát như nhóp đó nữa.

- À vâng! đúng rồi, ông giám đốc vênh vang trả lời, tôi đã cho khóa miệng những quân ăn mày ấy lại rồi.

Juyliêng nghe câu nói đó, không cầm lòng được; anh mới có được những phong cách, mà chưa có được trái tim của nghề nghiệp anh. Mặc dầu tất cả sự giáo quyết được luôn luôn rèn luyện của anh, anh cảm thấy một giọt nước mắt lớn chảy ròng ròng trên má.

Anh cố che giấu nó bằng cái cốc xanh, nhưng anh tuyệt nhiên không thể nào thưởng thức rượu vang sông Ranh được. *Ngăn cản người ta hát* anh nghĩ thầm trong bụng! Trời ơi! thế mà mày chịu nổi!

Cũng may, không ai để ý đến sự mũi lòng lạc điệu của anh. Viên quan thu thuế đã cất tiếng hát một bài hát bảo hoàng. Trong sự ồn ào của điệp khúc, hát đồng thanh: Đây, lương tâm của Juyliêng tự nhủ, là cái nền phú quý bần thủ mày sẽ đạt tới, và mày chỉ được hưởng với điều kiện đó và những đồng bạn đó! Có lẽ mày sẽ có được một việc làm lương bổng hai vạn quan, nhưng, trong khi mày ăn no nê thịt, mày phải ngăn cản kẻ tù nhân tội nghiệp không được hát; mày sẽ thất tiếc bằng tiền ăn cấp vào khẩu phần khốn khổ của hần, và trong khi mày ăn tiệc, thì hần phải đau khổ hơn lên! - Hỡi Napôlêông! trong thời của người, được leo tới giàu sang bằng những bước hiểm nghèo của chiến trận, thật là thú vị biết bao; còn như làm tăng nỗi đau đớn của kẻ khốn cùng một cách hèn nhát thế kia!

Tôi thú thực rằng sự mềm yếu mà Juyliêng đã tỏ ra trong câu độc thoại đó làm cho tôi đánh giá anh thấp

lắm. Anh chỉ xứng đáng làm bạn đồng sự của bọn âm mưu phiến loạn đeo găng màu vàng nọ, họ đòi thay đổi tất cả phong cách của một nước lớn, mà lại không muốn phải ân hận về một tí vết xây da nào.

Juyliêng bị kêu gọi phũ phàng trở về phận sự của mình. Người ta mời anh đến ăn tiệc với những người sang trọng như thế kia không phải là để anh mơ màng và chẳng nói năng gì.

Một nhà chế tạo vải hoa in đã giải nghệ, thông tin viên của học viện Bodăngxông và học viện Uyzex*, cất lời nói với anh, từ đầu bàn này vọng qua đầu bàn kia, để hỏi anh xem những điều người ta thường đồn đại về những tiến bộ lạ lùng của anh trong việc học tập Tân-Uóc, có đúng sự thực không.

Bỗng im phăng phắc; như do một phép kỳ diệu nào đó, một quyển Tân-Uóc bỗng ở đâu lọt vào tay ông ủy viên của hai học viện. Sau khi Juyliêng trả lời, ông ta đọc bừa một nửa câu La-tinh nào đó không kén chọn. Anh liền đọc thuộc lòng; trí nhớ của anh thật trung thành, và cái kỳ tài đó được thán phục với tất cả sự hăng hái ồn ào của một bữa tiệc về cuối, Juyliêng nhìn nét mặt đỏ bừng của các bà; có nhiều bà trông cũng khá. Anh đã để ý đến bà vợ ông thu thuế có giọng hát tài hoa.

- Quả thật, tôi lấy làm ngượng vì nói tiếng la-tinh lâu quá trước mặt các bà, anh vừa nói vừa nhìn bà kia. Nếu ông Ruybinhô, đó là ủy viên của hai học viện, có nhã ý đọc bất cứ một câu la-tinh nào, thì đáng lẽ trả lời bằng cách đọc tiếp tục đoạn văn la-tinh, tôi sẽ thử dịch ứng khẩu câu đó xem.

Cuộc thử thách thứ hai làm cho anh về vang hết chỗ nói.

Ở đây có nhiều tay giàu có thuộc phái tự do, nhưng là những người cha tốt phúc của những đứa trẻ có triển vọng xin được học bổng, và vì tư cách đó mà đột nhiên thay đổi chính kiến từ cuộc huấn dụ vừa qua. Mặc dầu hành vi chính trị khôn ngoan đó, ông đơ Rênan cũng chưa hề bao giờ muốn tiếp họ ở nhà ông. Những người thật thà đó chỉ mới biết Juyliêng qua tiếng đồn và qua cái buổi trông thấy anh cưỡi ngựa hôm đón nhà vua nước***, họ là những người thán phục anh ồn ào nhất. Bao giờ thì những thằng ngu xuẩn này mới chán tai với cái văn kinh thánh kia, mà chúng chẳng hiểu tí gì? anh nghĩ bụng. Nhưng trái lại, thứ văn đó làm cho họ thích thú vì nó lạ tai; họ cứ cười rũ ra. Nhưng Juyliêng thì bắt đầu chán rồi.

Lúc chuông điểm sáu giờ, anh nghiêm trang đứng lên và nói về một chương trong bộ thần học mới của Ligôriô*, mà anh phải học để ngày mai đọc thuộc lòng với ông Sêlăng. Vì nghề nghiệp của tôi, anh nói thêm một cách vui vẻ, là bắt đọc thuộc bài và chính mình cũng phải đọc thuộc bài.

Người ta cười nhiều, người ta trầm trồ thán phục; trí tuệ đem ra cung đón cho Verie là như vậy. Juyliêng đã đứng sẵn rồi, mọi người cũng đứng dậy, bất chấp cả nghi thức; thiên tài có uy lực là như vậy. Bà Valonô còn giữ anh lại một khắc đồng hồ nữa; anh phải nghe lũ trẻ đọc kinh bốn chữ; chúng đọc lẫn lộn rất nhiều chỗ tức cười, chỉ một mình anh nhận thấy. Nhưng anh chẳng muốn

nêu lên làm gì. Những phép tắc cơ bản của tôn giáo, mà họ mờ mịt đến thế! anh nghĩ bụng. Cuối cùng, anh chào và tưởng có thể thoát thân; nhưng lại phải chịu đựng một bài ngụ ngôn của La Fôngten.

- Tác giả này thật là phản đạo đức, Juyliêng nói với bà Valonô, có một bài ngụ ngôn nói về anh chàng Jăng Soa* dám nhạo báng những cái đáng tôn trọng nhất. Ông bị các nhà bình luận có tiếng nhất chỉ trích kịch liệt.

Trước khi ra về, Juyliêng được bốn năm người mời ăn tiệc. Chàng thanh niên này làm vinh dự cho tỉnh nhà, các khách ăn rất hứng chí đồng thanh kêu lên. Thậm chí họ nói đến chuyện biểu quyết cho anh một món tiền trợ cấp trích ở quỹ thị xã, để giúp anh có thể theo học ở Pari.

Trong khi ý kiến khinh suất đó làm vang động cả buồng ăn, thì Juyliêng đã lanh lẹ ra đến cổng lớn. Chà! quân dê tiện! quân dê tiện! anh thầm kêu lên ba bốn lần liên tiếp, và hưởng cái thú vui được thở không khí mát mẻ.

Bấy lâu nay anh vẫn bị chạnh lòng rất nhiều về cái nụ cười khinh khỉnh và sự kiêu căng trịch thượng mà anh thấy rõ bên trong tất cả những vẻ lễ độ người ta đem đối đãi với anh ở nhà ông dơ Rênan, nhưng lúc này đây anh thấy mình thật là quý tộc. Anh không thể nào không cảm thấy sự khác nhau một trời một vực. Anh vừa đi vừa tự nhủ, ta hãy cứ quên cả cái chuyện đồng tiền ăn cắp của những người tội nghiệp bị giam cầm, và lại còn bị cấm không được hát nữa! Có bao giờ ông dơ Rênan đến nổi nói với khách khứa giá tiền mỗi chai rượu vang

ông đưa mời họ? Và cái ông Valonô kia, trong lúc kể về các sản nghiệp của mình, mà kể đi kể lại luôn mồm, ông ta không thể nào nói đến nhà của ông, lãnh thổ của ông, v.v... nếu có mặt vợ ông ta, mà lại không nói nhà của mẹ, lãnh thổ của mẹ.

Cái nhà bà này, rõ ràng là rất thích có tài sản, bà vừa mới mắng chửi thậm tệ, trong bữa ăn, một tên đầy tớ đã đánh vỡ một cái cốc chân và làm hỏng bộ một trong những tá cốc của bà; và tên đầy tớ kia đã trả lời một cách cực kỳ hỗn láo.

Thật là thầy nào tớ ấy! Juyliêng nghĩ bụng; dù họ có cho ta một nửa những của họ ăn cấp, ta cũng chẳng thêm sống chung với họ. Thế nào rồi cũng có ngày ta sẽ lộ chân tướng; ta sẽ không thể nào kìm giữ được khỏi biểu lộ lòng khinh miệt của ta đối với họ.

Thế nhưng, theo chỉ thị của bà đơ Rênan, anh vẫn phải dự nhiều bữa tiệc vào loại đó; Juyliêng được ưa chuộng; người ta tha thứ cho anh bộ y phục của đội nghi vệ, hay nói cho đúng hơn, chính sự khinh suất đó là nguyên nhân chân chính của sự anh được hâm mộ. Chả mấy chốc, ở Verie người ta chỉ bàn tán về chuyện xem ai sẽ thắng cuộc tranh giành chàng thanh niên thông thái kia, ông đơ Rênan hay ông giám đốc viện tế bản. Hai ông đó hợp với ông Maxlông thành một bộ ba thống trị, từ bao năm nay áp chế thành phố này. Người ta ghen với ông thị trưởng, những người thuộc phái tự do thì kêu ca về ông; những dấu sao đi nữa, ông là quý tộc và sinh ra để ăn trên ngồi trốc, chứ ông bố của ông Valonô không để lại cho ông ta được đến sáu trăm livrơ lợi tức hàng

năm. Đối với ông ta, người ta đã phải đi từ lòng thương hại bộ áo tồi tàn màu xanh vỏ táo mà mọi người đã thấy ông ta mặc hồi trẻ, đến lòng thèm muốn những con ngựa normăng của ông, những dây chuyền bằng vàng, những bộ áo gửi từ Pari về, tất cả sự thịnh vượng hiện nay của ông.

Trong lớp sóng người mới mẻ đối với Juyliêng đó, anh tưởng chừng phát hiện được một người lương thiện; ông ta là một nhà trắc địa, tên là Grô và thấy nói là thuộc phái Jacôbanh. Juyliêng đã nguyện bao giờ cũng chỉ nói ra những điều chính bản thân anh cho là sai trái, thế mà đối với ông Grô anh bắt buộc phải giữ thái độ hồ nghi. Anh nhận được từ Vergy gửi lên những tập bài dịch dày cộm. Người ta khuyên anh nên về thăm bố luôn, anh làm đúng theo sự bắt buộc đáng buồn đó. Nói tóm lại, anh đương vớ vẩn khá tinh tuốt tám thanh danh của anh, thì bỗng một buổi sáng anh rất ngạc nhiên thấy có hai bàn tay của ai đến bịt lấy mắt anh làm anh thức dậy.

Đó là bà dợ Rênan, bà lên chơi thành phố một chuyến, và để mặc lũ trẻ còn đương mải mê với một con thỏ cung được đem theo, bà leo các cầu thang bốn bậc một, và đã lên đến buồng của Juyliêng, trước lũ trẻ một lát. Giây phút đó thật khoái trá, nhưng quá ngắn ngủi; khi lũ trẻ cùng lên đến nơi với con thỏ, mà chúng muốn đem khoe với ông bạn, bà dợ Rênan đã lẩn đâu rồi. Juyliêng niềm nở với cả bọn, cả với con thỏ nữa. Anh thấy hình như gặp lại gia đình của anh; anh cảm thấy yêu những đứa trẻ kia, thấy thích trò chuyện lú lo với chúng. Anh ngạc

nhiên thấy tiếng nói của chúng dịu dàng, những lễ lối con con của chúng giản dị và cao quý; anh cần phải tẩy rửa đầu óc cho sạch hết những cung cách thô bỉ, những ý nghĩ chối tai vây quanh cuộc sống của anh ở Verie. Lúc nào cũng chỉ thấy nỗi lo thiếu thốn, lúc nào cũng thấy sự xa hoa và sự khổ cực vật lộn với nhau. Những người mà anh đến ăn tiệc ở nhà họ, nhân chuyện món thịt quay, mà thốt ra những lời tâm sự nhục nhã cho họ, và phát lộn mửa cho người nghe.

- Bọn quý phái các bà kiêu hãnh là có lý, anh nói với bà dơ Rênan. Và anh kể lại cho bà nghe chuyện tất cả những bữa tiệc mà anh phải chịu đựng.

- Thế là ông được thiên hạ ưa chuộng! Và bà cười thích thú khi nghĩ đến màu phấn son mà bà Valonô tưởng cần phải tô điểm mỗi khi chờ đón Juyliêng. Tôi cho rằng bà ta có những mưu đồ về trái tim của ông đấy, bà nói thêm.

Bữa ăn sáng thật khoái trá. Sự có mặt của lũ trẻ, tuy bề ngoài có vẻ là vương bận, nhưng thực sự lại tăng thêm niềm vui sướng chung. Lũ trẻ tội nghiệp không biết làm cách nào để tỏ lộ nỗi vui mừng được gặp lại Juyliêng. Bọn người nhà chắc hẳn thế nào cũng đã kể cho chúng nghe chuyện người ta trả anh hơn lên hai trăm quan để giáo huấn các con ông Valonô.

Giữa bữa ăn, thằng bé Xtanixia-Xaviê, hãy còn xanh xao vì trận ốm kịch liệt dạo nào, bỗng hỏi mẹ xem bộ đồ ăn bằng bạc và cái cốc nó đang uống, trị giá bao nhiêu.

- Hỏi để làm gì?

- Con muốn bán đi lấy tiền đưa cho ông Juyliêng để ông ở lại nhà ta mà không bị *hó*.

Juyliêng ôm hôn nó, mà ứa nước mắt. Mẹ nó thì khóc hân hoan, trong khi Juyliêng ôm thẳng Xtanixla vào lòng, cắt nghĩa cho nó rằng không nên dùng tiếng *hó* đó, theo cái nghĩa như vậy, đó là cái lỗi nói của bọn đầy tớ. Thấy bà đơ Rênan được vui lòng, anh bèn cắt nghĩa, bằng những thí dụ kỳ thú, làm cho lũ trẻ vui thích, thế nào là bị *hó*.

- Em hiểu rồi, thằng Xtanixla nói, đó là con quạ đã ngu dại đánh roi miếng phó-mát, mà con cáo nhặt lấy, con cáo là đứa lừa phỉnh.

Bà đơ Rênan vui thích điên cuồng, hôn lũ con chỉ chút và không tài nào tránh khỏi dè vào Juyliêng một tí.

Bổng cửa mở ra; thì là ông đơ Rênan. Bộ mặt nghiêm khắc và bất bình của ông làm thành một cảnh tương phản lạ lùng với nỗi vui sướng êm đềm mà sự có mặt của ông xưa tan đi mất. Bà đơ Rênan tái mặt; bà thấy không còn chối cãi gì được nữa. Juyliêng lên tiếng, và nói rất to, anh kể lại cho ông thị trưởng câu chuyện cái cốc bạc mà Xtanixla định bán. Anh đã chắc mẩm rằng câu chuyện đó sẽ bị đón tiếp nhặt nhèo. Trước hết ông đơ Rênan cau lông mày lại, do thói quen tốt mỗi khi nghe thấy nói đến bạc. Gọi đến tên thứ kim khí đó, ông nghĩ, bao giờ cũng là giáo đầu cho một ngân phiếu trích vào túi tiền của ta.

Nhưng ở đây còn có nhiều chuyện hơn là tiền tài, còn có chuyện tăng thêm ngờ vực. Cái quang cảnh hạnh phúc của vợ con ông trong khi ông vắng mặt, không phải là có tác dụng dẹp êm mọi chuyện, đối với một con người bị chi phối bởi một lòng hiếu thắng rất hay bị kích động.

Nghe thấy vợ khoe cái cách rất tao nhã và thông minh mà Juyliêng truyền thụ những tư tưởng mới cho học trò:

- Vâng! vâng! tôi biết rồi, ông ấy làm cho tôi trở thành đáng ghét đối với các con tôi; đối với ông ấy, thật rất dễ làm cho trẻ yêu thích trăm lần hơn tôi, mà thực ra thì tôi là chủ. Trong thời buổi này, tất cả mọi thứ đều có khuynh hướng gieo sự đáng ghét cho uy quyền *chính thống*. Tội nghiệp nước Pháp!

Bà đơ Rênan không rảnh tâm cân nhắc những sắc thái tinh tế trong thái độ của chồng đối với mình. Bà vừa mới thoáng trông thấy khả năng được sống mười hai tiếng đồng hồ với Juyliêng. Bà còn phải đi phố mua sắm trăm nghìn thứ lặt vặt, và tuyên bố rằng bà nhất định đi ăn cao lâu; chồng bà muốn nói gì, muốn làm gì cũng mặc, bà cứ giữ ý kiến. Chỉ nghe thấy cái tiếng *cao lâu*, đó thôi, bọn trẻ đã sướng mê người, cái tiếng đó được thói tục nghiêm cấm hiện đại nói lên với rất nhiều thích thú.

Ông đơ Rênan để bà vợ ở lại trong cửa hàng bách hóa đầu tiên mà bà bước chân vào, để đi thăm viếng vài nơi. Ông trở về, cúi kính hơn buổi sáng; ông tin chắc rằng tất cả thành phố đương lưu ý đến ông và Juyliêng. Kỳ thực, chưa có ai để cho ông ngờ đến cái phần xúc phạm trong những lời dị nghị của công chúng. Những lời người ta nhắc lại cho ông thị trưởng chỉ hoàn toàn liên quan đến vấn đề Juyliêng sẽ ở lại nhà ông với sáu trăm quan, hay sẽ nhận số tiền tám trăm quan của ông giám đốc viện tế bần.

Ông giám đốc này gặp ông đơ Rênan trong chỗ giao tế, *làm ra mặt mặt mẽ*. Cách xử sự đó không phải là

không có phần khôn khéo; ở tỉnh lẻ ít khi có sự sơ suất; những cảm giác ở đó hiếm hoi quá, nên người ta trau chuốt nó một cách thật tinh vi*.

Ông Valonô là cái thứ mà, ở cách xa Pari một trăm dặm, người ta gọi là một *gã diêm dúa*; đó là một loại người bản tính trơ tráo và thô bỉ. Cuộc sống vênh vang của ông ta, từ năm 1815, đã tăng cường những thiên tư đẹp đẽ của ông ta. Có thể nói rằng ông ta ngụ trị ở Verie dưới quyền chỉ huy của ông đơ Rênan; nhưng tích cực hơn, không biết xấu hổ cái gì cả, chuyện gì cũng len vào, luôn luôn xuôi ngược, viết lách, nói năng, quên những nỗi sỉ nhục, không có một chút tự phụ cá nhân nào, cuối cùng ông đã thủ tiêu được tín nhiệm của ông thị trưởng của ông trong con mắt của quyền lực tăng lữ. Đại khái như tuồng ông Valonô đã nói với các nhà bán thực phẩm ở địa phương: Các ông hãy cho tôi hai người ngu nhất trong bọn các ông; với các luật gia: Mách cho tôi hai người dốt nhất; với các y sĩ: Chỉ cho tôi hai thầy lang băm bậc nhất, Khi ông ta đã tập hợp được những kẻ trơ tráo nhất của mỗi nghề nghiệp, ông ta đã bảo bọc chúng ta cùng ngụ trị nào.

Những cung cách của bọn người đó làm cho ông đơ Rênan thấy chướng. Nhưng sự thô bỉ của gã Valonô thì chả biết nguỵng vì cái gì cả, cho cả đến những lời cãi chính mà tên cha xứ nhãi nhép Maxlông chẳng nề mặt gì hấn trước công chúng.

Nhưng ở giữa cảnh thịnh vượng đó, ông Valonô cần đến những khốe lão xược vật để vững dạ chống lại những lời vạch mặt mà ông cảm thấy rõ rằng tất cả mọi người

đều có quyền nói với ông. Sự tích cực của ông đã được tăng gấp bội từ ngày ông Apper để lại cho ông những mối lo, ông đã lần dần đi Bodăngxông, mỗi kỳ trạm ông viết rất nhiều thư từ; ngoài ra ông còn gửi thư qua tay những người lạ mặt ghé qua nhà ông vào lúc chập tối. Có lẽ ông đã khờ mà làm cho ông cụ cha xứ Sêlăng bị bải chức, vì hành vi báo thù đó làm cho ông bị rất nhiều các bà sùng đạo của xã hội thượng lưu coi là một con người vô cùng độc ác. Ngoài ra việc cày cục đó đã khiến ông trở thành tuyệt đối lệ thuộc vào ông phó giám mục đơ Frile, và ông này sai ông làm giúp những việc rất lạ lùng. Cái chính trị của ông đương ở tình thế đó, khi ông chiều theo cái thích thú viết một bức thư nặc danh. Để thêm chuyện rắc rối, bà vợ ông lại tuyên bố với ông rằng bà muốn có Juyliêng ở nhà bà; óc hư vinh của bà đã mê chuộng anh ta.

Trong tình huống đó, ông Valonô dự phòng một lớp trò quyết liệt với ông bạn liên minh cũ là ông đơ Rênan. Ông này sẽ nói với ông những nghiêm khắc, điều đó thì ông chẳng cần mấy; nhưng ông ấy có thể viết thư đi Bodăngxông, và cả đi Pari nữa. Một người thân thích của một ông bộ trưởng nào đó có thể bỗng nhiên rơi xuống Verie, và chiếm lấy viện tế bần. Ông Valonô bèn nghĩ đến chuyện làm thân với phái tự do: chính vì thế mà có nhiều người trong phái đó được mời đến dự bữa tiệc có Juyliêng đọc thuộc lòng hôm nọ. Có thể là ông được ủng hộ mạnh mẽ chống lại ông thị trưởng. Nhưng cuộc tuyển cử có thể chột đến, và hiển nhiên là viện tế bần và một phiếu bầu cử nghịch chiều là hai thứ không thể dung hòa được. Cái

chính trị đó, mà bà dơ Rênan đã đoán rất đúng, được kể lại cho Juyliêng nghe, trong khi anh đưa tay cho bà khoác để đi hết cửa hàng này đến cửa hàng khác, và dần dần lôi cuốn hai người đến ĐƯỜNG DẠO TRUNG THÀNH, họ dạo chơi trên con đường đó bao nhiêu tiếng đồng hồ, được yên tĩnh gần như ở Vergy.

Trong thời gian đó, ông Valonô cố đẩy lùi xa một cuộc quyết liệt với quan thầy cũ, bằng cách chính ông lấy vẻ ngổ ngáo đối với ông kia. Hôm đó, cái mưu chước đó thành công, nhưng nó làm tăng thêm sự bức mình của ông thị trưởng.

Chưa bao giờ lòng hiếu thắng va chạm với cái mặt khốc liệt nhất và nhỏ nhen nhất của lòng yêu tiền bạc, đã đặt một con người vào một tình trạng thảm hại hơn tình trạng ông dơ Rênan, khi bước vào hiệu *cao lâu*. Trái lại, chưa bao giờ lũ con ông mừng rỡ và vui vẻ đến thế. Sự tương phản đó làm ông tức giận bùng lên.

- Cứ như mắt tôi trông thấy, thì tôi là người thừa trong gia đình tôi! ông vừa đi vào vừa nói với một giọng mà ông muốn làm cho oai.

Để đáp lại, bà vợ ông chỉ kéo riêng ông ra một chỗ và tỏ ý cần thiết phải cho Juyliêng xa lánh. Những giờ hạnh phúc bà vừa được hưởng, đã làm cho bà lại có được sự thoải mái và cương nghị cần thiết để theo cái kế hoạch xử sự mà bà nghiền ngẫm đã từ mười lăm ngày nay. Cái điều làm cho ông thị trưởng Verie tội nghiệp bị rối loạn hoàn toàn, là ông biết rằng trong thành phố người ta cười cợt công khai về sự thiết tha của ông đối với *đồng tiền*. Ông Valonô thì hào phóng như một thằng ăn cắp, còn

ông, thì ông đã xử sự một cách khôn ngoan cẩn thận hơn là hào sảng trong năm sáu cuộc quyên tiền vừa qua cho giáo đoàn Thánh - Jôdep*, cho thánh hội Đức bà Đồng Trinh, cho thánh hội Thánh thể v.v., v.v.

Trong đám những hào trưởng của Verie và những vùng lân cận, xếp thứ tự khôn khéo trong sổ quyên của các thầy dòng đi quyên, theo số tiền cúng nhiều hay ít, người ta đã nhiều lần thấy tên ông dơ Rênan đội sổ. Mặc cho ông nói rằng ông *chả kiếm được gì*. Đoàn thể tăng lữ không có đùa về cái khoản đó.

CHƯƠNG XXIII

NỖI PHIÊN MUỘN CỦA MỘT VỊ QUAN CHỨC

*Il piacere di, alzar la testa tutto l'anno è
ben pagato da certi quarti d'ora che bisogna
passar.*

CASTI*

Nhưng thôi, ta hãy để mặc con người bé nhỏ đó với những nỗi lo sợ bé nhỏ của y; tại sao y lại rước về nhà một người có khí phách, trong khi y cần một tâm hồn đầy tớ? Sao không biết chọn người mà dùng? Cái thông lệ của thế kỷ XIX là, khi một kẻ quyền thế vào cao sang gặp một con người có khí phách, thì y giết đi, dày đi biệt xứ, bỏ tù hoặc làm nhục đến nỗi con người kia đau đớn mà chết một cách ngu dại. May mà ở đây, chưa phải là con người khí phách bị đau đớn. Nỗi bất hạnh lớn của các thành phố nhỏ nước Pháp và các chính quyền tuyến cử, như chính quyền Nũu-Uốc, là không thể nào quên được rằng ở đời có những người như ông dơ Rênan. Giữa một thành phố hai vạn dân, những người đó làm nên dư luận, mà dư luận ở một nước có hiến chương

thì thật là dễ sợ. Một người bẩm sinh có một tâm hồn cao thượng, hào hùng, và đáng lẽ là bạn ta, nhưng ở xa những một trăm dặm, người đó phán đoán về ta theo dư luận của thành phố, dư luận đó được làm nên bởi những thằng ngu mà may mắn được là con nhà quý tộc, giàu có và ôn hòa. Vô phúc cho anh nào lỗi lạc khác người!

Ngay sau bữa ăn chiều, mọi người lại đi Vergy; nhưng, một hai ngày sau, Juyliêng lại thấy tất cả gia đình trở lại Verie.

Chưa được một tiếng đồng hồ, anh đã rất ngạc nhiên thấy bà đo Rênan bí mật giấu anh cái gì đó. Thấy mặt anh, là bà dùng ngay câu chuyện đương nói với chồng, và có vẻ mong anh lảng xa đi, Juyliêng không đợi ý đó biểu lộ đến hai lần. Anh trở thành lạnh lùng và dè dặt; bà đo Rênan trông thấy thế và cũng không tìm hỏi duyên do gì cả. Bà sắp cho ta một kẻ kế chân chẳng? Juyliêng tự hỏi: Vừa mới hôm kia đây thôi, còn thân mật với ta biết bao! Nhưng người ta nói rằng các bà lớn vẫn xử sự như vậy đó. Cũng giống như các vua chúa, chẳng bao giờ ân cần hơn là đối với vị đình thần sắp nhận được chiếu thải hồi, khi trở về nhà.

Juyliêng nhận thấy rằng trong những câu chuyện đó, khi anh lại gần thì im bặt, thường thấy nói đến một ngôi nhà lớn thuộc quyền sở hữu của thị xã Verie, cũ kỹ, nhưng rộng lớn và tiện nghi, và ở ngay trước mặt nhà thờ trông sang, trong một địa điểm buôn bán đông vui nhất thành phố. Giữa ngôi nhà đó và một anh tình nhân mới, thì có liên quan gì với nhau? Juyliêng tự hỏi. Trong cơn phiền muộn, anh tự nhắc lại hai câu thơ hay của

Frăngxoa đê Nhất*, đối với anh có vẻ mới mẻ, vì anh mới học được của bà đơ Rênan chưa đầy một tháng. Lúc đó, thì mỗi câu thơ đó được cải chính bằng bao nhiêu thể thốt, bao nhiêu vuốt ve!

Dàn bà thường thay đổi,

Tin họ thật là điên.

Ông đơ Rênan đáp xe trạm đi Bodăngxông. Cuộc du hành đã được quyết định trong hai tiếng đồng hồ ông có vẻ băn khoăn lắm. Khi trở về, ông ném một cái giỏ to tướng bọc giấy màu xám xuống bàn.

- Đấy, cái việc phải gió ấy đấy, ông nói với vợ.

Một giờ sau, Juyliêng thấy người dân cáo thị đem cái gói to đó đi, anh hồi hã đi theo. Đến góc phố đầu tiên là ta được biết cái bí mật này thôi.

Anh chờ đợi, nóng ruột, đằng sau người dân cáo thị đương lấy một cái bút chổi phết hồ mặt sau tờ cáo thị. Dân vừa xong, Juyliêng tò mò đọc thấy lời rao rất chi tiết cho thuê đấu giá ngôi nhà lớn và cũ kỹ mà anh thấy nói đến luôn luôn trong những câu chuyện trò của ông đơ Rênan với vợ. Cuộc bỏ thầu thuê nhà được báo cho ngày hôm sau hồi hai giờ, trong gian phòng thị sảnh, lúc tắt ngọn lửa thứ ba. Juyliêng rất lấy làm thất vọng; anh thấy kỳ hạn hơi ngắn: làm thế nào cho tất cả mọi người tranh thầu được báo tin kịp? Với lại, tờ cáo thị đó, đề ngày từ mười lăm hôm trước, và anh đọc đi đọc lại từ đầu đến cuối ở ba nơi khác nhau, cũng chả cho anh biết được gì hơn.

Anh bèn đi thăm ngôi nhà cho thuê. Người gác cổng không trông thấy anh lại gần, đương nói thì thăm với một người bên cạnh:

- Ủi dào! mất công toi. Ông Maxlông đã hứa với ông ấy rằng ông ấy sẽ thuê được với giá ba trăm quan; ông thị trưởng, vì phản đối; nên đã được ông phó giám mục đơ Frile triệu đến tòa giám mục.

Juyliêng bước tới, có vẻ làm phiền hai người bạn kia rất nhiều, họ không nói thêm một lời nào nữa.

Juyliêng không bỏ sót cuộc đấu thầu. Trong một gian phòng tối tăm, đông nghịt những người; nhưng ai nấy đều nhìn vào mắt nhau một cách lạ lùng. Tất cả mọi con mắt đều chăm chú vào một cái bàn, trên đó Juyliêng thấy có ba mẫu nến dương thắp, trong một cái khay bằng thiếc. Viên thừa phát lại kêu to: *Thưa các ngài, ba trăm quan!*

- Ba trăm quan! quá quắt lắm, một người nói thầm với người bên cạnh. Và Juyliêng đứng giữa hai người. Đáng giá tám trăm là ít! tôi nhất định trả lên đấy.

- Khác nào nhổ nước bọt lên trời. Anh có lợi gì mà gây oán với ông Maxlông, ông Valonô, đức giám mục, ông phó giám mục đơ Frile để sợ, và tất cả đoàn lũ.

- Ba trăm hai mươi quan, anh kia kêu to lên.

- Cái thằng uon gân! người bên cạnh đối đáp. Vừa đúng có một thám tử của ông thị trưởng đây này, hấn vừa nói vừa chỉ Juyliêng.

Juyliêng quay phắt lại để trừng phạt lời nói đó; nhưng hai gã dân xứ Frăngso-Côngtê không để ý tí nào đến anh nữa rồi. Sự bình tĩnh của họ làm cho anh cũng trở lại

bình tĩnh. Vừa lúc đó, mẫu nển cuối cùng tắt ngấm, và tiếng nói kéo dài của viên thừa phát lại phán định cho thuê ngôi nhà, trong chín năm, cho ông đơ Xanh-Girô, trưởng phòng ở tòa hành chính tỉnh***, với giá tiền ba trăm ba mươi quan.

Khi ông thị trưởng đã ra khỏi gian phòng, thiên hạ bắt đầu bàn tán.

- Thế là thị xã được lợi ba chục quan, do sự đại dột của anh Grôjô.

- Nhưng thế nào rồi ông đơ Xanh-Girô, người ta trả lời, cũng sẽ báo thù anh Grôjô, rồi anh ta sẽ được thấy.

- Thật là nhơ nhuốc! một người to béo đứng bên trái Juyliêng nói: một ngôi nhà mà tôi, tôi sẵn lòng trả tám trăm quan để thuê cho xưởng chế tạo của tôi, cũng còn rẻ chán.

- Chậc! một nhà công nghiệp trẻ tuổi thuộc phái tự do trả lời, ông đơ Xanh-Girô chả có chân trong thánh hội là gì đấy? bốn đứa con của ông chả có học bổng là gì đấy? Con người tội nghiệp! Thị xã Verie phải phụ cấp cho ông ấy một khoảng năm trăm quan nữa, thế thôi.

- Thế mà ông thị trưởng đã không ngăn cản được chuyện này, một người thứ ba nhận xét. Vì ông ta ấy; ông ta là phái cực đoan* kia mà, còn nói gì nữa; nhưng ông ta không xoáy.

- Ông ta không xoáy? một người khác tiếp lời; phải rồi, chỉ có trôn ốc nó xoáy thôi. Tất cả cái đó chui vào một túi tiền lớn chung, đến hết năm là chia ráo. Nhưng thằng bé Xoren kia kìa? ta đi đi.

Juyliêng trở về rất buồn bực; anh thấy bà đơ Rênan hết sức âu sầu.

- Ông ở chỗ bỏ thầu về đấy à? bà hỏi anh.

- Vâng thưa bà, ở đó tôi có vinh dự được coi là thám tử của ông thị trưởng.

- Nếu ông ấy nghe tôi, thì đáng lẽ ông ấy đã đi chơi xa một chuyến.

Ngay lúc đó, ông đơ Rênan bước vào; ông có vẻ hết sức rầu rĩ. Suốt bữa ăn chiều, không ai nói nửa lời. Ông đơ Rênan ra lệnh cho Juyliêng theo lũ trẻ đi Vergy, chuyến đi thật buồn. Bà đơ Rênan thì an ủi ông chồng:

- Mình ạ, đáng lẽ mình phải quen với cái chuyện đó rồi thì phải.

Buổi tối, mọi người ngồi im lặng chung quanh lò lửa gia đình; tiếng của khúc củi dễ gai chấy bùng bùng là trò tiêu khiển duy nhất. Đó là một trong những lúc buồn bã thường gặp ngay cả trong những gia đình hòa thuận nhất. Một đứa trẻ vui vẻ kêu lên:

- Có người gọi chuông! có người gọi chuông!

- Mẹ kiếp! nếu là lão đơ Xanh-Girô đến tận đây tìm ta, mượn có là để cảm ơn, ông thị trưởng kêu lên, thì để ta nói thẳng vào mặt hắn; quá quắt lắm. Hắn sẽ mang ơn thẳng Valonô, mà ta thì bị mang tiếng. Nếu những tờ báo chết tiệt của bọn Jacôbanh chúng nó vô lấy cái chuyện này, và làm cho ta trở thành một ông Cửu thập ngũ*, thì chưa còn biết đến thế nào!

Lúc đó một người đàn ông rất khôi ngô tuấn tú, có chòm râu má to đen, bước vào theo chân tên người nhà.

- Thưa ngài thị trưởng, tôi là quý ngài Giêrônimô*. Đây là một bức thư mà ngài hiệp sĩ đô Bôvedix, tùy viên đại sứ quán ở Naplơ, đã trao cho tôi để đưa ngài, lúc tôi lên đường; mới có chín ngày thôi, quý ngài Giêrônimô nói thêm, với vẻ khoái hoạt, và nhìn bà đô Rênan. Quý ngài đô Bôvedix, anh em họ với bà, và là bạn tốt của tôi, thưa bà, nói rằng bà biết tiếng Ý.

Sự vui vẻ của anh chàng người dân thành Naplơ biến cái buổi tối buồn bã kia thành một buổi hết sức vui. Bà đô Rênan nhất định mời anh ta ăn tối. Bà huy động cả nhà; bà muốn làm kỳ được cho Juyliêng khuây nghĩ đến cái danh hiệu thám tử mà, trong một ngày hôm đó, anh đã nghe đến hai lần rót vào tai anh. Ngài Giêrônimô là một ca sĩ trữ danh, con người thượng lưu lịch sự, tuy vậy rất khoái hoạt, những đức tính này, ở nước Pháp bây giờ, không mấy khi còn dung hòa được với nhau nữa. Sau bữa ăn tối, anh ta hát một bài song ca nho nhỏ với bà đô Rênan. Anh ta kể những chuyện rất thú vị. Đến một giờ sáng, lũ trẻ cứ giã nảy lên khi Juyliêng bảo chúng đi ngủ.

- Nghe chuyện này nữa đi, đứa lớn nhất nói.

- Đây là chuyện tôi, công tử ạ, ngài Giêrônimô nói tiếp. Cách đây tám năm, tôi cũng như cậu, là một anh học sinh trẻ tuổi ở nhạc viện thành Naplơ, ý tôi muốn nói là hồi đó tôi bằng tuổi cậu bây giờ; nhưng tôi không có vinh dự được là con trai ngài thị trưởng danh tiếng của thành phố Verie xinh đẹp.

Lời nói đó làm cho ông đô Rênan thở dài, nhìn vợ.

- Quý ngài Zingarelli*, chàng ca sĩ trẻ tuổi nói tiếp, và hơi làm ngoa ngoắt thêm một tí cái giọng lơ lớ* của

chàng ta nó làm cho lũ trẻ phì cười, quý ngài Zingarelli là một ông thầy cực kỳ nghiêm khắc. Ở Nhạc viện người ta không yêu ông ấy; nhưng ông ấy cứ muốn người ta lúc nào cũng phải làm như yêu ông ấy. Tôi thì cứ hể lúc nào có thể được là tôi đi phố chơi luôn; tôi đi đến rạp hát nhỏ Xan-Carlinô, ở đấy được nghe một thứ âm nhạc thần tiên: nhưng, trời ơi! làm thế nào góp nhặt được tám xu tiền vé vào cửa tầng dưới? Món tiền khổng lồ, anh ta vừa nói vừa nhìn lũ trẻ, chúng liền bật cười. Quý ngài Gyôvannônê*, giám đốc nhà hát Xan-Carlinô, nghe thấy tôi hát. Hồi đó tôi mười sáu tuổi: cậu bé này, thật là một của báu, ông ta bảo thế.

- Cậu có muốn tôi cho cậu vào làm không, cậu em? ông ta đến bảo tôi.

- Thế ông cho tôi bao nhiêu?

- Bốn chục đuy-ca một tháng. Các cậu ơi, tức là một trăm sáu mươi quan đấy. Tôi tưởng chừng được lên thiên đường.

- Nhưng, tôi bảo ông Gyôvannônê, làm thế nào để ông Zingarelli nghiêm khắc kia cho tôi ra khỏi trường được?

- *Lascia fare a me**.

- Cứ để mặc tôi! đứa trẻ lớn nhất kêu lên.

- Đúng đấy, công tử ạ. Quý ngài Gyôvannônê, ông ta bảo tôi: Cậu em ơi, trước hết hãy ký một mẫu giao kèo con con đã. Tôi ký: ông ta cho tôi ba đuy-ca. Chưa bao giờ tôi được trông thấy nhiều tiền đến thế. Sau đó, ông ta dặn bảo tôi công việc phải làm.

Hôm sau, tôi xin yết kiến quý ngài Zingarelli để sợ. Người lão bộc của ông ta cho tôi vào.

- Mày hỏi gì tao, thằng mất dạy kia? Zingarelli nói.

- Thưa thầy, tôi trả lời, con hối hận mọi lỗi lầm: từ nay con sẽ không bao giờ ra khỏi Nhạc viện bằng cách vượt qua hàng rào sắt nữa. Con sẽ học tập chăm chỉ gấp đôi lên.

- Nếu tao không sợ làm hỏng mất cái tiếng hát trầm đẹp nhất mà tao được nghe thấy từ xưa đến nay, thì tao sẽ tống mày vào nhà giam, ăn bánh nhạt và uống nước lã trong mười lăm ngày, biết chưa, thằng nhãi ranh.

- Thưa thầy, tôi tiếp lời, con sắp được là học sinh gương mẫu toàn trường, *credete a me**. Nhưng con xin thầy làm ơn cho con một điều, nếu có ai đến hỏi xin thầy cho con đi hát ở ngoài, xin thầy từ chối hộ con, Xin thầy làm ơn bảo rằng thầy không thể cho phép được.

- Mày bảo có đứa phải gió nào thêm xin một thằng vô lại như mày? Tao có bao giờ lại cho phép mày ra khỏi Nhạc viện? Mày định trêu tao đấy à? Bước ngay, bước ngay! ông ta vừa nói, vừa định đá cho tôi một cái vào đ..., kéo lại phải giam, ăn bánh nhạt bấy giờ.

Một tiếng đồng hồ sau, quý ngài Gyôvannônê đến gặp ông giám đốc:

- Tôi đến xin phép ngài giúp tôi làm giàu làm có phen này, ông ta nói, xin ngài cho tôi anh Giêrônimô. Để cho anh ấy hát ở rạp của tôi, và mùa đông tới tôi sẽ gả được chồng cho con gái tôi.

- Anh định dùng cái thằng mất dạy ấy làm trò gì? Zingarelli nói với ông ta. Tôi không bằng lòng; anh sẽ không xin được nó đâu; với lại, dù tôi có bằng lòng thì cũng không đời nào nó muốn rời bỏ Nhạc viện; nó vừa mới cam đoan với tôi xong.

- Nếu chỉ là chuyện ý muốn của anh ấy, ông Gyôvannônê nói một cách nghiêm trang, và rút trong túi ra tờ giao kèo của tôi, *carta cania**! thì đây là chữ ký của anh ấy.

Tức khắc, Zingarelli nổi cơn thịnh nộ, đánh đu vào đáy chuông: Tổng cổ thằng Giêrônimô ra khỏi Nhạc viện, ông ta quát lên, giận dữ sôi lên sùng sục. Thế là người ta đuổi tôi, mà tôi thì phá lên cười. Ngay tối hôm đó, tôi hát điệu *del Moltiplico**. Anh chàng Pôlisinello* muốn cưới vợ và tính toán, trên đốt ngón tay, những đồ vật sẽ cần phải có trong gia đình, và cứ luôn luôn tính lăm tính lẩn rồi bết cả.

- Chà! thưa ông, xin ông làm ơn hát điệu đó cho chúng tôi nghe, bà đơ Rênan nói.

Giêrônimô hát, và mọi người cười đến chảy nước mắt. Mãi đến hai giờ sáng, quý ngài Giêrônimô mới đi ngủ, để lại cái gia đình kia vui thích mê người vì những phong cách lịch sự của anh, vì sự nhã ý chiều lòng và sự khoái hoạt của anh.

Ngày hôm sau, ông bà đơ Rênan trao cho anh ta những bức thư mà anh ta cần đến ở triều đình nước Pháp.

Như thế là đầu đầu cũng chỉ là trò giả dối, Juyliêng nghĩ bụng. Đấy, quý ngài Giêrônimô đi Luân-đôn với sáu vạn quan lương bổng. Nếu không có mưu mẹo của ông

giám đốc rạp Xan-Carlinô, thì giọng hát thần tiên của anh có lẽ mười năm sau mới được người ta biết đến và hoan nghênh... Thực tình, ta thích làm một anh chàng Giêrônimô còn hơn làm một ông Rênan. Trong xã hội anh ta không được tôn trọng bằng, nhưng anh không có nỗi phiền muộn phải làm những vụ đấu thầu như ngày hôm nay, và đời sống của anh khoái hoạt.

Có một điều Juyliêng lấy làm lạ; những tuần lễ sống cô đơn ở Verie, trong nhà ông dơ Rênan, đối với anh, lại là một thời kỳ sung sướng. Anh có gặp nỗi chán ghét và có những ý nghĩ buồn bã là chỉ ở những bữa tiệc người ta thết anh; còn như ở ngôi nhà vắng vẻ này, anh tha hồ đọc, viết, suy nghĩ không bị ai đến quấy rầy. Anh không bị bất thần lôi kéo ra khỏi những giấc mơ huy hoàng của anh bởi nhu cầu ác độc phải dò xét tình ý của một tâm hồn hèn hạ, và lại là để đánh lừa nó bằng những mưu mẹo hay những lời nói giáo quyết.

Chẳng lẽ hạnh phúc lại gần ta đến thế ư?... Sự tiêu phí một cuộc đời như vậy thật không có gì đáng kể; ta có thể tùy ý lựa chọn hoặc lấy cô Êlida, hoặc chung phần với Fukê... Nhưng người du khách vừa mới treo xong một quả núi dốc, ngồi trên đỉnh núi, và cảm thấy một nỗi vui thích tuyệt trần được nghỉ ngơi. Nếu bắt anh ta phải nghỉ ngơi vĩnh viễn, thì anh ta có sung sướng không?

Tâm trí bà dơ Rênan đi đến những điều nghĩ tai hại. Mặc dầu mọi quyết tâm, bà đã thú thực với Juyliêng tất cả công việc của vụ đấu thầu. Vậy là anh sẽ làm cho ta quên hết mọi lời thề, bà nghĩ bụng.

Bà có thể hy sinh cuộc đời không do dự để cứu sống chồng bà, nếu bà thấy ông gặp con hiểm nghèo. Đó là một loại tâm hồn cao thượng và lãng mạn, đối với những tâm hồn đó, trông thấy có thể làm một việc hào hiệp, mà không làm, là nguồn gốc một nỗi hối hận gần bằng nỗi hối hận về một tội ác đã phạm. Tuy vậy, có những ngày ác hại bà không tài nào xua đuổi được hình ảnh của niềm hạnh phúc chưa chan mà bà sẽ được hưởng nếu, bỗng nhiên góa chồng, bà có thể lấy được Juyliêng.

Anh yêu các con của bà hơn bố chúng nhiều; mặc dầu sự công minh nghiêm nghị của anh, anh vẫn được chúng yêu quý. Bà thấy rằng lấy Juyliêng, thì phải rời bỏ chốn Vergy này, mà những bóng mát được bà rất yêu thích. Bà tự hình dung sống ở Pari, tiếp tục cho các con được hưởng nền giáo dục mà mọi người phải thán phục. Các con của bà, bà, Juyliêng, tất cả đều được hoàn toàn sung sướng.

Hôn nhân, như kiểu thế kỷ XIX đã an bài, có hiệu quả lạ lùng như thế! Sự buồn chán của đời sống vợ chồng làm chết tình yêu một cách chắc chắn, khi tình yêu đã có trước hôn nhân. Tuy vậy, hình như một nhà hiền triết có nói, ở những người khá giàu để không cần phải làm việc, chả mấy chốc nó đã đem lại nỗi vô cùng chán chường tất cả mọi thú vui yên lặng. Trong đám đàn bà, chỉ có những tâm hồn khô khan, nó mới không làm cho có khuynh hướng yêu đương.

Ý nghĩ của nhà hiền triết làm cho tôi lưỡng lự thứ cho bà dợ Rénan, nhưng ở Verie người ta không lưỡng lự thứ cho bà, và tất cả thành phố chỉ bận tâm về chuyện đàm

tiểu mỗi tình của bà, mà bà không biết. Vì cái việc to tát đó, mà mùa thu năm đó đời sống ở Verie đỡ buồn chán hơn mọi khi.

Mùa thu, rồi một phần mùa đông qua đi rất nhanh chóng. Phải rời bỏ những cánh rừng ở Vergy. Giới thượng lưu ở Verie bắt đầu công phần về việc những lời thóa mạ của họ không làm xúc động ông dơ Rénan được mấy nổi. Trong không đầy tám ngày, có những người nghiêm nghị, họ tự đền bù cái vẻ nghiêm nghị hàng ngày của họ bằng nổi vui thích được làm những sứ mạng như vậy, họ gieo cho ông những nổi ngờ vực độc nhất, nhưng bằng những lời lẽ hết sức dần do chừng mực.

Ông Valonô, mưu mô tinh tế, đã đưa Êlida vào làm trong một gia đình quý tộc và rất được trọng vọng, trong nhà đã có năm người đàn bà hầu hạ. Êlida nói rằng chị sợ trong mùa đông không tìm được chỗ làm, nên chỉ đòi gia đình đó trả công chị gần bằng hai phần ba tiền công cũ của chị ở nhà ông thị trưởng. Tự ý mình, chị đã có ý kiến rất hay, là đi xưng tội với ông cha xứ cũ Sêlăng và đồng thời, với ông cha mới, để kể cho cả hai ông chi tiết mối tình của Juyliêng.

Ngay ngày hôm sau khi Juyliêng đến, từ sáu giờ sáng ông cha xứ Sêlăng cho gọi anh lên:

- Tôi không hỏi gì anh cả, anh ạ, ông nói với anh, và nếu cần tôi còn ra lệnh cho anh đừng nói gì với tôi cả, tôi yêu cầu trong hai ba ngày anh phải đi lên chủng viện ở Bodăngxông hoặc đi lên nhà bạn anh là Fukê, anh ta vẫn luôn luôn sẵn sàng gây cho anh một đời sống huy

hoàng. Tôi đã dự liệu mọi thứ, thu xếp mọi thứ, nhưng anh phải đi, và trong một năm không được trở về Verie.

Juyliêng không trả lời câu nào, anh còn cân nhắc xem có nên coi là danh dự của anh bị xúc phạm bởi những sự chăm sóc của ông Sêlăng đối với anh không, vì dù sao ông cũng không phải là bố anh.

- Ngày mai cũng giờ này, con sẽ có hân hạnh gặp lại cha, cuối cùng anh nói với ông cha xứ.

Ông Sêlăng, bản tâm muốn dùng uy quyền thắng phục một anh chàng còn trẻ tuổi như vậy, nên nói rất nhiều. Thu mình trong một thái độ và một nét mặt hết sức kính cẩn, Juyliêng không hề mở miệng.

Sau cùng, anh ra về, và chạy đi báo tin cho bà đo Rênan, anh thấy bà dương vô cùng đau khổ. Chồng bà vừa mới nói với bà một cách khá thẳng thắn. Bản tính vốn nhu nhược, lại thêm cái viễn tượng vụ thừa kế gia tài ở Bodăngxông, làm cho ông quyết định coi bà như hoàn toàn vô tội. Ông vừa mới nói thực với bà cái tình trạng lạ lùng của dư luận quần chúng ở Verie hiện nay. Công chúng nghĩ sai, bị những kẻ ghen ghét làm cho lầm lạc, nhưng làm thế nào bây giờ?

Bà đo Rênan có một lúc có ảo tưởng rằng Juyliêng sẽ có thể nhận lời ông Valonô, và ở lại Verie. Nhưng bà không còn là người đàn bà chất phác và e lệ rụt rè năm ngoái nữa; mối tình đắm say tai hại, những nỗi hối hận đã làm cho bà minh mẫn hơn lên. Bà cảm thấy ngay nỗi đau đớn phải tự chứng tỏ với mình, trong khi vẫn nghe chuyện chồng, rằng một cuộc chia phối, ít ra cũng nhất thời, đã trở thành cần thiết. Xa ta, Juyliêng lại sẽ rơi

vào những mưu toan tham vọng rất tự nhiên khi người ta hai bàn tay trắng. Mà ta thì, trời đất ơi! ta giàu quá! và rất vô ích cho hạnh phúc gia đình của ta! Anh sẽ quên ta. Dễ thương như thế, anh sẽ được yêu, anh sẽ yêu. Chao ôi! khốn khổ... Ta còn kêu ca gì được? Trời vốn chí công, ta đã không có cái đức chấm dứt tội tình, nên trời cất bỏ trí xét đoán của ta. Đáng lẽ ta muốn là được, chả có gì dễ dàng hơn. Ta đã không chịu suy nghĩ một lát, những tưởng tượng điên cuồng của tình yêu thu hút hết cả thì giờ của ta. Ta chết mất.

Juyliêng chú ý một điều, khi anh báo cái tin dữ dội phải ra đi cho bà đỡ Rênan biết, anh không thấy có một lời phản đối vị kỷ nào cả. Đương nhiên là bà cố gắng để không khóc.

- Chúng ta cần phải cương nghị, mình ạ.

Bà cắt một món tóc của bà.

- Tôi không biết tôi sẽ làm những gì, bà nói với anh, nhưng nếu tôi có mệnh hệ nào, xin mình hứa với tôi là đừng bao giờ quên những đứa con tôi. Dù xa hay gần, mình hãy cố làm cho chúng trở thành những người lương thiện. Nếu có một cuộc cách mạng mới, tất cả những người quý tộc sẽ bị tàn sát, bố của chúng nó có lẽ sẽ lưu vong vì chuyện người nhà quê bị giết trên mái nhà đạo trước. Mình hãy trông coi gia đình... Mình đưa tay đây cho tôi bắt. Vĩnh biệt, mình nhé! Đây là những giây phút cuối cùng. Sau sự hy sinh lớn này, tôi hy vọng rằng ra chỗ công chúng tôi có can đảm nghĩ đến thanh danh của tôi.

Juyliêng vẫn tưởng sẽ thấy bà đau khổ tuyệt vọng. Sự giản dị của những lời vĩnh quyết kia làm anh cảm động.

- Không, tôi không nhận những lời vĩnh biệt của mình như thế này. Tôi sẽ ra đi; họ muốn vậy; cả mình cũng muốn vậy. Nhưng, ba ngày sau khi ra đi, tôi sẽ trở về gặp mình ban đêm.

Cuộc đời bà đơ Rênan bỗng biến đổi hẳn. Vậy ra Juyliêng yêu bà thật vì anh đã tư mình có ý kiến gặp lại bà! Nỗi đau khổ ghê gớm của bà đổi thành một niềm vui sướng mãnh liệt nhất từ xưa đến nay trong đời bà. Tất cả đều trở thành dễ dàng đối với bà. Sự chắc chắn được gặp lại bạn tình cất bỏ cho những giây phút cuối cùng này tất cả cái gì là đau lòng đứt ruột. Từ lúc đó trở đi, cách xử sự, cũng như nét mặt của bà đơ Rênan, thật là cao quý, cương nghị và hoàn toàn chững chạc.

Ít lâu sau, ông đơ Rênan về; ông đương tức giận điên người. Thế là cuối cùng ông ta nói với vợ về bức thư nặc danh nhận được hai tháng trước.

- Tôi muốn đem bức thư đó ra Cadinô, vạch cho mọi người biết đó là của tên hèn mạt Valonô, mà tôi đã nhặt từ chỗ bị gây để làm thành một anh tư sản giàu có bậc nhất ở Verie. Tôi sẽ làm cho nó sỉ nhục giữa công chúng, rồi tôi sẽ đánh nhau với nó. Chuyện này thật quá lắm.

Ta có thể thành ra góa chồng. Trời đất ơi! bà đơ Rênan nghĩ thầm. Nhưng hầu như cùng một lúc đó, bà lại tự nhủ: Nếu ta không ngăn cản cuộc quyết đấu này, mà chắc chắn là ta ngăn được, thì ta sẽ là kẻ giết chồng. Chưa bao giờ bà đã mon man lòng hiếu thắng của ông

khéo đến thế. Không đầy hai tiếng đồng hồ, bà làm cho ông trông thấy, và bao giờ cũng bằng những lời lẽ mà ông tự tìm ra, rằng phải ra mặt thân thiết với ông Valonô hơn bao giờ hết, và thậm chí phải gọi Êlida trở về làm như cũ. Bà đờ Rênan cần phải có can đảm mới đành lòng chịu sẽ gặp mặt lại cái con ấy, nó là nguồn gốc của mọi nỗi đau khổ của bà. Nhưng ý kiến đó là do Juyliêng.

Cuối cùng, sau khi đã được ba bốn lần gợi ý, ông đờ Rênan tự mình đi tới cái ý nghĩ rất đau xót về mặt tài chính, rằng nếu có cái gì khó chịu nhất cho ông, thì đó là việc Juyliêng, giữa sự xôn xao và giữa những lời dị nghị của tất cả Verie, lại ở lại thành phố đó, làm gia sư cho lũ con ông Valonô. Lợi ích hiển nhiên của Juyliêng là nhận lời ông giám đốc viện tế bần. Trái lại, muốn đẹp mặt cho ông đờ Rênan, thì cần phải làm sao cho Juyliêng rời bỏ Verie để vào chủng viện ở Bodăngxông hay Dijông. Nhưng làm thế nào quyết định được anh ta, và vào trường thì anh ta sẽ sống bằng cách nào?

Thấy sắp phải hy sinh tiền bạc đến nơi, ông đờ Rênan còn đau khổ hơn vợ. Về phần bà, thì sau cuộc chuyện trò đó, bà ở tình huống một người có khí phách, vì chán cuộc đời, đã uống một liều thuốc *stramonium**; người đó chỉ còn hành động có thể nói là như người máy, và không còn để tâm trí vào cái gì nữa. Cũng như vua Luy XIV, lúc hấp hối, đã nói rằng: *Hồi trước, khi ta còn trị vì!* Lời nói tuyệt trần!

Hôm sau, ngay từ sáng sớm, ông đờ Rênan nhận được một bức thư nặc danh. Bức thư này viết bằng một giọng hết sức thóa mạ. Ở mỗi dòng thư, đều thấy những lời

hết sức thô bỉ áp dụng vào tình huống của ông. Đây là công trình của một kẻ ghen ghét hạ thuộc nào đó. Bức thư này kéo ông trở về cái ý nghĩ đánh nhau với ông Valonô. Chả mấy chốc, sự can đảm của ông đi đến những ý nghĩ thực hành tức khắc. Ông bèn ra đi một mình, và đến hàng bán vũ khí mua súng tay và bảo nạp đạn sẵn.

Kể ra thì, ông tự nghĩ, dù cho chính quyền nghiêm khắc của hoàng đế Napôlêông có sống lại đi nữa, thì ta đây, ta cũng chẳng phải tự trách là đã ăn cắp một xu nào. Bất quá là ta chỉ nhắm mắt làm ngơ thôi; nhưng ta còn giữ trong văn phòng của ta những thư từ hằn hoi cho phép ta làm như vậy.

Bà dơ Rênan kinh hãi thấy sự giận dữ lạnh lùng của chồng, nó nhắc bà cái ý nghĩ ác hại về sự góa bụa mà bà đã khó nhọc mới gạt đi được. Bà đóng cửa nói chuyện riêng với ông. Trong bao nhiêu tiếng đồng hồ bà nói với ông mà chẳng ăn thua gì, cái thư nặc danh mới kia làm cho ông quyết tâm. Mãi sau bà đi đến chỗ biến cái can đảm cho ông Valonô một cái tát, thành cái can đảm biểu anh Juyliêng sáu trăm quan làm tiền lưu trú một năm ở chủng viện. Ông dơ Rênan, nguyên rửa nghìn lần cái ngày mà ông đã có ý kiến tai hại đón một người gia sư về nhà, và quên phứt cái thư nặc danh đi.

Ông tự an ủi đôi chút bằng một ý nghĩ mà ông không nói với vợ: nếu khéo léo ra, và cấy vào những tư tưởng lãng mạn của chàng thanh niên, ông hy vọng có thể, với một món tiền nhỏ hơn, làm cho anh từ chối những đề nghị của ông Valonô.

Bà dơ Rênan còn vất vả hơn để chứng tỏ cho Juyliêng rằng, một khi đã hy sinh cho thể diện của chồng bà một chỗ làm tám trăm quan, mà ông giám đốc viện tế bản hiến anh một cách công khai, anh có thể nhận một sự đền bồi mà không hổ thẹn.

- Nhưng, Juyliêng cứ một mực nói, chưa hề bao giờ, dù chỉ là một giây lát, tôi có ý định nhận những lời mời kia. Bà đã làm cho tôi quen với đời sống thanh lịch quá rồi, sự thô鄙 của những kẻ đó sẽ làm tôi chết mất.

Sự nhu cầu cay độc, với bàn tay sắt, bẻ gãy được ý chí của Juyliêng. Tính kiêu hãnh của anh cho anh cái ảo tưởng là anh chỉ nhận số tiền mà ông thị trưởng biếu anh, như một món vay nợ, và anh sẽ viết cho ông một tờ giấy ghi là sẽ hoàn lại trong năm năm với tiền lãi.

Bà dơ Rênan vẫn có vài nghìn quan giấu trong cái hang đá nhỏ trên núi.

Bà biếu anh mà run sợ, và cảm thấy rõ quá rằng anh sẽ giận dữ từ chối.

- Bà muốn, Juyliêng bảo bà, làm cho cái kỷ niệm mỗi tình của chúng ta trở thành ghê tởm hay sao?

Cuối cùng Juyliêng rời Verie. Ông dơ Rênan rất lấy làm sung sướng; đến giây phút quyết liệt phải nhận tiền của ông, Juyliêng thấy sự hy sinh đó quá sức mình. Anh bèn từ chối thẳng. Ông dơ Rênan ôm chầm lấy anh, mà nước mắt rung rung. Juyliêng có hỏi xin ông một giấy chứng nhận hạnh kiểm tốt; trong cơn húng khởi, ông không tìm được những lời lẽ đủ to tát để biểu dương hạnh kiểm của anh. Anh chàng của ta có được năm Luy tiền

để dành và tính hỏi anh Fukê một món tiền bằng ngân ấy nữa.

Anh rất bồi hồi cảm động. Nhưng đi được một dặm đường khỏi Verie, là nơi anh để lại biết bao tình thương nhớ, anh chỉ còn nghĩ đến nỗi sung sướng được trông thấy một đô thành, một thành phố lớn đã từng làm chiến trường, như Bodăngxông.

Trong cuộc xa cách ngắn ngủi ba ngày đó, bà đo Rênan bị một nỗi thất tình đau đớn hết sức. Cuộc sống của bà cũng tầm tạm, giữa cuộc sống đó và nỗi đau khổ chia phôi, còn có cuộc gặp gỡ Juyliêng lần cuối cùng. Bà đếm từng giờ, từng phút chờ mong. Thế rồi, trong đêm hôm thứ ba, bà nghe thấy từ xa cái tín hiệu đã hẹn nhau. Sau khi đã trải qua muôn nghìn gian nguy, Juyliêng hiện ra trước mặt bà.

Từ lúc đó, bà chỉ còn có một ý nghĩ, đây là lần cuối cùng ta được gặp anh. Đáng lẽ đáp lại những sự nồng nàn của tình nhân, bà chỉ như một cái xác chết thoi thóp chút hơi tàn. Bà cố cố gắng chẳng để nói với anh rằng bà yêu anh, thì cũng là một cách nguơng ngịu vụng về gần như chúng tỏ trái lại. Không có gì làm cho bà khuây được cái ý nghĩ đau đớn là sẽ phải chia lìa nhau vĩnh viễn. Juyliêng đa nghi có một lúc nghĩ rằng anh đã bị quên rồi. Những lời lẽ tức giận của anh về chiều hướng đó, bà nghe mà chẳng nói năng gì, chỉ giàn giụa nước mắt và siết chặt tay anh mà gần như run bắn bật.

- Nhưng, Trời đất ơi! mình bảo làm thế nào tôi xin lời mình được? Juyliêng đáp lại những sự tỏ tình lạnh

lẽo của tình nhân, mình có thể tỏ trăm lần thân ái hơn đối với bà Đervin, với một người quen biết thường.

Bà Rênan, đỡ dần, chẳng biết trả lời thế nào:

- Không thể nào đau khổ hơn được nữa... Tôi mong rằng sắp chết đến nơi... Tôi thấy trái tim tôi giá lạnh.

Đó là những câu trả lời dài nhất mà anh đã gượng được của bà.

Khi trời sắp rạng, anh cần phải ra đi, thì nước mắt của bà ráo hẳn. Bà nhìn anh buộc một cái dây thùng có nút vào cửa sổ, mà anh không nói năng gì, không trả lại anh những cái hôn của anh. Juyliêng nói với bà, nhưng không có hiệu quả gì:

- Bây giờ chúng ta tới cái tình trạng mà mình đã xiết bao mong ước. Từ nay mình sẽ sống không hối hận. Mỗi khi con trẻ hơi đau yếu, mình sẽ không hình dung thấy chúng ở dưới mồ nữa.

- Tôi lấy làm buồn rằng mình không hôn thẳng Xtanixla được, bà lạnh lùng nói với anh.

Cuối cùng Juyliêng hết sức ngạc nhiên vì những cái hôn lạnh ngắt của cái xác chết còn hơi thở đó; anh không thể nghĩ đến gì khác trong bao nhiêu dặm đường. Tâm hồn anh buồn bã, và trước khi qua núi, chừng nào có thể còn trông thấy cái tháp chuông nhà thờ Virie, anh còn luôn luôn quay đầu lại.

CHƯƠNG XXIV

MỘT ĐÔ THÀNH

Bao tiếng ồn ào, bao người bận rộn! bao ý nghĩ cho tương lai trong một đầu óc hai mươi tuổi! biết bao khuây lãng đối với tình yêu!

BARNAVO

Thế rồi anh trông thấy, trên một ngọn núi xa, những bức tường đen; đó là thành Bodăngxông. Ví thể ta được đến cái thành phố chiến trận cao quý kia để đóng thiếu úy trong một trung đoàn có nhiệm vụ bảo vệ nó thì cảnh huống ta sẽ khác biết bao! anh vừa nói vừa thở dài.

Bodăngxông không những chỉ là một trong những thành phố xinh đẹp của nước Pháp, nó còn đầy đầy những người có khí phách và có trí tuệ. Nhưng Juyliêng chỉ là một anh nhà quê bé mọn và không có phương tiện gì để lại gần những người lỗi lạc.

Anh đã lấy ở nhà Fukê một bộ áo thường dân trung lưu, và chính trong cái bộ y phục đó mà anh đi qua các điệu kiêu. Đầu óc còn đầy những chuyện lịch sử trận hàm

thành 1674, anh muốn thăm các chiến lũy và thành trì, trước khi vào giam thân trong chủng viện. Hai ba lần anh suýt bị lính canh bắt giữ; anh đi vào những nơi mà đội công binh cấm công chúng không được vào, để họ bán mỗi năm từ mười hai đến mười lăm quan tiền cỏ khô.

Tường cao, hào sâu, vẻ ghê gớm của các cỗ súng đại bác đã làm anh mê mải trong bao nhiêu tiếng đồng hồ rồi bỗng anh chợt đi qua cửa hàng cà-phê viết bằng đại tự bên trên hai cái cửa lớn mệnh mông, nhưng anh vẫn không tin mắt mình. Anh cố khắc phục sự nhút nhát; anh đánh liều bước vào, và thấy mình ở trong một gian phòng dài đến ba bốn chục bước, và trần nhà cao ít ra là hai chục piê. Ngày hôm đó, cái gì cũng làm cho anh ngạc nhiên mê mẩn.

Có hai đám bi-a đương dở cuộc. Những gã bồi phòng rao các điểm lên: các người chơi thì chạy chững quanh bàn bi-a chật ních người xem. Những làn khói thuốc lá phun ra từ miệng tất cả mọi người, bao phủ họ trong một đám mây xanh lam. Tầm vóc cao lớn của những người đó, đôi vai tròn trũng trọc của họ, dáng đi nặng nề, những chòm râu má to tướng của họ, những bộ áo rođanhgốt, phủ trên người họ, tất cả đều làm cho Juyliêng chú ý. Những đứa con cao quý của cố đô thành Bidôngxiom* đó hẳn nói là gào thét; họ làm ra vẻ những chiến sĩ dũ dội. Juyliêng ngáy người thán phục; anh nghĩ đến sự mệnh mông và vẻ huy hoàng của một đô thành lớn như những Bodăngxông. Anh không thấy có đủ can đảm để hỏi những ông tướng mắt nhìn kiêu hãnh đứng rao các điểm bi-a kia, để xin một chén cà-phê.

Nhưng cô con gái giữ quây đã để ý thấy khuôn mặt dễ thương của anh chàng trưởng giả xứ quê trẻ tuổi kia, đúng dùng cách lò sưởi ba bước, cái gói con cấp nách, đương ngấm bức tượng bán thân của nhà vua, bằng thạch cao trắng đẹp nồn. Cô gái đó, dân xứ Frăngso-Côngtê, người cao lớn, thân hình rất cân đối, và ăn mặc đúng cách để làm cho một tiệm cà-phê được nổi, cô đã hai lần gọi khe khẽ chỉ đủ cho Juyliêng nghe thấy: Ông ơi! ông ơi! Juyliêng gập đôi mắt to xanh rất dịu dàng, và thấy rằng chính người ta đương gọi anh.

Anh vội tiến nhanh lại gần quây và cô gái xinh đẹp, như thể tiến lên gặp quân địch. Trong động tác vung văng đó, cái gói của anh rơi xuống.

Đối với các học sinh trung học trẻ tuổi của Pari, đến mười lăm tuổi đã biết vào một tiệm cà-phê với một vẻ rất sang trọng, thì anh chàng tỉnh lẻ của ta sẽ làm cho họ thương hại biết bao! Song các cậu bé kia, hồi mười lăm tuổi ra dáng lịch sự như thế, đến mười tám tuổi lại ngã ra *tâm thường*. Sự nhút nhát đầy nhiệt tình mà ta gặp thấy ở tỉnh lẻ, đôi khi được khắc phục và khi đó nó dạy cho người ta có ý chí. Khi lại gần cô con gái trẻ rất đẹp, đã hạ cố nói với anh, Juyliêng trở nên can đảm vì đã thắng được sự nhút nhát, anh nghĩ bụng: ta phải nói sự thực với cô ta.

- Thưa bà, tôi đến Bodăngxông lần này là lần đầu tiên trong đời tôi, tôi rất mong được có một miếng bánh và một chén cà-phê, mà trả tiền hẳn hoi.

Cô gái hơi tủm tủm cười, rồi lại đỏ mặt; cô sợ cho anh chàng đẹp trai đó sự chú ý mỉa mai và các trò giễu

cột của những tay chơi bi-a. Có thể anh ta sẽ kinh hãi và sẽ không trở lại đây nữa.

- Ông lại ngồi đây, gần tôi, cô vừa nói vừa chỉ cho anh một cái bàn đá hoa, gần như bị che khuất bởi cái quầy to tướng bằng gỗ đào hoa tẩm nhô vào trong gian phòng.

Cô ta cúi người ra phía ngoài quầy, thành thử được dịp phô bày một thân hình rất đẹp. Juyliêng để ý thấy; tất cả các ý nghĩ của anh bỗng biến đổi. Cô gái xinh đẹp vừa mới đặt trước mặt anh một cái chén, một đĩa đường và một chiếc bánh mì nhỏ. Cô do dự không gọi một anh bồi để lấy cà-phê, vì cô hiểu rõ rằng anh bồi kia mà đến, thì cô hết được tởm tay đôi với Juyliêng.

Juyliêng, trầm ngâm, so sánh người con gái đẹp, tóc vàng hoe và tính tình vui vẻ kia, với một số những kỷ niệm luôn luôn làm anh xao xuyến. Nghĩ đến mối tình mê đắm mà anh đã được là đối tượng, anh gần như hết cả nhút nhát. Cô gái đẹp chỉ có được một giây phút ngắn ngủi; cô tìm đọc trong con mắt của Juyliêng.

- Cái khói thuốc píp này làm cho ông ho đấy, sáng mai ông đến ăn sáng trước tám giờ nhé: lúc đó, gần như chỉ có mình tôi thôi.

- Tên cô là gì? Juyliêng nói, với nụ cười mon tron của sự nhút nhát gặp may.

- Amăngđa Binê.

- Cô có cho phép tôi gửi đến cô, sau đây một tiếng đồng hồ một cái gói nhỏ bằng chùng này không?

Cô Amăngđa xinh đẹp `nghĩ ngợi một tí.

- Tôi bị có người theo dõi: cái điều ông hỏi đó có thể làm cho tôi bị mang tiếng, nhưng, để tôi viết địa chỉ của tôi vào một cái thiệp, ông sẽ đặt lên trên cái gói của ông. Ông cứ mạnh dạn gửi đến cho tôi.

- Tôi tên là Juyliêng Xoren, anh chàng nói; tôi không có bà con, không có người quen nào ở Bodăngxông.

- Ô! tôi hiểu rồi, cô vui mừng nói, ông đến để vào trường Luật chứ gì?

- Than ôi! không phải, Juyliêng trả lời; người ta gửi tôi vào chủng viện.

Nỗi chán nản cùng cực làm cho nét mặt cô Amăngđa xỉu hẳn đi; cô gọi một anh bồi; bây giờ cô đã có can đảm. Anh bồi rót cà-phê cho Juyliêng, mà chẳng buồn nhìn anh.

Amăngđa nhận tiền ở quầy; Juyliêng thì tự hào đã dám nói chuyện: ở một đám bi-a người ta cãi nhau. Những tiếng kêu gào, cãi cọ của những tay chơi bi-a, oang oang trong gian phòng mênh mông đó, gây nên một sự ồn ào làm cho Juyliêng ngạc nhiên. Amăngđa thì mơ màng và nhìn cúi xuống.

- Nếu cô vui lòng, thưa cô, bỗng anh nói với giọng vững tin, tôi sẽ nói rằng tôi là anh em họ với cô.

Cái vẻ quả quyết nho nhỏ đó làm vừa lòng Amăngđa. Đây không phải là một anh chàng hèn dẫu, cô nghĩ thầm. Cô nói với anh rất nhanh, không nhìn anh, vì mắt cô còn mãi trông xem có ai lại gần quầy không:

- Tôi, tôi quê ở Giăngxlix*; gần Đijông; ông cứ bảo rằng ông cũng quê ở Giăngxlix, và có họ với mẹ tôi.

- Xin vâng.

- Về mùa hè, thứ năm nào cũng thế, cứ đến năm giờ, là các ông sinh đồ ở chủng viện đi qua đây, trước cửa hàng cà-phê.

- Nếu cô nghĩ đến tôi, khi nào tôi đi qua, cô hãy cầm trong tay một bó hoa violet*.

Amăngđã nhìn anh có vẻ ngạc nhiên; cái nhìn đó biến sự can đảm của Juyliêng thành sự táo bạo; tuy vậy anh đỏ mặt rất nhiều khi nói với cô:

- Tôi cảm thấy yêu cô bằng mối tình hết sức mãnh liệt.

- Thì nói nhỏ chứ nào, cô nói với anh có vẻ kinh hãi.

Juyliêng nghĩ đến chuyện nhớ lại những câu trong một quyển lờ bộ của tiểu thuyết *Nàng Hêlôýđơ mới**; mà anh đã thấy ở Vergy. Trí nhớ anh giúp anh được việc lắm; từ mười phút đồng hồ rồi, anh đọc thuộc lòng *Nàng Hêlôýđơ mới* cho cô Amăngđã, cô ta thích mê toi, anh đương sung sướng về sự bạo dạn của mình, thì bỗng cô gái xinh đẹp xú Frăngso-Côngtê lấy vẻ mặt lạnh lùng. Một trong những gã tình nhân của cô hiện ra ở cửa tiệm cà-phê.

Hắn tiến lại gần quây, miệng huýt sáo và dùng đưa hai vai; hắn nhìn Juyliêng. Đầu óc của anh, bao giờ cũng ở những cục đoạn, lúc đó chỉ nghĩ đến chuyện quyết đấu. Anh biến hẩn sắc mặt, gạt cái chén ra xa, lấy một bộ mặt quả cảm, và nhìn kẻ địch thủ rất chăm chú. Vì tên địch thủ kia cúi đầu trong khi tự rót lấy một cách thân mật một cốc rượu mạnh ở trên quây, Amăngđã liền đưa mắt ra lệnh cho anh cụp mắt xuống. Anh tuân lệnh, và, trong hai phút đồng hồ, ngồi yên tại chỗ không nhúc nhích, mặt tái mét, quả quyết và chỉ nghĩ đến chuyện sắp xảy

ra; lúc đó trông anh thật có phong độ. Kể địch thủ đã ngạc nhiên vì con mắt của Juyliêng; sau khi uống một hơi hết cốc rượu mạnh, hấn nói một câu với Amăngđã, đút hai tay vào hai túi bên của tấm áo rodanhgôt to rộng, và đi lại gần một bàn bi-a, vừa thổi phù phù vừa nhìn Juyliêng. Anh này đứng dậy, tức giận điên người; nhưng anh không biết cách làm thế nào để ra vẻ lão xược. Anh đặt cái gói nhỏ của anh xuống, và hết sức ra vẻ đổng dảnh, đi lại bàn bi-a.

Sự cần trọng bảo anh nhưng vô hiệu: Mới đến Bodăngxông mà đã có ngay một trận quyết đấu, thì sự nghiệp tu hành đi đút.

- Mặc kệ, nhưng không để ai nói được rằng ta bỏ qua một thằng lão xược.

Amăngđã trông thấy sự can đảm của anh; nó tương phản đẹp dẽ với vẻ ngây thơ ở các cử chỉ của anh; trong một giây phút, cô thích anh hơn gã trẻ tuổi cao lớn mặc áo rodanhgôt kia. Cô đứng lên, và làm ra vẻ như đương nhìn theo một người nào đi qua ngoài phố, cô đến len thoắt ngay vào giữa anh và cái bàn bi-a:

- Ông đừng nên nhìn hằm hằm cái nhà ông kia nữa, ông anh rể tôi đấy.

- Có can gì chuyện đó? ông ta đã nhìn tôi.

- Ông có muốn làm khổ tôi không? Đành là anh ấy có nhìn ông, có lẽ anh ấy còn đến nói chuyện với ông nữa. Tôi có bảo anh ấy rằng ông là một người bà con của mẹ tôi, và ông từ Giănglix* mới lên. Anh ấy là người Frăngso - Côngtê và chưa bao giờ đi quá Đôlo*, trên đường

đi Buôcgônho; cho nên ông muốn nói gì cũng được, không ngại gì.

Juyliêng còn do dự; cô nói thêm rất nhanh, trí tưởng tượng của mụ giữ quấy cung cấp cho cô dồi dào những lời dối trá:

- Đành rằng anh ấy có nhìn ông, nhưng chính là vào lúc anh ấy hỏi tôi ông là ai; anh ấy là một người *thô lỗ* với tất cả mọi người, chứ chả có ý gì xúc phạm ông đâu.

Mắt Juyliêng theo dõi cái người gọi là anh rể; thấy hắn mua một số cửa cuộc đấu đương chơi ở bàn bi-a xa nhất trong hai bàn. Juyliêng nghe thấy tiếng ồm ồm của hắn kêu to có vẻ nạt nộ! *Tớ chơi đấy!* Anh đi nhanh qua đằng sau lưng cô Amăngđa, và bước một bước lại bàn bi-a. Amăngđa túm lấy cánh tay anh.

- Ra đây trả tiền cho tôi đi đã, cô nói với anh.

À nhĩ, Juyliêng nghĩ bụng; cô ta sợ mình đi ra không trả tiền đây. Amăngđa cũng xúc động như anh và mặt đỏ dừ; cô trả lại anh tiền lẻ một cách hết sức đần độn, vừa nhắc khê với anh:

- Ông đi ra khỏi cửa hàng ngay đi, kéo tôi không yêu ông nữa; tuy rằng tôi yêu ông lắm đấy.

Quả nhiên Juyliêng đi ra, nhưng chậm chạp. Bốn phen của ta, anh tự nhắc lại, há chẳng phải là cũng đi nhìn vào mặt cái thằng cha thô bỉ kia, mà cũng thối phù phù như nó? Nổi phen vân đó giữ chân anh một tiếng đồng hồ, trên đường phố, trước cửa hiệu cà-phê; anh nhìn xem thằng cha có ra không. Không thấy nó ra, Juyliêng bèn dời bước.

Anh mới đến Bodangxông được vài tiếng đồng hồ, thế mà đã thu được một nỗi hối hận. Ông cụ thiếu tá quân y trước kia mặc dầu bị bệnh phong thấp, đã dạy cho anh vài bài kiếm; đó là tất cả võ nghệ mà Juyliêng có thể sử dụng cho con tức giận của anh. Nhưng nỗi lúng túng đó cũng không đáng kể nếu anh biết cách làm thế nào nổi giận khác hơn là đánh một cái tát; và nếu lại đâm ra đâm đá lẫn nhau, thì kẻ địch thủ của anh, người to phổng pháp, chắc là đánh quy anh rồi vứt bỏ anh đó mà đi thẳng.

Đối với một anh nghèo rớt như ta, Juyliêng tự nhủ, không có người đỡ đầu và không có tiền bạc, thì chủng viện và nhà tù cũng chẳng khác gì nhau lắm; ta phải gửi những quần áo thường dân trong một quán trọ nào đó, đến đó ta sẽ thay mặc áo dài đen vào. Nếu có bao giờ ta ra khỏi trường được lấy vài tiếng đồng hồ, ta vẫn có thể, với bộ áo thường dân, tìm gặp lại cô Amăngđơ. Lý luận nghe xuôi lắm; nhưng Juyliêng, đi qua tất cả các quán trọ, mà không dám vào một quán nào.

Sau cùng, khi anh đi qua khách sạn các Đại sứ, đôi mắt lo âu của anh gặp đôi mắt của một cụ to béo, hầy còn khá trẻ, sắc mặt hồng hào, có vẻ sung sướng và vui vẻ. Anh lại gần cụ và kể với cụ câu chuyện của anh.

- Được lắm, chàng tu sĩ nhỏ xinh ơi, bà chủ khách sạn các Đại sứ nói với anh, tôi sẽ giữ hộ anh những quần áo thường dân của anh, và không những thế tôi còn cho chải bụi luôn nữa. Trong lúc này, không nên để một bộ áo dơ lâu không mó đến. Cụ lấy một cái chìa khóa và

dịch thân đưa anh vào một gian buồng, bảo anh viết tờ kê những thứ anh để gửi lại.

- Lạy Chúa! ăn mặc như thế này trông anh có vẻ lắm, anh tu sĩ Xoren ạ, mẹ béo nói với anh, khi anh đi xuống nhà bếp, để tôi bảo dọn cho anh một bữa ăn thật ngon lành nhé; và, mẹ nói nhỏ thêm, anh chỉ mất có hai mươi xu thôi, đáng lẽ mọi người khác phải trả năm mươi kia đấy; vì cũng phải đền dặt cái *túi tiền tí xiu* của anh chứ.

- Tôi có mười Luy, Juyliêng trả lời với một vẻ khá tự hào.

- Chao ôi! Lạy Chúa, mẹ chủ quán trung hậu hoảng sợ trả lời, đừng nói to thế; ở Bơđăngxông này có nhiều quân vô lại lắm đấy. Nó thì ăn cắp của anh như không ấy. Nhất là đừng có bao giờ vào những tiệm cà phê, đầy những quân vô lại ra đấy.

- Đúng đấy! Juyliêng nói, câu nói kia làm anh suy nghĩ.

- Bao giờ cũng cứ đến đây thôi, tôi sẽ bảo pha cà-phê cho anh mà. Anh hãy nhớ rằng bao giờ đến đây anh cũng sẽ thấy một người bạn và một bữa ăn ngon lành hai mươi xu; nói thế là đủ, chứ gì. Anh ngồi vào bàn đi, chính tôi sẽ dọn bữa cho anh đây.

- Tôi chả ăn được đâu, Juyliêng nói, tôi xúc động quá, ở đây ra, là tôi vào chủng viện.

Người đàn bà phúc hậu kia còn nhét đầy túi anh những thức ăn dự trữ rồi mới để cho anh đi. Thế là Juyliêng lần bước tới cái nơi dễ sợ; bà chủ quán, ghé mắt qua khung cửa, chỉ đường cho anh.

CHƯƠNG XXV

CHỦNG VIỆN

Ba trăm ba mươi sáu bữa ăn chiều mỗi bữa 83 xăng-tim, ba trăm ba mươi sáu bữa ăn đêm mỗi bữa 38 xăng-tim sô-cô-la ai đáng ăn thì ăn; vậy lại được bao nhiêu về cuộc bỏ thầu?

GÃ VALONÔ của Bodăngxông.

Anh trông thấy từ xa cái thánh giá bằng sắt mạ vàng trên khung cửa; anh đi thông thả lại gần; hai ống chân anh cơ hồ muốn khuyu xuống. Cái địa ngục trên trần gian là đây, ta sẽ khó lòng ra khỏi nơi này! Sau cùng anh cũng đành giật chuông. Tiếng chuông vang lên như ở một nơi vắng vẻ không người. Mười phút sau, một người đàn ông xanh xao, mặt đen, ra mở cổng cho anh. Juyliêng nhìn hẩn và cúi ngay mắt xuống. Gã canh cổng này có một tướng mạo lạ lùng đặc biệt. Lòng con mắt lồi ra và xanh màu lục, tròn tròn xoe như mắt mèo; những đường viền cứng đờ của mí mắt báo hiệu không thể có một tí cảm tình nào ở con người này; đôi môi mỏng dính triển khai thành hình bán nguyệt trên hai hàm răng

nhô ra. Tuy vậy, cái diện mạo đó không biểu lộ tội ác gì, nhưng biểu lộ sự vô tình hoàn toàn nó làm cho các bạn thanh niên còn khiếp sợ hơn nhiều. Tình cảm duy nhất mà con mắt linh lợi của Juyliêng có thể đoán thấy trên cái mặt dài ngoẵng sùng tín kia, là một lòng khinh bỉ sâu sắc đối với bất cứ điều gì người ta muốn nói với gã, mà không phải là lợi ích của trời.

Juyliêng ngược mặt lên một cách nhọc nhằn, và bằng một giọng nói mà trống ngực làm cho run, anh giải bày rằng anh muốn được gặp ông Pira, giám đốc chủng viện. Không nói một lời nào, gã đen ngòm ra hiệu bảo anh đi theo. Họ leo lên hai tầng gác bằng một cầu thang rộng có tay vịn bằng gỗ, mà những bậc thang long lở nghiêng hẳn về phía ngoài tường, và có vẻ chỉ chực rơi xuống. Một cái cửa nhỏ, bên trên có một tấm thánh giá to bằng gỗ tạp sơn đen như ở các nghĩa trang, được mở ra một cách khó khăn, và người gác cổng đưa anh vào một gian buồng tối tăm và thấp, trên tường quét vôi trắng có treo hai bức tranh to đã bị thời gian làm cho đen xỉ. Juyliêng được để lại một mình ở đó; anh chết khiếp đi, trống ngực đập dữ dội; anh chỉ ước gì dám khóc lên được thì sung sướng quá. Trong tất cả nhà, là một sự im lặng của chết chóc.

Sau một khắc đồng hồ, mà anh tưởng chừng như một ngày, gã canh cổng có bộ mặt thảm đạm lại xuất hiện trên ngưỡng một cái cửa ở đầu kia gian buồng, và không thềm nói năng gì, hẳn ra hiệu cho anh tiến lên. Anh bước vào một gian phòng lớn hơn gian vừa rồi, và rất ít ánh sáng. Tường cũng quét vôi trắng, nhưng không có đồ đạc

gì. Nhưng ở một góc gần cửa, Juyliêng đi lướt qua trông thấy một cái giường gỗ tạp, hai chiếc ghế tựa bên rom, và một chiếc ghế bành bằng gỗ thông, không có đệm. Ở cuối gian phòng, cạnh một khung cửa sổ nhỏ, ô kính vàng khè, có bày những chậu hoa để bầy nhem nhuốc, anh trông thấy một người ngồi trước một cái bàn, và mặc một bộ áo tu sĩ rất tã: y có vẻ giận dữ, và cầm lấy hết cái nọ đến cái kia, một đồng những mẫu giấy vuông mà y xếp thứ tự trên mặt bàn, sau khi đã viết vào đấy vài chữ. Y không thấy sự có mặt của Juyliêng. Anh đứng im, vào khoảng giữa gian phòng, đứng ở chỗ mà gã gác cổng đã bỏ anh lại đấy, gã đã trở ra và khép cửa lại.

Mười phút trôi qua như thế; con người ăn mặc tồi tệ vẫn viết. Sự xúc động và nỗi khiếp sợ của Juyliêng lớn đến nỗi anh thấy hình như sắp ngã ngất đi. Một nhà triết học có thể nói, có lẽ sai lầm chẳng: Đó là ấn tượng mãnh liệt của cái xấu xí gây cho một tâm hồn sinh ra để yêu cái gì đẹp.

Người đương viết bỗng ngừng đầu lên; mãi một lúc sau Juyliêng mới trông thấy, và ngay cả sau khi trông thấy, anh vẫn đứng sững như bị con mắt dữ dội đương nhìn anh làm anh chết cứng. Con mắt đã hoa của Juyliêng trông thấy lò mờ một cái mặt dài ngoẵng và đầy những đốm đỏ, trừ ở vầng trán trắng nhợt như xác chết. Giữa hai gò má đỏ và cái trán trắng nhợt, lấp lánh hai con mắt nhỏ và đen, khiến người nào dùng cảm nhất trông thấy cũng phải khiếp sợ. Các đường viền rộng lớn của vầng trán đó được vạch rõ bằng bộ tóc dày, đẹp và đen như huyền. .

- Có lại gần đây, hay không nào? Cuối cùng con người đó nói có vẻ sốt ruột.

Juyliêng tiến lên bằng một bước đi không vững chắc, và sau cùng gần ngã xỉu xuống và mặt mày tái nhợt, như chưa bao giờ tái đến thế, anh dừng lại ba bước cách cái bàn nhỏ gỗ tạp phủ đầy những mẫu giấy vuông.

- Gần nữa, người kia nói.

Juyliêng tiến lên nữa, tay đưa ra như tìm cách vịn vào một cái gì.

- Tên là gì?

- Juyliêng Xoren.

- Anh đến chậm quá đấy, y vừa nói với anh vừa nhìn anh lần nữa bằng con mắt dữ dội.

Juyliêng không chịu nổi cái nhìn đó; giờ tay ra như để chống đỡ, anh ngã xóng xoài trên sàn nhà.

Người kia giật chuông, Juyliêng chỉ bị xây xẩm không trông thấy gì và sức lả đi không cử động được thôi; anh vẫn nghe thấy tiếng chân người lại gần.

Người ta vực anh dậy, đặt anh vào chiếc ghế bành nhỏ bằng gỗ tạp. Anh nghe thấy con người khủng khiếp kia nói với gã gác cổng:

- Có vẻ anh ta bị động kinh đấy, chỉ còn thiếu có nước ấy nữa thôi.

Khi Juyliêng mở được mắt ra, thì người mặt đỏ vẫn tiếp tục viết; người gác cổng đã đi đâu mất. Phải can đảm lên, anh chàng tự nhủ, và nhất là giấu không cho biết cái cảm giác của ta: lúc đó anh ta thấy đau tim dữ dội; nếu xảy ra một tai nạn gì cho ta, thì có trời biết

người ta sẽ nghĩ về ta như thế nào. Cuối cùng, người kia ngừng viết, và đưa ngang mắt nhìn Juyliêng:

- Anh có thể trả lời ta được chưa?
- Thưa ông, được, Juyliêng nói, giọng yếu ớt.
- À, thế thì may quá.

Người đen ngòm đã nhóm dậy nửa chừng và đương tìm một cách nóng ruột một bức thư trong ngăn kéo chiếc bàn gỗ thông, kéo ra nghe rít ken két. Y tìm thấy bức thư, từ từ ngồi xuống, và lại nhìn Juyliêng, với một cái vẻ làm anh còn chút sinh lực nào thì trút đi nốt:

- Anh được ông Sêlăng gửi gắm cho ta, ông ấy là cha xứ tốt nhất địa phận, người có đạo đức chưa từng thấy, và là bạn của ta từ ba chục năm nay.

- À! thì ra ông là ông Pira mà tôi có vinh dự được hầu chuyện, Juyliêng nói bằng một giọng thều thào.

- Hình như thế, ông giám đốc chủng viện vừa trả lời vừa nhìn anh có vẻ bực mình.

Hai con mắt bé tí của ông ta sáng lên gấp bội, tiếp theo là một sự chuyển động bất giác của những cơ thịt hai bên mép. Đó là tướng mạo của con hổ thường thức trước cái vui thích được xé ngấu nghiền con mồi.

- Bức thư của ông Sêlăng ngắn thôi, ông nói, như lẩm bẩm một mình *Intelligenti pauca**; thời buổi này, viết càng ít càng tốt. Ông đọc to:

"Tôi gửi ông anh Juyliêng Xoren, của giáo khu này, tôi đã làm lễ rửa tội cho anh ấy gần được hai chục năm rồi; con một người thợ xẻ tuy giàu có, nhưng chẳng cho anh tí gì, anh Juyliêng sẽ là một người góp công xuất

sắc trong vườn nho của Chúa. Trí nhớ, trí thông minh có thừa, lại biết suy nghĩ. Thiên hướng của anh ấy có được bền không? có chân thành không?"

- *Chân thành!* linh mục Pira nhắc lại với một vẻ ngạc nhiên, và nhìn Juyliêng; nhưng con mắt của ông linh mục này đã bớt vẻ lãnh đạm vô tình; *chân thành!* ông nhắc lại nhỏ giọng hơn và đọc tiếp:

"Tôi xin ông cho Juyliêng một học bổng; ông sẽ cho anh ta qua những cuộc sát hạch cần thiết, xem có xứng đáng không. Tôi có dạy cho anh một ít thần học, cái khoa thần học cũ và tốt của những bậc như Bôxuyê Arnôn, Flory*. Nếu anh sinh đồ này không vừa ý ông, thì xin ông gửi trả về cho tôi; ông giám đốc viện tế bần, mà ông biết rõ, trả cho anh tám trăm quan để làm gia sư cho lũ con của ông ta. - Tâm hồn tôi yên ổn, nhờ ơn Chúa. Tôi đương quen dần với biến cố *khủng khiếp**. *Vale et me ama**."

Cha xứ Pira, chậm giọng lại khi đọc đến chữ ký, vừa thở dài vừa đọc cái tên *Sêlăng*.

- Ông ấy được yên ổn, ông nói; quả vậy, đạo đức của ông ấy xứng đáng được phần thưởng đó; cầu Chúa ban cho ta sự yên ổn đó, khi lâm sự!

Ông nhìn lên trời và làm dấu thánh giá. Trông thấy dấu phép thiêng liêng đó, Juyliêng cảm thấy giảm bớt nỗi rùng rợn cực độ nó đã làm cho anh giá lạnh, từ lúc bước chân vào cái nhà này.

- Ở đây, ta có ba trăm hai mươi một sinh đồ đang vươn lên tình trạng rất thánh, cuối cùng linh mục Pira nói, với một giọng nghiêm khắc, nhưng không ác; chỉ có

bảy tám người được gửi gắm cho ta bởi những người như cha xứ Sêlăng; như vậy là trong số ba trăm hai mươi một người, anh sẽ là người thứ chín. Nhưng sự đỡ đầu của ta không phải là đặc ân, là nhu nhược, nó là chăm sóc gấp bội và nghiêm khắc gấp bội chống mọi tật hư. Anh ra khóa cái cửa kia lại.

Juyliêng cố gắng để bước đi và anh không đến nỗi ngã quy. Anh nhận thấy có một cửa sổ nhỏ, cạnh cửa ra vào, trông ra cánh đồng. Anh nhìn cây cối; trông thấy cây, anh được khoan khoái như trông thấy những người bạn cũ.

- *Loquerisne linguam latinam?* (Anh có nói được tiếng La-tinh không), linh mục Pira hỏi anh, lúc anh trở lại.

- *Ita, pater optime* (Thưa cha rất tốt, có ạ), Juyliêng trả lời, hơi tỉnh trí lại. Cố nhiên chưa bao giờ có người nào trên đời mà anh thấy ít tốt hơn ông Pira, từ nửa giờ đồng hồ vừa qua.

Cuộc chuyện trò tiếp tục bằng tiếng La-tinh. Con mắt của ông linh mục dịu dần; Juyliêng lấy lại được đôi chút bình tĩnh. Sao ta mềm yếu đến thế, anh nghĩ bụng, để cho những vẻ ngoài của đạo đức kia làm cho khiếp phục! con người này rồi cũng chỉ là một tên xảo quyết như lão Maxlông mà thôi; và Juyliêng lấy làm đặc chí là đã giấu hầu hết tiền bạc của anh trong đôi giày ủng.

Linh mục Pira sát hạch anh về thần học, ông lấy làm ngạc nhiên về kiến thức rộng của anh. Sự kinh ngạc của ông càng tăng thêm khi ông hỏi anh đặc biệt về Kinh Thánh. Nhưng khi đi đến những câu hỏi về giáo lý của các Cha, thì ông thấy rằng Juyliêng không biết cả đến

tên thánh Giêrôm, thánh Ôguyxtanh, thánh Bônavăngtuya, thánh Bazil, v.v...

Quả thật, linh mục Pira nghĩ bụng, đây đúng là cái khuynh hướng tai hại về đạo tin lành mà ta vẫn trách Sêlăng. Một sự hiểu biết sâu và sâu quá về Kinh Thánh.

(Juyliêng vừa mới nói với ông, tuy không bị hỏi về vấn đề đó, về thời gian *thực sự* mà thiên Sáng thế và bộ sách Năm quyển đầu* trong Cựu-ước đã được viết ra.)

Cái lý luận liên miên vô tận về Kinh Thánh kia đưa đi đến đâu, linh mục Pira nghĩ bụng, nếu không phải là đến sự *phán xét cá nhân*, nghĩa là đến một thứ đạo Tin lành tệ hại nhất? Và bên cạnh cái kiến thức đại dốt đó, lại không có chút hiểu biết nào về các Cha để có thể bù lại khuynh hướng kia.

Nhưng nỗi kinh ngạc của ông giám đốc chủng viện không còn bờ bến nào nữa, khi hỏi Juyliêng về uy quyền của Giáo hoàng, và chờ đợi được nghe những cách ngôn của giáo hội gallican* cũ, thì anh chàng trẻ tuổi này lại đọc thuộc lòng cho ông từ đầu đến cuối quyển sách của ông dơ Mextro.

Cái nhà ông Sêlăng này lạ thật, cha Pira nghĩ bụng; hay là ông ấy đã giảng sách này cho anh ta, là để dạy cho anh ta biết nhạo báng nó?

Ông hỏi Juyliêng để thử đoán xem thật anh có tin lý thuyết của ông dơ Mextro không, nhưng vô hiệu. Anh chàng thanh niên chỉ trả lời bằng trí nhớ thôi. Từ lúc đó trở đi, Juyliêng thực sự sáng khoái, anh cảm thấy anh làm chủ được mình. Sau một cuộc hạch sách rất lâu thấy hình như sự nghiêm khắc của ông Pira đối với anh chỉ

còn là giả tạo. Quả vậy, nếu không có những nguyên tắc về sự nghiêm nghị khắc khổ mà, từ mười lăm năm nay, ông đã tự đề ra cho ông đối với các sinh đồ thân học của ông, thì ông giám đốc chủng viện đã ôm hôn Juyliêng nhân danh luân lý, vì ông thấy những câu trả lời của anh sáng sủa biết bao, chuẩn xác rành mạch biết bao.

Đây là một trí óc mạnh dạn và lành mạch, ông tự nhủ, nhưng *corpus debile* (thể xác thì yếu ớt).

- Anh có hay ngã như thế này không? Ông hỏi Juyliêng bằng tiếng Pháp và lấy tay chỉ xuống sàn nhà.

- Đây là lần đầu tiên trong đời tôi, vì cái mặt ông gác cổng đã làm cho tôi lạnh cả người, Juyliêng nói thêm và đỏ mặt như một đứa con nít.

Linh mục Pira gần như mủm mỉm.

- Đó là hiệu quả những thói phù hoa của thế gian; rõ ràng là anh đã quen với những bộ mặt tươi cười, nó thật là những trò dối trá. Lẽ thật vẫn khắc khổ, anh ạ. Thì phận sự của chúng ta ở cõi đời này há chẳng khắc khổ đấy sao? Sau đây cần phải coi chừng cho lương tâm anh đề phòng sự yếu đuối này: *Quá dễ cảm vì những vẻ đẹp hư huyền của bề ngoài.*

Nếu anh không được gửi gắm cho ta, cha Pira nói, ông lại dùng tiếng La tinh với một sự thích thú rõ rệt, nếu anh không được gửi gắm cho ta bởi một con người như cha Sêlăng, thì ta sẽ nói với anh bằng ngôn ngữ hư phiếm của cái thế gian mà có vẻ như anh đã quá quen rồi. Học bổng toàn phần mà anh xin, ta có thể nói với anh, là một thứ khó được nhất ở đời này. Nhưng cha Sêlăng qua năm mươi sáu năm làm công việc truyền giáo,

chả hóa ra đã có ít công lênh, nếu không được sử dụng một món học bổng ở chủng viện.

Sau những lời đó, cha Pira khuyên Juyliêng không nên gia nhập một hội kín nào hoặc một thánh hội kín nào mà không có sự đồng ý của ông.

- Con xin lấy lời danh dự cam đoan với cha. Juyliêng nói, với sự nở nang lòng dạ của một người hào nhã.

Ông giám đốc chủng viện mỉm cười lần đầu tiên.

- Lời nói đó ở đây không hợp, ông nói, nó làm ta nhớ nhiều quá đến cái danh dự hư phiếm của người thế gian, nó dẫn họ đến bao nhiêu lỗi lầm, và nhiều khi đến những tội ác nữa. Anh phải vâng lời ta vì lẽ thiêng liêng, chiếu theo đoạn mười bảy trong sách lệnh *Unam Ecclesiam** của thánh Pi V.*. Ta là bề trên của anh về giáo chức. Trong ngôi nhà này, nghe thấy, con rất yêu quý ả, là vâng lời. Con có bao nhiêu tiền?

À, đây rồi, Juyliêng nghĩ bụng, chính vì cái này mà có "con rất yêu quý" đây.

- Thừa cha, ba mươi lăm quan.

- Con hãy ghi chép kỹ lưỡng cách dùng món tiền đó, rồi con sẽ phải tường trình với ta.

Cuộc đàm đạo nặng nề đó đã kéo dài ba tiếng đồng hồ; Juyliêng đi gọi người gác cổng.

- Bác dọn dẹp cho Juyliêng Xoren ở tầng phòng số 103, cha Pira bảo người đó.

Do một sự đặc biệt ưu đãi, ông cho Juyliêng được ở một phòng riêng biệt. .

- Bác đem hòm xiểng của anh ấy vào đó, ông nói thêm.

Juyliêng nhìn xuống và nhận ra cái hòm của mình ở ngay trước mặt, anh nhìn nó từ ba tiếng đồng hồ, mà không nhận ra nó.

Khi đến tầng phòng số 103, đó là một gian buồng nhỏ tí, vuông mỗi bề tám piê, ở tầng gác trên cùng. Juyliêng nhận thấy nó trông ra những thành lũy, và qua bên kia những thành lũy đó, thấy cánh đồng xinh đẹp mà sông Đúp ngăn cách với thành phố.

Cảnh trí thật là xinh! Juyliêng kêu lên; tự nói với mình như vậy, anh không cảm thấy ý nghĩa của những lời đó. Những cảm giác rất mãnh liệt của anh trong thời gian gần ngủ, từ lúc đến Bodăngxông, đã làm cho anh hoàn toàn kiệt sức. Anh đến ngồi bên cửa sổ, trên chiếc ghế dựa bằng gỗ duy nhất trong tầng phòng, và ngủ thiếp ngay đi. Anh không nghe thấy tiếng chuông gọi ăn tối, cũng không nghe thấy tiếng chuông lễ chân; người ta đã bỏ quên anh.

Khi những tia nắng đầu tiên sáng hôm sau làm anh thức dậy, anh thấy mình nằm trên sàn nhà.

CHƯƠNG XXVI

THẾ GIAN, HAY CÁI THIẾU THỐ CỦA NGƯỜI GIÀU

Tôi có một thân một mình trên trái đất, không ai thêm nghĩ đến tôi. Tất cả những kẻ mà tôi trông thấy làm nên giàu có, đều có một sự trâng tráo vô sỉ và một lòng tàn nhẫn mà tôi tự cảm thấy mình không có. Họ thù ghét tôi vì lòng nhân hậu dễ dãi của tôi. Chao ôi! chẳng bao lâu tôi sẽ chết, hoặc vì đói, hoặc vì nỗi đau khổ phải trông thấy những con người tàn nhẫn đến thế.

YOUNG *

Anh vội vàng chải áo và đi xuống, vì đã muộn giờ. Một ông trợ giáo mắng cho anh một trận nên thân; không tìm cách để tự thanh minh gì cả, Juyliêng chỉ khoanh tay trước ngực:

- *Peccavi, pater optime** (con là người có tội, con xin thú nhận lỗi lầm, thưa cha), anh nói với một vẻ ăn năn.

Bước đầu như vậy được hoan nghênh vô cùng. Những kẻ khôn khéo trong bọn sinh đồ thấy rằng đây là một con người không phải còn bỡ ngỡ trong nghề. Đến giờ ra chơi, Juyliêng thấy mình được tất cả mọi người tò mò để ý. Nhưng người ta chỉ thấy ở anh một thái độ dè dặt và im lặng. Theo những phương châm của anh tự đề ra cho mình, anh coi tất cả ba trăm hai mươi một bạn đồng học như những kẻ thù; kẻ thù nguy hiểm nhất đối với mắt anh là cha Pira.

Ít ngày sau, Juyliêng phải lựa chọn một cha nghe tội, người ta đưa anh xem một danh sách.

Chà! lạ chúa! người ta cho ta là người như thế nào, anh nghĩ bụng, người ta tưởng rằng ta không hiểu ý tứ hay sao? và anh chọn cha Pira.

Anh không ngờ đâu rằng hành vi đó có tác dụng quyết định. Một anh sinh đồ còn nhỏ tuổi, sinh trưởng ở Verie, và, ngay từ hôm đầu, đã tự tuyên bố làm bạn với anh, cho anh biết rằng ví thử anh chọn ông Caxtanet, phó giám đốc chủng viện, thì có lẽ khôn ngoan hơn.

- Cha Caxtanet là thù địch với ông Pira mà người ta ngờ là có khuynh hướng theo phái Jăngxênit, cậu sinh đồ bé con ghé vào tai anh mà nói.

Tất cả những hành vi đầu tiên của anh chàng cứ tưởng mình là hết sức cẩn trọng, thì lại là những việc hớ hênh, như việc chọn người nghe tội. Bị lầm lạc bởi cái tính vô cùng tự đắc của một người có trí tưởng tượng mơ mộng, anh lấy những ý định của anh làm những sự thực đã có, và tự cho mình là một tay giáo quyết lạnh nghề

lão luyện, anh diên rồ đến nỗi tự trách mình đã thành công trong cái mưu thuật làm ra vẻ yếu đuối kia.

Than ôi! đó là võ khí duy nhất của ta! ở vào một thời khác, anh tự nhủ, thì đáng lẽ ta đã *kiếm ăn* bằng những hành động hùng hồn trước mặt quân thù.

Juyliêng; thỏa mãn về cách xử sự của mình, đưa mắt nhìn chung quanh; anh thấy đâu đâu cũng là vẻ ngoài của đạo đức thuần túy nhất.

Có tám hay mười gã sinh đồ sống rất dặc đạo và có những thần ảo cũng như nữ thánh Têredo và thánh Frăngxoa*, khi người được ban những vết sẹo* trên núi Verna, trong rặng Apennin*. Nhưng đó là một điều bí mật lớn, những bạn thân của họ vẫn giấu giếm. Nhưng chàng thanh niên có thần ảo tội nghiệp đó hầu như luôn luôn nằm bệnh xá. Có đến một trăm gã khác có một đức tính cần cù bền bỉ kết hợp với một đức tin vững chắc. Họ làm việc đến ốm lả ra, nhưng chẳng học được gì mấy. Có hai ba người nổi trội vì có thực tài, trong bọn đó, có một người tên là Sazen; nhưng Juyliêng tự cảm thấy xa họ, và họ cũng thấy xa anh.

Phần còn lại của cái số ba trăm hai mươi một sinh đồ, chỉ gồm toàn những con người thô鄙 không chắc có hiểu gì những tiếng La-tinh mà họ nhắc luôn mồm suốt ngày. Hầu hết là con nhà nông dân, họ thích kiếm ăn bằng cách đọc thuộc lòng vài ba tiếng La-tinh còn hơn là đi cuốc đất. Chính vì nhận xét thấy điều đó mà ngay những hôm đầu, Juyliêng đã tự hứa sẽ có những thành công nhanh chóng. Trong bất cứ công việc phục vụ nào, cũng cần phải có những người thông minh, vì dẫu sao

cũng có một công việc phải làm, anh nghĩ bụng. Ví thử là thời Napôlêông, thì ta có thể làm trung sĩ: giữa những cha xứ tương lai này, ta sẽ làm phó giám mục.

Tất cả những anh nghèo rớt kia, anh nghĩ thêm, ngay từ bé đã làm thợ công nhật, trước khi đến đây, họ sống bằng sữa đông và bánh mì đen. Sống trong những túp lều tranh, họ chỉ ăn thịt mỗi năm độ năm sáu lần. Giống như những chiến binh La-mã coi chiến tranh là thời gian nghỉ ngơi, những anh nhà quê thô鄙 kia suồng mê toi vì những lạc thú của chủng viện.

Trong con mắt lơ đãng của họ, Juyliêng bao giờ cũng chỉ đọc thấy nhu cầu thể chất được thỏa mãn sau bữa ăn, và cái thú thể chất chờ đợi trước bữa ăn. Cần phải làm thế nào nổi trội giữa đám những con người như thế; nhưng có điều Juyliêng không biết, mà người ta không muốn bảo anh, tức là, đứng đầu trong các môn giáo điều, lịch sử giáo hội v.v., mà người ta học ở chủng viện, đối với mắt họ chỉ là một tội lỗi *huy hoàng*. Từ thời Vonte, từ hồi có chế độ chính phủ hai nghị viện, thực ra nó chỉ là *đa nghị và phán xét cá nhân*, và làm cho đầu óc dân chúng có thói quen xấu là *ngại ngờ*, hình như giáo hội Pháp đã hiểu rằng các sách vở là những kẻ thù chân chính của mình. Đối với con mắt của giáo hội, sự phục tùng của trái tim là tất cả. Học hành giỏi giang, ngay cả trong các môn học thiêng liêng, cũng là khả nghi, mà khả nghi là có lý lẽ chính đáng. Ai sẽ ngăn cản được con người ưu việt chạy sang hàng ngũ bên kia như Xiêyex hoặc Grêgoaro*! Giáo hội run sợ bấu chặt lấy giáo hoàng như cái hy vọng cứu rỗi duy nhất. Chỉ duy có giáo hoàng

là có thể tìm cách thủ tiêu hiệu lực của sự phán xét cá nhân, và, bằng những nghi thức trọng thể và kính tín của các nghi lễ triều đình của ngài, tác động được đến tinh thần buồn chán và ốm yếu của những người thế gian.

Juyliêng, thâm nhập được nửa chừng những sự thật linh tinh đó, mà tất cả những lời thốt ra trong một chủng viện đều có khuynh hướng cải chính, Juyliêng sa vào một nỗi u sầu vô hạn. Anh làm việc rất nhiều, và học được nhanh chóng những điều cần thiết cho một giáo sĩ, những điều rất sai lầm đối với mắt anh, và anh chẳng thiết tha đến tí nào. Anh cho rằng chả còn có công việc gì khác nữa.

Vậy ra ta đã bị cả trần gian quên lãng rồi chăng? anh nghĩ bụng. Anh không biết rằng ông Pira đã nhận được và đã vút vào đồng lửa vài bức thư đóng dấu từ Dijông, trong thư, mặc dầu lời lẽ rất đúng đắn chừng chạc, vẫn thấy lộ ra một mối tình hết sức nồng nàn thắm thiết. Hình như có những niềm hối hận lớn đả phá mối tình đó. Càng hay, cha Pira nghĩ thầm, ít ra không phải là anh ta đã yêu một người đàn bà vô đạo.

Một hôm, cha Pira mở một bức thư hình như bị nhòa mất phần nửa vì nước mắt, đó là một thư vĩnh biệt. Thế là, trong thư người ta nói với Juyliêng, trời đã ra ân cho tôi mà khiến tôi thù ghét, không phải người sinh ra tội lỗi của tôi, người đó sẽ mãi mãi là người quý báu nhất đời của tôi, nhưng thù ghét chính bản thân tội lỗi đó. Sự hy sinh đã hoàn thành, anh bạn ạ. Không phải là không có nước mắt, như anh xem đây. Sự cứu rỗi của những kẻ mà tôi có bốn phận phải dốc lòng tận tụy, và anh đã yêu mến bao nhiêu, đã thắng. Một vị Chúa công bằng, nhưng

uy vũ, sẽ không thể nào báo thù vào đầu chúng về những tội ác của mẹ chúng được. Vĩnh biệt nhé, Juyliêng, anh hãy công bằng đối với mọi người.

Đoạn cuối bức thư hầu như không còn chữ nào đọc được. Người ta cho một địa chỉ ở Dijông, tuy vậy người ta hy vọng rằng Juyliêng sẽ không bao giờ trả lời, hay ít ra anh sẽ dùng những lời lẽ mà một người đàn bà trở lại doan chính có thể nghe thấy mà không đỏ mặt.

Nỗi u sầu của Juyliêng, được giúp thêm bởi sự ăn uống tồi tệ do người hầu cung cấp cho nhà trường theo giá 83 xăng tim* một suất ăn, bắt đầu ảnh hưởng đến sức khỏe của anh, thì một buổi sáng, Fukê ở đâu bỗng hiện vào buồng anh.

- Thế là tao đã vào lọt. Tao đến Bodăngxông đã năm lần, chả trách móc gì đâu, để thăm mày thôi. Lần nào cũng thấy cái mặt gỗ. Tao đã đặt một người rình ở cửa trường; vì lẽ đêch gì mà không bao giờ mày ra đến ngoài cả?

- Đó là một sự thử thách mà tao tự đề ra cho tao.

- Tao thấy mày khác trước nhiều lắm. Nhưng thôi, tao được gặp lại mày là tốt rồi. Hai đồng ê-quy năm quan đẹp nồn vừa mới dạy bảo cho tao biết rằng tao chỉ là một thằng ngu đã không biết đem chúng nó mà hiến ngay từ chuyển đầu.

Chuyện trò giữa hai người bạn liên miên không dứt. Juyliêng biến sắc khi Fukê bảo anh:

- Này, mày có biết không? bà mẹ những thằng học trò của mày đâm ra sùng tín cao độ.

Và anh ta nói với cái vẻ ung dung bình thản nó tác động một cách rất lạ lùng vào cái tâm hồn nồng nhiệt mà người ta khuấy động không ngờ những nỗi thiết tha trân trọng nhất.

- Phải, mày ạ, một niềm sùng tín cực kỳ phấn kích. Nghe nói bà ta có đi hành lễ nhiều chuyến. Nhưng, thật là sỉ nhục muôn đời cho thằng cha xứ Maxlông, đã bao lâu do thám ông Sêlăng tội nghiệp, bà dơ Rênan không thèm nhờ cái mặt nó. Bà ấy đi xưng tội ở Dijông hoặc ở Bogăngxông kia.

- Bà ta đi Bodăngxông, Juyliêng nói, vâng trán nhuộm hồng.

- Khá nhiều lần, Fukê trả lời với một vẻ như muốn hỏi.

- Mày có những số báo *Người lập hiến* đem theo đấy không?

- Mày bảo sao? Fukê hỏi lại.

- Tao hỏi mày có những số báo *Người lập hiến* không? Juyliêng nói lại, với một giọng hết sức điềm tĩnh. Ở đây họ bán ba mươi xu một số.

- Thế nào! cả ở trong chủng viện, cũng có phái tự do! Fukê kêu lên. Thương thay nước Pháp! anh nói thêm, bắt chước cái tiếng nói giảo quyệt và cái giọng ngọt ngào của cha xứ Maxlông.

Cuộc viếng thăm này đáng lẽ đã kích động sâu sắc anh chàng của chúng ta, nếu ngay hôm sau, không có một lời nói của cậu bé sinh đồ người ở Verie mà anh vẫn

cho là còn bé bỏng quá, làm cho anh phát hiện được một điều quan trọng. Từ ngày vào trường, cách xử sự của Juyliêng chỉ là một chuỗi những hành vi sai lầm. Anh tự cười mình một cách chua chát.

Thực ra, những hành động quan trọng trong đời anh đều được tiến hành một cách khôn khéo; nhưng anh không chăm sóc đến những chi tiết, mà những người khéo léo ở chủng viện thì chỉ nhìn vào chi tiết. Bởi vậy nên anh đã được các bạn đồng học cho là một *dầu óc cứng cỏi*. Anh đã bị vô vàn những hành vi nhỏ nhặt làm hại.

Đối với mắt họ, anh rõ ràng là có cái thói tật tày trời này, *anh suy tưởng, anh phán đoán tự mình*, chứ không nhắm mắt mà theo *uy quyền* và noi gương người khác. Cha Pira đã không giúp ích gì được cho anh; ông không hề nói với anh một lời nào ngoài tòa xưng tội, mà ngay cả ở đó ông cũng nghe nhiều hơn nói. Ví thử anh đã lựa chọn cha Caxtanet thì sự tình đã khác hẳn.

Từ lúc Juyliêng nhận thấy nỗi điên rồ của mình, thì anh không buồn chán nữa. Anh muốn biết sự tai hại rộng lớn đến đâu, và, vì thế, anh hơi rời bỏ đôi chút cái thái độ im lặng kiêu kỳ và lì lợm anh vẫn dùng để gạt xa các bạn học. Thế là bây giờ họ báo thù lại anh. Những sự đon đả của anh bị đón tiếp bằng một sự khinh bỉ đi đến chỗ trào lộng. Anh nhận ra rằng, từ ngày vào trường, không có một giờ phút nào, nhất là trong những lúc ra chơi, lại không mang hậu quả hoặc có lợi hoặc có hại cho anh, lại không làm tăng thêm số những người thù địch với anh, hoặc mua chuộc được cho anh lòng ân ưu của

một anh sinh đồ nào đó, có đạo đức chân thực hoặc ít thô bỉ hơn những kẻ khác một tí. Cái tai hại cần phải cứu vãn thật là mệnh mông, công việc thật hết sức khó khăn. Từ nay trở đi, Juyliêng phải không ngừng lưu ý đề phòng; vấn đề là cần phải tự vẽ ra cho mình một tính cách hoàn toàn mới mẻ.

Chẳng hạn, những động tác của con mắt anh làm cho anh khổ sở nhiều lắm. Không phải không có lý do mà ở những nơi này người ta cụp mắt xuống. Hồi ở Verie ta thật là tự đắc quá! Juyliêng tự nhủ, ta cứ tưởng là đương sống; kỳ thực ta chỉ mới chuẩn bị cho cuộc sống; bây giờ đây ta mới thật vào đời, chung quanh toàn những kẻ thù thực sự, mà đời sẽ là như thế cho đến bao giờ ta hoàn thành vai trò. Phải giảo quyết từng phút, anh nghĩ thêm, thật là khó khăn vô cùng! những công trình của Hecquyn thật không thấm vào đâu. Hecquyn của thời hiện đại, chính là Xiextơ Canh * trong mười lăm năm liền, bằng thái độ khiêm tốn, đánh lừa được bốn chục ông hồng y giáo chủ đã mắt trông thấy ông nóng nảy kiêu căng trong suốt thời thanh niên.

Thì ra ở đây học vấn không có nghĩa lý gì! anh nghĩ thầm với một nỗi hận trong lòng; sự tiến bộ trong môn giáo điều, trong môn thánh sử, v.v... chỉ đáng kể bề ngoài thôi. Tất cả những điều người ta nói về vấn đề đó đều là để làm cho những thằng điên rồ như ta phải sa vào cam bẫy. Than ôi! cái giá trị duy nhất của ta là ở chỗ ta tiến bộ nhanh chóng, ở cái cách ta hiểu những trò nói lằng nhằng đó. Hay là thực ra thì họ cũng biết đánh giá

những cái đó theo đúng giá trị của nó? họ có phê phán giống ta không? Thế mà ta cứ ngu dại tự hào mãi! Bao giờ ta cũng được xếp hạng thứ nhất, như vậy chỉ tổ đem lại cho ta thêm những kẻ thù ráo riết mà thôi. Anh chàng Sazel, học giỏi hơn ta, nhưng bao giờ cũng tống vào trong bài làm vài lỗi thô kệch, làm cho anh phải tụt xuống hàng thứ năm mười, nếu có được nhất, thì chỉ là do sự sơ ý. Chao ôi! một lời nói, chỉ một lời nói của ông Pira thôi, sẽ có ích cho ta bao nhiêu!

Từ lúc Juyliêng được tỉnh ngộ, thì những buổi tập luyện rất dài về đức kính tín khổ hạnh, như mỗi tuần năm buổi đọc kinh lần tràng hạt, những bài hát ca tụng Thánh-tâm, v.v., v.v., anh vẫn cho là buồn chán chết người, nay trở thành những lúc hoạt động rất thú vị của anh. Suy nghĩ nghiêm khắc về bản thân mình, và nhất là cố tìm cách không đánh giá quá cao những khả năng của mình, Juyliêng không như những anh sinh đồ gương mẫu, mà hy vọng mỗi lúc làm ngay được những hành vi có ý nghĩa, nghĩa là chứng tỏ một thứ chí thiện của người có đạo cơ đốc. Ở chủng viện, có một cách ăn một quả trứng nguyên vỏ*, nó báo hiệu những tiến bộ trong đời sống sùng tín.

Bạn đọc, có lẽ đương mỉm cười, xin hãy nhớ lại tất cả những lỗi lầm, khi ăn một quả trứng, của tu sĩ Đolilo* được mời đến ăn bữa sáng ở nhà một bà lớn trong triều vua Luy XVI.

Trước hết, Juyliêng tìm cách đạt tới tình trạng *non culpa**, là tình trạng của một anh sinh đồ trẻ mà đáng

dấp đi đúng, cách cử động hai cánh tay, đôi mắt v.v..., thật quả không tỏ một chút gì là xã giao thể tục, nhưng chưa biểu hiện ra con người miệt mài với ý nghĩ về đời sống bên kia và cái *hoàn toàn hư không* của đời sống này.

Luôn luôn Juyliêng thấy viết bằng than, trên các bức tường của hành lang, những câu thể này: Sáu chục năm thử thách có nghĩa lý gì, nếu đem ra bắc đồng cân với thiên niên vạn đại lạc thú hoặc thiên niên vạn đại dầu sôi nơi hỏa ngục! Anh không coi khinh những câu đó nữa; anh hiểu rằng cần phải có những câu đó luôn luôn trước mắt. Ta sẽ làm gì trong suốt cuộc đời ta? anh tự hỏi; ta sẽ bán cho các tín đồ một chỗ đứng trên thiên đường. Làm cách nào cho họ trông thấy chỗ đứng đó? bằng sự khác nhau giữa cái vẻ bề ngoài của ta với của một người thể tục.

Sau bao nhiêu tháng dùi mài tu luyện không giây phút nào ngơi, Juyliêng vẫn còn cái vẻ *suy tưởng*. Cách anh đưa con mắt và chuyển làn môi không báo hiệu tâm lòng tín ngưỡng mặc nhiên và sẵn sàng tin bất cứ cái gì và bênh vực bất cứ cái gì, dù có phải chịu khổ hình tuần nạn. Juyliêng lấy làm tức giận thấy bị thua kém trong loại đó so với những anh nhà quê thô鄙 nhất. Bọn họ không có vẻ suy tưởng, là có những lý do rất đúng.

Anh chẳng quản công lao khó nhọc để đạt tới cái tướng mạo tín ngưỡng nhiệt tâm và mù quáng, sẵn sàng tin mọi thứ, chịu đựng mọi thứ, mà người ta thấy rất nhiều trong các nhà tu kín ở Ý, và Ghersanh* đã để lại

cho bọn người thế tục chúng ta những mẫu mực rất hoàn thiện trong các bức họa nhà thờ của ông⁽¹⁾.

Những ngày đại khánh tiết, người ta cho sinh đồ ăn xúc xích với dưa cải bắp. Những bạn ngồi ăn bên cạnh Juyliêng nhận xét thấy anh thờ ơ với cái hạnh phúc ấy; đó là một trong những tội ác hàng đầu của anh. Các bạn học thấy ở đó một nét khả ố của cái tính giáo quyệt ngu đại nhất; không có gì làm cho anh bị nhiều kẻ thù ghét hơn. Hãy trông cái thằng trưởng giả kia, hãy trông cái thằng lên mặt khinh khỉnh kia, họ nói nó làm ra bộ coi khinh cái *bữa ăn* ngon nhất, xúc xích với dưa cải bắp! i-xì! cái thằng đê tiện! cái thằng kiêu ngạo! cái thằng dầy dọ!

Than ôi! sự dốt nát của những cậu nhà quê kia, bạn đồng học của ta, là một ưu thế rất lớn cho họ, Juyliêng kêu lên trong những lúc chán nản. Khi họ đến trường, thầy giáo không cần phải giữ bỏ cho họ cái sổ kinh khủng những ý nghĩ xã giao thế tục mà ta đem lại, và dù ta muốn làm thế nào họ cũng đọc thấy trên mặt ta.

Juyliêng quan sát với một sự chăm chú gần như thèm muốn, những đứa thô鄙 nhất trong đám các cậu bé nhà quê đến chủng viện. Cái lúc người ta tước bộ áo vét bằng dạ tuyết xoắn của họ để cho họ khoác áo dài đen, nên giáo dục của họ vốn chỉ vền vện có một tấm lòng kính

(1) Xem ở viện bảo tàng Luvrơ, bức họa Frăngxoa quận công xứ Akiten cởi bỏ áo giáp và khoác áo thầy tu, số 1130.

trọng mệnh mạng và vô biên đối với đồng tiền *khô và lỏng**, như người ta thường nói ở Frăng-sơ-Công-tê.

Đó là cái lối nói trịnh trọng và hùng dũng để diễn tả cái ý niệm cao siêu *tiền mặt*.

Hạnh phúc, đối với những gã sinh đồ đó, cũng giống như đối với các nhân vật chính trong tiểu thuyết của Vonte, cần nhất là được ăn ngon. Juyliêng phát hiện thấy ở hầu hết bọn họ một lòng kính trọng bẩm sinh đối với con người mặc một bộ áo bằng *dạ nhỏ sợi*. Cái tình cảm đó đánh giá cách xét xử *thường phạt phối đương**, như các tòa án của ta thường làm, theo đúng giá trị của nó và có khi còn dưới giá trị của nó nữa. Có lợi gì, họ thường nói với nhau nhiều lần, mà đi kiện cáo với một anh *kéch sù*?

Đó là từ ngữ ở các thung lũng miền Juyra, để nói một người giàu có. Ta thử nghĩ xem họ kính trọng đến thế nào đối với kẻ giàu có hơn cả, là chính phủ!

Không mỉm cười kính trọng mỗi khi nghe nói đến tên ngài tỉnh trưởng, thì những người nhà quê xứ Frăng-sơ Công-tê coi là một sự đại dột: mà cái đại dột ở người nghèo thì bị trừng phạt nhanh chóng bằng sự không có bánh ăn.

Trong những buổi đầu như bị ghệt thở vì lòng khinh bỉ, về sau Juyliêng lại cảm thấy thương hại: những người bố của phần đông các bạn đồng học của anh, thường thường buổi tối mùa đông trở về túp lều tranh, thấy ở nhà không có bánh mì, không có hạt dẻ, không có khoai tây. Vậy có gì đáng ngạc nhiên, Juyliêng tự nhủ nếu trong con mắt họ, con người sung sướng trước hết là kẻ vừa

mới được ăn uống no nê, rồi sau là kẻ có một bộ áo tốt! Các bạn đọc của ta có một thiên hướng vững chắc, nghĩa là họ trông thấy trong cái nghề thầy tu một sự tiếp tục lâu dài của niềm hạnh phúc này: ăn uống no nê và có một bộ áo ấm về mùa đông.

Có lần Juyliêng nghe thấy một anh sinh đồ trẻ, giàu trí tưởng tượng, nói với một anh bạn:

- Tại sao tớ lại không có thể trở thành giáo hoàng như Xiexto-Canh, vốn là anh chẵn lộn?

- Người ta chỉ bầu những người Ý lên làm giáo hoàng thôi, anh bạn trả lời; nhưng có cái này chắc chắn, là người ta sẽ rút thăm trong bọn chúng mình cho những chức vị phó giám mục, cha tư giáo, và có lẽ giám mục nữa. Ông P..., giám mục địa phận Salông, là con một người thợ đóng thùng; bố tớ cũng làm nghề đó.

Một hôm, đương giữa một bài học giáo điều, cha Pira cho gọi Juyliêng. Anh chàng thanh niên khốn khổ thật mừng rơn được ra khỏi cái không khí vật chất và tinh thần trong đó anh đương bị chìm ngập.

Juyliêng đến nơi ông giám đốc, thấy cái thái độ đón tiếp nó đã làm anh rùng rợn hôm mới vào trường.

- Anh cắt nghĩa cho ta những chữ viết trên cây bài này, ông nói với anh và nhìn anh một cách làm cho anh chỉ muốn chui xuống đất.

Juyliêng đọc:

"Amăngđa Binê, ở tiệm cà phê *Con huou* cao cổ, trước tám giờ. Cứ nói là quê ở Giănglix, và có họ với mẹ tôi".

Juyliêng thấy nguy to; mặt vụ của cha Caxtanet đã lấy cắp được của anh tám địa chỉ đó.

- Cái ngày con vào đây, anh vừa trả lời vừa nhìn lên trán cha Pira, vì anh không chịu nổi con mắt dữ dội của ông, con rất lo sợ, vì ông Sêlăng có bảo con rằng đây là một nơi đầy dẫy những sự mật cáo và ác độc đủ các loại; sự dò thám và tố giác giữa bạn đồng học được khuyến khích. Đó là ý Trời muốn vậy, để vạch rõ cho các tu sĩ trẻ tuổi thấy cuộc đời đúng như thực tế và gây cho họ lòng chán ghét thế gian và những phù hoa của nó.

- Anh lại còn diễn thuyết với ta nữa đấy, cha Pira nổi xung nói. Đồ nhãi ranh!

- Hồi ở Verie, Juyliêng lạnh lùng nói tiếp, các anh ruột của con đánh đập con khi họ có vấn đề ghen tị với con...

- Vào chuyện! vào chuyện! ông Pira kêu lên, gần như điên cuồng. Không sợ sệt một tí nào, Juyliêng lại kể tiếp.

- Cái hôm con đến Bodăngxông, vào khoảng giữa trưa: bụng đói, con vào một tiệm cà-phê. Lòng con rất không thích một nơi phàm tục như vậy; nhưng con nghĩ rằng ăn một bữa sáng ở đây có lẽ rẻ hơn vào tiệm ăn. Một bà, có vẻ là bà chủ hiệu, thấy dáng điệu bơ ngơ của con, lấy làm ái ngại. Bodăngxông đầy những quân vô lại, bà ta bảo con, tôi e cho cậu lắm, cậu ạ. Nếu cậu gặp chuyện gì chẳng may, cậu cứ nhờ tôi giúp đỡ, cho người đến tìm tôi trước tám giờ. Nếu những người canh cổng trường từ chối không đi giúp cậu, thì cậu cứ bảo là cậu có họ với tôi, và quê ở Giănglix...

- Tất cả những câu nói lảng nhảng này sẽ được thẩm tra ngay bây giờ, cha Pira kêu lên, ông không thể đứng ngồi yên chỗ, cứ đi đi lại lại trong gian phòng.

Bây giờ hãy về tầng phòng!

Ông linh mục đi theo Juyliêng và khóa cửa nhốt anh lại. Anh bèn lục soát ngay hòm của anh, cái cây bài tai hại vốn được giấu giếm trên trọng dưới đáy hòm. Trong hòm không mất mát gì, nhưng bị xáo trộn nhiều; mà chìa khóa thì anh vẫn giắt theo trong mình. May sao, Juyliêng nghĩ bụng, trong thời gian ta còn mù quáng, ta chưa bao giờ nhận lời cho phép ta ra phố, mà ông Caxtanet vẫn luôn luôn ngỏ ý với ta một cách rất nhân đức mà bây giờ ta mới hiểu. Rất có thể ta đã yếu lòng đi thay y phục và đến thăm cô Amăngđa xinh đẹp, và thế là ta nguy. Khi người ta đã hết hy vọng khai thác một tin tức lượm lặt theo cách đó, để cho khỏi phí đi, người ta bèn đi tố giác.

Hai tiếng đồng hồ sau, ông giám đốc cho gọi anh lên:

- Anh đã không nói sai sự thực, ông bảo anh với một cái nhìn bớt nghiêm khắc hơn; nhưng giữ một cái địa chỉ như vậy là một sự khinh suất mà anh không thể quan niệm được nó nghiêm trọng như thế nào. Khốn khổ cho anh! trong mười năm nữa, có lẽ nó sẽ làm cho anh bị thiệt hại.

CHƯƠNG XXVII

KINH NGHIỆM ĐẦU TIÊN VỀ CUỘC ĐỜI

Thời gian hiện tại. Trời đất ơi! đó là hòm pháp điển của Chúa. Vô phúc cho ai đụng đến.*

DIDORÔ*

Bạn đọc vui lòng cho phép tôi được đưa ra rất ít những sự việc rõ ràng và rành mạch về quãng đời này của Juyliêng. Không phải là chúng tôi thiếu sự việc, rất trái lại; nhưng có lẽ những điều anh ta trông thấy ở Chung viện đen tối quá, không hợp với màu sắc ôn hòa mà chúng tôi đã cố duy trì trong những trang giấy này. Những người đương thời bị đau khổ vì một số chuyện, hễ cứ nhớ đến là họ cảm thấy một nỗi rung rợn nó làm tê liệt hết mọi thích thú cả đến thích thú đọc một câu truyện kể.

Juyliêng ít thành công trong những cố gắng giáo quyết của anh về cử chỉ; anh có những lúc chán ngấy và cả chán nản hoàn toàn nữa. Anh không thành công, mà lại

là trong một con đường nghề nghiệp bí ối nữa chứ. Giá thử từ bên ngoài có được một sự giúp giập nào dù là rất nhỏ bé, thì anh cũng có thể lấy lại được tinh thần, nổi khó khăn phải khắc phục cũng không lấy gì làm lớn lắm; nhưng anh chỉ có một mình như một chiếc thuyền tro vơ trên mặt Đại dương. Cho dù ta có thành công đi nữa, anh nghĩ bụng, nhưng cả cuộc đời phải sống với những kẻ đồng bạn xấu đến thế kia! Nhưng kẻ háu ăn chỉ nghĩ đến món trứng trắng với mỡ lợn, mà họ ăn ngấu nghiến trong bữa ăn chiều, hoặc những hạng tu sĩ như Caxtanet không coi tội ác nào là đen tối quá! Họ sẽ đạt tới quyền thế; nhưng với giá nào, Trời đất ơi!

Ý chí con người rất mãnh liệt, đâu đâu ta cũng đọc thấy điều đó; nhưng có đủ để vượt qua được một sự chán ngấy đến thế kia không? Công việc của những bậc vĩ nhân thật đã dễ dàng: dù nổi gian nguy có dữ dội đến đâu, họ cũng thấy nó đẹp; nhưng có ai hiểu được, trừ ta, sự xấu xa bí ối của tất cả những cái chung quanh ta hiện nay?

Thời kỳ này là thời kỳ thử thách nhất trong đời anh. Nếu anh muốn đăng lính vào một trong những trung đoàn đẹp mắt đồn trú ở Bodăngxông, thì thật rất dễ dàng! anh có thể làm thầy dạy tiếng La-tinh; anh cần rất ít để sống! nhưng thế thì còn gì là công danh sự nghiệp, còn gì là tương lai cho trí tưởng tượng của anh nữa: thế là chết. Dưới đây là chi tiết của một trong những ngày buồn thảm của anh.

Tính tự đắc của ta thường luôn luôn tự hào rằng ta khác những anh chàng trẻ nhà quê khác! Thì đây, ta đã sống khá nhiều để trông thấy rằng *khác biệt sinh hần*

thù, anh tự nhủ một buổi sáng kia. Cái chân lý lớn lao đó vừa được vạch ra cho anh bởi một sự thất bại cay đắng nhất của anh. Anh đã cố công trong tám ngày liền để lấy lòng một gã sinh đồ sống ra bề đắc đạo. Anh chơi với hắn trong sân trường, lắng nghe một cách phục tòng những chuyện ngổ ngẩn chán ngắt. Bỗng trời nổi cơn dông, sấm sét dưng dưng, và anh sinh đồ thánh thiện vừa kêu lên, vừa đẩy anh ra một cách thô bỉ:

- Này; trong đời này, ai lo phận nấy, tôi không muốn bị sét đánh cháy thui: Chúa có thể cho sét đánh anh như một tên vô đạo, như một gã Vonte.

Tức giận điên người, răng nghiến chặt và mắt mở trừng trừng lên trên bầu trời lần sấm chớp, Juyliêng kêu lên: Ta sẽ đáng bị chìm ngập đáy nước, nếu ta ngủ đi trong cơn bão táp! Ta hãy cố gắng chinh phục một tên đồ gàn nào khác.

Chuông gọi vào học môn thánh sử của cha Caxtanet.

Hôm đó, cha Caxtanet giảng cho những anh chàng thanh niên nhà quê rất sợ lao động nặng nhọc và cảnh nghèo khổ của bố họ, rằng cái đáng mà mắt họ thấy là rất có uy vũ, tức là chính phủ, chỉ có quyền lực thật sự và chính đáng do sự ủy quyền của vị đại lý của Chúa* trên trái đất.

- Các con hãy xứng đáng với những ân huệ của giáo hoàng bằng sự thánh thiện của đời sống các con, bằng sự vâng lời, các con hãy như một cái gậy trong tay người, ông nói thêm, và các con sẽ được một chức vụ huy hoàng, ở đó các con sẽ là người thủ lĩnh có quyền chỉ huy, không bị ai kiểm soát; một chức vụ bất khả bài miễn, chính

phủ trả một phần ba tiền lương bổng, và các tín đồ, do những thuyết giáo của các con đào tạo nên, sẽ trả hai phần ba kia.

Ở lớp học ra, ông Caxtanet đứng lại trong sân trường.

- Chính là nói về một ông cha xứ mà người ta có thể bảo rằng: Con người thế nào thì chúc vụ nấy thế, ông nói với các sinh đồ đương vây quanh lấy ông. Ta đã được biết, chính ta đây này, những xứ đạo miền núi, bổng ngoại còn tốt hơn rất nhiều những xứ đạo ở thành phố. Tiền bạc không kém, lại chưa kể những gà sống thien béo mẫm, trứng gà, trứng vịt, bơ tươi và hàng nghìn cái thú vị lật vạt nữa; và ở đó, ông cha xứ là người thủ chỉ không ai dám chối cãi: không có bữa ăn ngon nào mà không mời mọc, thiết đãi v.v...

Ông Caxtanet vừa trở lên buồng ông, các sinh đồ chia ngay ra thành từng nhóm. Juyliêng không vào nhóm nào; họ bỏ mặc anh như một con chiên ghẻ lở. Trong tất cả các nhóm, anh đều trông thấy một anh học sinh tung một đồng xu lên trời, và nếu anh ta đoán trúng sắp hay ngửa, thì các bạn anh ta kết luận rằng chả bao lâu anh ta sẽ có một xứ đạo có nhiều bổng ngoại.

Rồi đến những mẩu chuyện kể. Có một giáo sĩ trẻ tuổi nọ, vừa mới được phong chức chưa đầy một năm, vì đã biếu một con thỏ của riêng cho chị ở gái của một ông cha xứ già, mà được mời đi làm trợ tế, và vài tháng sau, vì ông cha xứ chết rất nhanh chóng, được thay ông ta trong cái xứ đạo béo bở kia. Một giáo sĩ khác đã khéo léo làm cho mình được chỉ định kế chúc cha xứ ở một thị trấn lớn rất giàu có, bằng cách dự tất cả các bữa ăn

của cha xứ già bại liệt, và cắt thịt gà hộ ông ta rất khéo tay.

Các sinh đồ chủng viện, cũng như các thanh niên trong tất cả mọi nghề nghiệp, thường tự thói phổng tác dụng của những phương sách nhỏ kia nó có điểm khác thường và làm cho đầu óc người ta phải chú ý.

Ta cần phải quen với những câu chuyện trò ấy mới được, Juyliêng tự nhủ. Khi người ta không nói đến xúc xích và những xứ đạo béo bở, thì người ta đàm luận với nhau về cái phần thế tục của các lý thuyết tu hành; về những vụ xích mích giữa những ông giám mục và tỉnh trưởng, giữa những ông thị trưởng và cha xứ. Juyliêng thấy hiện lên ý niệm về một vị Chúa thứ hai, nhưng là một vị Chúa đáng sợ hơn nhiều và quyền thế hơn nhiều; vị Chúa thứ hai đó, là đức giáo hoàng. Họ bảo nhau, nhưng hạ thấp giọng, và khi biết chắc là không bị ông Pira nghe thấy, rằng nếu đức giáo hoàng không thêm mất công bổ nhiệm tất cả các tỉnh trưởng và thị trưởng của nước Pháp, thì chính là vì ngài đã ủy công việc đó cho vua nước Pháp, bằng cách phong cho nhà vua làm trưởng nam của Giáo hội.

Chính vào khoảng thời gian đó mà Juyliêng cho là có thể khai thác cho uy danh của mình quyển sách *Nói về giáo hoàng* của ông đơ Mextơ. Nói thực ra, thì anh làm cho các bạn học phải kinh ngạc; nhưng đó lại là một tai họa nữa. Khi thấy anh trình bày giỏi hơn họ những ý kiến của chính họ, thì họ đâm ghét. Ông Sêlăng đã vụng tính cho Juyliêng, cũng như ông đã vụng tính cho bản thân ông. Sau khi đã cho anh có thói quen lý luận chính

xác và không để cho những lời hư văn huyền hoặc, ông đã quên không bảo anh rằng, ở con người không được trọng vọng mấy, thì thói quen đó là một tội nặng; vì bất cứ lý luận chặt chẽ nào cũng đều làm mất lòng người khác.

Vậy, tài ăn nói của Juyliêng lại là một tội nặng mới của anh. Các bạn học anh, vì nghĩ đến anh nhiều, đã tìm được một câu nói đủ diễn tả được tất cả nỗi kinh khiếp mà anh gây cho họ: họ tặng anh cái biệt hiệu là *Mactanh Luyte**; nhất là vì, họ nói, cái luận lý ma quỷ địa ngục nó làm cho anh rất kiêu hãnh.

Nhiều anh sinh đồ trẻ tuổi sắc mặt hồng hào tươi mười hơn và có thể được coi là đẹp trai hơn Juyliêng; nhưng anh có đôi bàn tay trắng trẻo và không thể nào giấu được một số những thói quen sạch sẽ cảnh vệ. Cái ưu điểm đó không phải là ưu điểm trong cái nhà buồn thảm mà số phận đã ném anh vào. Những anh nhà quê bản thủ mà anh sống giữa bọn họ, phát ngôn rằng anh có những tác phong sinh hoạt rất buông tuồng. Chúng tôi sợ làm chán tai bạn đọc nên không muốn kể lại muôn nghìn những nỗi bất hạnh của anh chàng nhà ta. Chẳng hạn, những thằng bạn sức lực nhất của anh định quen thói đánh đập anh; anh bắt buộc phải tự vệ trang bằng một cái côm-pa bằng sắt và cảnh cáo bằng những ám hiệu, rằng anh sẽ sử dụng nó. Trong một bản báo cáo của mật vụ, những ám hiệu không thể nào được kể là có giá trị bằng những lời nói.

CHƯƠNG XXVIII

MỘT ĐÁM RƯỚC

Mọi trái tim đều xúc động. Sự hiện diện của Chúa hình như xuống đến tận những phố nhỏ hẹp và kiến trúc gồ-gồ, cò kéo đèn treo khắp nơi, và được các tín đồ chăm lo rải cát kỹ càng.

YOUNG

Juyliêng tha hồ làm ra bé mọn và ngu dốt, anh cũng không thể vừa lòng họ được, anh khác họ quá. Anh tự nghĩ, tất cả các giáo sư kia đều là những người rất tinh tế và được lựa chọn trong đám hàng nghìn người; sao các ông ấy lại không ưa thích thái độ nhún mình của ta? Duy có một ông, anh thấy có vẻ lăm dụng cái thái độ khiêm nhượng của anh sẵn lòng tin mọi thứ và ra vẻ bị mắc lừa mọi thứ. Đó là linh mục Sa-Becna, giám đốc nghi lễ của nhà thờ lớn, ở đó, từ mười lăm năm nay, người ta cho ông hy vọng một chức vụ cha tư giáo; trong khi chờ đợi, ông dạy khoa giảng đạo ở chủng viện. Trong thời kỳ mù quáng của anh, môn học đó là một trong những môn mà thường Juyliêng hay đứng đầu. Linh

mục Sa xuất phát từ đó mà tỏ tình thân thiện với anh, và, ở lớp học ra, ông sẵn lòng khoác tay anh để đi dạo vài vòng trong vườn.

Ông ta có chủ định gì, Juyliêng tự hỏi? Anh ngạc nhiên thấy linh mục Sa nói với anh, hàng mấy giờ đồng hồ, về những vật trang trí sở hữu của nhà thờ. Có mười bảy cái áo lễ choàng thêu nẹp, không kể các vật trang trí tang lễ. Người ta hy vọng rất nhiều ở bà cụ chủ tịch đờ Ruybembrê; bà cụ cố này, năm nay đã chín mươi tuổi, còn giữ được, ít ra là từ năm bảy mươi*, những áo cưới của bà, bằng những thứ hàng tơ lông lấy của Lyông*, có dệt vàng. Anh thử tưởng tượng, anh bạn ạ, linh mục Sa vừa nói vừa đứng sững ngay lại và mở tròn hai con mắt, những thứ hàng tơ đó dựng đứng lên được, vì có nhiều vàng quá. Ở Bodăngxông mọi người đều tin rằng, do chúc thư của bà chủ tịch, *kho tàng* của nhà thờ sẽ được tăng thêm hơn mười chiếc áo lễ choàng, không kể bốn năm bộ áo choàng đại lễ cho những ngày khánh tiết lớn. Tôi còn đi xa hơn nữa, linh mục Sa hạ thấp giọng nói thêm, tôi có những lý do để nghĩ rằng bà chủ tịch sẽ để lại cho chúng ta tám cây đèn nến bằng bạc mạ vàng, người ta cho rằng do quận công đờ Buôgônho, Saclo Vũ-dũng, mua từ nước Ý về; tổ tiên bà ngày xưa có một người là triều thần sủng ái của quận công. Cái nhà ông này có chủ định gì, với tất cả những chuyện đồ cổ kia nhỉ? Juyliêng tự hỏi. Cuộc chuẩn bị khéo léo này kéo dài đã được một thế kỷ, mà vẫn chưa thấy lộ cái gì ra. Chắc là ông ta phải nghi ngờ gì ta lắm đây! Ông ta khéo léo hơn tất cả những kẻ khác, vì những kẻ kia chỉ mười lăm ngày là người ta

đoán rõ ngay được dụng ý thâm kín. Ta hiểu rồi, lòng hy vọng của ông này bị đau khổ từ mười lăm năm nay!

Một buổi tối, đương giữa bài học kiếm thuật, Juyliêng được gọi lên cha Pira. Ông ta bảo anh:

- Ngày mai là ngày lễ *Corpus Domini* (ngày lễ Thánh thể). Linh mục Sa-Becna cần đến anh để giúp ông ấy trang trí nhà thờ, anh hãy đi đi và hãy vâng lời.

Cha Pira lại gọi anh lại, và nói thêm, với một vẻ thương tình:

- Tùy anh nghĩ xem anh có muốn nhân dịp này để xa lánh ra phố xá một chuyến không.

- *Incedo per ignes*, Juyliêng trả lời (con có những kẻ thù giấu mặt).

Hôm sau, ngay từ sáng sớm, Juyliêng đi đến nhà thờ lớn, hai mắt nhìn xuống. Quang cảnh phố xá và sự hoạt động bắt đầu tấp nập trong thành phố làm cho anh dễ chịu. Khắp nơi, người ta treo đèn kết hoa trước mặt nhà để chào mừng đám rước. Tất cả thời gian anh đã ở trong chủng viện, bấy giờ anh thấy chỉ là một chốc lát. Tư tưởng anh còn ở Vergy và ở cô Amăngda xinh đẹp mà anh có thể gặp, vì tiệm cà phê của cô không lấy gì làm xa lắm. Anh trông thấy từ xa linh mục Sa Becna trên ngưỡng cửa nhà thờ yêu quý của ông ta; đó là một con người to béo, nét mặt phớn phở và có vẻ cởi mở. Ngày hôm đó, ông ta ra chiều đặc chí: Ta đương chờ đợi con, con yêu quý của ta, mới trông thấy anh từ rất xa ông ta đã kêu lên, con đến ta mừng lắm. Công việc ngày hôm nay sẽ lâu và nặng nhọc, chúng ta hãy ăn một bữa lót

dạ thứ nhất để lấy sức; bữa thứ hai sẽ ăn vào hồi mười giờ, trong giờ làm lễ giảng.

- Thưa ông, Juyliêng nói với một vẻ nghiêm trang, con mong rằng lúc nào cũng có người bên cạnh con; xin ông hãy nhận cho rằng, anh vừa nói thêm vừa chỉ chiếc đồng hồ trên đầu hai người, con đến đây lúc năm giờ kém một phút.

- Chà! những cậu bé độc ác ở trong trường làm con lo sợ! Con nghĩ đến họ làm gì, linh mục Sa nói; một con đường đi có bót đẹp vì có những gai góc trong các bụi giậu hai bên đường không? Các du khách cứ đi và để mặc cho gai góc độc ác trơ trẽn nằm yên một chỗ. Thôi, bắt tay vào công việc, con ạ, bắt tay vào công việc đi!

Linh mục Sa bảo rằng công việc sẽ nặng nhọc, thật đúng. Hôm trước vừa có một tang lễ lớn ở nhà thờ, người ta đã không sửa soạn được gì cả; vậy, trong có một buổi sáng, phải phủ lên tất cả các cột gỗ tích phân chia giáo đường làm ba gian trung bộ, một thứ áo ngoài bằng vóc đỏ lên cao đến ba chục piê. Đức giám mục đã cho triệu bốn người trang trí nhà cửa, đi xe trạm từ Pari xuống, nhưng mấy ông đó không thể làm lấy tất cả mọi công việc được, và thấy các bạn đồng nghiệp ở Bodängxông vụng về, đáng lẽ phải khuyến khích họ, các ông ấy lại chế giễu họ làm cho họ lại càng vụng về gấp bội.

Juyliêng thấy rằng phải đích thân leo lên thang, vốn người anh lạnh lẽo nên công việc làm rất tốt. Anh nhận nhiệm vụ điều khiển những người trang trí nhà cửa của thành phố. Cha Sa vui thích nhìn anh bay từ cái thang này sang cái thang kia. Khi tất cả mọi cái cột đã được

phủ vóc, đến vấn đề phải cấm năm bó lông chim lớn lên cái tán lớn, bên trên bàn thờ chính. Đó là một cái vành lớn bằng gỗ chạm trổ công phu, mạ vàng chói lọi và được đỡ bởi tám cái cột lớn vạm thùng bằng đá hoa nước Ý. Nhưng, muốn tới trung tâm cái tán, bên trên bức màn thánh, phải đi trên một đường gờ bằng gỗ, có lẽ đã một và cao bốn chục piê.

Trông thấy con đường gay go đó, những tay trang trí nhà cửa ở Pari xuống, từ trước đến đó vẫn vui cười giòn giã, bỗng ỉu xịu; họ đứng dưới nhìn lên, bàn cãi nhiều và không dám lên. Juyliêng bèn cầm lấy những bó lông chim, và leo lên thang vun vút. Anh đặt những chòm lông đó rất ngay ngắn đúng chỗ trên một đường trang trí vành tròn, ở trung tâm cái tán. Khi anh xuống thang, cha Sa Becna liền ôm lấy anh.

- *Optime**, ông giáo sĩ nhân hậu kêu lên, ta sẽ kể lại việc này với Đức Cha.

Bữa ăn sáng lúc mười giờ rất là vui vẻ. Chưa bao giờ cha Sa trông thấy nhà thờ của ông đẹp như thế.

- Trò thân mến ạ, ông nói với Juyliêng, mẹ ta trước kia làm nghề cho thuê ghế trong tòa giáo đường tôn nghiêm này, thành ra ta được sinh trưởng trong ngôi nhà lớn này. Chế độ khủng bố của Rôbexpie làm cho gia đình ta bị phá sản; nhưng, hồi đó ta mới lên tám tuổi, ta đã phục vụ những lễ giảng ở tư thất, và được nuôi ăn trong ngày làm lễ giảng. Không có ai biết gấp một bộ áo lễ choàng khéo hơn ta, không bao giờ các nẹp bị gãy. Từ khi Napôlêông tái lập việc thờ phụng, ta có cái may mắn được điều khiển mọi việc trong cái thủ phủ tôn kính này.

Năm lần mỗi năm, mắt ta được trông thấy nó trang hoàng bằng những vật trang trí rất đẹp kia. Nhưng chưa bao giờ nó được lồng lẩy như thế này, chưa bao giờ những khổ vóc được dính chặt chề bằng hôm nay, được dán vào cột khít như thế.

- Thế là, ông ta sắp thổ lộ với ta đây, Juyliêng nghĩ thầm, ông ta đương kể lẽ chuyện riêng với ta; có sự cởi mở đấy. Nhưng không hề thấy con người, rõ ràng là đương phần kích này, nói một điều gì khinh suất, ấy là hôm nay ông ta đã làm việc nhiều, trong lòng đương sung sướng. Juyliêng nghĩ bụng, rượu vang ngon đã uống thả cửa. Con người giỏi thật! thật là cái gương tốt cho ta! đáng mặt anh chị*. (Đó là một câu nói hạ lưu, anh thừa hưởng của ông cụ thiếu tá quân y.)

Lúc chuông điểm phân hát *Sanctus** của lễ giảng, Juyliêng định lấy một tấm áo bằng vải trắng để đi theo đức giám mục trong đám rước nguy nga tráng lệ.

- Thế còn kẻ trộm, con ơi, thế còn kẻ trộm! cha Sa kêu lên, con không nghĩ đến à? Đám rước sắp đi ra, nhà thờ sẽ vắng vẻ; hai thầy trò sẽ ở lại trông coi. Chúng ta nên lấy làm may phúc nếu chỉ mất mát có một vài thước của cái nẹp vàng đẹp để quán chân cột kia. Đấy cũng lại là một tặng phẩm của bà đỡ Ruybemprê; bà thừa hưởng của ông cụ ba đời, vị bá tước trứ danh; vàng mười đấy, con ạ, ông linh mục ghé vào tai anh nói thêm, với một vẻ phần kích rõ ràng, không có tí gì là giả tạo! Ta giao cho anh kiểm soát chái nhà phía bắc đừng có rời khỏi. Ta giữ phần ta chái phía nam và gian đại trung đường. Phải lưu ý đến những phòng xung tội; chính ở đó, những

con mẹ do thám của phường ăn trộm hay nấp rình lúc chúng ta quay mặt đi.

Ông vừa nói xong, thì chuông điểm mười một giờ ba khắc, và liền ngay đó chuông lớn lên tiếng giống giả. Tiếng chuông vang lừng; những âm thanh chắc nịch và long trọng kia làm cho Juyliêng xúc động. Trí tưởng tượng của anh không còn ở trên trái đất nữa.

Mùi thơm của hương trầm và của những cành hoa hồng do những đứa bé hóa trang thành thánh Jăng gieo trước thánh thể làm cho anh mê đặc.

Những tiếng chuông rất nghiêm trầm kia đáng lẽ chỉ nên đánh thức dậy ở Juyliêng ý nghĩ về công việc của hai chục người trả công năm mươi xăngtim, và có lẽ được mười lăm hay hai chục tín đồ giúp sức. Đáng lẽ anh phải nghĩ đến sự hao mòn của các dây chuông, sự hao mòn của rui me, đến nỗi nguy của chính bản thân cái chuông, cứ hai thế kỷ lại có một lần rơi xuống, và suy nghĩ về cách làm thế nào giảm bớt tiền công của những người giặt chuông, hoặc trả công họ bằng một sự rộng lượng hay ân huệ gì khác trích ở quỹ của Nhà thờ, và không làm xep túi tiền của mình.

Đáng lẽ suy nghĩ những điều khôn ngoan như vậy, thì tâm hồn Juyliêng, được phấn kích bởi những âm thanh rần rỏi và chắc nịch kia, lại lỏng lẻo trong những cõi mơ mộng. Không bao giờ anh làm được một giáo sĩ tốt, cũng không bao giờ là một nhà cai trị giỏi. Những tâm hồn dễ xúc động như thế, bất quá chỉ tạo nên được một anh nghệ sĩ là cùng. Ở đây trông thấy rõ ràng cái tự đắc của Juyliêng. Có lẽ đến năm chục anh sinh đồ chủng viện,

bạn đồng học của anh, được trở nên chăm chú đến thực tế của đời sống do nỗi thù ghét của mọi người và do cái chủ nghĩa Jacôbanh mà người ta vạch cho họ là đương mai phục đằng sau mỗi bờ rào, khi nghe tiếng chuông lớn của nhà thờ, có lẽ họ chỉ nghĩ đến tiền công của những người kéo chuông. Có lẽ họ xem xét, với cái thiên tài của Barem*, xem mức độ xúc cảm của công chúng có đáng đồng tiền trả cho những người kéo chuông hay không. Ví thử Juyliêng muốn nghĩ đến những lợi ích vật chất của nhà thờ, thì trí óc anh, vút bay xa quá đích, có lẽ lại nghĩ đến cách tiết kiệm bốn chục quan cho xưởng chế tạo, và bỏ lỡ mất cơ hội tránh được một món chi tiêu hai mươi nhăm xăngtim.

Trong khi đám rước từ từ đi diễu khắp thành phố Bodăngxông một buổi trời nắng đẹp tuyệt trần, và dừng lại ở những hương án rực rỡ mà tất cả các nhà chức trách đua nhau dựng lên, thì nhà thờ nằm lại trong một cảnh vô cùng tịch mịch. Trong nhà thờ âm u mát rượi, hãy còn ngào ngạt hương hoa.

Sự im ả, cảnh vắng vẻ tịch mịch, không khí mát lạnh của những gian trung đường dài thăm thẳm làm cho sự mơ màng của Juyliêng được êm đềm hơn. Anh không lo bị linh mục Sa đến xáo động, vì ông còn bận ở phía trên kia ngôi đền. Tâm hồn anh hầu như đã trút khỏi cái thể xác trần tục, nó đương lững thững trong chái nhà phía bắc giao cho anh coi giữ. Anh càng được yên tâm vì đã nắm vững là ở trong các phòng xung tội chỉ còn có vài người đàn bà kính tin; mắt anh nhìn mà chẳng trông thấy gì.

Tuy vậy, tâm trí phiêu diêu của anh hơi bị thức tỉnh bởi bóng dáng hai người đàn bà ăn mặc rất lịch sự, đang quỳ, một người ở trong một phòng xung tội, và người kia, ngay bên cạnh người thứ nhất, trên một chiếc ghế tựa. Anh nhìn mà chẳng trông thấy gì; tuy vậy, hoặc do ý thức phảng phất về nhiệm vụ, hoặc do cảm thán vì y phục sang trọng và giản dị của các bà kia, anh nhận thấy rằng không có vị giáo sĩ nào trong phòng xung tội đó. Lạ nhỉ, Juyliêng nghĩ thầm, sao các bà xinh đẹp này lại không đến quỳ ở trước một cỗ hương án nào đó, nếu là người sùng tín; hoặc ngồi lợi thế ở hàng đầu một ban công nào, nếu là người của xã hội phong lưu? Bộ áo dài kia xinh quá! biết bao duyên dáng dễ thương! Anh chậm bước lại để cố nhìn thấy mặt họ.

Người quỳ trong phòng xung tội hơi ngảnh đầu lại, khi nghe thấy tiếng chân của Juyliêng giữa cảnh tĩnh mịch đó. Bỗng bà ta kêu lên một tiếng, và lịm người đi.

Khi ngất đi, bà đương quỳ đó, liền ngã vật ra phía sau; bà bạn, ở gần bên, bèn xô lại để cứu giúp. Cùng lúc đó, Juyliêng trông thấy đôi vai của cái bà ngã về phía sau... Một chuỗi ngọc trai quý rất to hạt, vặn cuốn thừng, anh trông rất quen, làm anh chú ý. Khi nhận ra món tóc của bà Đơ Rênan, anh chẳng còn hồn vía nào nữa! vì chính là bà ta. Còn bà kia đương cố đỡ lấy đầu bà cho bà khỏi ngã lẩn xuống, là bà Đơvin. Juyliêng, như điên như dại, nhảy bổ đến; nếu không có Juyliêng đến đỡ kịp cả hai người, thì có lẽ bà Đơ Rênan đã ngã hẳn và lịm cả bà bạn ngã theo. Anh thấy mặt bà Đơ Rênan xanh nhợt, hoàn toàn mê man, đầu ngoặt ngoẹo trên vai. Anh

giúp đỡ bà Đervin đặt cái đầu kiểu my dó lên vai tựa một chiếc ghế rom; anh thì vẫn quỳ gối.

Bà Đervin quay lại và nhận ra anh:

- Lánh xa đi, ông lánh xa đi! bà nói với một giọng vô cùng giận dữ. Nhất là không được để cho cô ấy trông thấy ông nữa. Thật vậy, trông thấy ông thì cô ấy phát khiếp, trước khi biết ông, cô ấy sung sướng biết bao nhiêu! Cách cư xử của ông thật là ác độc. Lánh đi; lánh xa đi, nếu ông còn có phần nào biết hổ thẹn.

Câu đó nói ra với một giọng rất hách dịch, và Juyliêng lúc đó rất mềm yếu, nên anh lảng xa ngay. Bà này từ trước vẫn thù ghét ta, anh tự nhủ khi nghĩ đến bà Đervin.

Cùng một lúc đó, tiếng hát ồm ồm giọng mũi của những vị giáo sĩ đi đầu đám rước, vang lên trong nhà thờ; đám rước đã trở về. Cha Sa-Becna gọi Juyliêng bao nhiêu lần, lúc đầu anh không nghe thấy; sau cùng, ông ta đến nắm lấy cánh tay anh đằng sau một cái cột Juyliêng đương nắp, sống dở chết dở. Ông định giới thiệu anh với đức giám mục.

- Con bị ngây ngất đây mà, con ơi, ông linh mục nói với anh khi thấy anh nhọt nhạt và hầu như không cất chân đi được; con đã làm việc nhiều quá. Ông đưa tay cho anh vịn. Con hãy đi theo ta, con hãy ngồi xuống chiếc ghế dài nhỏ này của người ban nước phép, đằng sau lưng ta, ta sẽ che cho con. Lúc đó hai người đương ở cạnh cái cổng lớn. Con hãy bình tâm, còn những hai mươi phút nữa Đức cha mới tới. Con hãy cố hồi phục đi; khi nào ngài đi qua, ta sẽ đỡ con dậy, vì ta còn khỏe mạnh cứng cáp, mặc dầu đã có tuổi.

Nhưng khi ông giám mục đi qua, Juyliêng còn run rẩy đến nỗi cha Sa đành phải từ bỏ ý nghĩ giới thiệu anh.

- Con đừng nên buồn quá, ông nói với anh, ta sẽ tìm được một dịp khác.

Buổi tối, ông cho đem đến tiểu giáo đường của chủng viện mười livro* nển bạch lạp tiết kiệm được, ông nói, do Juyliêng đã khéo chăm nom và đã cho thối tất nhanh chóng. Chẳng có gì sai sự thực bằng. Chính bản thân anh chàng tội nghiệp đương tất ngấm thì có; anh không hề có được một ý nghĩ gì từ lúc trông thấy bà Đơ Rênan.

CHƯƠNG XXIX

BƯỚC TIẾN THÂN ĐẤU TIÊN

Y đã hiểu biết thời đại của y, y đã hiểu biết quán hạt của y, và y lại giàu có.

NGƯỜI TIÊN KHU*

Guyliêng chưa ra khỏi giấc mơ màng sâu thẳm mà biến cố xảy ra ở nhà thờ lớn đã lôi cuốn anh chìm ngập vào, thì một buổi sáng, cha Pira nghiêm khắc cho gọi anh lên.

- Đây là linh mục Sa-Becna viết thư cho ta để đề bạt con. Ta khá hài lòng về cách xử sự của con nói chung. Con hết sức thiếu cẩn trọng và cả thiếu suy nghĩ nữa, tuy bề ngoài không có vẻ gì; nhưng, cho đến nay, thì tâm địa tốt và lại hào sảng nữa; trí óc thì ưu việt. Tóm lại, ta thấy ở con một tia sáng không nên bỏ qua.

Sau mười lăm năm công lao, bây giờ ta sắp ra khỏi nhà này: tội lớn của ta là đã để mặc cho các sinh đồ có tự do ý chí, và đã không che chở, mà cũng không can phá cái hội kín mà con có nói chuyện với ta ở phòng xung tội. Trước khi ra đi, ta muốn giúp con một việc gì; đáng lẽ ta đã hành sự từ hai tháng trước, vì con xứng

đáng, nếu không có chuyện tố giác căn cứ vào địa chỉ của Amăngđơ Binê, tìm thấy ở buồng con. Nay ta cho con làm phụ giảng về Tân và Cựu Ước.

Juyliêng, nhiệt liệt cảm kích, cũng đã có ý quỳ xuống chân ông và tạ ơn Chúa; nhưng anh lại vâng theo một cử chỉ chân thật hơn. Anh lại gần cha Pira và cầm lấy bàn tay ông, mà đưa lên môi.

- Cái gì thế này? ông giám đốc kêu lên, có vẻ không bằng lòng; nhưng con mắt của Juyliêng còn biểu lộ nhiều hơn động tác của anh nữa.

Cha Pira nhìn anh kinh ngạc, như thể một người đã lâu năm mất thói quen gặp những cảm xúc tế nhị. Sự chăm chú đó làm cho ông giám đốc lộ chân tình; tiếng nói của ông lạc hẳn giọng đi.

- Thôi thì, ừ, con ạ, ta có tình quyến luyến con thực. Trời biết rằng lòng ta không muốn thế. Đáng lẽ ta phải công bằng, không thù ghét ai, không yêu riêng ai. Con đường sự nghiệp của con rồi sẽ gian khổ. Ta trông thấy ở con một cái gì nó làm phật ý kẻ phạm tục. Sự ghen ghét và sự vu cáo sẽ theo đuổi con. Bất cứ nơi nào mà Trời đặt con vào, những đồng bạn của con sẽ không bao giờ trông thấy con mà không sinh lòng thù ghét; và nếu họ giả vờ yêu mến con, thì chính là để làm hại con một cách chắc chắn hơn. Đối với cái đó, chỉ có một phương thuốc: con chỉ nên trông cậy ở Chúa, người đã cho con, để trừng phạt tội tự đắc của con, cái số mệnh phải bị người ta thù ghét: con hãy giữ hạnh kiểm cho trong sạch: đó là phương kế duy nhất ta thấy con có thể có được. Nếu con tin ở lẽ thật của lưới trời lồng lộng, chẳng sớm

thì muộn những kẻ thù của con cũng sẽ bị bẽ bàng tủi hổ.

Đã bao lâu Juyliêng không được nghe thấy một tiếng nói thân yêu, cho nên ta phải tha thứ cho anh một sự mềm yếu: lúc đó anh nước mắt rờn rờn. Cha Pira đang hai tay ôm lấy anh; giây phút đó thật êm đềm cho cả hai người.

Juyliêng vui sướng điên người; bước tiến thân này là bước đầu tiên anh thu hoạch được; những cái lợi của nó thật lớn vô cùng. Muốn quan niệm được những cái lợi đó, phải đã từng bị bắt buộc sống hàng bao tháng trời rờn rã không một phút nào được một mình, và phải trực tiếp va chạm với những bạn đồng học ít ra là quấy rầy, và phần đông là ác độc không sao kham nổi. Chỉ cứ riêng những tiếng kêu gào của họ cũng đủ để làm xáo động một cơ thể tế nhị. Cái vui ồn ào của những anh nhà quê được ăn no mặc ấm kia, chỉ được hả hê, chỉ tự cho là trọn vẹn khi nào họ kêu gào bằng hết cả sức lực hai buồng phổi của họ.

Bây giờ, Juyliêng được ăn một mình, hay gần như thế một tiếng đồng hồ sau các sinh đồ khác. Anh có riêng một chìa khóa vườn và có thể đi dạo chơi ở đó trong những giờ vắng vẻ.

Juyliêng hết sức ngạc nhiên, thấy người ta thù ghét anh ít hơn trước; trái lại, anh cứ chờ đợi một sự thù hằn gấp bội. Lòng mong ước thầm kín rằng đừng ai nói chuyện gì với anh; trước kia ai cũng thấy rõ ràng và làm cho anh có bao nhiêu kẻ thù, bây giờ lại không phải là một biểu hiện của tính kiêu ngạo đáng cười nữa. Trong mắt

những con người thô bỉ ở chung quanh anh, đó lại là một ý thức đúng đắn về chức vị của anh. Sự thù ghét giảm bớt trông thấy, nhất là trong những đám anh bạn trẻ nhất đã trở thành học trò của anh, và anh đối xử rất lễ độ. Dần dần có cả những người về phe với anh; gọi anh là Mactanh Luytê, trở thành lối bịch.

Nhưng kể tên những bạn, những thù, để làm gì? Tất cả cái đó là xấu xa, và lại càng xấu xa khi thực có dụng ý. Tuy nhiên, đó là những ông thầy dạy đạo đức duy nhất của dân chúng, không có họ thì dân chúng sẽ ra sao? Báo chí có bao giờ thay thế được ông linh mục?

Từ ngày Juyliêng nhận chức vị mới, ông giám đốc chủng viện làm ra bộ không bao giờ nói chuyện với anh mà không có người chứng kiến. Trong cách xử sự đó có sự cẩn trọng cho thấy, cũng như cho trò; nhưng nhất là có sự *thử thách*. Nguyên tắc bất di bất dịch của nhà Jăngxênit nghiêm khắc Pira là: Một con người có tài đức đối với mắt anh chẳng? anh hãy làm trở ngại cho tất cả những ước vọng của hắn, cho tất cả những mưu đồ của hắn. Nếu thực có tài đức, thì hắn sẽ biết cách lật đổ hoặc đi vòng tránh các trở ngại.

Hôm đó đương là mùa săn bắn. Fukê bỗng có ý kiến gửi đến chủng viện một con nai và một con lợn lòi, nói là của gia đình Juyliêng gửi. Những con vật chết được đặt ở lối đi giữa nhà bếp và phòng ăn. Tất cả các sinh đồ, khi đi ăn, đều trông thấy chúng nằm lù lù ở đấy. Họ rất lấy làm kinh dị. Con lợn lòi dù đã chết hẳn hoi, cũng làm cho những cậu trẻ tuổi nhất phải phát khiếp; họ sờ

mó những cái răng nanh của nó. Trong tám ngày liền người ta không còn nói đến chuyện gì khác.

Món quà đó liệt gia đình Juyliêng vào hạng phải kính nể trong xã hội, và giáng cho lòng ghen ghét một đòn trí mạng. Anh trở thành một kẻ có thể ưu việt do sự giàu có xác định cho Sazen và những sinh đồ lỗi lạc nhất ga găm anh, và hầu như phàn nàn với anh về nỗi anh chẳng bảo trước cho họ biết là gia đình anh giàu có, làm cho họ có thể đã mang tội bất kính đối với tiền bạc.

Lúc đó có một vụ trung bình mà Juyliêng được miễn dịch do tư cách là sinh đồ chủng viện. Trường hợp đó làm anh xúc động sâu xa. Thế là vĩnh viễn bỏ qua mất cái giây phút mà ví thử là hai mươi năm về trước, một cuộc đời anh hùng có thể đã bắt đầu cho ta!

Anh đi dạo chơi một mình trong vườn của chủng viện, anh nghe thấy những người thợ nề, đương xây đắp bức tường bao, nói chuyện với nhau.

- Ấy đấy! phải đi mất thôi, lại một vụ trung bình mới nữa đấy.

- Trong thời ông *trước**, thì còn nói gì! một anh thợ nề thời đó trở thành sĩ quan, làm nên cấp tướng, chuyện đã từng thấy.

- Bây giờ thì đừng có hòng! chỉ có những thằng đói rách phải đi thôi. Anh nào có *máu mặt* thì vẫn ở lại quê hương.

. - Đứa nào khốn khổ, vẫn cứ khốn khổ, ấy thế đó thôi.

- Ở này, có đúng vậy không, cái điều họ nói ấy mà, rằng ông trước đã chết rồi? Một bác thợ nề thứ ba nói tiếp lời.

- Là bọn kéch xù họ nói, thế thôi, anh ạ! chủ là họ vẫn sợ ông ấy mà.

- Chả bù với bây giờ, cái thời ông ấy công việc chạy cứ rầm rầm! Thế mà ông ấy bị bọn tướng lĩnh của ông ấy phản bội đấy. Bất nhân đến thế là cùng!

Cuộc chuyện trò đó an ủi Juyliêng đôi chút. Anh vừa rời bước đi, vừa thở dài nhắc lại câu:

Nhà vua duy nhất là nhân dân của tương nhớ*.

Kỳ sát hạch đã đến, Juyliêng trả lời một cách thật là xuất sắc; anh thấy rằng cả Sazen cũng cố trở hết tài học.

Hôm đầu, các vị giám khảo được ông phó giám mục trú danh đơ Frile cất cử, đều rất lấy làm phiền cứ phải luôn luôn ghi vào dòng đầu, hay cùng lắm là dòng thứ nhì, trên danh sách của họ, cái tên Juyliêng Xoren, mà người ta lưu ý họ là con cưng của cha Pira. Ở chủng viện có những người đánh cuộc rằng, trong danh sách tổng sát hạch, thế nào Juyliêng cũng sẽ đứng số một, như thế là có vinh dự được đến ăn tiệc của Đức giám mục. Nhưng lúc cuối một buổi sát hạch, một ông giám khảo quý quyết, sau khi đã hỏi Juyliêng về Thánh-Jê-rôm* và sự mê say của ông đối với Xirêrông, bèn nói về Hôraxô, Viêcgilo* và những tác giả phạm tục khác. Juyliêng đã học thuộc lòng rất nhiều đoạn văn của các tác giả đó, mà các bạn đồng học không ngờ. Bị những thành công lôi cuốn, anh quên rằng mình đang ở đâu, và thấy ông giám khảo tái tam

tái tử yêu cầu, anh liền đọc thuộc lòng và diễn dịch một cách nồng nhiệt rất nhiều bài nhạc thi của Hôraxơ. Sau khi đã để anh mắc bẫy trong hai mươi phút đồng hồ, đột nhiên ông giám khảo đổi nét mặt và quở trách anh một cách chua cay là đã mất thì giờ vào những việc học tập phàm tục kia, và đã chuốc vào đầu óc những tư tưởng vô ích hoặc có tội.

- Thưa ông, tôi là một kẻ ngu dại, và ông nói đúng, Juyliêng nói với một vẻ nhũn nhặn, khi anh nhận thấy cái mưu mẹo quỷ quyệt mà anh đã bị mắc lừa.

Mưu kế đó của ông giám khảo bị mọi người, ngay cả ở chủng viện, coi là nhơ nhớp, áy thế mà linh mục đơ Frile, con người quỷ quyệt đã tổ chức rất khôn khéo mạng lưới của thánh hội Bodăngxông, và gửi những thông điệp về Pari làm cho các quan tòa, ông tỉnh trưởng và cả đến các tướng tá trong doanh trại đều phải run sợ, ông ta vẫn cứ hạ ngòi bút uy lực để con số 198 bên cạnh tên Juyliêng. Ông ta lấy làm vui sướng được làm như thế để làm nhục kẻ thù của ông ta, là ông Pira theo phái Jăngxênit.

Từ mười năm nay, mưu đồ lớn nhất của ông ta là làm cho ông này mất cái chân giám đốc chủng viện. Ông tu sĩ này, chính bản thân vẫn theo đường lối xử sự mà ông chỉ dẫn cho Juyliêng, ông vốn là người chân thật, kính tin, không chạy vạy mưu mô, thiết tha với bốn phận. Nhưng trời, trong cơn giận dữ, đã cho ông có một tính khí nóng nảy, dễ cảm thấy sâu sắc những sự lăng nhục và những mối thù hằn. Đối với tâm hồn nồng cháy đó, không có một sự nhục mạ nào của kẻ khác nhằm vào

ông mà lại không có hiệu lực. Đáng lẽ ông xin từ chức đã đến trăm lần, nhưng ông lại tự cho là giúp ích được trong cái chức vụ mà Thượng đế đã đặt ông vào. Ta ngăn cản những sự phát triển của chủ nghĩa Jêduyt* và của thói sùng bái thần tượng*, ông tự nhủ như vậy.

Đến thời kỳ sát hạch, có lẽ đã đến hai tháng ông không nói chuyện với Juyliêng, tuy vậy khi nhận được thư chính thức báo tin kết quả kỳ thi, ông thấy con số 198 bên cạnh tên người học trò mà ông coi là vinh dự của nhà trường, thì ông phát ốm mất tám ngày. Niềm an ủi duy nhất của con người bản tính nghiêm khắc đó, là tập trung vào Juyliêng tất cả mọi phương tiện giám sát. Ông lấy làm sung sướng thấy không phát hiện ở anh tí gì là giận dữ, là dự định báo thù, là chán nản.

Vài tuần lễ sau, Juyliêng giật mình khi nhận được một bức thư, đóng dấu bưu điện từ Pari. Thế là, anh nghĩ bụng, bà Đơ Rênan nhớ lời ước hẹn đây. Một ông ký tên là Pôn Xoren, tự xưng là có họ với anh, gửi cho anh một hồi phiếu năm trăm quan. Thư viết thêm rằng nếu Juyliêng tiếp tục học tập có kết quả các tác giả La-tinh ưu tú, thì mỗi năm sẽ gửi cho anh một số tiền như thế.

Chính là nàng đây, chính là tấm lòng ưu ái của nàng! Juyliêng cảm kích tự nhủ, nàng muốn an ủi ta; nhưng tại sao lại không có lấy một lời thân ái?

Anh đoán lầm về bức thư kia; bà Đơ Rênan có bạn là bà Đêrvin hướng dẫn, còn dương miên man với những nỗi hối hận sâu sắc. Mặc dầu không muốn, bà vẫn thường luôn luôn nghĩ đến con người lạ lùng mà sự gặp gỡ đã

làm cho cuộc đời bà đảo lộn, song bà vẫn nhất định không viết thư cho anh.

Nếu chúng ta dùng cái ngôn ngữ của chủng viện, thì chúng ta có thể thừa nhận là có một phép lạ trong sự gửi năm trăm quan kia, và nói rằng trời đã mượn chính ông đơ Frile, để ban cho Juyliêng món tiền đó.

Mười hai năm về trước, linh mục đơ Frile đến Bodăngxông với một túi hành trang hết sức lép kẹp, theo tin đồn đại, thì đó là tất cả sản nghiệp của ông. Bây giờ ông nghiêm nhiên là một trong những nghiệp chủ giàu có nhất tỉnh. Trong quá trình phấn phát của ông, ông đã tậu nửa phần của một miếng đất, mà nửa kia là của thừa kế của ông đơ La Môlơ. Do đó nảy ra một vụ kiện lớn giữa hai nhân vật đó.

Mặc dầu đời sống huy hoàng của ông ở Pari, và những chức vụ của ông ở trong triều, hầu tước đơ La Môlơ cảm thấy rằng chơi nhau ở Bodăngxông với một ông phó giám mục có tiếng là cất lên hạ xuống những ông tỉnh trưởng như chơi, thì thật là nguy hiểm. Đáng lẽ có thể xin một món tiền ân thưởng năm vạn quan, mượn một danh nghĩa nào đó mà ngân sách thừa nhận, và vứt bỏ cho linh mục đơ Frile cái vụ kiện gày còm năm vạn quan đó, thì ông hầu tước lại đâm ra tức khí. Ông cho là lý của ông phải lý với chả lẽ!

Thế mà, nếu được phép nói: có ông quan tòa nào lại chả có một thằng con hay ít ra là một người họ hàng cần được giúp đỡ để tiến thân trong xã hội?

Để soi sáng cho những người mù nhất, tám ngày sau lời phán quyết đầu tiên mà ông đạt được, ông thấy tu đơ

Frile lấy xe song loan của Đức giám mục, và đích thân mang tám huân chương Bắc đẩu bội tinh đến cho trạng sư của mình. Ông đơ La Môlơ hơi bị choáng váng vì thái độ ngạo nghễ của phe đối địch, và thấy các trạng sư của mình nao núng, bèn thỉnh giáo cha Sêlăng, ông này liền giới thiệu ông với ông Pira.

Mối giao thiệp đó, tính đến thời kỳ câu chuyện của chúng ta, đã kéo dài được nhiều năm. Cha Pira đem cái bản tính nồng nhiệt của ông vào vụ tranh chấp này. Ông luôn luôn tìm gặp các trạng sư của hầu tước, nghiên cứu vụ kiện, và thấy lý của hầu tước là đúng, ông công khai trở thành người vận động cho hầu tước đơ La Môlơ chống lại ông phó giám mục thế lực như trời. Ông này lấy làm phần nộ vì sự lão xược đó, và lại là ở một anh Jăngxênit nhài nhép nữa!

Cái thứ quý tộc triều đình kia, nó tự cho là có thể lực lắm, các ông thử xem nó có là cái thá gì! ông thầy tu đơ Frile nói với các người thân cận. Ông đơ La Môlơ chưa hề có gửi được lấy một cái huân chương khốn khổ cho người đại lý của ông ta ở Bodăngxông, và sắp để cho y bị cất chức một cách thảm hại đến nơi. Thế mà, người ta có viết thư cho tôi biết, cái ông nguyên lão nghị viên quý tộc đó, không tuần lễ nào là không đến phô bày tám huy chương Thánh linh bội tinh* của mình trong phòng khách ông Chuông ấn, bất cứ ông nào.

Mặc dầu tất cả sự hoạt động tích cực của cha Pira, và mặc dầu ông đơ La Môlơ vẫn luôn luôn giao hảo với ông bộ trưởng Tư pháp và nhất là với các văn phòng của

ông này, tất cả những thành tựu của ông sau sáu năm trời chăm sóc, chỉ là không đến nỗi tuyệt đối thua kiện.

Luôn luôn giao thiệp bằng thư từ với linh mục Pira, vì một công việc mà cả hai ông đều theo đuổi một cách say mê, cuối cùng hầu tước lấy làm thích cái loại trí óc của linh mục. Dần dần, thư từ của họ ngã sang giọng thân tình mặc dầu địa vị xã hội xa cách nhau muôn trùng. Linh mục Pira nói với hầu tước rằng người ta muốn bắt buộc ông, vì bị làm nhục mãi, phải xin từ chức. Trong cơn phẫn nộ vì cái quỷ kế ông cho là hèn mạt, mà người ta đã dùng đối với Juyliêng, ông kể câu chuyện của anh ta cho hầu tước nghe.

Tuy rất giàu có, nhưng vị đại lãnh chúa đó không hà tiện tí nào. Ông chưa hề bao giờ ép được linh mục Pira nhận cho, dù chỉ là tiền bồi hoàn những bưu phí do vụ kiện gây nên. Ông bèn tóm lấy ý kiến gửi trăm năm quan cho người học trò yêu của ông kia.

Ông đơ La Môlơ chịu khó tự tay viết bức thư gửi tiền. Việc đó làm ông nghĩ đến nhà tu sĩ.

Một hôm, ông này nhận được một lá thư nhỏ mời ông, vì có việc cấp bách, đến ngay tức khắc một quán trọ ở ngoại ô Bodăngxông. Tối đó, ông gặp người quản lý của ông đơ La Môlơ.

- Ngài hầu tước sai tôi đem xe song mã của ngài lại cho ông, người đó nói với ông. Ngài mong rằng sau khi đọc lá thư này, ông có thể đi Pari được, trong vòng bốn năm ngày. Tôi sẽ dùng khoảng thời gian mà ông vui lòng chỉ định cho, để đi thăm các đất đai của Ngài hầu tước,

ở Frăngso-Côngtê. Sau đó, chúng ta sẽ đi Pari, ngày nào là tùy ở ông.

Bức thư rất ngắn:

"Thưa quý ông, xin ông hãy giữ bỏ tất cả những chuyện eo xèo của tỉnh lẻ, đến thở một không khí yên tĩnh ở Pari. Tôi gửi tới ông cỗ xe của tôi, nó có lệnh phải chờ đợi sự quyết định của ông, trong bốn ngày. Còn tôi sẽ chờ đợi ông, ở Pari, cho đến thứ ba. Thưa ông, tôi chỉ cần ông ừ cho một tiếng, là tôi sẽ đứng lên nhận, nhân danh ông, một giáo khu tốt nhất của vùng ngoại vi thành phố Pari. Người giàu có nhất trong các giáo dân thuộc giáo khu tương lai của ông, chưa được gặp mặt ông bao giờ, nhưng dốc lòng tận tụy với ông nhiều hơn là ông có thể tưởng được, chính là hầu tước đơ La Môlơ".

Nhà tu sĩ nghiêm khắc Pira cũng không ngờ đâu rằng ông lại yêu cái chủng viện này, đây đây những kẻ thù của ông, và từ mười lăm năm trời nay, ông đã dành cho nó tất cả tâm tư. Bức thư của ông đơ La Môlơ đối với ông khác nào sự xuất hiện của nhà giải phẫu có nhiệm vụ phải làm một cuộc mổ xẻ đau đớn và cần thiết. Sự huyền chúc của ông là chắc chắn rồi. Ông ước hẹn với viên quản lý trong ba ngày nữa.

Trong bốn mươi tám tiếng đồng hồ, ông bồi hồi phấp phồng. Sau cùng, ông viết thư cho ông đơ La Môlơ, và biên soạn, để gửi Đức Giám mục, một bức thư tuyệt tác về lối văn tăng lữ, nhưng hơi dài. Thật khó lòng mà tìm được những câu văn hoàn mỹ hơn và có một khi vị kính cần chân thành hơn. Tuy vậy bức thư đó, dụng ý để gây cho ông đơ Frile một giờ đồng hồ khó khăn trước mặt

quan thầy, kể lẻ tách bạch tất cả những chủ đề khiêu nại nghiêm trọng, và đi xuống đến cả những chuyện phiến hà bản thủ nhỏ nhất nó làm cho nhà tu sĩ Pira, sau sáu năm trời rông rã, chịu đựng một cách nhẫn nại, nay bắt buộc rời bỏ địa phận giám mục.

Người ta ăn cắp củ của ông trong kho củ, người ta đánh bả con chó của ông v.v...

Bức thư viết xong, ông cho đánh thức Juyliêng dậy, lúc đó là tám giờ tối, anh đã ngủ yên, cũng như tất cả các sinh đồ khác.

- Con biết tòa giám mục ở đâu rồi chứ? ông nói với anh bằng lời văn La tinh rất văn vẻ; con hãy đem bức thư này đến cho Đức Cha. Ta sẽ không giấu con rằng ta phải con đến giữa đàn chó sói đấy. Con hãy nên tỉnh mắt thính tai hết sức. Trong những câu trả lời, con không được nói dối điều gì; nhưng con hãy nghĩ rằng kẻ nào hỏi con, có lẽ sẽ có một nỗi vui mừng thực sự nếu có thể làm hại được con. Ta rất vui lòng, con ạ, được cho con cái kinh nghiệm thử thách này trước khi từ biệt các con, vì chả nói giấu gì, bức thư mà con cầm đi đây là thư từ chức của ta.

Juyliêng đứng lặng yên, anh vẫn yêu cha Pira. Mặc dầu sự cân nhắc đắn đo nhủ anh rằng:

Sau khi con người chính trực này đi rồi, thì cánh hội *Thánh - Tâm* sẽ truất ta và có lẽ đuổi cổ ta đi.

Anh không thể nào nghĩ đến mình được. Điều làm anh lúng túng, là một câu mà anh muốn sắp xếp một cách cho lễ phép, và thực sự anh không có tâm trí nào để làm được việc đó.

- Thế nào! con, không đi à?

- Nghĩa là, thưa ông, Juyliêng nói một cách rụt rè, người ta bảo rằng trong suốt thời gian dài ông quản đốc, ông không để ra được đồng nào. Con hiện có sáu trăm quan.

Nước mắt làm anh nghẹn ngào không nói được nữa.

- *Cả điều đó nữa, rồi cũng sẽ được ghi*, ông nguyên giám đốc chủng viện lạnh lùng nói. Đi lên tòa giám mục đi, kéo muộn rồi.

Tình cờ tối hôm đó, nhà tu sĩ đơ Frile đến phiên trực trong phòng khách của tòa giám mục; Đức Cha bận đi dự tiệc ở dinh tỉnh trưởng. vậy là Juyliêng đưa bức thư cho chính ông đơ Frile, nhưng anh không biết ông ta.

Juyliêng ngạc nhiên thấy ông thấy tu đó mở phăng bức thư gửi cho đức giám mục. Khuôn mặt đẹp của ông phó giám mục biểu lộ ngay một sự ngạc nhiên pha lẫn sự vui thích hớn hỏ, và tăng vẻ nghiêm nghị. Trong khi ông ta đọc, Juyliêng chú ý vì nét mặt tươi tỉnh của ông, có thì giờ ngắm nghía ông kỹ càng. Bộ mặt kia đáng lẽ còn nghiêm nghị hơn nữa, nếu không có cái vẻ tinh khôn cực độ nó hiện lên ở một vài nét, và thậm chí có thể biểu lộ sự giảo quyệt, nếu người chủ bộ mặt đẹp đó có một giây phút nào ngoi chú ý đến nó. Cái mũi, rất cao, hình thành một đường duy nhất tuyệt đối thẳng, và, buồn thay, làm cho một khuôn mặt nhìn nghiêng, kể ra rất lịch sự, lại giống hệt tướng mạo một con cáo. Ngoài ra, nhà tu sĩ có vẻ rất lưu tâm đến chuyện từ chức của ông Pira kia, lại ăn mặc với một vẻ thanh lịch mà Juyliêng

rất ưa thích, và anh chưa hề thấy ở một tu sĩ nào khác bao giờ.

Mãi sau này Juyliêng mới biết cái tài đặc biệt của tu sĩ đơ Frile là thế nào. Ông ta biết mua vui cho đức giám mục, một ông già phong nhã, sinh ra để sống ở Pari, và coi Bodăngxông như một nơi bị đi đày, ông giám mục đó mắt rất kém, và thích ăn cá đến say mê. Tu sĩ đơ Frile gỡ bộ xương món cá người ta dọn lên cho Đức Cha.

Juyliêng im lặng nhìn ông thấy tu đương đọc lại bức thư từ chức, thì bỗng nhiên cửa mở ra rầm rầm. Một tên hầu, y phục lộng lẫy, đi qua rất nhanh, Juyliêng chỉ kịp ngảnh đầu về phía cửa; anh trông thấy một ông già bé nhỏ đeo một tấm thánh giá đeo ngực. Anh quỳ ngay xuống: đức giám mục ban cho anh một nụ cười ơn huệ và đi qua. Ông tu sĩ mỹ mạo đi theo, và Juyliêng còn lại một mình trong phòng khách mà anh được thư thả ngắm nhìn thán phục vẻ huy hoàng kính tin.

Ông giám mục địa phận Bodăngxông, con người tri tuệ được thử thách, nhưng không bị mù mẫm vì những nỗi khổ cực kéo dài của cuộc lưu vong cảnh ngoại, năm nay đã hơn bảy mươi năm tuổi, và hết sức ít quan tâm đến chuyện sẽ xảy ra trong mười năm nữa.

- Cái anh sinh đồ có con mắt tinh anh kia, mà hình như ta vừa thoáng trông thấy, là ai vậy? đức giám mục nói. Theo phép tắc của ta. thì cái giờ này họ phải đi ngủ rồi thì phải.

- Bẩm Đức Cha, cái nhà anh này thì tỉnh táo hết sức, tôi xin thề với Đức Cha như vậy, và anh ta đem lại

một tin quan trọng: đó là tin từ chức của người Jăngxênit duy nhất còn lại trong địa phận của Đức Cha. Cái nhà ông tu sĩ Pira đáng sợ ấy rút cục đã hiểu ý tứ rồi.

- À! ông giám mục vừa cười* vừa nói, tôi đoán ông tìm được một người nào bằng ông ta để thay thế ông ta đấy. Và để cho ông thấy tất cả giá trị của con người đó, tôi mời ông ta đến ăn cơm chiều mai.

Ông phó giám mục định đưa nhẹ vài câu về việc lựa chọn người kế chân. Ông giám mục, không sẵn lòng nói chuyện công việc, bảo ông ta rằng:

- Trước khi đưa ông nọ vào, ta hãy thử xem ông này ra đi như thế nào đã. Ông cho gọi cái ông sinh đồ kia vào, sự thật ở miệng trẻ mà.

Juyliêng được gọi vào. Ta sắp phải đứng giữa hai ông vấn tội đây! anh nghĩ thầm. Chưa bao giờ anh thấy mình dững cảm hơn lúc này.

Lúc anh bước vào, hai người hầu cận, ăn mặc sang trọng hơn cả ông Valonô, đương cởi áo cho Đức Cha. Vị giáo chủ này, trước khi vào chuyện ông Pira, thấy rằng nên hỏi han Juyliêng về sự học hành của anh. Ông nói đôi chút về giáo điều, và lấy làm ngạc nhiên. Ít lâu sau, ông nói đến cổ học, đến Viêcgilo, Hôraxo, Xixêrông. Những cái tên đó, Juyliêng nghĩ bụng, đã làm cho ta bị con số 198. Ta chả còn sợ thiệt hại gì nữa, ta hãy cố trả lời cho xuất sắc. Anh thành công: vị giáo chủ, vốn cũng là tay cổ học cừ khôi, lấy làm vui thích lắm.

Ở bữa tiệc trên tỉnh, một thiếu nữ, người có danh tiếng và có thực tài, đã đọc thuộc lòng bài thơ *La Madolen**. Ông giám mục đương nói chuyện văn chương, và quên

phút ngay cha Pira và tất cả mọi công việc, để bàn luận với anh sinh đồ vấn đề tìm xem Hôraxơ xưa kia giàu hay nghèo. Vị giáo chủ dẫn nhiều bài nhạc thi, nhưng đôi khi trí nhớ của ông lười làm việc, và ngay tức khắc Juyliêng đọc thuộc toàn bài thơ, với một vẻ rất nhũn nhặn; điều làm ông giám mục chú ý, là Juyliêng vẫn không ra khỏi cái giọng nói chuyện bình thường; anh đọc vài ba chục câu thơ La tinh, chẳng khác gì nói chuyện về những điều xảy ra trong trường. Hai người nói lâu về Viêcgilo, về Xixêrông. Cuối cùng, vị giáo chủ không thể nào không khen ngợi anh sinh đồ trẻ tuổi.

- Không thể nào có ai học hành giỏi giang hơn thế này được.

- Bẩm Đức Cha, Juyliêng nói, chủng viện của người có thể cung hiến cho người một trăm chín mươi bảy sinh đồ còn xứng đáng được người hạ cố ban khen hơn.

- Thế là thế nào nhỉ? vị giáo chủ nói, ngạc nhiên về con số kia.

- Con có thể dẫn một bằng chứng chính thức để xác minh cái điều con vừa có vinh dự được nói trước mặt Đức Cha.

Ở kỳ sát hạch hàng năm của chủng viện, cũng đúng là trả lời về những vấn đề đương làm cho con lúc này được Đức Cha tán thưởng, con đã được đứng số thứ 198.

- Á! đây là con cưng của cha Pira, ông giám mục vừa kêu lên, vừa cười và nhìn ông đơ Frile; đáng lẽ ta phải ngờ trước rồi mới phải; nhưng cuộc đấu tranh thắng thắn đấy chứ. Anh ạ, ông nói thêm với Juyliêng, có phải anh đã được đánh thức dậy để phái đến đây không?

- Bẩm Đức Cha, vâng. Trong đời con, mới có mỗi một lần đi một mình ra khỏi trường, để đến giúp cha Sa-Becna trang trí nhà thờ lớn, hôm ngày lễ Thánh thể.

- *Optime*, ông giám mục nói; thế nào, chính anh là người đã tỏ ra biết bao dũng cảm, lên đặt những bó lông chim trên tán cây à? Nhưng bó lông đó hàng năm làm cho ta run sợ, ta vẫn e vì nó mà thiệt mất một mạng người. Anh ạ, có tiền đồ lớn đấy; nhưng ta không muốn chặn đứng bước đường sự nghiệp của anh, chắc là sẽ rực rỡ lắm, bằng cách để cho anh đói mà chết mất.

Và theo lệnh ông giám mục, người ta mang đến bánh bích quy và rượu vang Malaga, Juyliêng thưởng thức ngay, và tu sĩ đo Frile còn thưởng thức nhiều hơn nữa, ông này biết rằng đức giám mục của ông thích trông thấy người ta ăn uống vui vẻ và ngon lành.

Vị giáo chủ, mỗi lúc một thêm hài lòng về cuộc kết thúc buổi tối của ông, bèn nói một lúc về lịch sử giáo hội. Ông thấy rằng Juyliêng không hiểu. Ông chuyển qua tình trạng tinh thần đạo đức của đế quốc La mã, dưới triều các hoàng đế của thời đại Côngxtăngtanh*. Buổi tàn cục của đa-thần-giáo được kèm theo một tình trạng lo âu và ngờ vực, tình trạng này, ở thế kỷ XIX, làm cho những tâm trí buồn bã và chán chường trở nên sầu não. Đức Cha nhận thấy rằng Juyliêng hầu như không biết cả đến tên của Tacito*.

Juyliêng trả lời rất hồn nhiên, làm cho vị giáo chủ phải ngạc nhiên, rằng không thấy có tác giả đó trong thư viện của chủng viện.

- Thế thì hay quá, ông giám mục vui vẻ nói. Anh gờ được cho ta khỏi băn khoăn: từ mười phút đồng hồ, ta tìm mãi cách để cảm ơn anh về buổi tối thú vị mà anh đã gây được cho ta, và cố nhiên bằng một cách rất tình cờ. Ta không ngờ lại thấy một nhà bác học ở một anh sinh đồ của chủng viện của ta. Mặc dầu cái tặng phẩm này không được hợp quy tắc giáo hội cho lắm, nhưng ta quyết ý cho anh một bộ Tacito.

Vị giáo chủ cho đem lại tám quyển sách đóng bìa rất sang, và muốn tự tay viết, dưới nhan đề quyển đầu, một lời ca tụng bằng tiếng La-tinh cho Juyliêng Xoren. Ông giám mục vẫn tự phụ giỏi văn La-tinh; cuối cùng ông nói với anh, bằng một giọng nghiêm trang, khác hẳn giọng chuyện trò lúc trước;

- Anh bạn trẻ ạ, nếu anh ngoan ngoãn, một ngày kia anh sẽ được nhận một giáo khu tốt nhất của địa phận ta, và cách tòa giám mục của ta không đầy trăm dặm; nhưng phải *ngoan ngoãn* mới được.

Khi Juyliêng, ôm nặng chồng sách, đi ra khỏi tòa giám mục, hết sức ngạc nhiên, thì vừa lúc chuông điểm mười hai giờ đêm.

Đức Cha không hề nói với anh một câu nào về cha Pira. Juyliêng ngạc nhiên nhất là thấy ông giám mục vô cùng lễ độ. Anh không ngờ có thể có một phong cách lịch sự như vậy, kết hợp với một phong độ trang trọng tự nhiên đến thế. Juyliêng chú ý nhất đến sự tương phản khi anh gặp lại cha Pira buồn bực đang nóng ruột chờ đợi anh.

- *Quid tibi dixerunt?* (Họ nói với anh những gì?) ông kêu to hỏi anh, khi mới trông thấy anh từ rất xa.

Thấy Juyliêng hơi lúng túng khi dịch sang tiếng La-tinh những lời nói của ông giám mục:

- Nói tiếng Pháp, và nhắc lại đúng những lời của Đức Cha, không thêm, không bớt tí gì, ông nguyên giám đốc chủng viện nói với giọng nghiêm khắc và những cách thức vô cùng khiếm nhã của ông.

- Một ông giám mục mà tặng cho anh sinh đồ trẻ tuổi của chủng viện một món quà như thế này thì cũng lạ lùng thật! ông vừa nói vừa giở trang bộ *Tacito* trắng lè, mà mép sách mạ vàng có vẽ làm cho ông ghê người.

Chuông điểm hai giờ, khi ông cho phép anh học trò yêu trở về buồng ngủ, sau một cuộc tường thuật rất tỉ mỉ.

- Con hãy để lại đây cho ta quyển đầu của bộ *Tacito* của con, quyển có đề chữ khen tặng của Đức Giám mục, ông nói với anh. Dòng chữ La-tinh này sẽ là ống thu lời của con trong cái nhà này, sau khi ta đã đi khỏi.

Erit tibi, fili mi, successor meus tanquam leo quaerens quem devoret. (Vì đối với con, con ạ, kẻ kế chân ta sẽ như một con sư tử điên cuồng, chỉ chực vồ ăn thịt).

Sáng hôm sau, Juyliêng thấy có cái gì lạ lùng trong cách thức các bạn học nói năng với anh. Anh lại càng đề dặt hơn. Đó, anh nghĩ bụng, là hiệu quả sự từ chức của ông Pira. Cả cái nhà này đã biết tin rồi, và ta có tiếng là học trò yêu của ông. Trong những cách thức kia chắc là có sự nhục mạ, nhưng anh không thấy. Trái lại, trong con mắt của tất cả những kẻ anh gặp suốt dọc các phòng

ngủ, anh thấy không có bóng dáng sự thù hằn: Thế này là nghĩa gì? chắc lại là một cạm bẫy gì đây, ta phải giữ miếng cẩn thận lắm mới được. Sau cùng, thấy cậu bé sinh đồ ở Verie vừa cười vừa nói với anh: *Cornelii Taciti opera omnia* (Tacito toàn tập).

Nghe thấy câu nói đó, tất cả mọi người đua nhau khen ngợi Juyliêng, không những về món tặng phẩm đồ sộ anh vừa nhận được của Đức Cha, mà cả về cuộc đàm thoại hai tiếng đồng hồ mà anh đã có vinh dự được người ban cho. Người ta biết đến cả những chi tiết tỉ mỉ nhất. Từ lúc đó, không còn thấy có sự ghen ghét nữa; người ta nịnh nọt anh một cách hèn hạ: cha Caxtanet mới ngày hôm trước còn hết sức láo xược với anh, nay cũng đến khoác lấy cánh tay anh và mời anh ăn cơm sáng với ông.

Do một định mệnh của tính tình Juyliêng, sự láo xược của những kẻ thô bỉ kia trước đây đã làm cho anh buồn lòng rất nhiều, nay thái độ hèn hạ của họ lại làm cho anh thấy ghê tởm chứ chẳng vui gì.

Vào hồi mười hai giờ trưa, cha Pira từ biệt học trò, nhưng không quên nói với họ một lời diễn từ nghiêm khắc: "Các con có muốn những vinh quang của thế gian, ông nói với họ, tất cả mọi lợi lộc xã hội, cái thích thú được có quyền hành, được bất chấp luật pháp và được láo xược vô tội vạ với tất cả mọi người? hay các con muốn sự cứu rỗi vĩnh viễn? những người kém cỏi nhất trong các con, chỉ việc mở mắt ra để phân biệt hai con đường".

Ông vừa ra khỏi, là những kẻ sùng tín của hội *Thánh tâm của Jédu* đến ngay tiểu giáo đường hát bài *Te Deum**. Ở trong trường, không ai đếm xỉa đến diễn từ của ông

nguyên giám đốc. Ông ta bực mình vì bị bãi chức đấy mà, người ta nói như vậy khắp nơi; không có một anh sinh đồ nào có đầu óc ngây thơ để tin ở sự tự nguyện từ bỏ một chức vụ nó cho người ta có bao nhiêu quan hệ với những nhà thần cung cấp lớn.

Linh mục Pira đến ngụ ở một quán trọ đẹp nhất Bodăngxông; ông định ở đó hai ngày, lấy cớ là có những công việc mà kỳ thực ông không có.

Ông giám mục đã mời ông đến ăn cơm; và để đùa ông phó giám mục đơ Frile, ông tìm cách để cho ông Pira được tỏ tài xuất sắc. Lúc đang ăn tráng miệng, thì có tin lạ lùng từ Pari tới, là linh mục Pira được bổ nhiệm đến giáo khu N..., ở cách thủ đô bốn dặm. Vị giáo chủ hiền hậu mừng ông ta một cách thành thực. Ông trông thấy trong tất cả việc này một nước cờ cao làm cho ông vui vẻ và khiến ông đánh giá rất cao tài năng của ông linh mục. Ông cho ông ta một chứng từ rất tốt đẹp bằng tiếng La tinh, và bắt linh mục đơ Frile phải im, khi ông này dám giở trò chê trách này nọ.

Buổi tối, Đức Cha đem sự thán phục của ngài đến nhà nữ hầu tước đơ Ruybembrê*. Thật là một tin quan trọng cho xã hội thượng lưu ở Bodăngxông; người ta đã trông thấy từ bây giờ linh mục Pira lên chức giám mục. Những người tinh khôn nhất tưởng rằng ông đơ La Môlơ là bộ trưởng gì đấy, và hôm đó họ tự cho phép mỉm cười về những dáng vẻ hách dịch mà ông tu sĩ đơ Frile phô bày trong xã hội.

Sang hôm sau, gần như người ta đổ theo linh mục Pira ngoài đường phố, và những người bán hàng ra đứng

ở cửa hàng, khi ông đi vận động các quan tòa của hầu tước. Lần đầu tiên, ông được họ tiếp đãi rất lễ độ. Nhà Jăngxênit nghiêm khắc, công phần về tất cả những điều trông thấy, bàn bạc rất lâu với các trạng sư mà ông đã chọn cho hầu tước đơ La Môlo, rồi lên đường đi Pari. Ông buột miệng nói với đôi ba người bạn học cũ ở trường trung học tiền chân ông đến tận cổ xe song mã mà họ thán phục các huy chương, rằng sau khi cai quản chủng viện trong mười lăm năm trời, ông từ biệt Bodăngxông với năm trăm hai mươi quan tiền dành dụm. Những người bạn đó vừa ôm hôn ông vừa khóc, và họ nói riêng với nhau: Ông tu sĩ ngậy tho đáng lẽ chả cần nói dối như vậy làm gì, nghe tức cười quá.

Người tâm thường, bị mù quáng vì lòng yêu tiền, không thể nào hiểu được rằng chính là trong sự chân thật của ông mà tu sĩ Pira đã tìm được sức mạnh cần thiết để chiến đấu một mình trong sáu năm chống với Mari Alacooc*, hội Thánh-tâm Giêdu, bọn Jêduyt và đức giám mục của ông.

CHƯƠNG XXX

MỘT NGƯỜI THAM VỌNG

Chỉ còn có một thứ quý phái duy nhất, đó là tước hiệu công tước; hầu tước thì là trò cười, nghe nói công tước người ta phải gánh đầu lại.

EDINBURGH REVIEW*

Hầu tước đơ La Môlơ tiếp linh mục Pira, không có những kiểu cách vật của tay đại lãnh chủ, rất lễ độ đấy, nhưng ai hiểu thì thấy là rất lão xược. Những trò đó mất thì giờ lắm, mà hầu tước thì đương dở bận những công việc to tát, không có thì giờ thừa.

Từ sáu tháng nay, ông mưu mô vận động để làm cho cả nhà vua và quốc gia chấp nhận một bộ nào đó, bộ này sẽ tạ ơn ông, đưa ông lên hàng công tước.

Đã bao lâu rồi, hầu tước yêu cầu trạng sư của mình ở Bodăngxông làm cho ông một bản tường trình rõ ràng và rành mạch về các vụ kiện của ông ở Frăngso-Côngtê, nhưng không được toại nguyện. Làm thế nào ông trạng sư trú danh có thể giảng giải cho ông những vụ kiện đó được, khi chính ông ta cũng không hiểu?

Mẫu giấy vuông nhỏ, mà ông linh mục đưa cho ông xem, làm ông vỡ lẽ tất cả.

- Thưa cha xứ thân mến, hầu tước nói với ông sau khi đã thanh toán những năm phút tất cả mọi công thức lễ phép và thăm hỏi về những chuyện riêng cá nhân, thưa cha xứ thân mến, giữa cảnh gọi là thịnh vượng của tôi, tôi không có thì giờ để lo toan một cách đúng đắn về hai điều nhỏ nhất nhưng khá quan trọng: gia đình của tôi và công việc của tôi. Tôi chăm sóc đến cơ nghiệp nhà tôi một cách đại lược, tôi có thể làm cho nó phát đạt nhiều; tôi chăm sóc đến các thú vui chơi của tôi, và đó phải là điều coi trọng hàng đầu, ít ra là trong con mắt tôi, ông nói thêm khi bắt chợt thấy vẻ ngạc nhiên trong mắt linh mục Pira. Mặc dầu là người hiểu biết, linh mục cũng lấy làm kinh dị thấy một ông già nói về các thú vui của mình một cách thẳng thắn như vậy.

Cố nhiên ở Pari cũng có sự cần lao, vị đại lãnh chúa nói tiếp, nhưng ở cheo leo tận tầng gác thứ năm; và hễ mà tôi thân cận với một người, là y lấy ngay một căn nhà ở tầng gác thứ hai và bà vợ của y ấn định một ngày tiếp khách; do đó phải làm việc nhiều hơn, phải cố gắng nhiều hơn là để làm hay để ra về một người xã giao. Đó là công việc duy nhất của họ khi họ đã đủ ăn.

Về các vụ kiện của tôi, nói cho thật đúng, và cũng là nói về từng vụ kiện xét riêng, tôi có những trạng sư làm việc đến lao lực mà chết; một ông trạng sư của tôi mới chết hôm kia, về bệnh phổi. Nhưng, về các công việc của tôi nói chung, thưa ông, ông có thể tin được không, là từ ba năm nay, tôi đã chán không muốn tìm một người,

trong khi viết lách cho tôi, lại chịu nghĩ ngợi cẩn thận một chút về công việc họ làm? Thôi, tất cả những chuyện đó chỉ là một lời giáo dục.

Tôi rất mến ông, và tôi dám nói thêm, mặc dầu mới được gặp ông lần đầu, tôi rất yêu thích ông. Ông có muốn làm thư ký cho tôi, với tám nghìn lương bổng hoặc gấp đôi thế không? Tôi vẫn còn lãi chán, xin thề với ông; và tôi xin đảm nhận giữ cho ông cái giáo khu tốt đẹp của ông, dự phòng cho ngày nào chúng ta không thích hợp với nhau nữa.

Linh mục từ chối; nhưng vào lúc cuộc đàm thoại gần chấm dứt, thấy ông hầu tước thật sự băn khoăn, ông nảy ra một ý.

- Tôi có để lại heo hút trong chủng viện của tôi một anh chàng thanh niên tội nghiệp, nếu tôi không lầm, thì anh ta sắp bị người ta ngược đãi thậm tệ. Nếu anh ta chỉ là một tu sĩ đơn giản thôi, thì anh ta đã được *in pace**.

Cho đến bây giờ anh thanh niên đó chỉ mới biết có tiếng La-tinh và Kinh thánh thôi; nhưng rất có thể một ngày kia anh sẽ phát huy những tài năng lớn hoặc cho công việc giảng đạo, hoặc cho công việc giáo đạo. Tôi không biết rồi anh ta sẽ làm gì, nhưng anh ta có ngọn lửa thiêng, anh ta có thể đi xa lắm. Tôi đã tính đem anh ta cho đức giám mục của chúng tôi nếu có bao giờ có được một vị giám mục có đôi chút cái cách của ông nhìn con người và công việc.

- Anh chàng thanh niên của ông gốc gác thế nào? hầu tước nói.

- Người ta bảo rằng anh là con một bác thợ xẻ vùng núi của chúng tôi, nhưng tôi thì cho rằng đó là con hoang của một người nhà giàu nào đó. Tôi có thấy anh ta nhận được một bức thư nặc danh hay ẩn danh với một hồi phiếu năm trăm quan.

- À! Thì ra là Juyliêng Xoren, hầu tước nói.

- Vì đâu mà ông biết tên anh ta? linh mục ngạc nhiên hỏi; và thấy ông đỏ mặt khi hỏi câu đó, hầu tước trả lời:

- Điều đó tôi sẽ không nói với ông đâu.

- Thế thì, linh mục nói tiếp, ông có thể thử dùng anh ta làm thư ký xem, anh ta có nghị lực, có lý trí; nói tóm lại, ta cứ thử xem.

- Sao lại không, nhỉ? hầu tước nói; nhưng anh ta có thể nào bị viên giám đốc cảnh sát hay một người nào khác mua chuộc để làm kẻ do thám ở nhà tôi không? Tôi chỉ còn e ngại có mỗi điều ấy.

Sau những lời cam quyết vun vào của linh mục Pira, hầu tước lấy ra một tờ giấy bạc một nghìn quan:

- Ông gửi món lộ phí này cho Juyliêng Xoren; bảo anh ta đến đây.

- Rõ thật, linh mục Pira nói, ông là người ở Pari có khác. Ông không biết đến sự chuyên chế nó đè lên chúng tôi ở tỉnh nhỏ, và đặc biệt lên những tu sĩ không về phe với bọn Jêduyt. Họ sẽ không để cho Juyliêng Xoren đi khỏi được đâu, họ sẽ viện ra những cớ rất khôn, khéo, họ sẽ trả lời tôi là anh ta đau ốm, là bưu trạm có lẽ đã đánh lạc mất thư từ, v.v...

- Để hôm nào tôi lấy một lá thư của ông bộ trưởng gửi cho giám mục, hầu tước nói.

- Tôi còn quên một điều cần đề phòng, linh mục nói: anh chàng thanh niên đó tuy dòng dõi rất là thấp kém nhưng tâm hồn cao thượng, nếu xúc phạm đến lòng kiêu ngạo của anh ta thì có dùng anh ta cũng chẳng được việc gì, ông sẽ làm cho anh ta trở thành ngậy dòn mà thôi.

- Tôi thích thú cái điều đó, hầu tước nói, tôi sẽ để anh ta làm bạn với con trai tôi, như thế là đủ chưa?

Ít lâu sau, Juyliêng nhận được một bức thư nét chữ không quen và mang dấu bưu trạm ở Salông, anh thấy trong thư có một ngân phiếu lĩnh tiền ở một nhà buôn ở Bodăngxông, và lời yêu cầu phải lên Pari tức khắc. Bức thư ký một cái tên mượn, nhưng khi bóc thư ra Juyliêng đã giật mình: một cái lá cây rơi xuống chân anh; đó là ám hiệu* đã ước định với linh mục Pira.

Không đầy một giờ sau, Juyliêng được gọi lên tòa giám mục, ở đó anh được đón tiếp với một sự ân ưu cực kỳ khoan hậu. Vừa dẫn thơ Hôraxơ, Đức Cha vừa tỏ lời chúc mừng về công danh sự nghiệp cao cả đương chờ đợi anh ở Pari, lời chúc mừng rất khéo, để cho anh muốn cảm ơn, thì phải phân trần sự việc. Juyliêng chẳng biết nói gì cả, trước hết vì anh chẳng biết gì cả, và Đức Cha rất trọng vọng anh. Một trong số những tu sĩ lắt nhắt ở tòa giám mục viết thư cho ông thị trưởng, ông này vội đích thân mang đến một tờ giấy thông hành đã ký, nhưng còn để trống tên người cầm giấy.

Tối hôm đó trước lúc nửa đêm, Juyliêng đã đến nhà Fukê, anh này vốn đầu óc khôn ngoan sáng suốt, lấy làm

ngạc nhiên nhiều hơn là vui thích về cái tương lai nó có về đợi chờ anh bạn của mình.

- Chuyện này rồi sẽ kết cục cho mày, anh chàng cử tri tự do phái đó nói, bằng một chức việc trong chính phủ, nó sẽ bắt buộc mày phải làm một trò cày cục mà các báo chí sẽ sỉ vả cho. Tao sẽ do sự sỉ nhục của mày mà được biết tin tức mày. Mày nên nhớ rằng, hãy cứ nói về phương diện tài chính thôi đã, thà kiếm một trăm Luy trong một việc buôn gỗ lời lãi tử tế, mà mình được làm chủ, còn hơn nhân bốn nghìn quan của một chính phủ, dù là chính phủ của vua Xalômông*.

Juyliêng thấy trong tất cả cái đó chỉ là đầu óc tầm mún của một anh trưởng giả xứ quê. Thế là anh sắp sửa xuất đầu lộ diện trên vũ đài những sự việc to tát*. Nỗi sung sướng được đi Pari, mà anh hình dung đầy dẫy những người tài trí mưu mô, rất giáo quyết, nhưng cũng lễ độ như ông giám mục địa phận Bodăngxông và ông giám mục địa phận Acđơ, làm mờ nhạt tất cả mọi thứ đối với mắt anh. Anh thanh minh với bạn anh rằng do bức thư của linh mục Pira anh đã bị tước mất tự do ý chí.

Hôm sau vào hồi giữa trưa, anh tới Verie, sung sướng tuyệt trần; anh tính chuyện gặp mặt lại bà đơ Rênan. Trước hết anh đi đến nhà người đỡ đầu thứ nhất của anh, là cha xứ nhân hậu Sêlăng. Anh gặp một sự đón tiếp nghiêm khắc.

- Anh có nghĩ rằng anh có đôi chút bổn phận gì đối với tôi không? Ông Sêlăng nói với anh mà không đáp lại lời chào của anh. Anh sẽ ở đây ăn cơm sáng với tôi, trong

thời gian đó người ta sẽ đi thuê cho anh một con ngựa khác, và anh sẽ rời Verie *không tìm gặp một người nào ở đó*.

- Nghe thấy là vâng lệnh, Juyliêng trả lời với một bộ mặt chùng việ; và chuyện trò chỉ nói về thần học và văn chương La-tinh.

Anh lên ngựa, đi một dặm đường, sau đó thấy một cánh rừng, và không có ai trông thấy, anh liền đi tọt vào cánh rừng đó. Đến lúc mặt trời lặn, anh gửi ngựa trả về*. Sau, anh vào nhà một người nông dân, người này bằng lòng bán cho anh một cái thang và mang theo anh đến tận khu rừng nhỏ cheo leo trên ĐƯỜNG ĐẠO TRUNG THÁNH ở Verie.

- Tôi là một người khốn khổ cưỡng lệnh trung binh... hoặc là một anh buôn lậu người nông dân nói, khi từ biệt anh, nhưng cần quá gì! cái thang của tôi đã được trả tiền hẳn hoi, và ngay chính tôi đây, trong đời cũng đã từng bán lậu vài *bộ ruột máy* đồng hồ*, chứ có không đâu.

Đêm tối như mực. Vào hồi một giờ sáng, Juyliêng vác thang đi vào Verie. Anh hết sức nhanh chóng đi xuống dòng suối, nó chảy qua các thửa vườn huy hoàng của ông đơ Rênan dưới mười piê chiều sâu, và lách giữa hai bức tường. Juyliêng leo lên dễ dàng nhờ cái thang. Lũ chó giữ nhà sẽ đón tiếp ta thế nào đây? Anh nghĩ bụng. Tất cả vấn đề là ở đó. Đàn chó sủa lên, và phóng nhanh tới anh; nhưng anh huýt còi se se, và chúng đến vuốt ve anh.

Bấy giờ anh leo hết tầng vườn này đến tầng vườn nọ, mặc dầu tất cả các hàng rào sắt đều đóng kín, anh cũng dễ dàng đi đến tận dưới cửa sổ buồng ngủ của bà đơ Rênan, cửa sổ này, về phía vườn, chỉ cao hơn mặt đất khoảng tám đến mười piê.

Ở cánh cửa có một lỗ nhỏ hình trái tim mà Juyliêng đã biết rõ. Anh rất lấy làm phiền muộn thấy bên trong lỗ nhỏ đó không có ánh sáng ngọn đèn đêm.

Trời đất ơi! anh nghĩ bụng; đêm nay bà đơ Rênan không ở buồng này rồi! Vậy bà ngủ đâu? gia đình ở cả Verie đây, vì ta thấy có đàn chó; nhưng ta có thể gặp trong cái buồng này, không có đèn đêm, hoặc chính ông đơ Rênan hoặc một người khách lạ, như vậy sẽ thành chuyện vớ lờ đến thế nào!

Cẩn thận hơn cả, là nên rút lui; nhưng giải pháp đó, Juyliêng không chịu nổi. Nếu là một người lạ mặt, thì ta sẽ ba chân bốn cẳng chạy trốn, vút bỏ cái thang đấy; nhưng nếu là nàng, thì ta sẽ được tiếp đón thế nào? Nàng đã sa vào sự ăn năn và kính tin cao độ, điều đó ta không thể ngờ vực gì được nữa; nhưng dẫu sao, nàng vẫn còn đôi chút tưởng nhớ đến ta, vì nàng vừa mới viết thư cho ta xong. Lý lẽ đó làm anh quyết tâm.

Lòng run sợ, nhưng quả quyết hoặc chết hoặc gặp nàng, anh ném mấy hòn sỏi lên cánh cửa; không thấy đáp. Anh tựa cái thang vào bên cạnh cửa sổ, và chính tay anh gõ vào cánh cửa, lúc đầu còn se se, sau mạnh hơn. Dù tối tăm đến mấy, người ta cũng có thể bắn cho ta một phát súng, Juyliêng nghĩ. Ý nghĩ đó làm cho mưu đồ điên rồ của anh chỉ còn là một vấn đề .dùng cảm.

Cái buồng này đêm nay không có người, anh nghĩ bụng, hay dù là ai ngủ ở đây, thì lúc này cũng đã tỉnh giấc. Vậy chả còn phải đề dặt gì với người đó hết, chỉ phải cố làm thế nào cho những người ngủ ở các buồng khác đừng nghe thấy.

Anh tụt xuống, đặt kê thang vào một cánh cửa, lại leo lên, và thò bàn tay vào cái lỗ hình trái tim, anh may mắn tìm được nhanh chóng sợi dây thép buộc vào cái móc đóng cánh cửa. Anh kéo sợi dây thép đó; anh vui mừng khôn tả khi thấy cánh cửa không bị giữ nữa và chuyển theo sức kéo của anh. Phải mở tí một và để cho người ta nhận ra tiếng nói của mình. Anh mở cánh cửa vừa đủ để thò đầu vào, và nhắc đi nhắc lại khe khẽ: *Bạn đây.*

Anh lắng tai, nghe cho chắc dạ rằng không có cái gì làm xáo động sự im lặng tuyệt đối của gian buồng. Nhưng dứt khoát là không có đèn đêm, dù chỉ lù mù, trong lò sưởi; thật là một dấu hiệu rất xấu.

Coi chừng phát súng! Anh suy nghĩ một tí; rồi, anh lấy ngón tay liễu gỗ vào ô cửa kính: không thấy đáp; anh gõ mạnh hơn. Dù có phải gõ đến vỡ kính, ta cũng phải làm cho xong chuyện đi. Anh gõ rất mạnh, và hình như thoảng trông thấy, giữa vùng tối đen như mực, như một cái bóng trắng đi xuyên qua gian buồng. Sau cùng, không còn ngờ vực gì nữa, anh thấy một cái bóng có vẻ như tiến lại hết sức thông thả. Bỗng anh trông thấy một cái má tì vào ô kính mà anh đương dán mắt nhìn vào.

Anh giật mình, và lùi xa ra một tí. Nhưng đêm tối đen đến nỗi, dù chỉ cách xa có thể thôi, anh cũng không phân biệt được có phải là bà dơ Rênan không. Anh lo sợ.

một tiếng kêu kinh hoàng đầu tiên; anh nghe thấy những con chó lớn vồn và gầm gừ chung quanh chân thang. Tôi đây, anh nhắc lại khá to, một người bạn đây. Không thấy đáp; cái bóng ma trắng đã biến mất. Xin hãy mở cho tôi, tôi cần phải nói chuyện với bà, tôi đau khổ quá rồi! và anh gõ đến vỡ kính.

Nghe có một tiếng động nhỏ gọn; cái then chốt của sổ đã rút; anh đẩy cánh cửa và nhẹ nhàng nhảy vào trong buồng.

Cái bóng ma trắng lùi xa ra; anh nắm lấy hai cánh tay của cái bóng đó; thì ra một người đàn bà. Tất cả những ý nghĩ dưng cảm của anh tiêu tán. Nếu là nàng, thì nàng sẽ nói gì với ta đây? Khi nghe thấy một tiếng kêu, nhận ra là bà đơ Rênan, thì anh chẳng còn tâm trí nào nữa.

Anh ôm bà ta vào trong tay; bà run rẩy, và hầu như không còn sức để đẩy anh ra.

- Khốn khổ! ông làm cái gì vậy?

Tiếng nói run run bần bật của bà khó khăn mới thốt ra được ngần ấy lời. Juyliêng thấy trong đó có sự phần nộ thật sự.

- Tôi đến để gặp bà sau mười bốn tháng trời xa cách đau khổ.

- Ông đi ra ngay, rồi tôi ngay lập tức. Chao ôi! Ông Sêlăng, sao lại ngăn cản tôi viết thư cho anh ấy? đáng lẽ tôi đã ngăn chặn được chuyện kinh khủng này. Bà đẩy anh ra với một sức mạnh thật phi thường. Tôi hối hận

về tội ác của tôi; trời đã rủ lòng soi sáng cho tôi, bà nhắc lại bằng một giọng hỗn hển dứt quãng. Ra đi! chạy xa đi!

- Sau mười bốn tháng đau khổ, chắc chắn là tôi sẽ không rời bà mà không được nói với bà một lời. Tôi muốn biết tất cả những việc bà đã làm. Chà! tôi đã yêu bà khá nhiều để xứng đáng được nghe lời tâm sự đó... tôi muốn được biết tất cả.

Giọng nói cương quyết đó làm chuyển động lòng bà đơ Rênan, mặc dầu trái với ý muốn của bà.

Juyliêng, vẫn ôm chặt lấy bà một cách cuồng nhiệt, và chống lại những cố gắng của bà để gỡ ra, bỗng thôi không xiết chặt lấy bà trong tay anh nữa. Cử động đó làm cho bà đơ Rênan hơi vững tâm.

- Để tôi rút cái thang đi, anh nói, cho khỏi nguy hại nhờ có một tên người nhà nào nghe thấy tiếng động, tỉnh giấc dậy, đi kiểm soát chẳng.

- Chà! đi ra đi, ông đi ra đi thì đúng hơn, bà ta nói với anh bằng một giọng tức giận thực sự. Tôi có cần gì mọi người? Chính là Chúa đương trông thấy cái chuyện khủng khiếp ông gây cho tôi, và chúa sẽ trừng phạt tôi. Ông lạm dụng hèn nhát những tình cảm của tôi đối với ông trước kia, mà bây giờ tôi không còn nữa. Ông có nghe thấy không, ông Juyliêng?

Anh rút cái thang rất thông thả để không gây nên tiếng động.

- Chồng mình có ở trên phố không? Anh nói với bà, không phải để đương đầu với bà, nhưng vì bị thói quen cũ lôi cuốn.

- Xin ông làm ơn đừng nói với tôi như vậy, kéo tôi gọi nhà tôi đây. Tôi đã có tội quá rồi, vì không đuổi ông đi, mặc dầu cơ sự thế nào. Tôi thương hại ông, bà nói với anh, để cố xúc phạm lòng kiêu ngạo của anh, mà bà vẫn biết là dễ tức giận.

Sự cố tình không xung hô bằng mình mình tôi tôi, cái cách đột ngột bẻ gãy một mối tình đầm thắm như thế, mà anh vẫn còn trông cậy vào, làm cho tình yêu của Juyliêng nồng nàn lên đến độ điên cuồng.

- Sao! Có lẽ nào bà không yêu tôi nữa! Anh nói với bà bằng một giọng xuất phát từ trái tim, khó lòng nghe thấy mà giữ được bình thần.

Bà không trả lời; còn anh, thì khóc thảm thiết.

Thật sự, anh không còn đủ sức để thốt nên lời.

- Như vậy là tôi bị quên hoàn toàn bởi con người duy nhất đã yêu tôi từ trước đến nay! Từ nay, tôi còn sống làm gì nữa? Tất cả can đảm của anh đã biến mất từ lúc anh không còn phải lo sợ cái nguy gặp một người đàn ông; tất cả đã biến khỏi lòng anh, trừ tình yêu.

Anh khóc im lặng rất lâu. Anh cầm lấy bàn tay của bà, bà định rút tay về; nhưng, sau vài cử động hầu như run rẩy, bà để yên bàn tay cho anh. Tối đen như mực; cả hai người thấy mình ngồi ở mép giường bà đợ Rênan.

Thật khác xa, so với mười bốn tháng trước đây! Juyliêng nghĩ và nước mắt của anh càng giàn giụa nhiều hơn. Vậy là sự xa cách phá hoại một cách chắc chắn tất cả mọi tình cảm của con người!

- Xin bà hãy rủ lòng nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy đến với bà, cuối cùng Juyliêng nói, lúng túng vì sự im lặng của mình, và bằng một giọng nghẹn ngào nước mắt.

- Cố nhiên, bà đơ Rênan trả lời bằng một giọng nghiêm khắc, và nghe có một cái gì khô khốc và trách móc đối với Juyliêng, những lầm lạc của tôi, cả thành phố đều biết, từ lúc ông ra đi. Trong những hành vi cử chỉ của ông, có biết bao điều khinh suất! Sau đó ít lâu, trong khi tôi đang đau khổ, ông Sêlăng đáng tôn kính đến thăm tôi. Trong một thời gian khá lâu, ông muốn được nghe một lời thú thực mà không được. Một hôm, ông nảy ra ý kiến đưa tôi vào nhà thờ ở Dijông, ở đó xưa kia tôi đã làm lễ chịu mình thánh đầu tiên. Đến đó, ông mạnh bạo lên tiếng trước. Bà đơ Rênan bị nước mắt làm nghẹn lời. Thật là một giây phút hổ thẹn! Tôi thú thực đầu đuôi. Con người rất nhân hậu đó thương tình không tỏ vẻ phẫn nộ để làm cho tôi đau khổ thêm: ông cũng đau xót với tôi. Thời gian đó, tôi vẫn hằng ngày viết thư cho ông mà không dám gửi đi; tôi cất giấu kỹ và khi đau khổ quá, tôi đóng cửa buồng riêng, lấy những thư đó ra đọc lại.

Sau cùng, ông Sêlăng quyết định được tôi đưa cho ông những thư đó... Có vài bức, viết cẩn trọng hơn một chút, đã được gửi cho ông; không thấy ông trả lời.

- Tôi xin thề với mình, chưa hề bao giờ tôi có nhận được một bức thư nào của mình ở chủng viện.

- Trời đất ơi, hay là có ai ngăn đón? .

- Mình thử xét xem tôi đau đớn đến thế nào, trước cái hôm được trông thấy mình ở nhà thờ lớn, tôi không biết mình có còn sống hay không.

- Chúa đã rộng ơn hiểu cho rằng tôi đã có tội biết bao đối với Người, đối với các con tôi, đối với chồng tôi, bà dơ Rênan nói tiếp.

Juyliêng ôm chầm lấy bà, thật sự không có dự định gì và tâm trí điên cuồng. Nhưng bà dơ Rênan đẩy anh ra, và nói tiếp với một giọng khá cương nghị.

- Ông bạn đáng kính của tôi, ông Sêlăng giảng giải cho tôi hiểu rằng khi lấy ông dơ Rênan, tôi đã ràng buộc với ông ấy tất cả mọi tình yêu thương mà lúc đó tôi chưa biết, và chưa bao giờ cảm thấy trước khi gặp một cuộc tình duyên tai hại... Từ cuộc hy sinh lớn những bức thư mà tôi trân trọng biết bao, cuộc đời của tôi đã trôi chảy, nếu không gọi là sung sướng, thì ít ra cũng là khá êm ả. Xin ông đừng khuấy động nó; ông hãy làm một người bạn của tôi... người bạn tốt nhất của tôi, Juyliêng hôn chỉ chút lên đôi bàn tay bà; bà thấy anh vẫn còn khóc. Đừng khóc, ông làm tôi đau lòng lắm... Bây giờ đến lượt ông nói cho tôi biết ông đã làm những gì. Juyliêng không cất nổi nên lời. Tôi muốn biết ông sinh hoạt ra sao ở chủng viện, bà nhắc lại, thế rồi ông đi đi nhé.

Không nghĩ gì đến những điều mình kể, Juyliêng nói về những âm mưu và những ghen ghét không sao kể xiết mà anh đã gặp phải lúc đầu, rồi nói về cuộc đời êm ả hơn của anh từ khi được cất lên làm phụ giảng.

Chính lúc đó, anh nói thêm sau một thời gian dài im lặng, chắc hẳn là dụng ý để làm cho tôi hiểu cái điều

mà hôm nay tôi trông thấy rõ quá, là bà không yêu tôi nữa và coi tôi như một kẻ hững hờ... Bà đơ Rênan xiết chặt hai bàn tay anh. Chính lúc đó, bà gửi cho tôi một món tiền năm trăm quan.

- Dâu có, bà đơ Rênan nói.

- Đó là một bức thư đóng dấu từ Pari và ký tên Pôn Xoren, để đánh lạc hướng mọi sự nghi ngờ.

Bấy giờ nổi lên một cuộc tranh cãi nhỏ về nguồn gốc có thể của bức thư kia. Tình huống tình thần thay đổi. Bất giác, bà đơ Rênan và Juyliêng đã bỏ cái giọng trịnh trọng; họ đã trở về giọng thân ái dầm thắm. Họ không trông thấy nhau, vì bóng tối dày đặc, nhưng âm thanh của tiếng nói đủ biểu lộ được tất cả. Juyliêng vòng cánh tay quanh mình bạn tình; động tác đó có nhiều nguy hiểm. Bà cố đẩy xa cánh tay của Juyliêng, anh khôn khéo thu hút sự chú ý của bà lúc đi vào một tình tiết thú vị của câu chuyện kể. Cánh tay kia như bị quên đi và cứ ở nguyên trong cái thế sẵn có.

Sau nhiều phỏng đoán về nguồn gốc bức thư có kèm năm trăm quan, Juyliêng lại tiếp tục kể chuyện; anh hơi được tự chủ khi nói về quãng đời đã qua của mình, vì quãng đời đó, bên cạnh chuyện đang xảy ra với anh lúc này, anh chẳng thiết tha gì mấy. Tất cả sự chú ý của anh tập trung vào chuyện cuộc thăm nhau này sẽ kết thúc ra sao. Ông sẽ đi ra, người ta vẫn cứ chốc chốc lại nhắc với anh, với một giọng dăm dẩn.

Nếu ta bị tổng khứ thì nhục biết chừng nào! cái đó sẽ là một nỗi hối hận đau đớn suốt cuộc đời ta, anh tự nhủ, nàng sẽ không bao giờ viết thư cho ta. Có Trời biết

bao giờ ta sẽ trở lại xứ sở này! Từ lúc đó, tất cả những cái gì là cao thượng lâng lâng trong tình huống của Juyliêng bỗng biến đi nhanh chóng trong lòng anh. Ngồi bên một người đàn bà mà anh yêu quý, gần như ôm nàng trong tay, trong gian buồng mà trước kia anh đã được hưởng bao hạnh phúc; giữa một cõi tối đen thăm thẳm, nhận thấy rất rõ nàng khóc đã từ một lát rồi, vì cảm thấy, qua cử động của ngực nàng, rằng nàng đang nức nở, anh lại có cái bất hạnh là trở thành một tay chính trị lạnh lùng, cũng tính toán và cũng lạnh lùng gần như khi, ở trong sân chủng viện, anh thấy mình vấp phải một câu đùa ác của một thằng bạn học khỏe hơn. Juyliêng kéo dài câu chuyện kể, và nói về cuộc đời đau khổ của mình từ lúc ra đi khỏi Verie; Vậy ra, bà dơ Rênan tự nhủ, sau một năm xa cách, anh đã gần như hoàn toàn thiếu những biểu hiện của tình thương nhớ, mà ta thì quên anh, anh chỉ còn nghĩ đến những ngày hạnh phúc đã được gặp ở Vergy. Bà lại càng nức nở nhiều hơn. Juyliêng thấy chuyện kể của mình có hiệu quả. Anh hiểu rằng cần phải thử dùng phương kế cuối cùng: anh đột nhiên đi đến chuyện bức thư vừa mới nhận được từ Pari.

- Tôi đã đến cáo biệt Đức giám mục.

- Thế nào, anh không trở về Bodăngxông nữa! anh rời bỏ chúng tôi vĩnh viễn sao?

- Vâng, Juyliêng trả lời với một giọng quả quyết; vâng, tôi từ bỏ một xứ sở mà ở đó tôi bị ngay cả đến người mà tôi đã yêu hơn hết thấy trong đời tôi, cũng quên tôi, và tôi lìa bỏ xứ sở này để không bao giờ trở lại nữa. Tôi đi Pari....

- Mình đi Pari! bà đơ Rênan kêu lên khá to.

Tiếng nói của bà gần như bị nghẹn ngào vì nước mắt, và biểu lộ tất cả sự rối loạn quá độ của bà. Juyliêng đương cần sự khích lệ đó: anh sắp thử một hành động nó có thể quyết định mọi điều tai hại cho anh; và trước khi nghe thấy tiếng kêu kia thốt ra, vì mắt chẳng trông thấy gì, anh hoàn toàn không biết hiệu quả mà anh vừa gây ra được là thế nào. Bây giờ anh không do dự nữa; sự lo sợ phải hối hận làm cho anh hoàn toàn tự chế ngự được; anh lạnh lùng nói thêm và đứng dậy:

- Vâng, thưa bà, tôi từ biệt bà vĩnh viễn, chúc bà hạnh phúc; vĩnh biệt.

Anh đi vài bước về phía cửa sổ; anh đã mở cánh cửa ra rồi. Bà đơ Rênan lao đến anh và ngã mình trong cánh tay anh*.

Như vậy là, sau ba tiếng đồng hồ đối thoại, Juyliêng thu hoạch được cái điều anh đã mong ước với bao nỗi cuồng nhiệt trong hai giờ đầu. Vì thử sớm hơn một chút, thì sự trở lại những tình cảm âu yếm, sự lẫn biến những nỗi hối hận ở bà đơ Rênan, đã trở thành một niềm hạnh phúc thần tiên; nhưng vì thu lượm được bằng tài khôn khéo, nên những cái đó chỉ còn là một nỗi thích thú mà thôi. Juyliêng cứ nhất định muốn thấp ngọn đèn đêm, mặc dầu tình nhân cố sức van nài.

- Vậy mình muốn, anh nói với bà, tôi không được giữ một tí kỷ niệm nào về sự đã gặp mặt mình sao? Tình yêu, chắc hẳn biểu hiện trong đôi mắt mê ly này, tôi sẽ không được trông thấy sao? màu trắng trẻo của bàn tay

xinh đẹp này sẽ là vô hình đối với tôi sao? Mình hãy nghĩ rằng tôi xa mình phen này có lẽ rất lâu đấy!

Bà đỡ Rênan không còn gì có thể từ chối cái ý nghĩ kia, nó làm cho bà chứa chan nước mắt. Nhưng bình minh* đã bắt đầu vẽ nổi bật đường viền của những cây tùng trên núi phía đông Veire. Đáng lẽ ra đi, thì Juyliêng, say sưa vì khoái lạc, lại xin bà đỡ Rênan cho ở lại cả ngày hôm đó, nấp trong buồng bà, và đêm sau mới đi.

- Tại sao lại không nhỉ? bà trả lời. cuộc tái phạm tai hại này làm cho tôi mất hết lòng tự quý mến, và gây đau khổ vĩnh viễn cho tôi, và bà ôm chặt anh vào lòng. Nhà tôi không như trước nữa đâu, ông ấy có những mối ngờ vực; ông ấy tin rằng tôi đã thao túng ông ấy trong tất cả câu chuyện này, và tỏ vẻ rất tức giận tôi. Nếu ông ấy nghe thấy hơi có một tiếng động nào thì tôi nguy một, ông ấy sẽ đuổi tôi như một con khốn nạn.

- Chà! đó là cái giọng của ông Sêlăng, Juyliêng nói; trước khi tôi đau khổ ra đi để vào chủng viện, có đời nào mình lại nói với tôi như thế; lúc đó mình yêu tôi mà!

Juyliêng được đền bù về sự bình thân mà anh đã đem vào câu nói đó, anh thấy tình nhân của anh quên nhanh chóng nỗi nguy vì sự có mặt của chồng để nghĩ đến nỗi nguy hiểm lớn hơn nhiều, là thấy Juyliêng ngờ vực tình yêu của mình. Ánh sáng ban ngày tăng lên nhanh chóng và chiếu rọi chói chan gian buồng? Juyliêng tìm thấy lại tất cả những khoái trá của lòng kiêu hãnh, khi được trông thấy lại, trong tay anh và gần như ở dưới chân anh, người đàn bà kiêu my kia, người đàn bà duy nhất mà anh đã yêu, và mới vài giờ trước đó, còn hoàn

toàn sợ sệt một vị Chúa ghê gớm và hoàn toàn yêu thích bốn phận. Những quyết tâm được củng cố bởi một năm trời kiên trì đã không đứng vững nổi trước sự dũng cảm của anh.

Ít lâu sau nghe thấy có tiếng ồn ào trong nhà; một điều mà bà quên không nghĩ đến, làm cho bà đơ Rênan rối loạn.

- Con Êlida độc bụng kia sắp vào trong buồng này, còn cái thang to tướng kia, biết làm thế nào? bà nói với tình lang; cất nó ở đâu bây giờ? Để tôi đem nó lên gác kho, bỗng bà kêu lên, với một nỗi vui hơn hờ.

- Nhưng phải đi qua buồng tên người nhà, Juyliêng ngạc nhiên nói.

- Tôi sẽ để cái thang ở hành lang, tôi sẽ gọi tên người nhà và sai hắn một việc gì đó.

- Mình nên liệu mà chuẩn bị sẵn một câu gì để phòng khi tên người nhà đi qua trước cái thang, trong hành lang, mà để ý thấy chẳng.

- Phải đấy, mình yêu của tôi ạ, bà đơ Rênan vừa nói vừa hôn anh một cái. Còn mình, nên liệu mà ẩn nấp thật mau dưới gầm giường, nếu, trong khi tôi vắng mặt, con Êlida nó vào đây.

Juyliêng ngạc nhiên về nỗi vui vẻ đột nhiên đó. Vậy là, anh nghĩ, khi đến gần một nguy cơ vật chất, đáng lẽ rối loạn, thì nàng trở lại vui vẻ, vì quên cả mọi niềm hối hận! Thật là một người đàn bà ưu việt! chà! được ngự trị trong trái tim đó thật là vinh diệu biết bao! Juyliêng sướng mê người.

Bà đỡ Rênan cầm lấy cái thang; rõ ràng là cái thang quá nặng đối với bà. Juyliêng chạy đến giúp bà; anh cảm thán cái thân hình thanh lịch kia nó không có vẻ gì báo hiệu là có sức mạnh cả, khi bỗng nhiên, không cần có sự giúp đỡ, bà nắm lấy cái thang, và nhấc bổng nó lên như một cái ghế vậy. Bà đem nó nhanh chóng lên hành lang của tầng gác thứ ba, rồi dặt nó nằm ép vào tường. Bà gọi tên người nhà, và để cho hắn có thì giờ mặc quần áo, bà trèo lên chuồng chim bồ câu. Năm phút sau, khi trở lại hành lang, bà không thấy cái thang nữa. Nó đâu mất rồi? Ví thử Juyliêng đã ra khỏi nhà, thì nỗi nguy cơ này chẳng làm cho bà động tâm. Nhưng, trong lúc này, nếu chồng bà trông thấy cái thang kia! câu chuyện có thể thành ra khủng khiếp. Bà đỡ Rênan chạy ngược chạy xuôi khắp nhà, có lẽ tên người nhà đã đem đến đấy và có thể nói là giấu ở đấy. Tình tiết này thật lạ lùng, ví thử xưa kia thì bà đã hoảng hốt.

Ta cần quái gì, bà nghĩ, những chuyện có thể xảy ra trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa, khi Juyliêng đã đi khỏi rồi? khi đó thì tất cả mọi sự, đối với ta, đều là hời hợt và hối hận thôi mà!

Bà như có một ý nghĩ lơ mơ là phải lìa bỏ cõi đời, nhưng cần gì! Sau một cuộc xa cách bà đã tưởng là vĩnh viễn, anh đã được trả lại cho bà, bà lại gặp mặt anh, và tất cả những điều anh đã làm để đến tận nơi bà tỏ ra biết bao tình yêu thương!

Khi kể lại chuyện cái thang cho Juyliêng:

- Tôi sẽ trả lời nhà tôi như thế nào, bà nói với anh, nếu tên đầy tớ kể lại với ông ấy rằng đã bắt được cái

412

thang kia? Bà mơ màng một lát; họ cần phải mất hai mươi bốn tiếng đồng hồ mới phát hiện được người nông dân đã bán cái thang cho mình; và ngã vào lòng Juyliêng vừa ôm chặt lấy anh bằng một cử động run rẩy: Chao ôi! chết, chết như thế này! bà kêu lên và hôn anh lia lịa; nhưng không nên để cho mình vì đói mà phải chết bà vừa nói vừa cười.

Lại đây; trước hết để tôi giấu mình vào buồng của bà Derwin, buồng này bao giờ cũng khóa kín. Bà đi ra canh ở cuối hành lang, và Juyliêng chạy ào qua. Chớ có mở ra, nếu có người gõ cửa, và vừa nói vừa khóa trái anh lại; dẫu sao, thì cũng chỉ là lũ trẻ chúng nó đùa nghịch với nhau đó thôi.

- Mình bảo chúng ra chơi ngoài vườn dưới cửa sổ, Juyliêng nói, để tôi được cái vui trông thấy chúng, mình hãy làm cho chúng nói lên.

- Vâng vâng, bà đờ Rênan vừa nói to với anh vừa đòi chân đi.

Ít lâu sau, bà trở lại với những cam, những bánh bích quy, một chai rượu vang Malaga; bà đã không làm sao lấy trộm được bánh mì.

- Chồng mình đương làm gì? Juliêng hỏi.

- Đương viết lách những dự trù mua bán với bọn nhà quê.

Nhưng tám giờ đã điểm, trong nhà rất ồn ào. Nếu người ta không trông thấy bà đờ Rênan, thì chắc người ta sẽ đi tìm bà khắp nơi, bà bắt buộc phải rời anh. Bà trở lại ngay, trái với mọi ý tứ cần trọng để đem cho anh

một chén cà-phê; bà chỉ sợ anh đói là mất. Sau bữa ăn sáng, bà tìm được cách đưa lũ trẻ đến ngay dưới cửa sổ buồng bà Đervin. Anh thấy chúng lớn lên nhiều lắm, nhưng chúng đã ngả sang về tâm thường, hay là đầu óc anh đã thay đổi chăng.

Bà đơ Rênan nói chuyện với chúng về Juyliêng. Thằng lớn nhất trả lời có vẻ miễn và tiếc thầy gia sư cũ; nhưng mấy đứa bé thì lại hầu như đã quên hẳn anh.

Sáng hôm đó, ông đơ Rênan không đi đâu, ông luôn luôn đi lên đi xuống trong nhà, bận việc giá cả với những người nhà quen, họ đến mua vụ thu hoạch khoai tây của ông. Cho đến tận bữa ăn chiều, bà đơ Rênan không có một giây phút nào dành được cho tù nhân của bà. Khi bữa ăn chiều đã điểm chuông và đã dọn lên, bà nảy ra ý kiến lấy trộm cho anh một đĩa xúp nóng. Bà dương đi êm nhẹ lại gần cửa buồng anh ẩn nấp, tay bung đĩa xúp rất cẩn thận, thì bỗng thấy đối diện với tên người nhà đã cất giấu cái thang hồi sáng. Trong lúc đó, hấn cũng đi êm nhẹ trong hành lang và như lắng tai nghe ngóng. Ý hấn Juyliêng đã đi đi lại lại thiếu cẩn trọng. Tên người nhà lặng đi, hơi ngượng ngùng. Bà đơ Rênan mạnh dạn bước vào buồng Juyliêng; sự gặp gỡ đó làm anh run cả người.

- Mình sợ, bà nói với anh; tôi, thì tôi sẵn lòng đương đầu với tất cả mọi nỗi nguy hiểm ở đời và không chút chau mày. Tôi chỉ sợ mỗi một điều, đó là cái lúc tôi sẽ còn tro lại một mình sau khi mình đi khỏi; nói rồi bà bỏ chạy đi.

- Ôi! Juyliêng phấn kích tự nhủ, sự hối hận và mối nguy hiểm duy nhất mà cái tâm hồn cao thượng kia lo sợ!

Thế rồi buổi tối đến. Ông đơ Rênan đi Cadinô.

Vợ ông đã cáo là nhức đầu kinh khủng, bà rút lui về buồng riêng, vội đuổi Êlida đi khỏi, và nhúm dây rất mau để đi mở cửa cho Juyliêng.

Sự tình là anh đương đói lả thật sự. Bà đơ Rênan bèn đi xuống buồng chứa đồ ăn, để tìm bánh mì. Bỗng Juyliêng nghe thấy một tiếng kêu thét lên. Bà đơ Rênan trở lại, và kể cho anh nghe rằng khi vào buồng chứa thức ăn, không có đèn đóm gì, lại gần một cái tủ chạn trong đó có bánh mì, bà giơ tay ra, đụng phải một cánh tay đàn bà. Đó là Êlida, chính chị ta đã kêu lên một tiếng mà Juyliêng nghe thấy.

- Chị đương làm gì ở đó?

- Nó đương ăn cắp bánh kẹo gì đó, hoặc đương rình chúng ta, bà đơ Rênan nói với một vẻ hoàn toàn thần nhiên. Nhưng may quá tôi đã tìm được một miếng patê và một cái bánh mì to.

- Có cái gì trong này vậy? Juyliêng vừa hỏi vừa chỉ những cái túp tạp dề của bà.

Bà đơ Rênan đã quên phứt rằng từ lúc ăn cơm chiều, cái túi đó đã nhét đầy bánh mì.

Juyliêng ôm lấy bà với một mối tình cuồng nhiệt hết sức sôi nổi; chưa bao giờ anh thấy bà đẹp như lúc này. Ngay cả ở Pari, anh lơ mờ nghĩ bụng, ta cũng không thể nào gặp được một người có khí phách lớn hơn. Bà có tất cả sự vụng về của một người đàn bà không quen mấy

với những loại chăm sóc đó, và đồng thời sự dưng cảm chân chính của một con người chỉ biết lo sợ những nỗi nguy hiểm thuộc một loại khác và ghê gớm hơn nhiều.

Trong khi Juyliêng ăn bữa tối rất ngon miệng, và tình nhân của anh đùa cợt anh về sự giản dị của bữa ăn, vì bà không dám nói chuyện nghiêm trang, thì bỗng cánh cửa buồng bị lay động mãnh liệt. Đó là ông dơ Rênan.

- Sao mình lại khóa trái cửa thế này? Ông kêu to lên.

Juyliêng chỉ vừa kịp chui xuống gầm ghế tràng kỷ.

- Thế nào! bà ăn mặc chỉnh tề thế kia, ông dơ Rênan vừa đi vào vừa nói; bà ăn tối, và bà lại khóa trái cửa lại.

Ví thử là những ngày thường, thì câu hỏi đó, thốt lên với tất cả sự khô khan của đời sống vợ chồng, tất đã làm cho bà dơ Rênan rối loạn, nhưng lúc này bà thấy rằng chồng bà chỉ việc cúi xuống một tí là trông thấy Juyliêng; vì ông dơ Rênan đã ngồi phịch xuống cái ghế tựa mà Juyliêng đã ngồi trước đó một lát, ngay trước mặt cái ghế tràng kỷ.

Bệnh nhức đầu được viện ra để tạ lỗi cho mọi chuyện. Trong khi đến lượt ông chồng kể dài dòng cho bà nghe những tình tiết của ván bi-a mà ông đã thắng ở Cadinô, một ván mười chín quan chứ đừng tưởng! ông nói thêm, trong khi đó thì bà trông thấy trên một chiếc ghế tựa cách ba bước trước mặt họ, cái mũ của Juyliêng, sự bình tĩnh của bà, tăng lên gấp bội, bà bèn cởi bỏ áo ngoài, và trong một giây phút, đi nhanh qua đằng sau lưng chồng, bà ném một chiếc áo dài lên trên cái ghế có cái mũ.

Sau rồi ông đơ Rênan đi ra. Bà yêu cầu Juyliêng kể lại từ đầu chuyện đời sống của anh ở chủng viện; hôm qua tôi có nghe chuyện dẫu, trong khi mình nói, tôi chỉ nghĩ đến chuyện dứt được lòng để đuổi mình đi.

Lúc đó, bà thiếu cân trọng vô cùng. Hai người nói chuyện rất to; và có lẽ đã hai giờ sáng, khi họ bị ngắt lời bởi một tiếng đấm mạnh vào cánh cửa. Lại là ông đơ Rênan.

- Bà mở cho tôi mau lên, có trộm trong nhà! ông nói, thằng Xanh-Giăng nó đã bắt được cái thang của chúng nó hồi sáng hôm nay.

- Thôi thế này là hết tất cả, bà đơ Rênan kêu lên, và ngã mình vào cánh tay Juyliêng. Ông ấy sẽ giết chết cả hai đứa chúng mình, ông ấy không tin cái chuyện kẻ trộm dẫu; tôi sẽ chết trong tay mình, chết mà sung sướng hơn sống từ trước đến nay. Bà không trả lời tí nào cho ông chồng đương câu tiết, bà ôm hôn Juyliêng một cách cuồng nhiệt.

- Mình hãy cứu lấy mẹ thằng Xtanixla, anh nói với bà bằng con mắt ra lệnh. Tôi sẽ nhảy xuống dưới sàn qua cửa sổ buồng xép, và chạy trốn vào vườn hoa, lú chó đã nhận được tôi rồi. Mình gói xống áo của tôi lại, và ném xuống vườn càng sớm càng hay. Trong khi chờ đợi, cứ để cho phá cửa. Nhất là, không được thú, tôi cấm mình đấy, thà để ông ấy ngờ vực còn hơn là biết chắc chắn.

- Mình nhảy xuống thì mất mạng! đó là câu trả lời duy nhất và nỗi lo lắng duy nhất của bà.

Bà cùng đi với anh ra cửa sổ phòng xép; sau đó bà tranh thủ thời gian cất giấu xống áo của anh. đi. Cuối

cùng, bà mở cửa cho ông chồng đương giận dữ sôi sục. Ông nhìn trong buồng, trong buồng xếp, không nói câu nào, và biến ngay. Những xống áo của Juyliêng được ném xuống cho anh, anh bắt lấy, và chạy nhanh về phía dưới khu vườn, mé sông Đúp.

Trong khi chạy, anh nghe thấy tiếng rít lên một viên đạn và liền ngay đó tiếng nổ của một phát súng trường.

Không phải ông đơ Rênan, anh nghĩ, ông ta bắn tôi hơn kia. Đàn chó chạy lạng lẽ hai bên anh, một phát súng thứ hai hình như bắn gãy chân một con chó, vì nó bỗng kêu lên những tiếng kêu thảm thiết. Juyliêng nhảy qua bức tường của một tầng vườn cao, đi năm chục bước khuất tầm súng, rồi lại cắm đầu chạy theo một hướng khác. Anh nghe thấy những tiếng người gọi nhau, và trông rõ ràng thấy tên người nhà, kẻ thù của anh, bắn một phát súng trường; một tên tá điền cũng đến bắn đi đệt ở phía bên kia khu vườn, nhưng Juyliêng đã tới bờ sông Đúp, ở đó anh mặc xống áo vào.

Một giờ sau, anh đã cách Veire một dặm, trên đường đi Gionevo; nếu họ có ngờ vực, Juyliêng nghĩ bụng, thì họ sẽ đi lùng ta trên đường đi Pari.

HẾT QUYỂN 1

CHÚ THÍCH

Trang 53

- *Đấng tống* (Danton), 1759-1794, một chính khách lỗi lạc của Cách mạng Pháp 1789, kinh địch với Rôbexpie (Robespierre) và bị đưa lên máy chém. Theo H.Mactinô, câu châm ngôn trích làm đề từ này chưa chắc đã là do Đấng tống thốt ra. Ông cho rằng có đến quá nửa những câu Xtăngđan dùng làm đề từ trong tác phẩm chỉ là ngụ ý tạo.

Trang 56

- Đây là lời của nhà xuất bản in tác phẩm lần đầu tiên; có thể là chính tác giả thác lời nhà xuất bản để giữ thái độ dè dặt về chính trị; thật ra, tác phẩm được viết vào khoảng 1820-1830.

Trang 57

- *Hobbes* (Thomas), nhà triết học duy vật Anh (1588-1679). Câu đề từ trên, đại ý là: "Dù có bỏ vào nhà tù hàng nghìn người, nhà tù vẫn chẳng phải là chỗ để vui chơi".
- *Verie* (Verrières). Trong quận Đúp, có hai làng tên là Virie. Nhưng Xtăngđan nói rằng: "Virie là một nơi tưởng tượng..." vì ông chỉ mượn tên Virie, nhưng cảnh tả trong truyện hoàn toàn không dính dáng gì đến hai làng nói trên.
- *Frăngso-Côngtê* (Franche-Comté) là tên một xứ (province) cũ ở miền đông nước Pháp, giáp giới Thụy-sĩ. Gọi là xứ cũ, vì hiện nay nước Pháp không chia thành xứ, mà chia làm 94 đơn vị hành chính, gọi là tỉnh (département). Xứ là tên gọi cũ của những vùng đất đai rộng lớn, bao gồm nhiều tỉnh hiện nay. Có những xứ trước kia thuộc quyền cai trị của các lãnh chúa địa phương không phục tùng Trung ương, hoặc thuộc quyền thống trị nước ngoài, như Frăngso-Côngtê, thủ đô là Bơđăngxông (Besancon), đã từng bị người Tây-ban-nha thống trị, mãi đến 1678-1679 mới được sáp nhập vào vương quyền nước Pháp (triều vua Luy XIV).

Hiện nay xứ đó chia làm ba tỉnh: Đup, Juyra và Hô-tơ-Xôn (Doubs, Jura, Haute-Saone).

- Đup (Doubs), tên một con sông nhỏ, phát nguyên ở Frăng-sơ-Công-tê, rồi đổ vào sông Xôn (Saône). Do con sông này mà có tên tỉnh Đup (nói ở chú thích trên).
- Piê (pied), đơn vị đo lường cũ, dài bằng 0,3248 mét.
- Juyra (Jura), tên dãy núi ngăn cách nước Pháp với nước Thụy-sĩ, dài 300 km. (Do dãy núi này mà có tên tỉnh Juyra, ở Frăng-sơ-Công-tê).

Trang 58

- Muyludơ (Mulhouse), tên một thành phố ở xứ Aldaxơ, miền cực đông nước Pháp, nổi tiếng về công nghệ len vải sợi. Đây là nói về một loại vải hoa, in theo kiểu của Muyludơ và mệnh danh là vải Muyludơ.
- Hêl-vê-xi (Helvétie): tên cũ của một miền đông nước Gô-lơ (Pháp cũ), hiện nay là đại bộ phận đất đai nước Thụy-sĩ. Người ta hiện nay cũng vẫn thường gọi nước Thụy-sĩ bằng cái tên cũ đó.

Trang 60

- 1815: năm Napolêông bị truất và đày sang đảo Xanh-tơ-Hê-len. Chính quyền nước Pháp lại trở về tay vua Luy XVIII, dòng chính thống Buôc-bông.
- Luy (louis): tiền tệ cũ bằng vàng, trị giá 24 livơ (tức là 24 quan), bắt đầu đúc từ thời vua Luy XIII. Sau này, là tên gọi đồng tiền vàng, trị giá 20 quan. (Theo tự điển *Petit Larousse*).

Trang 61

182...: tác giả để lửng, không nói rõ là một nghìn tám trăm hăm mấy, nhưng có lẽ ám chỉ cuộc bầu cử nội các Vilelơ (Villèle) năm 1821, mở đầu một loạt những chính sách phản động của chính quyền Luy XVIII.

Trang 62

- *Barnave* (Barnave): nhà xã hội học, tay hùng biện của Quốc hội lập hiến của Cách mạng Pháp. Sinh năm 1761, bị chặt đầu năm 1793.
- *Tường chắn* (mur de soutènement): tường xây để chắn đất lở, nước tràn.

Trang 63

- *Toado* (toise): đơn vị đo lường cũ, dài bằng 1,949 mét.

Trang 64

- *Viện tế bần* (depôt de mendicité): những viện tế bần, do vua Luy XVI sáng lập nên, dưới thời Cách mạng bị triệt bỏ, đến thời Đế chế lại được tổ chức lại năm 1808. Chính quyền Trung hưng (Restauration) lại triệt bỏ gần hết. Năm 1830, chỉ còn có sáu viện.
- *Xanh-Giecmah-ăng-lê* (Saint-Germain-en-Laye): tên thị trấn, tổng ly Xen-ê-Oado, quận Vecxai. Ở đó có một tòa lâu đài lớn, kiểu phục hưng, đã từng làm cung điện nhà vua, tòa lâu đài này có một tầng nền cao, rộng lớn huy hoàng, trên đó có thiết lập một viện bảo tàng những đồ cổ của quốc gia.
- **ĐƯỜNG ĐẠO TRUNG THÀNH** (Cours de la Fidélité): tiếng Pháp cours có nghĩa là con đường dạo chơi công cộng, có trồng cây. *Trung thành*, là tên mà ông đờ Rênan đặt cho con đường ấy, dụng ý ám chỉ lòng trung thành của mình với dòng họ chính thống Buôcbông, hiện đương trị vì.
- *Bodăngxông* (Besancon): nguyên là thủ phủ xứ cũ Frăngso-Côngtê. Sau này, là tỉnh ly tỉnh Đúp. Có công nghiệp đồng hồ, gang thép, làm mũ v.v... Có thành lũy, tòa tổng giám mục, đại học viện, trường dạy nghề đồng hồ.
- *Jacôbanh* (Jacobins): tên chỉ những người họp thành một nhóm cách mạng, thường hội họp ở nhà tu kín cũ của dòng Jacôbanh, nghĩa là dòng thánh Đômimic, ở phố Xanh-Hônôrê. Những người Jacôbanh tụ tập thành nhóm ngay từ 1789, là những người cách

mạng hăng say nhất, và ủng hộ đến cùng ủy ban Cứu quốc và Rôbexpie. Nghĩa rộng, là người nhiệt thành theo chế độ dân chủ.

Trang 66

- *Apper* (Appert): tên thực của một nhân vật có thực, trợ bút *Báo Để lao* (Journal de Prison), thường đi công cán khắp nước Pháp để cải thiện số phận các tù nhân. Ông ta đã đến Gromôblo thăm Ăngtoan Bectê trong nhà giam kia.

Trang 67

- *Flory* (Fleury): đây là Clause Fleury (1640-1728), giáo sĩ Pháp, sinh ở Pari, cha nghe tội của vua Luy XV, tác giả bộ sách *Giáo hội thông sử* (Histoire ecclesiastique) rất được người đương thời hâm mộ.

Trang 69

- *Livro* (livre): tên gọi đơn vị tiền tệ cũ của Pháp, sau này thay thế bằng đồng franc. Hiện nay, khi nói đến tiền niên kim, người ta cũng gọi đồng franc là livro.

Trang 71

- *Buônapartê*: tên của Napôlêông, đọc theo tiếng Pháp là Bônapactor (Bonaparte), nhưng theo tiếng địa phương đảo Corxơ (quê hương của Napôlêông) tức là tiếng Ý, thì đọc là Buônapartê, (viết như trên). Khi người ta gọi Napôlêông là Buônapartê, tức là người ta tỏ thái độ chính trị: sau khi ông ta bị truất, những người bảo hoàng ra điệu khinh miệt, nên mới lấy giọng quê của ông ta để đọc tên ông ta.
- ... *ủng hộ đế chế*: chắc hẳn đây là ám chỉ một cuộc trưng cầu ý kiến về thái độ chính trị, nhưng tiếc rằng chúng tôi chưa tra cứu ra câu hỏi cụ thể là thế nào.
- *Thợ mộc*: nguyên Pháp vẫn là *char pentier*, thợ mộc chuyên đóng bộ khung nhà bằng gỗ, như rui, keo, khung cửa, v.v...

Trang 72

- *Ngựa Normăng*: giống ngựa tốt của xứ Normăngđi (Normăngdie), miền Bắc nước Pháp.

- *Êquy* (écu): đơn vị tiền tệ cũ bằng bạc, thường thường trị giá 3 *livơ* (cũng có khi là 6 *livơ*). Đây 100 êquy, tức là 300 quan.

Trang 74

- *Quan võ, quan văn, tu sĩ*: tức là ba loại người được hưởng đặc quyền trong chế độ phong kiến cũ của nước Pháp, quý tộc áo dài (quan văn, hành chính, hoặc tư pháp), quý tộc kiếm cung (quan võ) và tăng lữ.
- *Ngài quận công đ'Orléăng* (M.le duc d'Orléans): Orléăng là tên lãnh địa, thái ấp phong cho các hoàng thân của bốn chi họ làm vua nước Pháp (cùng thuộc dòng Buôcbông). Quận công đ'Orléăng nói đây là ông nội của vua Luy-Philip.
- *Bà đơ Môngtexông* (Madame de Montesson): nữ hầu tước đơ Môngtexông bí mật kết hôn với quận công đ'Orléăng; tác giả một số vở kịch.
Bà đơ Giănglix (Madame de Genlis): tác giả một số tiểu thuyết và luận đề sư phạm, nội dung phản động; đã từng là người dạy dỗ vua Luy-Philip hồi nhỏ.
Ông Đuycrexi (M. Ducrest): anh của bà đơ Giăngđix; có viết những sách về kinh tế và nghề đóng tàu.

Trang 75

- *Machiavelli* (đọc là Makiavelli): chính khách và sử gia Ý (1649-1527), sinh ở Flôrăngxơ (Florence). Tác giả những bộ sách sử học, chính trị và thao lược nổi tiếng. Câu đề từ tiếng Ý trên kia, đại ý là: "Nếu việc xảy ra như vậy, có phải là lỗi của tôi không?"

Trang 78

- *Trái hồ đào* (noix): ta vẫn gọi nôm là củ lạc tây. Gỗ hồ đào rắn và mịn, dùng để đóng bàn ghế, là một thứ gỗ tốt.

Trang 79

- *Hồi ký Xănhto-Hêlen* (Mémorial de Sainte-Hélène): tác phẩm của bá tước Lax Cado (Las Cases), nhà sử học Pháp (1766-1842) đi theo Napôlêông ra đảo Xănhto-Hêlen. Tác phẩm này là nhật

ký ghi những lời nói chuyện của Napôlêông, về tất cả các thời kỳ của lịch sử đời ông ta (1823).

Trang 80

- *Ennius*; nhà thi sĩ la-tinh cổ (240-169 trước J.C). Câu đề từ la-tinh trên nghĩa là: "Hắn đã dùng kế hoãn binh mà cứu vãn được tình thế."

Trang 82

- *Xu*: 20 xu là một quan.
- *Ruxô* (Jean-Jacques Rousseau): nhà văn hào Pháp thế kỷ 18, tác phẩm có ảnh hưởng lớn đến cuộc cách mạng Pháp và phong trào văn học lãng mạn của thế kỷ 19. (1712-1778)
- *Đại-quân-đoàn* (la Grande-armée): tên gọi đạo quân chủ lực củ Napôlêông.
- *Cô-răng* (Coran): thánh kinh của Hồi giáo. Bộ kinh này viết bằng tiếng Ả-rập, là một bộ tập thành những giáo điều và giáo nhân, được truyền thống Hồi giáo coi là cơ sở của nền văn minh Hồi giáo, nguồn gốc duy nhất của luật pháp, luân lý, phép cai trị, v.v...

Trang 83

- *Đơ Mextơ* (Joseph de Maistre): nhà triết học tôn giáo, tác giả nhiều sách, nổi tiếng nhất là bộ *Nói về Giáo hoàng* và bộ *Những buổi tối ở Xanh-Pétecxbua*. Ông ta là một nhà tư tưởng và nhà văn phản động, bênh vực các nguyên tắc uy quyền về chính trị và tôn giáo (1753-1821).

Trang 86

- *Kỵ binh của trung đoàn 6*: kỵ binh, nguyên Pháp vẫn là dragon, là lính kỵ mã chiến đấu, tổ chức lúc đầu để chiến đấu đi bộ và cưỡi ngựa. Chính Xtăngđan cũng đã từng chiến đấu ở trung đoàn kỵ binh số 6, ở Ý (1800-1802), đóng thiếu úy.

Trang 87

- *Lôdi, Arcôlo, Rivôli* (Lodi, Arcole, Rivoli): tên những trận chiến thắng lòng lẫy của Napolêông.
- *Thẩm phán tạp tụng* (jude de paix): thẩm phán ở cấp bậc thấp nhất (có thể bị chuyển hoặc bãi chức), chỉ xử những vụ tranh chấp nhỏ, hoặc làm trung gian hòa giải, hoặc phạt những món tiền nhỏ.
- *Thánh hội* (la Congrégation: nói chung, danh từ này chỉ rất nhiều tổ chức tôn giáo của các dòng khác nhau. Nhưng đây là ám chỉ tổ chức đặc biệt của dòng Jêduyt, hoạt động tích cực nhất ở Pháp và có thể lục rất lớn những năm Phục-hung.
- *Người lập hiến* (le Constitutionnel): báo bắt đầu ra đời ngày 29 tháng 10 năm 1815. Công khai tán thành chế độ quân chủ ôn hòa, nhưng vẫn là cơ quan của phái tự do, đấu tranh chống chế độ Phục-hung.

Trang 90

- *Luy Jangrel* (Louis Jenrel): theo chính tả của nguyên văn tiếng Pháp, *Louis Jenrel* với *Julien Sorel* không những cùng vần *el* mà khi chiết tự ra thì cũng có những chữ cái như nhau J, u, l, l, i, e, n, s, o, r, e.
- *Cầm võ khí xông lên*: đây là những lời trích trong bài hát cách mạng Pháp *La Marseillaise* (La Marseillaise), sau trở thành quốc ca Pháp. Nguyên văn có hai câu: "*Aux armes, citoyens! Formez vos bataillons!*" (*Cầm võ khí, hỡi các công dân! Hãy lập thành đội ngũ!*)

Trang 92

- *Mozart*: nhà soạn nhạc trứ danh, người nước Áo (1756-1791). Tác giả nhiều bản nhạc kiệt tác, như: *Đám cưới Figarô*, *Đông Juăng*, *Chiếc sáo thần*, *Requiem* v.v.... Câu đề từ trên đây, trích trong vở nhạc kịch *Đám cưới Figarô*, đại ý là: "Tôi không biết tôi là ai, không biết tôi là cái gì và tôi phải làm gì".

Trang 93

- Ông: trong tiếng Pháp, xưng hô trình trọng thì gọi đàn ông là *Monsieur*, đàn bà là *Madame*, con gái chưa chồng là *Mademoiselle*. Dịch là *ông, bà, cô* thì cũng không hoàn toàn đúng cho tất cả mọi trường hợp. Như tiếng *Monsieur* thì tùy chỗ, có thể dịch là *ông, ngài, tiên sinh* hoặc *cậu* (trong nhà quý phái gọi đứa trẻ con cũng có thể trình trọng gọi là *Monsieur*, ta phải dịch là *cậu*, như bạn đọc sẽ thấy ở những trang sau đây, khi Juyliêng xưng hô với các con của bà đơ Rênan v.v...) Ở đây, dịch là gì cũng không đúng; có lẽ chỉ có tiếng *tiên sinh* là sát hơn cả; *tiên sinh* là tiếng xưng hô rất thông dụng trong Hán văn, nhưng ít thông dụng trong Việt văn, sợ làm cho lời văn có vẻ kiểu cách (đối với những bạn đọc không quen với lời văn cổ kính), và như vậy sẽ làm cho bạn đọc hiểu sai tinh thần của nguyên văn - vì bà đơ Rênan gọi Juyliêng bằng *Monsieur* là hoàn toàn chỉ có ý lễ độ, không có tí gì là kiểu cách. Cho nên, chúng tôi đành dịch là *ông*, tuy không đạt lắm (vì Juyliêng chỉ là một cậu thanh niên mười tám, mười chín tuổi) nhưng không làm thế nào khác được.

Trang 97

- Anh họ (cousin): tiếng Pháp *cousin* là chỉ người có bà con họ hàng, có thể là ngang vai (anh em họ), có thể là bề trên (chú bác họ). Không có tiếng Việt thật tương đương mà gọn gàng.

Trang 99

- *Rôđanhgôt* (Redingote): vốn nguồn gốc là kiểu áo đi ngựa của người Anh, tiếng Anh gọi là *riding coat* (*riding cool*), sau thành kiểu áo của người Pháp mặc lúc cần phải chững chạc lịch sự. Chưa phải là lễ phục (*habit*, áo đuôi tôm), nhưng chững chạc hơn áo ngắn (*veste*). *Rôđanhgôt* dài rộng hơn áo đuôi tôm, tà áo quay tròn quanh thân thể.

Trang 101

- *In-32*: tiếng chuyên môn của nhà in, chỉ khổ sách nhỏ, mỗi tờ giấy gấp làm 32 tờ sách, và in ra được 64 trang.

Trang 102

- *Hôraxo* (Horace): tên đã Pháp hóa của nhà thơ la tinh nổi tiếng, Horatius (65-8 trước J.C). Sở dĩ Juyliêng bảo rằng ông là tác giả phạm tục là vì ông không phải là một tác giả của đạo Thiên-chúa (tất nhiên, vì ông mất 8 năm trước khi Thiên-chúa ra đời). Vả chăng, Juyliêng chỉ biết có tiếng la-tinh trong Kinh Thánh thôi, nên có hiểu gì về những tác giả la-tinh cổ! Trả lời như vậy, cho có sĩ diện.
- *Quận-trưởng* (sous-préfet): nước Pháp chia ra làm những khu vực hành chính lớn, là tỉnh (département), đứng đầu là ông tỉnh trưởng (préfet), mỗi tỉnh lại chia ra làm nhiều quận (arrondissement) đứng đầu là ông quận trưởng (sous-préfet).

Trang 107

- *Thánh-tâm* (Sacré-cœur de Jésus): tên một thánh hội thuộc dòng Jêduyt.
- *Dòng Jêduyt* (Jésuites): thường gọi là dòng Tên, một dòng công giáo rất có thế lực, và thiên về chiến đấu hơn là nghiệm ngắm. Dòng này nguyện hết sức tuân lệnh giáo hoàng. Quốc hội và Đại học viện là kẻ thù của dòng này.

Trang 109

- *Gymnado* (Gymnase): tên một rạp hát sáng lập năm 1820 ở Pari, hồi xưa thường diễn những vở kịch nhẹ có ca hát.
- *Avây-rông* (Aveyron), *Pyrênê* (Pyrénées): tên hai tỉnh miền nam nước Pháp. *Pyrênê* cũng là tên dãy núi ranh giới nước Pháp và Tây-ban-nha; do tên núi mà có tên tỉnh.

Trang 112

- *Hoàng thân đơ Côngđê* (prince de Condé): chỉ họ Côngđê là một phái của dòng họ Buôcbông, tức là dòng họ chính thống trị vì ở nước Pháp. Có nhiều vị hoàng thân đơ Côngđê nổi tiếng và

đóng vai trò quan trọng trong lịch sử nước Pháp. Đây không rõ là vị nào.

- *Bédanhal* (Besenval): tức là nam tước Pierre - Victor de Besenval, sĩ quan người Thụy-sĩ phục vụ trong quân đội nước Pháp (1722-1791); tác giả tập *Hồi ký* rất thú vị, kể chuyện về tập tục và lối sống quý tộc Pháp thế kỷ 17.

Trang 113

- *Cho khoác tay* (donner le bras): dịch theo đúng từ ngữ của nguyên văn. Theo phong tục nhiều nước Âu-tây, một người đàn ông đưa cánh tay cho người đàn bà khoác, có nghĩa là nhận vai trò dắt dẫn, cùng đi và hộ vệ cho người đàn bà đó. Câu này ngụ ý bà đờ Rênan rủ Juyliêng cùng đi với mình.
- *De visu*: tiếng la-tinh (đọc là *dé viduy*) nghĩa là: do mắt được trông thấy. Có thể dịch tương đương là: *thực mục sở thị*.

Trang 114

- *Nhật báo* (*la Quotidienne*): tên một tờ báo bảo hoàng ra đời năm 1792, cơ quan của quý tộc và tu sĩ. Ông đờ Rênan tất nhiên phải mua dài hạn báo đó!

Trang 118

- *Don Juan*...: câu đề từ tiếng Anh, trích ở tác phẩm *Đông Juăng*, thơ trường thiên của *Bairon* (Byron), đại ý là: "Có những tiếng thở dài, càng cố nén đi lại càng trở nên náo nức, và có những cái nhìn vụng trộm, càng thăm lên lại càng trở nên êm ái dịu dàng, và những sắc mặt đỏ bừng, mặc dầu chẳng có điều gì tội lỗi" (*Khúc 1, khổ 74*)

Trang 122

- *Bộ máy* (machines): đây là một tiếng hai nghĩa, hay nói cho đúng là hai tiếng đồng hồ âm dị nghĩa. Machine, có nghĩa là bộ máy. Machine, lại có thể hiểu là giống cái của tiếng machin, nghĩa là cái vật gì đó, cái trò gì đó. Đây, có thể hiểu theo cả hai nghĩa. Chúng tôi dịch đơn giản theo nghĩa thứ nhất.

- *Gabrielơ* (Gabrielle): theo chú thích của Henri Mactinô, thì làng Vergy nổi tiếng về những chuyện của bà chúa lâu đài, là ở Bờ Biển Vàng (Côte-d'Or), gần Didông, nhưng Xtăngđan thực ra đã tả ngôi nhà biệt thự của ông đơ Rênan theo những ký ức của tác giả về một tòa lâu đài khác và một tòa biệt thự khác mà tác giả đã ở suốt thời thơ ấu. Còn *Bà chúa lâu đài ở Vergy* là một bộ tiểu thuyết thể kỷ XVIII, có tái bản năm 1829.

Truyện bi thảm của Gabrilơ ở Vergy là một câu chuyện trong truyền thuyết trung cổ, Gabrielơ là người yêu của Raoul đơ Cuxi, nhà thơ, tham gia thập tự chiến, mất năm 1122. Bị thương nặng, ông móc trái tim từ lồng ngực ra và gửi cho Gabrielơ. Chồng nàng tóm được người mang trái tim đó đến, y giằng lấy trái tim và cho Gabrielơ ăn, vì nàng không ngờ biết gì hết. Khi biết là mình đã ăn phải trái tim người yêu, người đàn bà bất hạnh không chịu ăn uống gì nữa và chết vì kiệt sức. Từ thế kỷ 13, chuyện đó đã được dùng làm đề tài cho nhiều sáng tác văn học.

- *Gô-tích* (gothique): kiểu kiến trúc người ta thường cho là phỏng theo lối của dân tộc Gôt (Goths) ngày xưa, nhưng thực ra là kiểu của người Pháp, nguồn gốc ở Hơ-đơ-Frăngxơ, rất thịnh hành ở châu Âu từ thế kỷ XII đến thế kỷ XVI. Đặc điểm của nó là đường cong gãy ngọn (hay nói cho rõ hơn, là góc nhọn trên cùng có hai cạnh khum khum cánh cung tỏa xuống) của các cửa cuốn.
- *Tuylori* (Tuileries): cung điện và vườn Tuylori ở Pari là nơi ngự cũ ngày trước của các vua nước Pháp. Về sau, các vua chúa thích ngự ở Vecxai (Versailles) hơn, nên Tuylori bị bỏ hoang phế lâu ngày.
- *Hoàng dương* (buis): tên một loại cây nhỏ, cành lá bốn mùa xanh. Thường các thầy cả ở nhà thờ hay bề cảnh hoàng dương, làm phép thánh, ngày Lễ Lá (Rameaux).

Trang 125

- *Acpăng* (arpent) đơn vị đo lường diện tích điền thổ cũ của Pháp, bằng từ 50 đến 51 arơ (ares) tùy từng địa phương. (Một arơ bằng 100 mét vuông. Một hectarơ là 100 arơ).

Trang 126

- *Lépidoptero* (lépidoptères); tên khoa học của các giống côn trùng có cánh, trên cánh có bụi phấn như vẩy (tiếng Hy-lạp *lépidos* nghĩa là vẩy; *pteron* là cánh) ví dụ loài bướm. Dịch nghĩa là: *lân xỉ trùng*. Đây chúng tôi dịch âm.
- *Gôđart* (Godart): tác phẩm *Bác vật học về các giống lân xỉ trùng ở nước Pháp* (Histoire naturelle des lépidoptères de France) củ Jean - Baptiste Gadart, còn viết dở dang thì tác giả mất, năm 1823.
- *Những con vật tội nghiệp đó* (ces pauvres bêtes): bản Bucei chữa là: *những con côn trùng đó* (ces insectes).
- *Hội giả trang* (carnaval): hội hè vui chơi, khiêu vũ giả trang và đeo nạ, có khi đi diễu ngoài đường phố, trong suốt thời kỳ từ Ngày lễ các vua (cũng gọi là ngày lễ Cứu chúa hiển hiện, *Epiphanie*, ngày 6 tháng 1) đến ngày thứ tư Lễ Tro (*Mercreidides Cendres*) sau ngày Thứ-ba-béo (*MaRôđanhgôti - gras*), thì kết thúc.

Trang 130

- *Xtrômbêch* (Strombeck): tức là nam tước đơ Xtrômbêch, làm thẩm phán, là bạn của Xtăngđan hồi ở Brunswick từ 1808. Hai người về sau có trao đổi thư từ với nhau trong vài năm. Bức tranh *Đidông và Ênê* của Ghêranh (Guérin) đã được trưng bày ở Phòng triển lãm năm 1817. Đidông và Ênê là hai nhân vật truyền kỳ, trong tác phẩm *Ênéida* của Viêcgilơ, nhà thi hào la-tinh. Theo truyện kể của Viêcgilơ thì chàng Ênê đi lánh nạn, đổ bộ lên Cartagior, được nàng Đidông yêu, rồi lại theo lời phán bảo của chư thần, ruộng. bỏ nàng. Đidông đau khổ trèo lên một đồng củi

và dùng dao tự vẫn chết. (Đidông, theo truyền thuyết là người đàn bà sáng lập ra kinh thành Cartagio).

Trang 133

- *Sarlot Vũ dưng* (Charles le Téméraire): quận công cuối cùng của dòng Buôcgônho, con quận công Philip Nhân từ, sinh ở Đidông (1433-1477). Thống trị xứ Buôcgônho và xứ Frăngđơ. Ông hoàng này nổi tiếng là hiếu chiến và hung bạo, nhiều phen chống với vua nước Pháp, và đánh nhau với lãnh chúa của các châu quận khác. Chống chính sách tập trung quyền bính của vua Luy XI, bảo vệ tự do phong kiến.

Trang 136

- *Rôbexpie* (Maximilien de Robespierre): trạng sư và nghị viên của Quốc ước hội nghị, sinh ở Arax (1758-1794). Ông dùng không bố để ngự trị ở Ủy ban Cứu quốc, mà ông là linh hồn, ông trừ khử những người tranh chấp với ông, như Đẳngtông, sau ông bị lập đổ và bị đưa lên đoạn đầu đài, sau khi ông đã đưa biết bao nạn nhân của ông lên đó.

Trang 138

- *Bẹ ngô*: tiếng Pháp gọi là *paille de mais* (rom lúa ngô). Người ta phơi khô bẹ ngô để nhồi đệm giường, ổ nằm (*paillasse*).

Trang 142

- *Don Juan...*: Câu đề từ này đại ý là: "Dù sự say mê có được che giấu thế nào, nó cũng vẫn lộ ra với tất cả chiều sâu thăm thẳm của nó; cũng như bầu trời tối đen báo trước cơn dông tố khủng khiếp". (Khúc I, khổ 73)

Trang 147

- *Đông Juăng*: Đại ý câu đề từ trên: "Mặc dầu hết sức lạnh lùng, Julia vẫn dịu dàng đáng yêu và bàn tay run rẩy của nàng tuy rút khỏi tay chàng, nhưng dường như còn nấn ná bồi hồi trong những ngón tay chàng, để lại một cảm giác vừa êm dịu vừa nhẹ nhàng, tưởng chừng như chỉ là một ảo giác. (Khúc I, khổ 71).

Trang 152

Bêu riếu (exposée au pilori): nhục hình thời xưa ở nước Pháp. *Pilori* là một cái đài cao, người ta cùm tay, gông cổ tội nhân ở trên đó để bêu cho công chúng xem, trong hai tiếng đồng hồ. Nhục hình này đã bị xóa bỏ hồi Cách mạng 1789, và được thay thế bằng hình phạt bêu thường (exposition), tội nhân chỉ bị trói vào một cái cột, cho công chúng xem. Đến 1848, thì hình phạt này cũng bị xóa bỏ nốt. (Tiểu thuyết *Đỏ và Đen* viết vào năm 1829-1830).

Trang 154

- *Xiêyex* (Sieyès): tu sĩ và chính khách Pháp, nổi tiếng về lý luận, một trong những người sáng lập nhóm Jacôbanh (1748-1836). Thành viên của cơ quan lập pháp *Quốc ước* (Converation), đóng vai trò nổi bật trong chính phủ hồi Cách mạng tư sản Pháp, từ 1795 đến 1799. Giúp cuộc đảo chính ngày 18 tháng Sương mù (18 Brumaire).

Trang 158

- *Buôcgônho* (Bourgogne): tên một xứ cũ của nước Pháp, ở giáp giới xứ Frăngsx-Côngtê về phía Tây; xưa kia, dưới thời các nhà vua dòng Mêrôvanhiêng (Mérovingiens), là một quận quốc riêng biệt. Đến thời vua Luy XI (1477) sáp nhập vào vương quyền nước Pháp. Thủ phủ: Đidông (Dijon).
 - *Bôjôle* (Beaujolais): tên một xứ cũ trong nước Pháp, ở phía Tây-Nam xứ Frăngsx-Côngtê, có dãy núi Bôjôle. Thủ phủ: *Villo* - *Frăngsx* (Ville - Franche).
- Hai miền này có rượu vang nổi tiếng.

Trang 161

- *Hômêrô* (Homère): thi sĩ Hy-lạp, thế kỷ thứ IX trước J.C, tương truyền là tác giả hai bộ anh hùng ca vĩ đại: *Ôdyxé* và *Iliat*.

Trang 163

- *Hecquyl* (Hercule): á thần trong thần thoại la-tinh (đồng nhất với Hêracles của thần thoại Hy-lạp), con của thần Jupiter và Alcmen (là người phạm). Nổi tiếng về sức khỏe phi thường.

Trang 164

- *Xanh-Réal* (Saint-Réal): nhà sử học văn học Pháp, tác giả bộ sách *Lịch sử cuộc âm mưu của người Tây-ban-nha chống lại thành Vondor* (1630-1692).

Trang 169

- ... *Mê ly nhất*: Bản Bucci thêm: "Người đàn bà này, mà bọn trưởng giả ở địa phương bảo là rất kiêu kỳ, thật ít khi nghĩ đến địa vị cao sang, và trong đầu óc bà, thì sự biết rõ chắc chắn dù là ít ỏi còn hơn rất nhiều sự hứa hẹn khi phách do địa vị cao sang của một con người. Một gã đánh xe bộ mà đã tỏ rõ lòng can đảm, thì bà còn cho là can đảm hơn một ông đại úy khinh kỵ binh hùng dũng có ria mép và ngậm píp. Bà cho rằng tâm hồn Juyliêng còn cao quý hơn tất cả các anh em họ hàng của bà, hết thảy là quý tộc có dòng dõi và nhiều anh có phẩm tước".

Trang 171

- *Pôlidôri* (Polidori): bác sĩ và bác học dạy khoa y, sinh lý và triết học, tác giả nhiều tác phẩm khoa học. Chết năm 1830.

Trang 175

- *Cornêy* (Corneille): kịch tác gia lớn của nước Pháp (thế kỷ thứ XVII), người xây dựng nền bi kịch cổ điển Pháp (1606-1684).
- *Đông Juăng* (Don Juan): nhân vật truyền thuyết Tây-ban-nha, điển hình của con người quý tộc triều thần, vô đạo, phóng đảng, dâm dật, có tài quyến rũ đàn bà con gái. Nhiều tác phẩm văn nghệ nổi tiếng, đã lấy nhân vật này làm đề tài sáng tác.

Trang 176

- *Châm ngôn tình ái* (Blason d'amour): nguyên văn là bốn câu thơ bằng tiếng Pháp cổ, trong đó có một lỗi ngữ, dịch ra tiếng Việt thì ý nghĩa lỗi ngữ không còn nữa. Tiếng Pháp *amour* là

tình ái, tiếng la-tinh là *amor*, đồng âm với à mort là đến chết. Xuống hai câu thơ cuối, *mord* cắn rút, và *remords*, hối hận, đều theo vần *mor* cả.

Trang 177

- *Khiếp!* nguyên văn là *fi done!* tiếng thán từ tỏ ý ghê tởm, khinh bỉ.

Trang 178

- Ông thánh Piero (saint Pierre): tông đồ thứ nhất và giáo hoàng thứ nhất, sinh năm 10 trước J.C, tử vì đạo năm 67 ở La-mã. Theo sự tích kể trong Kinh thánh, Jêdu-Crist có bảo Piero rằng: "Người sẽ chối ta ba lần, trước lúc gà gáy" và Piero không tin là có thể như vậy. Nhưng rồi, cái đêm Jêdu bị bắt giam và đem đi hành hình, Piero đi theo, chờ đợi tin tức ở trước nơi giam giữ và bị quân lính tra hỏi, ông đã ba lần chối không phải là môn đồ của jêdu. Lúc nửa đêm, Jêdu bị giải đi qua trước mặt Piero, người đưa mắt nhìn Piero, và ông này cúi đầu xuống, hối hận. Liền ngay đó, gà lên tiếng gáy nửa đêm.

Trang 182

- *Don Juan...*: đại ý câu đề từ: "Chàng quay lại hôn lên môi nàng, bàn tay nhẹ nhẹ mơn trớn mái tóc xoăn của nàng". (Khúc I, khổ 170)

Trang 187

- *Giỏ sinh lễ* (corbeille de noce): theo tục Âu tây, những đồ dẫn cưới của chú rể tặng cô dâu, được xếp vào một cái giỏ mây, gọi là giỏ sinh lễ. (Nghĩa rộng, có thể dùng để chỉ tất cả các của dẫn cưới, dù không xếp được vào giỏ, như nhà cửa, ruộng vườn, xe ngựa, v.v...)

Trang 189

- *TWO GENTLEMEN OF VERONA*: dịch nghĩa câu đề từ trích ở tác phẩm của Sêcxpia: "Ồ, mùa xuân của tình yêu giống ánh sáng chập chờn của một ngày tháng tư biết bao; nó lấp lánh

ánh mặt trời và bỗng bị mây đen che khuất". (*Hai chàng quý tộc thành Vêrôna*).

Trang 190

- *Tình âu yếm hết sức nồng nàn thắm thiết* (la plus viveten - dresse); bản Bucci chữa là: "*tình âu yếm hết sức êm ái và mật thiết*" (la plus douce et intime tendresse).

Trang 191

- *Giao tranh* (livrer bataille): bản Bucci ghi chú: "chưa đủ phát triển. Cuộc giao tranh này là cuộc giao tranh nào? những người thiếu thông minh sẽ hỏi thế."
- *Ngay lập tức* (sur-le-champ): ở nguyên văn có một lộng ngữ. vì sur-le-champ, nghĩa đen là ngay tại trận, nhưng nghĩa bóng (mà từ ngữ này thường dùng theo nghĩa bóng) là ngay lập tức. Đây, là dịch theo nghĩa bóng, nhưng vì trên nói chuyện giao tranh, nếu dịch nghĩa đen, thì ý tứ gần bó hơn, song cái nghĩa bóng lại không nổi được bằng ở nguyên văn.

Trang 192

- *Volte* (Voltaire) và *Luy XV* (Louis XV): *Volte*, nhà văn hào Pháp, thế kỷ XVIII (1694-1778). *Luy XV*, sinh năm 1710, làm vua nước Pháp từ 1715 đến 1774.

Trang 193

- *Trăm năm*: theo luật pháp của nước Pháp, những ngôi nhà, theo kế hoạch sửa sang thành phố, nếu ở vào diện phải lùi vào, thì không được phép sửa chữa gì quan trọng, cứ để cho nó hư hỏng dần đi, đến lúc nào thấy đã hư hỏng quá, có thể đổ được mà chủ nhà không tự ý xin phá, thì nhà chức trách ra lệnh phải phá đi và khi xây lại thì phải lùi vào theo kế hoạch. Như vậy, công quỹ không phải bồi thường cho chủ nhà về phần nhà bị xén và phí tổn nhà, chỉ phải trả tiền xung công. Nếu nhà còn bền vững, mà chính quyền muốn xén ngay thì phải chịu mọi khoản bồi thường và phí tổn nói trên, v.v... như vậy tốn kém công quỹ, thường không bao giờ chính quyền làm việc đó; vậy

nên những ngôi nhà này, nếu *khéo* làm thế nào không có những sửa chữa lớn, mà vẫn bền vững thì có thể cứ tồn tại mãi.

- *Fôngtonoa* (Fontenoy): tên một xã ở nước Bỉ, nổi tiếng vì trận chiến thắng của thống chế đơ Xắcxơ. Ngày 11-5-1745, ông đã đánh bại ở đây quân Anh và quân Hà-lan, trước mặt vua Luy XV. Trận chiến thắng này lại nổi tiếng về câu giai thoại được lưu truyền về thái độ lịch sự tai hại và không đúng chỗ của tướng lĩnh Pháp. Khi hàng đầu của đạo quân Anh bị quân Pháp chặn đứng, cách có năm chục bước, thì sĩ quan hai bên chào nhau: "Ông cho lính của ông bắn đi!" viên chỉ huy Anh, huân tước hay kêu lên như vậy. "Không, thưa ngài, xin mời các ngài bắn trước!" bá tước d'Ôterôơ (d'Auterroches) chỉ huy Pháp trả lời. Thế là quân Anh nổ súng dữ dội và cướp được trận tuyến thứ nhất.

Trang 195

- *Lũ con bà*: bản Bucci ghi chú "*bà lấy tay vuốt tóc...*"
- *Risolio* (Richelieu): hồng y giáo chủ Rosolio, tể tướng dưới triều vua Luy XIII, một chính khách lỗi lạc bậc nhất của nước Pháp (1585-1642).

Trang 200

- *Jăngxênit* (Janséniste): người tu đạo theo dòng của Jăngxêniux chủ trương những lý thuyết của thánh Ôguxtinux về tự do ý chí của con người. Phái này bị phái Jêduyt kinh dịch, bị giáo hoàng khép tội, và tồn tại ở nước Pháp đến giữa thế kỷ 18.

Trang 203

- *Laipxich* (Leipzig) và *Môngmirai* (Montmirail): hai chiến trường của Napolêông. *Laipxich*: thành phố nước Đức, chiến trường giữa quân Pháp và quân Đồng minh, năm 1813. *Môngmirai*, tổng lý, trong tỉnh Marnơ, nước Pháp; Napolêông đánh thắng quân Nga và Phổ ở đây, ngày 11 và 12 tháng 2 năm 1814.
- *Acđơ* (Agde): tổng lý trong quận Bêziê.

Trang 205

- *Thiên Mặc thi* (Apocalypse): thiên cuối cùng của kinh Tân ước tượng trưng và huyền bí, rất tối nghĩa, nhưng thi vị chứa chan. Toàn thiên gồm có bảy ảo cảnh, hình dung tương lại của đạo Cơ-đốc.

Trang 211

- *Giáo đường Xicxin* (Sixtine) ở *Lamã*: giáo đường nổi tiếng của tòa thánh Vaticăng, xây dựng theo lệnh của giáo hoàng Xictơ IV (Sixte IV), và được trang trí rất nhiều bích họa, những bích họa đẹp nhất là của Mikel-Ănggiơ (Michel-Ange).
- *Tạ ân*: tên la-tinh là *Te Deum*.
- *Hương đăng điện* (chapelle ardente): đèn nền hương hoa trần thiết huy hoàng chung quanh quan tài.

Trang 214

- *Năm 93*: tức là 1793, có cuộc nổi loạn của bọn quý tộc chống lại cách mạng. Nhà văn Victor Hugo có viết cuốn tiểu thuyết nhan đề là 93, lấy những nét chính của cuộc nổi loạn đó làm đề tài.
- *Ăn khem*: Theo đạo Thiên chúa, những người ngoan đạo ăn khem ngày thứ sáu (kiêng thịt).

Trang 216

- *Hôm koa*: trong nguyên văn, nhân vật này viết lỗi chính tả, *hier* là hôm qua, thì hần viết *yert*, đồng âm nhưng vô nghĩa.

Trang 221

- *Dòng khổ hạnh*: tu viện khổ hạnh (Trappe) được sáng lập từ 1140, những người tu theo dòng đó tuân theo một phép tắc đặc biệt nghiêm khắc.

Trang 224

- *Chao ôi!...*: mặc dầu cái *gạch* đầu dòng, lời đối thoại này vẫn là lời của bà đơ Rénan. Đáng lẽ không nên có cái gạch đó, vì trên dưới vẫn là lời của một nhân vật. Đây là một trong rất nhiều cái lộn xộn về cách hành văn, chấm câu, dùng chữ, v.v... của tác giả. Chúng tôi để nguyên.

Trang 228

- *TEMPEST*: đề từ trích trong vở kịch *Dông tố* (Tempest) của Sêcxpia; đại ý là: "Xin đừng cho tình yêu được buông thả; trong ngọn lửa say mê, mọi lời thề đều như rơm".
- *Guardate alla pagina 130*: tiếng Ý, nghĩa là "tìm đọc ở trang 130".

Trang 233

- ... *trước mặt tôi*: câu này là dịch đúng theo lời văn. Muốn dịch thoát lấy ý, thì có thể nói: "lúc này bà phải *nhắm mắt* mà đi theo sự điều khiển của tôi".

Trang 234

- *TWELFTH NIGHT*: đề từ trích trong vở kịch *Đêm thứ mười hai* (Twelfth Night) của Sêcxpia; dịch đại ý: "Than ôi, nguyên nhân là ở bản chất mềm yếu của chúng tôi, chứ không phải là ở chúng tôi. Nó làm chúng tôi thế nào, chúng tôi phải chịu thế ấy."

Trang 237

- *Giáo khu lý sự* (marguillier de la paroisse): một người ủy viên của một hội đồng công nghiệp, phụ trách quản lý tài sản của một giáo khu.

Trang 238

- *Lão Sacmiê của Becna* (le Charmier de Bernard): trong nguyên văn, có một lộng ngữ thú vị. Tiếng *de* của nguyên văn có thể hiểu nghĩa thông thường là *của*, như chúng tôi đã dịch. Nhưng cái thú vị là những tên quý tộc bao giờ cũng có tiếng *de* đó đúng tên lãnh địa thái ấp được phong, thành ra *Sacmiê de Becna* có thể làm cho người ta hiểu đùa là lão Sacmiê quý tộc được phong đất Becna! Tiếc rằng tiếng Việt không có cách gì diễn được vai trò lộng ngữ đó. Chúng tôi đành phải hy sinh lộng ngữ, chỉ dịch lấy nghĩa đen thôi.

Trang 241

- *Cadinô* (casino): tiếng Ý, vốn nghĩa là nhà nghỉ mát ở thôn quê, sau dùng làm tên chung chỉ nhà hội họp, vui chơi, nhất là ở những trung tâm nghỉ mát.
- *Quý tộc hội sảnh* (Cercle Noble): cũng có thể gọi là *Câu lạc bộ Quý tộc*, nhưng gọi như vậy có vẻ hiện đại quá, không tả đúng cái phong cách bảo hoàng thủ cựu của cái xã hội thượng lưu trong truyện.

Trang 242

- *Ấn tim của chàng*: theo H.Mactinô, thì câu chuyện truyền thuyết ấn tim người, Xtăngđan đã kể ở chương LII của tác phẩm *Tình yêu*, trong sự tích Ghiôm đơ Cabextanh chết vì yêu vợ của Đức ông Rêmon đơ Ruxiông. Nhưng có lẽ đây ám chỉ truyện Gabriel ở Vergy (đã chú thích ở trên).

Trang 250

- *Trên mái nhà*: đây là tác giả ám chỉ một chuyện có thật, xảy ra ở vùng Đôphinê, ngay sau vụ mưu loạn Đidiê ngày mùng 4 tháng 5 năm 1816. Một người chủ quán ăn bị phe bảo hoàng cực đoan thù ghét vì có những tư tưởng theo Bônapactơ và khuynh hướng tự do, và bị buộc tội vô bằng trong vụ án Đidiê. Khi người ta lùng bắt y, y trốn trên một mái nhà và bị sả súng bắn chết.

Trang 252

- *Mười lăm xu* (quinze sols): một quan bằng 20 xu.

Trang 254

- *R.P.Malagrida*: có lẽ là Gabriel Malagrida (1689-1761), tu sĩ người Ý, tham gia ám sát vua Bồ-đào-nha Pêtra, bị xử tử năm 1761; để lại nhiều tác phẩm có tính chất tôn giáo, và ba vở kịch để diễn trong các trường đạo. (Theo chú thích của bản Liên-xô).

Trang 256

- *Huấn dụ* (mandement): đây là chỉ huấn dụ của đức giám mục hay tổng giám mục gửi cho giáo dân trong địa phận.

Trang 260

- *Sông Ranh* (Rhin): tên một con sông lớn ở châu Âu, bắt nguồn từ dãy núi Alpe, chảy qua bình nguyên Aldaxơ, qua miền Côlônho (Đức), qua miền Hà-lan và đổ vào Bắc Hải. Nói chung, đó là ranh giới thiên nhiên giữa miền Aldaxơ (Pháp) và nước Đức.

Trang 261

- *Uyzez* (Uzès): quận lỵ ở 25km phía Bắc thành phố Nimơ (trong tỉnh Gar, miền Nam nước Pháp).

Trang 262

- *Ligôriô*: đây chắc là nói thánh *Anphôngxơ đơ Ligôri* (Ligouri), tu sĩ ở thành Naplơ (Ý); sáng lập ra dòng Thánh Cửu thế (1696-1787). Tác giả nhiều tác phẩm tôn giáo nổi tiếng về tính chất độc đoán và giáo điều.

Trang 263

- *Jăng Soa* (Jean Chouart): đây nói về bài ngụ ngôn của La Fôngten (La Fontaine) đầu đề là *"Ông cố đạo và người chết"* trong đó anh chàng Jăng Soa tính toán xem cách nào chôn cất có lợi cho hắn hơn cả, nhưng chính hắn cũng chết.

Trang 265

- *Grô* (Gros): tác giả lấy tên một nhân vật có thực, là giáo sư dạy toán ở thành Gromôblơ, chính kiến cách mạng tư sản, rất chú ý đến Xtăngđan là học trò của mình; Xtăngđan thường nhắc đến ông trong các tác phẩm của mình.

Trang 269

- ... *thật tình vì*: đoạn này trong nguyên văn, chúng tôi chưa tra cứu được ý nghĩa thật thỏa đáng, nên mới tạm dịch thoát, như vậy, chỉ cần lấy xuôi ý văn. Xin dẫn nguyên văn tiếng Pháp ở đây để các bạn đọc tham khảo và góp thêm ý kiến cho: "Ce

directeur, qui rencontra M. de Rênal dans le monde, lui "batlit froid. Cette conduite n'était pas sans habileté; il y a peu d'étourderie en province: les sensations y sont si rares, qu'on les coule à fond."

Trang 272

- *Giáo đoàn Thánh-Jôdep* (la confrérie de Saint-Joseph): tổ chức tôn giáo thuộc thánh hội Jêduyt, tự đề ra mục tiêu thống nhất các thợ thủ công nhỏ, công nhân, người thấp nghiệp, tìm cách ngăn sự phát sinh những tư tưởng tự do trong các giới này.

Trang 273

- *Casti*: đề từ tiếng Ý, trích của Casti (1724-1803), tu sĩ, nhà thơ, tác giả những bài luật thi (sonnets), những chuyện kỳ dị, v.v... Từ 1789, sống ở Pari, ủng hộ cách mạng Pháp. Dịch đại ý câu đề từ: "Cái thích thú được suốt năm ngẩng cao đầu, phải trả giá bằng sự cực nhọc phải cam chịu trong mấy phút".

Trang 274

- *Frăngxoa đệ Nhất* (Francois Ier): vua nước Pháp, sinh năm 1494, trị vì từ 1515 đến 1547.

Trang 277

- *Cực đoan* (ultra): đây là chỉ phái bảo hoàng cực đoan, dưới thời Trùng-hung ở nước Pháp, khẳng khái bênh vực chế độ cũ.

Trang 278

- *Ông Cửu-thập-ngũ* (M. Nonante-cinq): (tiếng Pháp cổ, *nonante-cing* nghĩa là chín mươi năm). Theo H. Mactinô, đó là biệt hiệu người ta tặng cho một ông quan tòa ở Macxây, ông đơ Mêranhđol, kẻ thù của phái tự do; trong phiên tòa ngày mùng 7 tháng 1 năm 1830, buộc tội nhà văn châm biếm Bactêlêmy, ông ta đã dùng cái từ ngữ cổ lỗ sĩ trên kia, không còn mấy người dùng ở nước Pháp hồi đó. Thế là các nhà văn nhà báo phái tự do chế giễu ngay và gọi ông ta là Ông Cửu-thập-ngũ. Nhưng theo chú thích của bản Liên-xô, thì *Nonante-cinq* là tên lóng của những nhà tài chính tư sản giàu. lên nhanh chóng từ 1795, sau thất bại của

những nhà cách mạng dân chủ. Xin dẫn cả hai lời chú thích để các bạn đọc tham khảo.

- *Ngài Giêrônimô*: trong nguyên văn, dùng tiếng Ý, *il signor Geronimo*. *Il signor*, là tiếng xưng hô với người sang trọng, quý tộc; - *Giêrônimô*: tác giả tả ở đây nhà ca sĩ Lablasơ đến Pari, vào hồi tháng 4, tháng 5 năm 1830 biểu diễn tối đầu ở Pari, hôm 4-11-1830, trong vai Đồng Giêrônimô của vở *Matrimonio segreto*.

Trang 279

- *Zingarelli...*: nhà soạn nhạc người Ý, giám đốc Nhạc viện thành Napoli, nơi sinh trưởng của Lablasơ (Lablache).
- *Giọng lơ lớ* (accent): người Ý nói tiếng Pháp thường có giọng lơ lớ của người Ý (cũng như người các nước khác, và các địa phương nước Pháp đều có giọng lơ lớ, không thuần túy).

Trang 280

- *Giôvannonê*: ám chỉ *Giôvanni Xilê* (Giovanni Silet), giám đốc rạp Xan Carlinô từ 1810.
- *Lascia face a me*: tiếng Ý, nghĩa là "Cứ để mặc tôi làm".

Trang 281

- *Credete a me*: tiếng Ý, nghĩa là "Cứ tin lời tôi".
- *Carta canta*: tiếng Ý, nghĩa là: "Giấy hát".

Trang 282

- *Del Moltiplico*: tiếng Ý, nghĩa là *bài tình nhân*.
- *Pôlisinello*: (Polichinelle): tên đã Pháp hóa của nhân vật hài kịch Ý (Pulcinella).

Trang 289

- *Stramonium*: thuốc độc lấy ở những thứ cây thuộc loại cà độc dược.

Trang 295

- *Bidôngxium* (Bisontium): tên cổ, bằng tiếng la-tinh của thành phố Bơđăngxông (do Bidôngxium đọc chạnh dẫn đi).

Trang 298

- *Giănglix* (Genlis): tổng lý, gần Đidông, trong tỉnh Côtođor.
- *Viôlet* (violetle): tên gọi một thứ hoa, màu tím, mùi thơm nhẹ, kín đáo; trong khoa ngôn ngữ các loài hoa, thì hoa này tượng trưng cho sự khiêm tốn, hoặc cho tình yêu thầm kín.
- *Nàng Hêlôýđơ mới* (La Nouvelle Héloïse): tiểu thuyết trứ danh của Jăng-Jắc Ruxô (Jean-Jacques Rousseau), ra đời năm 1761, đầy tính lãng mạn và nồng nhiệt đắm say.

Trang 300

- *Đôlô* (Dôle): quận lý (trong tỉnh Juyra) trên bờ sông Đúp.

Trang 307

- *Intelligenti pauca*: tiếng la-tinh, nghĩa là: "Đối với người hiểu biết, ít lời thôi cũng đủ".

Trang 308

- *Bôxuyê, Arnôn, Flory* (Bossuet, Arnault, Fleury): *Bôxuyê* giám mục, có tài hùng biện, những bài giảng của ông được coi là những áng văn học tuyệt tác của thế kỷ XVII (1627-1704).
Arnôn (1612-1694), nhà thần học Pháp nổi tiếng, sinh ở Pari, bênh vực phái Jăngxênit chống với dòng Jêduyt.
Flory, đã chú thích ở trên.

- *Biến cố khủng khiếp* (coup terrible): đây ý nói đến cái chết.
- *Vale et me ama*: tiếng la-tinh, nghĩa là: "Bạn hãy mạnh khỏe và yêu thương tôi".

Trang 310

- *Bộ sách năm quyển...* (Pentateuque): năm quyển mở đầu Cựu ước, hợp thành một bộ, gọi chung là *Pentateuque*.
- *Giáo hội Gallican* (Eglise Gallicane), tức là giáo hội Pháp, chủ trương không lệ thuộc uy quyền của Giáo hoàng.

Trang 312

- *Sắc lệnh Unam Ecclesiam*: theo H. Mactinô, đây là một sắc lệnh hoàn toàn do tác giả bịa đặt, vì không có một sắc lệnh nào

của giáo hoàng Pi V gọi như vậy. Nhưng theo chú thích của bản Liên-xô, hai tiếng la-tinh này (nghĩa là: *Nhà thơ duy nhất*) là những lời đầu của một sắc lệnh của giáo hoàng Pi V.

- *Thánh Pi V* (saint Pie V): giáo hoàng từ 1566 đến 1572.

Trang 314

- *Young*: Theo chú thích của bản Liên-xô, đây là chỉ *Edourd Young* nhà thơ Anh (1681-1765); thi phẩm của ông "Lời than vãn hay là những ý nghĩ đêm khuya về sống chết và bất tử". là một trong những mẫu mực đầu tiên của cái gọi là thơ ca "nghĩa địa".
- *Peccavi, pater optime*: tiếng la-tinh, nghĩa là: Tôi đã phạm tội, thưa cha rất tốt".
- *Thần ảo* (visions): những hư hình ảo ảnh mà những người mê tín của tôn giáo cho là do Thánh Thần hiển hiện cho những người đắc đạo. Có người thành thực trông thấy Chúa Giêđu, bằng con mắt của trí tưởng tượng hôn mê của họ. Cũng có người bịa ra để bịp đời.

Trang 316

- *Nữ thánh Têrêsa* (saint Thérèse): thường vẫn phiên âm là Têrêxa; là người cải cách dòng tu Carmen sinh ở Tây-ban-nha (1551-1582), nổi tiếng về những thần ảo và chủ nghĩa thần bí của bà (chủ nghĩa thần bí là thứ chủ nghĩa cho rằng sự đắc đạo tức là nghiệm ngấm cho đến hôn mê nhập diệu và người hợp nhất một cách thần bí với thần linh).
- *Thánh Frăngxoa* (saint Francois, 1182-1226): đây là nói về ông thánh Frăngxoa ở Axido (Assise), người sáng lập ra dòng tu Frăngxicanh, sinh ở Axido (Ý).
- *Những vết sẹo* (stigmates): đây là nói năm vết sẹo đóng đinh của thân thể Giêđu-Crist mà truyền thuyết cho rằng được thấy tái hiện trên thân thể ông thánh Frăngxoa ở Axido nói trên.
- *Appennin*: rặng núi lớn chạy dài suốt dọc nước Ý.

Trang 317

- *Xiêyex, Grêgoarô* (Sieyès, Grégoire): *Xiêyex* (đã có chú thích ở trên) là thầy tu và nhà chính trị; tham gia các chính quyền cách mạng (Hội nghị Lập hiến, Hội nghị Quốc ước, v.v...)
Grêgoarô, giáo sĩ Pháp có chân trong Hội nghị Quốc ước và làm giám mục địa phận Bloa, và có tham gia hiến pháp nhân dân của tầng lữ năm 1790 (1750-1831).

Trang 319

- *Xăngtim*: một quan bằng một trăm xăngtim.

Trang 322

- *Xicxto-Canh* (Sixte-Quint, hoặc Sixte V): giáo hoàng từ 1585 đến 1590. Được bầu kế chân cho Grêgoarô XIII vì các hồng y giáo chủ tưởng là ông ốm đau quặt quẹo; nhưng vừa được bầu xong, ông bèn vút bỏ nạng đi, và hoạt động vô cùng sôi nổi, hăng hái cải cách các dòng tu và can thiệp tích cực vào những vụ xích mích về tôn giáo ở nước Pháp, hối Henry VI lên ngôi.

Trang 323

- *Trúng nguyên vỏ* (oeuf à la coque): thường dịch âm là trúng *la cooc*, nghĩa là trúng lược qua loa còn lòng đào, chỉ cạy một tí vỏ ở một đầu rồi ăn tại vỏ, không bóc.
- *Đolilo* (Delille): tu sĩ Jắc Đơfilô (1738-1813), nhà thơ Pháp nổi tiếng ở cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19.
- *Non culpa*: tiếng la-tinh, nghĩa là "không có tội".

Trang 324

- *Ghersanh* (Jean Francois Barbieri, biệt hiệu là Le Guerchin) họa sĩ người Ý (1591-1666).

Trang 325

- *Khô và lỏng* (sec et liquide): đây là dịch đúng nghĩa đen của câu thành ngữ địa phương, nghĩa bóng là *tiền mặt*.
- *Thuởng phạt phối dương* (justice distributive): cách xét xử trả cho mỗi đương sự cái gì xứng đáng là của họ.

Trang 329

- *Hòm pháp điển của chúa* (Parche du Seigneur): cái hòm trong đó người Hêbrơ đựng những pháp điển của chúa.
- *Đođorô* (Diderot): nhà văn và nhà triết học Pháp (1713-1784), người tuyên truyền hăng hái những tư tưởng triết lý của thế kỷ 18, sáng lập nhóm *Bách khoa* (1751), tác giả những bộ tiểu thuyết nổi tiếng như *Người châu của Ramô*, v.v...

Trang 331

- *Đại lý của chúa* (vicaire de Dieu): tức là giáo hoàng.

Trang 334

- *Mactanh Luyte* (Martin Luther): thầy tu dòng Ôguyxtanh cải cách tôn giáo ở Đức (1483-1546).

Trang 336

- *Bảy mươi*: tức là năm 1770. Truyện này xảy ra vào khoảng 1829-1830. Vậy, 1770 là 60 năm về trước, hồi bà cụ này 30 tuổi.
- *Lyông* (Lyon): một thành phố công nghiệp lớn của nước Pháp, tỉnh ly, tỉnh Rôn, ở ngã ba sông Rôn và sông Xôn, sản xuất tơ lụa nổi tiếng.

Trang 339

- *Optime*: tiếng la-tinh, nghĩa là "tốt lắm".

Trang 340

- *Đáng mặt anh chị*: nguyên văn tiếng Pháp là "*à lui le pompon*" nghĩa là "ông ta sành sỏi hơn người".
- *Sanctus*: tiếng la-tinh nghĩa là "thánh". Đây là nói về phần lễ giảng tiếp ngay sau phần mào đầu và trước khi vào phần lễ chính, người ta hát ba lần tiếng *sanctus*.

Trang 342

- *Barem* (Barêr): tên một người phát minh ra biểu thành toán (có những con toán làm sẵn), mà người ta gọi là *barem*, ấy tên người phát minh, Barêrme hoặc Barrêrme, nhà số học Pháp (1640-1703).

Trang 344

- *Livre* (livre): đơn vị đo lường cũ, gần bằng nửa kilô.

Trang 342

- **NGƯỜI TIỀN KHU** (Le Précurseur): tên gọi ngày xưa chỉ ông thánh Jăng-Baptixơ (saint Jeant-Baptise), người tiên khu của chúa Giêdu. Ông rửa tội cho Giêdu-Crist và chỉ bảo cho dân chúng rằng Giêdu-Crist là Chúa Cứu thế. Theo chú thích của bản Liên-xô, đây là tên một tờ tạp chí ở Lyông (Pháp) có khuynh hướng cộng hòa, xuất bản từ 1830-1834.

Trang 349

- Ông trước: ám chỉ Napôlêông.

Trang 350

- ... *tưởng nhớ*: câu thơ của Pôn-Philip Guyđanh đơ la Bromellori (Paul-Philippe Gudin de la Brenellerie, 1738-1812) trích trong tác phẩm *Ca tụng Vonte* của ông. Câu thơ này đã được khắc năm 1818 trên bệ pho tượng của Henri IV, dựng năm đó trên Cầu-Mới (Pari).
- *Thánh Giêrôm* (saint Jérôme): nhà thuyết minh giáo lý của Giáo hội la-tinh, dịch Kinh Thánh ra tiếng la-tinh (331-420).
- *Cicêrông, Hôraxơ, Viêcgilơ* (Cieron, Horace, Virgile): tên (đã Pháp hóa) của mấy nhà văn la-tinh nổi tiếng.
Cicêrông (106-43 trước J.C., nhà hùng biện la-mã có tài nhất;
Hôraxơ (xem chú thích ở trên) thi sĩ la-tinh (65-8 trước J.C).
Viêcgilơ, nhà thi sĩ la-tinh nổi tiếng nhất, tác giả truyện thơ *Enêido* (71-19 trước J.C).

Trang 351

- *Chủ nghĩa Giêduyt* (Jésuitisme): chủ nghĩa của phái Giêduyt (tức là phái tu hành theo dòng Tên), nghĩa là tính giả dối, trá ngụy, giả nhân giả nghĩa.
- *Sùng bái thần tượng* (idolâtrie): nghĩa rộng là lòng nịch ái, tôn sùng quá đáng.

Trang 354

- *Thánh linh bội tinh* (cordon bleu): huy chương của dòng hiệp sĩ sáng lập ở nước Pháp năm 1578 bởi vua Henri III, gọi là dòng hiệp sĩ Thành-linh (ordre des chevaliers du Saint-Esprit). Tồn tại đến năm 1791, rồi đến thời Trùng-hung được tái lập, cho đến 1830.

Trang 360

- *La Madolen* (La Madeleine): đó là đầu đề bài thơ của Delphin Ghê (Delphin Gay) mà tác giả, theo thói quen, đã đọc ở nhiều phòng khách. Delphin Ghê, tức là bà Giracđanh (Madame Girardin), là một nữ văn sĩ có danh tiếng, tác giả những bài thơ dí dỏm, những tiểu thuyết và kịch bản có giá trị (1804-1855). Chồng là Êmilơ đơ Giracđanh (1806-1881) là một nhà báo có tài; mẹ là Xôphi Ghê (1776-1852) cũng là một tác giả có tiếng.

Trang 362

- *Côngxtăngtanh* (Constantin): Côngxtăngtanh đệ Nhất (gọi là Côngxtăngtanh Đại đế), sinh năm 274, lên ngôi hoàng đế La-mã năm 306, chết năm 337. Cuộc chiến thắng của ông năm 312 quyết định sự thừa nhận đạo cơ đốc làm tôn giáo chính thức của Đế quốc. Năm 313, chỉ dụ Milăng thiết lập tự do truyền giáo. Chính ông cũng cải giáo năm 323. Ông dời đô sang Byzăngxơ, đổi tên thành Côngxtăngtinôpơ.
- *Tacitô* (Tacite): sử gia la-tinh (55-120), tác giả những bộ sách *Biên niên sử*, *Sử lý*, *Phong tục người Giécmanh*, *Đối thoại của các nhà hùng biện*; là một sử gia chưa chát và bi quan, có một bút pháp vô cùng độc đáo.

Trang 365

- *Te Deum*: tên gọi bài thánh ca bắt đầu bằng câu *Te Deum laudamus* (chúng tôi ca ngợi chúa), thường gọi là bài *Tạ ân*.

Trang 366

- ... *Ruybembrê*: ý câu này là: buổi tối, Đức cha đến nhà nữ hầu tước đờ Ruybembrê, kể lại câu chuyện ông Pira tài giỏi như thế nào, và ngài phải thần phục như thế nào.

Trang 367

- *Mari Alacooc* (Marie Alacoque): tu nữ dòng Thánh-mẫu Phông vắn (Visitandines, dòng tu của đàn bà, do thánh Frăngxoa đờ Xen và bà nam tước đờ Săngđan sáng lập năm 1610 ở Annoxy, tỉnh Xavoa); tuyên truyền sự sùng tín Thánh-tâm (1647-1690).
- *EDINBURCH REVIEW*: tiếng Anh, nghĩa là Tạp chí Êđinbơc.

Trang 369

- *In pace*: tiếng la-tinh (đọc là: in paxê), nghĩa là "yên thân".

Trang 371

- ... *ám hiệu*: bản Bucci chứa là "giật mình. Một vết mực lớn rớt xuống giữa chữ thứ mười ba. Đó là ám hiệu..." và tác giả giải thích sau câu chứa: "Kể do thám mở bức thư ra có thể không để trả lại cái lá cây".

Trang 372

- *Xalômông* (Salomon): vua của dân tộc Ixraen, con trai nối ngôi của vua Đavít. Ông đốc lòng cai trị và mở mang các châu quận của ông, dựng nên ngôi đền Giêruydalem; sự anh minh của ông được truyền tụng khắp cõi phương Đông (974-932 trước J.C).
- *To lát*: bản Bucci thêm: "Anh thích được chắc chắn ít hơn nhưng nhiều khả năng rộng rãi hơn. Trong trái tim đó, từ nay không còn tí nào lo sợ chết đói nữa".

Lúc mặt trời lặn... chứ không có đâu: đoạn này trong bản in lại có sửa chữa như sau: "Lúc mặt trời lặn, anh nhờ một người nông dân đem ngựa trả ở trạm gần đó. Sau anh vào nhà một người trồng nho, người này bằng lòng bán cho anh một cái thang và vác cái thang đó đi theo anh đến tận khu rừng nhỏ cheo leo bên trên *Đường đạo Trung thành*, ở Verie.

- "- Tôi là một kẻ khốn khổ cưỡng lệnh trung bình...

"- Hay là một anh buôn lậu, người nông dân nói khi từ biệt anh, nhưng tôi cần quá! cái thang của tôi đã được trả tiền hẳn hoi; và ngay tôi đây, trong đời cũng đã từng bán lậu vài *bộ ruột máy đồng hồ*, chứ có không đâu."

Trang 373

- ... *vài bộ ruột máy đồng hồ*: mang lậu qua biên giới thì thường chỉ mang những ruột máy đồng hồ, chứ không mang cả vỏ cho nặng nề lịch kích.

Trang 383

- ... *trong cánh tay anh*: bản Bucci chưa là: "Bà đờ Rênan lao tới anh. Anh cảm thấy đầu của bà ngã trên vai anh, và cảm thấy bà ôm chặt anh và ấp má bà vào má anh".

Trang 384

- ... *bình minh...*: bản Bucci chưa là: "Xấu hổ quá! bà đờ Rênan nghĩ thầm, nhưng bà không còn gì có thể từ chối cái ý nghĩ xa cách vĩnh viễn nó làm cho bà chứa chan nước mắt. Bình minh..."

MỤC LỤC

<i>Xtăngdan (1783-1842) và cuốn tiểu thuyết</i>	
<i>Đỏ và Đen (1831).</i>	5
<i>Lời người dịch</i>	63

ĐỎ VÀ ĐEN quyển I

LỜI DẪN

CHƯƠNG I Một thành phố nhỏ	68
CHƯƠNG II Một ông thị trưởng	74
CHƯƠNG III Tài sản của người nghèo	79
CHƯƠNG IV Một người bố và một người con	87
CHƯƠNG V Một cuộc thương lượng	93
CHƯƠNG VI Buồn chán	105
CHƯƠNG VII Thanh khí tương đồng	117
CHƯƠNG VIII Những biến cố nhỏ	133
CHƯƠNG IX Một buổi tối ở thôn quê	145
CHƯƠNG X Một trái tim lớn và một danh phận nhỏ	158
CHƯƠNG XI Một buổi tối	163
CHƯƠNG XII Một chuyến đi	171
CHƯƠNG XIII Đôi bít tất thêu rua	181
CHƯƠNG XIV Cái kéo Anh	189
CHƯƠNG XV Tiếng gà gáy	194
	451

CHƯƠNG XVI Ngày hôm sau	200
CHƯƠNG XVII Viên phụ tá thứ nhất	214
CHƯƠNG XVIII Một ông vua đến Verie	214
CHƯƠNG XIX Suy nghĩ làm sao cho đau khổ	234
CHƯƠNG XX Những thư nặc danh	248
CHƯƠNG XXI Đối thoại với một vị chúa tể	255
CHƯƠNG XXII Những cung cách năm 1830	276
CHƯƠNG XXIII Nỗi phiền muộn của một vị quan chức	295
CHƯƠNG XXIV Một đô thành	316
CHƯƠNG XXV Chủng viện	326
CHƯƠNG XXVI Thế gian, hay cái thiếu thốn của người giàu	337
CHƯƠNG XXVII Kinh nghiệm đầu tiên về cuộc đời	353
CHƯƠNG XXVIII Một đám rước	359
CHƯƠNG XXIX Bước tiến thân đầu tiên	370
CHƯƠNG XXX Một người tham vọng	393
<i>CHÚ THÍCH</i>	419

HẾT TẬP I

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN PHÁP

BÀ NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM

Alécxăng Đuyma

BÀ BÔVARY

Guyxtavơ Flôbe

CARMEN

Prôxpe Mêrimê

ĐỎ VÀ ĐEN

Xtăngđan

MỐI TÌNH ĐẦU CỦA NAPOLEON - Giác mộng Tình Yêu

Annemarie Selinko

NHÀ THỜ ĐỨC BÀ PARI

Vichto Huygô

NHỮNG NGƯỜI KHÔN KHỔ

Vichto Huygô

PAPILLON người tù khổ sai

Henri Charrière

QUÁN RƯỢU

Emin Zôla

NXB VN - NXB VH và FAHASA TP. HCM LIÊN KẾT XUẤT BẢN



0049866

GIÁ 36.000đ